

CUỐN SÁCH GIÀNH GIẢI MAN BOOKER 2000



*The
International
Bestseller*

TAY

SẮT THỦ

MÙ

MARGARET
ATWOOD

TAY SẮT THỦ MÙ



Tác giả: Margaret Atwood

Người dịch: An Lý

Phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2015

ebook©vctvegroup

Hãy tưởng tượng vị hãn Agha Mohammed, kẻ đã lệnh đem hạ sát hoặc chọc cho mù mắt toàn bộ dân thành Kerman, không từ một ai. Đội cận vệ hăm hở bắt tay vào việc. Chúng gom cư dân thành hàng, người lớn cắt đầu, trẻ con khoét mắt... Về sau, đàn đàn lũ lũ trẻ con mù rời khỏi đô thành. Một số, sau khi xiêu dạt nơi thảo dã, lạc đường trong sa mạc mà chết khát. Số khác tìm được tới nơi người ở... hát những bài ca về cuộc tận diệt gái trai già trẻ Kerman...

- RYSZARD KAPUŚCIŃSKI

Ta bơi, biển khơi vô tận, nhìn chẳng thấy bờ.

Tanit nguyệt thần không biết xót thương, ta nguyện cầu, người đèn đáp.

Hỡi kẻ kia chìm trong bể ái, hãy nhớ về ta.

- KHẮC TRÊN BÌNH TRO THỜI CARTHAGE

Lời là lửa cháy trong lòng kính tôi.

- SHEILA WATSON

I

CÂY CẦU

Mười ngày sau khi chiến tranh kết thúc, Laura em tôi lái xe lao khỏi cầu. Cầu đang sửa, nó phi thẳng qua biển báo Nguy hiểm. Chiếc xe rơi ba chục mét xuống vực, bổ qua những ngọn cây lơ thơ trở lá, rồi cháy bùng bùng lăn xuống lòng con suối nông choèn dưới đáy. Từng tảng ván cầu lả tả rơi lên trên. Em tôi không còn lại gì ngoài tro tàn than vụn.

Tôi được tin từ một viên cảnh sát: xe là xe tôi, họ tra ra biển số. Anh ta tỏ ra lễ độ: hẳn nhiên anh ta nhận ra họ Richard. Anh ta nói có lẽ bánh bị kẹt vào rãnh xe điện hoặc phanh bị hỏng, nhưng anh cũng có bốn phân báo tôi biết có hai người - một luật sư về hưu và một thu ngân ở nhà băng, toàn những người đáng tin tưởng cả - tự nhận đã chứng kiến từ đầu đến cuối. Họ cho biết Laura đã chủ động quành xe rất gắt, và đâm qua tường cầu thản nhiên cứ như đang bước trên hè xuống. Họ có nhận ra tay em tôi vẫn đặt trên vô lăng nhờ đôi găng trắng.

Không phải tại phanh, tôi nghĩ. Nó có những lý do riêng. Không bao giờ giống lý do của ai khác. Về mặt đó nó tàn nhẫn vô cùng.

“Tôi nghĩ các anh cần người nhận dạng,” tôi nói. “Tôi sẽ cố gắng xuống đó ngay khi được.” Tôi nghe giọng mình vang lên bình tĩnh, như từ xa vọng lại. Thực tế tôi hầu như không thốt được thành lời; miệng tôi tê dại, mặt sắt lại vì đau. Cảm giác như vừa đi nhỡ răng. Tôi tức muốn điên vì việc Laura đã làm, và còn vì viên cảnh sát cả gan ám chỉ nó đã làm thế. Một luồng gió nóng đang cuộn quanh đầu tôi, những cọng tóc bị bốc lên ngoằn ngoèo trong gió, như mực loang trong nước.

“Tôi e rằng sẽ có điều tra, thưa bà Griffen,” anh ta nói.

“Tôi hiểu mà,” tôi đáp. “Nhưng đây là tai nạn thôi. Em gái tôi chưa bao giờ lái xe thành thạo cả.”

Tôi hình dung khuôn mặt trái xoan của Laura, búi tóc cài trâm gọn, chiếc áo chần hần nó mặc lúc ấy: áo chần eo cổ tròn khoét hẹp, một màu nghiêm

ngọt - xanh nước biển hoặc xám ánh thép, hoặc lá cây thứ màu hành lang bệnh viện. Những màu thông hối - nhìn không giống đồ tự chọn, mà như đồ ép mặc trước khi nhốt lại. Nụ cười nửa miệng nghiêm trang; đôi mày nhướng lên kinh ngạc, như là nó đang chiêm ngưỡng khung cảnh trước mắt.

Găng tay trắng - cử chỉ học của Pontius Pilatus^[1]. Nó đang rửa tay cho sạch khỏi tôi. Khỏi tất cả chúng tôi.

Nó nghĩ gì khi chiếc xe bay bổng khỏi cầu, lơ lửng giữa hoàng hôn đầy nắng, lấp loáng như cánh chuồn trong khoảnh khắc nín hơi trước lúc bổ nhào? Nghĩ tới Alex, tới Richard, tới lòng man trá, tới cha chúng tôi và cuộc lụn bại của ông; có lẽ là tới Chúa, và cuộc thỏa thuận tay ba chết người của nó. Hay tới tập vở học trò rẻ tiền hẳn nó đã giấu vừa sáng hôm ấy, trong ngăn để tất của tôi, vì biết tôi sẽ là người tìm thấy.

Khi viên cảnh sát đi rồi tôi lên lầu thay áo. Muốn tới nhà xác tôi cần găng tay, và mũ có mạng. Để che đôi mắt. Có thể sẽ có nhà báo. Tôi sẽ phải gọi taxi. Cũng cần báo trước cho Richard lúc này đang ở văn phòng; chắc sẽ muốn chuẩn bị trước vài lời ai điếu. Tôi vào phòng thay đồ cần có đồ đen, và khăn tay nữa.

Tôi mở ngăn kéo, nhìn thấy tập vở. Tôi tháo nắm chun chẳng chịt buộc ngoài. Tôi nhận ra rằng mình đang va lập cập, người mình đang lạnh từ đầu đến chân. Chắc đang bị sốc, tôi kết luận.

Trong đầu tôi lúc đó nhớ lại Reenie, từ hồi chúng tôi còn nhỏ. Luôn là Reenie lo lấy bông băng, băng những vết trầy xước hay đứt tay và các thương tích vặt khác: mẹ đang nghỉ, hoặc đi làm việc thiện ở đâu đó, nhưng Reenie thì luôn có mặt. Chị sẽ túm lấy chúng tôi đặt ngửa lên bàn men trắng trong bếp, cạnh chỗ bột làm bánh đang nhào hay con gà đang chặt hoặc con cá đang làm ruột, và dúi cho cục đường đen để chúng tôi ngậm miệng. *Nói xem đau ở đâu nào, chị bảo. Đừng có rú lên nữa. Bình tĩnh lại rồi bảo cho tôi đau ở đâu.*

Nhưng có những người không thể nói được đau ở đâu. Không thể bình tĩnh lại. Thậm chí không thể ngừng rú lên.

NGÔI SAO TORONTO, 26 THÁNG NĂM 1945 NGHI VẤN ĐẶT RA TỬ CÁI CHẾT TRONG THÀNH PHỐ

Bản tin độc quyền

Nhân viên điều tra đã kết luận chính thức cái chết xảy ra ở đại lộ St. Clair tuần trước là do tai nạn. Cô Laura Chase, 25 tuổi, đang đi theo hướng Đông-Tây chiều ngày 18 thì chiếc xe chệch đường lao qua lớp ba-ri-e ngăn khu vực đang sửa chữa trên cầu, đâm xuống vực núi bên dưới và bốc cháy. Cô Chase đã chết tức khắc. Chị của cô, bà Richard E. Griffen, vợ nhà công nghiệp nổi tiếng, đã chứng nhận cô Chase mắc chứng đau đầu nặng ảnh hưởng đến thị lực. Khi trả lời chất vấn, bà Griffen đã bác bỏ khả năng say rượu bởi cô Chase không uống rượu bao giờ.

Theo cảnh sát, một trong những nguyên nhân chính là bánh xe bị kẹt vào rãnh xe điện lộ thiên. Có nghi vấn về chất lượng những biện pháp an toàn của chính quyền thành phố, nhưng đã bị phản bác sau khi tham khảo ý kiến chuyên môn của công trình sư thành phố Gordon Perkins.

Tai nạn này đã dấy lên lại làn sóng kiến nghị về tình trạng rãnh xe điện ở đoạn đường này. Ông Herb T. Jolliffe, đại diện cho dân đóng thuế sở tại, nói với phóng viên tờ *Ngôi sao* đây không phải là tai nạn đầu tiên gây ra bởi những đoạn rãnh bị bỏ bê. Hội đồng thành phố cần chú ý tới vấn đề này.

TAY SÁT THỦ MÙ. TÁC GIẢ LAURA CHASE. *NXB Reingold, Jaynes & Moreau, New York, 1947*

MỞ: CÂY LƯU NIÊN TRỒNG VƯỜN ĐÁ

Cô có một tấm ảnh duy nhất chụp anh. Cô nhét trong một phong bì nâu trên có đề *Cắt từ báo*, và giấu phong bì trong cuốn *Cây lưu niên trồng vườn đá*, nơi ngoài cô sẽ chẳng ai ngó ngàng.

Cô đã giữ gìn tấm ảnh cẩn thận, vì đấy gần như là tất cả những gì còn lại về anh. Ảnh đen trắng, chụp bằng thứ máy ảnh hộp có flash lờ mờ cồng kềnh từ dạo trước chiến tranh, có cái vòi voi xếp nếp như đàn phong cầm bỏ trong hộp da càu kỳ trông như rọ mõm, dây da khóa thép lằng nhằng. Ảnh chụp hai người với nhau, cô với người ấy, hôm picnic. Chữ *Picnic* viết ở mặt sau, bằng bút chì - không có tên anh hay tên cô, chỉ là *picnic*. Tên hai người cô biết, không phải viết vào.

Họ đang ngồi dưới gốc cây; có lẽ là cây táo, lúc ấy cô không chú ý đến cái cây. Cô mặc sơ mi trắng tay xắn đến khuỷu, váy xòe dóm lại quanh gối. Chắc là có gió nhẹ, vì vạt áo cô bị gió thổi dán vào người; hoặc có thể không phải gió thổi, có thể chỉ là dính vào; có thể là do nóng. Đúng là do nóng. Đưa tay khua trên tấm ảnh, cô vẫn còn cảm thấy hơi nóng dâng lên, như hòn đá lúc nửa đêm phả hơi nóng.

Người kia đội mũ màu sáng, kéo sụp trên đầu, che khuất một phần khuôn mặt. Mặt anh trông bắt nắng sạm hơn cô. Cô xoay nửa người lại phía anh, mỉm cười, một nụ cười cô không nhớ có dành thêm cho ai từ dạo ấy. Trong ảnh trông cô rất trẻ, rất non, dù lúc ấy cô không nghĩ mình non trẻ. Anh cũng đang cười - hàm răng trắng loáng lên như que diêm vừa xòe lửa - nhưng tay lại giơ ra, như muốn đùa cợt chặn cô lại, hoặc ngược lại che chắn mình khỏi ống kính, khỏi cái người ắt hẳn đang ở đó chụp ảnh; hoặc có khi che chắn mình khỏi những con mắt tương lai có thể đang nhìn anh, nhìn anh qua ô cửa sổ vuông sáng ngời bằng giấy trắng này. Như che chắn

mình khỏi cô. Như che chắn cho cô. Trong bàn tay giờ ra che chắn, có một đầu mẫu thuốc lá.

Mỗi khi nghĩ một mình cô lại lấy cái phong bì nâu, lôi tấm ảnh ra từ giữa các mảnh báo cắt. Cô đặt trên mặt bàn, nhìn chăm chăm, như đang nhìn vào lòng giếng hay mặt hồ - nhìn qua đằng sau bóng mình tìm kiếm một thứ gì khác, một thứ cô đã nhớ tay đánh rơi, ngoài tầm với nhưng vẫn còn hiển hiện, lấp lờ như viên ngọc lẫn trong cát. Cô xem kỹ từng chi tiết. Mấy ngón tay anh, trắng xóa vì đèn flash hay nắng chói; nếp áo quần hai người; lá trên cây, và những quả tròn nhỏ nhỏ đung đưa trên đó - rốt cuộc là táo hay là không? Lớp cỏ xác xơ ở tiền cảnh, cỏ vàng úa vì mấy ngày đó trời hanh.

Ở phía bên kia - thoát nhìn thì chưa nhận ra - có một bàn tay, đứt ngang mép ảnh, vết kéo cắt ngay cổ tay, đặt trên mặt cỏ như bị bỏ rơi. Mặc cho tự xoay sở lấy.

Vệt mây nâu trên bầu trời sáng rõ, như kem vấy trên nền crom. Những ngón tay anh ám khói. Nước lấp lánh đằng xa xa. Giờ đã chìm cả.

Đã chìm, nhưng còn lung linh.

II

TAY SÁT THỦ MÙ: QUẢ TRÚNG LUỘC

Bây giờ thế nào đây? anh hỏi. Áo đuôi tôm trong bữa tối dưới ánh nến, hay đắm tàu trên bờ biển không người? Cô cứ chọn đi: hoang đảo nhiệt đới hay núi cao rừng thẳm. Hay một chi ều không gian khác - đấy là món tử của tôi.

Một chi ều không gian khác hả? Thiệt tình!

Đừng có cười, một địa điểm sinh lời đấy. Ở đó cái gì cũng có thể xảy ra. Tàu vũ trụ với đồng phục bó sát nhé, súng bức xạ nhé, người sao Hỏa trông như mực ống khổng lồ nhé, đại loại thế.

Anh cứ chọn, cô nói. Anh là chuyên gia mà. Sa mạc được không nhỉ? Tôi lúc nào cũng muốn đi xem sa mạc. Có ốc đảo nữa, hẳn rồi. Vài cây chà là nữa cũng hay. Cô đang xé phần vỏ khỏi lát bánh kẹp. Cô không thích ăn vỏ bánh.

Sa mạc thì chẳng có mấy triển vọng. Chẳng có mấy bài trí, trừ phi thêm vào mấy ngôi mộ. Rồi cô có thể cho một đội đàn bà trần truồng đã chết từ ba ngàn năm nay, thân hình khêu gợi uốn éo, môi đỏ như hồng ngọc, tóc xoắn bồng bênh rồi bôi màu thiên thanh, mắt như những hồ rắn độc. Nhưng tôi không nghĩ mình ấn được cho cô mấy thứ đó. Man rợ không hợp khẩu vị cô.

Anh biết đâu được. Nhớ tôi thích thì sao.

Tôi ngờ lắm. Loại đó chỉ dành cho đám đông láo nháo. Mặc dù bìa tạp chí thì chuộng lắm: các nàng ấy oằn oại bu lấy một anh chàng, chắc phải dùng súng súng đập mới tản đi.

Cho tôi cả chi ều không gian ngoài vũ trụ, lẫn cả mộ và đàn bà chết, nhé?

Đòi hỏi tham lam thế, nhưng để xem xem tôi làm được gì. Tôi có thể cho thêm vài cô trinh nữ hiến sinh, mặc yếm thép, đeo xích bạc ở cổ chân, áo tề trong suốt. Và một bầy sói đói gào, khuyến mãi thêm.

Tôi thấy anh sẽ không từ thứ gì.

Vậy cô muốn áo đuôi tôm chẳng? Du thuyền với cổ cồn trắng, hôn nhẹ lên cổ tay và những lời đường mật giả nhân nghĩa nhé?

Không. Thôi được rồi. Anh cứ làm gì anh ưa nhất.

Hút thuốc không?

Cô lắc đầu từ chối. Anh châm một điếu cho mình, quẹt diêm vào móng tay.

Anh sẽ tự đốt cháy mình mất thôi, cô nói.

Cho đến giờ thì chưa.

Cô nhìn cổ tay áo sơ mi anh xắn lên, màu trắng hay là xanh rất nhạt, rồi cổ tay anh, bàn tay màu nâu sẫm hơn. Anh như phát sáng, chắc là do ánh nắng phản lại. Tại sao mọi người không nhìn cả về đây? Dù sao anh vẫn quá dễ lọt mắt, chẳng nên ra đây - giữa ngàn mắt chĩa vào. Xung quanh có người, ngồi hay nằm trên cỏ, chống khuỷu tay tựa mình - những người khác cũng đang picnic, trang phục hè màu sáng. Rất đường đường chính chính. Nhưng cô vẫn không khỏi cảm thấy chỉ có hai bọn họ với nhau; như cây táo trên đồi không phải cây mà là một cái lều, như quanh họ vẽ một vòng tròn phấn. Bên trong vòng tròn, họ vô hình trước tất cả.

Vũ trụ thì vũ trụ, anh nói. Cả mẹ và trình nữ với sói nữa - nhưng mà trả góp. Đồng ý không?

Trả góp là sao?

Tức là, như mua đồ ấy.

Cô bật cười.

Không, tôi nói thật đấy. Không thể ăn xổi được, có thể phải nhiều ngày. Chúng ta sẽ phải gặp nhau lần nữa.

Cô do dự. Được rồi, cô nói. Nếu được. Nếu tôi tìm được cách.

Tốt lắm, anh nói. Giờ để tôi nghỉ đã. Anh cố giữ giọng bình thường. Khăn khăn quá có thể khiến cô chùn lại.

Trên hành tinh - xem nào. Sao Thổ thì bỏ qua, gần quá. Trên hành tinh Zycron, ở một chiều không gian khác, có một bình nguyên ngồn ngàng gạch vụn. Phía Bắc bình nguyên là biển, nước màu xanh tím than. Phía Tây là một dãy núi, nghe đồn khi hoàng hôn xuống đây là chốn tung hoành của những ma nữ khát máu làm chủ khu cổ mộ đồ nát trong lòng núi. Cô thấy không, tôi đã cho mồi mả vào ngay từ đầu.

Anh chu đáo quá, cô nói.

Tôi biết tuân thủ giao kèo. Đằng phía Nam là một miền cát cháy, còn phía Đông có vài thung lũng dốc đứng ngày xưa có thể từng là sông.

Tôi đoán chừng có cả kênh rạch nữa, như trên sao Hỏa?

Ờ, kênh rạch, và đủ thứ trên đời. khắp nơi là dấu vết một nền văn minh cổ đại từng đạt tới đỉnh cao, dù vùng này giờ đây chỉ còn thi thoảng điểm xuyết vài toán lũ hành thuộc những nhóm du mục nguyên sơ. Ở chính giữa bình nguyên có một đống đá rất to. Đất đai xung quanh cằn cỗi, có vài bụi cây còi cọc. Không hẳn là sa mạc, nhưng cũng chẳng khác nhiều. Còn bánh kẹp pho mát không?

Cô lục tìm trong túi giấy. Hết rồi, cô nói, nhưng còn một quả trứng luộc. Chưa bao giờ cô thấy vui đến thế. Mọi thứ trở lại tinh khôi, vẫn còn chờ thực hiện.

Chính xác là những gì bác sĩ khuyên dùng, anh nói. *Chai nước chanh, quả trứng luộc, và Em.* Anh lăn quả trứng giữa hai lòng bàn tay, đập vỏ, rồi bóc sạch. Cô nhìn ngắm miệng anh, quai hàm, đôi hàng răng.

Bên tôi hát giữa công viên thành phố, cô tiếp. Muối đây.

Cảm ơn. Cái gì cô cũng nhớ.

Bình nguyên cần cỗi này không thuộc quyền ai, anh nói tiếp. Hay đúng hơn nó là đối tượng tranh giành của năm bộ lạc, không thằng nào đủ mạnh để diệt bốn thằng kia. Mỗi bên đôi lúc lại đi qua đống đá, trên đường chần dất đàn *thulk* - một loài vật màu xanh tựa như cừu tính tình căm cău - hay vận chuyển hàng hóa rẻ tiền trên lưng một thứ lạc đà ba mắt.

Đống đá mang tên khác nhau trong từng ngôn ngữ của các bộ lạc, *Điểm Rắn Bay*, *Đống Đá Nát*, *Nhà Các Bà Mụ Rú Gào*, *Cửa Về Quên Lãng*, *Hố Xương Găm Vụn*. Mỗi bộ lạc kể về nó một sự tích tương tự nhau. Dưới đống đá kia, họ kể, có chôn một vị vua - một vị vua không có tên. Không chỉ vua, mà còn cả tàn dư của thành bang tráng lệ xưa kia ông ta cai trị. Thành bang bị hủy diệt trong một trận chiến, nhà vua rơi vào tay địch và bị treo cổ lên cây chà là để ăn mừng thắng lợi. Tới khi trăng mọc ông ta được hạ xuống đem chôn, đá chất lên là đánh dấu vị trí ấy. Những cư dân còn lại trong thành, họ đều chết cả. Bị làm thịt cả - đàn ông, đàn bà, con nít, sơ sinh, cả súc vật cũng không thoát. Kiếm xả xuống, băm thành mảnh vụn. Không sinh vật sống nào được buông tha.

Thật ghê rợn.

Chỉ cần cắm xẻng xuống đất hầu như bất cứ đâu là sẽ phơi ra một vật ghê rợn. Nhờ thế nên họ mới ăn nên làm ra, chúng tôi làm giàu được là nhờ xương, thiếu xương lấy đâu ra chuyện mà kể. Còn nước chanh không?

Không, cô nói. Chúng ta uống hết sạch rồi. Tiếp đi.

Tên thật của thành bang đã bị những kẻ chinh phục xóa sạch khỏi trí nhớ, và vì thế - theo lời những người kể chuyện - thành bang giờ chỉ còn được biết đến bằng tên đặt cho vụ hủy diệt. Đống đá như vậy vừa là một cử chỉ ghi nhớ cố ý, mà lại cũng là một cử chỉ lãng quên cố ý. Ở vùng này các nghịch lý rất được yêu chuộng. Cả năm bộ tộc đều nhận mình là kẻ chinh phục. Cả năm đều hả hê ôn lại cuộc tàn sát. Cả năm đều tin đó là thánh ý của thần tổ bộ lạc mình, là sự điều phạt công chính, trừ bỏ những hành vi tà đạo diễn ra trong thành này. Ác tà phải lấy máu mà rửa, họ bảo thế. Ngày hôm ấy máu đã chảy thành sông, hẳn là sau đó phải sạch sẽ vô cùng.

Mỗi mục đồng hoặc thương nhân đi qua lại đắp thêm một viên vào đống đá. Đây là phong tục cổ - làm thế để tưởng nhớ người chết, người thân thích của mình - nhưng vì không ai biết người nằm dưới đá kia thực sự là ai, người nào cũng chất đá lên cầu may. Để bào chữa họ lý giải rằng sự kiện xảy ra ở đây hẳn phải do ý nguyện thần tổ của mình, và như thế đặt đá vào là xưng tán ý nguyện đó.

Còn có chuyện kể rằng thực ra thành bang không bị tiêu diệt. Thay vào đó, nhờ một bùa phép chỉ mình nhà vua biết, thành bang cùng mọi cư dân đã bị đưa đi mất, để lại những bóng ma thay thế, và quân giặc chỉ đem thiêu và giết chóc những bóng ma này. Thành bang thật thì bị thu lại rất nhỏ đặt vào hốc dưới chân đống đá. Tất cả mọi thứ vẫn còn nguyên vẹn, kể cả cung điện và các khu vườn thượng uyển đầy hoa, kể cả dân thành - nhỏ leo teo như kiến, nhưng vẫn sinh hoạt chẳng khác trước đây - mặc những áo quần nhỏ xíu, tổ chức những bữa tiệc nhỏ xíu, kể những câu chuyện nhỏ xíu và hát những bài ca nhỏ xíu.

Chỉ mình nhà vua biết chuyện đã xảy ra và hằng đêm vẫn lên cơn ác mộng, mọi người còn lại không ai biết. Họ không biết mình đã nhỏ tí teo đi như thế. Họ không biết người đời đã nghĩ mình chết rồi. Họ còn không biết mình đã được cứu thoát. Trước mắt họ tảng đá trên đầu nhìn giống như bầu trời: ánh sáng lọt vào qua khe giữa các hòn đá, và họ nghĩ đó là nắng trời.

Lá trên cây táo xào xạc. Cô nhìn lên trời, rồi nhìn xuống đống hồ Lạnh quá, cô nói. Mà tôi bị muộn rồi. Anh thử tiêu mấy tang vật này đi được không? Cô nhặt nhanh những mảnh vỏ trứng, vỏ nhàu giấy gói.

Cô không vội chứ hẳn? Ở đây không lạnh.

Đang có gió thổi đến từ phía sông, cô nói. Chắc gió đổi chiều. Cô nhồm lên, xoay người định đứng dậy.

Đừng đi vội, anh nói, hơi quá vội vã.

Tôi phải về thôi. Họ sẽ tìm tôi mất. Nếu tôi về muộn, họ sẽ truy xem tôi ở đâu.

Cô vượt lại váy cho phẳng, rùng mình ôm lấy người, quay đi, những quả táo nhỏ màu xanh đưa mắt nhìn theo.

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 4 THÁNG SÁU, 1947

ĐÃ TÌM THẤY GRIFFEN TRONG THUYỀN

Bản tin độc quyền

Sau khi vắng mặt không rõ nguyên do mất vài ngày, thì thể nhà công nghiệp Richard E. Griffen, bốn mươi bảy tuổi, người có nhiều khả năng trở thành ứng cử viên đại diện chi đảng Bảo thủ tiến bộ quận St. David ở Toronto, đã được phát hiện gần nhà nghỉ mùa hè “Avilion” thị trấn Căng Ticonderoga, nơi ông đang về nghỉ. Ông Griffen được tìm thấy trong thuyền, chiếc *Thủy Nữ Tinh*, đang neo vào cầu tàu tư trên dòng Jogues. Khám nghiệm sơ bộ cho thấy ông bị xuất huyết. Cảnh sát báo cáo rằng không có nghi vấn về âm mưu ám hại nào.

Ông Griffen đã xây dựng một sự nghiệp kỳ vĩ, là ông chủ một đế quốc công nghiệp trải rộng nhiều lĩnh vực gồm cả dệt may và công nghiệp nhẹ, từng được ca tụng vì thành tích cung cấp phụ kiện để phục vụ và linh kiện vũ khí cho quân đội Đồng minh trong chiến tranh. Ông thường xuyên dự các buổi gặp gỡ tại ngôi nhà ở Pugwash của nhà công nghiệp Cyrus Eaton, và là nhân vật hàng đầu ở cả câu lạc bộ Đế quốc lẫn câu lạc bộ Granite. Ông là một môn thủ cừ khôi và là tên tuổi quen thuộc ở câu lạc bộ Thuyền buồm hoàng gia Canada. Thủ tướng chính phủ, qua điện thoại tại tư gia “Kingsmere”, đã nhận định, “Ông Griffen là một trong những con người tài năng nhất của đất nước ta. Sự ra đi của ông là một tổn thất nặng nề”

Ông Griffen là anh rể cô Laura Chase đã quá cố, có cuốn tiểu thuyết đầu tay vừa ra mắt mùa xuân vừa qua sau khi qua đời. Tang quyến gồm có em gái, bà Winifred (Griffen) Prior, nhà hoạt động xã hội nổi danh, và vợ ông là bà Iris (Chase) Griffen, cùng với con gái mười tuổi Aimee. Tang lễ sẽ được tổ chức tại Toronto, nhà thờ Thánh tông đồ Simon vào thứ Tư tới.

TAY SÁT THỦ MÙ: GHẾ ĐÁ CÔNG VIÊN

Tại sao lại có người, ở Zycron ấy? Ý tôi là người thường giống như chúng ta. Nếu là một chi ều không gian khác, lẽ ra phải là thần lẩn biết nói hay gì đó chứ?

Chỉ báo lá cải mới nói vậy thôi, anh đáp. Toàn chuyện bịa cả. Thực tế là thế này: Zycron gửi người đến Trái đất định cư, do đã nắm được bí quyết du hành qua các chi ều không gian khoảng vài thiên niên kỷ sau thời kỳ chúng ta đang kể. Họ đáp xuống đây vào tám ngàn năm trước. Họ mang theo rất nhiều giống cây, vì thế chúng ta mới có cam hay táo, lại chuối nữa chứ - chỉ nhìn là biết chuối là thứ từ hành tinh khác tới. Họ mang đến cả động vật, ngựa chó dê và nhiều thứ nữa. Chính họ đã kiến tạo lục địa Atlantis. Rồi họ tự làm mình nổ tung vì quá thông minh. Chúng ta là hậu duệ của đám tụt hậu.

À, cô nói. Thế là rõ cả. Tiện cho anh quá rồi.

Đáp án cấp cứu đấy. Còn về các chi tiết khác, Zycron có bảy đại dương, năm mặt trăng, ba mặt trời, kích cỡ và màu sắc khác nhau.

Màu gì? Sô cô la, va ni và dâu?

Cô nghe tôi không nghiêm túc.

Xin lỗi. Cô nghiêng đầu về phía anh. Giờ tôi đang chăm chú nghe này. Thấy chưa?

Anh tiếp: Trước cuộc hủy diệt, người ta nói thành bang ấy - ta hãy gọi bằng cái tên lúc trước, Sakiel-Norn, tạm dịch là Viên Ngọc Số Phận - là một kỳ quan thế giới. Ngay cả những kẻ tự nhận tổ tiên mình đã tiêu diệt nó cũng vô cùng hào hứng miêu tả vẻ đẹp của đô thành. Suốt tự nhiên được nắn lại cho chảy qua những đài phun chạm trổ cầu kỳ trong sân vườn lát gạch của vô số cung điện. Hoa sum suê khắp nơi, và khắp nơi chim chóc hót vang lừng. Gần quanh đô thành những đồng cỏ xanh rờn thả hàng đàn

gnarr béo tròn gặm cỏ, lại thêm những vườn cây ăn trái, khóm rừng và rừng già cao vút còn chưa bị đám thương nhân đồn đi hay kẻ thù ác ý thiêu trụi. Những khe sâu khô cạn lúc ấy còn là sông; kênh tưới dẫn nước sông vào những cánh đồng quanh đô thành, và đất màu đến nỗi nghe đến bề ngang hạt thóc đo được tới bảy phân.

Tầng lớp quý tộc ở Sakiel-Norn gọi là Snilfard. Họ là những thợ kim khí lành nghề chế ra nhiều máy móc cơ khí tinh xảo dựa theo những bí quyết được giữ gìn rất mật. Tới thời kỳ này họ đã phát minh ra đồng hồ ná, máy bơm tay, dù chưa tới được động cơ đốt trong và vẫn còn vận chuyển bằng súc vật.

Đàn ông Snilfard đeo mặt nạ dẹt bằng sợi bạch kim, ôm lấy cử động theo da mặt, nhưng giúp che đi cảm xúc thật của người đeo. Phụ nữ đeo mạng bằng thứ vải mềm như lụa, kéo từ kén con tằm *chaz*. Hình phạt cho ai không phải Snilfard mà lại dám che mặt là tội tử hình, vì chỉ có giới thượng lưu mới có đặc quyền bất khả xâm phạm hay giấu giếm. Tầng lớp Snilfard ăn mặc xa hoa, tinh thông âm nhạc và chơi nhiều loại nhạc cụ khác nhau để phô bày tài năng và thị hiếu của mình. Họ thuê dẹt những chuyện thâm cung bí sử, mở những yến tiệc hoành tráng, và phải lòng vợ của nhau một cách cần kỳ. Đã xảy ra nhiều cuộc thách đấu vì tình ái, dù các đức ông chồng sẽ được tán đồng hơn nếu vờ như không biết gì.

Đám tiểu nông, nông nô và nô lệ gọi chung là Ygnirot. Họ mặc áo thụng xám tối tàn, trên một vai - đàn bà để hở cả một bên vú và, khỏi cần phải nói, là mồi ngon cho các ông chủ Snilfard. Người Ygnirot thù hận số mệnh mình, nhưng che giấu bằng cách tỏ ra đần độn. Lúc lúc họ lại dấy loạn lật đổ, để rồi bị đàn áp tàn khốc. Cùng đình xã hội là đám nô lệ, có thể bị mua đi bán lại hay giết chết tùy hứng. Luật cấm họ đọc chữ, nhưng họ dùng đá vạch lên mặt đất trao đổi nhờ ám hiệu riêng. Lớp Snilfard thắng họ vào cày.

Nếu có ai trong tầng lớp Snilfard phá sản, người đó có thể phải xuống làm Ygnirot. Cũng có thể tránh nổi bất hạnh đó bằng cách bán vợ con trang trải nợ nần. Ygnirot lên làm Snilfard thì hiếm hơn, bởi đường lên dốc bao giờ cũng cực hơn xuống dốc: dù có gây dựng đủ của cải và cưới được một cô

vợ Snilfard cho mình hoặc con mình, vẫn cần một khoản đấm mõm khá khá, và cũng còn lâu hẵn ta mới được chấp nhận vào xã hội thượng lưu.

Tôi thấy là cái Bôn sê vích của anh cuối cùng cũng xuất đầu lộ diện, cô nói. Tôi biết thế nào anh cũng tới bước đó, sớm hay muộn thôi.

Ngược lại thì có. Xã hội tôi đang mô tả dựa trên hình mẫu Lưỡng Hà cổ đại. Nó được ghi lại trong bộ luật Hammurabi, luật của người Hittite và nhiều nữa. Ít ra là một phần, về mạng che mặt, ít nhất là thế, và bán vợ đợ con nữa. Tôi có thể dẫn số chương và đi đầu cho cô nghe.

Thôi đừng chương với đi đầu hôm nay, làm ơn, cô nói. Tôi không đủ sức đâu, tôi yếu lắm rồi. Tôi đang héo rũ.

Đang là tháng Tám, nóng như thiêu. Hơi ẩm lảng vảng quanh họ như một lớp sương vô hình. Bốn giờ chiều, ánh sáng vàng như bơ chảy. Họ ngồi trên ghế đá công viên, không sát quá; bên trên là cây thích lá quắt queo, dưới chân đất nứt nẻ, xung quanh cỏ vàng úa. Mẫu vỏ bánh mì chim rĩa qua, giấy vò nát. Không gian còn xa mới gọi là lý tưởng. Một máy nước uống chảy ri rĩ; cạnh đó ba đứa trẻ lôi thôi lếch thếch, một con bé mặc đồ bó sát toàn thân và hai thằng bé đánh quàn cộc, đang chụm đầu bàn mưu tính kế.

Áo cô mặc màu vàng anh thảo; tay cô để trần đến khuỷu, lớp lông tơ mịn màu sáng. Cô đã cởi đôi găng vải bông, vo thành một cục, hai tay run run. Anh không ngại khi thấy cô căng thẳng: anh thích nghĩ ngay từ giờ cô đã phải đánh đổi gì đó vì mình. Cô đang đội mũ nan, vành tròn như mũ bé gái; tóc kẹp sau gáy, một lọn âm ẩm tuột ra. Người ta thường cắt các lọn tóc, để dành lại, đeo trong mặt dây chuyền; hoặc nếu là đàn ông thì bỏ cạnh trái tim. Anh chưa từng hiểu vì sao, cho đến giờ.

Cô nói mình đi đâu? anh hỏi.

Đi mua sắm. Nhìn túi hàng này. Tôi đã mua ít tất dài, loại tốt lắm - lựa hàng đầu đấy. Mặc vào cứ như không mặc. Cô hơi mỉm cười. Tôi chỉ có mười lăm phút thôi.

Cô đánh rơi một chiếc găng, nó nằm dưới chân cô. Anh đang để mắt canh. Nếu cô đi mà bỏ quên, anh sẽ chiếm lấy nó. Hít lấy hơi cô, khi cô vắng mặt.

Khi nào tôi gặp được cô? anh nói. Ngọn gió nóng lay động lá, ánh nắng rơi qua, phấn hoa bay khắp quanh cô, một mảng mây vàng. Thực tình thì chỉ là bụi.

Anh đang gặp tôi thôi, cô nói.

Đừng thế chứ, anh nói. Nói đi. Da trên khoảng cổ áo cô để hở sáng lên, màng m ồ hôi mỏng.

Tôi chưa biết được, cô nói. Cô ngoái lại qua vai, liếc khắp công viên.

Không có ai quanh đây đâu, anh nói. Không ai quen cô cả.

Chẳng ai biết được khi nào thì có, cô nói. Chẳng ai biết được mình quen ai.

Cô nên kiếm một con chó, anh nói.

Cô bật cười. Chó à? Tại sao?

Như thế sẽ có lý do. Cô có thể dắt ra ngoài đi dạo. Tôi và con chó.

Con chó sẽ ghen tị với anh, cô nói. Và anh sẽ nghĩ tôi thích con chó hơn.

Nhưng cô sẽ không thích con chó hơn đâu, anh nói. Phải không?

Cô mở to mắt. Tại sao không?

Anh nói, Chó không biết nói.

NGÔI SAO TORONTO, 25 THÁNG TÁM, 1975

CHÁU GÁI NỮ VĂN SĨ GẶP NẠN

Bản tin độc quyền

Aimee Griffen, ba mươi tám tuổi, con gái nhà công nghiệp tài ba Richard E. Griffen quá cố, cháu gái nữ tiểu thuyết gia tên tuổi Laura Chase, được phát hiện đã chết trong căn hộ tầng hầm phố Church thứ Tư vừa qua, bị gãy cổ sau một cú ngã. Khi tìm thấy, cô Griffen đã chết ít nhất một ngày. Hai người hàng xóm là Jos và Beatrice Kelley được báo động nhờ cháu Sabrina bốn tuổi, con của cô Griffen, vẫn thường sang nhà họ ăn khi mẹ cháu vắng mặt.

Theo lời đồn, cô Griffen đã trải qua một thời gian dài vật lộn với chứng nghiện rượu và ma túy, phải nhập viện vài lần. Cháu Sabrina đã được đưa tới chỗ bà trẻ cháu là bà Winifred Prior chăm sóc trong thời gian chờ đi điều tra. Cả bà Prior lẫn mẹ của Aimee Griffen, bà Iris Griffen hiện sống ở Cảng Ticonderoga, đều không đưa ra bình luận gì.

Sự việc không may này là một minh chứng nữa cho tình trạng vô trách nhiệm của phúc lợi xã hội ở nước ta, và nhu cầu siết chặt luật pháp để tăng cường bảo vệ cho trẻ nhỏ gặp hoàn cảnh bất hạnh.

TAY SÁT THỦ MÙ: THẨM DỆT

Đường dây lèo rèo r ễ lạo xạo. Đang có sấm, hay kẻ nào nghe lén? Nhưng đây là điện thoại công cộng, chúng không thể dò ra anh.

Anh ở đâu đấy? cô hỏi. Anh không nên gọi đến đây.

Anh không nghe được tiếng thở của cô, tiếng cô đang thở. Anh muốn cô áp ống nghe lên họng, nhưng anh sẽ không đòi làm thế, chưa đâu. Tôi ngay gần nhà cô thôi, anh nói. Cách hai khối nhà. Tôi có thể đến công viên, cái vườn hoa nhỏ ấy, có đ ồng hồ mặt trời ấy.

Ồi, tôi nghĩ là...

Cứ lên ra thôi. Bảo cô cần hít thở không khí trong lành. Anh đợi.

Tôi sẽ thử xem.

Lối vào công viên có hai trụ đá làm cổng, tứ diện mái xiên, nhìn có hơi hướng Ai Cập. Tuy nhiên không có chữ khắc ca ngợi chiến thắng, hay hình chạm nổi kẻ thù quý đeo xi ềng. Chỉ có *Cấm Lăng Vắng* và *Không Thả Rồng Chó*.

Vào đây, anh nói. Tránh đèn đường.

Tôi không ở lâu được đâu.

Tôi biết. Tránh vào dưới đây. Anh nắm lấy tay cô, dẫn đường; cô run rẩy như sợi dây trong gió mạnh.

Đó, anh nói. Giờ thì không ai thấy ta. Khỏi sợ các bà già dắt chó xù.

Khỏi sợ cảnh sát vẫy dùi cui, cô nói. Cô khe khẽ cười. Ánh đèn lọt qua kẽ lá, làm trông trắng mắt cô lóa lên. Lẽ ra tôi không nên tới đây, cô nói. Liều lĩnh quá.

Có một băng ghế gần như khuất sau lùm cây. Anh cởi áo khoác trùm lên vai cô. Vải tuyết cũ, thuốc lá đã lâu, mùi khét nhẹ. Hơi có vị muối. Da anh vừa ở đó, sát vào lớp vải, giờ đến da cô.

Thế, cô sẽ được ấm hơn. Giờ ta sẽ bất tuân luật. Ta sẽ lảng vảng^[2].

Còn Thả Rông Chó thì sao?

Chúng ta sẽ bất tuân luôn cái đó. Anh không vòng tay ôm cô. Anh biết cô muốn thế. Cô đã đoán thế; cô cảm thấy trước bàn tay anh, như chim chóc cảm thấy bóng râm. Anh bận rộn quẩn điếu thuốc. Anh mời cô một điếu, lần này cô nhận. Diêm đánh lên chớp nhoáng giữa bốn bàn tay chụm lại. Những đầu ngón tay màu đỏ.

Cô nghĩ, Lửa sáng chút nữa sẽ thấy tận xương. Cũng như tia X. Con người chỉ là một thứ sương mù, là nước nhuộm phẩm. Mà nước thì luôn làm gì nó thích. Bao giờ cũng lao xuống dốc. Họng cô nuốt đầy khói.

Anh nói, Giờ tôi sẽ kể về lũ trẻ.

Lũ trẻ? Lũ trẻ nào?

Khoản trả góp tiếp theo, về Zycron, về Sakiel-Norn.

À. Phải.

Ở đó có trẻ con.

Chúng ta đâu có thỏa thuận có trẻ con.

Đây là trẻ con nô lệ. Chúng nhất thiết phải có. Không có chúng, tôi không kể tiếp được.

Tôi không nghĩ mình muốn có trẻ con ở đó.

Cô bảo tôi dừng lại lúc nào cũng được mà. Đâu có ai bắt cô nghe. Cô có quyền đi, như cảnh sát vẫn nói khi cô gặp vận đỏ. Anh giữ giọng bình thản. Cô không lùi ra.

Anh nói: Sakiel-Norn giờ chỉ là một ch ờng đá, nhưng một thời nó từng là một trung tâm giao thương ph ần vinh. Nó nằm ở đ ầu mỗi hội tụ ba tuyến đường xuyên lục địa: từ phía Đông, phía Tây, và phía Nam. Phía Bắc có kênh đào lớn đâm thẳng ra biển Bắc, ở đó có một hải cảng được phòng thủ vững vàng. Giờ không còn vết tích gì của những công trình đào đắp nữa: sau cuộc tru diệt, những khối đá tảng xây thành đã bị kẻ thù hoặc dân vắng lai bê đi đắp chu ờng gia súc, máng nước hay những pháo đài xây vội, hoặc bị sóng gió vùi lấp dưới cát bay.

Kênh đào và cảng biển xây lên bằng công sức nô lệ, một đi ều chẳng mấy lạ lùng: xác nô lệ lát con đường đưa Sakiel-Norn tới thịnh vượng và hùng mạnh. Nhưng thành bang còn nổi danh vì đ ồ thủ công nghệ, đặc biệt là hàng dệt. Bí quyết pha thuốc nhuộm của các nghệ nhân được bảo vệ kỹ, vải dệt của đô thành ngời sáng như mật ong chảy lỏng, như nước nho nghi ền tím, như chén máu bò mộng đỏ loang trong nắng. Những tấm mạng tinh xảo nhẹ như tơ nhện, thảm làm ra thì nhẹ và mềm đến nỗi người ta những tưởng mình đang giẫm trên mây, thứ mây kết dạng hình hoa lá và nước chảy.

Nên thơ lắm, cô nói. Tôi ngạc nhiên đấy.

Cứ coi như một cửa hàng bách hóa đi. Đây là những xa xỉ phẩm, xét cho cùng thì là thế. Như thế sẽ bớt nên thơ.

Thảm dệt ra đời này qua đời khác đ ầu nhờ trẻ con nô lệ, bởi chỉ có ngón tay trẻ con mới đủ nhỏ cho những động tác tinh vi đến thế. Nhưng những giờ dài dằng dặc sít sao khiến đám trẻ lên tám hay chín là thấy mù lòa, và người bán thảm dựa vào đó mà tính toán cũng như quảng bá giá trị hàng hóa. *Tấm thảm này đã khiến mười đứa trẻ mù đấy, họ rao thế. Tấm kia mười lăm đứa, tấm nữa hai mươi.* Bởi giá ti ền theo đó mà tăng, họ luôn luôn nói thách. Người mua thì đã quen khinh khỉnh trước những khẳng định hùng h ền đó. *Chắc chỉ đến bảy đứa, chỉ mười hai, chỉ mười sáu là cùng,* họ nói, tay mân mê tấm thảm. *Tấm này thô như giẻ lau bát. Tấm này đúng là chần ần mây. Tấm này chắc gnarr làm ra.*

Khi mất đã mù, bọn trẻ sẽ bị bán cho chủ chứa, cả gái lẫn trai. Muốn được đám trẻ này phục vụ sẽ phải trả rất nhiều tiền; bàn tay chúng cực đau yếm và khéo léo, nghe đồn thế, tới nỗi dưới những ngón tay chúng có thể cảm thấy hoa đang nở, sông đang tuôn trên chính da mình.

Chúng lại cũng lành nghề bẻ khóa. Những đứa thoát thân chuyển sang nghiệp cắt cỏ trong bóng tối, chúng là nguần cung đất giá trong thị trường giết thuê. Thính giác chúng nhạy ngoài sức tưởng tượng, chúng bước chân không ra tiếng, khe hở hẹp cỡ nào cũng lọt qua; chúng đánh hơi được đâu là người ngủ say còn đâu là kẻ chỉ đang chập chờn mơ. Chúng xuống tay nhẹ như cánh mồi lướt qua cổ. Chúng thường được coi là không biết thương xót. Nhắc đến chúng là nghe khiếp hãi.

Những câu chuyện đám trẻ rỉ tai nhau - trong lúc ng ồi dệt những tấm thảm bất tận, khi còn nhìn được - là về lối thoát này trong tương lai chúng. Câu châm ngôn lan truyền giữa chúng: chỉ khi mù mới được tự do.

Chuyện buồn quá, cô thì th ần. Anh kể cho tôi chuyện buồn thế làm gì.

Giờ họ đã chìm sâu hơn vào bóng tối. Tay anh rút cuộc cũng quàng lấy cô. Tự nhiên thôi, anh nghĩ. Đừng thành linh làm tới. Anh tập trung đi đầu hòa nhịp thở.

Tôi kể những chuyện tôi thạo kể, anh nói. Hơn nữa là chuyện cô sẽ tin. Cô sẽ không tin những lời ngọt ngào rỗng tuếch, phải không?

Ừ, tôi không tin.

Hơn nữa, chuyện này cũng không buồn tuyệt đối - một số đã thoát ra.

Nhưng chúng lại đi cắt cỏ người ta.

Chúng đâu có lựa chọn khác, phải không? Chúng không thể lọt vào giữa đám buôn thảm, hay chủ nhà chứa. Chúng không có đủ vốn tư bản. Vậy là phải lãnh lấy phần bẩn thỉu thôi. Chia buồn với chúng.

Đừng nên thế, cô nói. Lỗi đâu phải tại tôi.

Cũng không phải tại tôi. Cứ coi là chúng ta chẳng trốn được tội tổ tông phạm phải.

Anh đang tàn nhẫn không cần thiết, cô lạnh nhạt nói.

Có khi nào tàn nhẫn là cần thiết? anh nói. Và đến mức nào? Cô cứ đọc báo xem, tôi đâu có bịa ra thế giới. Dù sao tôi vẫn bênh vực những kẻ cắt cổ hơn. Nếu không cắt cổ là chết đói, thì cô sẽ chọn cái nào? Hay bán trôn nuôi miệng, vẫn còn có đường đó.

Giờ thì anh đi quá xa rồi. Anh đã để lộ mình tức giận. Cô gỡ mình khỏi anh. Bắt đầu rồi, cô nói. Tôi phải về thôi. Lá quanh họ xao động lo âu. Cô chìa tay ra, lòng bàn tay ngửa: có mấy giọt mưa. Tiếng sấm đã gần hơn. Cô tuột áo anh khỏi vai mình. Anh vẫn chưa hôn cô; anh sẽ không hôn cô, tối nay. Cô cảm thấy vậy, như một bản án đang đình lại.

Cô ra đứng ở cửa nhé, anh nói. Cửa sổ phòng ngủ ấy. Cứ để đèn. Chỉ cần đứng đó thôi.

Anh làm cô lo ngại. Để làm gì? Để làm gì cơ chứ?

Tôi muốn thế. Tôi muốn biết chắc cô được an toàn, anh thêm, dù chuyện này chẳng liên quan gì đến an toàn.

Tôi sẽ cố, cô nói. Chỉ một phút thôi. Còn anh ở đâu?

Dưới tán cây. Cây dẻ ấy. Cô không thấy tôi đâu, nhưng tôi sẽ ở đó.

Cô nghĩ, Anh biết cửa sổ ở đâu. Anh biết có cây gì. Chắc hẳn anh đã rình mò. Quan sát cô. Cô hơi rùng mình.

Mưa rồi, cô nói. Sắp ào ào thôi. Anh sẽ ướt mất.

Không lạnh đâu, anh nói. Tôi sẽ đợi.

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 19 THÁNG HAI 1998

Prior, Winifred Griffen. 82 tuổi, tại nhà ở Rosedale, sau cơn bệnh kéo dài. Khi bà Prior, nhà từ thiện đáng kính mất đi, thành phố Toronto đã mất một trong những nhà hảo tâm trung thành và kỳ cựu nhất. Là em gái nhà công nghiệp quá cố Richard Griffen và chị em thông gia với nữ tiểu thuyết gia nổi danh Laura Chase, bà Prior đã đứng trong ban quản trị Dàn nhạc giao hưởng Toronto những ngày đầu thành lập, và gần đây là cả ủy ban tình nguyện đi đầu hành Phòng trưng bày nghệ thuật Ontario và Hiệp hội ung thư Canada. Bà cũng hoạt động trong cả câu lạc bộ Granite, câu lạc bộ Nữ thi thần, Liên hội phụ nữ, và Liên hoan kịch nói Canada. Tang quyến còn lại cháu họ bà là Sabrina Griffen, hiện đang du hành ở Ấn Độ.

Tang lễ sẽ diễn ra vào sáng thứ Ba ở nhà thờ Thánh tông đồ Simon, tiếp đó hạ huyệt ở nghĩa trang Mount Pleasant. Thay cho hoa viếng xin quyên góp cho bệnh viện Công nương Margaret.

TAY SÁT THỦ MÙ: TRÁI TIM VỄ SON

Chúng ta có bao lâu? anh hỏi.

Khá nhiều, cô nói. Hai hay ba giờ gì đó. Họ đều đi cả rồi.

Đi làm gì?

Không rõ nữa. Đi làm tí ền. Mua mua bán bán. Thiện nguyện. Trăm thứ bà rần. Cô vén một lọn tóc ra sau tai, ng ồi lại cho thẳng. Cô cảm thấy mình chỉ chực sẵn, nghe huyết sáo là chạy tới. Cảm giác thật rẻ mặt. Xe của ai đây? cô hỏi.

Của bạn. Tôi là một nhân vật quan trọng, tôi có bạn sở hữu xe riêng.

Anh đang nhạo tôi, cô nói. Anh không trả lời. Cô kéo kéo những ngón gang trên bàn tay. Nếu có ai thấy thì sao?

Họ chỉ thấy có cái xe. Cái xe này tã lăm rồi, nó là xe con nhà nghèo. Có nhìn thẳng vào cô họ cũng chẳng nhận thấy cô, bởi không ai nghĩ người như cô lại để bị thấy ng ồi trong cái xe thế này.

Có những lúc anh chẳng ưa tôi lắm, cô nói.

Dạo này tôi ít khi nghĩ được về thứ gì ngoài cô, anh nói. Nhưng ưa lại là chuyện khác. Muốn ưa được cần thời gian. Tôi không đủ thời gian để ưa cô. Tôi không tập trung làm thế được.

Ở đây không được, cô nói. Có biển kia.

Biển không dành cho những người như ta, anh nói. Đây này - xuống đây.

Con đường hẹp như rãnh cày. Giấy ăn vút đi, vỏ kẹo cao su, bao dùng rồi như bong bóng cá. Chai lọ giữa sỏi, bùn khô đã nứt rồi mủn ra. Cô đã tính nh ầm khi đi giày ấy, đôi gót ấy. Anh nắm tay cô, giữ cho vững. Cô tránh đi.

Đây chẳng khác gì đồng trống ấy. Sẽ có người thấy.

Người nào thấy? Ta đang ở dưới chân cầu.

Cảnh sát. Đừng. Chưa được.

Cảnh sát không rình rập giữa ban ngày ban mặt đâu, anh nói. Chỉ vào ban đêm thôi, còn chĩa đèn pha tìm quân đĩ bại không kính Chúa.

Hay là đám vô gia cư, cô nói. Bọn điên dở.

Đây này, anh nói. Tít dưới đây. Trong bóng râm ấy.

Liệu có dây sơn độc không?

Không có tí nào đâu. Thề đấy. Không có cả vô gia cư lẫn điên dở luôn, trừ tôi.

Làm sao anh biết? Dây sơn độc ấy. Anh từng đến đây rồi à?

Đừng lo lắm thứ thế, anh nói. Nằm xuống nào.

Đừng. Anh làm rách mắt. Đợi đã.

Cô nghe thấy giọng chính mình. Đó không phải giọng cô nữa, nghe như hụt hơi.

Có một trái tim vẽ sơn trên nền xi măng, khoanh vòng bốn chữ cái. Nối bằng một chữ Y: Y nghĩa là *Yêu*. Chỉ những người liên quan mới biết là tên ai, biết họ đã ở đây, biết họ đã làm chuyện ấy. Tuyên xưng ái tình, giấu nhem các tiêu tiết.

Bên ngoài trái tim, lại bốn chữ nữa, như bốn điểm chỉ hướng trên la bàn:

F U

C K

Chữ bị xé toang, banh rọng: địa thế của nhục dục, bất nhẫn không thương xót.

Miệng anh mùi khói, miệng cô vị muối, còn tứ bề, mùi cỏ bị xéo nát và mèo, mùi những góc khuất bị khinh rẻ. Hơi ẩm và cây cỏ, đất lấm trên đầu gối, cái ghét bên xanh tươi; những bông bồ công anh mảnh khảnh vươn về ánh sáng.

Bên dưới chỗ họ nằm, những gợn sóng lăn tăn. Bên trên, những cành xanh lá, dây leo nở hoa tím tím; những trụ cầu cao nghều đâm lên, những dầm cầu sắt, bánh xe lăn ngang trên đầu; trời xanh cắt thành từng vệt. Đất cứng dưới lưng cô.

Anh vuốt ve trán cô, lần ngón tay dọc gò má. Em đừng nên thờ phụng tôi, anh nói. Tôi không sở hữu con cu duy nhất trên toàn thế giới. Sớm muộn gì em cũng hiểu.

Vấn đề không phải thứ đó, cô nói. Mà đằng nào em cũng không thờ phụng anh. Chưa chi anh đã đẩy cô ra xa, vào tương lai cách biệt.

Thứ gì cũng thế, em sẽ còn được nhiều hơn, một khi tôi không còn quấy rầy em.

Nghĩa là sao? Anh đâu có quấy rầy em.

Là sau đời này còn có đời khác, anh nói. Khi đời ta đã qua.

Mình nói chuyện khác đi.

Được rồi, anh nói. Em nằm lại xuống đi. Gối đầu lên đó. Đẩy cái áo ẩm ướt sang bên. Một tay vòng qua người cô, tay kia lần túi tìm thuốc lá, rồi quẹt diêm bằng móng tay. Tai cô áp vào chỗ hõm trên cổ anh.

Anh nói, Ta đến đâu rồi nhỉ?

Người dẹt thảm. Đám trẻ mù.

À phải. Nhớ ra rồi.

Anh nói: Cảnh phồn vinh của thành Sakiel-Norn xây dựng trên lưng nô lệ, đặc biệt là đám trẻ nô lệ đã dệt ra thứ thảm trứ danh. Nhưng nhắc tới nó là điếu kiếng ky. Tầng lớp Snilfard khẳng định sự trù phú của họ có được không phải nhờ nô lệ, mà nhờ đức hạnh và trí tuệ của vương triều - nói cách khác, nhờ những lễ vật rất hậu dâng lên thần thánh.

Có rất lắm loại thần. Thần thánh luôn đem lại nhiều tiện lợi, có thể dùng bào chữa hầu hết mọi điếu, và thần linh ở Sakiel-Norn cũng không phải ngoại lệ. Các thần là loài ăn thịt; họ thích hiến tế súc vật, nhưng máu người mới là thứ quý giá hơn cả. Khi thành bang dựng lên, từ cái ngày xưa ngày xưa đã đi vào truyền thuyết, tương truyền chín người cha cùng một mẹ đã dâng chính con đẻ mình, đem chôn dưới chín cổng thành làm thần gác cổng.

Có hai cổng thành mỗi hướng Đông Tây Nam Bắc, một cửa ra và một cửa vào: ra cùng một lối đã vào là cần chắc sẽ chết yếu. Cổng thứ chín là một phiến cẩm thạch đặt nằm trên đỉnh ngọn đồi chính giữa thành; nó mở mà không dời chỗ, nó xoay giữa cõi sống và cõi chết, giữa xác phàm và linh hồn. Đó là cánh cổng cho các vị thần đến và đi; họ không cần đến hai cửa, bởi khác với người trần, họ có thể ở hai bên cửa cùng một lúc. Những nhà tiên tri thành Sakiel-Norn có câu: *Đâu là hơi thở đích thực của con người - khi hít vào hay khi thở ra?* Bản chất của thần linh là vậy đấy.

Cánh cổng thứ chín cũng là bàn thờ, nơi máu hiến tế đổ ra. Đồng nam được dâng cho nam thần Ba Mặt Trời, cai quản ban ngày, ánh sáng, cung điện, yến tiệc, lò thiêu, chiến trận, rượu, lối vào, lời nói; đồng nữ cho nữ thần Năm Mặt Trăng, bảo hộ màn đêm, sương mù và bóng tối, nạn đói, hang động, sinh nở, lối ra, im lặng. Đồng nam bị đập giập đầu bằng chùy trên bàn thờ rồi quăng vào miệng thần, rơi thẳng xuống lò thiêu bùng cháy. Đồng nữ bị cắt cổ cho máu chảy hết, để nuôi cho đầy lại năm mặt trăng đang kỳ khuyết, để chúng không mòn mất và vĩnh viễn biến đi.

Chín thiếu nữ được hiến sinh hằng năm, tưởng nhớ chín cô bé chôn dưới cổng thành. Họ được mệnh danh “nữ tỳ của thần thái âm”, và người ta dâng lên họ lời nguyện cầu, hoa và hương trần để họ cầu xin với thần thay mặt người sống. Ba tháng cuối năm được gọi là “những tháng không mặt”; đó là những tháng mùa màng không mọc, vì nữ thần tịch cốc. Trong thời

kỳ này thần Mặt Trời cai quản chiến trận và lò thiêu tung hoành khắp nơi, các bà mẹ cho con trai mình ăn mặc giả gái để bảo vệ chúng.

Theo luật định những gia tộc Snilfard đứng đầu phải đưa ra ít nhất một người con gái họ mình để hiến sinh. Nhưng tể vật bị vấy bẩn hay khuyết tật sẽ là phạm thượng với nữ thần, nên dần dà tầng lớp Snilfard bắt đầu cắt xẻo các cô bé để được tha: một ngón tay hay một dải tai, những bộ phận nhỏ nhỏ kiểu ấy. Rất nhanh việc cắt xẻo chỉ còn mang tính biểu tượng: một hình xăm vuông màu xanh trên xương quai xanh. Đàn bà không phải Snilfard mà mang dấu hiệu đẳng cấp riêng như vậy là đáng tội tử hình, nhưng các chủ chứa, luôn luôn thèm muốn thêm lợi lộc, nghĩ ra cách dùng mực tô lên những cô điếm trẻ nhất biết tỏ ra bắc bậc kiêu kỳ. Đó là món hàng quyến rũ với những kẻ muốn được cảm thấy đang cưỡng gian một tiểu thư huyết thống Snilfard cao quý.

Cũng vào thời kỳ đó, tầng lớp Snilfard bắt đầu thói quen nhận con nuôi - phần lớn là con của các nữ nô với chủ nhân - đem hiến thay con gái hợp pháp của mình. Làm thế là lách luật, nhưng những gia tộc lớn vốn rất quỳn uy, nên giới chức sắc lờ đi cho họ.

Rồi những gia tộc đó còn chây lười hơn nữa. Họ không muốn bỏ công nuôi những đứa con gái ấy lớn lên trong nhà mình, nên họ chỉ đơn giản trao cô bé cho đền thờ nữ thần, kèm số tiền hậu hĩnh trả công chăm sóc. Bởi cô bé vẫn mang tên gia tộc, gia tộc được ghi nhận là đã hiến sinh. Cũng như nay ta bỏ tiền bao ngựa đua. Nghi lễ đã suy đoạ đi nhiều so với ngu ồn gốc cao quý ban đầu, nhưng đến thời ấy, ở Sakiel-Norn, mọi thứ đều đem ra buôn bán.

Các cô bé cống vật bị nhốt trong khu đền, được nh ồi đồ ăn ngon lành để vỗ cho khỏe mạnh béo tốt, và huấn luyện nghiêm cẩn để chuẩn bị cho ngày trọng đại - các cô phải đủ sức hoàn thành bốn phận một cách đoan trang, không mè nheo rên rỉ. Lễ hiến tế lý tưởng phải như một vũ điệu, theo lý thuyết: đường bệ và êm ái, hòa hợp và uyển chuyển. Họ không phải là súc vật, không thể bị mổ thịt một cách dã man; phải là họ tự nguyện dâng mạng sống của mình. Rất nhiều cô trong số đó tin vào những đi ều được dạy: rằng cuộc sống thanh bình của cả vương quốc phụ thuộc vào sự hiến thân

của họ. Họ bỏ hàng giờ cầu nguyện, dọn mình; họ được dạy bước đi mắt nhìn xuống đất, mỉm cười sầmuộm dịu dàng, ca những bài ca của nữ thần về vắng mặt và im lặng, về tình yêu không đền đáp và tiếc nuối không nói ra, về sự không lời - bài ca về việc không thể hát.

Năm lại năm qua. Giờ chỉ còn rất ít người thực sự coi trọng thánh thần, và kẻ nào quá sức mộ đạo trong tâm tưởng cũng như nghi thức đều bị coi là thần kinh. Những nghi lễ cổ vẫn được dân thành tiếp tục bởi đã quen làm vậy trước nay, nhưng không còn là mối quan tâm chính nữa.

Dù sống trong cảnh biệt lập, cũng có những cô bé nhận ra mình đang bị giết để bôi trơn một tín ngưỡng đã phai tàn. Một số toan bỏ chạy khi đối mặt với lưỡi dao. Số khác rút rít khi bị nắm lấy tóc mà đề ngựa trên phiến đá bàn thờ, nhưng cũng có một số lên tiếng nguyền rủa nhà vua, người luôn đảm trách vai trò chủ tế nghi lễ. Thậm chí một cô còn cắn ông ta. Những cơn kinh sợ hay điên giận bột phát kiêu đó khiến dân thành căm ghét, bởi làm thế sẽ mang vận rủi khủng khiếp đến kinh thành. Hoặc biết đâu sẽ đến, ấy là nếu nữ thần có tồn tại. Dù gì những vụ cuồng loạn ấy cũng làm hỏng cả không khí lễ hội: người người đều chuộng các dịp hiến sinh, kể cả Ygnirod, kể cả nô lệ, bởi ngày đó họ sẽ được nghỉ và uống say mèm.

Vậy là có thêm phong tục mới, cắt lưỡi các cô bé ba tháng trước khi tới ngày hiến sinh. Đây không phải là khuyết tật, các thầy tế nói, mà là cải thiện - còn gì thích hợp hơn với những nô tỳ phục vụ nữ thần cai quản sự lặng yên?

Cứ thế, không còn lưỡi, người căng phồng những lời lẽ không còn có thể thốt ra, mỗi cô bé sẽ được rước đi trong tiếng nhạc trang nghiêm, trùm mạng kín mình, tràng hoa quấn cổ, theo cầu thang xoắn lên tới cổng thành thứ chín. Tới thời này em có thể nói trông họ giống như một cô vợ thượng lưu được cưng chiều.

Cô ngẩng dậy. Cái đó thật không cần thiết, cô nói. Anh muốn đả kích tôi. Anh chỉ khoái thủ tiêu mấy cô bé tội nghiệp đó trong tấm mạng cô dâu. Tôi cá tất cả họ đều tóc vàng.

Không phải đả kích em, anh nói. Không hấn thế. Mà dù sao tôi cũng đâu có bịa ra từ đầu đến cuối, nó có cội rễ vững chắc trong lịch sử. Người Hittite...

Tôi biết rồi, nhưng dù sao nó cũng làm anh sượng rở dãi. Anh chứa đầy hận thù - không phải, đầy ganh tị, Chúa mới hiểu vì sao. Tôi thêm vào biết người Hittite hay lịch sử hay cả mớ đó - chỉ giải nguy biện.

Khoan một chút nào. Em đã phê chuẩn các cô trình nữ hiến sinh, tự em chọn lấy trong thực đơn cơ mà. Tôi chỉ bùng lên những món em gọi. Em không thích cái gì - phục sức ư? Khăn voan nhiều quá à?

Chúng ta đừng cãi nhau, cô nói. Cô cảm thấy mình sắp khóc, cô nắm chặt tay để khỏi bùng ra.

Tôi không cố tình chọc tức em. Lại đây nào.

Cô gạt tay anh ra. Đúng là anh cố tình chọc tức tôi. Anh khoái chí vì biết mình làm được.

Tôi cứ nghĩ em sẽ thấy thú vị. Khi nghe tôi biểu diễn. Tung hứng các tính từ. Đóng vai hề cho em vui.

Cô vượt phảng váy xuống, nhét áo vào trong. Các cô bé bị giết trong tấm mạng cô dâu, thế mà tôi lại thấy thú vị à? Lưỡi bị cắt nữa chứ. Anh hấn nghĩ tôi là quỷ dạ xoa.

Tôi rút lại vậy. Tôi sẽ thay đổi. Tôi viết lại lịch sử vì em. Thế nào?

Anh không thể làm được, cô nói. Lời đã thốt ra rồi. Nửa câu anh cũng không rút lại được. Tôi đi đây. Giờ cô đã chống chân quỳ lên, chuẩn bị đứng dậy.

Còn nhiều thời gian lắm. Nằm xuống đã. Anh nắm khuỷu tay cô.

Không. Bỏ ra. Nhìn xem mặt trời xuống rồi. Họ sắp về. Tôi có thể bị rắc rối, dù chắc với anh thì cái đó chẳng phải là rắc rối nữa, tẹo nhẹ quá mà.

Anh đâu cần biết - anh chỉ thêm có... thêm có...

Nào, nói toẹt ra đi.

Anh hiểu tôi định nói gì, cô nói giọng mệt mỏi.

Không phải thế. Tôi xin lỗi. Tôi mới là quý dạ xoa, tôi đã đi quá đà. Dù sao cũng chỉ là chuyện kể thôi mà.

Cô thì trán vào đầu gối. Một phút sau cô nói, Rồi em sẽ làm gì đây? Sau này - khi anh không còn đây nữa?

Em sẽ vượt qua, anh nói. Em sẽ sống. Nào, anh sẽ phải cho em sạch.

Không sạch nổi đâu, nếu chỉ phải đi.

Cài cúc áo lên nào, anh nói. Đừng buồn nhé.

**BẢNG TIN HỘI GIA ĐÌNH - TRƯỜNG HỌC -
CỰU HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC
ĐẠI TÁ HENRY PARKMAN, CẢNG
TICONDEROGA, THÁNG NĂM 1998.
SẮP TRAO GIẢI TƯỢNG NIỆM LAURA CHASE
Myra Sturgess, Phó chủ tịch Hội cựu học sinh**

Trường trung học Đại tá Henry Parkman mới được tặng một quỹ giải thưởng vô cùng giá trị, theo di chúc hào phóng của bà Winifred Griffen Prior ở Toronto vừa tạ thế, em gái ngài Richard E. Griffen đáng kính sẽ được tưởng nhớ vì vẫn thường vâng lời hè ở Cảng Ticonderoga và rất yêu thích dong thuyền trên dòng sông thị trấn ta. Mang tên Giải tưởng niệm Laura Chase về sáng tác văn học, giải thưởng trị giá hai trăm đô la này sẽ được trao cho học sinh năm cuối có truyện ngắn xuất sắc nhất, theo quyết định của hội đồng gồm ba thành viên Hội cựu học sinh, dựa trên giá trị văn học cũng như cả đạo đức. Thầy hiệu trưởng Eph Evans phát biểu: “Chúng ta vô cùng biết ơn bà Prior đã nhớ đến trường ta trong số vô vàn người khác chịu ơn bà.”

Đặt tên theo nữ tác giả danh tiếng Laura Chase người gốc thị trấn ta, giải thưởng lần thứ nhất sẽ được trao trong lễ tốt nghiệp tháng Sáu này. Chị gái tác giả, bà Iris Griffen thuộc gia đình Chase vốn đã đóng góp rất nhiều cho thị trấn những ngày đầu thành lập, đã vui lòng chấp thuận lên bục trao giải cho quán quân may mắn, và chỉ còn vài tuần nữa thôi, vậy quý vị hãy bảo con cái mình xắn tay áo lên mà viết những thứ để đời!

Hội cựu học sinh sẽ tài trợ một buổi tiệc trà trong nhà thể chất ngay sau lễ tốt nghiệp. Vé liên hệ Myra Sturgess ở Nhà Bánh Gừng, toàn bộ tiền thu được dành may mắn phục mới đang rất cần thiết cho đội bóng đá! Khuyến khích mọi người mang góp bánh nhà làm, xin đừng nếu có dùng hạt dẻ.

III

BUỔI PHÁT THƯỞNG

Sáng nay tôi thức dậy trong cơn sợ ngạt thở. Ban đầu tôi không xác định được vì sao, nhưng rồi nhớ ra. Hôm nay sẽ cử hành lễ.

Mặt trời đã lên, phòng chưa gì đã quá nóng. Ánh sáng thấu vào qua rèm lưới, treo lửng lơ giữa không trung, như chất lỏng trong hồ. Đầu tôi nặng như một bịch bùn nhão. Trong áo ngủ còn ẩm ướt vì nỗi kinh hoàng nào đó đã bị gạt qua một bên như cành lá, tôi dựng mình dậy và lê khỏi cái giường bừa bộn, rồi ép mình hoàn thành bộ nghi thức bình minh - thứ nghi lễ ta thực hiện để khiến mình trông có vẻ tỉnh trí và tươi tắn trước mắt mọi người. Tóc phải vuốt cho mượt sau khi đã dựng đứng lên vì hồn ma bóng quế nào đó trong đêm, ánh nhìn ngơ ngác không tin phải rửa cho sạch khỏi mắt. Răng đánh kỹ, dù trông ra sao. Chúa biết được tôi đã gặm thứ xương gì trong giấc ngủ.

Rồi tôi bước vào dưới vòi sen, bám chặt thanh vịn Myra ép tôi mua, cẩn trọng không đánh rơi miếng xà phòng - tôi rất cảnh giác sợ trượt chân. Tuy thế, cơ thể cũng cần xối nước, để gạt cho mùi tắm tối ban đêm sạch khỏi da. Tôi ngờ mình bốc một thứ mùi mà bản thân không còn nhận ra - hỗn hợp khẳm khẳm từ thịt ôi và thứ nước giải người già dùng đượ.

Đã lau khô, thoa dầu rồi đánh phấn, xịt nước thơm ngang xịt thuốc diệt mốc sương, thế là tôi có thể tạm coi là hồi phục. Chỉ có đi đâu vẫn còn cảm giác không trọng lượng, hay đúng hơn là cảm giác sắp bước hụt ra ngoài vách đá. Mỗi lần nhấc một chân lên tôi ước chừng rồi mới đặt, cứ như sà sấp tụt dưới chân. Chẳng có gì ngoài sức căng mặt ngoài giữ tôi đứng vững.

Mặc quần áo vào cũng đỡ hơn đôi chút. Tôi không dám tự tin nếu không có bộ khung. (Nhưng mà quần áo thực của tôi đâu rồi? Hẳn nhiên những thứ đồng màu nhạt bèo nhèo này, đôi giày chỉnh hình này phải là của ai khác. Nhưng chúng là của tôi; tệ hơn nữa, giờ chúng vừa với tôi.)

Giờ đến cầu thang. Tôi luôn kinh sợ sẽ ngã lộn nhào xuống đó - gãy cổ, nằm thẳng cứng phoi đò lốt, rồi tan thành một vũng ung thối trước khi có kẻ nào có sáng kiến đến tìm tôi. Chết như thế quá ư không đẹp mắt. Tôi dò từng bậc một, bám chắc lấy tay vịn; rồi dọc hành lang tới bếp, những ngón tay trái khẽ lướt trên tường như rìa mèo. (Tôi vẫn nhìn được, nói chung. Tôi vẫn đi được. *Hãy cảm tạ từ những ân huệ nhỏ*, Reenie hẳn sẽ nói. *Việc gì phải thế?* Laura hỏi. *Sao các ân huệ lại nhỏ như vậy?*)

Tôi không muốn ăn sáng. Tôi uống một cốc nước, và tiêu sầu bằng cách rung đùi. Đến chín giờ rưỡi Walter qua đón tôi. “Nực thế này đủ chưa bà?” cậu ta hỏi, câu mở đầu trăm lần như một. Mùa đông sẽ là *cóng thế này*. Ướt và khô khi xuân và thu tới.

“Cậu hôm nay thế nào, Walter?” tôi hỏi, cũng như mọi lần.

“Cố gắng tránh không nghịch đại,” cậu ta trả lời, cũng như mọi lần.

“Lũ chúng ta còn mong được gì hơn thế,” tôi nói. Cậu ta cười theo lối riêng của mình - mặt nứt ra thành kẽ mảnh, như bùn khô - mở cửa xe, rồi ấn tôi vào băng sau. “Ngày trọng đại hửm?” cậu nói. “Cài dây an toàn đi, không là cháu bị bắt cũng nên.” Cậu ta nói *cài dây an toàn đi* bằng giọng bông đùa; cậu ta đủ tuổi nhớ những ngày xưa, những ngày còn thoải mái. Thời trẻ cậu ta từng là một trong những cậu trai lái xe với khuỷu tay tựa ra ngoài cửa sổ, tay kia đặt trên đùi bạn gái. Cũng hơi bàng hoàng khi nhớ rằng bạn gái ấy là Myra chứ chẳng ai vào đây.

Cậu ta điệu nghệ đánh xe khỏi lề đường và chúng tôi phóng đi trong lặng yên. Vóc người to lớn, cậu Walter ấy - vuông vắn, như hòn đá tảng chân cột, cái cổ giống như cái vai thứ ba thì đúng hơn; cậu tỏa ra mùi không phải là không dễ chịu, mùi giày da đi mòn lẫn với xăng xe. Nhìn áo sơ mi kẻ caro và mũ bóng chày tôi đoán cậu không định dự buổi lễ tốt nghiệp. Cậu không đọc sách, như thế tiện cho cả hai chúng tôi: băng vào những gì cậu hiểu thì Laura là em gái tôi và thật đáng buồn là nó đã chết, chấm hết.

Lẽ ra tôi nên lấy một người như Walter. Tay chân khéo léo.

Không phải: lẽ ra tôi chẳng nên lấy ai. Như thế sẽ đỡ đi lắm phiền hà.

Walter đậu xe trước cửa trường học. Trường xây kiểu hiện đại hậu chiến, năm mươi năm tuổi nhưng với tôi vẫn còn mới mẻ: tôi vẫn không quen được với vẻ bằng phẳng nhạt nhẽo này. Trông ngôi trường như một thùng đóng hàng. Đám thiếu niên cùng cha mẹ đang tràn ra trên vệ đường, trên bãi cỏ, qua cổng trước, ăn mặc đủ màu sắc mùa hè. Myra đã đứng chờ chúng tôi, hú gọi từ trên bậc tam cấp, váy dài trắng phủ những đóa hồng đỏ to đùng. Đàn bà mộng nở không nên mặc đồ in hoa to. Không thể không nhớ tiếc đai nịt bụng, tuy không phải tôi muốn chúng hỡi sinh. Cô ấy vừa mới làm đầu, những lọn bạc sậy quấn tít trông như tóc giả của một trạng sư Anh quốc.

“Anh đến muộn rồi,” cô bảo Walter.

“Anh đâu có muộn,” Walter đáp. “Nếu anh muộn, thì là vì mọi người đến sớm, có thể thôi. Chẳng có lý do gì bắt bà ngồi chờ đến công cả chân.” Hai người này có thói quen nói về tôi như người vắng mặt, cứ như tôi là trẻ con hay chó mèo.

Walter trao cánh tay tôi vào vòng giám hộ của Myra và chúng tôi lên bậc cửa trước như đang thi chạy hai người ba chân. Tôi cảm thấy mình như bàn tay Myra chắc đang cảm thấy: một cái xương quay tay dễ gãy, bọc lỏng lẻo trong cháo yến mạch đầy gân. Đáng ra nên mang cây gậy chống theo, nhưng tôi không thấy có triển vọng lôi nó lên sân khấu với mình. Rồi chắc chắn sẽ có kẻ ngã chống vó.

Myra đưa tôi vào hậu trường và hỏi có cần đi nhẹ không - cô nàng rất giỏi nhớ chuyện đó - rồi đặt tôi ngồi trong phòng thay đồ. “Bà cứ ngồi yên chỗ thôi,” cô dặn. Rồi hơi hả đi, mộng nảy tung tung, để coi sóc cho mọi thứ đâu vào đấy.

Tám gương phòng thay đồ lấp đầy những bóng đèn tròn nhỏ viền quanh, như trong nhà hát; ánh sáng nhuận sắc cho hình người trong gương đến khéo, nhưng tôi không bị lừa: trông tôi ốm yếu, da trắng nhợt cắt không ra máu, như thịt ngâm nước lâu ngày. Đây là do sợ, hay bệnh thật rồi? Chắc chắn là tôi không thấy mình tuyệt đối khỏe khoắn.

Tôi tìm lược, quét mấy nhát chiều lệ trên đỉnh đầu. Myra không ngớt dọa sẽ vác tôi đến chỗ “con em cháu”, ở chỗ cô vẫn còn gọi là Trung Tâm Thẩm Mỹ - tên chính thức của nó là Cắt Tóc, đeo thêm cái đuôi Unisex cho khuyến khích - nhưng tôi vẫn không ngớt cưỡng lại. Ít ra tóc tôi vẫn còn đúng là của tôi, dù nó bờm xờm dựng lên như vừa bị điện giật. Bên dưới có thể thoáng nhìn thấy da đầu, hồng nhợt nhợt như chân chuột nhắt. Nếu có bao giờ tôi lọt vào gió mạnh, tóc tôi sẽ bay sạch như hạt bồ công anh, chừa lại cái đầu trọc lồi lõm sẹo.

Myra để lại cho tôi một cái bánh xốp sô cô la đặc biệt tự tay làm, có phết kem nhân buổi tiệc trà cựu học sinh - một thanh vữa phủ bùn lỏng màu ca cao - và bình nhựa nắp vặn đựng thứ cà phê khét tiếng chua như pin chảy. Tôi không ăn cũng không uống được, nhưng trời sinh ra toa lét để làm gì? Tôi cũng chừa lại ít vụn bánh nâu nâu cho thuyết phục.

Rồi Myra sầm sập chạy vào xốc tôi lên dẫn tôi ra, và tay tôi được ông hiệu trưởng cấn lắc lắc, và tôi được cho biết tôi đến được đây thật quý hóa quá; rồi tôi được giao qua ông hiệu phó, chủ tịch Hội cựu học sinh, tổ trưởng tổ Anh văn - một bà mặc áo vét quần âu - đại diện Phòng thương mại trẻ, rồi chót cùng là nghị sĩ đại diện cho thị trấn, loại người này sẽ phát rồ phát dại nếu lỡ mất dịp hay ho nào. Tôi chưa từng thấy nhiều hàm răng trắng bóng trưng ra như thế kể từ thời Richard còn thên thang quan lộ.

Myra hộ tống tôi tới tận ghế đại biểu, trước khi thì thầm vào tai, “Con đứng ngay trong cánh gà.” Dàn hợp xướng trường bắt nhịp giữa những tiếng rít và nốt phô, và tất cả cùng hát “Canada hỡi!”, một bài tôi không bao giờ thuộc vì người ta liên tục thay lời. Giờ đây một phần bài quốc ca dùng tiếng Pháp, một chuyện ngày xưa không ai hình dung nổi. Chúng tôi ngẩng xuống, sau khi khẳng định xong lòng tự hào tập thể vì một thứ không đọc nổi tên.

Rồi viên mục sư trường mở đầu lời cầu nguyện, giảng giải cho Chúa nghe những khó khăn chưa từng thấy đang đón chờ giới trẻ hôm nay. Chắc Chúa không phải lần đầu nghe phải thứ này, và chắc hẳn cũng chán ngấy y như khán giả. Rồi số còn lại thay nhau lên tiếng: năm cuối thế kỷ hai mươi, tổng cựu nghênh tân, công dân thế hệ tương lai, tay xuôi truyền lại cho các

em vân vân. Tôi mặc đầu óc mình phiêu bạt; tôi đủ khôn mà hiểu đòi hỏi duy nhất với mình là không làm trò lơ trên sân khấu. Không khác gì những ngày tôi ở bên lễ đài, hoặc trong bữa tối lê thê nào đó, cạnh Richard, im miệng hên. Nếu có ai hỏi đến, mà cũng hiếm xảy ra, tôi đáp sở thích của mình là vườn tược. Khá lắm thì cũng là nửa sự thực, nhưng cũng đủ nhằm để được gật đầu chấp nhận.

Tiếp theo đó là các em vừa tốt nghiệp nhận bằng. Chúng lần lượt tiến lên, nghiêm trang và rạng rỡ, đứa lớn đứa nhỏ, nhưng ai cũng đẹp một vẻ chỉ có người trẻ mới đẹp được như thế. Ngay cả những đứa xấu nhất cũng đẹp, ngay cả những đứa cau có, những đứa béo phì, ngay những đứa mặt mụn. Chúng không đứa nào hiểu được đi đâu ấy - hiểu chúng đẹp đến thế nào. Nhưng bất kể vậy chúng vẫn khiến tôi bức mình, đám trẻ ấy. Đáng điệu chúng nhìn đến khó chịu, và cứ xét từ những bài hát mà chúng quen nức nở rên rĩ thì đối với chúng câu *cẩn rắng mà chịu* đã xuống mồi cùng với điệu foxtrot. Chúng không hiểu được mình may mắn đến thế nào.

Chúng hầu như không nhìn sang tôi. Trước mắt chúng hẳn tôi khá cỡ cỡ, nhưng tôi đã ngỡ rằng tất cả mọi người đều không tránh khỏi phạm biên thành cỡ cỡ trong mắt đám trẻ hơn. Cho đến khi máu đổ ra sàn, tất nhiên. Chiến tranh, dịch hạch, giết người, mọi dạng thử lửa hay bạo lực, đấy là những thứ chúng kính nể. Có máu, nghĩa là ta nói chuyện nghiêm túc.

Sau đó đến các giải thưởng: Vì tính, Vật lý, gì đó, Kinh doanh, Văn học Anh, một thứ tôi không nghe kịp. Rồi người ở Hội cựu học sinh hăng giọng xỏ ra một tràng sùng mộ về Winifred Griffen Prior, nữ thánh giáng trần. Người ta tròn mồm mép biết mấy khi có hơi tiêng hơi bạc! Tôi đoán con mẹ già đã hình dung tất cả từ đầu khi lập chúc thư tài trợ, dù khoản ấy bủn xỉn có từng này. Mẹ đã biết tôi sẽ được yêu cầu có mặt; mẹ muốn tôi co giật trước mắt cả thị trấn soi mói trong khi lòng rộng rãi của mẹ được tung hô. *Hãy tiêu khoản này mà tưởng nhớ đến ta*^[3]. Tôi ghét nhất làm cho mẹ khoái chí, nhưng không thể phủ tay mà không tỏ ra khiếp sợ hoặc tội lỗi, hoặc bàng quan. Hoặc tệ hơn nữa: bội bạc.

Và bây giờ đến lượt Laura. Ông nghị viên tự đảm nhận lấy vinh dự đó: sẽ cần tài ăn nói ở đây. Gốc gác địa phương của Laura được nhắc qua, rồi

lòng can đảm, rồi quyết tâm “hiến mình cho mục tiêu đã định”, bất kể ý ông ta là gì. Không một lời vênh vênh về hoàn cảnh cái chết của nó, dù dân thị trấn trăm người như một đầu tin - bất chấp phán quyết sau điếu tra - rằng chuyện đó cũng giống với tự tử như mẹ kiếp giống với chửi thề. Và tình không một lời về cuốn sách, mà đảm bảo là hầu hết họ đều nghĩ tốt hơn nên quên đi cho nhanh. Cho dù người ta không quên, ở đây thì không: sau năm chục năm nó vẫn phảng phất mùi lưu huỳnh, vẫn xếp vào hàng cấm vật. Chuyện khá khó hiểu, theo ý tôi: về phương diện dân ô nó đã quá cũ kỹ, ngôn từ tục tĩu thì không còn chữ nào không đầy đường đầy phố ngày nay, tình dục thì phải đạo như vũ nữ múa quạt - gần như đờng bóng nữa, như mấy cái nịt giữ tất.

Thời ấy tất nhiên lại là chuyện khác. Bản thân cuốn sách không phải thứ người ta nhớ, hoặc cũng thua xa nhớ về cơn thịnh nộ đương thời: trong các nhà thờ mục sư kết án nó là tà dâm, không phải chỉ ở thị trấn tôi; thư viện công cộng buộc phải hạ nó khỏi giá, hiệu sách duy nhất trong thị trấn không chịu nhập về. Còn nghe xì xào tin kiểm duyệt. Dân tình giấu giếm tới Stratford hay London hay tận Toronto, kiếm lấy một cuốn cho mình lên lút, như hồi đó người ta vẫn làm với bao cao su. Về tới nhà họ kéo rèm ngẩng đọc, người bất bình, kẻ nhấm nháp, người ngốn ngấu và hí hửng - ngay cả những kẻ chưa bao giờ định lật một cuốn tiểu thuyết quá trang bìa. Chuyện bản thủ là cách khuyến khích xóa mù tốt nhất.

(Tất nhiên cũng có vài lời bày tỏ cảm thông. *Tôi không đọc hết được - với tôi chưa đủ là một chuyện. Nhưng cô bé tội nghiệp còn trẻ quá. Có lẽ cô sẽ tiến bộ hơn ở cuốn sau, nếu chưa bị mang đi.* Họ chỉ khen được đến cỡ đó là hết.)

Họ mong nhận gì từ cuốn sách? Dâm dật, tục tĩu, khẳng định những góc vực đen tối của họ. Nhưng cũng có thể một số, dù không tự biết, muốn được quyến rũ vào câu chuyện. Có thể họ đi tìm đam mê, có thể họ chúi vào cuốn sách như vào một gói đồ bí ẩn - một hộp quà mà tận dưới đáy, giấu trong hàng lớp giấy bóng sột soạt, có một thứ họ mong mỏi từ lâu nhưng chưa bao giờ nắm được.

Nhưng ngoài ra họ còn muốn chỉ tay day mặt những người trong đó - trừ Laura, đã hẳn: việc nó có mặt được coi là đương nhiên. Họ muốn những thân người thật, để ghép vào những thân người được chữ gọi lên. Họ muốn dục vọng có thật. Trên hết họ muốn biết: *người đó là ai?* Trong giường của cô gái trẻ, cô gái trẻ đáng yêu đã chết; trong giường của Laura. Một số nghĩ mình biết, tất nhiên. H ồi đó bàn ra tán vào cũng lắm. Với những ai biết đem hai với hai cộng lại, kết quả đã rành rành. *Cứ làm như mình sạch trong như tuyết. Cử mĩ cù mĩ. Đúng là không thể trông mặt mà bắt hình dong.*

Nhưng tới lúc đó Laura đã ra ngoài vòng phán xét. Tôi mới là kẻ nằm trong tầm tay. Thư nặc danh bắt đầu đổ tới. Sao tôi lại bố trí cho của bản thiêu này được in cơ chứ? Mà lại ở New York nữa - điểm thành Sodom. Uế tạp thay! Tôi không có liên sỉ à? Tôi cho phép gia đình mình - một gia đình đáng trọng biết mấy - bị nhấn xuống vũng bùn, nghĩa là cả thị trấn bị nhấn xuống bùn. Laura đầu óc không được bình thường, ai cũng đã ngờ vậy rồi, cuốn sách chỉ càng thêm bằng chứng. Lẽ ra tôi phải bảo vệ ký ức về nó. Tôi phải cho bản thảo một m ồi lửa. Nhìn vào biển đầu khán giả dưới kia - mảng đầu già - tôi còn thấy một lớp tà khí đồ kị cũ, ganh ghét cũ, buộc tội cũ, bốc lên như từ một đầm lầy đang nguội.

Còn cuốn sách thì, nó vẫn không được nhắc đến - bị đẩy ra rìa, như một bà con quê lợ lem, đáng xấu hổ. Cuốn sách mỏng như thế, bất lực làm sao. Làm khách không mời trong buổi tiệc lạ lòng này, nó dập dờn bên rìa sân khấu như con bướm ma đuối sức.

Trong lúc đang mơ màng như vậy tay tôi bỗng có người chop lấy, tôi được xốc lên, tấm séc trong phong bì thắt nơ vàng được ấn vào tay. Người đoạt giải vừa được xướng. Tôi không nghe kịp tên.

Cô bé đi về phía tôi, gót giày cộp cộp ngang sân khấu. Cô rất cao; bọn chúng bây giờ đứa nào cũng cao, các cô bé ấy, chắc hẳn là do ăn uống. Cô bé mặc áo đen, nghiêm nghị giữa những bộ áo hè rực rỡ; vải thêu lẫn chỉ bạc, hay hạt cườm - thấy có chút lấp lánh. Tóc cô dài và đen. Khuôn mặt trái xoan, miệng tô son màu anh đào; mắt hơi nhú, tập trung, chăm chú. Da hơi pha màu vàng nhạt hay nâu nhạt - liệu cô có thể là người Ấn, Ả Rập,

hay Trung Hoa? Ngay cả ở Cảng Ticonderoga cũng có thể có chuyện ấy - ngày nay người ta ở khắp nơi.

Tim tôi nhảy lên, ước muốn chạy qua người như kinh giật. Có thể cháu tôi - có thể Sabrina trông đúng thế này, tôi nghĩ. Có thể, mà cũng có thể không, tôi biết sao được? Có gặp khéo tôi cũng chẳng nhận ra. Nó đã bị tách khỏi tôi lâu đến thế, nó vẫn bị tách đi. Đâu có cách nào?

“Bà Griffen,” viên nghị sĩ rin rít.

Tôi lập cập, thăng bằng lại. Tôi đã định nói gì nhỉ?

“Laura em gái tôi sẽ rất hài lòng,” tôi hỗn hển nói vào loa. Giọng tôi phều phào, tôi nghĩ mình sắp ngất. “Cô ấy rất thích giúp đỡ người khác.” Điêu này là sự thật, tôi đã thề không nói một lời không thật. “Cô ấy thích đọc và rất yêu sách.” Cũng là thật, một phần nào đó. “Cô ấy hẳn luôn mong muốn những điếu tốt đẹp nhất cho tương lai các em.” Cũng thật luôn.

Tôi cũng trao được phong bì; cô bé phải cúi mình xuống nhận. Tôi thì thẩn vào tai cô, hoặc có ý định thì thẩn - *Câu cho con gặp may. Hãy giữ mình.* Bất kỳ ai có ý định rớt vào chữ nghĩa đầu cần lời chúc phúc ấy, câu cảnh báo ấy. Tôi có nói ra lời không, hay là chỉ mở miệng ra đóng miệng vào như một con cá?

Cô bé cười, và những hạt cườm li ti lấp lánh sáng lóa lên khắp mặt và tóc cô. Ấy là tại mắt tôi, và tại đèn sân khấu, đèn quá sáng. Lẽ ra tôi phải đeo theo kính râm. Tôi cứ đứng yên mắt hấp háy. Rồi cô bé làm một điếu bất ngờ: cô cúi mình tới hôn lên má tôi. Qua môi cô tôi cảm thấy làn da chính mình: mềm như găng tay da dê, nhăn nheo, dày phấn, cổ lỗ.

Đến lượt cô thì thẩn đáp lại, nhưng tôi không nghe rõ. Chỉ là cảm ơn thông thường, hay một lời nhắn gửi - biết đâu? - trong một ngôn ngữ khác?

Cô bé quay đi. Luồng sáng từ cô tràn ra vánh óc đến nỗi tôi phải nhắm mắt. Tôi không nghe được, tôi không nhìn thấy. Bóng tối nhích gần hơn. Tiếng pháo tay quật vào tai tôi như cánh chim vỗ. Tôi loạng choạng, suýt ngã lăn ra.

Một viên chức cảnh giác nào đó tóm lấy tay tôi dẫn về chỗ cũ. Trở lại không tên. Trở lại dưới cái bóng dài của Laura. Ra ngoài tầ n nguy hiểm.

Nhưng vết thương cũ đã toác miệng ra, máu vô hình đổ ộc. Tôi sẽ cạn rất nhanh.

CÁI HỘP BẠC

Uất kim hương màu cam đang nhú, quặt quẹo tơ tả như những kẻ leo đèo rớt sau đội quân đang trở về. Tôi nhẹ cả người đón chào chúng, như người đứng trong tòa nhà bị bom phá nát mà vẫy tay; tuy nhiên chúng phải tự cựa lấy đường mà ra, tôi không giúp được nhiều. Đôi khi tôi vầy vọc trong phế địa vườn sau, dọn dẹp cuống hoa tàn hay lá rụng, nhưng chỉ được đến thế là hết. Tôi không quỳ được nhiều nữa, không thể thọc tay vào đất.

Hôm qua tôi đi khám bệnh, kiểm tra xem mấy cú văng đầu dạo này là sao. Bác sĩ bảo tôi *bị tim*, như cách nói ngày trước, cứ như những người khỏe mạnh thì không có tim. Xem ra là rốt cuộc không phải tôi sẽ cứ thế sống mãi, chỉ quặt lại, xám thêm và bụi bặm hơn, như bà ở trong chai. Đã thán nhủ *tôi muốn chết* từ rất lâu về trước, giờ đây tôi nhận thấy rồi mình quả thật sẽ được toại nguyện, và sớm chứ không còn muộn. Không thêm biết tôi đã đổi ý đến đâu.

Tôi đã quấn mình trong tấm khăn để ra ngoài sân, nấu dưới mái chĩa ngoài hiên sau, bên cái bàn gỗ sứt sẹo nhờ Walter bê từ ga ra vào. Cái ga ra, như thường thấy, chất đầy di vật từ những người chủ trước: bộ bình sơn đủ màu đã khô, đồng đá cuội nhựa đường, lọ gầy đầy đinh đã gỉ, cuộn dây thép mỏng. Xác ướp chim én, đệm ruột bông cho chuột làm nhà. Walter đã giặt bằng nước Javex, nhưng nó vẫn bốc mùi chuột.

Bày trước mặt tôi có tách trà, quả táo bỏ làm tư, tập giấy dòng kẻ ngang màu xanh, như pyjama đàn ông hồi xưa. Tôi cũng đã mua bút mới, rẻ tiền, vỏ nhựa đen, ngòi bi. Tôi vẫn nhớ cái bút mực đầu tiên, cặm trơn bóng, mực dây ra ngón tay xanh xanh. Hiệu Bakelite, đại bạc. Là năm 1929. Tôi mười ba tuổi. Laura đã mượn - mà không hỏi, cũng như với bất kỳ thứ gì khác - rồi làm gãy, dễ như không. Tôi tha thứ cho nó, tất nhiên. Tôi luôn luôn tha thứ; tôi buộc phải tha thứ, bởi chỉ còn có tôi với nó. Có tôi với nó trên hòn đảo giữa rào cây gai, chờ giải thoát; trên đất liền, tất cả mọi người còn lại.

Tôi viết cái này cho ai đây? Cho mình? Chắc là không phải. Tôi không thể hình dung mình đọc lại nó sau này, cái *sau này* đã trở thành không chắc chắn. Cho một người lạ mặt, trong tương lai, khi tôi đã chết? Tôi không có tham vọng, hay hy vọng nào như vậy.

Có thể tôi viết chẳng cho ai. Có thể cho cái người như khi trẻ con viết, khi chúng vạch tên trên nền tuyết.

Tôi không còn nhanh nhẹn như trước. Ngón tay đã cứng lại còng queo, cây bút rung rẩy đâm xiên xẹo, phải mất rất lâu mới hoàn thành một chữ. Nhưng tôi vẫn ngoan cường viết, người gập lại như đang thêu dưới ánh trăng.

Nhìn vào gương tôi thấy một bà già; hoặc không phải già, bởi ngày nay người ta không được phép già nữa. *Cao tuổi* vậy. Đôi lúc tôi thấy một bà cao tuổi có lẽ trông giống bà nội tôi không bao giờ gập, hoặc giống mẹ tôi, nếu mẹ gắng sống được đến tuổi này. Nhưng đôi khi tôi lại thấy khuôn mặt cô gái trẻ ngày trước tôi từng bỏ bao nhiêu công sang sửa và phỉ nhổ, đã chìm mà vẫn bập bênh ngay dưới khuôn mặt hiện thời, cái khuôn mặt - nhất là vào buổi chiều, khi ánh sáng chiếu xiên xiên - lỏng lẻo và trong suốt đến nỗi tôi có thể lọt ra như cửi tất.

Bác sĩ nói tôi cần đi bộ - hằng ngày, anh ta bảo, để tập cho tim. Tôi thì không muốn. Chuyện đi lại không làm tôi bận khoăn, nhưng ra khỏi nhà thì có: tôi luôn cảm thấy mình bị phơi bày. Có phải tôi tưởng tượng ra, ánh nhìn soi mói, tiếng xì xầm? Có thể, mà cũng có thể không. Suy cho cùng tôi là một cảnh quan địa phương, như lô đất trống gạch vứt bừa ngày xưa từng là tòa nhà quan trọng.

Ở lại trong nhà cảm đỡ hơn nhiều, nấu mình trong cảnh ẩm ướt vẫn khiến trẻ con hàng xóm giêu cợt và ít nhiều kinh khiếp; mặc hàng giậu và sân cỏ mọc tràn, mặc cửa nhà gỗ không mở được, nằm trên giường trong một thứ áo chùng nào đó mặc cho tóc mọc dài kín gối và móng tay quặp thành vuốt nhọn, trong khi sáp nến nhỏ đầy thảm. Nhưng từ ngày xưa tôi đã chọn lựa dứt khoát giữa chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa lãng mạn. Tôi muốn đứng thẳng và kiểm soát - một bình tro giữa ban ngày.

Có thể chuyển lại về đây sống không phải ý hay. Nhưng h ồi đó tôi chẳng nghĩ ra nơi nào khác mà đi. Như Reenie từng nói, *Ma quen hơn quỷ lạ*.

Hôm nay tôi đã cố. Tôi ra ngoài, tôi đi bộ. Tôi đi đến tận nghĩa trang: cũng cần có cái đích cho những cuộc thăm thú mà nếu không sẽ trở thành ngớ ngẩn. Tôi đội mũ nan rộng vành cho bớt lóa, mang kính râm, và gậy chống để dò mép vệ đường. Cả túi nhựa đi chợ nữa.

Tôi đi theo phố Erie, qua một hiệu giặt khô, một hiệu ảnh chân dung, vài cửa hàng mặt phố đã sống sót qua nạn mất khách vì các trung tâm thương mại biên thị trấn. Rồi là Quán điểm tâm Betty, đã lại thay chủ mới: sở hữu chủ của nó không sớm thì muộn lại chán, hoặc lẫn ra chết, hoặc chuyển đi Florida. Betty giờ có một khoảnh vườn nhỏ, cho khách du lịch ng ồi phơi nắng tới độ cháy giòn tan; vườn ở sân sau, khoảnh sân xi măng vỡ lúc trước chuyên để thùng rác. Cửa hàng có tortellini và cappuccino, quảng cáo hùng hồn trên cửa sổ cứ như dân thị trấn đương nhiên phải biết đấy là những gì. Mà giờ họ cũng biết; họ đã thử qua, dù chỉ để có quyền cười khẩy. *Tôi không cần đánh bọt trên cà phê kiểu đó. Trông cứ như kem cao râu. Nuốt một miếng là miệng sùi đầy bọt*.

Bánh tạc gà đã từng là đặc sản quán, nhưng mất tích lâu rồi. Giờ chỉ có hamburger, nhưng Myra đã nhắc tránh xa. Cô bảo họ dùng nhân đông lạnh sẵn bằng mật thịt. Mật thịt, cô nói, là thứ người ta cào khỏi sân sau khi xẻ bỏ đông lạnh bằng cưa điện. Cô đọc rất nhiều tạp chí, mỗi khi đi làm đâu.

Nghĩa trang có cổng sắt uốn, một vòm hoa văn tinh xảo bên trên, khắc dòng chữ: *Dù Đi Qua Thung Lũng Bóng Tử Thân Con Cũng Không Sợ Sự Dữ, Bởi Có Người Ở Cùng Con*. Tất nhiên, có hai người sẽ mang lại cảm giác an toàn giả tạo, nhưng *Người* là một nhân vật trơn như lươn. Mọi *Người* tôi biết đều có đường mất tích riêng. Họ đào thoát khỏi trấn, hay bội tín, hoặc rơi rụng như ru ồi, và rồi thì ta ở đâu?

Ở chính nơi này.

Đài tưởng niệm dòng họ Chase đập ngay vào mắt: nó cao vượt lên trên tất cả. Có hai thiên thần, bằng cẩm thạch trắng, kiểu thời Victoria, sượt mượt nhưng khá tinh xảo như loại này luôn thế, đặt trên bệ đá to bốn góc chạm

hoa văn cuộn. Thiên thần thứ nhất đứng, đầu gục sang bên đáng khóc thương, một tay âu yếm đặt lên vai thứ hai. Thiên thần thứ hai quỳ, dựa vào đùi thiên thần thứ nhất, nhìn thẳng trước mặt, ẵm bó hoa huệ trong lòng. Thân thể cả hai đều rất đoan trang, mọi đường nét đều lẫn trong nếp áo khoáng thạch buông nhẹ nhàng nhưng bất khả xuyên thủng, nhưng vẫn nhận ra được là nữ giới. Mưa a xít đang bào mòn chúng; hai đôi mắt từng tinh anh đã mờ đi, hiên hòa và rỗ, cứ như mắc bệnh đục thủy tinh thể. Nhưng có thể chỉ là chính mắt tôi đã mờ đi.

Laura và tôi ngày trước thường tới đây. Chúng tôi được Reenie đưa đến, vì không hiểu sao chị chủ trương đi thăm mỗ dòng họ có tác dụng tốt cho trẻ, còn sau thì tự đi: muốn chuồn ra ngoài thì lấy cớ càng mỗ đạo càng dễ được chấp thuận. Ngày còn nhỏ, Laura thường bảo hai thiên thần đó ý nói chúng tôi đây, hai chị em tôi. Tôi bảo làm sao thế được, bởi hai thiên thần là do bà nội đặt từ trước khi chúng tôi sinh. Nhưng Laura không bao giờ chú ý đến những lập luận kiểu ấy. Nó quan tâm đến hình thức hơn - đến những gì tự thân chứa trong sự vật, chứ không phải những gì không có trong chúng. Nó muốn biết bản chất.

Sau nhiều năm tôi đã tập thói quen tới đây ít nhất hai lần một năm, để quét tước, nếu không vì lý do nào khác. Ngày xưa tôi lái xe đến, nhưng giờ thì thôi rồi: mắt tôi giờ đã quá yếu. Tôi khó nhọc cúi xuống nhặt bỏ hết hoa héo đã tích lại đó, của những người hâm mộ vô danh, nhồi vào cái túi nilông. Đạo này ít hoa viếng hơn trước, dù vẫn khá nhiều. Hôm nay vài bó vẫn còn tươi. Đôi lúc tôi còn bắt gặp nén hương, hay cả nến, như có ai tìm cách gọi hồn Laura về lại.

Sau khi đã xử lý xong đám hoa hoét tôi đi vòng quanh đài tưởng niệm, đọc lướt danh sách những người nhà Chase đã hết số khắc trên các mặt bệ đá. *Benjamin Chase Và Vợ Thân Yêu Là Adelia; Norval Chase Và Vợ Thân Yêu Là Liliana. Edgar Và Percival, Họ Sẽ Không Già Đi Như Chúng Ta Những Kẻ Bị Bỏ Lại.*

Và Laura, còn lại ở đây cũng nhiều như bất kỳ đâu. Bản chất của Laura.

Mặt thịt.

Trên báo thị trấn tuần trước đăng ảnh nó, kèm theo tin về giải thưởng - tấm ảnh chính thức, tấm ảnh bìa sách, tấm ảnh duy nhất được in vì là tấm duy nhất tôi cho họ. Đây là một tấm chân dung chụp hiệu, nửa người trên quay đi khỏi máy, đầu ngoảnh lại để tạo nét cong duyên dáng nơi cổ. *Thêm chút nữa nào, giờ nhìn lên, nhìn tôi đây, ngoan lắm, bây giờ cười lên xem nào.* Mái tóc dài màu vàng, giống tóc tôi hồi đó - rất nhạt, gần như trắng, như sắc đỏ đã bị gột đi sạch - sắt, đồng, mọi thứ kim loại nặng. Cái mũi thẳng, khuôn mặt hình tim; đôi mắt to, sáng, vô tội; lông mày cong vút, đầu mày hơi nhếch tạo cảm giác đang bối rối. Quai hàm có nét bướng bình, nhưng chỉ ai biết trước mới nhận thấy. Không phấn không son, làm khuôn mặt có vẻ trăn trụi lạ lùng: khi nhìn vào miệng, người ta biết đang nhìn vào da thịt.

Xinh lắm, đẹp nữa là khác; sạch sẽ đến nao lòng. Hình quảng cáo xà phòng, thành phần từ thiên nhiên. Khuôn mặt không nói lên gì cả: nó có cái vẻ bất khả xâm phạm trống rỗng, làm bộ của mọi cô bé con nhà gia giáo đương thời. Tấm bảng còn trắng, không chờ được viết, mà chờ được viết vào.

Chỉ còn cuốn sách khiến nó được người ta nhớ đến.

Laura về trong một cái hộp nhỏ màu bạc, như hộp xì gà. Tôi biết thị trấn bình phẩm ra sao, biết rõ như tự mình đi nghe lén. *Tất nhiên không hẳn là cô ta, chỉ là tro xương. Chẳng ai nghĩ nhà Chase lại đi thiêu xác, trước đây chưa bao giờ, trong thời hoàng kim họ chẳng thèm dùng cách đó, nhưng có vẻ lần này tốt nhất là làm nốt cho xong, đằng nào cô ta cũng gần cháy sạch rồi. Tuy thế, tôi cho là nhà ấy nghĩ cô ta phải ở với gia đình. Muốn cô ta về cái đài to dùng có hai thiên thần ấy. Chẳng ai làm hai, nhưng lúc đó tiền bạc cứ là muốn nứt căng túi họ ấy. Họ thích phô trương mà, hồi ấy, thích gây huyên náo; thích giương cờ đâu, kiểu vậy. Thích làm bố tước thiên hạ. Mà quả họ cũng đã gieo phân phát khắp vùng, hồi ấy.*

Những câu đó luôn vang lên trong đầu tôi bằng giọng Reenie. Ngày đó chị là người phiên dịch cả thị trấn cho chúng tôi, tôi và Laura. Chúng tôi còn dựa được vào ai nữa?

Đằng sau đài tưởng niệm vẫn còn đất trống. Tôi coi đấy là lô đất sẵn - đặt cả đời, như Richard từng đặt tại Nhà hát hoàng gia Alexandra. Đây là chỗ của tôi; ở đó tôi sẽ về với đất.

Aimee tội nghiệp thì ở Toronto, trong nghĩa trang Mount Pleasant, cùng với cả lò nhà Griffen - với Richard và Winifred và thạch trụ granite choáng lộn. Winifred đảm đương việc đó: mụ ta cấm cọc trong cuộc đua giành Richard và Aimee bằng cách sấn vào lập tức, vác theo cả quan tài. Ai trả nhà đồn sẽ toàn quyền chiêm trống. Nếu có thể mụ đã cấm tôi thò mặt đến tang lễ.

Nhưng Laura đi trước hết, khi Winifred chưa kịp hoàn thiện cung cách ăn cắp xác của mình. Tôi nói, “Nó sẽ về nhà,” và thế là hết. Tôi rải tro trên mặt đất, nhưng giữ lại cái hộp bạc. May tôi đã không chôn: nếu không hẳn cái hộp đã sớm mất tích về tay người hâm mộ nào đó rồi. Họ thó bất cứ gì lấy được, đám người ấy. Năm ngoái tôi bắt được một đứa ôm theo hũ mứt và bay, đào đất từ ngôi mộ.

Tôi thường đặt câu hỏi về Sabrina - con bé sẽ nằm lại đâu. Nó là người cuối cùng trong số chúng tôi. Tôi đoán nó vẫn còn trên mặt đất: tôi chưa nghe được tin gì khác, vẫn còn phải chờ xem giữa hai phía gia đình nó sẽ chọn nằm lại phía nào, hay sẽ giấu mình xuống một xó xỉnh khác, tránh xa cả lũ chúng tôi. Nếu có vậy tôi cũng không trách nó.

Lần đầu nó trốn nhà, năm mười ba tuổi, Winifred gọi cho tôi, điên giận một cách lạnh lùng, buộc tội tôi trợ giúp và che giấu nó, dù không đi tới mức nói *bất cóc*. Mụ ta hạch hỏi Sabrina có đến chỗ tôi không.

“Tôi không nghĩ mình có nghĩa vụ cho bà biết,” tôi nói, cốt để hành hạ mụ ta. Công bằng thôi: phần lớn cơ hội hành hạ trước giờ là của mụ. Mụ luôn gửi trả lại thiệp với thư từ và quà sinh nhật của tôi cho Sabrina, trên ghi nắn nét *Trả lại người gửi* bằng nét chữ độc tài bè bè của mụ. “Dù sao tôi cũng là bà ngoại nó. Nó muốn đến nhà tôi lúc nào tùy thích. Cửa nhà tôi lúc nào cũng rộng mở cho nó.”

“Chắc tôi không cần nhắc lại với cô tôi là giám hộ hợp pháp của nó.”

“Nếu bà không cần nhắc lại với tôi, sao bà còn đang nhắc lại với tôi?”

Nhưng Sabrina không đến với tôi. Không bao giờ đến. Chẳng khó đoán tại sao. Chúa biết nó đã nghe nói những gì về tôi. Chẳng có gì tốt đẹp.

NHÀ MÁY CÚC

Cái nóng mùa hè đã về đầy đủ, vánh lại trên thị trấn như xúp kem. Tiết trời sốt rét, một thời; tiết trời thổ tả. Hàng cây che đường tôi đi xòe những tán ô rũ rượi, giấy ẩm nhớp dưới tay, chữ viết ra đậm râu tua tủa như son môi rỉ vào đường chân chim ven khuôn miệng già cỗi. Chỉ cần leo thang tôi đã trở một hàng ria mồm hôi.

Tôi không nên đi bộ trong cái nóng thế này, sẽ làm tim mất sức. Tôi để ý ra đi đâu này một cách ác ý. Tôi không nên thử thách tim mình kiểu đó, nhất là giờ đã được tin bệnh trạng của nó; nhưng tôi vẫn làm thế với nỗi khoái trá bệnh hoạn, như tôi là thằng đầu bò đầu bấu đang bắt nạt nó là đứa trẻ mè neho yếu đuối tôi vẫn ghét.

Chiều chiều bắt đầu có sấm, tiếng thì thùng đi đùng đùng xa, như Chúa đang hờn lấy đập phá. Tôi dậy đi tè, về lại giường, nằm uốn éo giữa lớp chăn ẩm, lắng nghe tiếng quạt rừ rừ buồn tẻ. Myra bảo tôi nên lấp đi ầu hòa, nhưng tôi không muốn. Với lại cũng không có ti ền. “Ai mà giả ti ền cho cái đồ ấy được?” tôi bảo cô. Cô ả chắc nghĩ tôi có hòn ngọc giấu trên trán, như con cóc trong cổ tích.

Đích đến hôm nay là Nhà Máy Cúc, tôi định sẽ đến đó uống cà phê sáng. Bác sĩ đã răn tôi tránh cho xa cà phê, nhưng anh ta mới có năm chục tuổi - anh ta vẫn mặc quần soóc chạy bộ hằng ngày, cho thiên hạ có dịp ngắm nghĩa đôi cẳng chân lấm lông. Anh ta đâu có biết tuốt, dù chắc anh ta cũng chẳng biết chính đi đâu này. Nếu tôi không chết vì cà phê thì thế nào chẳng chết vì thứ khác.

Phố Erie bứ lên vì du khách, hầu hết trung tuổi, gí mũi vào mọi cửa hàng xú vớ nĩa, sục sạo từng xó xỉnh trong hiệu sách, lang thang vô định trước khi lên xe sau bữa trưa đến liên hoan sân khấu mùa hè gần đó lấy vài giờ mua vui bằng phản bội, hung bạo, ngoại tình và giết chóc. Một số đi về cùng phía tôi đi - tới Nhà Máy Cúc, hồng kiếm một hai món đồ sặc sỡ ghi nhớ kỳ nghỉ một đêm rời khỏi thế kỷ hai mươi. Đồ tích bụi, Reenie hẳn sẽ

mệnh danh những của lạ đó như vậy. Cũng áp dụng luôn cho cả chính đám du khách kia.

Tôi đi tiếp giữa đám bạn đồng hành áo màu nhạt, tới điểm phố Erie biến thành phố Mill và chạy dọc theo sông Louveteau. Cảng Ticonderoga có hai con sông, Jogues và Louveteau - những cái tên là dấu tích kho trữ hàng Pháp từng đặt ở ngã ba sông, nhưng miền này chúng tôi cũng chẳng đi sùng Pháp: người thị trấn gọi thành sông Jogs và sông Lovetow. Dòng nước xiết sông Louveteau đã rửa về những nhà xay bột đầu tiên, rồi đến các nhà máy thủy điện. Jogues ngược lại, sâu và chảy chậm, thuyền bè có thể đi đến ba chục dặm bên kia hồ Erie. Xưa dòng sông dùng để chuyên chở đá vôi, ngành công nghiệp sớm nhất của thị trấn, phát triển trên nguồn trầm tích khổng lồ để lại khi biển nội địa rút đi. (Từ kỷ Permi, kỷ Jura? Có thời tôi biết đấy.) Phần lớn nhà trong thị trấn đều xây bằng thứ đá này, kể cả nhà tôi.

Các mỏ đá bỏ hoang vẫn còn quanh khu ngoại ô, những khối vuông và chữ nhật xẻ rất sâu vào núi như từng có những tòa nhà được dỡ nguyên vẹn từ trong ra, bỏ lại cái khuôn rỗng ruột. Thỉnh thoảng tôi mừng tượng toàn thị trấn trỗi lên từ đại dương tiền sử nông choèn, nở chậm như con hải quỳ hay năm ngón găng tay cao su ta thổi hơi vào - giật cục như những thước phim nâu lạo xạo quay hoa đang mở cánh thường chiếu trong rạp - hỡi bao giờ nhỉ? - trước khi vào phim chính. Những kẻ săn hóa thạch lung sục quanh đó, kiếm cá tuyệt chủng, dương xỉ cổ đại, san hô cuộn; và nếu đám trẻ mới lớn cần ăn chơi nhảy múa, chúng cũng chọn nơi này. Bọn trẻ đốt lửa trại, nốc rượu và rít cỏ, mò mẫm trong áo quần nhau với cái vẻ như người đầu tiên nghĩ ra trò đó trên đời, rồi đâm nát xe của cha mẹ trên đường trở lại thị trấn.

Vườn sau nhà tôi tiếp giáp Hẻm Louveteau, nơi con sông thu dòng rồi đổ xuống. Cái thác dốc gây nên kha khá sương mù, và chút ít kính sợ. Mùa hè đến cuối tuần du khách lượn trên đường mòn bên vách núi hoặc đứng ngay sát mép mà chụp ảnh; tôi nhìn thấy từng đoàn mũ phớt trắng ngậy thơ đến bức mình điều qua. Vách đá dễ lở nên rất nguy hiểm, nhưng thị trấn không muốn chi tiền dựng hàng rào: dân ở đây vẫn nhất trí, cho đến tận giờ, rằng nếu có ai đi làm một trò thậm ngu ngốc rồi lãnh hậu quả gì thì cũng đáng

đời kẻ đó. Cốc giấy hàng bánh vòng tắc lại trong xoáy nước bên dưới, và thì thoảng lại thấy một cái xác, ngã hay tự nhảy hay bị đẩy cũng khó nói, tất nhiên trừ khi có thư để lại.

Nhà Máy Cúc nằm bên bờ Đông dòng Louveteau, một phần tư dặm từ Hẻm ngược lên. Suốt vài thập kỷ nó đứng đó điều tàn, cửa sổ vỡ vụn, mái dột gần hết, làm mái ấm của chuột và dân nát rượu, tới khi được cứu khỏi kiếp bị ủi nhờ một ủy ban dân lập năng nổ, và đổi phận làm tổ hợp cửa hàng. Các luống hoa được khôi phục như xưa, mặt tiền được phun cát cho sạch, những tàn phá của thời gian và phá hoại của con người được sửa sang, dù vẫn nhìn rõ những lỗ tro đen quanh các cửa sổ tầng trệt, từ vụ hỏa hoạn hơn sáu chục năm trước.

Tòa nhà xây bằng gạch đỏ nâu, cửa sổ rất lớn ghép nhiều ô kính theo lối các nhà máy thời xưa để tiết kiệm điện chiếu sáng. Nó khá xinh đẹp là khác, so với những nhà máy đồng loại: diềm hoa trang trí trên cửa, chính giữa có bông hồng đá, cửa sổ áp mái, mái vát bằng ngói tím và xanh. Bên cạnh là bãi đỗ xe nhỏ gọn. Chào Mừng Quý Khách Đến Nhà Máy Cúc, tấm biển viết, lối chữ bay bướm kiểu cổ; và, nhỏ hơn, bên dưới: Cấm Đỗ Xe Qua Đêm. Và dưới nữa, bằng bút dạ đen ngoằn ngoèo tức giận: *Mày không phải Chúa và trái đất không phải Lôi Xe Vào của Con Mẹ Nhà Mày*. Dấu ấn địa phương chính hiệu.

Lối vào chính đã mở rộng thêm, xây thêm dốc cho xe lăn, những cánh cửa nặng nề đã thay bằng cửa kính: Ra - Vào, Kéo - Đẩy, bộ tứ hống hách của thế kỷ hai mươi. Bên trong có tiếng nhạc, vĩ cầm nông thôn một-hai-ba, một điệu van nhún nhảy nào tình nào đấy. Có một giếng trời, đầy trên khoảnh sân trung tâm lót đá cuội giả, thêm vài ghế đá công viên mới sơn xanh và chậ đứng vài bụi cây quặt quẹo. Các cửa hàng sắp vòng quanh sân: không khác gì phố mua sắm.

Tường gạch để trần, trang trí bằng những ảnh cũ lấy từ kho lưu trữ thị trấn, phóng to đại tướng. Đầu tiên là đoạn trích trong báo - một tờ báo Montreal, không phải báo ở đây - đến năm 1899:

Ai hình-dung những nhà xây tối-tăm của Quỷ như thời Cổ Anh quốc là nh ần. Các nhà-máy ở Cảng Ticonderoga mọc lên giữa cây-cối xanh tươi điểm hoa trái tươi-tắn, trong tiếng ru róc-rách của dòng nước chảy g ần bên; phòng xưởng sạch-sẽ và thoáng khí, thợ-thuy ền hăng-hái tươi-cười. Khi hoàng-hôn tới, đứng bên c ầu Khánh-Tiết duyên-dáng mới xây, cong cong như chiếc c ầu-v ồng sắt cuốn bắc qua những lu ồng thác ào-ạt của dòng Louveteau, người ta ngỡ đang chiêm-ngưỡng cảnh th ần-tiên mê-h ồi khi đèn nhà máy cục Chase bùng lên, phản-chiếu trên mặt nước lấp-lánh.

Những câu này, vào thời được viết ra, không phải hoàn toàn bịa đặt. Ít ra trong một giai đoạn ngắn, ở đây đã biết thế nào là sung túc, đủ để vực dậy cả vùng.

Tiếp theo là hình ông nội tôi, áo bành tô và mũ quả dưa cùng đôi chòm ria bạc, đứng giữa một tốp chức sắc cũng bóng bẩy không kém chờ chào đón Công tước xứ York^[4] đang làm chuyến công du Canada năm 1901. R ồi đến cha tôi ôm vòng hoa, trước Đài tưởng niệm chiến tranh trong lễ khánh thành - một người cao, nghiêm nghị, để ria, băng một bên mắt; nhìn g ần hơn: một loạt đốm đen. Tôi đứng lùi lại xem hình ông có rõ nét hơn không - cố bắt ánh mắt bên lành - nhưng ông không nhìn tôi; ông đang nhìn v ề chân trời, thẳng lưng ưỡn ngực, như đang đối mặt đội hành quyết. Một người trung kiên, ai thấy h ắn cũng nói vậy.

R ồi một pô chụp bản thân nhà máy, năm 1911, theo dòng chữ đề dưới. Máy móc khu những cánh tay r ần rập như chân cào cào, bánh răng thép lớn nhỏ đủ hình thù, và những pit tông s ần s ần lên xuống, quai hình dạng cho sản phẩm; những bàn dài hai bên hai dãy thợ, gập người tới trước, tay thoăn thoắt. Đứng máy là đàn ông, đeo kính và mặc áo bảo hộ, tay xắn lên; bên bàn là đàn bà, tóc búi cao mặc tạp d ề. Đàn bà là người đếm và đóng cục vào hộp, hoặc khâu vào những v ỉ bì in chéo tên nhà Chase, mỗi v ỉ sáu hoặc tám hoặc mười hai chiếc.

Tận cuối khoảng sân trống rải sỏi có một quán ăn, Trăm Món Đua Ngon, có nhạc sống vào thứ Bảy, bia thì quảng cáo là lấy của các lò bia gia đình trong vùng. Nội thất toàn ván gỗ đặt trên thùng bia làm bàn, một bên tường có các ngăn bàn ghế gỗ thông kiểu đ ầu thế kỷ. Thực đơn quán, dán trên

cửa sổ - tôi chưa bao giờ vào trong - liệt kê những món tôi thấy sắc mùi ngoại quốc: burger pho mát chảy, vỏ khoai tây, bánh ngô nacho. Món chính giàu béo của đám trẻ hạ lưu, hoặc ít ra Myra bảo thế. Cô nàng nắm vị trí quan sát hàng đầu, ngay cửa hàng sát vách, và mọi trò mèo xảy ra tại Trăm Món chẳng cái nào thoát khỏi mắt cô. Cô nói có một thằng ma cô hay tới đó ăn, cả một gã cò ma túy, giữa ban ngày ban mặt. Cô còn chỉ cho tôi xem, kèm rất nhiều lời thì thầm rùng rợn. Tên ma cô mặc com lê vía, dáng vẻ như dân môi giới chứng khoán. Gã cò ma túy để ria xám, mặc đờbò, như một thủ lĩnh công đoàn ngày xưa.

Cửa hàng của Myra có tên Nhà Bánh Gừng, Quà tặng và lưu niệm. Bên trong tỏa ra mùi vừa ngọt vừa cay - một thứ nước xịt phòng hương quế gì đó - và bày đủ thứ: lọ mứt nắp bọc vài hoa, gói trái tim nh ỉ lá thơm sấy ngửi như cỏ khô, những hộp lấp bàn l ề xộc xệch do “nghệ nhân dân gian” đeo tạc, chắn chắn được cho là của đạo hữu Mennonite may, chổi cọ nhà xí hình đầu con vịt đang cười khẩy. Quan niệm của Myra về quan niệm của dân thành thị về đời sống nông thôn, đời sống những vị cố tổ quê mùa đồng nội - một mảnh lịch sử cho khách mang về nhà. Lịch sử, theo như tôi nhớ, chưa bao giờ lạnh mạnh thế này, và nhất là chưa bao giờ sạch sẽ thế này, nhưng hàng thật thì đừng hòng bán được: nói chung chẳng ai ưa một quá khứ nặng mùi.

Myra hay tặng quà cho tôi lựa từ kho bảo bối ấy. Nói cách khác, cô tổng cho tôi những món đồ dân tình sẽ không đời nào mua. Tôi đã gom góp được một vòng cành tết bên nhỏ bên to, bộ vòng gỗ xỏ khăn ăn hình quả dưa thiếu vài cái, cây nến thơm béo phị ngửi như dầu hỏa. Vào ngày sinh nhật tôi nhận được đôi găng làm bếp hình còng tôm. Tôi chắc là cô có thiện ý.

Hoặc có thể cô đang cố khiến tôi mỉm lòng: cô thuộc phái Báp tít, cô muốn tôi tìm được Giê su, hoặc Giê su tìm được tôi, trước khi quá muộn. Đây không phải là tính nết di truyền: Reenie mẹ cô chưa bao giờ hứng thú nhiều với Chúa. Hai bên tương kính như tân, và nếu gặp họa thì người ta tất nhiên sẽ gọi tới ngài, cũng như gọi luật sư; nhưng cũng như luật sư, chỉ khi đấy là đại họa. Nếu không thì viễn chi vẫn lành hơn. Dĩ nhiên chị

không muốn có ngai quanh quần trong bếp, chẳng cần thêm ngai thì chị cũng việc ngập đầu rồi.

Sau một hồi cân nhắc, tôi mua bánh quy tại Thọ Cả Bánh Quy - yến mạch rắc sô cô la vụn - với cà phê đựng cốc xốp, rồi ngồi lên một băng ghế đá mà nhấp cà phê và liếm ngón tay, cho đôi chân nghỉ, nghe nhạc trong băng phát ra những tiếng bật dây luyến láy sâu não.

Chính ông nội Benjamin của tôi là người xây nhà máy cúc, hồi đầu thập kỷ 1870. Hồi ấy nhu cầu cúc áo tăng cao, cũng như áo quần và mọi thứ râu ria trên áo quần - dân số tân lục địa đang bùng nổ với một tốc độ khủng khiếp - còn cúc có thể sản xuất với chi phí rẻ và bán cũng rẻ, và đó (theo Reenie nói) chính là cơ hội ngàn vàng cho ông tôi, người đã nhìn ra vận hội và đã dùng đến bộ óc Chúa ban cho ông.

Tổ tiên ông đã từ Pennsylvania đến đây vào thập kỷ 1820 để khai thác đất khi ấy còn rẻ mạt, cũng như thị trường xây dựng - thị trấn đã cháy trụi trong cuộc chiến 1812, khối lượng cần xây lại quả là không nhỏ. Những bậc tiền bối này là một sản phẩm Giéc-manh, thuộc nhánh giáo phái phi chính thống, pha trộn thêm Thanh giáo thế hệ thứ bảy thành một hỗn hợp cần cù nhưng dễ nổ, giữa hàng ngũ nhà nông đức hạnh và tri độn thường lệ đã sản xuất ra: ba mục sư lưu động, hai tay đầu cơ đất bất tài, và một gã biến thủ vật - những kẻ ưa đùa cợt số mệnh có thiên hướng tiên tri và tham vọng hướng đến chân trời. Tới ông tôi nét đó thể hiện ra thành trò đen đỏ, cho dù thứ duy nhất ông đem cược là bản thân mình.

Cụ nhà ông làm chủ một trong những nhà xay đầu tiên ở Cảng Ticonderoga, một nhà xay lúa thường thường bậc trung, cái thời mọi thứ còn chạy bằng sức nước. Khi cụ chết, do chứng ngập máu như người ta gọi hồi ấy, ông tôi hai mươi sáu tuổi. Ông thừa hưởng nhà xay, vay mượn thêm tiền, nhập tận Hợp chúng quốc về máy móc làm cúc. Những hạt cúc đầu tiên làm bằng gỗ và xương, sang hơn một chút thì bằng sừng bò. Xương và sừng có thể kiếm được với giá rẻ bèo từ mấy lò mổ trong vùng, còn gỗ thì ê hề khắp nơi đến chật cả đất, còn phải đem đốt chỉ để tống khứ chúng đi. Vật liệu thô rẻ cũng như nhân công rẻ còn thị trường thì đang mở rộng, hỏi làm sao ông không phát lên nhanh chóng?

Cúc áo nhà máy ông tôi làm ra không phải loại khiến cô gái bé là tôi mê thích. Không có những viên xà cừ bé tẹo, không có hạt huyềnh lánh lánh, không có loại bọc da trắng dính vào găng tay các quý phu nhân. Cúc xưởng nhà giữa họ hàng cúc áo cũng như ủng cao su thô trong số dép giày: những viên cúc cam đụt, thực dụng, dành cho áo bành tô và quần áo bảo hộ hay sơ mi công nhân; chúng toát ra vẻ vâm vấp, thậm chí lỗ mãng. Có thể mừng tượng những cúc ấy nằm trên quần áo lót mùa đông, cài nắp túi bông quần, hay sắp hàng trên cửa quần dài đàn ông. Chúng sẽ che giấu gì, hẳn là những thứ lủng lẳng, yếu nhược, đáng thẹn, không có không được - những thứ thế giới cần đến nhưng khinh ghét.

Khó hình dung được có thứ hào quang lớn lao nào tìm đến với cháu gái người làm ra thứ cúc như vậy, nếu không phải vì tiền. Nhưng tiền hay ngay cả hơi hám về tiền luôn luôn phả ra một ánh sáng lóa mắt, khiến Laura và tôi lớn lên giữa một vùng cũng khá lung linh. Và ở Cảng Ticonderoga, không ai dám coi cúc nhà Chase là đáng cười hay hạ tiện. Cúc ở đây là vấn đề nghiêm túc: công ăn việc làm của quá nhiều người là ở chúng.

Năm lại năm ông tôi mua lại các nhà xay rỗi biến cả thành nhà máy. Ông có một nhà máy đan quần đùi may ô, một nhà nữa làm tất, một cái thứ ba chế tạo đồ gỗ cỡ nhỏ, ví như gậy tàn. Ông lấy làm hãnh diện về điều kiện lao động ở các nhà máy của mình: ông lắng nghe mọi lời than phiền khi có ai đủ can đảm lên tiếng, ông rầu lòng thương xót ca thương vong nào được thông báo đến ông. Ông theo sát mọi tiến bộ về cơ khí, mà thực ra là về mọi mặt. Ông là chủ nhà máy đầu tiên trong thị trấn sử dụng điện chiếu sáng. Ông cho rằng hoa cỏ sẽ kích lệ tinh thần công nhân - cúc gỗ và mồm chó là trợ thủ đắc lực của ông, bởi chúng không tốn kém mà lại lờ loẹt và sống được lâu dài. Ông tuyên bố rằng lao động nữ dưới quyền ông cũng được an toàn y như trong phòng khách của họ. (Ông tin rằng họ có phòng khách. Ông tin rằng ở đó họ an toàn. Ông hay nghĩ tốt cho người khác.) Ông không nương tay với kẻ nào say sưa trong giờ làm, hay có ngôn ngữ thô tục, hành vi phóng dăng.

Hoặc ít ra đấy là những gì biết được từ *Lịch sử Công ty công nghiệp Chase*, cuốn sách ông tôi đặt viết và in riêng năm 1903, bọc bìa da xanh, trên bìa mạ vàng không chỉ nhan đề mà cả chữ ký chân phương đồ sộ của

ông. Ông thường đem cuốn biên niên sử rồi hơi này làm quà tặng đối tác làm ăn, chắc đã khiến họ phải kinh ngạc, dù cũng có thể không. Chắc đó được coi như chuyện đã rồi, bởi nếu không, bà nội Adelia sẽ không đòi nào cho phép ông làm thế.

Tôi ngồi trên ghế đá công viên, cần mẫn gặm bánh quy. Cái bánh to đùng, ngang một bánh phân trâu, cái kiểu ngày nay nó thế - nhát phèo, nát vụn, nhòn mỡ - và có vẻ tôi sẽ không đòi nào ăn xong được. Đây không phải món thích hợp trong tiết trời ẩm thế này. Tôi cũng hơi chóng mặt nữa, có thể tại cà phê.

Tôi đặt cốc xuống ghế, khiến cây gậy trên ghế lục cục lăn xuống đất. Tôi nhào người sang bên với theo, nhưng không với tới. Tôi mất thăng bằng, va đổ cốc cà phê. Tôi cảm thấy nó qua lền vấy, ẩm hăm hăm. Rồi sẽ có một vệt nâu khi tôi đứng dậy, sẽ giống như tôi vừa bĩnh ra. Ít nhất người ngoài sẽ nghĩ như thế.

Tại sao những lúc ấy chúng ta luôn cho cả thế giới đang dấn mắt vào mình? Thường thì chẳng có ai đâu. Nhưng lúc này có Myra. Cô nàng chắc đã thấy tôi vào đây, chắc đã để mắt trông chừng. Cô tể ra khỏi cửa hàng. “Trông bà trắng bệch như phấn ấy! Bà phờ phạc quá,” cô nói. “Mình lau chỗ đó đi thôi! Trời đất, bà đi bộ từ nhà đến tận đây hả? Bà không được tự đi về đâu! Tốt hơn là con gọi Walter đến đưa bà về.”

“Tôi đi được mà,” tôi bảo. “Tôi không sao đâu.” Nhưng tôi vẫn để cô gọi.

AVILION

Xương cốt tôi lại nhức trở lại, mỗi lần trời ẩm đều như thế. Chúng nhức cứ như lịch sử: những đi đâu đã quyết toán từ lâu, nhưng vẫn dội lại thành cơn đau. Có lúc cơn nhức lên tới mức tôi không ngủ nổi. Đêm nào tôi cũng cầu mong giấc ngủ đến, ráng sức mà ngủ; nhưng giấc ngủ vẫn phất phơ phía trước vài tấc như một tấm màn dính muối, vẫn có thể dùng thuốc ngủ, tất nhiên, nhưng bác sĩ đã cấm dùng đến.

Đêm qua, sau cơn vật vã ẩm nhớp hình như phải hàng giờ, tôi trở dậy bò không dép xuống tầng, lần đường nhờ ánh đèn đường nhọt nhọt hắt vào cửa sổ bên cầu thang. Khi đã an toàn chạm đất, tôi lê tới bếp và cúi vào sục sạo khoảng sáng lò mờ ảo trong tủ lạnh. Không có gì thật hấp dẫn: bó cần đã nát nhoét, mẩu đuôi bánh mì lấm tẩm mứt xanh, quả chanh đang nhũn. Một góc pho mát, bọc trong giấy mỡ, cứng và trắng đục như móng chân. Tôi đã mắc thói quen sinh ra trong cô độc: những bữa ăn thường vụn và tùy tiện. Lén lút ăn vặt, lén lút quà bánh và picnic. Cuối cùng tôi tạm hài lòng với chút bơ lạc, quét thẳng trong lọ bằng ngón trỏ: tội gì phải rửa thìa?

Đứng đó một tay cầm lọ, miệng mút tay kia, tôi cảm giác hình như có ai sắp bước vào phòng - một người đàn bà lạ, người chủ giấu mặt, có thực quyền - mà hỏi tôi đang làm cái trò khỉ gì trong bếp nhà bà ta vậy. Tôi đã từng trải qua cảm giác này, rằng ngay giữa những hành vi hợp pháp thường ngày - bóc chuối, đánh răng - tôi cũng đang là kẻ chiếm chỗ.

Trong đêm càng đậm cảm giác ngôi nhà thuộc về người lạ. Tôi tha thần qua các phòng chính, phòng ăn, phòng khách, tay bám tường giữ thăng bằng. Dù thứ tài sản đang đập dềnh trong những vũng đêm riêng, cách lìa khỏi tôi, chối bỏ quyền tôi sở hữu. Tôi nhìn bao quát bằng con mắt kẻ trộm, đoán định xem thứ gì đáng liêu lấy đi, cái gì tôi sẽ bỏ lại. Bọn trộm sẽ lấy những thứ hiển nhiên - bộ đồ trà bạc vốn của bà nội, có thể là bộ đồ sứ vẽ tay nữa. Những chiếc sót lại trong bộ thìa khảm chữ đầu tên. Cái ti vi. Chẳng phải những thứ tôi thật muốn.

Tất cả chúng nó rồi sẽ bị soi xét rồi quăng đi bởi một người nào đó, khi nào tôi chết. Myra sẽ giành lấy việc này, tất nhiên - cô nàng nghĩ đã thừa kế tôi từ Reenie. Cô ấy sẽ thích thú đóng vai người tâm phúc của gia đình. Tôi không lấy đó làm gan tị: mỗi cuộc đời đã là một bãi phế thải ngay từ khi còn đang diễn ra quá trình sống, và càng tệ hơn sau quá trình đó. Nhưng dù là bãi phế thải, thì cũng nhỏ đến bất thường: ai đã trải qua việc dọn dẹp khi người khác chết, sẽ hiểu tới lượt mình chắc chỉ đầy dăm bảy cái túi rác xanh.

Cái kẹp hạt dẻ hình con cá sấu, hột khuy măng sét xà cừ lẻ bạn, cái lược mai rùa nhều rắng đã gãy. Chiếc bật lửa bạc hồng, cái chén đã mất đĩa, giá lọ gia vị thiếu lọ dấm. Những mảnh xương vương vãi của *tổ ấm*, những đồ giẻ rách, những di vật. Ván tàu đắm sóng dạt lên bờ.

Hôm nay Myra thuyết phục tôi mua quạt điện - một cây quạt có chân cao, khá hơn nhều em bé kéo kẹt vẫn xoa dịu tôi trước giờ. Món đồ hợp ý cô đang giảm giá tại siêu thị mới mở đầu kia cầu sông Jogues. Cô sẽ đưa tôi đi: chẳng lẽ cô cũng định đến đó, nên chẳng phiền gì đâu. Cái lối bịa ra lý do của cô thật khéo dội nước lạnh.

Xe chúng tôi đi ngang qua Avilion, hoặc nơi trước kia từng là Avilion và giờ đây đã đổi khác đến mức đáng buồn. Valhalla là tên nó bây giờ. Con khiên ngỗng phòng giấy nào đã nghĩ tên này hợp với một nhà dưỡng lão? Theo như tôi nhớ, người ta tới Valhalla là sau khi chết, chứ không phải ngay trước khi chết. Nhưng có lẽ có ẩn ý gì đây.

Vị trí thật đặc địa - bờ Đông sông Louveteau, chính điểm hợp lưu với sông Jogues - từ đó vừa ngắm Hẻm Louveteau nên thơ vừa có bến neo an toàn cho thuyền buồm. Tòa nhà rất lớn nhưng giờ trông như bị bủa vây, bị huých dạt ra lề bởi những nhà gỗ bấy bớt mọc lên như nấm sau chiến tranh. Có ba bà già ngồi trên hiên trước, một người ngồi xe lăn, lén lút đốt thuốc, như đám trẻ mới lớn ngỗ nghịch trong buồng vệ sinh. Rồi có ngày họ sẽ đốt cháy rụi nơi này cho mà xem.

Tôi chưa bước vào Avilion kể từ khi nó đổi chức năng; giờ hẳn là bên trong bốc mùi phẩn trẻ em cùng nước tiểu khắm và khoai tây đun cả ngày chưa

ăn hết. Cứ để tôi nhớ về nó như lúc trước, kể cả như lúc tôi biết nó cũng được, khi về xác xơ vừa chớm tới định cư - những hành lang thanh thang mát rượi, căn bếp rộng bóng loáng, bát sứ Sèvres đựng đầy cánh hoa khô đặt trên cái bàn tròn nhỏ gỗ anh đào trong sảnh chính. Tầng trên, trong phòng Laura, bệ lò sưởi có một chỗ mẻ, khi nó đánh rơi cái vỉ lò - một động tác điển hình. Tôi là người duy nhất còn biết thế, ngày nay. Nhìn dáng vẻ đó - làn da mở đóng, hình dong mềm mại, cần cổ vũ nữ ba lê - người ta quen nghĩ nó phải cực kỳ yếu điệu.

Avilion không cất từ đá vôi như các nhà khác. Những người thiết kế muốn có một sản phẩm lạ thường, thế nên nó được xây từ sỏi tròn dưới lòng sông, đồ xi măng thành tảng. Từ xa nhìn lại trông như nổi mẩn, như da khủng long hay giống thằn lằn trong sách tranh. Lãng tâm chôn tham vọng, giờ tôi nghĩ về nó thế.

Đây không phải một ngôi nhà đặc biệt thanh nhã xinh đẹp, nhưng ngày xưa đã từng được coi là oai vệ theo cách riêng - cung điện của một nhà buôn, có đường lái xe uốn lượn dẫn vào, một tháp kiểu Gô tích bè bè trên đỉnh, và hàng hiên rộng hình bán nguyệt nhìn bao quát cả hai con sông, nơi các quý bà đội mũ hoa rộng vành nhấm nháp trà trong những chiếc ghế oi bức năm chuyển mình giữa hai thế kỷ. Những ban tứ tấu đàn dây từng biểu diễn ở đó trong các buổi tiệc trà; bà tôi cùng với bạn bè dùng đây làm sân khấu, diễn kịch nghiệp dư, lúc hoàng hôn, bốn bên đèn thấp; Laura và tôi thường trốn bên dưới đó. Nó đã trũng xuống rồi, hàng hiên ấy; nó cần sơn lại rồi.

Ngày xưa có cả một vọng lâu, một vườn rau rào kín, vài khoảnh cây làm cảnh, một hồ súng thả cá vàng, và một nhà kính sưởi bằng hơi nước giờ đã bị phá, trồng dương xỉ và hoa lily đèn, thi thoảng có những cây chanh hay cam đắng mảnh khảnh. Có cả phòng đánh bi a, phòng khách chiếc và phòng khách sáng, thư viện với tượng Medusa hoa cương trên bệ lò sưởi - Medusa theo kiểu thế kỷ mười chín, ánh nhìn đáng yêu bất khả xâm phạm, lữ rần ngoằn ngoèo nhô ra khỏi đầu như những ý nghĩ cuồn cuộn thống. Cái bệ lò sưởi là của Pháp: vốn người ta đặt mua cái khác, có Dionysus giữa những dây nho, nhưng thay vào đó Medusa đến gõ cửa, và vì từ đây gửi trả về Pháp thì quá là xa nên cái này được đem dùng.

Còn có một phòng ăn thênh thang mờ tối dán tường bằng giấy William Morris, mẫu “kẻ trộm dâu”, ngọn đèn chùm chạm hoa súng đờng quấn quýt, ba cửa sổ cao bằng kính màu, chuyển đường thủy từ Anh về tả các cảnh lấy từ sự tích Tristan - Iseult (cảnh trao tình dược, trong chén đồ như hồng ngọc; đôi tình nhân, Tristan quỳ một gối, Iseult cúi mình bên trên, mái tóc vàng đổ xuống như thác - chất liệu kính không hợp lắm, trông hơi giống cây chổi tan chảy; Iseult một mình, ai oán, quấn trong lượt là màu tía, bên mình có cây đàn hạc).

Việc thiết kế và trang trí ngôi nhà do bà nội Adelia đảm trách. Bà mất khi tôi chưa kịp ra đời, nhưng cứ như tôi nghe kể bà là một người êm như ru và lạnh như băng, nhưng ý chí sắc như dao cau. Thêm nữa bà chuộng Văn hóa, đi đâu này đem lại cho bà chút ít thẩm quyền về đạo đức. Bây giờ thì chắc là không, nhưng thời đó, người ta vẫn tin rằng Văn hóa có thể đem lại điều tốt - làm nên con người tốt. Người ta tin rằng nó làm con người thêm cao thượng, hoặc ít ra đám đàn bà tin. Họ còn chưa thấy Hitler ở nhà hát nhạc kịch.

Họ thời con gái của Adelia là Montfort. Bà thuộc một gia tộc bệ thế, hoặc ít ra là cái tương đương với một gia tộc bệ thế ở Canada: người Anh Montreal thế hệ thứ hai, lai với người Pháp Huguenot. Nhà Montfort đã từng thịnh vượng một thời - họ vớ bẫm nhờ kinh doanh đường sắt - nhưng vài màn đầu cơ hấp tấp cộng với thói ỉ trệ đã đẩy họ tụt xuống được nửa chừng con dốc. Thế nên khi thời gian dành cho Adelia đã gần cạn mà xung quanh không thấy có triển vọng đáng kể nào về một gã chững ra hồn, bà đã kết hôn vì tiền - tiền thô, tiền làm cục. Nhiệm vụ của bà là phải tinh luyện thứ tiền ấy, như luyện dầi.

(Không phải bà được gả, mà là gả bán, Reenie bảo, tay đẩy chày cán bánh quy gùg. Gia đình họ đã sắp đặt hết. Thế là thường trong những gia đình kiểu đó, và ai mà biết như thế hơn hay kém việc tự chọn lấy ở chỗ nào? Đàng nào thì, Adelia Montfort cũng thực hiện bổn phận của mình, và còn may mà có chỗ, bởi tới lúc đó bà cũng quá lứa lỡ thì đến nơi rồi - bà chắc đã phải hai mươi ba, tức là coi như quá đất vào cái thời ấy.)

Tôi vẫn còn một bức chân dung hai ông bà; tấm ảnh lờn trong khung bạc, họa tiết hoa bìm bìm quấn quanh, chụp ngay ít lâu sau đám cưới. Hậu cảnh có tấm rèm nhung diềm và hai cây dương xỉ đặt trên đôn. Bà nội Adelia ngả mình trên ghế dài; một người đàn bà quý tướng, mi trĩu, vận lớp lớp áo xống kèm chuỗi ngọc trai đôi dài và cổ áo xẻ rất sâu viền ren, đôi cánh tay trắng ẻo lả, như gà rút xương. Ông nội Benjamin ngồi đằng sau trong bộ cánh chỉnh chệch, vững chãi nhưng ngượng nghịu, cứ như đã được tân trang riêng cho dịp này. Cả hai đều thẳng đơ như bó coóc xê.

Khi đến tuổi mơ mộng - mười ba, mười bốn - tôi thường lãng mạn hóa Adelia. Tôi hay nhìn ra cửa sổ ban đêm, ngắm thảm cỏ và những luống cây cảnh được trắng dát bạc, mà thấy bà u sầu lướt trên mặt đất trong tấm áo dài trắng có ren mặc dự tiệc trà. Tôi gán cho bà một nụ cười uể oải, sỏi đời, có chút khinh ngạo. Được ít lâu tôi bổ sung một người tình. Tôi cho bà hẹn người ấy bên ngoài nhà kính, tới lúc đó đã bị bỏ mặc - cha tôi không hứng thú gì cam sưởi bằng hơi nước - nhưng tôi phục hiện lại nó trong óc, và thả vào đó bao nhiêu thứ hoa nhiệt đới. Hoa lan này, tôi nghĩ, hay hoa trà cũng được. (Tôi không biết hoa trà là thứ hoa gì, nhưng đã đọc thấy trong sách.) Bà tôi sẽ nắm tay người tình biến vào trong đó, rồi làm những gì? Cái này tôi không rõ.

Trong thực tế, xác suất Adelia có một người tình là zero. Thị trấn quá nhỏ, đất óc quá hẹp hòi, bà ở một vị trí quá cao không muốn ngã đau. Bà không đàn. Thêm nữa bà cũng không có tiền riêng.

Là nữ chủ nhân, là người điều hành nội chính, Adelia khá tử tế với Benjamin Chase. Bà lấy làm kiêu hãnh với gu thẩm mỹ của mình, và ông nội thuận theo bà về mặt đó, bởi khiếu thẩm mỹ cũng nằm trong những nguyên nhân khiến ông cưới bà. Lúc đó ông đã bốn mươi; ông đã cất lực xây dựng gia tài, và giờ ông quyết chí có được giá trị xứng với số tài sản ấy, cụ thể là để cho người vợ mới cưới chỉ đạo về phục trang hằng ngày và bức hiệp về ăn. Bản thân ông theo cách của mình cũng cần Văn hóa, hoặc ít nhất là bằng chứng sờ sờ được về Văn hóa. Ông muốn món đồ sứ xịn.

Thì ông đã có, cùng những bữa tối mười hai món đi kèm: mở đầu bằng cầ
tây và quả hạch muối, kết thúc bằng sô cô la. Canh thịt h ằm, chả lăn bột,
bánh timbale, món cá, món nướng, món phô mai, hoa quả, nho tr ồng nhà
kính đồ trần qua mép khay thủy tinh chạm trổ. Những món ăn của khách
sạn đường sắt, giờ tôi nghĩ vậy; của tàu du lịch viễn dương. Các thủ tướng
ghé thăm Cảng Ticonderoga - vào lúc ấy thị trấn đã có vài nhà sản xuất
tiếng tăm, các chính đảng muốn tranh thủ sự ủng hộ quý báu - đều chọn
Avilion nghỉ lại. Ảnh chụp ông nội Benjamin với lần lượt ba thủ tướng
được lồng khung vàng treo trong thư viện - Sir John Sparrow Thompson,
Sir Mackenzie Bowell, Sir Charles Tupper. Chắc hẳn các bữa ăn là thứ họ
ưa hơn hết ở đây.

Nhiệm vụ của Adelia lúc ấy là thiết kế r ỗ sắp đặt những bữa tiệc tối, r ỗ
tránh khỏi bị nhìn thấy đang ngấu nghiến. Thói tục quy định rằng giữa
khách mời bà chỉ được nhỏ nhẹ từng miếng: nhai và nuốt là những hành vi
quá ư thú tính. Tôi đ ờ rằng bà có gọi khay riêng lên phòng mình, khi hết
bữa. R ỗ sai năm quân.

Avilion hoàn thành năm 1889, được chính Adelia ban tên. Tên ấy lấy từ
thơ Tennyson:

Thung-lũng Avilion giữa đảo;

Mưa bão tuyết giông chẳng gợn bao giờ,

Và tiếng gió cũng thì-th ầm khe-khẽ,

Lũng bóng cây chìm giữa vạt đ ồng mơ,

Vườn cây trái tươi non ríu-rít,

Biển vây quanh xanh ngắt bốn mùa hè...

Đoạn thơ này bà cho in cánh trái trong ruột thiệp Giáng sinh. (Tennyson đã
hơi lỗi thời r ỗ, theo chuẩn ở Anh - thời đó đang làm mưa làm gió là Oscar
Wilde, ít ra trong tốp trẻ - nhưng đằng nào, ở Cảng Ticonderoga cái gì mà
chẳng hơi lỗi thời.)

Mọi người - trong thị trấn - ắt hẳn đã cười nhạo bà vì đoạn thơ này: ngay cả những kẻ có tham vọng chen chân vào chốn giao tế cũng gọi kháy bà là Nương nương hay Công tước phu nhân, dù họ sẽ bất bình lắm lắm nếu bị gạt ra ngoài danh sách khách mời. Còn về tấm thiệp Giáng sinh ắt họ đã bảo, *Chà, về chuyện mưa bão tuyết giông thì bà ta không gặp may rồi. Có lẽ bà ta nên có nhờ với Chúa*. Hoặc có thể, trong các nhà máy: *Chúng mày từng thấy lũng bóng mát nào chưa, trừ ở dưới ngực áo bà chủ?* Tôi có biết phong cách của họ và không tin nó đã đổi nhiều từ trước đến giờ.

Adelia quả có muốn làm màu bằng tấm thiệp Giáng sinh, nhưng tôi nghĩ rằng không chỉ thế. Avilion là nơi vua Arthur tìm đến trước khi chết. Hẳn nhiên việc chọn tên này cho thấy bà nghĩ cảnh lưu đày của mình tuyệt vọng đến mức nào: bà có thể, chỉ nhờ sức mạnh ý chí, hóa phép ra một bản sao nhợt nhạt của hòn đảo thiên đường, nhưng vẫn không bao giờ là thật. Bà muốn có phòng khách thính; bà muốn những dân tài tử, thi sĩ, nhạc sĩ, khoa học gia vân vân tụ tập, như đã chứng kiến hồi đi thăm bà con xa ở Anh, thời gia đình còn sung túc. Một cuộc sống vàng, giữa những thảm cỏ rộng.

Nhưng loại người đó không tồn tại ở Cảng Ticonderoga, còn Benjamin thì không chịu đi xa. Ông phải ở bên nhà máy của mình, ông bảo thế. Có lẽ đúng hơn là ông không muốn bị lôi vào giữa đám người sẽ cười khẩy vào gã làm cúc áo là ông, vào nơi những món dao nĩa lạ lùng phục sẵn, vào nơi Adelia sẽ hổ thẹn vì ông.

Adelia không chịu đi một mình mà không có ông, đến châu Âu hay nơi nào khác. Cắm đống lửa là quá lớn - ra đi mà không quay lại. Trôi dạt đi, trút rỗng túi thì cần chút một như quả khí cầu thoát hơi, làm mồi cho đám vô lại hay những tên lưu manh dẻo miệng, chìm mỗi lúc một sâu vào cấm kỵ. Có cái cổ áo như thế, bà hẳn là dễ xiêu lòng.

Bên cạnh nhiều mối quan tâm khác, Adelia tìm vui trong điệu khúc, vẫn còn hai con nhạn sư đá cạnh hai bên nhà kính - Laura với tôi hay trèo lên lưng - và một gã dương thần tí tởm từng dòm ra từ sau ghế đá, đôi tai nhọn hoắt, chiếc lá nhỏ khổng lồ quấn quanh chỗ kín như phù hiệu; còn có tiên nữ ngẩng bên ao sủng, một cô bé khiêm nhường có đôi vú chũm cau và bím

tóc hoa cương vắt qua vai, một chân e dè nhúng xuống nước. Chị em tôi thường ng ẩ cạnh cô nhỏ ăn táo, nhìn lũ cá vàng nhấm ngón chân cô.

(Những món tượng này nghe nói là “hàng thật”, nhưng thật thế nào? Và làm sao mà Adelia có được chúng? Tôi ngờ rằng có một dây chuy ền trộm đạo ở đây - một gã m ỗ chài m ờ ám nào đó ở cự lực địa vớ được chúng chỉ mất một bài ca, bịa ra một cái nguyên quán, lừa đảo đường dài tổng cho Adelia và ẩ khoản chênh lệch, sau khi phán đoán chính xác rằng một bà người Mỹ giàu có - như hẳn ta hẳn sẽ xếp bà vào loại đó - sẽ không đời nào vỡ lẽ ra.)

Cũng chính Adelia vẽ mẫu tượng đài dòng họ ở nghĩa trang, cùng hai thiên thần trên đó. Bà còn muốn ông tôi đào mả tổ tiên chuyển về đây, tạo cảm tưởng một tri ầu đại trường cửu, nhưng ông chưa bao giờ bắt tay làm được. Rốt cuộc chính bà lại là người đ ầu tiên nằm xuống đó.

Không biết ông nội Benjamin có thờ phào nhẹ nhõm không, khi Adelia chết? Có thể ông đã mòn mỏi vì biết cả đời mình cũng không thỏa mãn thước đo khắc nghiệt của bà, dù rõ rệt là ông sùng bái bà đến gần như khiếp đảm. Một bằng chứng là ở Avilion không có gì thay đổi: không một bức tranh d ời chỗ, không một món đồ gỗ thay đi. Có thể ông coi ngôi nhà chính là tượng đài đích thực về bà.

Vì thế Laura cùng tôi được bà dạy dỗ nên người. Chúng tôi lớn lên trong ngôi nhà của bà; nói cách khác, trong ý niệm của bà về bản thân mình. Cũng là ý niệm của bà về chúng tôi như lẽ ra phải thế, mà không được thế. Vì bà đã chết r ồi, chúng tôi chẳng tài nào cãi lại.

Cha tôi là con cả trong số ba anh em trai, mỗi người một cái tên rất kêu theo sở nguyện của Adelia: Norval và Edgar và Percival, phục hưng thời đại Arthur kèm thêm âm hưởng Wagner. Tôi nghĩ họ nên mừng đã không bị đặt tên là Uther hay Sigmund hay Ulric. Ông nội Benjamin mê mẩn ba đứa con trai, và muốn chúng theo học ngành buôn cức, nhưng Adelia có những dự định cao sang hơn. Bà đóng gói cả ba gửi đến trường Trinity College ở Port Hope, nơi Benjamin cùng mấy m óc của ông không thể lây cái thô tục

sang người chúng. Bà trọng thị tài sản của Benjamin khi đem vào sử dụng, nhưng muốn phủ vải đi đầu che đi nguồn gốc tài sản đó.

Ba người con trai đến hè lại về nhà. Ở trường nội trú và rồi trường đại học, chúng đã học được cách khinh thường bố mẹ ông bố của mình, vì ông không đọc nổi tiếng La tinh, dù trúc trắc như chúng đọc. Chúng liên hồi nói về những người ông không biết, hát những bài ông chưa từng nghe, đùa những câu ông không hiểu. Đêm đêm chúng giương buồm chiếc du thuyền nhỏ của ông, *Thủy Nữ Tinh*, tên do Adelia đặt - cũng nằm trong thẩm mỹ Gô tích ẩm ương của bà. Chúng sẽ gảy đàn mandolin (Edgar) hay banjo (Percival), lén lút nốc bia, làm rối tung dây chao rồi quẳng đấy mặc ông xử trí. Chúng sẽ lấy một trong hai cái xe mới của ông chạy vì vu, cho dù suốt một nửa năm đường quanh thị trấn khá tẻ - tuyết, rồi bùn, rồi bụi - đến nỗi cũng chẳng còn mấy đường mà đi cả. Lại còn nghe đồn đại về những cô ả phóng đảng, ít nhất là với hai cậu em, và về những khoản tiền trao tay - mà có dúi một ít cho các cô nương ấy để các nàng tự xử thì cũng là cử chỉ đúng đắn thôi, vì ai mà muốn một bày hài nhi vô thừa nhận mang dòng máu Chase bò khắp vùng cơ chứ? - nhưng các cô gái đó không phải người thị trấn, nên không ai phân nản gì về mấy cậu thanh niên; ngược lại là khác, ít nhất trong đám đàn ông. Người ta có cười nhạo họ chút đỉnh, nhưng không quá nhiều; ý kiến chung là họ tin cậy được, lại có phong cách dân dã. Edgar và Percival được gọi tắt là Eddie và Percy, dù cha tôi, bên lên hơn và tự trọng hơn, lúc nào cũng là Norval. Đó là những cậu chàng xinh xẻo, hơi phóng túng, nhưng con trai cậu nào chẳng thế. Mà “phóng túng” chính xác nghĩa là gì?

“Họ là bọn đều,” Reenie bảo tôi, “nhưng không phải là phường vô lại.”

“Khác nhau chỗ nào?” tôi hỏi.

Chị thở dài. “Tôi chỉ mong cô không bao giờ hiểu ra,” chị nói.

Adelia chết năm 1913, do ung thư - một chứng không được nêu tên nên gần như chắc chắn là bệnh phụ nữ. Vào tháng cuối cùng, mẹ Reenie được đưa về phụ việc trong bếp, mang theo Reenie; lúc đó chị mười ba tuổi, và chuyện này đã khiến chị nhớ suốt đời. “Cơn đau dữ đến mức người ta phải

tiêm moóc phin cho bà, bốn giờ một lần, có y tá trực suốt ngày đêm. Nhưng bà không chịu nằm yên trên giường, bà ngâm bồn làm ngọt, lúc nào cũng trở dậy và ăn bận đẹp như thường lệ, dù nhìn cũng thấy hờn vía bà đã lạc mất đầu rưỡi. Tôi thường thấy bà đi khắp khu nhà, áo váy màu nhạt và mũ rộng vành che mặt. Bà có tư thế tuyệt đẹp và nghị lực hơn phần lớn đàn ông, thật thế. Cuối cùng họ phải trói bà vào giường, chỉ vì muốn tốt cho bà. Ông nội cô lòng dạ tan nát, ai cũng thấy ông xẹp đi hẳn.” Khi tôi lớn lên và ngày càng khó gây ấn tượng, Reenie thêm thắt vào câu chuyện những tiếng thét kìm nén, tiếng rên la hay lời thề bên giường chết, cho dù tôi không dám chắc chị làm thế để làm gì. Chị muốn bảo cả tôi cũng cần trung bày khí phách như thế - cũng phải coi thường đau đớn, phải ngâm bồn như thế - hay chỉ đơn giản là chị khoái chí trước những chi tiết khốn khổ? Cả hai, chắc hẳn.

Khi Adelia mất, ba đứa con trai đã gần trưởng thành. Chúng có nhớ mẹ không, có thương khóc bà hay không? Tất nhiên là có. Làm sao chúng không biết ơn bà đã tận tụy vì mình? Tuy nhiên, bà cũng đã siết chặt lấy chúng, hay ít ra là chặt tới mức bà còn giữ được. Chắc cũng phải có chút ít xả giận sau khi bà đã được chôn cất đằng hoàng tử tể.

Ba đứa con không đứa nào muốn tiếp tục sự nghiệp làm cúc; chúng đã thừa hưởng từ mẹ thói khinh thường nó, dù không thừa hưởng được tính thực tế của bà. Chúng biết từ trên trời rơi xuống, nhưng cũng chẳng có mấy ý tưởng sáng láng là nó rơi xuống từ đâu. Norval - cha tôi - dự kiến theo đuổi nghề luật và sau rốt sẽ tham gia chính sự, bởi ông ôm ấp nhiều kế hoạch cải tổ nước nhà. Hai người em muốn chu du: một khi Percy tốt nghiệp đại học, họ sẽ bắt đầu một chuyến thám hiểm tới Nam Mỹ, thăm dò xem đâu có vàng. Con đường rộng mở đang vẫy gọi.

Vậy thì ai sẽ gánh lấy nền sản xuất nhà Chase? Chẳng lẽ công ty Chase và Con trai sẽ không bao giờ có? Nếu thế, Benjamin đổ mồ hôi máu ra để mà làm gì? Cho tới lúc đó ông đã thuyết phục bản thân rằng ông còn một nguyên do khác, không chỉ là tham vọng cá nhân, khao khát cá nhân - còn một mục tiêu cao quý. Ông đã gây dựng một di sản, ông muốn truyền lại, từ đời này qua đời khác.

Chắc đã có những ám chỉ đầy trách móc trong không chỉ một cuộc bàn bạc, quanh bàn ăn tối, bên cốc vang porto. Nhưng đám trẻ vẫn khẳng khẳng lì lợm. Không thể ép một cậu thanh niên hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp sản xuất cùc nếu cậu ta không muốn. Chúng không định làm phật ý cha mình, không chủ tâm, nhưng mặt khác chúng cũng không muốn hứng lấy gánh trầi tục sẽ làm vai chúng oằn xuống và chai mủi.

CỦA HỒI MÔN

Quạt mới đã mua rồi. Các bộ phận được gửi đến trong một thùng các tông lớn, người ráp chúng lại là Walter, đã vác hộp đồ nghề đến và vận hết vào với nhau. Khi làm xong, cậu ta nói, “Như thế là cô ả ngon rồi đấy.”

Walter coi mọi tàu bè đều là nữ giới, cũng như động cơ xe bị cháy hay đèn đài hồng - bất cứ thứ đồ gì mà những anh chàng rành máy móc có thể mang ra vầy vọc rồi trả về trạng thái chưa bóc tem. Sao tôi lại lấy đó làm an tâm thế? Có thể tôi vẫn tin, ở một góc đầy lòng tin con trẻ trong hồn, rằng có thể sẽ đến lúc Walter lôi bộ kim và cờ lê ra thực hiện quy trình đó với tôi.

Cái quạt cây để trong phòng ngủ. Cái quạt cũ tôi đã tha xuống dưới bỏ ra hiên, nó sẽ chiếu thẳng vào gáy tôi. Cảm giác dễ chịu nhưng cũng hơi sợ, như có bàn tay bằng khí lạnh dịu nhẹ đặt lên vai. Đã được hong khí, tôi ng ửi vào cái bàn gỗ, cần bút cạo giấy miệt mài. Không, tôi nh ầm - bút ngày nay không cạo giấy nữa. Từ ngữ tuôn ra êm ru trên giấy; chính cái việc bắt chúng chảy xuống cánh tay, nặn chúng ra các ngón, chính việc đó mới khó khăn.

Trời đã tờ mờ. Không có gió, tiếng nước dưới gh ềnh xối qua vườn như một hơi thở thật dài. Hoa nào màu xanh đã lặn vào không trung, hoa đỏ biến thành đen, hoa trắng ngời lên như lân tinh. Uất kim hương đã trút hết cánh, trở lại nhụy hoa - đen, như mồm chó, dâm dăng. Mẫu đơn cũng sắp hết đời, rã rượi mềm oặt như giấy ăn ẩm, nhưng ly đã nở bùng, cả hoa lốc nữa. Những cây sơn mai cuối cùng đã rụng hoa, cỏ phủ đầy những bông tuyết trắng xóa.

Tháng Bảy năm 1914, mẹ tôi lấy cha tôi. Chuyện này đòi giải thích, tôi nghĩ thế, xét theo tình hình như vậy.

Hy vọng lớn nhất của tôi là Reenie. Khi đến tuổi quan tâm đến những chuyện loại ấy - mười, mười một, mười hai, mười ba - tôi hay ng ửi bên bàn bếp, vận chị như vận chìa.

Chị còn chưa tròn mười bảy khi đến ở hẳn tại Avilion, rời khu nhà liên kế bên bờ Đông Nam sông Jogues, nơi cư ngụ của thợ thuyền nhà máy. Chị nói mình là người Tô Cách-Ái Nhĩ Lan, nhưng không phải cái giống Ái Nhĩ Lan Công giáo, dĩ nhiên, ám chỉ đời bà nội ngoại chị đã là Công giáo. Chị khởi đầu bằng việc bảo mẫu cho tôi, nhưng trải qua một loạt thay đổi và thải h ỡ chị đã trở thành chỗ dựa chính của gia đình. Chị h ỡ ấy bao nhiêu tuổi? *Không phải chỗ cô nhúng mủ vào. Đủ lớn đủ khôn rồi. Biết thế là đủ.* Nếu bị cật vấn về đời tư, chị sẽ khép miệng hên. *Tôi giữ mình cho mình*, chị đáp. Ngày xưa tôi thấy chị khôn ngoan biết bao. Còn bây giờ, bủn xỉn dường nào.

Nhưng chị nắm rõ lịch sử gia đình, hoặc ít nhất một phần nào đó. Chuyện chị kể thay đổi tùy theo độ tuổi của tôi, mà cũng tùy xem lúc đó chị lơ đãng đến đâu. Dù sao đi nữa, nhờ thế tôi đã nhặt nhạnh đủ mảnh vụn mà tái dựng lại quá khứ, một quá khứ so với thực tế chắc cũng như bức chân dung khảm so với nguyên mẫu bên ngoài. Mà dù sao tôi cũng không cần chủ nghĩa hiện thực: tôi muốn mỗi mảnh đều được tô màu chói gắt, đường viền rõ nét, không có gì mập mờ, cũng như phần lớn trẻ con đối với sự tích các đấng sinh thành. Chúng muốn hình trên bư thiếp.

Cha tôi đã cầu hôn (theo lời Reenie) trong một buổi liên hoan trượt băng. Có một cái ao - một hồ cấp nước cho cối xay cũ - ngược về phía trên đoạn thác, ở đó nước chảy chậm hơn. Mùa đông nào thật lạnh, mặt nước sẽ đóng băng đủ dày cho người trượt. Ở đây giới trẻ của giáo xứ thường tổ chức các buổi liên hoan trượt băng, tuy không gọi là liên hoan mà là dã ngoại.

Mẹ tôi thuộc giáo hội Giám lý, còn cha theo Anh giáo: như vậy xét về thang bậc xã hội mẹ tôi thuộc đẳng thấp hơn, như người ta tính ngày đó. (Nếu còn sống, bà nội Adelia hẳn không đời nào chấp thuận cuộc hôn phối này, về sau tôi kết luận. Mẹ tôi quá lạc đời lệch lữa, bà sẽ cho như vậy, lại thêm quá e thẹn, quá nghiêm ngặt, quá tỉnh lẻ. Adelia sẽ lôi cổ cha tôi đến Montreal - gán ông cho một tiểu thư mới ra mắt nào đó, ít nhất. Một người áo lượt qu ần là hơn.)

Mẹ tôi khi ấy còn trẻ, mười tám tuổi, nhưng bà hoàn toàn không phải một cô bé đ ồng bóng ngốc nghếch, Reenie bảo. Bà đã dạy ở trường được ít lâu;

h ồi đó người ta có thể làm cô giáo khi chưa đầy hai mươi. Đây không phải nhu cầu mưu sinh: cha của bà là luật sư chính cho Công ty Chase, và họ sống “khá phong lưu”. Nhưng, cũng như bà ngoại, đã qua đời khi mẹ vừa chín tuổi, mẹ tôi thành tâm tin theo tôn giáo của mình. Bà tin cần giúp đỡ những ai không được phúc phận bằng mình. Bà chọn nghề dạy học như người ta đi truyền giáo, Reenie ngưỡng mộ nhận xét. (Reenie thường ngưỡng mộ những việc mẹ tôi làm mà nếu ở địa vị mình chị sẽ coi là hết sức ngu ngốc. Còn về chủ đề người nghèo, chị đã lớn lên giữa họ và cho là họ chẳng đời nào nên thân. Cứ việc dạy dỗ họ đến rất cổ bồng hòng, nhưng đối với phần lớn đối tượng đó, việc ấy cũng chỉ như húc đầu vào tường mà thôi, chị bảo. *Nhưng mẹ cô, cầu trời phù hộ trái tim cao quý của bà, chẳng bao giờ nhận ra điều đó.*)

Vẫn còn một tấm ảnh chụp mẹ tôi ở trường sư phạm, ở thành phố London, Ontario, chụp với hai cô gái nữa; cả ba đứng trên thềm trước nhà trọ, cười thoải mái, tay lồng vào nhau. Tuyết mùa đông đã quét thành đồng sang hai bên; nhũ băng rủ xuống trên mái. Mẹ tôi mặc áo choàng da hải cẩu; đuôi mái tóc mềm ló ra dưới mũ. Chắc lúc này mẹ đã dùng đôi kính cặp mũi, tíên thân của gọng kính cú vọ tôi còn nhớ - mẹ bị cận thị từ nhỏ - nhưng trong ảnh không thấy đeo. Có thể nhìn thấy một bàn chân xỏ trong bốt vĩên lông, mắt cá hơi xoay ra làm dáng. Trông mẹ khá mạnh mẽ, táo bạo là khác, như một cậu cướp biển thiếu niên.

Tốt nghiệp xong, mẹ đã nhận việc ở một ngôi trường nhỏ, loại trường mấy lớp học chung một phòng, tí về phía Tây Bắc, nơi lúc đó vẫn còn là vùng sâu vùng xa. Mẹ đã sốc trước những gì chứng kiến ở đó - nghèo khổ, dốt nát, rận rệp. Trẻ con ở đó mặc rịt quần áo lót từ khi thu tới cho đến tận mùa xuân, chi tiết này in sâu vào trí tôi như điển hình của sự nhếch nhác. *Dĩ nhiên*, Reenie nói, *đấy không phải là nơi dành cho một thiếu nữ quý phái như mẹ cô.*

Nhưng mẹ tôi cảm thấy mình đang đạt được đi ầu gì - *làm được điều gì* - cho ít nhất là vài đứa trong số tụi trẻ nghèo hèn ấy, hoặc ít nhất là bà hy vọng thế; và rồi bà về nhà nghỉ Giáng sinh, sắc mặt xanh xao và bấp tay gầy guộc của bà đem lại không ít phàn nàn: người ta muốn bà h ồng hào đôi má. Và vì thế bà có mặt ở buổi liên hoan trượt băng, trên mặt hồ cố

xay đóng băng, có cha tôi hộ tống. Ông buộc dây giày trượt cho bà trước, một gối quỳ trên sàn.

Họ đã quen nhau từ trước nhờ có hai cụ thân sinh. Đã có nhiều buổi gặp gỡ lịch thiệp. Họ đã diễn cùng nhau, trong buổi diễn trong vườn cuối cùng của Adelia - ông đóng vai Ferdinand, bà Miranda, trong một vở *Con bão* được tía tốt đứng dẫn mà cả sex lẫn Caliban đều giản lược tối thiểu. Vận áo dài hồng cánh sen, Reenie kẻ, đeo một tràng hoa hồng; bà đọc lời thoại tuyệt vời, như một thiên thần đang nói. *Thế giới mới diệu kỳ, có những con người như thế!* Và ánh nhìn lãng đãng từ đôi mắt cận thị hấp háy lóa đèn. Có thể hiểu vì sao mà ra chuyện đó.

Cha tôi lẽ ra có thể kiếm tìm nơi khác, một cô vợ nhiều tiền lắm bạc hơn, nhưng chắc ông muốn thử vàng đã qua thử lửa, muốn người có thể cậy nhờ. Bất chấp tính khí bốc đồng - ngày trước ông đã từng rất bốc đồng, hẳn rồi - ông là một chàng trai nghiêm chỉnh, Reenie nói, ám chỉ nếu không phải thế mẹ tôi hẳn đã khước từ. Cả hai đều nhiệt thành theo cách riêng; họ đều đeo đẳng một mục đích cao xa, muốn đem lại đi đâu tốt đẹp cho thế giới. Những lý tưởng quá sức quynh rũ, quá sức hiểm nghèo!

Sau khi đã cùng trượt vài vòng quanh ao, cha tôi hỏi cưới mẹ tôi. Tôi đoán ông đã hỏi một cách vụng về, nhưng đàn ông vụng về thời đó là dấu hiệu cho thấy họ thành thực. Thời điểm ấy, dù chắc vai và hông đã chạm, cả hai đều không nhìn nhau; họ lướt bên nhau, hai tay phải nắm lấy nhau trước ngực, tay trái nắm sau lưng. (Lúc ấy mẹ mặc gì? Cả cái này Reenie cũng biết. Khăn len đan màu thiên thanh, mũ nỉ với găng tay đan đồng màu. Đầu là mẹ tự đan lấy. Áo khoác dày phủ ngang đùi, xanh như màu áo thợ săn. Và khăn tay giắt vào tay áo - một vật bà không bao giờ quên, Reenie bảo, không phải như một số đứa chị biết.)

Mẹ đã làm gì ở thời điểm cốt tử này? Mẹ chăm chú nhìn mặt băng. Mẹ không trả lời ngay. Có nghĩa là đồng ý.

Khắp bốn bề là núi đá tuyết phủ và những nhũ băng rủ trắng - trắng đất trắng trời. Dưới chân họ là băng, cũng trắng, và dưới nữa là nước sông đang chảy, đầy những xoáy nước và sóng tạt, tăm tối nhưng không thấy

được. Đó cũng là cách tôi hình dung về thời kỳ đó, trước khi Laura và tôi sinh ra - phẳng lặng làm sao, vô hại sao, vững vàng sao trước mắt nhìn vào, nhưng vẫn cứ là băng mỏng. Dưới bề mặt ấy là những điếu chẳng thành lời, đang âm ỉ sôi.

Rồi sau đó là chiếc nhẫn, và tin đăng trên báo chí; rồi - ngay khi mẹ dạy xong năm học, bốn phen tất nhiên phải thế, và trở lại - bắt đầu những bữa tiệc trà mời khách. Bày biện trang nhã, với xăng ếch cuốn măng tây, xăng ếch kẹp cải xoong, cùng ba loại bánh ngọt - kem, sô cô la, hoa quả - còn trà thì rót trong ấm tách bạc, bàn bày hoa hồng, trắng hoặc phớt kem hoặc có khi vàng nhạt, nhưng không phải đỏ. Màu đỏ không dùng cho tiệc trà đính hôn. Tại sao cơ? *Lớn lên cô sẽ biết*, Reenie bảo.

Rồi thì đến của hồi môn. Reenie thích kể cặn kẽ từng thứ một - áo ngủ dài, áo ngủ mềm, ren đính trên ấy, vỏ gối thêu tên tắt, ga giường và váy lót phồng. Chị tả từng tủ đứng và bàn có ngăn kéo và tủ áo chia ngăn, và những thứ dành cất vào trong đó, đã gấp gọn gàng. Không nhắc gì đến những thân người rồi sẽ được các vải vóc ấy phủ lên: đám cưới, đối với Reenie, quan trọng chỉ là phương diện áo quần, ít nhất trên bề mặt.

Rồi danh sách khách mời cần lên, thiệp mời cần gửi, hoa cưới cần chọn, và cứ thế cho đến lễ cưới.

Và rồi, sau đám cưới, là chiến tranh. Yêu đương, sang cưới hỏi, sang thăm họ. Theo cách kể của Reenie, thứ tự ấy hình như do trời định.

Chiến tranh bắt đầu tháng Tám năm 1914, chẳng mấy lâu sau hôn lễ của cha mẹ tôi. Cả ba anh em đều nhập ngũ ngay ngày đầu, cái đó là tất yếu. Giờ nghĩ lại mà kỳ lạ, cái sự tất yếu này. Vẫn còn một tấm ảnh chụp bọn họ, bộ ba bánh tòn đống quân phục, ba cái trán nghiêm nghị và thơ ngây, ba bộ râu mềm yếu, ba nụ cười hờ hững, ba đôi mắt cương nghị, làm dáng theo hình mẫu ba người lính họ còn chưa kịp trở thành. Giữa cả ba cha tôi cao nhất. Bức ảnh này cha luôn để trên bàn.

Họ đầu quân vào Trung đoàn hoàng gia Canada, đơn vị đầu quân của tất cả thanh niên từ Cảng Ticonderoga. Gần như tức khắc họ được phái tới Bermuda thế chỗ một trung đoàn Anh đã hết hạn đóng quân tại đó, và thế

là, suốt năm đầu chiến sự, ngày ngày họ chỉ duyệt binh và chơi cricket. Và ngựa ngáy vô cùng, hay ít ra thư nói vậy.

Ông nội Benjamin hăm hở đọc thư. Khi thời gian lết thết qua mà chưa thấy có tin thắng lợi từ một trong hai phía, ông càng lúc càng thêm bồn chồn bất an. Lẽ ra sự thế không được như thế. Trái khoáy là việc làm ăn của ông lại đang nở rộ. Gần đây ông đã bành trướng sang cả xen luy lô và cao su, ý là công nghệ làm cốc, cho phép sản xuất với khối lượng lớn hơn; và nhờ những quan hệ trong giới chính khách lập được nhờ Adelia lúc trước, các nhà máy của ông tới tấp nhận được đơn hàng cho quân đội. Ông vẫn trung thực như cũ, ông không xuất đi thứ hàng hóa tạp nhạp, ông không phải loại người trục lợi từ chiến tranh như người ta vẫn nói. Nhưng không thể nói là ông không được lợi.

Chiến tranh là cơ hội đẹp cho ngành làm cốc. Bao nhiêu cốc áo mất đi trên chiến địa, cần được bổ sung - có khi hàng hộp, hàng xe một lúc. Chúng có thể bị nổ tung, bị đập xuống bùn, bị cháy ra tro. Cả quần áo lót nữa chứ. Theo góc nhìn tài chính, chiến tranh là một thứ lửa thần kỳ: một đám cháy khổng lồ có phép giả kim, làn khói bốc lên tự động chuyển hóa thành tiền. Hoặc ít ra với ông tôi. Nhưng đi đâu đó không còn đem niềm vui lại cho tâm hồn ông, hay nâng đỡ thêm lòng tự hào về sự chính trực của mình, như nếu đây còn là những năm xưa, những năm còn tự mãn. Ông muốn có lại các con. Dù cũng chưa phải chúng ở nơi nào nguy hiểm: chúng vẫn còn ở Bermuda, diễu hành nhón nhơ trong nắng.

Từ sau tuần trăng mật (tại vùng hồ Bảy Ngón, ở bang New York), cha mẹ tôi đã về Avilion sống chờ dựng cơ nghiệp của riêng mình, và khi chiến tranh nổ ra mẹ vẫn ở lại đó cai quản nhà cửa cho ông nội. Người làm vắng, bởi mọi cánh tay khỏe mạnh đều huy động tới nhà máy hoặc ra mặt trận, nhưng còn bởi người ta cảm thấy Avilion cần nêu gương sáng trong việc cắt giảm chi tiêu. Mẹ tôi khẳng khái chỉ cho phép ăn uống đơn giản - bỏ hẳn vào thứ Tư, đậu nướng chiều Chủ nhật - mà như thế khá hợp với ông tôi. Ông chưa bao giờ thật yêu thích phong cách ẩm thực cầu kỳ của Adelia cả.

Tối năm 1915 tháng Tám, Trung đoàn hoàng gia Canada được đi đầu lại về Halifax, trang bị sẵn sàng đến Pháp. Đội quân nghỉ lại cảng hơn một tuần, bổ sung nhu yếu phẩm cùng tân binh và đổi quân phục xù nhiệt đới lấy những đồ ấm áp hơn. Các chàng trai được cấp súng trường Ross, rồi đây sẽ tắc nghẽn trong bùn, khiến họ vô phương xoay sở.

Mẹ tôi bắt tàu đến Halifax tiễn cha. Tàu chật cứng người lên đường ra trận; mẹ không kiếm được toa nằm, nên cả chặng đường ngồi trên ghế. Giữa hai hàng ghế có chân bước đi, có gối với bọc, và ống nhổ; có tiếng ho, tiếng ngáy - tiếng ngáy kẻ say, hẳn nhiên. Và nhìn những khuôn mặt trẻ măng xung quanh, mẹ nhận ra chiến tranh có thực, không phải như một ý niệm mà là một thực thể vật chất. Người chững trẻ tuổi có thể bị giết. Cơ thể ông có thể bị hủy diệt; có thể bị xé toang, có thể mất vào mâm cỗ hiến sinh - mà bây giờ bà hiểu rõ - sắp phải dâng lên. Cùng với nhận thức đó ứa về nỗi tuyệt vọng và niềm kinh sợ rúm người, nhưng cũng có - tôi dám chắc - cả một chút tự hào tâm tối.

Tôi không biết ở Halifax hai người họ ngủ lại đâu, hoặc bao lâu. Trong một khách sạn hoàng gia hay, bởi khan phòng, một quán trọ rẻ tiền, một nhà nghỉ tạm bên cảng? Một vài ngày, hay một đêm, một vài giờ? Giữa họ diễn ra những chuyện gì, có lời nào đã nói? Thì cũng như mọi người khác, tôi đồ vậy, nhưng là chuyện gì? Giờ không còn cách nào biết được. Rồi con tàu chở trung đoàn cũng ra khơi - đó là chiếc SS *Caledonian* - và mẹ tôi đứng trên cầu cảng giữa những người vợ lính, vẫy tay khóc lóc. Hoặc có khi không có màn khóc lóc: mẹ sẽ coi làm thế là yếu đuối.

Một nơi ở Pháp. Anh không thể mô tả nổi những chuyện đang diễn ra ở đây, cha tôi viết, vì thế sẽ không cô thử. Chúng ta chỉ có thể gắng tin cuộc chiến này sẽ mang lại điều tốt nhất, và nên văn minh sẽ nhờ nó mà được bảo tồn và phát triển. Thương vong cao đến (một từ bị cạo đi). Anh chưa bao giờ nhận ra con người có thể làm được những gì. Những gì phải chịu đựng thật quá (một từ bị cạo đi). Ngày nào anh cũng nhớ đến mọi người ở nhà, và nhất là em, Liliana yêu thương.

Ở Avilion, mẹ tôi đặt nghị lực vào hành động. Mẹ tin vào công cuộc phụng sự qu ân chúng; mẹ cảm thấy cần xắn tay áo lên mà làm gì đó có ích cho

cuộc chiến. Mẹ thành lập Nhóm ái hữu, gây quỹ qua những cuộc bán hàng tầm tằm. Tiền thu được biến thành những hộp xinh xinh đựng kẹo và thuốc lá, để gửi ra chiến hào. Mẹ mở toang cửa Avilion cho những dịp ấy, một điếu (theo lời Reenie) rất hại cho sàn nhà. Bên cạnh những cuộc bán hàng, mỗi chiều thứ Ba tối của mẹ lại ngồi đan lát đồ cho các chàng trai, trong phòng tiếp khách: khăn lau mình với những tay cơ bản, khăn quàng cho đám nâng cao, mũ bịt mặt và găng tay cho dân chuyên nghiệp. Chỉ ít lâu sau lại thêm một tiểu đoàn mới tuyển mộ, vào các thứ Năm - những bà già hơn, ít học hơn từ phía Nam sông Jogues, họ có thể vừa ngủ vừa đan. Nhóm mới đan quần áo trẻ con cho người Armenia, nghe đồn đang chết đói, và cho một đối tượng gọi là Dân Tị Nạn Ngoại Quốc. Sau hai giờ đan lát, lại có bữa trà đậm bạc dọn ra trong phòng ăn, dưới chân Tristan và Iseult mỗi món nhìn xuống.

Khi những thương binh què cụt đầu tiên xuất hiện, trên phố hay trong bệnh viện những thị trấn láng giềng - Cảng Ticonderoga lúc này còn chưa xây bệnh viện - mẹ tôi tới đó thăm. Mẹ xung phong nhận những ca tệ nhất - những người (theo lời Reenie) rõ ra không phải ứng viên sáng giá cho các cuộc thi sắc đẹp - và trở về sau những cuộc thăm viếng ấy run rẩy và kiệt lực, và có khi còn khóc, trong bếp, khi uống chén ca cao Reenie pha động viên. Bà không biết tiếc thân mình, Reenie nói. Bà hủy hoại sức khỏe mình. Bà làm quá sức mình, nhất là trong tình trạng bản thân như thế.

Sao mà điếu ấy một thời được coi là biết bao cao quý - nào là làm quá sức mình, nào không biết tiếc thân, nào hủy hoại sức khỏe! Chẳng ai sinh ra đã có sẵn lòng xả thân như thế: nó chỉ có được nhờ thứ kỷ luật tàn bạo nhất, nhờ nghị lực hủy bản tính tự nhiên, và đến thời tôi mảnh khảnh hay bí quyết thực hiện những điếu này hình như đã mất. Hoặc là do tôi không dám thử, bởi đã biết hậu quả của đức tính ấy ở mẹ tôi.

Còn với Laura, con bé không phải xả thân, không phải chút nào. Trái lại nó là đùa vô thân, một chuyện hoàn toàn khác.

Tôi sinh ra đầu tháng Sáu năm 1916. Chẳng mấy lâu sau, Percy bỏ mạng trong bão đạn tại trận địa Ypres, và tới tháng Bảy Eddie chết ở sông Somme. Hoặc được phán đoán là đã chết: nơi trông thấy cậu lần cuối đã

thành hố bom. Những sự kiện ấy là thử thách nặng nề với mẹ tôi, nhưng với ông tôi còn nặng nề hơn nữa. Tới tháng Tám ông chịu một cú đột quỵ tai hại, khiến cả lời nói và trí nhớ đều thương tổn.

Dù không chính thức, mẹ tôi đã tiếp quản công việc điều hành nhà máy. Mẹ đặt mình vào vị trí trung gian giữa ông tôi - được coi là đang dưỡng bệnh - với mọi người bên ngoài, và hằng ngày gặp gỡ người thư ký nam cùng các quản đốc phân xưởng. Bởi mẹ là người duy nhất hiểu được ông tôi nói gì, hoặc người duy nhất tự nhận mình hiểu, mẹ trở thành phiên dịch cho ông, và bởi là người duy nhất được phép nắm tay ông, mẹ cầm tay cho ông ký; và có ai dám chắc mẹ không đôi lúc dùng đến phán xét của riêng mình?

Cũng không phải tất cả đều yên ả. Khi chiến sự bắt đầu, số thợ đàn bà chiếm một phần sáu. Tới hết chiến tranh con số đã tăng lên hai phần ba. Đàn ông còn lại toàn người quá già, hoặc tàn tật, hoặc vì nguyên do này khác mà không thể ra trận. Những người này thù địch thế lực đang lên của đàn bà, và cầu nhau về họ hoặc đùa những câu tục tĩu, còn ngược lại đám đàn bà coi họ là nhu nhược hoặc lười chây thây và không bỏ công che giấu niềm khinh bỉ. Trật tự thông thường của sự vật - theo ý niệm của mẹ tôi - đang lộn tung phèo cả. Tuy nhiên, tiền công vẫn khá, và tiền là điều bơi trơn rất tốt, nên xét trên toàn cục mẹ tôi vẫn đảm đương được mọi việc khá êm xuôi.

Tôi hình dung thấy ông mình, đêm đêm ngõ trong thư viện, trong ghế bành da xanh đóng đinh đờng, bên bàn viết gỗ đào hoa tâm. Những ngón tay chắp vào nhau, những ngón trên bàn tay còn cảm nhận và trên bàn tay không cảm giác. Ông đang lắng nghe chờ ai đó. Cửa để ngỏ; ông thấy có bóng người bên ngoài. Ông nói, “Vào đi” - ông nghĩ mình đã nói - nhưng không ai vào, cũng không ai đáp lại.

Bà y tá cầm cầu đi vào. Bà hỏi ông nghĩ mình đang làm cái gì mà lại đi ngõ một mình trong bóng tối. Ông có nghe âm thanh, nhưng không phải lời, mà như tiếng quạ; ông không trả lời. Bà nắm lấy tay ông, nhắc bổng ông khỏi ghế, lôi xềnh xệch đến giường. Váy hồ trắng kêu sột soạt. Ông nghe tiếng gió khô, thổi qua những đờng sậy mùa thu. Ông nghe tiếng tuyết đang thủ thủ.

Ông có biết hai đứa con trai đã chết không? Ông có cầu mong họ sống lại, trở về lành lặn? Liệu cái kết có thành ra vô hậu hơn nữa, nếu đi cầu mong ấy thành sự thực? Có thể là như thế - thường là như thế - nhưng đây không phải một ý nghĩ vô về.

MÁY QUAY ĐĨA

Đêm qua tôi vừa xem kênh thời tiết, thói quen thường ngày. Ở đâu đó ngoài thế giới kia đang lụt: nước nâu cuồn cuộn, xác bò trôi lềnh phềnh, mái nhà túm tùm những người sống sót. Hàng nghìn người bị nhấn chìm. Trái đất nóng lên được bêu danh là thủ phạm chính: con người, thông điệp nói, phải thôi đừng đốt gì thêm nữa. Đốt dầu, đốt khí, đốt tron những cánh rừng. Nhưng con người không chịu dừng. Tham lam đói khát dằn đuổi họ, bao giờ cũng vậy.

Tôi đến đâu rồi nhỉ? Tôi giờ lại trang trước: chiến tranh vẫn đang hoành hành. *Hoành hành* là chữ người ta hay dùng ngày trước, đi với chiến tranh; vẫn còn dùng, theo tôi biết. Nhưng trên trang giấy này, một trang mới tinh sạch sẽ, tôi sẽ bắt chiến tranh kết thúc - một mình tôi, chỉ bằng một nét bút bi đen. Chỉ cần tôi viết đúng một câu: *1918. 11 tháng 11. Ngày đình chiến.*

Đấy. Thế là hết. Súng đã im tiếng. Những người sống còn sót lại ngược nhìn trời, gương mặt lấm lem, áo quần sũng nước; họ trèo lên khỏi những hang cáo và hào chuột chũi bắn thủ. Cả hai phe đều thấy mình bại trận. Nơi thành phố, chốn nông thôn, ở đây cũng như bên kia bờ đại dương, chuông nhà thờ đồng loạt đổ. (Tôi vẫn còn nhớ, tiếng chuông vang vang. Đấy là một trong những ký ức đầu tiên của tôi. Cảm giác thật kỳ lạ - không trung bỗng nhiên ngập thanh âm, mà cũng đồng thời vắng lặng. Reenie đưa tôi ra sân nghe. Nước mắt lăn trên mặt chị. *Ơn trời*, chị nói. Ngày hôm đó lạnh buốt, sương giá đọng trên lá rụng, lớp băng mỏng phủ mặt ao hoa súng. Tôi cần que chọc cho vỡ. Còn mẹ ở đâu?)

Cha tôi bị thương ở trận sông Somme, rồi lành lại và được thăng lên thiếu úy. Ông lại bị thương lần nữa ở dãy Vimy, nhưng không nặng lắm, và lên đại úy. Ông bị thương lần thứ ba ở rừng Bourlon, lần này nặng hơn. Và giữa lúc ông dưỡng thương ở Anh thì chiến tranh kết thúc.

Cha tôi đã lỡ cuộc đón tiếp đoàn quân trở về hoan náo nức ở Halifax, cuộc diễu binh khải hoàn và vân vân, nhưng Cảng Ticonderoga đã mở tiệc riêng chào đón một mình ông. Xe lửa ngừng bánh. Tiếng hoan hô vỡ òa.

Một rừng tay giơ lên định đỡ ông, rồi do dự. Ông hiện ra cửa toa. Ông còn một mắt lành và một chân lành. Khuôn mặt xương xẩu, vá vúi, hoang dại.

Từ biệt có thể nát lòng, nhưng gặp lại chắc chắn còn tệ hơn nữa. Thịt xương không bao giờ bằng được cái bong bóng lung linh choán chỗ trong khoảng trống. Thời gian và khoảng cách vượt mịn mọi đường nét; rồi bỗng nhiên người thương xuất hiện, chính giữa ánh mặt trời ban trưa soi mói, mỗi nốt ruồi với lỗ chân lông và nếp nhăn hay râu cứng đầu phoir rành rành.

Và ấy là mẹ và cha tôi. Làm sao mỗi người đến lại cho người kia cái tội thay đổi nhiều đến thế? Tội không thể giống như hình bóng đợi chờ. Làm sao có thể vứt bỏ bao nhiêu oán trách? Oán trách không lời và rất bất công, bởi chẳng có ai mà đổ lỗi, chẳng có ai mà quy tội. Chiến tranh không phải một con người. Làm sao trách tội cơn bão được?

Họ đứng đó, trên sân ga. Ban nhạc thị trấn chơi nhạc, chủ yếu là kèn. Cha mặc quân phục; các huy chương trông như lỗ đạn xuyên thủng vải, lộ ra ánh kim đùng đục của cơ thể thép bên trong. Hai bên ông, vô hình ảnh, là hai người em - hai chàng trai đã mất, hai người ông cảm thấy mình để mất. Mẹ tôi đứng đó trong chiếc váy đẹp nhất, thắt đai và cổ áo bẻ rộng, mũ trên đầu buộc dải nơ hờ hững. Mẹ cười run rẩy. Cả hai đều không biết phải làm gì. Máy ảnh nhà báo chớp được họ trong ánh flash chói lòa; cả hai giương mắt, như bị bắt quả tang phạm tội. Cha tôi đeo mảnh băng đen che mắt phải. Mắt trái rực lên hiểm độc. Dưới mảnh băng, lúc này chưa ai biết, sẹo nhằng nhịt như mạng nhện, do con mắt mất tích dẹt nên.

“Người hùng thừa kế nhà Chase trở về,” tờ báo tung hô ồn ã. Lại thêm một mối phiền: cha tôi giờ là người thừa kế, nói cách khác ông đã trở thành không cha đồng thời không anh em. Cả vương quốc đặt vào tay ông. Như nắm bùn.

Mẹ tôi có khóc không? Cũng có thể. Chắc họ đã vụng về hôn nhau, như thế cha tôi chọn nhàn hộp ăn trưa của người đàn bà lạ trong cuộc lạc quyền. Đây không phải người ông còn nhớ, cái người đàn bà tháo vát, mệt mỏi này, có cặp kính mũi gái già lóc lên đầu sợi dây chuyền bạc trên cổ. Bây

giờ họ là người lạ, và - cả hai hẳn phải nhận ra - trước đây họ vẫn luôn là người lạ. Ánh nắng chói gắt làm sao. Họ đã già thêm biết mấy. Chẳng còn đâu dấu vết chàng trai trẻ từng hào hoa quỳ gối trên băng thất dây giày trượt cho bạn gái, hay cô gái trẻ yêu kì ầu nhận cử chỉ lịch thiệp này.

Lại còn một đi ầu nữa sắt lại như thanh gươm đặt giữa hai người. Hi ển nhiên ông từng gặp những đàn bà khác, loại người vẫn mon men quanh các chiến trường tìm cơ hội. Gái đi - ta sẽ không lảng tránh cái chữ mẹ tôi sẽ không đòi nào thốt qua miệng. Ất hẳn mẹ đã nhận ra, ngay l ần đ ầu ông lại đặt tay lên người mẹ: sự nhút nhát, vẻ cung kính, đã không còn. Chắc hẳn ông đã cưỡng lại cám dỗ suốt thời kỳ Bermuda, r ồi hết đất Anh, cho tới tận lúc Eddie và Percy mất mạng và bản thân bị thương. Sau lúc đó hẳn ông đã tóm ghì lấy sự sống, lấy bất kỳ mảnh sự sống nào tay còn quor được. Sao mẹ lại không hiểu nổi ông c ần đi ầu đó, trong hoàn cảnh ấy?

Mẹ hiểu, hay ít ra mẹ hiểu rằng mình c ần phải hiểu. Mẹ hiểu, và không nhắc đến đi ầu đó, và c ần nguyện có đủ sức mạnh mà tha thứ, và tha thứ. Nhưng còn ông, ất hẳn sống chung với sự tha thứ ấy không phải dễ dàng. Bữa sáng diễn ra giữa màn sương tha thứ: cà phê bỏ tha thứ, cháo củ n ēm tha thứ, bánh mì quét tha thứ và bơ. Trước sự tha thứ ấy ông bất lực, làm sao phủ nhận lời kết tội không bao giờ đưa ra? Mẹ cũng căm ghét cả người y tá, rất nhi ều y tá, đã chăm sóc cha trong rất nhi ều bệnh viện khác nhau. Mẹ ước gì sự h ồi phục của cha chỉ là nhờ mình mẹ - nhờ sự chăm sóc, tận tụy không mệt mỏi của mẹ. Sự xả thân có mặt trái ấy: thói độc tài.

Thế nhưng cha tôi cũng không khỏe mạnh đến mức ấy. Ngược lại ông là một mớ tơi tả thảm hại, là phép tổng những tiếng thét trong đêm, những cơn ác mộng, những trận thịnh nộ thành linh, những bát hay ly quăng vào tường hoặc sàn, dù không bao giờ vào mẹ. Ông đã tan vỡ, ông c ần hàn gắn: như thế mẹ vẫn còn cơ có ích. Mẹ sẽ bọc lấy ông trong bầu không khí an hòa, mẹ sẽ chi ều chuộng ông, mẹ sẽ nuông ông từng li từng tí, sẽ cắm hoa trên bàn ông ăn sáng và nấu cho ông những bữa tối ngon lành. Ít nhất thì ông cũng không rước thứ bệnh tai hại nào vào thân.

Tuy thế, ông đã rước v ề thứ tai ác hơn nữa: cha tới giờ là một kẻ vô th ần. Bên trên những chiến hào Chúa đã nổ tung như bong bóng, chẳng để lại gì

ngoài những mảnh xác bần thỉu của thói đạo đức giả. Tôn giáo là thêm một cây roi nữa thúc vào mông người lính, và bất kỳ ai dám nói khác chỉ là thuyết giáo mộ đạo rởm mà thôi. Có gì được lợi nhờ lòng quả cảm của Percy và Eddie - cuộc đời dũng cảm của họ, cái chết tang thương của họ? Tất cả để đạt được gì? Họ đã bị giết bởi những kém cỏi của một bầy ó già nua bất lực, bầy hung phạm chính, chẳng khác gì đám kia đã cắt cổ họ lãng qua thành chiến hạm SS *Caledonian*. Chiến đấu vì Đức Chúa và Nền Văn Minh, những lời lẽ ấy làm ông lộn mửa.

Mẹ tôi nghe mà hoảng kinh. Nghĩa là ông bảo Percy và Eddie chết chẳng vì mục đích cao cả nào? Nghĩa là bao nhiêu kẻ đáng thương ấy chết chẳng vì gì cả? Còn về Chúa, nếu không phải Người thì ai đã phò trợ họ qua quãng thời gian thử thách và gian khổ kia? Mẹ van xin ông ít nhất hãy cất cái vô thần đi cho riêng mình. Rồi sau đó lại hồ thẹn chín người vì nói ra câu đó - cứ như với mẹ quan trọng hơn cả là sợ hàng xóm bàn ra tán vào, chứ không phải linh hồn sống của cha tôi quan hệ ra sao với Chúa.

Nhưng ông cũng tôn trọng ý bà. Ông hiểu đấy là điều cần thiết. Đằng nào thì ông cũng chỉ nói ra miệng như vậy khi uống vào. Trước chiến tranh ông chưa bao giờ uống rượu, hoặc ít ra không phải thường xuyên chủ động, nhưng giờ thì có. Ông uống say rồi đi đi lại lại, cẳng chân tàn phế lết trên sàn. Được một lúc ông bắt đầu run lẩy bẩy. Mẹ tôi sẽ tìm cách vỗ về ông, nhưng ông không muốn vỗ về. Ông sẽ trèo lên cái tháp bè bè trên đỉnh Avilion, nói muốn lên hút thuốc. Chẳng qua là ông tìm có ng ẩ riêng. Trên đó ông sẽ nói chuyện một mình và động bình bình vào tường, và uống đến say mềm đờ đẫn. Ông lánh mặt mẹ tôi mỗi lần làm thế, bởi ông vẫn tự coi mình là người lịch thiệp, hoặc ít nhất vẫn bám lấy những mụn vải lịch thiệp còn lại. Ông không muốn làm mẹ khiếp hãi. Ngoài ra còn vì ông cảm thấy tức thở, tôi đoán vậy, khi những săn sóc thiện ý của mẹ thít vào ông quá chặt.

Bước nhẹ, bước nặng, bước nhẹ, bước nặng, như con thú dím bầy một chân. Tiếng rên và tiếng thét nghiền nghệt. Tiếng thủy tinh vỡ. Những tiếng động sẽ làm tôi tỉnh giấc: sàn tháp ở ngay trên nóc phòng tôi.

Tiếp đó là tiếng chân đi xuống; rồi là im lặng, hình thù đen sì hắt bóng ngoài ô cửa phòng ngủ đóng chặt. Tôi không nhìn thấy, nhưng cảm thấy được ông, con quái vật độc nhãn lê một cẳng, buồn xo. Tôi đã quen với các tiếng động, và không nghĩ ông sẽ làm gì hại mình, nhưng vẫn đối xử với ông thật cảnh giác.

Đừng hiểu nhầm ý tôi là đêm nào cũng y như thế này. Mà những lần như thế - những đợt lên cơn, chắc vậy - cũng ngày càng ít hơn và thưa hơn, về sau. Nhưng có thể đánh hơi thấy một cơn đang đến khi thấy miệng mẹ tôi mím lại. Mẹ có một thứ ra đa ngầm, có thể dò được sóng phát từ cơn thịnh nộ đang tích lại trong ông.

Tôi muốn nói rằng ông không yêu mẹ nữa chẳng? Không phải. Ông vẫn yêu mẹ; về một số khía cạnh ông tôn sùng mẹ. Nhưng ông không đến được với mẹ, và mẹ thì cũng thế. Cứ như cả hai đã uống phải một thứ độc dược trí mạng khiến họ phải đời đời xa lìa nhau, cho dù sống trong cùng một nhà, ăn cùng một mâm, ngủ cùng một chiếu.

Không hiểu cảm giác ấy ra sao - khát khao, mong mỗi người đang ở ngay trước mắt mình, ngày nào cũng vậy? Sẽ không bao giờ tôi biết.

Vài tháng sau cha tôi bắt đầu những chuyến đi chơi tai tiếng. Không phải trong thị trấn chúng tôi, hay ít ra ban đầu thì không. Ông bắt tàu tới Toronto, để “lo việc làm ăn”, và đi chè chén, và đi săn mèo, như người ta gọi hồi đó. Tiếng dữ đồn xa, nhanh lạ lùng, các vụ bê bối vẫn thường như thế. Kỳ quái là cả mẹ lẫn cha tôi đều được dân thị trấn kính trọng hơn vì chuyện này. Ai trách được ông, trong hoàn cảnh ấy? Còn về mẹ, bất chấp mọi đi đâu phải đương đầu, chưa ai nghe thấy một lời kêu than thốt trên miệng bà. Đúng như cần phải thế.

(Làm sao tôi biết được mọi chuyện này? Tôi không biết, không phải theo như lối biết thông thường. Nhưng trong những nhà như nhà tôi, người ta nghe được từ im lặng nhiều hơn từ lời nói ra - từ đôi môi mím lại, đầu quay đi, những cái liếc xéo. Đôi vai gù lên như đỡ một gánh rất nặng. Hèn nào chúng tôi đã học được thói nghe lén qua cửa, Laura và tôi.)

Cha tôi có một dãy ba toong, cán thừa riêng - bằng ngà, bằng bạc, bằng mun. Ông rất coi trọng việc đóng bộ đảng hoàng. Ông chưa bao giờ nghĩ kết cuộc mình sẽ nắm lấy các nhà máy gia đình, nhưng giờ đã đảm nhận ông quyết tâm sẽ làm tử tể. Ông cũng vẫn có thể bán đứt, nhưng sự thể là không tìm được người mua, vào lúc ấy, với cái giá ông đặt ra. Hơn nữa ông còn cảm thấy có bốn phận, nếu không phải với mồm người cha, thì cũng với hai người em đã mất. Giấy tờ in tên hãng ông đổi hết thành Chase và Con trai, dù chỉ còn lại một người. Ông muốn đến lượt mình cũng có con trai, hai đứa là tốt nhất, thay thế những người đã mất. Ông muốn duy trì.

Cánh thợ ở nhà máy ban đầu sùng bái ông. Không phải chỉ vì mớ huy chương. Ngay khi chiến tranh kết thúc, đám đàn bà đã lùi về hoặc bị dẹp về nhà, công việc lúc trước họ làm thì nay đàn ông trở về chiếm lấy - những người vẫn còn khả năng làm được việc, tất nhiên. Nhưng không còn quá nhiều việc cần người nữa, nhu cầu khổng lồ thời chiến đã hết rồi. Khắp đất nước chỉ thấy đóng cửa thái hỉ, trừ các nhà máy của cha tôi. Ông mướn nữa, ông mướn tràn lan. Ông mướn các cựu chiến binh. Ông nói mình thấy tởm thói vô ơn của đất nước này, và nói đám nhà buôn cần trả lại một phần món nợ. Tuy thế rất ít người làm đi đầu đó. Họ nhắm mắt làm ngơ; nhưng cha tôi, một bên mắt đã hỏng hẳn, không thể nhắm nốt mắt còn lại. Và từ đó ông bắt đầu có tiếng là một kẻ nổi loạn, và hơi khờ.

Xét theo bề ngoài tôi là đứa con đích thực của cha tôi. Tôi trông giống ông hơn mẹ; tôi đã thừa hưởng được cái cau mày, thói đa nghi dai dẳng. (Và cả các huy chương nữa, sau này sẽ thấy. Ông di chúc lại cho tôi.) Reenie thường nói, mỗi lần tôi giở trò ương bướng, rằng tôi là đứa cứng đầu và chỉ biết cái đó ở đâu ra. Laura ngược lại là con của mẹ. Nó được lòng sùng đạo, ở một dạng nào đó; nó được cái trán cao thanh khiết.

Nhưng bề ngoài thường lừa dối. Tôi sẽ không bao giờ có thể lái xe lao qua cầu. Cha tôi thì có. Mẹ thì không.

Chúng tôi đang ở vào mùa thu năm 1919, cả ba người chúng tôi - cha tôi, mẹ, và tôi - cùng đang cố gắng. Đang tháng Mười một, sắp đến giờ đi ngủ. Chúng tôi ngồi trong phòng khách sáng ở Avilion. Trong phòng có lò sưởi,

trong lò đốt lửa, vì trời đã lạnh. Mẹ tôi vừa phục hồi sau một cơn bệnh bí ẩn mới đây, nghe bảo có liên quan gì đó đến thần kinh. Mẹ đang vá áo. Mẹ không cần phải làm việc đó - có thể thuê người - nhưng mẹ muốn làm, muốn có thứ gì cho đôi tay bận bịu. Mẹ đang đính một cái khuy, từ áo tôi đứt ra; nghe bảo tôi phá quần áo giỏi lắm. Trên mặt bàn tròn ngay khuỷu tay mẹ là giỏ đồkhâu vìên cỏ hương, hàng đan tay da đỏ, đựng cái kéo và ống sợi cùng quả trứng gỗ để mạng tất; cả đôi kính mới mắt tròn, nằm cạnh. Mẹ không cần kính khi khâu vá găng.

Áo mẹ màu xanh da trời, cổ áo trắng rộng và cổ tay cũng trắng vìên piquet. Tóc mẹ bắt đầu bạc trước tuổi. Mẹ không tính chuyện nhuộm lại, cũng như không đời nào cắt bỏ tay mình, nên khuôn mặt trẻ trung của mẹ lọt giữa một nệm bông kẻ trắng. Tóc rẽ giữa, những búp sóng to hai bên lượn ra sau thành một búi cuộn xoắn phức tạp sau đầu. (Năm năm sau, khi mẹ chết, tóc mẹ sẽ tём ngang vai, hợp thời trang hơn, bớt khắc khổ hơn.) Mí mắt nhìn xuống, đôi má bầu bầy, cũng tròn như bụng mẹ; khóe miệng hơi cười hiên dụ. Bóng đèn điện trong chụp đèn nửa vàng nửa hồng hắt ánh êm dịu lên mặt mẹ.

Đối diện mẹ là cha tôi, ngồi trên đi vắng. Ông ngả người vào đồng gối nệm, nhưng đang bút rút. Bàn tay ông đặt trên đầu gối cái chân hư; cái chân gì ần giật lên xuống. (*Chân tốt* và *chân hư* - hai chữ ấy vẫn khiến tôi tò mò. Chân hư đã phạm lỗi gì, mà bị gọi là hư? Có phải nó bị giấu kín và què quặt thế là vì bị phạt không?)

Tôi ngồi cạnh ông, tuy không sát quá. Tay ông vắt ngang thành đi vắng sau lưng tôi, nhưng không ôm tôi. Tôi cần quyển sách học vần, đang đọc thành tiếng cho ông nghe, để khoe là tôi biết đọc. Nhưng tôi không biết đọc, tôi mới chỉ thuộc mặt chữ cái, và thuộc các câu đi với từng bức tranh. Trên chiếc bàn con gần đó đặt máy quay đĩa, cần loa vươn cao như đóa hoa sắt khổng lồ. Tôi nghe giọng mình không khác giọng nói vẫn thỉnh thoảng phát ra từ đó: nhỏ, léo nhéo, xa lắc; chỉ cần gặt ngón tay là tắt.

Chữ A là chữ Anh,

Anh đưa em đi học,

Mua quà cho em ăn,

Dỗ dành khi em khóc.

Tôi ngược lên nhìn xem cha có để ý không. Có nhiều lúc ông không nghe thấy người khác nói với mình. Ông nhận thấy tôi nhìn, hơi mỉm cười với tôi.

Chữ B là Bé con,

Xinh xắn như cái kẹo,

Hai cái tay tí hon,

Hai cái chân tí tẹo.

Cha tôi đã lại nhìn ra cửa sổ. (Có phải ông tự thấy mình đang ở ngoài đó, nhìn vào bên trong? Một đứa cô nhi, suốt đời ở ngoài rìa, một kẻ lữ hành trong đêm. Đây chính là đi đầu theo lý thuyết là mục đích chiến đấu của ông - khúc đi đầu viên bên bếp lửa, êm ấm như trên tờ quảng cáo Bánh Bột Mì: bà vợ má hồng mũm mĩm, hết sức hiền từ, đứa con ngoan ngoãn sùng phục. Cảnh phẳng lặng và buồn tẻ. Liệu có phải lúc này ông đang nhung nhớ thời chiến, cùng cả mùi tanh hôi và những cuộc tàn sát vô nghĩa? Nhưng nhớ cuộc đời bản năng, không thắc mắc?)

Chữ D là chữ Diêm,

Đánh lên là nhấp nháy,

Nhưng nếu đốt quá nhiều,

Sẽ cần xe chữa cháy.

Bức tranh trong sách miêu tả một người đang nhảy băng qua không trung, toàn thân bùng cháy - những đôi cánh lửa mọc ra bên vai và gót chân, từng chùm sừng đỏ phụt ra trên đầu. Người ấy đang nhìn xéo qua vai với một nụ cười tinh quái hút hồn, cả người không mặc gì cả. Lửa không phạm

được tới anh ta, không gì phạm được tới anh ta. Tôi thích anh ta chỉ vì lẽ đó. Tôi còn lấy sáp màu bôi thêm lửa xung quanh.

Mẹ đâm cây kim xuyên qua lỗ cúc, cắt chỉ. Tôi đọc tiếp giọng càng lúc càng lo lắng, qua những chữ M và N mềm nuốt, qua chữ Q quàng quạc và R rần rỏ và những âm sin sít dọa dẫm của chữ S. Cha tôi ngó chăm chăm vào lửa, nhìn đồng lúa rừng cây nhà cửa thị trấn người và em trai hóa thành bụi khói, cái chân hư tự ý cử động như con chó chạy trong cơn mộng du. Nhà ông đây, cái lâu đài bị vây này; ông là con ma sói trong lòng nó. Ánh chiều màu vỏ chanh lạnh lẽo ngoài cửa sổ nguội dần thành xám. Tôi vẫn còn chưa biết, nhưng Laura đang chuẩn bị ra đời.

NGÀY LÀM BÁNH

Lượng mưa không đủ, nhà nông bảo. Đàn ve cất tiếng rú đơn âm xé không khí; bụi xoáy tròn cắt ngang đường; trong những thềm cỏ dày hai bên đường, châu chấu kêu ri rỉ. Lá thích rũ oặt trên cành như găng tay mềm nhẽo; bóng tôi nứt rạn trên vệ đường.

Tôi dậy sớm đi bộ, trước giờ mặt trời mở toàn lực thiêu đốt. Tay bác sĩ giục già: bác ngày một tiến bộ đấy, anh ta nói; nhưng tiến đến cái gì? Tôi coi trái tim mình như đồng đội trong một cuộc trường chinh ép buộc bất tận, chúng tôi bị trói vào nhau, hai kẻ đồng lõa miễn cưỡng trong một âm mưu, một chiến lược không thuộc quyền chúng tôi đi đâu khiến. Chúng tôi đang tiến đến đâu? Đến ngày hôm sau. Tôi không quên nhận thấy rằng vật đang giữ tôi sống, cũng chính là vật sẽ khiến tôi chết. Như thế cũng hơi giống tình yêu, hoặc một dạng của tình yêu.

Hôm nay tôi lại đến nghĩa trang. Ai đó đã để lại bó cúc gỗ cam và đỏ trên mộ Laura: toàn màu nóng rực, chẳng thấy gì vô về. Khi tôi tới hoa đã héo một nửa, dù vẫn còn tỏa cái mùi hăng hắc. Tôi ngờ hoa này ăn trộm từ các luống trước Nhà Máy Cúc, của một người hâm mộ kẹt xỉn hoặc cũng có thể hơi điên điên; nhưng nghĩ lại chính Laura cũng sẽ làm những việc như thế. Quyên sở hữu với nó là một khái niệm hết sức mù mờ.

Trên đường về tôi ghé qua hàng bánh vòng; ngoài trời đang nóng dần, tôi cần bóng râm. Nơi này còn lâu mới gọi là mới; gần như tàn tạ là khác, bất chấp vẻ hiện đại nhí nhánh bên trong - gạch lát sàn vàng nhạt, bàn nhựa trắng bắt vít xuống sàn, gắn liền ghế nhựa đồ khuôn. Nó khiến tôi nghĩ đến một thứ cơ sở nhà nước; trường mẫu giáo trong khu dân nghèo chẳng hạn, hoặc nhà thương tĩnh dưỡng cho người thiếu năng thần kinh. Ở đây không có gì có thể nhắc lên ném nhau, hoặc cặm dâm nhau: ngay đồ da nĩa cũng bằng nhựa. Bao trùm là mùi trộn lẫn giữa dầu rán ngậy với nước tẩy trùng hương gỗ thông, phủ trên cùng là mùi cà phê hâm hãm.

Tôi bỏ tiền mua cốc trà đá và bánh Bọc Đường Kiều Cổ, cắn vào rào rào như xộp. Sau khi đã thanh toán xong nửa cái, tức là hết khả năng nuốt

được, tôi cập kiếng đi qua sàn nhà trơn như mỡ, tới phòng vệ sinh. Nhờ ngày ngày đi dạo tôi đã vẽ trong đầu bản đồ tất cả các phòng vệ sinh tiện tới ở Cảng Ticonderoga - rất có ích trong trường hợp khẩn cấp - và hàng bánh vòng này hiện được tôi bỏ phiếu cao nhất. Không phải vì sạch sẽ hơn những nơi khác, hay đảm bảo có giấy hơn, mà vì những dòng chữ trên tường. Ở đâu cũng có, nhưng những điểm khác sẽ thường xuyên bị quét vôi xóa đi, còn chỗ này chúng ở lại lâu hơn. Vì thế không chỉ thấy văn bản khởi thủy, mà cả chuỗi phê bình về sau.

Hiện tại thú vị nhất là những dòng chữ ở ngăn giữa. Dòng đầu tiên viết bút chì, chữ tròn trịa như trên mộ La Mã, cày sâu vào lớp sơn: *Đừng Ăn Thứ Gì Mi Không Dám Giết*.

Tiếp theo, bút dạ xanh: *Đừng Giết Thứ Gì Mi Không Dám Ăn*.

Dưới nữa, bút bi: *Đừng Giết*.

Dưới nữa, bút dạ tím: *Đừng Ăn*.

Và dưới nữa, dòng mới nhất, nét rất đậm màu đen: *Tổ Sư Quân Ăn Chay - "Thần Là Loài Ăn Thịt" - Laura Chase*.

Cứ thế Laura sống mãi.

Phải mất bao nhiêu thời gian Laura mới xoay sở ra đời vào thế giới này, Reenie kể. Cứ như con bé phân vân mãi xem làm thế có thật khôn ngoan hay không. Thế rồi ban đầu nó rất ốm yếu, suýt nữa thì ta mất nó - tôi nghĩ nó vẫn còn đang do dự. Nhưng cuối cùng nó cũng quyết định thử xem, và nắm lấy sự sống, thế rồi nó khá lên.

Reenie tin người ta có thể quyết định lúc nào mình chết, tương tự, họ cũng có quyền can thiệp vào việc mình sinh ra hay không. Khi đã đến tuổi biết cãi, tôi thường bảo, *Có phải em đòi đẻ ra đâu*, như thể đó đủ là một lập luận chốt hạ; và Reenie bật lại, *Tất nhiên là có. Cô cũng như mọi người khác thôi*. Một khi sinh ra đời là ta mắc nợ đời, quan điểm Reenie là vậy.

Sau khi sinh Laura mẹ tôi mệt mỏi hơn thường lệ. Mẹ đã mất độ cao, mất sức phục hồi. Ý chí của bà suy sụp, ngày tháng bắt đầu mòn mỏi đi qua. Bà phải nghỉ thêm, bác sĩ dặn. Bà ấy vốn không khỏe, Reenie nói với bà Hillcoate, người đến nhà giúp việc giặt giũ. Cứ như mẹ cũ của tôi đã bị yêu tinh đánh cắp, để lại mẹ mới này, mẹ già nua uể oải mất tinh thần này thế vào. Lúc đó tôi mới bốn tuổi, sự thay đổi ấy làm tôi khiếp sợ, tôi muốn được ôm lấy an ủi vỗ về nhưng mẹ tôi không còn đủ sức làm việc đó. (Sao tôi lại nói *không còn*? Từ thế làm mẹ của bà vốn vẫn là dạy dỗ chứ không phải là ôm ấp. Về bản chất bà vẫn là cô giáo suốt đời.)

Tôi nhanh chóng phát hiện nếu yên lặng, không nhõng nhẽo đòi chú ý, và hơn hết nếu tỏ ra được việc - nhất là lo cho đứa bé, cho Laura, ngẩng trông em và đưa nôi cho nó ngủ, mà nó chẳng chóng ngủ, cũng chẳng được lâu - tôi sẽ được phép ngẩng lại trong phòng cùng mẹ. Nếu không, tôi sẽ bị tống cổ đi. Thế là tôi đã tập thích nghi bằng cách đó: trật tự và đặc lực.

Lẽ ra tôi phải gào thét. Lẽ ra tôi phải quấy đảo hờn dỗi. Con có khóc mẹ mới cho bú, Reenie thường bảo vậy.

(Kia là tôi, trên bàn đầu giường mẹ, lồng khung bạc, váy tối màu cổ ren trắng, một bàn tay lộ ra nắm chặt tấm chăn sơ sinh trắng thêu sùì, bàn tay lúng túng, dữ dội, quắc mắt chĩa vào cái máy ảnh hay là cái kẻ đằng sau nó. Bản thân Laura thì gần như mất dạng trong tấm ảnh. Chỉ nhìn thấy có mỗi chòm tóc tơ mịn của nó, cùng một bàn tay tí xíu, các ngón cuộn quanh ngón cái của tôi. Tôi đang nổi giận vì bị bắt phải bế em, hay ngược lại đang bao bọc nó? Che chắn nó - không muốn buông nó ra?)

Khi còn sơ sinh Laura đã khó chi ầu, dù theo kiểu không yên chứ không phải là hay quấy. Lớn hơn một chút nó cũng là một đứa trẻ khó chi ầu. Cửa tủ làm nó lo lắng, ngăn kéo bàn cũng thế. Cứ như nó không ngớt lắng nghe, ở đâu đó xa xa hay ngay dưới sàn nhà, có cái gì đó ngày một tiến gần không tiếng động, một đoàn tàu bằng gió. Nó lên những cơn khủng hoảng khó hiểu - thấy con quạ chết nó cũng bật khóc, hay con mèo bị xe cán, hay đám mây đen vắt trên nền trời trong xanh. Mặt khác, nó lại có sức kháng cự dị thường với cái đau thể chất: khi làm bỏng miệng hay đứt tay, chắc một

trăm phần trăm nó không khóc. Chỉ có ác tâm, cái ác tâm chất chứa trong vũ trụ, mới làm nó phiền muộn.

Nó đặc biệt hốt hoảng khi gặp những cựu binh tàn phế nơi góc phố - những người ng ẫ xe lăn, bán bút chì hay ăn xin, quá rã rời không còn làm nổi việc gì. Một ông mắt đỏ, mắt trùng trùng cụt hai chân, ng ẫ xe đẩy hàng đẩy mình đi khắp thị trấn, nó cứ gặp là khóc ré. Có thể do cơn cu ồng nộ trong mắt ông.

Cũng như mọi đứa trẻ nhỏ khác, Laura tin vào từ ngữ theo nghĩa đen, nhưng ở nó chuyện ấy đẩy tới mức cực độ. Đừng có nói với nó *Biến đi cho khuất mắt* hay *Đi mà nhảy xuống hồ* mà nghĩ sẽ được yên lành không hậu quả. *Cô lại nói gì với Laura rồi? Cô không rút được bài học nào hay sao?* Reenie thường quở mắng tôi. Nhưng chính chị cũng không rút được. Chị có lần bảo Laura cắn vào lưỡi đi để khỏi tuôn ra hàng tràng câu hỏi, và sau đó suốt nhiều ngày nó không nhai được gì.

Giờ tôi kể tới cái chết của mẹ. Nói chuyện đó đã thay đổi mọi đi ều nghe rất sáo, nhưng đó là sự thực, thế nên tôi sẽ viết:

Chuyện đó đã thay đổi mọi đi ều.

Ấy là một ngày thứ Ba. Ngày làm bánh. Tất cả bánh mì của nhà - làm một lốc đủ ăn một tuần - đều nướng trong bếp ăn ở Avilion. Lúc đó trong thị trấn đã có một lò bánh nhỏ, nhưng Reenie nhất quyết bảo chỉ lữ lười biếng mới đi mua bánh ngoài hàng, chưa kể thợ lò bánh thêm bột phấn vào bột và cho quá tay men để bánh nở ph ồng thêm, người mua ng ỡ được nhiều hơn. Vì thế chị tự làm lấy bánh cho nhà.

Căn bếp ở Avilion không tối tăm ảm đạm như cái hang thời Victoria ám khói từng là nó ngày xưa, ba chục năm về trước. Ngược lại nó màu trắng - tường trắng, bàn men trắng, lò đốt củi trắng, sàn lát gạch đen trắng - thêm rèm cửa màu vàng thủy tiên căng ngang những cửa sổ mới nới rộng. (Bếp đã sửa lại sau chiến tranh, một trong những món quà bên lên dàn hòa của cha cho mẹ.) Reenie coi căn bếp này là đỉnh cao mô đéc, và tuân theo những bài giảng của mẹ về vi trùng chứa âm mưu hắc ám cùng chỗ chúng ưa ẩn náu, chị giữ cho bếp sạch như lau như li.

Vào ngày làm bánh Reenie thường cho chúng tôi những mẫu bột vụn để nặn hình người, nho khô làm mắt và cúc áo. Rồi chị sẽ nướng cho chúng tôi. Tôi ăn sạch phần mình, nhưng Laura thì để dành lại. Một ngày Reenie tìm ra cả một đội, xếp hàng trong ngăn kéo trên cùng của Laura, cứng đanh như đá và quăn gòn gàng trong từng khăn tay như những xác ướp tí xíu mặt bột. Reenie nói sẽ có chuột và tốt nhất là quăng vào sọt rác, nhưng Laura kỳ kèo đòi một lễ táng tập thể trong vườn bếp, sau bụi đại hoàng. Nó đòi phải cầu kinh. Nếu không, nó sẽ không bao giờ chịu ăn tối nữa. Nó luôn là một tay mặc cả khó chơi, một khi đã giở chứng.

Reenie là người đào hố. Hôm đó người làm vườn nghỉ; chị lấy xẻng của ông, bình thường cấm ai đụng đến, nhưng hôm nay là trường hợp khẩn cấp. “Lạy Chúa thương lấy chúng cô ả,” Reenie nói, trong lúc Laura đặt những người bánh mì thành dãy gòn gàng. “Cô ả cứng đầu như lợn ỉ.”

“Em sẽ không lấy chồng đâu,” Laura nói. “Em sẽ sống một mình trong gara.”

“Em cũng sẽ không lấy chồng,” tôi nói, không muốn kém cạnh.

“Nói hay lắm đấy,” Reenie nói. “Cô thích cái giường mềm ấm cơ mà. Cô đâu muốn ngủ trên sàn xi măng, người lấm đầy dầu mỡ.”

“Em sẽ ở trong nhà kính,” tôi nói.

“Nhà kính còn được sưởi nữa đâu,” Reenie nói. “Đến mùa đông cô sẽ chết rét.”

“Em sẽ ngủ trong một trong mấy cái xe hơi,” Laura nói.

Ngày thứ Ba kinh hoàng ấy chúng tôi ăn sáng trong bếp, với Reenie. Cháo yến mạch và bánh mì phết mứt. Đôi lúc chúng tôi ăn với mẹ, nhưng hôm đó mẹ rất mệt. Mẹ bao giờ cũng nghiêm khắc hơn, bắt ngồi thẳng lưng và ăn hết vỏ bánh. “Hãy nghĩ đến những người Armenia chết đói,” mẹ bảo.

Có thể đến lúc đó những người Armenia không còn chết đói. Chiến tranh đã qua từ lâu, trật tự đã ổn định rồi. Nhưng nỗi khổ cực của họ chắc đã ở

lại trong trí mẹ như một câu khẩu hiệu. Một khẩu hiệu, một lời viện dẫn, một câu cầu nguyện, một đạo bùa. Phải ăn bằng hết vỏ bánh mì để tưởng niệm những người Armenia, dù họ là ai; bỏ không ăn là tội báng bổ. Laura và tôi chắc đã hiểu rõ sức nặng của thứ bùa phép này, bởi nó lúc nào cũng hiệu nghiệm.

Mẹ hôm đó không ăn vỏ bánh. Cái này tôi nhớ rõ. Laura rầy rà mãi vì chuyện đó - *Vỏ bánh kìa mẹ, những người Armenia chết đói?* - tới khi rốt cuộc mẹ phải thốt ra rằng mẹ không khỏe. Khi mẹ nói thế, tôi cảm thấy luồng điện lạnh buốt xuyên suốt mình, bởi cái đó tôi đã biết. Tôi biết từ lâu lắm rồi.

Reenie bảo rằng Chúa tạo ra người ta cũng y như chị làm bánh, chính vì thế nên bụng các bà mẹ căng tròn khi sắp sinh em bé: đó là bột nhào đang dậy. Chị bảo lúm đờng tí trên má chị là dấu ngón tay cái Chúa để lại. Chị bảo chị có ba cái lúm còn nhiều người khác chẳng có cái nào, bởi Chúa làm ra mỗi người một cách khác nhau, nếu không chẳng mấy chốc ngài sẽ phát chán, vì thế ngài phân chia các thứ không đều. Mới đầu có vẻ như không công bằng, nhưng rốt cuộc ta sẽ thấy như thế là công bằng cho tất cả.

Laura đã sáu tuổi, vào khoảng thời gian tôi đang kể đây. Tôi lên chín. Tôi biết trẻ con không phải làm ra từ bột bánh - chuyện đó là để kể cho lũ nhóc con như Laura. Nhưng cũng chưa có lời giải đáp cặn kẽ nào.

Chiều chiều mẹ thường ngồi ngoài vọng lâu đan lát. Mẹ đang đan một cái áo len tí xíu, loại mẹ vẫn đan cho Dân Tị Nạn Ngoại Quốc ngay cả bây giờ. Có phải cái này cũng cho dân tị nạn không? tôi hỏi mẹ. *Cũng có thể*, mẹ đáp và cười. Một lúc sau mẹ sẽ gà gât thiếp đi, hai mí từ từ nhắm nghiền, đôi kính tròn trượt xuống sống mũi. Mẹ bảo mẹ có mắt sau gáy, sẽ biết ngay nếu chúng tôi làm gì sai quấy. Tôi hình dung đôi mắt đó cũng dẹt và sáng ngời không màu, giống như đôi kính.

Ngủ nhiều vào ban chiều thật không giống mẹ bình thường. Rất nhiều thứ nữa không giống mẹ bình thường. Laura không biết lo, nhưng tôi thì có. Tôi đang đem hai cộng hai, chấp nối những đi đâu tôi được nghe và những đi đâu tôi nghe lỏm được. Đi đâu tôi được nghe: “Mẹ cháu cần nghỉ, cháu nhớ

trông Laura đừng cho quấy mẹ.” Đi đâu tôi nghe lỏm được (Reenie nói với bà Hillcoate): “Bác sĩ có vẻ lo. Cũng phải đến chín phần mười. Tất nhiên bà không kêu than gì đâu, nhưng bà ấy vốn không khỏe. Có những đàn ông chẳng biết đâu là dừng.” Thế nên tôi biết mẹ đang gặp một thứ nguy hiểm gì đấy, có liên quan đến sức khỏe và có liên quan đến cha, dù vẫn chưa hiểu rõ là thứ nguy hiểm gì.

Tôi vừa nói Laura không biết lo, nhưng nó cũng bám mẹ nhiều hơn lệ thường. Nó ng ồi khoanh chân trên khoảng đất mát rượi dưới mái vọng lâu nơi mẹ đang nghỉ, hoặc sau lưng ghế mẹ ng ồi viết thư từ. Khi mẹ vào bếp, Laura thích rúc dưới bàn bếp. Nó hay lôi một tấm nệm vào trong g ầm bàn, cùng quyển sách học vần của nó, mà xưa là của tôi. Nó có rất nhiều thứ đồ ngày xưa là của tôi.

Giờ thì Laura đã biết đọc r ồi, hay ít nhất là biết đọc cuốn sách học vần. Nó thích nhất là chữ L, vì đó là chữ của nó, chữ đầu tên nó, *Chữ L là Laura*. Tôi chưa bao giờ thích đặc biệt chữ nào chỉ vì là chữ đầu tên mình - *Chữ I là Iris* - bởi “*I*” (tôi) là chữ cái dành cho tất cả mọi người.

Chữ L là Lily,

Trắng muốt và thanh sạch,

Ban ngày hoa nở xòe,

Đến đêm thì khép cánh.

Minh họa trong sách vẽ hình hai đứa trẻ con đội mũ nan kiểu ngày xưa, bên cạnh một bông hoa súng trên có cô tiên đang ng ồi - cô tiên mình tr ần, có đôi cánh mỏng tang lấp lánh. Reenie thường bảo nếu gặp phải một thứ như thế chị sẽ lấy vĩ ru ồi ra quật. Chị bảo câu đó với tôi, coi như đùa, nhưng không nói với Laura bởi nó sẽ cho là thật và sẽ nổi nóng.

Laura thì *khác*. *Khác* nghĩa là *không bình thường*, tôi biết, nhưng tôi vẫn lằng nhằng hỏi Reenie. “Chị nói khác nghĩa là sao?”

“Là không giống mọi người,” Reenie đáp lại.

Nhưng có lẽ Laura cũng không phải khác người cho lắm. Có thể nó cũng giống họ - giống cái phần kỳ quặc, lệch chuẩn trong họ mà hầu hết giấu kỹ nhưng Laura thì không, và họ kính sợ nó là vì thế. Bởi quá đúng là họ kính sợ nó - hoặc nếu không phải kính sợ, thì cũng là đề phòng ra sao đó; dù chưa đến mức như sau này, tất nhiên, khi nó lớn lên.

Thế là hôm đó sáng thứ Ba, trong bếp. Reenie và mẹ đang làm bánh. Không phải: Reenie đang làm bánh, còn mẹ đang nháp trà. Reenie trước đã nói với mẹ rằng chị thấy trước đến chiều sẽ đông, trời xầm xì thế này, và có lẽ mẹ nên ra ngoài hóng mát thì hơn, hay nằm xuống nghỉ; nhưng mẹ bảo mẹ ghét ngủ không. Mẹ bảo như thế mẹ có cảm giác mình vô dụng, mẹ nói mẹ muốn ngủ với Reenie hơn.

Cứ theo ý kiến của Reenie thì mẹ có thể biến nước thành rượu, và đằng nào chị cũng không có quyền sai bảo mẹ phải ngủ đâu. Thế là mẹ ngủ uống trà trong khi Reenie đứng bên bàn, nhào tảng bột làm bánh, thọc cả hai tay ấn ngập vào trong, đập lại, lại nhào, lại ấn. Hai bàn tay chị dính đầy bột, trông cứ như đi đôi găng trắng bằng bột. Bột dính cả trên yếm tạp dề. Dưới hai cánh tay xuất hiện hai hình bán nguyệt ướt mồ hôi, thậm chí những bông cúc vàng trên bộ đồ mặc nhà. Đã có vài ổ bánh thành hình bỏ trong thau, mỗi cái phủ một tấm khăn sạch âm ẩm. Mùi nấm ẩm ướt tràn ngập căn bếp.

Trong bếp rất nóng, bởi lò nướng cần kha khá than, mà cũng bởi thời tiết đang trong đợt nóng. Cửa sổ để ngỏ, luồng khí nóng cuộn tràn vào. Bột đợi làm bánh bốc ra từ cái thùng to để trong kho. Không bao giờ được trèo vào thùng đó vì bột sẽ chui vào mũi miệng làm nghẹt thở. Reenie biết có một đứa bé sơ sinh đã bị các anh chị cắm đầu vào thùng bột suýt chết sặc.

Laura và tôi cùng chui dưới gầm bàn bếp. Tôi đang đọc một cuốn sách tranh dành cho trẻ em tên là *Những vĩ nhân lịch sử*. Napoleon bị lưu đày trên đảo Thánh Helena, đứng trên vách đá, một bàn tay luồn trong áo khoác. Tôi đoán chắc ông ta bị đau dạ dày. Laura bèn chần không yên. Nó bò từ dưới bàn ra lấy nước uống. “Cô có lấy bột nặn người bánh không?” Reenie hỏi.

“Không,” Laura nói.

“Không, *thưa chị*,” mẹ sửa.

Laura bò trở lại vào dưới bàn. Từ đây chúng tôi thấy được hai cặp bàn chân, cặp hẹp bản của mẹ với cặp rộng bản của Reenie trong hai đôi dép cứng, và đôi cẳng chân gầy guộc của mẹ bên đôi mập mạp của Reenie đi tất nâu nhạt. Chúng tôi nghe thấy cả tiếng bột bánh nhào và đập xuống bàn luych huych. Rồi bỗng dừng thành linh chén trà vỡ tan và mẹ nằm ngã trên sàn, còn Reenie đang quỳ bên cạnh. “Ôi Chúa ơi,” chị đang kêu lên. “Iris, đi tìm cha cô lại đây.”

Tôi chạy đến thư viện. Điện thoại đang reo, nhưng cha không có ở đó. Tôi leo cầu thang lên tháp của ông, mọi khi là vùng đất cấm. Cửa không khóa: trong phòng chẳng có gì, chỉ có ghế và vài khay gạt tàn. Cha không ở trong phòng khách chính, không ở trong phòng khách sáng, không ở trong ga ra. Chắc là cha ở nhà máy, tôi nghĩ, nhưng tôi không biết rõ đường, mà đường lại xa lắm. Tôi không biết còn phải tìm ở đâu.

Tôi trở lại xuống bếp và bò vào trong bàn, ở đó Laura ngồi ôm chặt hai đầu gối. Nó không hề khóc. Trên sàn có cái gì trông như máu, thành một đường, những đốm đỏ thẫm trên nền gạch trắng. Tôi chấm ngón tay, nếm thử - đúng là máu. Tôi lấy mảnh giẻ lau đi. “Đừng có nhìn,” tôi bảo Laura.

Một lúc sau Reenie xuống theo cầu thang phụ và quay điện thoại gọi ông bác sĩ - ông ta cũng chẳng có nhà, đang rong ruổi đâu đó theo lệ thường. Rồi chị gọi đến nhà máy đòi gặp cha. Không ai biết ông ở đâu. “Tìm ông ấy bằng mọi giá. Bảo đây là chuyện khẩn,” chị bảo. Rồi chị lại hối hả lên lầu. Chị đã quên hết mẻ bánh, bột đã dậy quá cao rồi tự sụp xuống, và thế là hỏng cả.

“Lẽ ra bà không nên ở trong cái bếp nóng như thế,” Reenie bảo bà Hillcoate, “lại còn trời đất này mà bão đang tới, nhưng bà có chịu thương lấy mình đâu, nói bà chẳng nghe gì cả.”

“Bà ấy có bị đau lắm không?” bà Hillcoate hỏi, giọng thương cảm lẫn tò mò.

“Tôi từng gặp nhiều ca tặc hơn,” Reenie đáp. “Hãy cảm tạ từ những ân huệ nhỏ. Nó tuột ra cứ như mèo con ấy thôi, nhưng phải nói bà ra máu đến khiếp. Rồi sẽ phải đốt cái đệm đi, tôi không nghĩ ra cách nào mà gột cho sạch được.”

“Ôi trời, thôi thì, bà ấy vẫn có thể đợi lần sau,” bà Hillcoate bảo. “Chắc là ý trời. Chắc có gì đó không ổn.”

“Theo như tôi nghe được thì không, không có lần sau đâu,” Reenie nói. “Bác sĩ bảo tốt hơn là chấm dứt đi, bởi thêm lần nữa bà sẽ chết chắc, mà lần này cũng suýt rồi.”

“Có nhiều đàn bà không nên lấy chồng,” bà Hillcoate nói. “Sức họ không hợp. Cần phải khỏe mạnh mới được. Mẹ tôi mười lần, mà chẳng hắt hơi sổ mũi gì hết. Tất nhiên không phải tất cả đều sống.”

“Mẹ tôi mười một,” Reenie nói. “Nó làm bà kiệt quệ.”

Tôi đã biết qua những lần tương tự rằng đây là khúc mở đầu cuộc ganh đua xem mẹ ai sống đời khó khăn hơn, và rằng chẳng mấy chốc họ sẽ nói sang chuyện giặt giũ. Tôi nắm lấy tay Laura cùng nhón nhén đi lên cầu thang phụ. Chúng tôi lo lắng, nhưng cũng tò mò nữa: chúng tôi muốn biết mẹ gặp chuyện gì, nhưng cũng muốn xem con mèo con. Nó kia rồi, nằm bên một đồng ga sũng máu trên sàn hành lang ngoài phòng mẹ, trong cái chậu men. Nhưng không phải mèo con. Vật đó màu xám, như củ khoai nấu để lâu, có cái đầu quá to, mình cuộn một đồng. Mắt nó nhắm nghiền, như bị ánh sáng làm cay mắt.

“Nó là cái gì thế?” Laura thì thào. “Không phải mèo con.” Nó ngẩng xồm, giương mắt nhìn.

“Đi xuống thôi,” tôi bảo. Bác sĩ vẫn còn trong phòng, nghe thấy cả tiếng chân ông ta. Tôi không muốn ông ta bắt quả tang hai đứa, vì tôi biết sinh linh này là vật cấm; tôi biết đáng ra chúng tôi không được thấy nó. Nhất là Laura - thứ này, cũng như một con vật bị nghiền nát, chắc chắn sẽ làm nó thét lên, và rồi tôi sẽ bị mắng.

“Đây là một đứa bé,” Laura nói. “Nó vẫn chưa thành.” Nó bình tĩnh lạ thường. “Tội nghiệp. Nó không muốn bị đẻ ra.”

Tối chiều muộn Reenie đưa chúng tôi vào gặp mẹ. Mẹ nằm trên giường, đầu tựa lên hai chiếc gối; đôi cánh tay gầy đặt bên ngoài chân; mái tóc đang bạc đi đến gần trong suốt. Chiếc nhẫn cưới lóe sáng trên bàn tay trái, hai nắm tay túm chặt mảnh chăn hai bên. Miệng mẹ mím lại như đang suy tính đi đâu gì; đây là vẻ mặt mỗi lần mẹ soạn danh sách mua đồ. Mắt mẹ nhắm. Hai đường cong mí mắt vành bên dưới, làm đôi mắt trông còn to hơn lúc mở. Kính mẹ để trên bàn đầu giường bên bình nước, từng con mắt tròn sáng lên, trống rỗng.

“Bà đang ngủ,” Reenie thì thầm. “Đừng chạm vào bà.”

Mí mắt mẹ vén lên. Miệng mẹ run rẩy; nắm tay bên phía chúng tôi mở ra. “Các cô có thể ra ôm bà,” Reenie nói, “nhưng đừng ôm mạnh quá.” Tôi làm đúng theo lời. Laura dữ dội dúi đầu vào sườn mẹ, dưới cánh tay. Phòng có mùi oải hương xanh nhạt và phảng phiu từ vải trải giường, mùi xà phòng từ mẹ, và phảng phất mùi sắt gỉ nồng nồng, pha lẫn vị cay nồng ngọt của lá ẩm ngùn khói.

Mẹ chết sau đó năm ngày. Mẹ chết vì sốt; mà cũng vì quá yếu, vì mẹ không thể lấy lại sức lực cũ, Reenie bảo. Suốt những ngày đó bác sĩ đến rồi về, và một loạt y tá sốt soạt, lạnh lùng thay nhau chiếm cứ cái ghế mềm trong phòng ngủ. Reenie tong tả chạy lên xuống cầu thang tay mang nào chậu, nào khăn, nào chén canh. Cha tới tới lui lui không yên giữa nhà máy và nhà, đến tối xuất hiện bên bàn ăn hốc hác như ăn mày. Ông đã ở đâu, cái buổi chiều không thể tìm được ra ông ấy? Chẳng ai nhắc đến.

Laura ngối thụp trên hành lang tầng trên. Tôi được sai chơi với nó để trông nom nó, nhưng nó không muốn. Nó ngối tay ôm lấy đầu gối, cằm đặt trên bánh chè, mặt mang vẻ trăn ngâm, bí hiểm, như đang ngâm kẹo. Chúng tôi không được phép ăn kẹo. Nhưng khi tôi buộc được nó nhả ra xem, đấy chỉ là một viên cuội tròn.

Trong tuần cuối này tôi được phép vào thăm mẹ mỗi sáng, nhưng chỉ trong vài phút. Tôi không được nói chuyện với mẹ, bởi (Reenie bảo) mẹ đang

lãng đãng. Thế có nghĩa là mẹ tưởng mình đang ở nơi khác. Mỗi ngày mẹ lại rút đi một chút. Gò má mẹ nhô ra; mẹ có mùi sữa, lại thêm thứ mùi sống, thứ mùi ôi, như mùi loại giấy nâu vẫn gói thịt mua về.

Những lần vào thăm ấy tôi luôn hờn dỗi. Tôi biết mẹ ốm đến mức nào, và vì thế tôi ghét mẹ. Tôi cảm thấy mẹ đang phản bội mình - thấy mẹ đang lẩn tránh nghĩa vụ, thấy mẹ đang trốn việc. Tôi không hề nghĩ mẹ có thể sẽ chết. Tôi đã từng lo có việc đó trước đây, nhưng lúc này tôi kinh hoàng tới nỗi xua ý nghĩ đó khỏi đầu.

Vào buổi sáng cuối cùng, mà khi đó tôi không biết là buổi cuối, mẹ hình như đã là mình hơn. Mẹ yếu ớt hơn, nhưng đồng thời cũng chặt hơn - đặc hơn. Mẹ nhìn tôi cứ như mẹ có thấy tôi. “Ở đây sáng quá,” mẹ thì thào. “Con giúp mẹ kéo rèm được không?” Tôi làm theo lời mẹ, rồi trở lại đứng bên giường mẹ, tay xoắn xoắn cái khăn Reenie đưa phòng tôi khóc. Mẹ nắm lấy tay tôi; tay mẹ nóng và khô, ngón tay như những sợi thép mềm.

“Con phải ngoan nhé,” mẹ nói. “Mẹ mong con làm chị tốt của Laura. Mẹ biết con vẫn luôn cố mà.”

Tôi gật. Tôi chẳng biết nói gì. Tôi thấy mình đang phải chịu bất công: tại sao lúc nào cũng là tôi cần phải làm chị tốt của Laura, mà không phải là ngược lại? Rõ ràng mẹ yêu Laura hơn tôi.

Có thể là không phải; có thể mẹ yêu hai đứa bằng nhau. Hoặc có thể mẹ không còn đủ lực mà yêu ai nữa: mẹ đã vượt qua cõi đó, nhập vào tầng bình lưu lạnh như băng, rời bỏ vùng từ trường ấm áp và cô đặc của tình yêu. Nhưng tôi không tưởng tượng nổi đi đâu đó. Tình yêu mẹ dành cho chúng tôi là mặc định - rắn, hữu hình, như một cái bánh. Vấn đề chỉ là đứa nào được miếng to hơn.

(Mẹ nào ta có đâu là do ta tự chế. Là bù nhìn, là hình nhân sắp để chúng ta cắm kim vào, là những sơ đồ thô thiển. Chúng ta không cho phép họ được tồn tại biệt lập, chúng ta bịa ra họ cho hợp với ta - cho con đói, cho ước muốn, cho thiếu thốn của riêng chúng ta. Giờ khi đã qua lượt mình, tôi hiểu.)

Mẹ đưa cái nhìn xanh biếc chăm chăm nhìn tôi. Chắc mẹ phải vận lực bao nhiêu mới giữ được đôi mắt mở. Chắc lúc ấy tôi xa vời vợi - một khối màu hồng xa lắc, rung rinh. Mẹ chắc phải mất công biết mấy mới tập trung thấy được tôi! Thế nhưng lúc ấy tôi chẳng hề nhận thấy sự khắc kỷ này, nếu đúng là cái đó.

Tôi chỉ muốn bảo rằng mẹ hiểu nhầm rồi, nhầm ý định của tôi. Chẳng phải tôi vẫn cố làm chị tốt của Laura - hoàn toàn ngược lại. Nhiều lúc tôi gọi Laura là của nợ và bảo nó đừng có quấy rầy tôi, vừa mới tuấn trước thôi tôi bắt được nó đang liếm mép phong bì - một trong tập phong bì đặc biệt của tôi, dành riêng viết thư cảm ơn - và bảo nó keo bôi trên đó làm từ nước luộc ngựa, khiến nó nôn ọe và phun phì phì. Nhiều lúc tôi trốn nó, trong lòng bụi tử đinh hương bên nhà kính, ngẩng đọc sách tay đứt nút lỗ tai trong lúc nó đi khắp nơi kiếm tìm, hoài hời gọi tên tôi. Thường tôi thoát được mà chẳng phải trả giá mấy.

Nhưng tôi chẳng tìm được lời bày tỏ, phản đối cách nhìn sự việc của mẹ tôi. Tôi không biết mình sắp phải ở lại với hình dung của mẹ về tôi; với hình dung của mẹ về nét tốt của tôi, găm vào tôi như tấm huy chương, chẳng còn cách nào gỡ ra ném trả (như thói thường sự việc giữa các bà mẹ và con gái - nếu mẹ sống tiếp, khi tôi sau này lớn lên).

NHỮNG CHIẾC NƠ ĐEN

Chiều nay hoàng hôn màu đỏ lựng, mãi không chịu nhạt. Đằng Đông, chớp ngoằn ngoèo qua bầu trời nặng trĩu, rồi sấm thành linh, cánh cửa đột ngột đóng sầm. Nhà nóng như cái lò, mặc kệ cây quạt mới. Tôi đã mang đèn ra ngoài; đôi khi tôi nhìn rõ hơn trong ánh tờ mờ.

Cả tuần qua tôi không viết gì. Tôi đã mất hứng thú. Việc gì phải viết lại những câu chuyện buồn như thế này? Nhưng tôi đã bắt đầu lại rồi, đây thôi. Tôi đã nhạt lại dòng chữ màu đen; nó tãi ra thành sợi mực đen dài bò qua trang giấy, rồi rít nhưng vẫn đọc được. Hóa ra tôi vẫn có ý định để lại dấu tích gì, sau mọi chuyện? Sau mọi chuyện đã làm để tránh chính cái đó, *Iris, dấu ấn của mẹ ta*, dù giản lược mức nào: tên tắt vạch phấn trên vỉa hè, dấu X trên bản đồ cướp biển, tiết lộ bãi biển chôn kho báu.

Vì sao chúng ta khao khát muốn để lại ký ức về bản thân? Ngay giữa khi đang sống. Ta cần khẳng định sự tồn tại của mình, như chọt tì vào chân trụ cứu hỏa. Ta bày ra ảnh chụp đóng khung, bằng cặp lờng kính, cúp thưởng mạ bạc: ta thêu chữ đầu tên trên góc chần, khắc tên lên cây, vạch nguệch ngoạc lên tường nhà tiêu. Vẫn chỉ là nỗi khắc khoải ấy thôi. Chúng ta mong muốn đi đâu gì? Khen ngợi, ganh tị hay kính trọng? Hay chỉ cần chú ý, kiểu gì cũng được?

Ở mức thấp nhất ta cần một chứng nhân. Ta không chịu được ý nghĩ giọng mình rồi cuộc sẽ tắt lịm, như cái đài hết pin.

Hôm sau đám tang mẹ, tôi và Laura bị đẩy ra vườn. Reenie đuổi chúng tôi ra; chị nói chị cần gác chân lên nghỉ bởi chị đã chạy đến rã cả ngày. “Tôi căng như dây đàn ra rồi,” chị bảo. Dưới mắt chị có quầng thâm, và tôi đoán chị đã khóc, bí mật để khỏi phiền ai, và chị sẽ khóc thêm chút nữa khi chúng tôi đi khuất mắt.

“Chúng em sẽ thật yên mà,” tôi nói. Tôi không muốn ra ngoài - bên ngoài sáng quá, chói mắt, mà mí mắt tôi hình như đang sưng phồng đỏ ửng - nhưng Reenie nói chúng tôi phải ra, mà kiểu gì không khí trong lành cũng

tốt cho chúng tôi. Chị không bảo chúng tôi ra ngoài chơi, bởi nói như thế bất kính quá, mẹ mất vừa mới đây. Chị chỉ bảo chúng tôi ra ngoài.

Buổi chiều đãi hậu tang tổ chức ở Avilion. Không gọi là lễ thức canh - đây là thói tục bên kia bờ Jogues, nhốn nháo và vô lễ, có rượu. Đây là chiều đãi đằng hoàng. Đám tang chật ních người dự - thợ thuyền nhà máy, vợ con thợ thuyền, và tất nhiên những bậc máu mặt trong thị trấn - chủ nhà băng, giáo chức, luật sư bác sĩ - nhưng không phải ai trong đó cũng được mời chiều đãi, mặc dù cũng chẳng thấy khác mấy. Reenie nói với bà Hillcoate được mượn đến giúp hôm đó rằng Giê su thì đã làm phép nhân nhiều bánh và cá để phân phát đấy, nhưng đại úy Chase không phải là Giê su và đừng có trông mong ông nuôi sống đám đông, mặc dù cũng như mọi khi ông chẳng biết đâu là dừng và chị chỉ có mỗi hy vọng không có ai bị xéo chết bẹp.

Những kẻ được mời đã lèn cứng trong nhà, thành kính, bi thương, mắt sáng rực vì tò mò. Reenie đếm kỹ thìa trước và sau khi họ đến, bảo rằng lễ ra nên bày loại hạng nhì thôi, và rằng có những loại người sẽ xoáy bất kỳ thứ gì không được xích lại chỉ để có của làm kỷ niệm, và cứ xem cái lối họ ăn thì có lẽ chị phải dọn xẻng ra chứ không phải thìa.

Tuy thế, vẫn còn sót lại chút thức ăn - nửa khúc thịt xông khói, một nắm bích quy, đủ thứ bánh kem đã bị phá phách - và Laura với tôi lén lút ra vào nhà kho. Reenie biết, nhưng không còn sức lực mà ngăn chúng tôi - “Lấy đâu ra bụng ăn tối!” hay là “Cứ ăn vụng trong bếp là sẽ biến thành chuột hết” hay là “Cẩn một miếng nữa thôi là các cô nổ tung ra đấy” - những lời cảnh báo hay tiên đoán vẫn thường khiến tôi âm thầm khoái chí.

Riêng lần này chúng tôi được phép nhõ nhét căng phồng chẳng bị ỏ ẹ. Tôi đã ăn thừa nửa bánh quy, thừa nửa thịt xông khói cắt lát; tôi còn ăn hẳn một góc bánh hoa quả. Chúng tôi vẫn còn mặc áo dài đen, nóng không chịu được. Reenie đã tết tóc chúng tôi thật chặt về phía sau, thắt cho một cái nơ sọc đen cứng trên đỉnh mỗi bím tóc và một cái nữa bên dưới: mỗi đứa bốn con bướm đen khắc khổ.

Ra đến ngoài, ánh sáng làm tôi nheo mắt. Tôi thấy ghét lá cây vì quá xanh, ghét hoa vì quá đỏ quá vàng; ghét vẻ tự phụ, ghét sự phô phang hào nhoáng, cứ như chúng có quyền làm vậy. Tôi tưởng tượng mình chặt đứt chúng, gieo rắc điêu tàn. Tôi thấy mình bơ vơ, đồng thời lại cảm cầu và căng phồng. Chết đường réo ù ù trong tai.

Laura muốn trèo lên cưỡi hai con nhện bên nhà kính, nhưng tôi bảo không được. Rồi nó muốn ra ngắm cạnh ả tiên nữ đá xem cá vàng. Cái đó tôi không thấy hại gì. Laura nhảy chân sáo trước mặt tôi trên bãi cỏ. Nó hồn nhiên đến bức mình, cứ như chẳng có gì phải lo nghĩ; nó cứ thế suốt từ đầu đến cuối đám tang mẹ. Nó còn có vẻ băn khoăn vì thấy mọi người xung quanh buồn rầu. Bức hơn nữa là đi đâu đó hình như còn làm người ta thương xót nó nhiều hơn cả tôi.

“Con bé tội nghiệp,” họ bảo. “Nó còn nhỏ quá, nó không hiểu được.”

“Mẹ đang ở bên Chúa,” Laura nói. Đúng thế, đấy là bố cáo chính thức, thống nhất trong mọi lời cầu nguyện dâng lên từ đầu đến giờ; nhưng Laura luôn tin những chuyện kiểu đó theo lối riêng, không phải theo lối hai nghĩa như mọi người khác, mà đơn giản và thanh thản khiến tôi chỉ muốn túm lấy nó mà lắc.

Chúng tôi ngắm lên thành bao quanh ao sùng; mỗi tàu lá sáng lên dưới nắng như là cao su ướt màu xanh. Tôi phải đỡ Laura trèo lên. Nó dựa vào cô nàng tiên nữ, chân đang đưa, ngón tay thò xuống nước khua, ư ử hát.

“Em không được hát,” tôi bảo. “Mẹ mới chết.”

“Mẹ không chết,” Laura nói hết sức hài lòng. “Mẹ không chết thật. Mẹ đang ở trên Thiên đường với em bé.”

Tôi xô nó ngã khỏi thành. Không phải đẩy vào ao - tôi vẫn còn có lý trí. Tôi xô nó ngã xuống cỏ. Thành không cao, mặt đất khá mềm; ngã xuống đó chắc chắn không đau lắm. Nó nằm dài người trên cỏ, rồi lăn sấp lại mở to mắt nhìn tôi, như không tin nổi tôi vừa làm thế. Miệng tròn xoe thành chữ O chúm chím rất đều, như đứa bé đang chu môi thổi nến trong sách tranh. Rồi nó bật khóc.

(Tôi phải thừa nhận việc đó làm tôi khoái trá. Tôi cũng muốn nó phải biết đau - biết đau bằng tôi. Tôi không còn chịu được thấy nó cứ thoát được chỉ vì còn quá nhỏ.)

Laura bật dậy khỏi bãi cỏ và chạy trên đường lái xe sau nhà về phía bếp, gào khóc cứ như vừa bị đâm. Tôi chạy theo: khôn ngoan nhất là phải có mặt lúc nó gặp được người có quyền hành, để phòng nó kết tội tôi. Nó chạy trong một tư thế kỳ cục: hai cánh tay khuỳnh ra không bình thường, đôi chân nhỏ gầy gò đá vung sang hai bên, hai cái nơ cứng đờ nảy trái lại phải cuối bím tóc, cái váy đen lật phật. Trên đường chạy nó vấp ngã, và lần này bị thương thật: bàn tay bị trầy da. Nhìn thấy thế tôi nhẹ cả người: chỉ cần có máu, ác ý của tôi sẽ được che đậy.

LY XÔ ĐA

Trong vòng một tháng sau khi mẹ chết - tôi không nhớ chính xác hôm nào - cha nói định đưa tôi vào trung tâm thị trấn. Ông chưa bao giờ quan tâm lắm đến tôi, hay Laura - ông mặc chúng tôi với mẹ, rồi với Reenie - nên nghe thế làm tôi giật mình.

Ông không đưa Laura đi. Còn không hề đề cập tới chuyện đó.

Ông loan báo chuyển du hành sắp tới trong giờ ăn sáng. Đến lúc này ông đã đòi hỏi Laura và tôi ăn sáng cùng ông, chứ không phải trong bếp với Reenie như trước nữa. Chúng tôi ngồi một đầu bàn ăn rất dài, đầu kia là ông. Ông hầu như không nói chuyện với chúng tôi: ông ngồi đọc báo, còn chúng tôi quá kính sợ ông không dám mở miệng. (Chúng tôi sùng kính ông, tất nhiên. Nếu không sẽ phải căm ghét ông. Ông không có chỗ cho những tình cảm chùng mực.)

Nắng rọi xuống qua cửa sổ kính màu, tỏa những luồng sáng đủ màu lên ông, cứ như ông vừa bị nhúng vào mực vẽ. Tôi vẫn còn nhớ màu xanh cô ban trên má, màu vỏ quýt chói trên những ngón tay ông. Những màu đó Laura và tôi cũng tha hồ sử dụng. Chúng tôi thường đẩy đĩa cháo sang trái một chút, sang phải một chút, để ngay món cháo yến mạch xám buồn tẻ cũng biến thành xanh đỏ tím vàng: đồ ăn thần diệu, đã được phù phép hoặc bị đánh thuốc, tùy theo hứng của tôi hay tâm trạng Laura. Rồi chúng tôi sẽ nhăn mày lè lưỡi nhìn nhau giữa khi ăn, nhưng phải thật là im lặng. Mục đích là làm trót lọt những trò đó mà không khiến ông nhận ra. Chà, chúng tôi cũng phải có gì giải khuây chứ.

Vào cái ngày bất thường ấy, cha từ nhà máy về sớm và chúng tôi cùng đi bộ vào trung tâm. Cũng không xa lắm: hồi ấy trong thị trấn, chẳng có nơi nào là thực sự xa nhau. Cha thích đi bộ hơn là lái xe, hoặc ngồi xe người khác lái. Tôi nghĩ đó chắc là tại cái chân hư: ông muốn tỏ ra mình vẫn còn đi tốt. Ông thích sỏi bước quanh thị trấn, và đúng là ông bước rất sỏi, dù vẫn khập khiễng. Tôi lót tót chạy bên cạnh, cố gắng bắt kịp nhịp chân xiên xẹo của ông.

“Ta sẽ đến quán Betty,” ông nói. “Cha sẽ mời con một ly xô đa.” Cả hai chuyện đó đều là lần đầu tiên. Quán điếm tâm Betty là nơi chốn của dân thị trấn, chứ không phải của chị em tôi, Reenie bảo. Chẳng việc gì phải hạ mình bằng họ. Còn xô đa là nuông chiều hư thân và sẽ gây sâu răng. Hai thứ bị cấm, được phát cho cùng lúc, mà lại nhẹ không như vậy, việc đó khiến tôi gần như kinh hãi.

Trên phố chính ở Cảng Ticonderoga có năm nhà thờ và bốn nhà băng, đều xây bằng đá, đều bề bề lực lưỡng. Nhiều lúc phải đọc bảng tên mới phân biệt được, mặc dù nhà băng thì không có tháp nhọn. Quán điếm tâm Betty ở cạnh một nhà băng. Mái hiên bạt sọc xanh trắng, trên cửa sổ dán tranh vẽ hình bánh gà trông như cái mũ vải sơ sinh bằng bột nhào, diềm xếp nếp. Bên trong ánh sáng màu vàng nhàn nhạt, không khí có mùi va ni lẫn với cà phê và pho mát chảy. Trần bằng tôn nện; quạt rủ xuống lòng thòng, cánh như cánh quạt máy bay. Có vài người đàn bà đội mũ phớt ng ẩ rải rác các bàn trắng trang trí cầu kỳ; cha tôi gật đầu chào, họ gật đầu lại.

Chạy dọc một bên tường có nhiều ngăn bàn ghế bằng gỗ sậm màu. Cha tôi ng ẩ vào một ngăn, tôi lu ần vào ghế đối diện. Ông hỏi tôi muốn uống vị gì, nhưng tôi không quen đi với ông ở nơi công cộng nên thấy thẹn. Mà tôi cũng không biết có những vị gì. Thế nên ông gọi một xô đa dâu cho tôi và cho mình một cà phê.

Cô gái phục vụ mặc váy đen, đội mũ trắng, lông mày tỉa thành hai đường cong mỏng, cái miệng đỏ ướn như mứt. Cô ta gọi cha tôi là đại úy Chase còn ông gọi cô là Agnes. Qua việc đó, và qua tư thế ông từ khuyển tay lên mặt bàn, tôi nhận ra ông hẳn phải là khách quen ở đây.

Agnes nói có phải đây là con gái ngài không, và dễ thương quá; cô ta ném cho tôi một cái nhìn khó chịu. Cô ta mang cà phê đến cho ông gần như tức khắc, hơi lắc lư trên đôi gót cao, và khi đặt xuống cô hơi đụng khế vào tay ông. (Tôi có để ý thấy, dù vẫn chưa hiểu nghĩa là sao.) Rồi cô ta mang xô đa đến cho tôi, trong cái ly hình nón trông như cái sừng lật ngược, bên trong là hai ống hút. Bọt ga dâng lên mũi, khiến mắt tôi chảy nước.

Cha tôi thả một viên đường vào cốc cà phê khuấy, gõ nhẹ thìa lên thành cốc. Tôi ngắm ông qua thành ly xô đa. Bỗng thành linh trông ông hoàn toàn khác, như một người tôi chưa từng gặp trước đây - loãng hơn, bớt tập trung hơn, nhưng cũng chi tiết hơn. Tôi ít khi nhìn ông gần đến thế này. Tóc ông chải lật về phía sau và cắt ngắn hai bên đầu, đang rụng dần phía thái dương: con mắt còn tốt màu xanh phẳng lặng, như giấy xanh. Khuôn mặt thương tích, vẫn còn điển trai, mang vẻ lơ đãng như mỗi buổi sáng, bên bàn ăn, như là ông đang lắng nghe một bài hát, hay một vụ nổ xa xăm đâu đấy. Ria mép ông bạc hơn tôi tưởng, và bây giờ nghĩ kỹ tôi mới thấy lạ, sao đàn ông lại có lông cứng trên mặt còn phụ nữ thì không. Ngay quần áo thường ngày của ông cũng biến thành huyền bí trong ánh sáng lơ mơ mùi va ni, cứ như là quần áo người khác và ông chỉ mượn về mặc tạm. Quần áo to quá khổ với ông, đúng là thế. Ông đã thu nhỏ lại. Nhưng đồng thời ông cũng cao lên.

Ông mỉm cười với tôi, và hỏi xô đa có ngon không. Sau đó ông im lặng trầm ngâm một hồi. Rồi ông rút một điều từ hộp thuốc bạc luôn mang theo bên mình, châm thuốc, nhả khói. “Nếu có chuyện gì xảy ra,” rốt cuộc ông cũng nói, “con phải hứa sẽ chăm sóc Laura nhé.”

Tôi trang nghiêm gật đầu. *Chuyện gì là chuyện gì? Cái gì có thể xảy ra?* Tôi kinh hoàng chờ nghe tin xấu, dù chưa thể hình dung là gì. Có thể ông sắp đi xa - ra ngoại quốc. Những chuyện thời chiến vẫn chưa phai khỏi trí tôi. Nhưng ông không nói gì thêm.

“Bắt tay nào?” ông nói. Chúng tôi chìa tay cho nhau qua bàn; tay ông cứng và khô, như tay nắm va li bằng da. Con mắt xanh độc nhất đánh giá tôi, như cần nhắc xem tôi có thể trông cậy được không. Tôi ngẩng mặt, thẳng lưng. Tôi mong đến cần cào được ông tán thưởng.

“Có năm xu thì con mua được những gì?” lúc đó ông nói. Tôi bị bất ngờ với câu hỏi ấy, miệng đờ ra: tôi không biết. Laura và tôi chưa bao giờ được cho tiền tiêu riêng, bởi Reenie nói chúng tôi cần phải học biết giá trị đồng tiền đã.

Từ túi trong bộ com lê đen ông rút ra cuốn sổ tay bọc bì da lợn và xé một trang. Rồi ông bắt đầu nói về cúc. Chẳng có tuổi nào là quá sớm, ông nói, để dạy tôi học những nguyên tắc kinh tế cơ bản, và tôi sẽ cần biết để cư xử có trách nhiệm, khi nào lớn lên.

“Giả thử con bắt đầu với hai chiếc cúc,” ông nói. Ông nói chi phí tức là phần tiền anh bỏ ra để làm cúc, và doanh thu tổng là số tiền anh có được khi bán cúc, và lãi ròng là con số đó trừ đi chi phí, trong một khoảng thời gian nhất định. Sau đó anh có thể giữ một phần lãi ròng cho mình và dùng phần còn lại để làm ra bốn chiếc cúc, và rồi anh sẽ bán tiếp và có thể làm ra tám cái. Ông vẽ phác một sơ đồ nhỏ bằng cái bút chì bạc: hai cúc, rồi bốn cúc, rồi tám cúc. Cúc nhân lên hoa mắt trên tờ giấy; ở cột bên cạnh, tiền cũng dần lên. Cứ như là lột vỏ đậu: đậu vào bát này, vỏ vào bát kia. Ông hỏi tôi có hiểu không.

Tôi liếc lên mặt ông để xem ông có thật tình không. Đã bao nhiêu lần tôi nghe ông chửi rửa nhà máy cúc là cái bẫy, cát lún, lời nguyền, gông quàng cổ, nhưng đây là lúc ông say rượu. Hiện giờ thì ông khá tỉnh táo. Ông không có vẻ đang dạy dỗ, mà như là đang tạ lỗi. Ông muốn nhận được từ tôi một thứ khác, không chỉ là câu trả lời. Cứ như là ông muốn tôi tha thứ cho ông, xá cho ông một tội lỗi nào đó; nhưng ông đã làm gì tôi? Tôi không thể nghĩ ra là gì.

Tôi thấy bối rối, và cũng đồng thời thấy mình kém cỏi: cho dù ông đang hỏi hay yêu cầu gì đi nữa, việc đó cũng quá sức tôi. Đây là lần đầu tiên một người đàn ông trông đợi nhiều hơn tôi có khả năng trao đi, nhưng sẽ không phải là lần cuối.

“Có ạ,” tôi nói.

Trong tuần cuối cùng trước khi mất - giữa những buổi sáng ghê sợ ấy - mẹ tôi có nói một điều lạ lùng, dù khi ấy tôi chưa thấy lạ lùng. Mẹ nói: “Đằng sau tất cả mọi điều, cha con vẫn yêu con.”

Mẹ không mấy khi nói chuyện với chúng tôi về tình cảm, đặc biệt là tình yêu - của mẹ hay của bất kỳ ai, ngoại trừ tình yêu của Chúa. Nhưng ai cũng biết là cha mẹ phải yêu con cái, nên chắc tôi đã coi mẹ nói thế là để trấn an:

mặc cho bên ngoài có thế nào, cha tôi cũng như mọi người cha khác, hoặc cũng như mọi người cha cần phải thế.

Giờ tôi nghĩ cái đó phức tạp hơn nhiều. Đó có thể là lời cảnh cáo. Cũng có thể là một gánh nặng. Cho dù tình yêu có ở *đằng sau mọi điều*, vẫn có một đồng chất chững lên trước, và tôi sẽ tìm thấy gì khi đào xới thật sâu qua đó? Không phải là một món quà giản dị, lấp lánh vàng ròng; mà ngược lại là một vật thái cổ và rất có thể còn tai vạ, như tấm bùa sắt đang gỉ sét giữa bộ xương khô. Một lá bùa hộ thân, có thể tình yêu ấy là thế, nhưng là lá bùa rất nặng; một thứ rất nặng tôi phải tha theo khắp nơi, lung lẳng trên sợi xích sắt đeo quanh cổ.

IV

TAY SÁT THỦ MÙ: QUÁN CÀ PHÊ

Mưa nhẹ, nhưng đều đều từ trưa lại. Mùi tỏa lên trên cây, trên mặt đường. Cô đi qua cửa sổ mặt phố sơn hình tách cà phê, màu trắng với một dải màu xanh viền mép và ba vệt hơi nước ngoằn ngoèo bốc lên trên, như có ba ngón tay bầu vào mặt kính ướt trượt xuống. Cửa chính dán chữ CAFE màu vàng chói đã tróc một ít; cô đẩy cửa bước vào trong, giữ ô. Ô màu kem, cũng như cái áo mưa bằng pô lin. Cô lật mũ ra sau đầu.

Anh ngồi trong ngăn cuối cùng, ngay cạnh cửa xoay mở vào bếp, như đã báo trước. Tường ngả vàng vì khói, bàn ghế nặng trĩu sơn màu nâu tẻ, trên mỗi ngăn có móc sắt treo áo như cựa gà. Trong các ngăn ngồi đầy đàn ông, toàn đàn ông, áo khoác thùng thình như quần chần đã sờn, không cà vạt, tóc cắt nham nhở, chân xoải rộng xỏ trong ủng nằm dãn lấy ván sàn. Những bàn tay trông như mồm cụt - bàn tay ấy có thể cứu người hoặc nện nát như người mà vẫn không hề đổi dạng. Chỉ là công cụ vô hồn - và mất nữa. Căn phòng bốc mùi, mùi ván mục, dấm dỗi, quần len đã chua, thịt để lâu ngày, mùi bữa tắm tuồn một lần, mùi tản tiện, lừa dối và căm hận. Cô biết cần nhất là phải tỏ ra không để ý cái mùi.

Anh giơ một tay lên, và những người kia nhìn cô ngờ vực và căm ghét trong lúc cô hối hả đi lại anh, gót giày lách cách trên sàn. Cô ngồi xuống đối diện anh, cười nhẹ nhõm: anh ở đây. Anh vẫn còn đây.

Lạy sứ đồ Judas, anh nói, sao em không mặc lông chồn đi cho rồi.

Em làm gì nào? Có gì không phải?

Cái áo em ấy.

Chỉ là cái áo thôi mà. Cái áo mưa rất bình thường, cô nói, áp úng. Cái áo này thì làm sao?

Lạy Giê su, anh nói, em nhìn lại mình xem. Nhìn quanh đây xem. Áo này quá sạch.

Em không thể làm đúng ý anh nổi, phải không? cô nói. Em sẽ chẳng bao giờ làm đúng được.

Em làm được, anh nói. Em biết khi nào em làm đúng. Nhưng em không chịu nghĩ đến nơi đến chốn.

Anh đâu có bảo em. Em chưa bao giờ đến đây - đến chỗ như thế này. Và em không thể ăn mặc như một bà quét sân mà chạy ra khỏi cửa - anh không nghĩ chuyện đó à?

Giá em trùm cái khăn hay gì đó. Che bớt tóc đi.

Lại còn tóc, cô nói, tuyệt vọng. Tiếp đến gì nữa? Tóc em thì làm sao?

Nó vàng quá. Nổi bật quá. Tóc vàng cũng như chuột bạch, chỉ tồn tại trong lồng thôi. Ra ngoài tự nhiên chúng sẽ không sống được. Chúng quá lộ liễu.

Sao anh không có chút lòng tốt.

Tôi ghét lòng tốt, anh nói. Tôi ghét những kẻ vênh vang ta đây người tốt. Những kẻ làm phước đếm xu đếm hào mũi dãi lòng thông, ban phát lòng tốt. Chúng rất là tửm.

Em là người tốt, cô nói và gượng mỉm cười. Ít nhất em tốt với anh, còn gì nữa.

Nếu tôi nghĩ toàn bộ chỉ có thế - chỉ là thứ lòng tốt ẩm ương sữa loãng - thì thà tôi cuốn gói còn hơn. Nhảy tàu nửa đêm, cao bay xa chạy. Tôi sẽ bắt lấy cơ hội luôn. Tôi không phải là đứa ăn mày, tôi không ngửa tay vòi bố thí.

Anh đang trong tâm trạng hung dữ. Cô không rõ vì sao. Cô không gặp anh một tuần rồi. Hay là vì mưa.

Vậy có lẽ không phải là lòng tốt đâu, cô nói. Có thể là lòng ích kỷ. Có thể em ích kỷ đến tàn nhẫn.

Như thế tôi thích hơn, anh nói. Tôi thích thấy em tham lam. Anh dụi tắt mẩu thuốc, với lấy điều khác, rồi đổi ý. Anh vẫn còn hút thuốc vẩn vơ, là thứ xa xỉ trong tình cảnh anh. Chắc anh đang phải dè sẻn. Cô nghĩ không biết anh có đủ tiền không, nhưng không dám hỏi.

Tôi không muốn em ngủ ở bên kia bàn, em xa xôi quá.

Em biết, cô nói. Nhưng còn chỗ nào nữa đâu. Ở đây ướt quá.

Tôi sẽ kiếm cho mình một chỗ. Một nơi nào đó không có tuyết.

Đâu có tuyết đâu.

Rồi sẽ có thôi, anh nói. Gió bắc sẽ về

Và rồi tuyết sẽ rơi. Và rồi đám thảo khấu sẽ làm gì đây, tội nghiệp? Ít nhất cô cũng làm anh cười, dù giống nhăn nhó thì đúng hơn. Dạo này anh ngủ ở đâu? cô hỏi.

Hỏi làm gì. Em không cần biết. Như thế, nếu chúng có bao giờ tóm được em tra hỏi, em cũng không cần nói dối.

Em nói dối không kém quá đâu, cô nói, cố mỉm cười.

Có lẽ ở trình độ tay mơ thì được, anh nói. Nhưng còn dân nhà nghề, chúng sẽ phát hiện ra ngay. Chúng sẽ mở tung em như mở kiện hàng.

Chúng vẫn còn tìm anh ư? Chúng chưa bỏ cuộc à?

Vẫn chưa. Theo như tôi nghe được.

Kinh khủng thật, cô nói. Kinh khủng quá đi mất. Nhưng chúng ta vẫn còn may, phải không?

Chúng ta may ở chỗ nào? Anh đã quay lại trạng thái u ám.

Ít nhất hai ta vẫn ở đây, ít nhất chúng ta còn có...

Người b ấ đã đến bên bàn. Tay áo ông ta xắn lên, cái tạp d ề dài đến gối đã m ền ra vì cái bẩn, vài món tóc vắt ngang da đầu như những dải nơ nhờn d ầu. Năm ngón tay chần bần như ngón chân.

Bà dùng cà phê?

Vâng cà phê, cô nói. Đen. Không đường.

Cô đợi ông ta đi. Có an toàn không?

Cà phê à? Em hỏi nó có vi trùng không à? Chắc là không, họ đã đun hàng giờ li ền r ấ. Anh đang chế nhạo nhưng cô coi như không hiểu.

Không, em hỏi, ở đây có an toàn không.

Đây là bạn của bạn tôi. Đảng nào tôi cũng canh chừng cái cửa - tôi có thể chu ền đi theo lối sau. Có một con hẻm nhỏ.

Không phải anh làm chuyện đó, phải không, cô nói.

Tôi đã nói em r ấ. Nhưng rất có thể là tôi, tôi đã ở đó. Nhưng đảng nào cũng không quan trọng, vì đảng nào tôi cũng là ứng cử viên quá thích hợp. Chúng muốn thấy tôi bị đóng đinh trên tường lắm đấy. Cả tôi lẫn những tư tưởng độc hại của tôi.

Anh phải trốn thôi, cô nói trong nỗi tuyệt vọng. Cô nghĩ tới chữ *ôm siết*, một chữ cũ mòn biết mấy. Nhưng đúng là cô muốn thế - ôm siết anh trong tay.

Bây giờ thì chưa, anh nói. Tôi chưa đi được. Tôi không thể đi tàu, không thể vượt biên. Nghe nói chúng đang rình ở đó.

Em lo cho anh, cô nói. Năm mơ em cũng thấy chuyện đó. Em lo lắng suốt cả ngày.

Đừng lo, em yêu, anh nói. Cứ lo vậy em sẽ g ầy đi, và r ấ mông ngực nõn nường của em sẽ teo tóp chẳng còn gì cả. Lúc đó em sẽ chẳng còn tích sự gì cho ai.

Cô đưa tay lên má cứ như anh vừa tát mình. Em mong anh đừng nói như thế.

Tôi biết, anh nói. Đàn bà mặc áo như em thường có cái mong muốn ấy.

SỨ ĐIỆP VÀ TINH KỲ CẢNG TICONDEROGA, 16 THÁNG BA 1933 CHASE ỦNG HỘ CÔNG CUỘC CỨU TRỢ Elwood R. Murray, tổng biên tập

Trong một cử chỉ hào hiệp như thị trấn này đã quen trông đợi ở ông, đại úy Norval Chase, chủ tịch Công ty TNHH công nghiệp Chase hôm qua đã tuyên bố công ty Chase sẽ ủng hộ ba toa hàng “thứ phẩm” xuất xưởng cho công cuộc cứu trợ những vùng trong cả nước chịu tác động mạnh nhất của cuộc Đại suy thoái. Hàng đóng góp là chăn sơ sinh, áo len trẻ em, và các loại đồ lót vải thô nam và nữ.

Đại úy Chase bày tỏ với tờ *Sứ điệp và Tinh kỳ* rằng trong thời kỳ khủng hoảng toàn quốc này, mọi người đều phải đồng lòng hợp sức như trong Thế chiến, đặc biệt là ở Ontario nơi ta được may mắn hơn vùng khác. Trước những chỉ trích từ các đối thủ cạnh tranh, nổi bật là lời buộc tội của ông Richard Griffen chủ Hàng dệt kim cao cấp hoàng gia ở Toronto, cho rằng Chase xả hàng thừa ra thị trường làm quà cho không là tước đoạt lương công nhân, đại úy Chase chỉ ra rằng những người nhận quà này đang nào cũng không có sức mua, vì thế ông không cản trở việc buôn bán của ai cả.

Ông cũng nói thêm rằng mọi thành phần trong cả nước đều đang chịu tổn thất nhất định, và công ty Chase hiện đang phải cắt giảm hoạt động do mức cầu xuống thấp. Ông nói sẽ hết sức cố gắng duy trì hoạt động của các nhà máy nhưng có thể sắp phải buộc lòng hoặc thải hời, hoặc cắt giảm giờ làm và lương.

Chúng ta chỉ có thể hoan nghênh những nỗ lực của đại úy Chase, một người biết trọng lời hứa của mình - không như những chiến thuật phá hoại đình công và bế xưởng ở các trung tâm như Winnipeg và Montreal - đã giúp cho Cảng Ticonderoga vẫn là một thị trấn trọng luật pháp, thoát khỏi cảnh Công đoàn làm loạn, bạo lực tàn khốc và đổ máu do Cộng sản xúi

khiến như ở những thành phố khác, hủy hoại tài sản và gây thương vong đáng kể.

TAY SÁT THỦ MÙ: GA GIƯỜNG CHENILLE

Anh sống ở chỗ này đấy à? cô hỏi. Cô vặn xoắn đôi găng trong tay, như là găng ướt và cô đang vắt cho ráo.

Tôi trú ở chỗ này, anh đáp. Hai chuyện khác nhau.

Ngôi nhà nằm trong một dãy liên kế, gạch đỏ thẫm lại vì bẩn, hẹp và cao, mái dốc đứng. Một mảng cỏ dài bụi bặm đằng trước nhà, vài sợi cỏ dại mọc bên lối vào đã khô quắt. Một cái túi giấy nâu rách toang.

Bốn bậc cấp lên đến thềm. Rèm cửa đang ten phơ phất trong cửa sổ trước. Anh rút chìa.

Cô liếc qua vai nhìn lại khi bước vào nhà. Không phải lo, anh nói, không ai thấy đâu. Đằng nào đây cũng chỉ là nhà bạn tôi. Hôm nay tôi ở đây, mai đã chỗ khác.

Anh có nhiều bạn nhỉ, cô nói.

Không nhiều lắm. Cũng không cần nhiều nếu không có quả táo nào thối.

Tiền sảnh có dây móc bằng đồng treo áo khoác, sàn vải sơn đã mòn hình ô vuông xen kẽ vàng và nâu, cửa phòng trong kính mờ hình không biết là diệc hay sếu. Những con chim cảnh dài vươn cái cổ rắn duyên dáng giữa đám sậy và hoa súng, di tích từ một thời xưa: đèn khí đốt. Anh mở cửa đó bằng một chìa khác và hai người bước vào hành lang tối mờ bên trong; anh gạt công tắc đèn. Trên đầu, một cụm đèn trần có ba đóa hoa thủy tinh hình, đã mất hai bóng.

Đừng làm ra vẻ phiền muộn thế, em yêu, anh nói. Không có cái nào thôi ra vậy sang người em đâu. Đừng có chạm vào cái gì là được.

Ồ, biết đâu đấy, cô nói với tiếng cười ghen thở. Em sẽ phải chạm vào anh. Anh sẽ thôi ra.

Anh kéo cho cánh cửa kính đóng lại sau lưng họ. Thêm một cửa nữa bên trái, gỗ sẫm màu đánh véc ni: cô tưởng tượng có cái tai chó sần nào đang áp vào bên kia, nghe có tiếng kẹt, như có người đổi chân. Một mũ phù thủy tóc xám độc địa - chẳng hợp với màu rèm cửa lắm thay? Một đợt cầu thang dài xập xệ dẫn lên, trải thảm đóng đinh vào bậc, tay vịn hồng lỗ chỗ. Giấy dán tường hoa văn giàn leo, dây nho cành hồng quăn quýt nhau, xưa hồng, giờ nâu nhạt màu trà sữa. Anh cẩn thận đưa tay quàng lấy cô, dụi môi lên hõm cổ cô, lên họng; không lên miệng. Cô rùng mình.

Phải tôi đi thì dễ ợt mà, anh nói, thì thầm. Em chỉ việc về nhà vào phòng tắm.

Đừng nói thế, cô nói, cũng thì thầm. Anh đang nhạo em. Anh đâu có tin em thực sự nghĩ thế.

Nghĩ thế nào thì em cũng muốn thế này, anh nói. Cô quấn cánh tay quanh hông anh và họ leo lên cầu thang có chút vụng về lại chút nặng nhọc; thân thể kìm họ lại. Lên đến giữa đường có một cửa sổ tròn lắp kính màu: qua bầu trời màu xanh cô ban, chùm nho màu tím rêu tình, cánh hoa màu đỏ nhức mắt, ánh sáng lùa vào, bôi lem mặt họ. Lên đến chiếu nghỉ tầng hai anh lại hôn cô, lần này mạnh hơn, vượt chiếc váy ngược lên trên đôi chân bọc lụa, lên đến tận mép đôi tất dài, mân mê hai núm cao su nhỏ cứng ở đó, ép chặt cô vào tường. Cô luôn đeo bộ đai nịt bên trong: gỡ cô ra khỏi đó cũng như lột da con hải cẩu.

Mũi cô tuột ra, hai tay vòng quanh cổ anh, đầu và thân uốn ra sau như bị nắm tóc giật xuống. Còn tóc cô thì đã xổ ra khỏi trâm, khỏi cuộn; anh đưa tay vuốt dọc theo, ôm lấy vạt tóc thuần dầy, và nghĩ đến lửa, đến ngọn lửa duy nhất chập chờn trên đầu cây nến trắng, dốc ngược xuống. Nhưng lửa không thể cháy ngược.

Phòng ở trên tầng ba, chắc là khu dành cho người ở ngày xưa. Khi họ đã vào trong anh cài khóa xích. Phòng này nhỏ, tối và bí, có một cửa sổ, mở hé vài phân, mảnh thả gần kín, ri đô trắng vén về hai phía. Nắng chiếu hắt lên mảnh, biến thành vàng óng. Không khí có mùi mục khô, nhưng có cả mùi xà phòng: có cái bồn rửa hình tam giác tí xíu ở góc, mặt gương ngả

vàng bên trên; nhét dưới chân là cái hộp đen mép vuông đựng máy đánh chữ của anh. Bàn chải cắm trong cốc thiếc tráng men, không mới. Riêng tư quá. Cô đánh mắt nhìn đi. Còn có tủ ngăn kéo véc ni đen nham nhở vết xỉ gà và vết nước tròn đáy cốc, nhưng choán gần hết căn phòng là cái giường. Giường bằng đẽng, cổ lỗ sĩ, ngượng nghịu, sơn trắng chỉ chừa lại các nắm đấm. Thế nào cũng cốt kết. Nghĩ đến đó, cô đỏ chín người.

Cô thấy rõ anh đã phải khổ công vì cái giường - đã thay chần lót hoặc ít nhất cũng thay vỏ gối, vuốt cho phẳng tấm ga chenille xanh màu nước sông Nile đã phai. Cô gần như ước giá anh đừng làm thế, bởi nhìn vào đó lòng cô nhói lên cảm giác giống như thương hại, như thấy gã nông dân chết đói dâng lên cô mẫu bánh cuối cùng. Thương hại chẳng phải là điểu cô muốn. Cô không muốn thấy anh yếu đuối dù vè mặt nào. Chỉ có cô là được quyền yếu đuối. Cô đặt ví và găng tay xuống mặt tủ. Cô thành linh thấy mình đang ở trong một tình huống xã giao. Một tình huống xã giao hết sức quái dị.

Thứ lỗi nhà không có quản gia, anh nói. Em uống gì chứ? Scotch rẻ tiền thôi.

Vâng cho em, cô nói. Chai rượu bỏ trong ngăn kéo trên cùng; anh lôi ra, cùng hai cái cốc, rót rượu. Đủ thì nói nhé.

Nhé, em xin.

Không có đá đâu, anh nói, nhưng có thể pha nước.

Thế là được rồi. Cô nuốt ực ngụm rượu, ho húng hắng, mỉm cười với anh, đứng tựa vào tủ.

Nhanh mạnh, xóc tận óc, nóng tận ruột, anh nói, em không thể không yêu nó. Anh cần cốc ngẩ xuống giường. Uống mừng tình yêu với nó. Anh nâng cốc. Anh không cười trả.

Hôm nay anh xấu tính khác thường.

Tự vệ thôi, anh nói.

Em không yêu nó, em yêu anh, cô nói. Em biết khác nhau ở chỗ nào mà.

Biết đến phần nào đó, anh nói. Hoặc là em tưởng thế. Giữ được thể diện.

Anh thử nói xem có lý do nào để em không bước ngay ra khỏi đây.

Anh nghe răng cười. Vậy thì đến đây.

Cho dù anh biết cô rất muốn, anh sẽ không đòi nào nói yêu cô. Cũng có thể làm thế sẽ tước vũ khí của anh, như là thú nhận tội lỗi.

Em phải bỏ tất ra đã. Thứ sọi này chỉ nhìn là đã tuột mất tức thì.

Cũng như em thôi, anh nói. Cứ mặc đấy. Giờ thì đến đây.

Mặt trời đã xê dịch; chỉ còn một vệt nắng chéo còn lại, nửa phía trái bức màn đã buông. Bên ngoài, có chuyến xe điện ì ầm đi ngang, chuông leng keng. Hẳn nãy giờ đã bao nhiêu chuyến xe qua. Vậy sao chỉ nghe ra yên lặng? Yên lặng và tiếng thở, của anh, cả hai, nhọc nhằn, nén lại, cố không gây ra tiếng động. Hoặc không gây ra nhiều quá. Tại sao khoái lạc nghe lại giống lo buồn đến vậy? Như tiếng kêu kẻ trúng thương. Anh đã đặt tay che miệng cô.

Phòng đã tối đi, nhưng cô lại nhìn rõ hơn. Tấm ga nằm đồng trên sàn, chăn lót xoắn quanh và trùm qua họ như dây nho dày bằng vải; bóng đèn đơn, không có chụp, giấy dán tường màu kem điểm hoa violet xanh, xinh xẻo và ngớ ngẩn, màu be bị ố chỗ mái nhà chắc đã dột; sợi xích chặn ngang cửa. Chặn ngang cửa gì: nó mỏng mảnh như thế. Một cú huých mạnh, một mũi giày ống. Nếu có chuyện đó, cô sẽ làm gì? Cô cảm thấy tường nhà mỏng lại, biến thành băng trong. Họ là hai con cá nằm trong bể.

Anh châm hai điếu thuốc, một đưa cô. Cả hai hít mạnh. Anh lần bàn tay kia dọc mình cô, rồi lần nữa, hấp thụ cô qua năm ngón tay. Anh nghĩ không biết cô được đi bao lâu; anh không hỏi. Ngược lại anh nắm cổ tay cô. Cô đeo chiếc đồng hồ vàng nhỏ. Anh che mặt đồng hồ.

Thế nào, anh nói. Kể chuyện đêm khuya chứ?

Vâng, anh kể đi, cô nói.

Ta đang ở đâu nhỉ?

Anh vừa cắt lưỡi mấy cô bé tội nghiệp trùm mạng cô dâu.

À phải. Và em phản đối. Nếu em không thích chuyện này tôi có thể kể em nghe chuyện khác, nhưng tôi không hứa được nó sẽ văn minh hơn đâu. Có thể còn tệ hơn. Có thể là thời hiện đại. Thay vì vài người Zycron chết ta có thể có hàng mẫu vuông bùn hôi thối và hàng trăm nghìn...

Em nghe tiếp chuyện này, cô ngắt lời. Đằng nào đấy cũng là chuyện anh muốn kể cho em.

Cô dụi điều thuốc vào gạt tàn thủy tinh màu nâu, rồi chỉnh lại thế nằm bên cạnh anh, tai áp vào ngực anh. Cô thích nghe giọng anh bằng cách ấy, như là không phải giọng nói bắt đầu từ cổ họng mà là từ bên trong người anh, như tiếng ngâm hay tiếng gầm gừ, hoặc như tiếng nói cất lên từ lòng đất thẳm. Như máu đang chảy qua tim của chính cô: một từ, một từ, lại một từ.

TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 5 THÁNG MƯỜI HAI 1934

HUỠNG ỨNG NGÀI BENNETT

Bản tin độc quyền

Trong bài diễn thuyết trước câu lạc bộ Đế quốc chiêu qua, ông Richard E. Griffen, nhà tài chính Toronto, vị chủ tịch mạnh mẽ của Hàng dệt kim cao cấp hoàng gia, đã dành những lời khen ngợi cho thủ tướng R. B. Bennett và những lời mạt sát thậm tệ cho những kẻ chỉ trích ngài.

Nhắc đến cuộc mít tinh huyền ảo ở SVD Vườn Lá Thích, Toronto vào Chủ nhật trước, khi mười lăm nghìn tên Cộng chúng đại đón chào lãnh tụ của chúng là Tim Buck, kẻ đã bị bỏ tù vì âm mưu gây rối nhưng được thả về quản thúc từ Trại cải huấn Portsmouth, Kingston thứ Bảy vừa rồi, ông Griffen bày tỏ lo ngại trước việc Chính phủ “nhượng bộ trước áp lực”, cụ thể là một đơn kiến nghị có chữ ký của hai trăm nghìn “trái tim mềm yếu bị lừa dối”. Chính sách “gót sắt không thương xót” của thủ tướng Bennett mới là đúng đắn, ông nói; bỏ tù tất cả những kẻ mưu đồ lật đổ chính quyền dân bầu và trưng thu của tư hữu là cách duy nhất có thể đối phó với bọn phản kháng.

Còn về hàng chục nghìn người nhập cư đã bị trục xuất theo Điều 98, kể cả số bị gửi về những nước như Đức hay Ý nơi cảnh giam cầm đang chờ họ, những kẻ đó đã cố động cho chế độ độc tài và giờ sẽ được trực tiếp ném mùi cái đó, ông Griffen khẳng định.

Sang vấn đề kinh tế, ông nói dù tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao, gây ra bất an khiến đám Cộng sản và thân Cộng tiếp tục hưởng lợi, vẫn có những dấu hiệu lạc quan và ông tin rằng cuộc Đại suy thoái sẽ chấm dứt vào mùa xuân này. Trong khi chờ đợi, chính sách khôn ngoan duy nhất là giữ nguyên đường lối để hệ thống tự điều chỉnh. Chỉ hướng nhích về thứ chủ nghĩa xã hội mềm dẻo của ông Roosevelt cần phải ngăn lại, bởi những động thái loại đó chỉ làm hại thêm nền kinh tế đang đau ốm. Cảnh ngộ của những người thất nghiệp quả là một việc đáng buồn, nhưng nhiều kẻ vốn dĩ đã

lười biếng từ bản chất và sẽ cần đến vũ lực kịp thời, hiệu quả để trừng trị đám bầy công bất hợp pháp cũng như những kẻ khiêu khích bên ngoài.

Bài phát biểu của ông Griffen đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

TAY SÁT THỦ MÙ: SỬ GIẢ

Được rồi. Vậy là trời đã tối. Mặt trời, cả ba cái, đã lặn hết. Hai cái mặt trăng đã nhô ra. Giữa vùng đất thấp bấy sói đã tản ra tìm mồi. Cô bé được chọn đang chờ tới lượt hiến tế. Cô đã được cho ăn bữa cuối, một bữa thịnh soạn, cô đã được xông hương và xúc dầu thơm, đã nghe những bài ca ca ngợi mình, đã nhận những lời khấn nguyện. Giờ thì cô đang nằm trên cái giường thêu kim tuyến đỏ và vàng, khóa trong phòng sâu kín nhất của khu đền, sức mùi những cánh hoa cùng trầm hương và các loại hương liệu nghi nhát, theo phong tục vẫn rải trong áo quan người chết. Cái giường có tên là Giường Một Đêm, bởi không ai nằm tới đêm thứ hai trên đó. Còn giữa các cô bé, khi còn có lưỡi, nó gọi là Giường Nước Mắt Vô Thanh.

Tới nửa đêm cô sẽ được Diêm vương tới thăm, theo lời đền, ngài mặc giáp trụ han gỉ. Diêm phủ là nơi phan thây giải thể: mọi linh hồn đều phải qua đó trên đường về miền đất các thần linh, và một số kẻ - những kẻ tội lỗi nhất - sẽ phải ở lại. Mỗi cô trinh nữ đền thánh đem hiến tế phải nhận một cuộc viếng thăm từ ngài Diêm vương han gỉ đêm trước lễ hiến sinh, bởi nếu không, linh hồn cô sẽ đời đời bất thỏa, và thay vì đi thẳng tới xứ sở thần linh cô sẽ buộc phải gia nhập bầy đoàn những ma nữ đẹp trên truồng mái tóc màu thiên thanh, thân hình khêu gợi, môi đỏ như hồng ngọc và mắt như hai hồ rấn, lượn lờ quanh khu mộ cổ đồ nát trong dãy núi hoang phế phía Tây. Em thấy đấy, tôi đâu có quên họ.

Cảm ơn, anh chu đáo quá.

Để dành cho em những điều tốt nhất. Khi nào cần bổ sung tiết mục gì thì cứ bảo tôi. Tiếp. Giống như nhiều xã hội khác, cổ đại cũng như hiện đại, người Zycron rất sợ trinh nữ, nhất là các cô đã chết. Những cô gái bị phụ tình chết đi mà chưa có chồng rồi sẽ kiếm tìm trong cõi chết những gì họ bất hạnh không được hưởng trên cõi trần. Ban ngày họ ngủ trong những nấm mồ đồ nát, tối đến đi rình bắt những khách lữ hành bơ vơ, đặc biệt là chàng trai trẻ nào liêu lĩnh lang bạt lại đây. Họ nhảy bổ vào các chàng trai ấy mà hút hết tinh lực họ, biến họ thành những xác sống ngoan ngoãn,

sẵn sàng phục vụ cơn khát thêm phi tự nhiên của đám ma nữ trẦN trụi khi có lệnh.

Rủi cho các chàng trai, cô nói. Không có cách nào chống cự những sinh vật quái ác kia à?

Có thể cần giáo đâm vào họ, hoặc cần đá nện cho họ nát như. Nhưng vì họ quá đông nên chẳng khác nào đánh nhau với bạch tuộc, chưa kịp định thần thì họ đã vây lấy anh chàng r ấ. Hơn nữa họ có phép thôi miên, họ tiêu diệt ý chí con m ấ. Đây là việc họ làm đầu tiên. Chỉ nhìn thấy họ thôi là coi như ta đóng đinh tại chỗ.

Cái đó em hình dung được. Uống thêm nhé?

Chắc thêm một cốc cũng không chết. Cảm ơn. Cô bé - em nghĩ nên đặt tên cô là gì?

Em không biết. Anh chọn đi. Đất của anh mà.

R ấ tôi sẽ nghĩ. Được r ấ, cô đang nằm trên chiếc Giường Một Đêm, dựa c ần vào những phỏng đoán về tương lai. Cô không biết cái gì đáng sợ hơn, bị cắt cổ hay cái việc sẽ diễn ra trong vài giờ tới. Đã thành một trong những bí mật công khai của đ ền rằng Diêm vương chẳng phải là Diêm vương thật, mà chẳng qua là một trong bá quan văn võ cải trang. Cũng như mọi thứ ở Sakiel-Norn, chức vụ này được rao bán, và đ ền rằng có những khoản lớn trao tay về cái quyền đó - khuất mắt trông coi, dĩ nhiên. Người bỏ túi món này là Nữ thượng tế, lòng tham vô đáy của bà ta chỉ sánh được với lòng say cu ồng ngọc xa phía. Để tạ sự bà ta th ề sẽ dùng ti ền đó vào mục đích từ thiện, và quả bà ta cũng dùng một chút, khi nào nhớ ra. Các cô bé chẳng có cách nào phản nản về cái mục này trong cả nỗi khốn khổ nói chung, vì chẳng có lưới mà cũng chẳng có đ ờ viết, mà đảng nào sáng ra họ cũng đã chết sạch. *Lộc trời ban*, Nữ thượng tế tự nhủ khi vợ lấy mớ ti ền.

Cùng lúc đó, ở một nơi rất xa có một đội quân dã man đông đảo, tả tơi đang tiến lại, dự định chiếm lấy thành Sakiel-Norn tiếng đã đ ền xa, sau khi cướp phá sẽ đốt trụi ngôi thành. Chúng đã làm thế ở vài thành phố khác trên đường từ phía Tây lại. Không có ai - không ai trong số các quốc gia

văn minh, ấy thế - lý giải được thắng lợi của chúng. Chúng không có giáp trụ mà cũng chẳng có binh khí, chúng không biết đọc, cũng chẳng có khí cụ thần diệu nào bằng kim loại.

Không chỉ có thế, chúng còn chẳng có vua, chỉ có một thủ lĩnh. Viên thủ lĩnh này không có tên tuổi nào cả; y từ bỏ tên riêng khi trở thành thủ lĩnh, đổi lấy một danh hiệu. Danh hiệu ấy là Nô Bộc Cầu Hoan. Đám thủ túc còn gọi y là Cây hèo của Đấng toàn năng, Nắm đấm phải của Đấng bất bại, Kẻ thanh trừng quân vô đạo, và Chiến binh vì đức hạnh và công lý. Đám người này bản quán ở đâu không ai biết, nhưng chuyện đầu kể rằng chúng đến từ phương Tây Bắc, ngọn ngu ồn của những cơn gió độc. Với kẻ thù chúng có tên Bộ tộc Tàn hủy, nhưng chúng tự gọi mình là Bộ tộc Hân hoan.

Viên thủ lĩnh hiện thời có tướng thánh thần phù trợ: y sinh ra để bọc đi ầu, chân y bị tật, trán mang vết bớt hình ngôi sao. Y nhập đ ồng để v ấn ý thế giới bên kia mỗi khi không biết nên làm gì tiếp. Y đưa quân tới tiêu diệt Sakiel-Norn theo mệnh lệnh do sứ giả thần linh đưa lại.

Viên sứ giả này hiện ra trước y dưới dạng một ngọn lửa, có vô số mắt và những lưỡi lửa phụt ra xung quanh. Những sứ giả kiểu đó nghe đ ồng luôn nói bằng những phúng dụ khó hiểu điên đ ầu, và mang rất nhiều hình dạng khác nhau: con *thulk* bốc cháy hay đá biết nói, hay hoa biết đi, hay những sinh vật đ ầu chim mình người. Hoặc cũng có khi trông như bất kỳ ai. Những lữ khách đi đơn độc hoặc thành đôi, những kẻ mang tiếng là kẻ cắp hay thầy pháp, người ngoại quốc biết nói nhiều thứ tiếng, gã ăn mày ng ồi bên l ề đường, đây là những người có khả năng là sứ giả thần linh nhất, theo lời Bộ tộc Tàn hủy: vì thế họ cần được đối xử rất mực cẩn trọng, ít ra cho đến khi nắm rõ họ thực sự là ai.

Nếu họ đúng là sứ giả thần phái xuống, tốt nhất hãy đem mời họ cơm no rượu say và đàn bà nếu cần, hãy kính cẩn lắng nghe thông điệp họ mang đến, rồi hãy để họ đi đường họ. Còn nếu không, hãy ném đá cho chết rồi tịch thu của cải. Cũng dễ hiểu là mọi đoàn lữ hành, thầy pháp, khách phương xa hay ăn mày đi ngang gần địa bàn Bộ tộc Tàn hủy đều tự trang bị một kho những ngụ ngôn bí hiểm - *chữ mây*, hay còn gọi là *lụa thắt nút* - đủ

mập mờ để dùng trong nhiều dịp khác nhau, tùy theo hoàn cảnh yêu cầu. Đi giữa Bộ tộc Hân hoan mà không thủ sẵn một câu đố hay một bài về tối tăm thì chẳng khác nào tự mời gọi cái chết.

Ngọn lửa có mắt đã nói rằng thành Sakiel-Norn bị chọn làm đối tượng hủy diệt bởi nó xa hoa lãng phí, nó thờ phụng những thánh thần tà đạo, và nhất là nó thực hành tục hiến sinh trẻ con đáng ghê tởm. Vì có tục này mà tất cả mọi người trong thành, kể cả nô lệ, trẻ con và các cô bé sắp hiến sinh, đều đáng phải bỏ mạng trước lưỡi kiếm. Đi giết cả những người bị bắt chết mà cái chết ấy chính là cố cho sự giết chóc này nghe ra không phải lắm, nhưng Bộ tộc Hân hoan không dựa vào chuyện có tội hay vô tội làm cố, mà là chuyện có bị ô uế hay không, mà theo Bộ tộc Hân hoan thì tất tần tật mọi người trong một ngôi thành ô uế đều ô uế ngang nhau.

Đoàn người ngựa tràn lên, khuấy thành một đám mây bụi đen trên đường; đám bụi bay tung bên trên như một lá cờ. Tuy thế chúng vẫn chưa gần đến mức lọt vào tầm quan sát của những lính gác trên tường thành Sakiel-Norn. Những người có thể báo động - các mục đồng kiếm ăn xa, các đoàn lái buôn trên đường - đều bị rượt đuổi và chém vụn từng mảnh không thương tiếc, trừ ai có khả năng là sứ giả nhà trời.

Nô Bộc Cầu Hoan thúc ngựa đi đầu, trái tim y trong sạch, đôi mày hằn trên trán, đôi mắt y cháy bừng. Trên vai y chiếc áo choàng da thô, đầu mang dấu hiệu quyền uy, chiếc nón chóp nhọn màu đỏ. Đằng sau là đám thủ túc, răng nanh nhe ra. Thú ăn cỏ bỏ trốn khi thấy chúng, kèn kèn bay đuổi đằng sau, lũ sói ve vẩy chạy bên cạnh.

Trong lúc đó, giữa thành bang không biết gì về tai vạ đang đến, một mưu đồ lật đổ nhà vua đang vào guồng. Âm mưu ấy được kiến thiết (như thường lệ) giữa vài triều thần tin cẩn nhất. Họ đã bỏ tiền mướn tay cừ khôi nhất trong các sát thủ mù, một thiếu niên đã từng dẹt thảm rồi bị bán vào nhà chứa, nhưng từ khi trốn thoát đã trở nên khét tiếng vì hành động không tiếng động, di chuyển không dấu vết, và lưỡi dao không xót thương. Tên nó là X.

Sao lại X?

Loại người này chỉ có tên là X. Tên tuổi không có ích gì cho chúng, tên tuổi với chúng chỉ tổ trời buộc. Nhưng có thể nói X nghĩa là X quang - khi đã là X, người ta có thể xuyên qua đá tường và nhìn thấu quần áo đàn bà.

Nhưng X mù, cô nói.

Thì càng tốt. Nó nhìn thấu quần áo đàn bà với con mắt nội tại là lạc cánh của người cô độc^[5].

Wordsworth đáng thương! Đừng có báng bổ! cô nói, vui thích.

Tôi chịu thôi, tôi báng bổ từ khi lọt lòng.

X sẽ phải kiếm đường lọt vào khu đền Năm Mặt Trăng, tìm đến cửa căn phòng nhất cô bé hiến tế ngày mai, và cắt cổ người canh cửa. Rồi nó sẽ phải giết chính cô bé, giấu cái xác dưới chiếc Giường Một Đêm huyền thoại, rồi trùm khăn mạng cô dâu vào mình. Nó phải đợi sau khi viên đại thần đóng vai Diêm vương - chẳng phải ai khác, chính là người cần đầu vụ tạo phản sắp tới - đã đến, đã có được thứ ông ta bỏ tiền mua, và đã rời đi. Viên đại thần này đã trả hậu và muốn nhận đủ món hàng, mà hàng đó không phải một cô gái chết, dù mới giết tinh tươm. Ông ta muốn trái tim còn đập.

Nhưng người ta đã làm lộn tung phèo các thỏa thuận. Giờ giấc bị hiểu nhầm: sự thể thành ra, tay sát thủ mù sẽ là người đầu tiên qua cổng.

Ghe quá, cô nói. Đầu óc anh thật là bệnh hoạn.

Anh đưa ngón tay lướt dọc cánh tay trần của cô. Em có muốn nghe tiếp không? Thường thì tôi chỉ làm việc này lấy tiền. Em đang được biểu không, em phải biết ơn chứ. Mà đằng nào, em cũng không biết có gì sắp xảy ra. Tôi chỉ đang siết chặt các đầu mối.

Theo em thì cũng khá chặt rồi đấy.

Đây là sở trường của tôi. Nếu em thích cốt truyện lỏng lẻo hơn, cứ đi tìm chỗ khác.

Thôi được rồi. Tiếp đi.

Khi đã cải trang bằng quần áo cô bé bị giết rồi, tay sát thủ sẽ phải chờ đến sáng để người ta dẫn lên thang tới bàn thờ, và rồi, đúng thời điểm hiến tế, nó sẽ đâm nhà vua. Như thế trước mắt mọi người nhà vua đã bị chính Nữ thần trừng trị, và cái chết của ngài sẽ là tín hiệu khởi đầu cuộc nổi dậy được dàn dựng kỹ lưỡng.

Vài kẻ trong số những phần tử hắc ám, đã được mua đứt, sẽ dàn xếp khởi loạn. Kế đó, sự việc sẽ đi theo trình tự quen thuộc đã được lịch sử vạch mòn. Các nữ tư tế trong đền sẽ bị cấm cố, tiếng là để bảo vệ họ, nhưng thực tế là để buộc họ chứng thực thánh thần đứng về phía phe âm mưu. Bộ phận quý tộc trung thành với nhà vua sẽ bị xiên tại trận; con trai họ cũng sẽ bị hạ thủ, để ngăn ngừa hậu họa sau này; con gái họ sẽ đem gả cho những kẻ chiến thắng để hợp pháp hóa việc chiếm đoạt tài sản, còn những bà vợ quen xa xỉ và hẳn nhiên là lẳng lơ của họ sẽ bị quẳng cho đám đông ô hợp. Một khi con sư tử đã quy, chẳng có gì khoái bằng được chà gót lên mình nó.

Tay sát thủ mù dự định tẩu thoát trong cảnh hỗn loạn tiếp theo, rồi trở lại sau để nhận nốt nửa còn lại phần thưởng hậu hĩnh đã được hứa. Còn những kẻ âm mưu có dự định khác: thủ tiêu nó tại trận, bởi sự tình sẽ chuyển xấu nếu nó bị bắt, và - trong trường hợp mưu đồ thất bại - bị buộc thú nhận. Xác nó sẽ phải giấu kỹ, vì ai cũng biết các sát thủ mù chỉ đi giết thuê, và sớm muộn người ta sẽ đặt câu hỏi ai là kẻ đứng ra thuê. Bày mưu ám sát vua chúa là một chuyện, bị phát hiện ra lại là chuyện khác.

Cô bé giò này vẫn chưa có tên nằm trên giường kim tuyến đỏ, chờ vị Diêm vương hàng nhái và thần nói câu vĩnh biệt không lời. Tay sát thủ mù lần theo hành lang, khoác áo choàng xám của thủ tù. Nó tới bên cửa. Người canh là đàn bà, bởi đàn ông không được phép vào bên trong khu đền. Sau lớp mạng xám tay sát thủ thì thần với bà ta mình mang theo lời nhắn từ chính Nữ thượng tế, chỉ mình bà được phép nghe. Người đàn bà ghé lại, con dao đưa nhanh, tia sét của thần linh rất đổi nhân từ. Đôi tay không có mắt phóng về tiếng leng keng của chùm chìa khóa.

Chiếc chìa xoay trong ổ. Trong phòng, cô bé nghe thấy tiếng. Cô nhòe mắt lên.

Giọng kẻ ngừng bật. Anh đang lắng nghe cái gì đó bên ngoài phố.

Cô từ khụy tay nhòe mắt. Cái gì thế? Cô hỏi. Chỉ là tiếng cửa xe thôi.

Giúp tôi một việc, anh nói. Mặc áo lót vào như một cô bé ngoan và ngó ra cửa xem có gì.

Nếu có ai nhìn thấy em thì sao? cô hỏi. Đang giữa ban ngày ban mặt.

Thế thì có sao. Họ không biết em. Họ chỉ thấy có một cô ả mặc đồ lót, đấy cũng chẳng phải chuyện hiếm quanh đây; họ chỉ nghĩ em là một...

Một ả đàn bà dễ dãi? cô nói nhẹ tênh. Anh cũng nghĩ thế phải không?

Một cô bé bị phá đời. Không hoàn toàn giống nhau.

Anh rất là lịch sự mã thượng đấy.

Đôi lúc tôi phản lại chính mình.

Không có anh đời em còn hồng hơn nhiều, cô nói. Cô đã tới bên cửa sổ, nâng tấm màn lên. Áo lót cô màu xanh, thứ màu xanh lạnh người của băng trên bờ biển, lớp băng đã vỡ. Anh sẽ không giữ được cô, không giữ được lâu. Cô sẽ tan ra, sẽ trôi mất, sẽ tuột khỏi tay anh.

Ngoài đó có gì không? anh hỏi.

Chẳng có gì bất thường.

Quay lại giường đi.

Nhưng cô đã nhìn lên mảnh gương trên bồn rửa, đã thấy mình. Khuôn mặt để trần, mái tóc rối bời. Cô nhìn đồng hồ vàng trên tay. Chết rồi, tệ quá, cô nói. Em phải đi thôi.

TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 15 THÁNG MƯỜI HAI, 1934

QUÂN ĐỘI DỆP YÊN BẠO ĐỘNG ĐÌNH CÔNG Cảng Ticonderoga, Ontario

Bạo động lại nổ ra ngày hôm qua tại Cảng Ticonderoga, kết thúc một tuần lễ hỗn loạn xung quanh việc đóng cửa, đình công và bế xưởng tại Công ty TNHH Công nghiệp Chase và Con trai. Sau khi lực lượng cảnh sát cho thấy bị áp đảo về mặt số lượng và chính quyền tỉnh có yêu cầu tăng cường, thủ tướng nhân danh an ninh chung đã phê chuẩn đi đầu một biệt đội Trung đoàn hoàng gia Canada tới can thiệp, đến nơi vào lúc hai giờ chiều. Tình hình đã được tuyên bố là ổn định.

Trước khi trật tự vẫn hồi, một buổi họp của những kẻ đình công đã trở nên mất kiểm soát. Khắp phố chính của thị trấn các cửa hàng bị đập vỡ kính, tình trạng cướp bóc xảy ra hết sức tồ tệt. Một vài người chủ tìm cách bảo vệ tài sản đã phải vào viện chữa thương. Theo một nguồn tin cho biết, một viên cảnh sát bị chấn thương não ở mức độ hết sức nguy hiểm do bị gạch giáng vào đầu. Ở nhà máy số Một đã xảy ra cháy lớn vào lúc gần sáng, nhưng đã được đội cứu hỏa thị trấn dập tắt, đang được đi đầu tra và nghi ngờ có yếu tố tội phạm. Người trực đêm, ông Al Davidson, đã được kéo ra chỗ an toàn, nhưng đã chết trước khi được phát hiện bởi bị đánh vào đầu và ngạt thở do hít quá nhiều khói. Hiện đang tìm kiếm thủ phạm của vụ việc này, và vài nghi phạm đã được chỉ ra.

Chủ bút tờ báo của Cảng Ticonderoga, ông Elwood R. Murray, khẳng định nguyên nhân vụ rối loạn là do có vài kẻ khiêu khích từ bên ngoài đã mang lén rượu vào đám đông. Ông cho biết giới thợ thuyền địa phương đầu hết sức tuân thủ pháp luật và không đời nào gây rối trừ khi bị kích động.

Ông Norval Chase, chủ tịch công ty Chase và Con trai, không đưa ra lời bình luận nào.

TAY SÁT THỦ MÙ: BẦY NGỰA BAN ĐÊM

Một căn nhà khác, tuần này, một căn phòng khác. Ít nhất thì cũng có chỗ xoay trở giữa cửa và giường. Rèm cửa là hàng Mễ Tây Cơ, với những sọc vàng xanh đỏ; ván đầu giường bằng gỗ sồi mắt chim; còn có chăn hiệu Hudson's Bay, đỏ thẫm và ngửa, đã bị ném xuống sàn. Tấm áp phích đấu bò tót Tây Ban Nha trên tường. Ghế bành, bọc da đỏ đun; bàn viết, gỗ sồi hun khói; lọ đựng bút chì, cái nào cũng vót nhọn; giá cắm đầu. Bụi thuốc lá ngàn ngạt trong không trung.

Và một kệ sách: Auden, Veblen, Spengler, Steinbeck, Dos Passos. *Chí tuyến Bắc*, đập ngay vào mắt, chắc là được mang lậu vào. *Salammbô*, *Kẻ đào tẩu lạ lùng*, *Buổi hoàng hôn của những thần tượng*, *Giã từ vũ khí*. Barbusse, Montherlant. *Hammurabis Gesetz: Juristische Erläuterung*. Người bạn mới này có vẻ thuộc thành phần trí thức, cô nghĩ. Và cũng nhiều tiền hơn. Có nghĩa là ít đáng tin hơn. Anh ta có ba cái mũ chụp trên nóc giá áo bằng gỗ uốn, lại thêm áo dài mặc nhà kẻ ca rô, trăm phần trăm cashmere.

Anh đã đọc quyển nào trên đó chưa? cô đã hỏi, ngay khi họ vừa đi vào và anh vừa khóa cửa. Trong lúc cô đang bỏ mũ và găng.

Vài cuốn, anh nói. Anh không nói rõ cuốn nào. Quay đầu nào. Anh gỡ chiếc lá trên tóc cô.

Đã có lá rụng rồi.

Cô tự hỏi người bạn kia có biết không. Không chỉ biết là anh đưa bạn gái về- họ chắc đã thỏa thuận để người bạn không trở về thành linh, đàn ông thường thế - mà biết là cô. Tên tuổi và các thứ khác. Cô hy vọng là không. Cô có thể đoán qua những cuốn sách, và nhất là qua tấm áp phích đấu bò, rằng người bạn này sẽ ác cảm với cô trên nguyên tắc.

Hôm nay anh bớt hung hăng, mà trầm ngâm hơn. Anh muốn chần chừ, muốn kiền chế. Muốn nghiến ngậm.

Sao anh lại nhìn em như thế?

Tôi đang học thuộc em.

Để làm gì? cô hỏi, đặt tay lên che mắt anh. Cô không thích bị soi mói như vậy. Bị sờ mó.

Để sau này còn có em, anh nói. Khi tôi đi r ồi.

Đừng làm thế. Đừng phá hỏng mất hiện tại.

Việc hôm nay chớ để ngày mai, anh nói. Đây là phương châm của em hả?

Đúng hơn là không nên lãng phí, cô nói. Lúc đó anh đã cười. Bây giờ cô đã quẩn mình trong tấm chăn lót, kéo nó ngang ngực; cô nằm áp vào anh, đôi chân mất hút trong cái đuôi cá uốn lượn bằng vải trắng. Đôi tay anh gối sau đầu, mắt nhìn lên trần nhà. Cô bôn cho anh từng ngụm từ cốc mình, lần này là rượu mạch pha nước. Còn rẻ hơn scotch. Cô lúc nào cũng định mang cho anh thứ gì tử tế từ nhà - thứ gì uống được - nhưng lúc nào cũng quên.

Tiếp tục đi, cô nói.

Tôi cần có cảm hứng.

Em phải tạo cảm hứng cho anh bằng cách nào? Em có thời gian đến tận năm giờ.

Tôi sẽ để dành cảm hứng thực sự cho dịp sau, anh nói. Tôi phải tích lũy sức mạnh đã. Tôi cần khoảng nửa giờ.

O lente, lente currite noctis equi!

Cái gì?

Chạy chậm thôi, chậm thôi, hỡi bầy ngựa ban đêm. Thơ Ovid, cô nói. Trong tiếng La tinh câu này như nhịp chạy nước kiệu. Thật là vụng về quá, anh sẽ nghĩ cô khoe mẽ. Cô không bao giờ biết cái gì anh nhận ra, cái gì không. Đôi lúc anh giả như chẳng biết gì cả, và sau khi cô giải thích xong

anh mới hé ra là anh biết, anh biết từ đầu. Anh nhủ cô, rồi anh chen hòng cô lại.

Em thật là kỳ cục, anh nói. Tại sao chúng lại là bầy ngựa ban đêm?

Chúng kéo cỗ xe của Thời gian. Thời gian đang ở với tình nương. Có nghĩa là thần muốn đêm dài ra, để được ở với nàng lâu hơn.

Để làm gì chứ? anh nói về lười nhác. Năm phút không xong à? Không có việc gì hơn à?

Cô ngẩng dậy. Anh mệt à? Em làm anh chán phải không? Em nên về chứ?

Nằm xuống đi. Em không đi đâu cả.

Cô những muốn anh đừng làm thế - nói năng như một tay cao bồi trên tivi. Anh làm thế chỉ cốt để cô thấy yếu thế. Tuy vậy, cô vẫn đuổi dài người ra, vòng tay ôm lấy anh.

Đặt tay vào đây, thưa phu nhân. Như thế được rồi. Anh nhắm mắt lại. Tình nương à, anh nói. Thật là một chữ cổ lỗ sĩ. Trung kỳ Victoria. Lẽ ra tôi phải hôn lên đôi hài thanh tú của em, hay chắt đầy nhà em sô cô la.

Chắc là em cổ lỗ sĩ. Chắc là em trung kỳ Victoria. Vậy thì *bồ nhú* vậy. Hay là *hàng*. Như thế đã tân tiến hơn chưa? Anh đã thấy bình đẳng hơn chưa?

Rồi. Nhưng tôi nghĩ *tình nương* tốt hơn. Bởi vì mọi thứ đâu có bình đẳng, phải không?

Không, cô nói, không có gì bình đẳng. Nhưng anh kể tiếp đi.

Anh nói: Khi đêm xuống, Bộ tộc Hân hoan hạ trại chỉ cách Sakiel-Norn một ngày đường. Các nữ nô, bắt về từ các cuộc càn quét trước, dốc nước *hrang* màu đỏ tươi đã lên men trong túi da, và khúm núm rập mình mà dâng đồ ăn, những bát thịt hân chưa chín dai nhách, thịt *thulk* bắt trộm. Các bà vợ chính thất ngẩng trong bóng tối, mắt sáng quắc dưới khăn trùm đầu rợp bóng, rình mò các dấu hiệu hỗn láo. Họ biết đêm nay sẽ lại ngủ

một mình, nhưng sáng mai họ có thể quất roi vào các cô gái nô lệ vì vụng về hay bất kính, và họ sẽ làm vậy.

Đám đàn ông gặp mình quanh những đồng lửa nhỏ, quăn những tấm choàng da thú, ăn bữa tối và lẩm rẩm nói chuyện. Tâm trạng họ không có gì hoan hỉ. Ngày mai, hoặc ngày kia - tùy theo tốc độ hành quân và sự cảnh giác của kẻ địch - họ sẽ phải lâm trận, và lần này có thể sẽ không chiến thắng. Phải, sứ giả con mắt lửa hiện ra trước Năm đấm của Đấng bất bại đã hứa hẹn thắng lợi nếu họ kiên trì sùng đạo, tuân lời, dũng cảm và tinh khôn, nhưng có quá nhiều cái “nếu” trong những chuyện như thế này.

Nếu thua, họ sẽ bị giết, và cả đàn bà trẻ em trong bộ tộc. Họ không mong chờ được tha. Nếu thắng, chính họ sẽ phải ra tay, không phải lúc nào chuyện đó cũng thích thú như người ta tưởng. Họ phải giết tất tật dân trong thành - đây là mệnh lệnh. Không đưa bé trai nào được phép sống, để lớn lên khao khát trả thù cho người cha bị sát hại, không đưa bé gái nào để gieo rắc suy đồi giữa Bộ tộc Hân hoan bằng cung cách truy lạc của chúng. Qua những thành phố bị chinh phục trước họ đã giữ lại đám gái trẻ để phân phát cho lính tráng, mỗi người một, hai hoặc ba cô tùy theo độ gan góc và phẩm chất, nhưng vị sứ giả nhà trời đã nói thế là đủ rồi.

Giết chóc như vậy sẽ rất mệt mỏi, và ồn ào nữa. Giết chóc quy mô lớn là một việc hết sức căng thẳng, lại còn ô nhiễm, mà phải làm đến nơi đến chốn nếu không cả bộ tộc sẽ gặp rắc rối lớn. Đấng toàn năng đòi hỏi chính xác đến từng chi tiết luật định.

Bầy ngựa được buộc cách nhau thật xa. Chỉ có vài con, và chỉ để dành cho những người cưỡi đầu - những con ngựa còm nhom, rậm rứt, hàm sắt lại và cái mặt dài rầu rĩ, đôi mắt hiên dụ, nhát sợ. Đây không phải lỗi của chúng: chúng bị kéo vào chuyện này.

Những người chủ ngựa được quyên đánh đập, nhưng không được giết hay ăn thịt, bởi từ rất lâu có một sứ giả của Đấng toàn năng đã xuống trần trong hình dạng ngựa, thủy tổ loài ngựa. Lũ ngựa còn nhớ đi đầu này, người ta bảo thế, và lấy đó làm kiêu hãnh. Vì thế cho nên chúng chỉ cho phép các thủ lĩnh cưỡi lên mình. Hoặc chí ít đây là lý do được đưa ra.

MAYFAIR, THÁNG NĂM 1935

CHUYỆN VĂN BAN TRƯA TORONTO

York

Ngày đầu xuân hơn hờ tháng Tư vừa qua được đánh dấu bằng một đoàn diễu hành hoành tráng những chiếc limousine bóng lộn của những vị khách tên tuổi tới góp mặt tại một trong những buổi chiêu đãi đáng chú ý nhất mùa này - bữa tiệc huy hoàng tổ chức ngày 6 tháng Tư tại ngôi nhà khung gỗ kiểu Tudor đường bệ ở Rosedale của bà Winifred Griffen Prior, để chào mừng tiểu thư Iris Chase nguyên quán Cảng Ticonderoga, Ontario. Tiểu thư Chase là con gái Đại úy Norval Chase, cháu bà Benjamin Montfort Chase quá cố, người Montreal. Tiểu thư Chase đã đính ước với anh trai bà Griffen Prior là ông Richard Griffen - người từ lâu vẫn được coi là đám sáng giá nhất tỉnh, chuẩn bị một hôn lễ tưng bừng vào tháng Năm hứa hẹn sẽ trở thành một trong những sự kiện không thể bỏ qua trong lịch cưới mùa này.

Các cô gái ra mắt mùa trước cũng như các bà mẹ hết sức nóng lòng được thấy vị hôn thê trẻ trung, mê hờn trong bộ váy Schiaparelli thẹn thùng bằng nhiều trắng ngà, váy ngắn kèm váy bó mặc trong, viền nhung đen và trang trí hạt huyền. Trên nền bài trí gồm hoa thủy tiên trắng, giàn cây leo mắt cáo trắng, và dàn nền cao thấp lung linh trên đế bạc giăng những dây nho xạ giả màu đen điểm thêm những chùm ruy băng xoắn bạc, bà Prior đón khách trong chiếc váy Chanel lịch duyệt màu tro của hoa hồng, chân váy xếp nếp, thân áo điểm những hạt ngọc trai con kín đáo. Em gái tiểu thư Chase và cũng là phù dâu cho đám cưới, tiểu thư Laura Chase, mặc giả nhung xanh ngọc điểm xa tanh xanh dưa hấu, cũng có mặt.

Trong số các vị khách quý có ngài Phó thống đốc Herbert A. Bruce và phu nhân, Đại tá R. Y. Eaton và phu nhân cùng con gái là tiểu thư Margaret Eaton, Tôn ông W. D. Ross và phu nhân cùng con gái là các tiểu thư Susan Ross và Isobel Ross, bà A. L. Ellsworth cùng con gái là phu nhân Beverley Balmer và tiểu thư Elain Ellsworth, tiểu thư Jocelyn Boone và tiểu thư Daphne Boone, và vợ chồng ông Grant Pepler.

TAY SÁT THỦ MÙ: CÁI CHUÔNG ĐỒNG

Đã nửa đêm. Trong thành Sakiel-Norn, tiếng chuông đồng duy nhất điểm thời khắc vị Thần Tan Vỡ, hóa thân ban đêm của thần Ba Mặt Trời, xuống tới đáy con đường lặn vào bóng tối và sau cuộc chiến đẫm máu bị xé tan xác trong tay Diêm vương cùng đội quân người chết, những kẻ sống dưới lòng đất. Thần sẽ được Nữ thần gom về, trả lại sự sống, nuôi dưỡng cho đến khi phục hồi sức khỏe và sinh khí, và đến bình minh lại nhô lên như mọi ngày, mới tái sinh, ngập tràn ánh sáng.

Dù cho Thần Tan Vỡ là một hình tượng được yêu thích, dân thành giờ không mấy ai còn thực sự tin câu chuyện này. Tuy thế, phụ nữ các nhà vẫn nặn hình thần bằng đất sét để đàn ông đập tan thành từng mảnh vào đêm tối tăm nhất trong năm, và rồi các bà lại nặn hình mới sáng hôm sau. Cho trẻ con là những tượng thần tí hon bằng bánh mì ngọt; bởi lũ trẻ mồm miệng háu đói là hiện thân cho tương lai, mà tương lai cũng như chính thời gian, sẽ nuốt chửng tất cả những kẻ hiện đang sống.

Nhà Vua ngồi một mình trong ngọn tháp cao nhất của lâu đài lộng lẫy, quan sát trời sao và diễn giải các điềm triệu cho tuần tiếp theo. Ngài đã cởi bỏ tấm mặt nạ bằng sợi bạch kim, bởi lúc này không có ai xung quanh để ngài phải giấu giếm cảm xúc: ngài có thể cười cợt hoặc nhăn nhó tùy ý, như mọi gã Ygnirod bình dân. Thật nhẹ nhõm biết mấy.

Ngay lúc này đây ngài đang cười, một nụ cười trâm tư: ngài đang ngẫm lại cuộc chinh phục mới nhất, người vợ mập mạp của một gã quan chức. Ắt hẳn như một con *thulk*, nhưng có cái miệng mềm mại ngốn ngấu như tấm nệm nhung sũng nước và những ngón tay búp măng lạnh lẽo như cá, đôi mắt hẹp và dài ranh mãnh, bảy chữ tám nghề đều thạo. Tuy thế, dạo này càng ngày ắt càng đòi hỏi, lại còn bất cần nữa. Ắt không ngớt kỳ kèo ngài thảo ra một khúc ca ca ngợi cái gáy của ả, hay một bộ phận cơ thể nào đó khác, theo cái thói rởm đời được ưa chuộng trong tình sử hoàng cung, nhưng thiên tài của ngài không bao gồm cái khoản ấy. Làm sao đàn bà lại cứ thích sưu tầm chiến lợi phẩm, cứ phải đòi những kỷ vật? Hay là ả muốn ngài tự biến mình thành thằng hề, như một cách chứng minh uy quyền của ả?

Đáng buồn thật, nhưng ngài phải loại trừ ả thôi. Ngài sẽ gây lộn bại cho ông chồng ả - cho hắn được vinh hạnh tiếp ngài ăn tối hết bữa này qua bữa khác, cùng với cả dàn triều thần tin cẩn, cho đến khi thẳng ngốc kia khánh kiệt. Rồi người đàn bà sẽ bị bán làm nô lệ để trang trải nợ nần. Có khi như thế lại tốt cho ả - cơ bắp ả sẽ rắn chắc lên. Thật là khoan khoái khi tưởng tượng ả mất đi tấm mạng, mặt phô ra cho mỗi kẻ qua đường nhìn ngó, khuôn ghe gác chân cho bà chủ mới hay là chăm sóc những con *wibular* mỏ xanh và nhả nhó cả ngày. Ngài cũng có thể trừ khử ả bất cứ lúc nào, nhưng như thế nghe chừng hơi nhẫn tâm: tội của ả chỉ là ham thích thơ ca dung tục. Ngài đâu phải là bạo chúa.

Một con *oorm* đã moi ruột nằm trước mặt ngài. Nhà vua hồ hững chọc chọc bộ lông. Ngài không để ý tới trời sao - không còn tin những thứ nhảm nhí đó nữa - nhưng vẫn phải ngó nghiêng một lúc và bịa ra vài câu tuyên bố. Của cải phồn vinh và mùa màng bội thu có lẽ là thích hợp cho nhu cầu trước mắt, và đằng nào cũng chẳng ai đi nhớ những lời tiên tri trừ khi chúng trở thành sự thực.

Ngài suy nghĩ xem có nên tin vào tin tức mới nhận được gần đây, từ một nguời tin cậy - tay thợ cạo cung đình - rằng lại có một âm mưu mới lật đổ ngài. Có phải ngài lại sắp sửa phải bắt bớ, phải dùng đến tra tấn và xử tử? Hẳn nhiên rồi. Để bị tin là mềm yếu cũng có hại cho trật tự chung như là thật tình mềm yếu. Siết chặt dây cương là đi đầu cần thiết. Nếu phải có đầu rơi, sẽ không phải đầu ngài. Ngài sẽ bắt buộc phải hành động, để tự cứu bản thân - nhưng không hiểu sao ngài thấy ỉn trệ lạ thường. Cai quản một vương quốc là trạng thái căng thẳng thường trực: nếu ngài lơ là cảnh giác, dù chỉ một phút, chúng sẽ cười lên ngài, dù chúng là ai.

Về phía Bắc hình như ngài nhìn thấy ánh sáng yếu ớt, như là có lửa đang cháy ở phía đó, nhưng rồi lại tắt. Là ánh chớp chẳng. Ngài đưa tay vuốt mắt.

Em thấy tội nghiệp ông ta. Em nghĩ ông ta chỉ cố gắng làm hết sức mình.

Tôi nghĩ chúng ta nên làm cốc nữa. Em thấy sao?

Em cược là anh lại sắp giết ông ta. Anh có cái thiên tư ấy.

Nói có công lý, hẳn ta đáng bị thế. Bản thân tôi thì nghĩ hẳn là đờ khốn. Nhưng không khốn không làm vua được, phải không? Cạnh tranh sinh tồn mà lại. Kẻ yếu lên bêu trên tường.

Anh đâu hẳn tin như thế.

Còn đủ cốc nào không? Em dốc kiệt đi, làm ơn. Tôi thật sự rất chi là khát.

Để em xem. Cô ra khỏi giường, kéo theo tấm chăn lót. Chai rượu để trên bàn. Không cần phải che chắn đâu, anh nói. Tôi thích chiêm ngưỡng thế này.

Cô ngoái lại nhìn anh. Cho thêm phần bí ẩn, cô nói. Tung cái cốc ra đây. Em mong lần sau anh đừng có mua thứ cần đốt ruột này.

Tôi chỉ đủ tiền mua thế thôi. Chẳng nào tôi cũng uống bất tri kỳ vị. Đây là tại tôi mồ côi từ nhỏ. Giáo hội Trưởng lão đã làm hỏng tôi, trong trại trẻ. Vì thế tôi mới u ám và suy sụp đến thế này.

Đừng có chơi lại bài mồ côi mốc meo ấy. Tim em không mềm ra đâu.

Thế mà có đây, anh nói. Cái này tôi tin. Ngoài đôi giò và cặp mông rất đẹp của em ra, tôi chỉ yêu có mỗi cái đó ở em - trái tim mềm nhũn.

Tim em rắn lắm, cảm ơn. Đầu em cũng thế. Em là đứa rắn đầu. Hoặc ít ra là người ta bảo em thế.

Anh cười lớn. Vậy thì uống mừng cái đầu rắn của em. Cạn chén nào.

Cô uống, làm bộ nhăn mặt.

Vào thế nào thì ra đúng thế, anh hớn hờ nói. Nhắc mới nhớ, anh cần đi hái hoa. Anh đứng dậy, đi tới cửa sổ, đẩy cánh cửa trượt lên.

Anh không được làm thế!

Đây là đường lái xe phụ. Không trúng ai đâu.

Ít ra thì cũng ở đằng sau rèm chứ! Thế còn em thì sao?

Còn em thì sao? Em đã từng nhìn thấy đàn ông ở truồng r ấ. Có phải lúc nào em cũng nhắm mắt đâu.

Ý em không phải thế, em không thể tẻ ra ngoài cửa sổ. Em sắp bực ra mất.

Cái áo choàng dài của chiến hữu tôi, anh nói. Thấy không? Cái ca rô treo mắc ấy. Chỉ cần chú ý xem hành lang có ai không. Mụ chủ nhà là một con mụ khó chịu lắm m ồm, nhưng chỉ cần em mặc ca rô là mụ sẽ không nhìn thấy gì cả. Em sẽ hòa lẫn vào n ền - cái xó này ca rô từ trong ra ngoài.

Được r ấ, anh nói. Đến đâu r ấ nhỉ?

Đã nửa đêm, cô nói. Tiếng chuông đ ồng duy nhất điểm.

À phải. Đã nửa đêm. Tiếng chuông đ ồng duy nhất điểm. Khi tiếng chuông dứt, tay sát thủ mù tra chìa mở cửa. Tim nó đập mạnh, như mỗi lần đến giây phút này: giây phút chứa đựng hiểm họa rất lớn đối với nó. Nếu bị bắt, nó sẽ phải đối mặt với một cái chết kéo dài và đau đớn.

Nó không nghĩ gì v ề cái chết mình sắp gây ra, mà cũng không quan tâm đến nguyên do. Ai sắp bị ám sát và để làm gì là việc của đám nhà giàu quyền lực, và nó ghét tất cả bọn chúng ngang nhau. Chúng là kẻ đã tước mất ánh sáng trong mắt nó, đã xâm phạm vào cơ thể nó, hàng chục thằng, khi nó còn quá nhỏ chưa thể làm gì được, và nó sẽ vui lòng nếu có dịp từng xẻo từng thằng một trong số chúng - chúng và bất kỳ ai liên quan đến những trò ma của chúng, như cô bé này. Có thuyết phục nó cô bé chẳng qua là một tù nhân được trang sức và gắn đá cũng chẳng được ích gì. Chẳng ích gì nếu bảo nó chính những kẻ đã khiến nó mù cũng đã biến cô thành câm. Nó sẽ làm xong việc r ấ nhận tiền và thế là hết.

Đằng nào cô cũng sẽ bị giết sáng ngày mai nếu nó không giết cô đêm nay, mà nó lại nhanh hơn và không vụng v ề như chúng. Nó đang làm ơn cho cô. Đã có quá nhiều cuộc hiến sinh bị hỏng. Trong số các vua chẳng gã nào thạo dùng dao.

Nó hy vọng cô bé đừng có làm ồn ỉ quá. Nó đã được báo cô không hét được: khả năng gây ồn hết cỡ của cô, với cái miệng bị thương mất lưỡi, chỉ là một tiếng eo éo nghiền nghệt, như mèo trong bị. Thế là tốt. Nhưng nó sẽ vẫn cẩn thận.

Nó lôi cái xác mục canh cửa vào phòng để không ai vấp phải khi đi qua hành lang. Rồi cả nó cũng vào phòng, đôi chân trần không tiếng động, và khóa cửa.

v

CHIẾC ÁO LÔNG

Sáng nay nghe dự báo có bão, trên kênh thời tiết, và đến tầm giữa chiều trời đã trở nên một màu xanh lục độc địa, còn cây lá bắt đầu vật vã quật cuồn cuộn như có con vật khổng lồ nào đang điên cuồng dẹp đường mở lối. Con bão đi qua ngay trên đầu - le r ễi thụt những lưỡi sáng trắng chẻ đôi, xô đổ từng chông đĩa thiếc. *Đếm từ một đến nghìn lẻ một đi*, Reenie thường bảo chị em tôi. *Đọc được đến đó, nó đã đi xa một dặm*. Chị bảo không được gọi điện khi trời bão vì sét sẽ theo đường dây đánh thủng tai cho điếc. Chị cũng bảo không được tắm, bởi sét sẽ chảy ra từ vòi như nước. Chị bảo nếu tóc gáy dựng đứng thì phải nhảy ngay ra ngoài trời, đấy là cách duy nhất cứu được mình.

Tối sắp tối thì bão tạnh, nhưng trời vẫn còn ẩm nhớp như lòng cống. Tôi xoay trở giữa bệbộn chán, nghe tim mình thậm thịch gõ vào lò xo giường, tìm thế nằm thoải mái. Cuối cùng tôi bỏ cuộc và trùm áo len dài ra ngoài áo ngủ, r ễi lần xuống cầu thang. R ễi tôi choàng cái áo mưa ni lông có mũ và xỏ chân vào đôi ủng cao su, đi ra ngoài. Cần phải coi chừng những phiến gỗ ẩm trên bậc hàng hiên. Sơn đã mòn cả, có thể gỗ đã mục.

Ánh sáng yếu ớt làm cảnh vật hóa ra đơn sắc. Không khí ẩm và đứng gió. Hoa cúc trên bãi cỏ sân trước óng ánh những giọt sương; một sư đoàn sen tr ần h ắt đang gặm nốt ít lá đậu tía còn sót lại. Nghe nói sen thích bia; tôi vẫn định tâm để một ít ra vườn cho chúng. Cho chúng còn hơn cho tôi: chưa bao giờ tôi b ắt chọn bia là chất c ần yêu thích của mình. Nếu cần bất tỉnh tôi muốn chóng vánh hơn.

Chân lạch bạch, tôi lần đi trên vỉa hè ẩm ướt. Trăng rất tròn, giữa một quầng nhợt nhạt; dưới ánh đèn đường cái bóng ngấn lại lướt đi đằng trước tôi như một con yêu tinh. Tôi cảm thấy mình đang làm một việc táo tợn: một bà cao tuổi, bước một mình, giữa đêm. Kẻ lạ nhìn thấy sẽ nghĩ tôi vô phương tự vệ. Và thực sự tôi có hơi thấy hoảng, hoặc ít ra là e ngại, đủ khiến tim đập mạnh hơn. Như Myra thường hi ền từ dặn dò tôi, các bà già là mục tiêu số một của phường xin đều. Nghe nói chúng đến từ Toronto, quân xin đều ấy, mọi đi ều xấu xa đều từ đó mà ra. Nhi ều phần chúng tới

bằng xe buýt, đồng hồ xin đều giả trang thành ô, hay gây chời gôn. Chúng không từ bất cứ đi đâu gì, Myra trầm trọng nói.

Tôi đi qua ba khối nhà tới con đường chính xuyên thị trấn, rồi dừng lại nhìn qua mặt đường nhựa óng như nhung sang ga ra của Walter bên kia đường. Walter đang ngồi trong buồng kính, cây hải đăng giữa vũng nhựa đường phẳng lì, trống không, quánh như mực. Cái mũ lưỡi trai đỏ chúi về phía trước, trông cậu ta như một tay nải sắp hết đất trên lưng con ngựa vô hình, hay như thuyền trưởng của số phận mình, lèo lái một phi thuyền kỳ quái băng qua vũ trụ. Còn sự thực thì cậu ta đang xem kênh thể thao trên tivi xách tay, như tôi tình cờ được Myra cho biết. Tôi không qua chào: cậu ta sẽ dựng tóc gáy khi thấy tôi lù lù hiện ra từ bóng tối, chân dậm ủng và mình choàng áo ngủ như một mục điền bát thập chuyên rình rập. Nhưng dù sao cũng ấm lòng khi biết vẫn còn ít nhất một sinh vật người nữa đang thức vào lúc đêm hôm này.

Trên đường quay về tôi nghe tiếng chân sau lưng. Giờ thì thỏa chí nhé, tôi tự nhủ, xin đều đến đây rồi. Nhưng đấy chỉ là một cô gái trẻ mặc áo mưa đen, mang túi hoặc một va li nhỏ. Thoắt chốc cô đã vượt qua tôi, cổ vươn ra như sếu.

Sabrina, tôi nghĩ. Cuối cùng thì nó đã trở về. Thật nhẹ nhõm làm sao, giây phút ấy - tôi được tha thứ, tôi tràn trề ơn phước, như thể thời gian đã đảo ngược và cây gậy gỗ héo quắt trong tay tôi bùng nở hoa, rất kịch. Nhưng nhìn lại lần nữa - không phải, hai lần nữa - thì đó chẳng phải Sabrina; chỉ là một người xa lạ. Nào tôi có là ai, mà đáng hưởng đoạn kết thần kỳ đến thế? Làm sao tôi dám trông mong?

Vậy nhưng tôi vẫn trông mong. Bất chấp lý trí.

Nhưng thế là đủ rồi. Tôi nối tiếp bài ca của mình, như các nhà thơ xưa thường nói. Về Avilion thôi.

Mẹ chết rồi. *Sẽ chẳng có gì còn bao giờ như trước.* Tôi được dạy phải giữ nghiêm vành môi trên. Ai nói vậy? Reenie hẳn rồi, cha nữa có thể. Buồn cười là, chẳng ai nói gì bao giờ về môi dưới. Môi dưới được coi là cái để cắn vào, để thế cái đau này bằng nỗi đau khác.

Hồi đầu Laura thường ở rất lâu bên trong cái áo lông của mẹ. Áo bằng da hải cẩu, khăn tay mẹ vẫn còn trong túi. Laura chui vào rồi cô cài cúc từ bên trong, tới khi nó nghĩ ra cách cài cúc xong trước rồi mới bò vào bên dưới. Tôi nghĩ chắc lúc đó nó cần nguyên trong ấy, hoặc tìm cách gọi hồn: gọi mẹ trở về. Dù là đi đâu gì thì cũng không thành công. Sau rồi cái áo được đem cho tế bần.

Chẳng mấy chốc Laura bắt đầu hỏi em bé đi đâu rồi, em bé trông không giống mèo ấy. *Lên trời* không còn được nó chấp nhận nữa - sau khi vào chậu men rồi thì đi đâu, ý nó là vậy. Reenie nói bác sĩ đem nó đi rồi. Nhưng làm sao không có đám tang? Bởi nó sinh ra còn nhỏ quá, Reenie nói. Làm sao một thứ rất nhỏ như thế lại làm mẹ chết? Reenie nói, *Thôi đừng hỏi*. Chị bảo, *Lớn lên rồi cô sẽ hiểu*. Chị bảo, *Cái gì cô không biết thì không làm hại cô*. Châm ngôn này khá đáng ngờ: nhiều lúc cái ta không biết làm hại ta lắm lắm.

Đến đêm Laura thường bò sang phòng lay tôi tỉnh, rồi trèo vào giường cạnh tôi. Nó không ngủ được: đấy là tại Chúa. Cho đến trước đám tang, nó và Chúa vẫn còn hòa thuận. *Chúa yêu các con*, bà giáo ở lớp Chủ nhật thuộc nhà thờ Giám lý nói thế, mẹ cho chúng tôi đi học ở đó, và Reenie vẫn duy trì việc đó để bảo vệ nguyên tắc chung, và Laura từng tin đi đâu này. Nhưng bây giờ nó không còn chắc nữa.

Nó bắt đầu băn khoăn về địa bàn chính xác của Chúa. Đấy là lỗi của bà giáo ở nhà thờ: *Chúa ở khắp nơi*, bà ta nói, và thế là Laura hỏi: Chúa có ở trong mặt trời không, có ở trong mặt trăng không, có ở trong bếp, ở trong phòng tắm, ở dưới gầm giường? (“Tôi chỉ muốn vặn cổ con mẹ ấy,” Reenie bảo.) Laura không muốn Chúa bất thành linh hiện ra bên cạnh, cũng dễ hiểu khi xét đến những hành vi gần đây của ngài. *Mở miệng ra, nhắm mắt lại, cho cô cái này bất ngờ lắm này*, Reenie thường nói thế, tay giấu bánh quy sau lưng, nhưng giờ Laura không chơi trò đó nữa. Nó muốn mắt luôn luôn mở. Không phải nó không tin Reenie, có đi đâu giờ đây nó sợ các bất ngờ.

Rất có thể Chúa ở trong buồng để chửi. Đấy có vẻ là nơi có lý nhất. Ngài ta đang nấp ở đấy như một ông chú lập dị và có thể còn nguy hiểm, nhưng

nó không biết chắc ngài có trong đó vào một thời điểm cụ thể nào đấy không vì không dám mở cửa nữa. “Chúa ở trong tim con,” bà giáo ở nhà thờ dạy, và như thế còn tệ hơn. Nếu ở trong buồng để chối thì còn có cách, ví dụ như khóa cửa lại.

Chúa không bao giờ ngủ, theo bản thánh ca - *Không bao giờ giấc ngủ lơ là đến khép mắt Người*. Thay vào ngủ ngài rảo khắp nhà vào ban đêm, do thám mọi người - xem xem họ có ngoan không, hoặc phải bệnh dịch đến kết liễu họ, hoặc làm một trò nghịch ngợm gì khác. Sớm hay muộn thế nào ngài cũng làm đi đâu gì đó không hay, xem Kinh Thánh là thấy ngài rất hay làm thế. “Nghe kìa, ngài đến đấy,” Laura nói. Bước nhẹ, bước nặng.

“Không phải Chúa đâu. Đấy là cha thôi. Cha đang ở trên tháp.”

“Cha làm gì trên ấy?”

“Hút thuốc.” Tôi không muốn nói là *uống rượu*. Như thế là thiếu trung thành.

Tôi thấy triu mến nhất với Laura khi nó ngủ - miệng hơi hé mở, mi mắt còn ướt - nhưng nó ngủ không khi nào yên; nó làu bàu quấy đạp, đôi khi còn ngáy, làm cho chính tôi không ngủ được. Tôi hay trèo xuống khỏi giường nhón bước đi trên sàn nhà, kiễng chân nhìn ra ngoài cửa sổ. Khi có trăng vườn hoa sẽ lấp lánh xám bạc, như là mọi màu sắc đều đã bị hút sạch. Tôi nhìn thấy cô tiên nữ ngẩn lại khi nhìn từ trên; mặt trăng in bóng trên ao súng, và cô ả đang nhúng ngón chân vào ánh trăng lạnh. Người run rẩy, tôi trở lại giường, nằm nhìn bóng tấm rèm chạy trên tường mà lắng nghe tiếng ộp oạp và rảng rắc của ngôi nhà đang trở mình. Nghĩ xem mình đã làm gì sai.

Trẻ con thường tin mọi chuyện xấu xảy ra cách nào đó đều là lỗi chúng, và tôi không phải ngoại lệ; nhưng chúng cũng tin vào những đoạn kết có hậu, bất chấp mọi bằng cứ hoàn toàn trái ngược, và cả đi đâu này cũng không chữa tôi. Tôi chỉ ước cái đoạn kết có hậu sẽ đến nhanh lên, bởi vì - nhất là ban đêm khi Laura đã ngủ và tôi không phải động viên em - tôi cảm thấy bơ vơ quá.

Mỗi buổi sáng tôi giúp Laura mặc áo - nhiệm vụ này được giao cho tôi từ khi còn mẹ - và trông chừng nó đánh răng rửa mặt. Tới bữa trưa thỉnh thoảng Reenie cho chúng tôi đi picnic. Chúng tôi sẽ có bánh mì trắng tẩm bơ phết thạch nho trong suốt như giấy bóng kính, và cà rốt sống cùng táo xắt miếng. Chúng tôi sẽ có thịt bò muối đồ từ hộp ra, còn nguyên hình một ngôi đền Aztec. Chúng tôi sẽ có trứng luộc. Chúng tôi sẽ bày tất cả lên đĩa, rồi mang ra ngoài, và ăn ở đâu đó, bên ao hay trong nhà kính. Nếu trời mưa chúng tôi sẽ ăn trong nhà.

“Hãy nhớ đến những người Armenia chết đói,” Laura sẽ nói, tay chấp vào nhau, mắt nhắm lại, cúi đầu trên những vụn vỏ bánh dính thạch. Tôi biết nó nói câu đó vì mẹ vẫn nói như thế, khiến tôi muốn khóc. “Không có người Armenia chết đói nào đâu, toàn chuyện bịa đấy,” tôi từng bảo nó, nhưng nó không nghe.

Phần lớn thời gian chúng tôi bị bỏ một mình. Chúng tôi học về Avilion từ trong ra: những hẻm, những hang hốc, những đường hầm. Chúng tôi ngó vào chỗ ẩn náu dưới cầu thang phụ, có một mớ hầm bà lằng giày bao vút đi và găng tay lẻ đôi, và một cái ô đã gãy gọng. Chúng tôi thám hiểm những nhánh khác nhau trong hầm - hầm than dùng để chứa than; hầm củ chứa bắp cải và bí phoir trên ván, củ cải đường và cà rốt đã trở râu tơ trong hộp cát, khoai tây đuổi các tua bạch tạng mù lòa, như cua đuổi chân; hầm lạnh để dành cho táo xếp trong thùng, và cho các kệ muối ướp - muối và thạch đông mờ đục, ánh lên như đá quý chưa mài, tương cay và dưa muối và dâu tây và cà chua lột vỏ và nước táo, đều trong các lọ gắn kín mác Crown. Còn có cả hầm rượu nữa, nhưng khóa chặt; mình cha có chìa.

Chúng tôi tìm thấy cái động dưới gầm hàng hiên, nền đất mùn ẩm ướt, muốn vào phải bò giữa những cành thực quỳ, thứ duy nhất cố mọc trong đó là cây bồ công anh mảnh khảnh như chân nhện, và thường xuyên bò, phả ra mùi lá bạc hà vò nát quện với mùi nước tiểu mèo đục và (có lần) còn cả mùi nồng nồng, tanh tanh của một con rắn sọc phát hoảng. Chúng tôi tìm thấy căn gác mái, các hộp đựng sách cũ và chăn để dành và ba cái rương rỗng, và cây đàn đạp hơi đã hỏng, và khung áo không đầu của bà Adelia, một thân người mốc meo bột bột.

Cố nín thở, chúng tôi lén qua những mê cung bóng tối. Chúng tôi nhờ đó làm an ủi - nhờ cảm giác bí mật, nhờ những lối đi chỉ mình chúng tôi hay, nhờ niềm tin không bị ai nhìn thấy.

Nghe đồng hồ đang đếm kìa, tôi bảo. Đây là một chiếc đồng hồ quả lắc - đồ cổ, bằng sứ trắng và vàng; ngày xưa là của ông nội; nó đặt trên bệ lò sưởi trong thư viện. Laura nghĩ tôi nói đồng hồ đang *liếm*. Và cũng không sai, quả lắc đồng hồ đưa qua đưa lại trông thật giống như cái lưỡi, đang liếm đôi môi trên cái miệng vô hình. Nuốt mất thời gian.

Rồi mùa sang thu. Laura và tôi ngắt những quả bông tai và tách vỏ, đưa tay lên trên các hạt hình vẩy xếp lớp như vẩy rêu. Chúng tôi rút hết hạt mà tung cho chúng bay trên những cái dù tơ óng, trở lại cái vỏ lưỡi nâu vàng mịn như da thuộc, mềm như mặt trong khuỷu tay. Rồi chúng tôi mang chỗ vỏ đến cầu Khánh Tiết ném xuống sông xem bơi được bao xa, trước khi lật nhào hoặc bị cuốn đi mất. Chúng tôi có tưởng tượng chúng chở người, hay một người cụ thể nào hay không? Tôi không rõ. Nhưng tôi biết chắc cái cảm giác khoái chí khi nhìn chúng chìm nghỉm.

Rồi mùa sang đông. Bầu trời màu xám vẫn sương, mặt trời xệ xuống trên nền trời, một màu hồng đục đục, như máu cá. Nhũ băng nặng và đục, dày bằng cổ tay, rủ xuống dưới mái và bệ cửa sổ như bị ngưng lại giữa đà rơi. Chúng tôi bẻ chóp ra mút. Reenie bảo làm thế lưỡi chúng tôi sẽ đen kịt và rụng mất, nhưng tôi biết không phải, vì tôi từng làm vậy rồi.

Avilion lúc này đã có một nhà thuyền, và một nhà trữ đá, gần bên cầu tàu. Trong nhà thuyền là con thuyền buồm già cả của ông, nay là của cha - chiếc *Thủy Nữ Tinh*, nằm suông nhớ nước, bị bắt đi ngủ đông. Trong nhà trữ đá để đá tảng, cắt ra từ sông Jogues và lôi lên từng tảng bằng sức ngựa, và cất trong đó phủ đầy mặt cửa, chờ đến mùa hè khan hiếm.

Laura và tôi đi ra đến tận cầu tàu trơn trượt, mặc dù bị cấm. Reenie nói nếu trượt chân rơi tòm xuống chúng tôi sẽ không sống được nửa giây, bởi nước ở đấy lạnh như cỏi chết, ủng ngập đầy nước, chúng tôi sẽ chìm như đá chìm. Chúng tôi ném thử vài viên đá thật xuống xem có chuyện gì xảy ra; chúng nảy tung tung trên mặt băng, nằm lại đó, vẫn nguyên vẹn. Hời

thở tạo thành khói trắng, chúng tôi thổi ra từng ngụm, như tàu lửa, và đổi từ chân trái rét sang chân phải nóng. Dưới gót ủng tuyết kêu lạo xạo. Chúng tôi nắm tay cho hai chiếc găng dính cứng vào nhau, để khi rút tay ra sẽ có hai bàn tay len nắm lấy nhau, màu xanh trống rỗng.

Ở đáy đoạn ghềnh sông Louveteau, những mảng băng lồm chồm chằng chịt lên nhau. Băng ở đó đến trưa thì trắng, chạng vạng thì xanh nhạt; những mảnh nhỏ hơn kêu lanh canh, như tiếng chuông. Ở giữa con sông nước chảy băng băng đen sì. Tiếng trẻ con kêu từ ngọn đồi bên kia, khuất sau hàng cây, giọng cao léo nhéo và hào hứng trong khí lạnh. Chúng đang trượt tuyết bằng toboggan, một việc chúng tôi không được phép. Tôi nghĩ có nên đi ra giẫm lên bờ băng lồm chồm kia, để xem nó chắc tới đâu.

Rồi mùa sang xuân. Trên cây liễu cành ngả vàng, cây sơn thù du ngả đỏ. Dòng Louveteau đang xả băng; cây bụi và cây gỗ bị nhổ bật rễ xoay trong dòng xoáy, làm tắc nghẽn nước. Một người đàn bà nhảy từ cầu Khánh Tiết xuống phía trên đoạn ghềnh, hai ngày sau mới tìm thấy xác. Cái xác được câu lên ở dưới xuôi dòng, cảnh tượng chẳng đẹp để mấy bầy trôi qua khúc ghềnh đó cũng không khác gì đi qua máy xay thịt. Chẳng phải là cách từ bỏ thế giới tốt nhất, Reenie bảo, nhất là nếu cô quan tâm đến mặt mũi mình, dù đến lúc đó chắc cô cũng chẳng còn nghĩ mấy.

Bà Hillcoate quen đến nửa tá các cô nhảy cầu như vậy, tích tụ qua tháng năm. Trên báo cũng có khi viết về họ. Một người là bạn học cũ lấy chồng làm đường sắt. Đi vắng liên miên, bà nói, hỏi hấn còn mong gì? “Ừnh ương ra,” bà nói. “Mà chẳng biện hộ được.” Reenie gật gù, như là thế đã đủ hiểu.

“Cho dù thằng đàn ông có ngu đến đâu, phần lớn cũng biết đếm,” bà ta nói, “ít nhất trên đầu ngón tay. Tôi nghĩ là đã có đứa đã ăn quả dấm. Nhưng có ích gì khi mất bò mới lo làm chuồng.”

“Bò nào cơ?” Laura hỏi.

“Chắc là cô ta cũng gặp phải chuyện khác nữa,” bà Hillcoate nói. “Thói thường, nghèo bao giờ chả mắc cái eo.”

“Ênh ương là cái gì?” Laura thì thầm hỏi tôi. “Ênh ương nào?” Nhưng tôi không biết.

Ngoài việc nhảy cầu, Reenie nói, những đàn bà ấy cũng có khi lội xuống sông ở thượng nguồn để bị hút xuống đáy vì quần áo ướt quá nặng, thế là họ kể cả có muốn cũng không bơi được lên bờ. Đàn ông thường chọn cách chắc chắn hơn. Họ treo cổ trên xà nhà kho, hoặc dùng súng bắn vỡ óc, hoặc nếu muốn chết đuối, họ sẽ buộc theo đá, hay các vật nặng khác - lưới riu hay tải đinh. Họ không muốn li lâu trong chuyện nghiêm trọng như thế. Còn đàn bà thì chỉ có bước tới mà nộp mình thôi, để cho nước đón lấy mình. Nghe giọng Reenie thì khó đoán được chị tán đồng điểm khác biệt ấy hay là không.

Tôi tròn mười tuổi vào tháng Sáu. Reenie làm một cái bánh, chị nói có lẽ làm thế là không nên, mẹ vừa mới mất chưa bao lâu, nhưng mặt khác, người ta vẫn phải sống tiếp, nên có cái bánh chắc cũng không ảnh hưởng. *Ảnh hưởng gì?* Laura hỏi. *Nghĩa là mẹ sẽ không buồn*, tôi đáp. Vậy là mẹ đang nhìn chúng mình, từ trên trời? Nhưng tôi quay ra bưng bình và kênh kiệu, không chịu trả lời. Laura không muốn động vào bánh, sau khi nghe nói có thể mẹ buồn, nên tôi ăn phần cả hai.

Bây giờ khó khăn lắm tôi mới dựng lại được từng chi tiết nỗi buồn thương của mình - hình hài chính xác của nỗi buồn thương ấy - cho dù nếu muốn tôi vẫn có thể gọi lại một âm hưởng xa xôi, như con chó nhốt trong hần oảng oảng. Tôi đã làm gì cái hôm mẹ mất? Tôi hầu như không còn nhớ, cũng không nhớ trông mẹ như thế nào: giờ đây mẹ trông chỉ còn giống như trong ảnh. Tôi có nhớ cái giường trông như lạc điệu khi bỗng nhiên không có mẹ nằm nữa: trống trải bao nhiêu. Và ánh nắng chiếu xiên xiên vào cửa sổ đậu lại lặng lẽ trên sàn gỗ cứng, bụi vẫn lơ lửng trong nắng như hơi sương. Và mùi gỗ đánh sáp ong, mùi hoa cúc úa, mùi bô và chất khử trùng mãi không phai hẳn. Tôi bây giờ nhớ khi vắng mẹ rõ hơn khi có mẹ.

Reenie bảo bà Hillcoate dù không ai mong thay thế được bà Chase, vị thánh sống thực sự nếu quả có khái niệm đó, chị cũng đã làm hết sức có thể, và chị giữ bộ mặt tươi cười là vì chúng tôi bởi càng bớt gãi sẽ càng mau lành, và thật may là có vẻ như chúng tôi sắp vượt qua, dù nước lặn là

nước sâu và tôi ít nói quá dễ hóa hại. Tôi là đứa trẻ ưa trăn mặc, chị nói; nó sẽ phải phát tiết ra đường nào đó. Còn về Laura, ai biết được, vì vốn nó đã là đứa bé kỳ quặc rồi.

Reenie nói chúng tôi bám lấy nhau nhiều quá. Chị nói Laura đang học những lối điệu quá sớm so với tuổi nó, còn tôi thì đang bị hãm lại. Mỗi đứa cần phải tách ra chơi với trẻ bằng tuổi, nhưng mấy đứa trẻ trong thị trấn có lẽ hợp thì đã đi trọ học cả rồi - ở trường tư như đáng lẽ chúng tôi cũng phải đi theo quyên lợi chính đáng, nhưng đại úy Chase hình như không bao giờ xốc được mình lên lo chuyện ấy, mà nếu làm thế bây giờ thì quá nhiều thay đổi dồn dập, và mặc dù tôi thì lạnh như băng và chắc sẽ chịu đựng nổi, Laura vẫn quá nhỏ so với tuổi và, ngay cả tuổi cũng còn quá nhỏ. Hơn nữa nó lại hay căng thẳng. Cái kiêu nó có thể phát hoảng chạy lòng lên rồi chết đuối dưới mét rươi nước, chỉ vì mất thăng bằng.

Laura và tôi ngó trên cầu thang phụ bên cửa hé rất hờ, tay bịt miệng để khỏi cười to tiếng. Chúng tôi thích thú những dịp do thám như thế này. Nhưng cả hai chẳng được lợi gì khi nghe lỏm những điếu như thế về bản thân.

NGƯỜI LÍNH MỎI

Hôm nay tôi đi bộ đến nhà băng - từ sớm, để tránh cái nóng dữ dội ban trưa, nhưng cũng để có mặt đúng lúc mở cửa. Như thế có thể đảm bảo lôi kéo được sự chú ý của ai đó, một điều tôi đặc biệt cần vì đã thêm lần nữa họ tính nhầm sao kê của tôi. Tôi vẫn còn biết cộng trừ đấy, tôi bảo họ, không phải như máy móc của các cô cậu đâu, và họ mỉm cười với tôi cái nụ cười bẽn lẽn, vẫn đi kèm bãi nước bọt nhỏ vào chén xúp đang sau bếp. Lần nào tôi cũng đòi gặp người quản lý, người quản lý lần nào cũng “đang bận họp”, lần nào tôi cũng được giao cho một con khỉ nhả nước, hống hách vừa sạch mùi sữa cứ tưởng mình là tài phiệt tương lai giải quyết.

Ở đó tôi cảm thấy nổi khinh bỉ, nhằm vào cái sự tôi có ít tiền; mà lại cũng là cái sự ngày xưa có lắm tiền đến thế. Thực tế chưa bao giờ là tiền của tôi, đương nhiên. Đầu tiên là cha, sau là Richard. Nhưng mùi tiền đã vấy sang tôi, hết như tội ác vấy sang những kẻ chỉ tình cờ có mặt ở hiện trường.

Nhà băng có những hàng cột kiểu La Mã, để nhắc chúng ta nên trao lại cho Caesar cái gì của Caesar, chẳng hạn như những khoản phí dịch vụ cửa cổ. Chẳng cần cho vàng tôi cũng muốn giấu tiền trong bí mật nhét dưới đệm chỉ cốt để bí mật họ. Nhưng lời sẽ đồn đãi, tôi đoán thế - rằng tôi đã trở thành mục tiêu điên gàn dở, cái loại khi phát hiện thì đã chết tắc trong ổ chuột chất cứng hàng trăm hộp thức ăn mèo đã hết và tài sản vài triệu toàn những tờ năm đô la giấu kỹ giữa những trang báo vàng khè. Tôi không ham trở thành nam châm hút đội quân xì ke và đột vòm nghiệp dư cả vùng, có những con mắt đỏ sòng sọc và ngón tay ngựa ngáy.

Từ nhà băng về tôi đi vòng qua tòa thị chính, với tháp chuông Tân phục hưng và tường gạch hai màu kiểu Florence, với cột cờ đã đến hạn sơn lại, cỗ pháo đã chiến từng dự trận sông Somme. Với cả hai bức tượng đồng, đầu do nhà Chase đặt làm. Bức bên phải, dưới thời bà nội Adelia, là tượng đại tá Parkman, người cựu chiến binh đã tham gia trận đánh quyết định cuối cùng trong Cách mạng Mỹ, là trận Pháo đài Ticonderoga, bây giờ thuộc tiểu bang New York. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những người Đức

hay Anh hay cả người Mỹ đi trong thị trấn về mặt bắn khoả, cố tìm chiến trường Pháo đài Ticonderoga nổi tiếng. *Nhằm thị trấn rồi, họ nghe bảo thế. Mà nói cho đúng, nhằm nước rồi. Anh hãy sang cái bên cạnh.*

Chính đại tá Parkman là người đã nhỗ trại, vượt biên giới, rồi đặt tên cho thị trấn chúng tôi, như một cử chỉ bệnh hoạn kỷ niệm trận đánh ông đã thua. (Dù thực ra cũng không có gì quá lạ lùng: khá nhiều người dành cho những vết sẹo của mình một sự quan tâm có tính bảo tàng học.) Tượng ông cưỡi trên lưng ngựa, vung kiếm trên đầu và chuẩn bị tể vào luống dã yên thảo ngay cạnh: một người vẽ mặt khắc khổ có đôi mắt trái đời và chòm râu nhọn, như hình dung của một trăm ông thợ điêu khắc về một trăm ông tướng kỵ binh. Không ai biết ngoài đời đại tá Parkman trông ra sao, bởi ông không để lại chứng tích hình ảnh nào và bức tượng thì mãi đến năm 1885 mới dựng, nhưng bây giờ thì trông ông như thế này. Nghệ Thuật chuyên chế như thế đấy.

Còn bên trái thảm cỏ, cạnh một luống dã yên thảo khác, là một nhân vật cũng không kém phần huyền thoại: Người Lính Mọi, ba cúc áo trên cùng để mở, cổ gục xuống như đợi lưỡi búa đao phủ, binh phục nhàu nát, mũ sắt lệch một bên, tì vào cây súng trường Ross hỏng. Vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn kiệt sức, anh ta ngự trên Đài tưởng niệm chiến tranh, da cháy xanh dưới nắng, Curt Chim Cháy rờn trên mặt như lệ rơi.

Người Lính Mọi là công trình của cha tôi. Nữ điêu khắc gia tên là Callista Fitzsimmons, tới đây theo sự tiến cử nồng nhiệt của Frances Loring, đi đầu phối viên Ban phụ trách Đài tưởng niệm chiến tranh của Hội nghệ sĩ Ontario. Có vài lời kêu ca từ phía địa phương về cô Fitzsimmons - đàn bà không được coi là thích hợp cho nhiệm vụ này - nhưng cha tôi đã áp đảo cuộc họp những đối tượng mời tài trợ: không phải chính cô Loring cũng là phụ nữ ư, ông xin hỏi? Câu đó mở đường cho vài bình luận bất kính, *Làm sao anh biết* là câu trong sáng nhất. Sau hậu trường, ông nói tiển ai người này giảng và vì cả đám còn lại chỉ là một lũ vất cổ chày ra nước nên họ bây giờ hoặc là lộn túi ra hoặc là ngậm mả lại.

Cô Callista Fitzsimmons không chỉ là đàn bà, mà còn là đàn bà hai mươi tám tuổi có mái tóc đỏ rực. Chị ta bắt đầu lui tới Avilion thường xuyên, bàn

luận với cha tôi về mẫu thiết kế dự kiến. Những cuộc gặp này diễn ra trong thư viện, cánh cửa đầu tiên mở, sau rồi đóng. Chị ta được sắp xếp ở một trong những phòng ngủ dành cho khách, đầu tiên phòng đẹp nhì, sau đến đẹp nhất. Chẳng mấy chốc gần như cuối tuần nào chị ta cũng về đây, và phòng của chị ta bắt đầu trở thành phòng “của chị ta”.

Cha tôi có vẻ vui lên; chắc chắn là ông có uống ít hơn. Ông cho dọn dẹp sân vườn, ít nhất cũng đủ để trông được; lối xe vào được rải sỏi lại; chiếc *Thủy Nữ Tinh* cạo sơn rồi sơn lại và lắp đặt lại nội thất. Đôi lúc có những buổi đàn đúm thân mật cuối tuần, khách là bạn bè nghệ sĩ của Callista từ Toronto đến. Những nghệ sĩ ấy, trong số họ không cái tên nào còn lại đến ngày nay, không mặc áo vét mà cũng không có cả com lê dự tiệc tối, chỉ mặc áo len cổ tim; họ ăn những bữa vội vàng trên cỏ, đàm luận những khía cạnh vi tế trong Nghệ Thuật, hút thuốc uống rượu và cãi cọ. Các nghệ sĩ gái dùng quá nhiều khăn trong phòng tắm, hẳn nhiên vì đây là lần đầu tiên họ biết thế nào là bồn tắm hẳn hoi, theo giả thiết của Reenie. Chưa kể họ có bộ móng tay cấu bẩn, và lại cắn móng tay.

Khi nào không có tụ tập thì cha và Callista đi picnic, bằng ô tô - chiếc không mui hai chỗ, không phải chiếc bốn chỗ - cưỡi theo giỏ đồ ăn do Reenie vừa lau nhàu vừa soạn. Hoặc là đi bơi thuyền, Callista mặc quần vải hai tay cầm vào túi, như Coco Chanel, cùng một áo thun cổ tròn cha hay mặc ngày xưa. Đôi lúc hai người lái xe đến tận Windsor, dừng lại các quán ven đường có cốc tai và nhạc dương cầm gào rú và nhảy nhót thác loạn - địa chỉ quen thuộc của các băng đảng buôn lậu rượu mạnh, từ Chicago hay Detroit đến đây thỏa thuận với những nhà chưng cất yêu luật pháp trên đất Canada. (Đang là thời kỳ Cấm rượu ở nước Mỹ; rượu mạnh chảy qua biên giới như là nước bằng vàng; những xác chết đã xén mười đầu ngón tay và túi lộn trái bị quăng xuống sông Detroit rồi dạt vào bờ hồ Erie, khiến nổi ra tranh cãi xem phía nào chịu phí tổn chôn cất.) Trong những chuyến ấy cha và Callista thường đi cả đêm, hoặc có khi vài đêm. Có lần họ đến tận thác Niagara, khiến Reenie phát ghen tị, và một lần đến Buffalo; nhưng họ đến Buffalo bằng xe lửa.

Những chi tiết này chúng tôi thu lượm được từ Callista, vốn không dè xén các chi tiết. Chị ta bảo chúng tôi cha cần được “truyền lửa”, và rằng cái

việc truy ền lửa này rất tốt cho ông. Chị ta nói cha cần biết cởi biết mở hơn, cần hòa nhập với đời nhiều hơn. Chị ta nói chị ta và cha là “chiến hữu cực thân”. Chị ta bắt đầu gọi chúng tôi là “hai nhóc”, và bảo chúng tôi có thể gọi chị ta là “Callie”.

(Laura hỏi cha có nhảy không, ở những quán ven đường ấy: khó tưởng tượng đi đầu đó, vì chân ông đã hỏng. Callista nói không, nhưng ông đứng xem cũng vui. Tôi sau này có ngờ. Xem người khác nhảy chả có gì vui nếu mình không làm được.)

Tôi kính sợ Callista vì chị ta là nghệ sĩ, lại được hỏi ý kiến như một người đàn ông, lại sỏi bước dài và bắt tay người khác cũng như đàn ông, và hút thuốc bằng cái đót đen ngắn, và biết về Coco Chanel. Chị ta xỏ lỗ tai, mái tóc đỏ (nhuộm bằng henna, bây giờ tôi hiểu) trùm khăn túm lại. Chị ta mặc áo suôn chảy như váy thụng vẽ những đường xoáy tảo tợn: hoa l ồng đèn, hoa vòi voi, hoa nghệ tây, đấy là tên những màu trên ấy. Chị ta bảo tôi những mẫu ấy là của Paris đấy, lấy cảm hứng từ dân lưu vong Bạch Nga. Chị ta giải thích thế nghĩa là gì. Chị ta lúc nào cũng sẵn sàng giải thích.

“Một trong số lũ mèo của ông ấy thôi,” Reenie nói với bà Hillcoate.

“Chẳng qua là xỏ thêm một đĩa vào đây, mà Chúa cũng biết là dây dài bằng cả cánh tay rồi, nhưng ai cũng tưởng ông ta sẽ biết đứng đắn mà đừng đưa ả vào trong nhà này chứ, trong khi m ồ bà chưa kịp xanh cỏ, mà m ồ ấy có khác gì do chính tay ông ta đào.”

“Sao lại là mèo?” Laura hỏi.

“Đừng nhúng mỏ vào,” Reenie quặc. Phải giận dữ lắm thì chị mới nở ra trong lúc tôi với Laura vẫn còn trong bếp. (R ồi sau tôi có giảng cho Laura hiểu: mèo là loại con gái thích nhai kẹo cao su. Nhưng Callie Fitzsimmons không có nhai kẹo.)

“Trẻ bé tai to đấy,” bà Hillcoate cảnh giác, nhưng Reenie bất cần.

“Còn về những đ ồ dị hợm vắt trên người ả, thật chẳng khác gì không không quần lót đến nhà thờ. Giờ lên ánh sáng có thể thấy cả mặt trời trắng

sao và mọi thứ ở giữa bày ra. Cơ mà ả cũng chẳng có gì mà bày, ả là cái hạng gái flapper^[6] phật phờ ấy, ả phẳng lì như trẻ giai.”

“Tôi thì chẳng đời nào có gan,” bà Hillcoate nói.

“Cái đấy không thể gọi là gan,” Reenie nói. “Ả chẳng để lấy một tâm.” (Khi Reenie đã sôi lên thì chị bắt chấp ngôn ngữ.) “Ả bị khuyết cái gì đấy, cứ tin tôi đi; ả ta đập toàn bộ mạch. Ả ta đi bơi truồng trong ao súng, giữa đồng ếch nhái cá vàng - tôi gặp ả ta từ bãi cỏ đi về, đọc một cái khăn tắm quấn lên trang phục Chúa ban cho Eva. Ả ta chỉ cười gật đầu, không chớp lấy một mắt.”

“Tôi có nghe chuyện đó,” bà Hillcoate nói. “Tôi cứ nghĩ là đồn nhảm. Nghe có vẻ khó tin.”

“Ả ta chỉ nhằm đào mỏ,” Reenie nói. “Ả ta chỉ muốn cắm vuốt vào ông, rồi rút sạch ruột.”

“Đào mỏ là gì? Vuốt là gì?” Laura hỏi.

Phật phờ khiến tôi nghĩ đến quần áo vừa giặt, sũng nước trên dây phơi, trong gió. Callista không giống thế tí nào.

Có đôi chút chùng chảng về cái Đài tưởng niệm chiến tranh, và không chỉ vì những đồn thổi quanh cha với Callista Fitzsimmons. Một số người trong thị trấn nghĩ Người Lính Mọi trông tồi tệ quá, chưa kể còn nhếch nhác nữa: họ chỉ trích cái áo sơ mi bỏ khuy. Họ muốn có cái gì đó vinh vang, như Nữ Thần Chiến Thắng trên đài tưởng niệm cách đây hai thị trấn, giương cánh như thiên thần, áo choàng tung bay trong gió, cầm trong tay cái chạc ba răng trông như chìa nướng. Họ cũng muốn có dòng chữ “Tặng Những Người Tự Nguyện Hy Sinh Vì Nghĩa Cả” ở đằng trước.

Cha tôi không nhượng bộ về mẫu tượng, ông nói họ nên lấy làm mừng vì Người Lính Mọi vẫn còn đủ hai tay hai chân, chưa kể cái đầu, và nếu họ không coi chừng thì ông sẽ bỏ phiếu cho chủ nghĩa hiện thực trần trụi và bức tượng sẽ dựng từ những mảnh xác người thối rữa, mà ông đã giẫm lên khá đủ trong cái thời ấy. Còn về dòng chữ, những hy sinh này chẳng tự

nguyện quai gài sắt, những kẻ chết chẳng hề mong muốn được nổ tung lên về Nước Trời. Ông thì ưa hơn câu “Kẻ Chết Ta Quên”, nó đặt trọng tâm vào đúng vấn đề thói quên của chúng ta. Ông nói quá nhiều người đã quên đi quá nhiều thứ rồi, mẹ kiếp. Ông hiếm khi chửi thề giữa công chúng, nên lần này gây ảnh hưởng mạnh. Ông được làm theo ý mình, dĩ nhiên, bởi ông trả tiền.

Phòng thương nghiệp quyền tiền làm bốn tấm biển đồng, khắc bằng tên danh dự chiến sĩ trận vong và tên các trận đánh. Họ muốn đặt tên mình ở cuối, nhưng cha tôi dè dặt đến nỗi họ phải từ bỏ ý định. Tượng đài là dành cho người chết, ông nói - không phải cho những kẻ còn sống nhăn, đã thế còn gặt hái lợi nhuận từ họ. Lối nói năng này đem lại cho ông không ít kẻ thù.

Tượng đài được khánh thành tháng Mười một năm 1928, đúng Ngày tưởng niệm. Người đến dự khá đông, bất chấp mưa phùn lạnh cắt da. Người Lính Mỗi đứng trên bệ kim tự tháp bốn mặt ghép bằng đá cuội lấy từ sông, như đá xây Avilion, và bốn tấm biển đồng viền hoa huệ và anh túc, vẫn vít giữa tràng lá thích. Cái này cũng mang lại nhiều cãi cọ. Callie Fitzsimmons nói kiểu dáng này vừa cũ vừa tầm thường, hoa tàn lá rụng các thứ - *thứ thẩm mỹ Victoria*, tức là câu lăng mạ thậm tệ nhất của họa sĩ thời ấy. Chị ta muốn trăn trui hơn, hiện đại hơn. Nhưng dân thị trấn ưa cái này, và cha bảo đôi lúc cũng phải nhượng bộ.

Trong buổi lễ, đội nhạc công chơi kèn túi. (“Ngoài trời còn hơn trong nhà,” Reenie bảo.) Rồi đến bài thuyết pháp chính, do mục sư phái Trưởng lão đứng giảng, nói về *những người đã tự nguyện hy sinh vì Nghĩa Cả* - đôn của thị trấn trả đũa lại cha, nhằm chứng tỏ ông không thể bỏ túi toàn bộ nghi thức và không phải có tiền là mua được mọi thứ, và họ vẫn nhét được câu đó vào dù ông không ưa. Rồi thêm nhiều bài diễn văn nữa, cùng với cầu nguyện - rất nhiều diễn văn và rất nhiều cầu nguyện, bởi mỗi giáo hội trong thị trấn đều phải được góp mặt. Hội đồng tổ chức không có ai theo Công giáo, nhưng cả linh mục Công giáo cũng được phép nói một bài. Cha tôi đã khăng khăng đòi, bởi theo ông lính Công giáo chết với lính Tin lành chết thì cũng đều chết như nhau.

Reenie nói đấy cũng là một cách nhìn.

“Thế còn cách khác là gì?” Laura hỏi.

Cha tôi đặt vòng hoa đầu tiên. Laura và tôi đứng nhìn, tay nắm tay; Reenie khóc một ít. Trung đoàn hoàng gia Canada có cử một phái đoàn, từ tận doanh trại Wolseley ở London, và thiếu tá M. K. Greene cũng đặt vòng hoa. Tiếp đó là vòng hoa của mọi hạng người có thể kể ra - các hội Cựu chiến binh, Lions, Kinsmen, Rotary, Oddfellows, Granger Order, Hiệp sĩ Columbus, Phòng thương nghiệp, I.O.D.E. Và nhiều người khác nữa, chốt lại bằng bà Wilmer Sullivan đại diện Hiệp hội Mẹ tử sĩ, đã mất ba người con trai. Bài “Chúa ở cùng con” cất lên, rồi đến “Đón cuối”, hơi lầy bầy, do cậu lính kèn ở ban nhạc Hướng đạo sinh chơi, tiếp đó là hai phút mặc niệm và một loạt đạn của đội Dân quân. Rồi chúng tôi nghe “Kèn báo thức”.

Cha đứng cúi đầu, nhưng thấy rõ ông run bần bật, vì đau thương hay căm giận thì không biết được. Ông mặc quân phục bên trong áo đại cán, và từ cả hai bàn tay đi găng da lên ba toong.

Callie Fitzsimmons cũng có mặt, nhưng đứng lùi đằng sau. Đây không phải dịp cho nhà nghệ sĩ bước ra cúi chào, chị ta đã bảo chúng tôi thế. Thay vì váy thụng, chị ta mặc áo khoác đen rất đoan trang và váy dài, đội mũ che găng kín mặt, nhưng vẫn gây nên những tiếng xì xào.

Sau buổi lễ Reenie pha ca cao nóng, cho Laura và tôi, trong bếp, sưởi ấm chúng tôi sau khi rét cóng vì mưa lạnh. Một cốc nữa rót mời bà Hillcoate, bà này nói mình không từ chối đâu.

“Tại sao lại gọi là tưởng niệm?” Laura hỏi.

“Để chúng ta tưởng nhớ tới người chết,” Reenie đáp.

“Tại sao?” Laura hỏi. “Để làm gì? Người chết thích thế à?”

“Không phải là cho người chết, đúng hơn là cho chúng ta,” Reenie bảo.

“Khi nào lớn lên cô sẽ hiểu.” Laura luôn phải nghe câu này, nên phớt lờ.

Nó muốn hiểu bây giờ cơ. Nó nuốt ực cốc ca cao.

“Cho em cốc nữa được không? Hy sinh vì Nghĩa Cả là gì?”

“Những người lính đã hiến mạng sống cho tất cả chúng ta. Tôi hy vọng không phải cô no bụng đói con mắt, vì đã pha ra là tôi muốn cô uống cho hết.”

“Tại sao họ lại phải hiến mạng sống? Họ có muốn thế không?”

“Không, nhưng họ vẫn làm. Vì thế mới gọi là hy sinh,” Reenie nói. “Giờ thì đủ rồi đấy. Ca cao của cô đây.”

“Họ hiến cuộc đời cho Chúa, vì Chúa muốn vậy. Cũng như Giê su đã chết vì tội lỗi của toàn nhân loại,” bà Hillcoate nói; bà ta là người thuộc hội Báp tit, tự coi mình là chuyên gia tối cao về vấn đề này.

Một tuần sau Laura và tôi đi trên đường mòn dọc bờ sông Louveteau, đoạn dưới Hẻm. Hôm đó có sương mù, dâng lên từ mặt sông, cuộn cuộn như sữa tách bơ trong không trung, rỏ giọt trên cành những bụi cây trơ trụi. Đá trên đường rất trơn.

Trong chớp mắt Laura đã ở giữa sông. May phước chúng tôi không ở chỗ nước xiết, nên nó không bị cuốn đi ngay. Tôi kêu thét và chạy xuôi dòng xuống tóm được áo khoác nó; quần áo chưa bị sưng nước, nhưng đã khá nặng, suýt nữa kéo cả tôi lộn nhào. Tôi tìm cách nương theo dòng lôi nó đến một mũi đá phẳng, rồi xốc nó vào bờ. Nó rùng rùng nước như con cừu ướt, cả tôi cũng không khá hơn. Rồi tôi túm nó mà lắc. Lúc này nó đã vừa run vừa khóc.

“Mày cố tình làm thế!” tôi nói. “Tao nhìn thấy mà. Suýt nữa thì mày chết đuối rồi!” Laura nấc lên rồi thút thít. Tôi ôm lấy nó. “Sao em lại làm thế?”

“Để Chúa cho mẹ sống lại,” nó rên rỉ.

“Chúa không muốn em chết đâu,” tôi nói. “Em mà thế Chúa sẽ tức lắm! Nếu Chúa muốn mẹ sống lại thì ngài đã tự làm rồi, chẳng cần em đi chết

chìm.” Đây là cách duy nhất khiến Laura nghe lời một khi nó ở tình trạng này: phải giả vờ mình biết về Chúa đi đâu gì đó nó không biết.

Nó quệt mũi vào mu bàn tay. “Làm sao *chị* biết?”

“Thì nhìn đây này - ngài để cho chị cứu em! Thấy chưa? Nếu ngài muốn em chết, thì cả chị cũng ngã xuống sông rồi. Lúc ấy cả hai cùng chết! Thôi nào đứng dậy, em phải về đây khô người đi. Chị không kể với Reenie đâu. Chị sẽ nói là chẳng may, chị nói em bị trượt chân. Nhưng đừng bao giờ làm thế nữa. Đồng ý nhé?”

Laura không nói gì, nhưng cho phép tôi dẫn về. Tiếp đó là cảnh sợ hãi quang quác rồi rít và mắng mỏ, rồi chén canh thịt bò và bồn tắm nóng và túi nước chườm đổ xuống Laura, tai vạ này thì đổ cho thói vụng về có tiếng của nó; nó bị nhắc nhở chân bước đâu phải nhìn chứ. Cha bảo tôi *Giỏi lắm*; tôi tự hỏi ông sẽ nói gì nếu tôi để mất nó. Reenie nói may mà hai chúng tôi cộng lại cũng được nửa bộ óc, nhưng chúng tôi ra tận chỗ đó làm gì chứ? Mà lại còn giữa lúc sương mù. Chị nói lẽ ra tôi phải khôn ngoan hơn.

Đêm ấy tôi thức hàng giờ, hai tay vòng quanh người, tự ôm mình thật chặt. Chân tôi lạnh như băng, răng đánh lập cập. Tôi không xua được khỏi đầu hình ảnh Laura giữa nước đen giá buốt sông Louveteau - mái tóc xòa ra như khói trong gió xoáy, mặt đầm nước ánh lên như bạc, mắt trừng trừng nhìn tôi khi tôi chớp lấy tà áo. Sức nặng khiến bàn tay tôi tê dại. Niềm tuyệt vọng chỉ thêm một phút sẽ khiến tôi buông tay.

CÔ HUNG DỮ

Không được đến trường, Laura và tôi đi qua một loạt gia sư, cả đàn ông lẫn đàn bà. Chúng tôi không nghĩ mình cần họ, nên làm đủ mọi cách khiến họ ngã lòng. Chúng tôi chĩa hai tia nhìn xanh nhạt đóng đinh vào họ, hoặc giả vờ điếc hay trì hoãn, không bao giờ nhìn vào mắt họ mà chỉ nhìn lên trán. Cũng phải mất lâu hơn mình tưởng chúng tôi mới đẩy được họ đi: thông thường họ chịu đựng được khá lâu, bởi toàn là những người đã bần dập với đời và cần miếng ăn. Chúng tôi không thù ghét gì cá nhân họ; chỉ là chúng tôi không muốn gánh lấy họ thôi.

Khi nào không ở dưới trướng gia sư thì chúng tôi được dặn phải ở yên trong Avilion, trong nhà hoặc trong vườn. Nhưng có ai ở đó mà giám sát? Lẩn tránh các gia sư là chuyện dễ như bỡn, họ không biết những lối đi bí mật, mà Reenie không thể lúc nào cũng để mắt đến chúng tôi, như chính chị không ngừng quở. Bất cứ cơ hội nào để ngỏ là chúng tôi chuồn khỏi Avilion vào lang thang trong thị trấn, mặc kệ tín điếu của Reenie rằng thế giới bên ngoài ai ai cũng là tội phạm và quân vô chính phủ và phần tử Đông phương hiểm ác bập tâu thuốc phiện, ria mỏng như thừng xoắn và móng tay dài nhọn, và tụi xì ke với buôn người, chỉ chực rình tóm cổ chúng tôi để nhốt lại đời cha tị ền chuộc.

Một trong số anh em đồng đúc của Reenie làm ăn trong mảng tạp chí ba xu, cái loại lá cải rẻ tiền vẫn bày bán trong hiệu thuốc, và cả những loại mặt hàng hơn nữa chỉ có thể mua chui. Việc của anh ta là gì? Như Reenie gọi, là *phân phối*. Tôi bây giờ hiểu, là mang lậu qua đường biên. Dù sao thì thỉnh thoảng anh ta lại đem những cuốn thừa cho Reenie, và bất chấp chị ra sức cất giấu chúng tôi vẫn lũng được ra một lúc nào đó. Một vài tờ nói chuyện tình ái, và tuy Reenie đọc ngẫu đọc nghiền nhưng tôi không thấy chúng có gì thú vị. Chúng tôi thích - hoặc đúng hơn là tôi thích, còn Laura hòa theo - những tờ có truyện về các xứ sở xa lạ, hoặc hành tinh xa lạ càng tốt. Tàu vũ trụ tương lai tới, nơi đàn bà mặc váy siêu ngắn bằng vải phản quang và mọi thứ đều phát sáng; tiểu hành tinh có cây biết nói, đây rầy quái vật mắt thô lỗ và răng nanh nhọn; những đất nước đời xưa đời xưa, dân cư là những cô gái thân hình lả lướt với cặp mắt hoàng ngọc và làn da ô pan,

mặc quần vải màn và xu chiêng sắt nhỏ xíu như hai cái phễu dính xích ở giữa. Các chiến binh trang phục dữ tợn, mũ trụ có cánh tua tủa gai.

Ngớ ngẩn, Reenie nhận xét. *Chẳng giống cái gì trên đời*. Nhưng chính vì thế mà tôi thích.

Tội phạm và buôn người có mặt trong tạp chí trinh thám, sau cái bìa không bao giờ thiếu máu chảy đầm và vung vải sừng lục. Trên các bìa đó, các cô gái con nhà đại phú cả tin bao giờ cũng bị dập hơi mê cho ngất xỉu và trối lại bằng dây phoi - nhiều hơn mức cần thiết - rồi nhốt vào cabin du thuyền hay hầm mộ nhà thờ bỏ hoang, hoặc tầng ngầm lâu đài ẩm ướt. Laura và tôi tin loại người bắt cóc đó có tồn tại, nhưng cũng không quá sợ, bởi chúng tôi biết cần phải đề phòng cái gì. Chúng luôn ngẩng ô tô to màu đen, mặc áo bành tô đi găng dày và chụp mũ phớt đen, chúng tôi sẽ nhìn ra ngay và ụt té chạy.

Nhưng chúng tôi chẳng gặp kẻ nào. Lực lượng thù địch duy nhất chặn đường là con cái thợ thuyền trong nhà máy, đám nhỏ tuổi, chưa đủ khôn để biết chúng tôi thuộc hàng bất khả xâm phạm. Chúng thường túm năm tụm ba lảng tránh theo sau, im lặng tò mò hoặc lớn tiếng chế nhạo; đôi lúc chúng còn ném đá, dù không bao giờ trúng. Chúng tôi dễ thành mục tiêu nhất là khi rảo theo đường mòn hẹp bên dòng Louveteau, dưới mỏm đá nhô ra - có thể bị ném từ trên đó - hoặc trong những con hẻm vắng, mà sau này chúng tôi chữa ra.

Chúng tôi thường đi trên phố Erie, ngắm nghía cửa kính hàng họ: những cửa hàng một giá năm mươi xu là chúng tôi yêu thích nhất. Hoặc ngó qua hàng rào mắt cáo vào sân trường tiểu học, dành cho trẻ con bình thường - trẻ con nhà thợ - có sân chơi xỉ than và những khung cửa cao chạm trở đánh dấu Nam và Nữ. Vào giờ ra chơi nghe rất nhiều tiếng hét, và lũ trẻ chẳng đứa nào sạch sẽ, nhất là sau khi đánh nhau hoặc bị đẩy ngã xuống xỉ. Chúng tôi lấy làm mừng không phải đến trường này. (Chúng tôi lấy làm mừng thật không? Hay ngược lại, thấy mình ra rìa? Có lẽ là cả hai.)

Mỗi lần đi thám hiểm chúng tôi đều đội mũ. Chúng tôi có cảm giác đây là một dạng bảo vệ; đội mũ vào khiến chúng tôi, cách nào đó, trở nên vô hình.

Tiểu thư con nhà không bao giờ ra đường mà không đội mũ, Reenie bảo. Chị cũng nói cả *găng*, nhưng không phải lúc nào chúng tôi cũng buồn đi găng. Mũ nan là thứ tôi còn nhớ, từ hồi ấy: không phải màu rơm nhạt, mà rơm cháy. Và cái nóng ẩm ướt tháng Sáu, không khí gây gây mùi phấn hoa. Màu trời xanh chói xuống. Tâm trạng lười biếng, những giờ rông dài.

Tôi mong chừng nào được trở lại những ngày ấy, những buổi chiều vô mục đích ấy - nỗi buồn chán, sự vô định, những tương lai chưa thành hình. Và chúng cũng đã trở lại với tôi, theo một cách khác; chỉ có đi đâu những thứ còn chờ trước mắt sẽ không có mấy, dù có là gì.

Người gia sư lần này đã trụ lại được lâu hơn phần đông. Bà ta quăng chừng bốn chục tuổi với một bộ sưu tập áo len mỏng hàng cashmere bạc màu có thể đọc ra một kiếp trước khá giả hơn, và một búi lông chuột nhỏ ghim sau gáy. Tên bà ta là cô Goreham - cô Hazel Goreham. Tôi thầm gán cho bà tên cô Hung Dữ, bởi tôi nghĩ chẳng có gì trái ngược hơn thế, và sau đó không thể nhìn bà mà không khúc khích cười. Nhưng cái tên thì ở lại; tôi dạy cho Laura, và rồi tất nhiên Reenie phát hiện ra. Chị bảo chúng tôi chế nhạo cô Goreham như thế là rất hư; con người tội nghiệp đã thất cơ lỡ vận và cần được chúng tôi thương hại, bởi bà ta là gái già. Nghĩa là gì? Là một người đàn bà không chồng. Cô Goreham đã bị dọa vào cảnh sống chay tịnh màu nhiệm, Reenie nói có chút thoáng khinh miệt.

“Nhưng chị cũng đâu có chồng,” Laura nói.

“Tôi khác,” Reenie đáp. “Tôi chưa gặp được thằng đàn ông nào đáng cho tôi hỉ mũi lên, nhưng tôi đã từ chối nhiều người. Tôi đã có nhiều lời hỏi.”

“Có thể cô Hung Dữ cũng có,” tôi nói, chỉ cốt để cãi lại. Tôi đang đến cái tuổi ấy.

“Bà ta ấy à,” Reenie nói, “không đời nào.”

“Làm sao chị biết?” Laura hỏi.

“Chỉ nhìn bà ta là biết,” Reenie nói. “Mà nếu có bất cứ ai đến cầu hôn, kể cả anh chàng có ba cái đầu và một cái đuôi, thì bà ta cũng đã lập tức nuốt

chứng như rắn rỏi.”

Chúng tôi chơi được với cô Hung Dữ bởi bà cho phép chúng tôi muốn làm gì thì làm. Bà ta nhận ra từ đầu là mình thiếu bàn tay mạnh có thể cầm cương được chúng tôi, và đã khôn ngoan quyết định không liều thử. Chúng tôi có giờ học vào mỗi sáng, trong thư viện, ngày xưa là của ông nội Benjamin còn giờ là của cha, và cô Hung Dữ cho chúng tôi toàn quyền muốn làm gì thì làm. Tủ sách đầy những cuốn gáy da to nặng rập nháp đề vàng đã mờ, mà tôi rất ngờ có bao giờ ông nội Benjamin đọc đến: chẳng qua đây là quan niệm của bà nội Adelia xem ông cần đọc những gì.

Tôi chọn ra những quyển khiến tôi tò mò: *Chuyện hai thành phố*, của Charles Dickens; bộ sử của Macaulay; *Chinh phục Mexico* và *Chinh phục Peru*, có hình minh họa. Tôi cũng đọc cả thơ, và đôi lúc cô Hung Dữ làm cử chỉ cố gắng nửa vờ trong sự nghiệp dạy dỗ, bắt tôi đọc lớn tiếng. *Hốt Tất Liệt mến Thượng Đế tiên cảnh*, *Chọn đất lành dựng thưởng lạc cung*. *Anh túc nở trên đồng Flanders đỏ*, *Giữa thập tự cao hàng lại hàng*.

“Con đừng ê a,” cô Hung Dữ nói. “Các câu phải trôi chảy. Hãy vờ như mình là dòng suối.” Dù bản thân lùn xùn thô kệch, bà ta có tiêu chuẩn rất cao về độ thanh tao cùng một danh sách dài những thứ chúng tôi cần giả vờ làm: cây trở hoa, bướm bướm, làn gió nhẹ. Rất nhiều thứ, miễn là không phải bé gái đầu gối lấm lem ngón tay ngoáy mũi: riêng về vệ sinh cá nhân bà ta rất ngặt.

“Đừng gặm bút chì màu,” cô Hung Dữ bảo Laura. “Con không phải loài gặm nhấm. Con nhìn xem miệng xanh lè ra rỏi. Làm thế rất hại răng.”

Tôi đọc *Evangeline*, của Henry Wadsworth Longfellow; tôi đọc Elizabeth Barret Browning, *Xon nê của cô gái Bồ Đào Nha*. *Em yêu chàng bao nhiêu? Hãy chờ cho em đếm*. “Thiên thần,” cô Hung Dữ thở sùng sục. Bà ta rất nùng nần, ý là nùng nần trong giới hạn bản chất tuyệt vọng của bà ta cho phép, khi nhắc đến Elizabeth Barret Browning; lại còn E. Pauline Johnson, nàng Công chúa Mohawk.

Và trời ơi, giờ sông thêm chảy xiết

Nước xoáy tròn ngay mũi tàu ác nghiệt

Cuộn, trào!

Sóng gợn sóng xôn xao

Giữa những vụng sâu hiểm hóc biết bao!

“Thật rộng lòng, con ạ,” cô Hung Dữ nói.

Hoặc tôi đọc Alfred Tennyson (Nam tước), một người uy nghi chỉ thua có Chúa, theo nhận định của cô Hung Dữ.

Rêu đen kịt những luống hoa rậm rạp

Đã đóng dày, từng luống, cả khu vườn;

Mái đầu hũ rơi chiếc đỉnh gỉ sét

Quả lê con rớt khỏi vách tường. ...

Nàng chỉ nói: “Đời em buồn thảm,

Chàng không đến,” nàng than;

Nàng nói: “Em đã rời, rời đã,

Mong được chết còn hơn!”

“Sao cô ấy lại ước thế?” Laura hỏi, dù mọi khi không để ý đến tiết mục ngâm thơ của tôi.

“Đấy là tình yêu, con ạ,” cô Hung Dữ nói. “Đấy là tình yêu vô bờ bến. Nhưng là tình yêu không được đáp lại.”

“Tại sao?”

Cô Hung Dữ thở dài. “Đây là thơ, con ơì,” bà ta nói. “Nam tước Tennyson là người viết bài ấy và cô nghĩ ngài hiểu rõ mình viết gì. Thơ không lý lẽ tại sao. ‘Cái đẹp là chân lý, chân lý là cái đẹp - mọi đi ầu mi có thể, và cần biết, trên đời.’ ”

Laura nhìn bà ta khinh miệt, quay lại với bảng tô màu. Tôi lật sang trang: tôi đã kịp liếc hết bài thơ, và thấy không có chuyện gì xảy ra nữa.

Hãy đập vào, và hãy vỡ ra

Trên đá xám lạnh căm, ôi Biển Cả!

Để ta ước giọng mình có thể

Thốt thành lời ý nghĩ quấy trong tim.

“Tuyệt diệu, con ạ,” cô Hung Dữ nói. Bà ta thích tình yêu vô bờ bến, nhưng bà ta cũng thích không kém nỗi âu sầu tuyệt vọng.

Có một quyển sách mỏng bọc da nâu xám, của bà nội Adelia ngày xưa: *Rubáiyát của Omar Khayyám*, tác giả Edward Fitzgerald. (Edward Fitzgerald không hẳn là người viết ra, nhưng ông ta lại đặt tên là tác giả. Giải thích thế nào? Tôi không cố hiểu.) Cô Hung Dữ thỉnh thoảng sẽ giở ra đọc to, để chỉ cho tôi đọc thơ là phải thế nào:

Sách Thơ mở dưới xanh tươi Cành Lá,

Vò Rượu đầy, Ổ Bánh - và Em

Bên tôi hát giữa Thảo Nguyên hoang dã -

Ôi Thảo Nguyên cũng hóa Thiên Đàng!

Bà ta học ra chữ Ôi như bị ai thụi vào ngực; tương tự với chữ Em. Tôi nghĩ mỗi chuyện picnic mà cũng làm ầm ĩ, và hỏi họ phết gì lên bánh mì. “Tất nhiên không phải rượu thật r ồi cứng,” cô Hung Dữ nói. “Đấy là ám chỉ lễ ban thánh thể.”

Giá một Thiên Thần trước khi quá muộn

Ngăn Cuộn Da Sỡ Phận chẳng mở ra

Và cầu xin Ký Lục Thiên nghiêm khắc

Chép khác đi, hoặc tất cả xóa nhòa!

Ái Tình ơi! Ta với người giá cùng Thiên tính kẻ

Vận Mệnh đáng buồn nắm được vào tay

Chúng ta sẽ đập thành muôn nghìn mảnh

Xây lại từ đầu cho hợp Ước Vọng này!

“Đúng biết mấy,” cô Hung Dữ nói, kèm tiếng thở dài. Nhưng cái gì chẳng làm bà ta thở dài. Bà ta dễ dàng hòa với Avilion - với vẻ lộng lẫy Victoria đã hết thời, với cái hoang tàn mỹ thuật, với vẻ thanh nhã quá vắng, với nỗi tiếc nhạt nhòa. Phong thái bà ta và ngay cả chất cashmere bạc màu cũng hợp với giấy dán tường.

Laura không đọc mấy. Thay vào đó nó sao lại các bức tranh, hoặc tô màu những bức vẽ đen trắng minh họa những quyển sách dày và uyên bác về du hành hay lịch sử bằng bút chì màu. (Cô Hung Dữ cho phép, nghĩ rằng sẽ chẳng ai nhận ra.) Laura mang những ý tưởng kỳ quặc nhưng hết sức rành rọt về chuyện màu gì ở đâu: có khi nó tô cái cây màu da trời hay đỏ, bầu trời màu hồng hay nồn chuối. Nếu có hình ai nó không ưa, nó sẽ tô mặt màu tím hay xám đen để xóa hết nét mặt.

Nó thích vẽ kim tự tháp, theo một cuốn về Ai Cập; nó thích tô màu các tượng thần. Cả tượng Assyria thân sư tử có cánh đầu người hay đại bàng. Đây là hình trong quyển sách của Sir Henry Layard, người tìm ra các tượng đó trong phế tích ở Nineveh rồi cho vận chuyển về Anh; sách viết đây là hình các thiên thần kể trong Sách Tiên Tri Ezekiel. Cô Hung Dữ

không nghĩ những bức hình này đẹp: tượng thần trông có vẻ tà giáo, lại còn khát máu nữa - nhưng Laura không vì thế mà nhụt chí. Vấp phải chỉ trích nó càng nhồi người trên trang sách mà tô cật lực như thể cả đời nó phụ thuộc vào đấy.

“Thăng lưng lên con,” cô Hung Dữ sẽ nhắc. “Hãy vờ như sống lưng mình là cây, đang mọc lên đón mặt trời.” Nhưng Laura không ham gì trò vờ vĩnh này.

“Cháu không muốn làm cây,” nó sẽ đáp.

“Làm cây còn hơn làm đứa gù, con ạ,” cô Hung Dữ sẽ thở dài, “mà nếu con không chú ý tư thế, nhất định con sẽ thành đứa gù.”

Phần lớn thời gian cô Hung Dữ ngồi bên cửa sổ đọc tiểu thuyết tình ái mượn từ thư viện thị trấn. Bà ta cũng ưa giờ xem cuốn an bom bìa da chạm của bà nội Adelia, trong dán cẩn thận những thiệp mời in nổi thanh tú, kèm thực đơn in ở trụ sở tòa báo, và những bài báo theo sau: tiệc trà từ thiện, bài giảng kỹ năng sống có minh họa bằng phim đèn chiếu - những nhà du hành dạn dày, dễ mên đã đến Paris hay Hy Lạp hay thậm chí tận Ấn Độ, đồ đệ của Swedenborg, của Hội Fabian, của Tổ chức Ăn chay, mọi loại sứ điệp quảng cáo cho các xu hướng cải thiện kỹ năng bản thân, và dăm bữa nửa tháng sẽ có một cửa quý thực sự - một thừa sai từ châu Phi về hay sa mạc Sahara, hay Tân Guinea, kể chuyện thổ dân sùng bái phù thủy hoặc bắt đàn bà bộ lạc giấu mặt sau mặt nạ gỗ tinh xảo, hoặc trang trí sọ tổ tiên bằng sơn đỏ và vỏ ốc tiều. Từng miếng giấy ngả vàng làm chứng cho cuộc đời phong lưu, tham vọng, không biết mệt đã mất, được cô Hung Dữ sẫm soi từng li từng tí, như đang hồi tưởng, môi vẽ nụ cười từ những lạc thú dịu êm đi mượn.

Bà ta có một túi sao trang kim, màu vàng và bạc, đính vào những sản phẩm chúng tôi đã hoàn thành. Đôi lúc bà đưa chúng tôi ra ngoài tìm hoa dại, mang về ép giữa hai tờ giấy thấm, một quyển sách nặng trịch đặt trên. Chúng tôi dần dà trở nên thích bà, dù lúc bà đi chúng tôi không khóc. Bà thì có khóc - ướm át và thô kệch, cũng như mọi việc bà làm.

Tôi tròn mười ba. Tôi vẫn đang lớn, về những mặt hoàn toàn không phải lỗi tại tôi, dù cha vẫn lấy thế làm bực không kém gì nếu là tại tôi. Ông bắt đầu chú trọng đến cách tôi đi đứng, cách tôi nói năng, đến cách tôi cư xử nói chung. Áo quần tôi phải giản dị hết mức, sơ mi trắng và váy ca rô tối màu, đến nhà thờ thì váy dài nhung. Thử áo quần trông như quân phục - trông như đồ thủy thủ, chỉ có đi đâu không phải. Vai tôi phải thẳng, không được khom. Tôi không được ngẩng giàng chân, nhai kẹo cao su hay ngo nguậy, không được nói liến thoắng. Cái ông đòi hỏi là những giá trị quân đội: gọn gàng, tuân lệnh, trật tự, và không một dấu hiệu giới tính. Giới tính, mặc dù không bao giờ được nhắc tên, cần phải diệt từ trong trứng. Ông để tôi chạy nhong lâu quá rồi. Đã đến lúc cần phải đưa vào kỷ luật.

Laura cũng chịu chung một phần bàn tay sắt này, dù nó chưa đến tuổi. (Đến tuổi nào thì là đến tuổi? Tuổi dậy thì, giờ thì tôi rõ. Nhưng hồi ấy tôi hoàn toàn rối trí. Tôi đã mắc tội lỗi gì? Sao bỗng dưng bị đối xử như phạm nhân trong một trường cải huấn kỳ quái?)

“Anh nặng tay với đám nhóc quá,” Callista bảo. “Chúng nó có phải con trai đâu.”

“Đáng tiếc là thế,” cha đáp.

Callista là người tôi đến gặp cái ngày phát hiện mình đang mắc một chứng bệnh kinh khủng, bởi máu đang rỉ ra giữa hai chân tôi: chắc chắn là tôi sắp chết! Callista cười. Rồi chị ta giải thích. “Có phiền hà một chút thôi,” chị ta nói. Chị ta bảo tôi nên gọi chuyện đó là “gặp bạn”, không thì là “có khách”. Reenie chịu ảnh hưởng tư duy Trưởng lão hơn. “Đấy là lời nguy hiểm,” chị nói. Chị chỉ còn thiếu đi vài bảo đấy lại thêm một sắp đặt quái gở nữa của Chúa, nghĩ ra để làm trần gian này hết chịu nổi: đời là thế, chị nói. Còn về chỗ máu, lấy giẻ mà xé ra. (Chị không nói *máu*, chị nói *bẩn*.) Chị pha cho tôi một chén trà cúc cam, vị như rau diếp thối, và một chai chườm cho đỡ đau bụng. Cả hai đều không ích gì.

Laura bắt gặp vết máu trên ga giường tôi và khóc. Nó suy ra là tôi sắp chết. Tôi sẽ chết y như mẹ, nó nức nở nói, mà không thềm bảo nó trước. Tôi sẽ đẻ ra một đứa trẻ xám xịt như mèo rồi tôi sẽ chết.

Tôi bảo nó đừng có dở hơi. Tôi bảo máu này không liên quan gì đến trẻ con cả. (Callista chưa giảng đến phần đó, hẳn nhiên đã quyết định là thông tin dạng này đến quá nhiều một lúc sẽ làm méo mó tâm hồn tôi.)

“Rồi nó sẽ xảy ra với cả em nữa,” tôi bảo Laura. “Khi nào bằng tuổi chị. Con gái đứa nào cũng gặp cái này.”

Laura rất phẫn nộ. Nó nhất quyết không tin. Cũng như với rất nhiều chuyện khác, nó tin chắc mình sẽ rơi vào trường hợp ngoại lệ.

Có một bức chân dung Laura và tôi chụp hiệu vào khoảng thời gian này. Tôi mặc cái váy nhung đen vía, kiểu quá trẻ con so với tuổi tôi: tôi đã có *ngực*, như thời đó gọi, trông khá rõ. Laura ngồi bên cạnh, mặc váy giống hệt. Cả hai chúng tôi đều đi tất trắng đến gối, xỏ giày búp bê da sơn; hai mắt cá chân bắt chéo nhau đoan trang, chân phải trên chân trái, theo chỉ đạo. Tôi vòng tay ôm Laura, nhưng có vẻ lưỡng lự, như là bị bắt phải làm thế. Laura thì đặt hai tay trong lòng. Hai đứa đều có mái tóc sáng rẽ ngôi giữa buộc chặt sau đầu. Cả hai mỉm cười, nụ cười thấp thỏm của trẻ con mỗi khi bị nghe bảo chúng phải ngoan và cười đi, như là hai cái đó là một: nó là nụ cười gắn lên đáp lại lời dọa sẽ không bằng lòng. Lời dọa và sự không bằng lòng hẳn là của cha. Chúng tôi sợ cả hai, nhưng không biết cách nào tránh được.

BIẾN HÓA CỦA OVID

Cha đã kết luận, hoàn toàn chính xác, rằng việc học hành của chúng tôi đã bị bỏ bê. Ông muốn chúng tôi được học tiếng Pháp, nhưng còn cả toán và tiếng La tinh nữa - những bài tập trí óc nhanh gọn để cải huấn lại hai cái đầu mơ mộng quá trớn. Địa lý nữa cũng là cách củng cố tốt. Mặc dù hầu như không để ý thấy cô Hung Dữ suốt thời kỳ bà ở đây, ông hạ lệnh yêu cầu bà ta cùng những cung cách dễ dãi mồm méo màu hoa hồng cần được gột cho sạch. Ông muốn những gì là dây nhợ bèo nhún và có phần mịt mù ở chúng tôi được vật bằng hết như vật rau diếp xoắn, chữa lại cái lối đơn giản cứng cáp. Ông không hiểu tại sao chúng tôi lại thích những thứ chúng tôi thích. Ông muốn chúng tôi được dẻo thành dáng dập những cậu con trai, bằng cách nào cũng được. Hỏi có gì lạ? Cha tôi chưa bao giờ có chị em gái.

Thế vào chỗ cô Hung Dữ, ông đặt một người gọi là thầy Erskine, từng dạy trường nam sinh ở Anh nhưng đã bị cuốn gói tống sang Canada, bất thành lĩnh, vì lý do sức khỏe. Trước mắt chúng tôi ông ta không có vẻ gì là thiếu khỏe mạnh: không bao giờ thấy ho, chẳng hạn thế. Người ông ta bè bè, đồ tuyết từ chân lên đầu, ba mươi hoặc ba lăm gì đó, tóc hơi đo đỏ và cặp môi bự đỏ ươn ướt, chòm râu dê nhỏ dưới cằm cùng tính mai mỉa cay chua và cái đầu chỉ chực bốc nóng, cộng thêm cái mùi như đồ giặt ẩm dưới đáy giỏ.

Rất nhanh có thể nhận ra rằng lơ là hay nhìn lên trán thầy Erskine chẳng phải cách tống khứ ông ta đi được. Đầu tiên ông ta ra để kiểm tra chúng tôi, để xem chúng tôi biết được những gì. Chẳng có gì mấy, xem ra là thế, mặc dù đã nhiều hơn chúng tôi muốn tiết lộ. Ông ta liề nói với cha óc chúng tôi cũng ngang với côn trùng hoặc sóc đất. Chúng tôi quả là tệ hại, chưa thành thiếu năng thì đúng là một đi đầu kỳ diệu. Chúng tôi đã nhiễm phải thói lười nhác trí óc - đã được *dung túng* cái thói ấy, ông ta thêm vào giọng khiển trách. Thật may, vẫn còn chưa muộn. Cha nói nếu đã thế thầy Erskine cần nhào nặn lại chúng tôi.

Với chúng tôi, thầy Erskine nói thói lười biếng, thói ngạo mạn, thói chơi nhởi và mơ mộng, thói ủy mị suốt mướt đã gần như hủy hoại chúng tôi trước khi bước vào cuộc đời nghiêm túc. Không ai đòi chúng tôi phải là thiên tài, mà nếu có thiên tài nữa thì cũng chẳng phải ân huệ gì cả, nhưng chắc chắn cũng phải có một mức sàn, cho dù là với con gái đi nữa: chúng tôi sẽ chỉ thành gánh nặng trên lưng kẻ nào ngu ngốc rước về nhà trừ khi bị buộc phải xốc lại bản thân.

Ông ta đặt mua một lượng lớn vở học sinh, loại rẻ tiền có dòng kẻ và bìa mềm oặt. Ông ta đặt mua một số bút chì loại thường, có tẩy. Đây là những cây đũa thần, ông ta nói, để chuẩn bị cho chúng tôi hóa thân, có ông trợ giúp.

Ông ta nói chữ *trợ giúp* miệng cười khẩy.

Ông ta quăng hết sao trang kim của cô Goreham.

Thư viện chỉ làm chúng tôi lãng trí, ông ta nói. Ông ta đòi và nhận được hai bàn học sinh, đặt vào một trong hai phòng ngủ khách; ông ta đã cho đẹp cái giường cùng mọi thứ đồ đạc, chỉ còn căn phòng trống không. Cửa có ổ khóa, ông ta giữ chìa. Bây giờ chúng tôi có thể xắn tay áo lên mà bắt tay vào việc.

Thầy Erskine áp dụng những phương pháp thẳng thừng. Ông ta thao nhắt giạt tóc véo tai. Ông ta thường đập thước lên mặt bàn sát những ngón tay chúng tôi, lên cả ngón tay nữa, hoặc bộp vào sau đầu khi điên tiết, hoặc, coi như biện pháp cuối cùng, ném sách vào chúng tôi hoặc quật ngang bụng chân. Ông ta có lối mai mỉa điếng người, ít nhất là với tôi: Laura thường xuyên hiểu lời ông ta nói theo nghĩa đen, khiến ông ta càng nổi xung. Ông ta không mủi lòng vì nước mắt, tôi nghĩ ông ta hả lòng thì đúng hơn.

Không phải ngày nào ông ta cũng thế. Có những khi trời yên bể lặng cả tuần liền. Ông ta có thể tỏ ra rất kiên nhẫn, thậm chí còn tốt bụng nữa, một cách vụng về rồi đến một cú bùng nổ, ông ta sẽ xả hết công suất. Không bao giờ đoán được ông ta sẽ làm gì, hoặc lúc nào, đấy là điếu tệ nhất.

Chúng tôi chẳng thể kêu than với cha, vì chẳng phải thầy Erskine chỉ thi hành mệnh lệnh của cha sao? Ông ta nói thế. Nhưng chúng tôi kể khổ với Reenie, tất nhiên. Chị nổi giận đùng đùng. Tôi đã lớn rồi không thể bị đối xử như thế, chị nói, còn Laura thì thẫn thờ kinh động, và cả hai chúng tôi đều - hừ, ông ta nghĩ mình là ai chứ? Lớn lên trong cồng mà làm bộ làm tịch, như mọi thằng Anh bán xới qua đây, nghĩ mình vương tướng, và nếu ông ta tắm đến một tháng một lần chị sẽ ăn cái áo của mình cho coi. Khi Laura đến gặp chị giờ những vết hằn trên lòng bàn tay, Reenie chắt vắn thầy Erskine, nhưng được trả lời đừng xía vào chuyện người khác. Chính chị là kẻ đã làm hư chúng tôi, thầy Erskine nói. Chị làm hư chúng tôi vì nuông chiều vô độ quá mức - cái đó quá rõ - và bây giờ nhiệm vụ của ông ta là sửa chữa lại những gì chị đã phá.

Laura nói nếu thầy Erskine không đi, chính nó sẽ đi. Nó sẽ bỏ trốn. Nó sẽ nhảy ra ngoài cửa sổ.

“Đừng làm thế, bé yêu của tôi,” Reenie nói. “Chúng mình sẽ vắt óc ra một cách. Chúng mình sẽ trả đũa ông ta!”

“Ông ta làm gì có đũa,” Laura nức nở.

Callista Fitzsimmons đáng lẽ có thể là đồng minh, nhưng chị ta thấy rõ gió ngả chiều nào: chúng tôi không phải con chị ta, chúng tôi là con của cha. Cha đã chọn cách hành xử, nếu chị ta nhúng tay vào sẽ là một sai lầm chiến lược. Đây là một ca *sauve qui peut*^[7], một quán ngữ mà giờ, nhờ sự miễn cưỡng của thầy Erskine, tôi đã dịch được.

Quan niệm của thầy Erskine về toán học khá đơn giản: chúng tôi cần biết cách cân đối chi phí trong nhà, nghĩa là cộng trừ và kế toán kép.

Quan niệm về tiếng Pháp là cách chia động từ và kịch Racine, phụ trợ là những châm ngôn súc tích của các tác gia lớn. *Si jeunesse savait, si vieillesse pouvait* - Estienne; *C'est de quoi j'ai le plus de peur que la peur* - Montaigne; *Le cœur a ses raisons que la raison ne connaît point* - Pascal; *L'histoire, cette vieille dame exaltée et menteuse* - de Maupassant. *Il ne faut*

pas toucher aux idoles: la dorure en reste aux mains - Flaubert. *Dieu s'est fait homme; soit. Le diable s'est fait femme* - Victor Hugo. Và vân vân^[8].

Quan niệm về địa lý là tên thủ đô các nước châu Âu. Quan niệm về tiếng La tinh là chuyện Caesar chinh phục dân Gô loa và vượt sông Rubicon, *alea iacta est*^[9]; và, tiếp đó, các đoạn trích từ *Aeneid* của Virgil - ông ta ưa nhất Dido tự tử - hoặc từ *Biến hóa* của Ovid, những cảnh tả các thứ thần linh giáng đủ chuyện không hay xuống các loại cô gái trẻ. Vụ cưỡng bức Europa do con bò trắng lớn, Leda do con thiên nga, Danae do cơn mưa vàng - những thứ đó ít nhất cũng làm chúng tôi chú ý, ông ta nói với nụ cười mỉa thường lệ. Về chuyện này thì ông ta nghĩ đúng. Để thay đổi, ông ta có khi bắt chúng tôi dịch thơ tình từ tiếng La tinh, những bài chua chất. *Odi et amo*^[10] - những bài kiêu đó. Ông ta khoái chí tử thấy chúng tôi vật lộn với những lời chê bai của các thi sĩ về loại con gái rõ ràng là tương lai vẽ sẵn cho chúng tôi.

“*Rapid, rapere, rapui, raptum,*” thầy Erskine nói. “‘Tóm lấy và mang đi’. Từ *rapture* trong tiếng Anh cũng gốc đó. Chia đi.” Thước kẻ đập *chát*.

Và chúng tôi học. Chúng tôi quả có học được, trong tình thần căm thù: chúng tôi sẽ không tạo cớ cho thầy Erskine. Ông ta chẳng muốn gì hơn là giẫm lên cổ hai chúng tôi - ông ta sẽ không có được cái khoái chí ấy, trong khả năng chúng tôi làm được. Đi đâu chúng tôi thực sự học được nhờ ông ta là gian lận. Các con toán thì khó làm giả, nhưng các buổi chiều muộn chúng tôi dành hàng giờ chép những bản dịch Ovid từ vài cuốn sách trong thư viện của ông nội - những bản dịch xưa của các đại học giả thời Victoria, chữ in li ti và từ ngữ rắc rối. Nhờ đó chúng tôi nắm được tinh thần đoạn trích, rồi đổi lấy những từ khác, đơn giản hơn, rồi bỏ thêm vài lỗi sai vào nữa, để có vẻ như tự làm. Tuy thế, dù chúng tôi có làm gì, thầy Erskine cũng sẽ vạch chì đỏ chằng chịt trên bản dịch của chúng tôi và viết những nhận xét hung bạo bên lề. Chúng tôi không nhập tâm tiếng La tinh nhiều lắm, nhưng học được khá khá cách giả mạo. Chúng tôi cũng học cách giữ mặt mình vô cảm và bất động, như được hời. Tốt nhất là đừng phản ứng lại thầy Erskine mà thể hiện ra ngoài, nhất là đừng co rúm.

Một thời gian Laura hết sức cảnh giác với thầy Erskine, nhưng cái đau thể xác - của chính mình, ý thế - không khiến nó bận tâm mấy. Đầu óc nó sẽ lãng đãng đi nơi khác, ngay giữa lúc ông ta quát tháo. Phạm vi ảnh hưởng của ông ta chỉ thế thôi. Nó đưa mắt nhìn giấy tường - hình nộm hòng lẫn trong các dải nơ - hay nhìn ra cửa sổ. Nó học được khả năng lặn mình đi trong nháy mắt - một giây trước nó còn tập trung nghe, giây sau nó đã ở xa xôi đâu đó. Hoặc đúng hơn người đối thoại đã ở xa xôi đâu đó: nó gạt bỏ người kia, cứ như vẩy cây đuă vô hình; cứ như chính người kia đã chịu phép mà biến mất.

Thầy Erskine không thể chấp nhận bị phủ định như thế. Ông ta bắt đầu thói quen lắc người nó - để gọi nó tỉnh, ông ta nói. *Cô không phải người đẹp ngủ trong rừng*, ông ta thét. Đôi lúc ông ta xô nó vào tường, hoặc nắm cổ nó mà lắc. Khi đó nó sẽ nhắm mắt và nhũn người ra, khiến ông ta càng thêm thịnh nộ. Ban đầu tôi tìm cách xen vào, nhưng chẳng ích gì. Tôi sẽ bị gạt ra nhẹ tênh sau một cú vẩy của cánh tay vải tuyết mùi khăn.

“Đừng chọc tức ông ta,” tôi bảo Laura.

“Em có chọc tức ông ta hay không thì cũng thế,” Laura nói. “Nhưng không phải là ông ta tức. Ông ta chỉ muốn thò tay vào trong áo em.”

“Chị chưa bao giờ nhìn thấy thế,” tôi nói. “Ông ta làm thế làm gì?”

“Ông ta làm thế lúc chị không nhìn,” Laura nói. “Hoặc thò vào dưới váy em. Ông ta thích là thích đờ lớt.” Nó nói thản nhiên đến nỗi tôi nghĩ chắc là nó bịa chuyện, hoặc hiểu lầm. Hiểu lầm bàn tay thầy Erskine, động cơ của bàn tay ấy. Điêu nó kể lại quá vô lý. Tôi không thấy đây có vẻ là việc đàn ông người lớn hay làm, hoặc có lý do gì thích làm, bởi Laura chỉ là một con bé con - không phải sao?

“Có nên nói với Reenie không?” tôi do dự hỏi.

“Chắc gì chị ấy tin chứ,” Laura nói. “Chị đâu có tin.”

Nhưng Reenie có tin Laura, hoặc là chị quyết định tin, và thế là hết đời thầy Erskine. Chị đủ khôn ngoan không đương đầu trực diện: ông ta sẽ chỉ

buộc tội Laura bịa đặt bậy bạ, sự tình sẽ còn xấu hơn. Bốn ngày sau chị sầm sầm đi vào văn phòng cha ở nhà máy cốc với một nắm ảnh lậu. Ảnh loại đó ngày nay sẽ chẳng khiến ai chớp mắt lấy một cái, nhưng vào thời đó là cực kỳ tai tiếng - đàn bà đi tất dài đen ngực bát úp muốn tràn ra khỏi coóc xê khổng lồ, cũng những đàn bà đó không mặc gì cả, trong những tư thế vắn vẹo, chân giăng rộng. Chị nói đã tìm thấy những ảnh này dưới giường thầy Erskine khi quét dọn phòng, và đây là loại người để gửi gắm những cô gái trẻ nhà đại úy Chase ư?

Một đám đông tò mò chứng kiến, trong đó có nhóm công nhân nhà máy và luật sư của cha và, tiện thể nói thêm, cả chông tương lai của Reenie, Ron Hincks. Cảnh tượng Reenie, đôi má lúm đỏ phùng phùng, mắt sáng quắc như nữ thần báo oán, búi tóc đen sau đầu xỏ tung, vung vẩy một mớ đàn bà vú to mông nở trềnh như nhộng, đã hoàn toàn hạ gục anh. Trong trái tim anh đã phủ phục trước mặt chị, và từ hôm đó anh ta bắt đầu theo đuổi chị, cho đến ngày thành công. Nhưng đây là một câu chuyện khác.

Nếu có đi đâu gì Cảng Ticonderoga không thể khoan nhượng, luật sư của cha cất giọng tư vấn, thì đây là của ông ư trong tay người dạy dỗ những tâm hồn trẻ thơ trong sáng. Cha nhận ra mình không thể cứ giữ Erskine trong nhà sau vụ này nếu không muốn bị coi là quý.

(Tôi từ lâu vẫn nghi Reenie đã tự kiếm ra số ảnh; có người anh làm phân phối tạp chí, chị dễ dàng làm việc này. Tôi nghi về vụ ảnh thì thầy Erskine vô tội. Nếu có gì, sở thích của ông ta là trẻ nhỏ, chứ không phải coóc xê cỡ bự. Nhưng đã đến nước đó, ông ta chẳng thể mong chờ Reenie chơi đẹp.)

Thầy Erskine ra đi, miệng không ngớt phản kháng kêu mình vô tội - phẫn nộ, nhưng cũng rụng rời. Laura nói mình cầu nguyện đã được đền đáp. Nó nói đã cầu cho thầy Erskine bị đuổi khỏi nhà chúng tôi, và Chúa đã nghe thấy. Reenie, nó nói, đã thực hiện ý Người, kể từ ảnh đã trĩu trở đi. Tôi tự hỏi Chúa nghĩ gì về chuyện đó, ấy là giả sử Ngài ta tồn tại - một đi đâu tôi càng lúc càng ngờ.

Laura, mặt khác, đã dấn vào tôn giáo một cách nghiêm túc dưới triều đại thầy Erskine: nó vẫn còn khiếp sợ Chúa, nhưng khi bị buộc phải chọn giữa

hai bạo chúa đầu nóng giận và đầu thất thường như nhau, nó đã chọn phía nào to hơn, và cũng ở xa hơn.

Một khi đã lựa chọn nó liền đẩy đến mức cực đoan, cũng như mọi chuyện nó làm. “Em sẽ đi làm xơ,” nó tuyên bố thẳng tuột, trong bữa trưa khi chúng tôi ăn xăng uých bên bàn bếp.

“Không được đâu,” Reenie nói. “Họ sẽ không nhận cô. Cô không theo Công giáo.”

“Em có thể,” Laura nói. “Em có thể xin gia nhập.”

“Lúc đó,” Reenie nói, “cô sẽ phải gọt tóc đi. Dưới khăn choàng, các nữ tu đầu trơn lông lốc.”

Đây là một nước ma mánh của Reenie. Laura không hề biết đi đầu này. Nếu nó có phù phiếm ở điểm nào, thì đấy là mái tóc. “Tại sao lại thế?” nó hỏi.

“Họ nghĩ Chúa muốn như thế. Họ nghĩ Chúa muốn họ dâng tóc lên ngài, chỉ chứng tỏ họ ngu dốt đến thế nào. Ngài cần gì cái đó?” Reenie nói. “Thử nghĩ xem! Bao nhiêu là tóc!”

“Người ta làm gì với tóc đó?” Laura hỏi. “Sau khi cắt đi?”

Reenie đang tách vỏ đậu: tách, tách, tách. “Người ta đem làm tóc giả, cho phụ nữ nhà giàu,” chị nói. Chị không ngập ngừng một li, nhưng tôi biết đây là chuyện phịa, cũng như những chuyện chị kể ngày trước về trẻ con bằng bột. “Đám phụ nữ nhà giàu kهنh kiệu. Cô không muốn tóc đẹp của cô điều hành khắp nơi trên cái đầu bự vênh váo của kẻ khác chứ?”

Laura bỏ ý định đi tu, hoặc là có vẻ thế; nhưng ai biết được tiếp theo nó sẽ chạy theo cái gì? Nó có thiên hướng đức tin rất cao. Nó dốc lòng mình, tin cậy dễ dàng, nó trao mình cho người khác, đặt mình vào tay người. Trong khi một chút hoài nghi đã có thể là tuyến đầu phòng thủ.

Đến lúc này đã vài năm trôi qua, vài năm bỏ phí - có vẻ thế - trong tay thầy Erskine. Dù tôi không nên coi là *phí*: nhờ ông ta tôi đã học được nhiều

đi đâu, dù không phải đâu là những đi đâu ông ta định dạy. Ngoài khả năng nói dối và gian lận, tôi đã học được thói hỗn láo che đậy sơ sài, cách phản kháng bằng im lặng. Tôi đã học được rằng báo thù mười năm chưa phải muộn. Tôi đã học cách tránh không bị bắt.

Trong lúc đó vụ Đại suy thoái đã tới nơi. Cha không mất nhiều lắm khi phố Wall sụp đổ, nhưng cũng mất một phần. Ông cũng không giữ được biên độ an toàn. Lẽ ra ông cần đóng cửa các nhà máy khi cần xuống thấp, cần bỏ nhà băng tất cả tiền còn lại - cần tích trữ, như mọi kẻ khác ở địa vị ông đang làm. Đây mới là nhạy bén. Nhưng ông không làm thế. Ông không làm nổi. Ông không chịu nổi phải buộc lính của mình mất việc làm. Với họ ông nợ lòng trung thành, những người “lính” ấy. Một số trong đó là đàn bà, nhưng cũng có khác gì.

Về đạm bạc trùm lên Avilion. Phòng ngủ chúng tôi bắt đầu lạnh khi đông đến, chăn bắt đầu phơỉ chỉ. Reenie cắt dọc phần giữa mền xơ, rồi khâu hai bên lại với nhau. Máy phòng đã đóng lại không dùng; người làm cho nghỉ phần lớn. Người làm vườn không đến nữa, cỏ dại ngấm ngấm lẫn vào vườn. Cha nói ông cần chúng tôi hợp tác để duy trì cuộc sống - để vượt qua giai đoạn khó khăn. Chúng tôi có thể giúp Reenie việc nhà, ông nói, một khi ác cảm với toán và tiếng La tinh đến thế. Chúng tôi có thể học cách thắt lưng buộc bụng. Đem vào thực tiễn, thế có nghĩa là ăn tối món đậu hoặc cá tuyết muối hay thịt thỏ, và tự mạng lấy tất.

Laura không chịu ăn món thỏ. Trông như trẻ con bị lột da, nó nói. Chỉ có mọi ăn thịt người mới nuốt được món này.

Reenie nói cha tốt quá hóa hại. Chị còn nói cha quá kiêu hãnh. Con người ta phải biết thừa nhận thất bại. Chị không biết rồi mọi việc sẽ đi đến đâu, nhưng suy tàn đổ nát là khả năng dễ thấy nhất.

Tôi đã mười sáu rồi. Quá trình giáo dục chính thức như thế là đã đến hồi kết. Tôi đang mua thời giờ, nhưng để chờ gì đây? Tôi sẽ trở thành gì sắp tới?

Reenie có những ưu tiên riêng. Đạo này chị bắt đầu nghiên cứu tạp chí *Mayfair*, những miêu tả về hội hè xã giao trong đó, cùng trang giao tế trên

các báo - những hôn lễ, những vũ hội từ thiện, những kỳ nghỉ đất tiền. Chị nhằm thuộc lòng các cột tên - tên những đáng bậc, những tàu du lịch, những khách sạn hạng sang. Tôi cần một cuộc ra mắt, chị nói, đủ mọi hoa lá cần thiết - tiệc trà để gặp những bà mẹ quan trọng trong giới xã giao, những buổi chiêu đãi và dã ngoại hợp một, một buổi khiêu vũ long trọng mời đủ các chàng trai ứng viên sáng giá. Avilion sẽ thấy lại đây những khách ăn mặc đẹp đẽ, như thời xa xưa; những ban tứ tấu đàn dây sẽ chơi, đèn vườn thấp trên thảm cỏ. Gia đình chúng tôi ít nhất cũng ngang những nhà đã lo liệu cho con gái thế này - còn hơn ấy chứ. Cha lẽ ra phải dành lại một ít tiền trong nhà băng riêng cho việc này. Giá mẹ tôi còn sống, Reenie nói, mọi thứ sẽ được chu toàn cả.

Chuyện này tôi ngờ. Cứ như những gì tôi đã nghe kể, khả năng cao là mẹ sẽ cương quyết cho tôi đến trường - trường Nữ học Alma hay một học viện tầm tiếng, ảm đạm nào đại loại thế - để học món gì đó thiết thực nhưng cũng ảm đạm không thua, tốc ký chẳng hạn; nhưng còn ra mắt, đấy là chuyện phù phiếm. Bản thân mẹ có cuộc nào đâu.

Bà nội Adelia lại là chuyện khác, và đủ xa xưa để tôi có thể lý tưởng hóa bà. Bà sẽ bỏ công sức vì tôi, không tiếc một kế hoạch hay khoản chi nào cả. Tôi vẫn vợ trong thư viện, sẫm soi những bức hình bà vẫn còn trên tường: bức chân dung sơn dầu, vẽ năm 1900, bà điểm nụ cười nhân sư và vận váy màu hoa hồng nhung khô, trên cổ áo xẻ sâu chiếc cổ trăn đột ngột lộ ra, như cánh tay đưa ra sau tấm màn ảo thuật; những ảnh đen trắng lồng khung mạ vàng, bà đội mũ rộng vành, hoặc cầm lông đà điểu, hoặc mặc váy dài ăn tiệc tối, miện cài tóc và găng tay da dê trắng, một mình hay với các loại chức sắc giờ đã bị lãng quên. Nếu là bà đã bắt tôi ngồi xuống nghe đủ mọi lời căn dặn: ăn mặc thế nào, nói năng ra sao, đi đứng cử chỉ trong từng tình huống. Làm sao để tránh trở thành lỗ bịch, một đi đâu chưa gì tôi đã thấy cơ hội tràn trề. Bất chấp thời giờ cắm mũi vào các trang xã giao, Reenie không biết nhiều đến thế.

BUỔI PICNIC NHÀ MÁY CÚC

Kỳ nghỉ lễ Lao động đến rồi đi, để lại một vệt dài cốc nhựa, bình thủy tinh và bóng bay đang chần chậm xếp trong luồng nước ngược từ những xoáy sông. Tháng Chín đang dần ngự trị. Sức nóng chính ngọ vẫn không giảm, nhưng mặt trời mỗi sáng lại mọc muộn hơn, kéo lết thết đằng sau một vệt hơi nước, và các buổi chiều muộn dịu mát dễ rả rả khắp nơi. Thạch thảo đại trở từng cụm trong vườn, sau khi đậu rể từ một buổi không tên nào đó - những bông hoa trắng tí xiu, vài bông rậm cánh hơn màu da trời, lại có loại mọc trên cành ram ráp, màu hoa cà đậm. Một thời, cái hũ còn lấy vườn tược cho người thời giờ, tôi sẽ xếp hạng thứ này là cỏ và nhổ bằng sạch. Giờ tôi không còn phân biệt nữa.

Thời tiết này đi bộ đã thú hơn, mắt không còn bị lóa hay lấp loáng. Du khách đã vãn dần, và số còn sót lại ít nhất cũng kín cổng cao tường: không còn quăn soóc thùng thình và kính mát ộp mặt, không còn những cẳng chân hun đỏ.

Hôm nay tôi lên đường nhắm hướng Bãi Trại. Tôi lên đường, nhưng được nửa đường thì gặp Myra đi ngang hỏi tôi có cần ng ửi nhờ xe không, và phải xấu hổ mà nói rằng tôi ưng thuận: tôi hụt hơi rồi, và đã nhận ra đường xa quá sức mình. Myra hỏi tôi đang đi đâu, mà vì sao - cô nàng chắc đã thừa hưởng được bản năng chặn dất, từ Reenie. Tôi nói địa điểm; còn lý do, tôi nói chỉ muốn nhìn lại nơi đó lần nữa, ôn lại chuyện xưa. Nguy hiểm lắm, cô nói: ai mà biết được có những cửa gì bò dưới tầng cây thấp. Cô bắt tôi hứa ng ửi yên trên ghế đá công viên, chỗ nào dễ nhìn, đợi cô ở đó. Cô nói sau một giờ sẽ quay lại nhặt tôi.

Càng lúc tôi càng thấy mình giống một lá thư - bỏ chỗ này, nhặt chỗ khác. Nhưng là một lá thư không đ ề người nhận.

Bãi Trại chẳng có gì nhiều nhận mà nhìn. Đây là một dải đất giữa đường cái và sông Jogues - một hai mẫu gì đó - có cây cối và những lùm bụi thấp, khi vào xuân thì cộng thêm muỗi bay lại từ mảng đ ầm lầy chính giữa. Đây là khu săn mồi của diệc, đôi khi nghe giọng chúng khàn khàn r ền rĩ, như

tiếng gậy gõ cọ vào thiếc ráp. Thằng hoặc vài kẻ ngấm chim dò dẫm quanh đó với vẻ rầu rĩ đặc trưng, như tìm kiếm thứ gì đánh mất.

Trong bóng cây những vệt màu bạc lóe lên, vỏ bao thuốc lá, bao cao su vút đi trông như rễ khoai nhọt nhạt xệp lép, những vuông khăn giấy dùng rồi nhũn nhèo vì mưa. Chó mèo đánh dấu lãnh thổ, tình nhân ham hố lén vào giữa các gốc cây, dù so với hồi xưa thì ít hơn - thời nay có nhiều lựa chọn. Dân nhậu xỉn ngủ dưới các bụi rậm rạp khi hè đến, và trẻ con mới lớn đôi khi tới đây hút hít những thứ chúng vẫn hút hít. Có thể thấy những đốt nến vụn, hay thìa sạm đen, thì thoảng thấy cả kim tiêm dùng một lần. Những chuyện này tôi nghe từ Myra, cô nghĩ đúng là ô nhục. Cô biết đốt nến hay thìa dùng để làm gì: chúng là *trang thiết bị xì ke*. Tội lỗi ở khắp nơi, xem ra là thế. *Et in Arcadia ego*^[11].

Một hay hai chục năm trước đã có kế hoạch dọn sạch khu này. Một tấm biển dựng lên - Công viên Đại tá Parkman, nghe khá nhạt nhẽo - và ba cái bàn ăn ngoài trời quây quần cùng một thùng rác nhựa và vài nhà vệ sinh di động được đưa vào, nghe nói là để phục vụ khách từ ngoài thị trấn, dù khách loại đó thường ưa nốc bia và xả rác ở nơi nào tiện ngấm sông hơn. Rồi vài cậu hiếu sát bắt đầu dùng cái biển để luyện tay súng, còn bàn và toa lét bị dời đi theo lệnh chính quyền tỉnh - lý do ngân sách gì đó - và thùng rác không ai dọn bao giờ, mà lại thường xuyên bị chồn raccoon phá phách, nên cuối cùng cũng bị dời nốt, và bây giờ khu này lại trở về trạng thái nguyên thủy.

Tên Bãi Trại đặt vì đây là địa điểm các buổi họp trại nghe giảng đạo ngày xưa, những cái lều lớn quây quần như đoàn xiếc và các giáo sĩ ngoại nhập khí thế bừng bừng. Hồi ấy nơi này được chăm sóc kỹ hơn, hoặc nếu không cũng bị giẫm đạp nhiều hơn. Các hội chợ rong lấy chỗ dựng rạp bán hàng hay đu quay và buộc lừa ngựa, các đoàn diễu hành nghỉ chân ở đây, rồi tản ra thành từng nhóm picnic. Đây là nơi dành cho mọi dạng tụ tập ngoài trời.

Đây cũng là nơi thường tổ chức Lễ kỷ niệm ngày Lao động Chase và Con trai. Đây là tên chính thức, dù mọi người thường chỉ gọi là buổi picnic nhà máy cốc. Bao giờ cũng là thứ Bảy trước ngày lễ chính thức vào thứ Hai, đi

với bài hùng biện thành khẩn và ban nhạc quân hành cùng băng rôn tự vẽ. Có cả bóng bay và vòng ngựa gỗ, và những trò chơi ngốc nghếch nhưng vô hại: thi nhảy bao bố, cầ n thià trứng chạy đua, chạy tiếp sức dùng cà rốt thay gậy. Các nhóm a cappella lên hát, không đến nỗi dở quá; các đội kèn Hướng đạo tồ te một hai bài; từng tốp trẻ con nhảy điệu Tô Cách Lan hay rập giầy kiểu Ái Nhĩ Lan trên bục gỗ mới dựng nhìn như khán đài quầ n Anh, theo nhạc từ máy hát vận dây cót. Có một cuộc thi Trang Phục Đẹp cho thú cảnh, và một cuộc tương tự cho trẻ sơ sinh. Đồ ăn dọn ra là ngô nướng, xa lát khoai tây và bánh kẹp xúc xích. Hội phụ nữ tương trợ mở quầ n bánh ủng hộ quầ n này quầ n nọ, bày ra nào bánh nướng, bánh quy, bánh ngọt, nào những lọ mứt hay tương và dưa muối, lọ nào cũng đầ n tên riêng: Mứt Thập Cẩm của Rhoda, Mận Ướp của Pearl.

Có những trò đùa nghịch - những trò cợt nhả. Các quầ n không bán gì nặng hơn nước chanh, nhưng đám đàn ông mang theo phích và chai bỏ túi, và đến chậ p tối sẽ có cảnh ẩu đả, hay tiếng la ó và cười hô hố qua những hàng cây, tiếp đó là tiếng nước đánh ồm quanh bờ khi một gã hay một cậu trai nào đó bị quăng xuống với đủ quầ n áo, hoặc có khi thiếu quầ n. Dòng Jogues khúc đó vừa đủ nông nên hầ u như không ai chết đuối. Khi đêm xuống hầ n sẽ có bắn pháo hoa. Vào thời đại hoàng kim của buổi picnic này, hoặc thời đại theo tôi nhớ là hoàng kim, còn có cả nhảy dân vũ kiểu Mỹ, với đàn vĩ cầ n. Nhưng tới cái năm tôi đang nhớ đến đây, tức là 1934, cảnh hội hè đình đám ấy đã xuộ i nhiề u rầ i.

Quầ n ba giờ chiều cha tôi sẽ phát biểu, đứng trên bục người ta vừa nhảy điệu Ái Nhĩ Lan. Lúc nào cũng chỉ là một bài nói ngắn, nhưng vẫn thu hút sự chú ý theo dõi của các ông già; cả giới đàn bà nữa, vì họ hoặc là làm việc cho công ty hoặc có chồ n làm đó. Khi thời buổi dầ n khó khăn, ngay cả đám trai trẻ cũng bắt đầ u lắng nghe; cả những cô gái mặc váy mùa hè, cánh tay để trầ n một nửa. Bài phát biểu không bao giờ nhiề u lời, nhưng phải biết cách đọc ra ẩ n ý. “Có lý do vui mừng” thì tốt, “có cơ sở lạc quan” thì không.

Năm đó trời nóng và khô, cũng đã vậy khá lâu rầ i. Bóng bay không nhiề u như mọi năm, đu quay cũng không có. Ngô đã già, hột nhắ n như da khớp ngón tay; nước chanh lắ n loắ n, bánh kẹp nhắ y mắt đã hết. Tuy thế, vẫn

không có vụ sa thải nào ở Công ty Chase, chưa có. Có cắt giảm sản xuất, nhưng sa thải nhân công thì không.

Cha nói “cơ sở lạc quan” bốn lần, nhưng “lý do vui mừng” không lần nào. Mắt tìm nhau lo ngại.

Ngày bé Laura và tôi thích cuộc picnic này lắm; bây giờ thì không, nhưng việc có mặt đã thành bổn phận. Chúng tôi phải nêu gương. Đi đâu này đã được nhồi vào đầu chúng tôi từ nhỏ: mẹ lúc nào cũng cương quyết phải dự hội, bất kể mẹ có đau yếu đến đâu.

Sau khi mẹ qua đời và Reenie tiếp quản việc cai trị chúng tôi, chị luôn dành thời gian lựa chọn tỉ mỉ trang phục chúng tôi mặc trong dịp này: không được xoàng xĩnh quá, vì sẽ có vẻ khinh thường thiên hạ, như là chúng tôi bất cần biết dân thị trấn nghĩ gì về mình; nhưng cũng không được choáng lộn quá, thế sẽ là giương vây. Đến năm ấy chúng tôi đã đủ lớn tự chọn lấy quần áo cho mình - tôi vừa mười tám, Laura mười bốn rưỡi - dù không còn nhiều lựa chọn như trước. Chưng diện xa xỉ vốn không được tán thưởng trong nhà, dù chúng tôi cũng có những món Reenie gọi là *đẹp*, nhưng gần đây cái từ xa xỉ đã thu lại chỉ bất kỳ đồ gì mới. Buổi picnic này cả hai đều mặc váy yếm xanh da trời và sơ mi trắng có từ hè trước. Laura đội mũ của tôi từ ba mùa trước, còn tôi đội mũ năm ngoái, riêng dải nơ mới thay.

Laura có vẻ không để tâm. Tôi thì có. Tôi nói vậy, và Laura bảo tôi là đùa trêu tục.

Chúng tôi lắng nghe bài nói. (Hoặc ít ra là tôi. Laura tỏ điệu bộ lắng nghe - mắt mở to, đầu nghiêng sang bên chăm chú - nhưng chẳng bao giờ ai biết được nó đang nghe cái gì.) Trước cha lúc nào cũng hoàn thành được bài nói, dù đã uống nhiều đến đâu, nhưng lần này ông vừa đọc vừa ngập ngừng. Cha đưa tờ giấy đánh máy lại sát con mắt lành, rồi kéo lùi ra xa, chăm chú nhìn hoang mang, như nhìn hóa đơn một món hàng ông không nhớ có đặt. Áo quần ông ngày xưa lịch thiệp, rồi sau đó lịch thiệp nhưng dãi dầy, nhưng đến hôm ấy chúng đã gần thành cũ nát. Tóc ông lởm chởm hai bên tai, lâu chưa cắt; trông ông có vẻ phờ phạc - dữ tợn nữa là khác, như một gã cướp đường ở thế cùng.

Sau bài nói, chỉ thấy vài tiếng vỗ tay lấy lệ, mấy người trong số đàn ông tụ lại thành nhóm nhỏ, trao đổi thì thào. Những người khác ngồi dưới bóng cây, trên áo khoác hay chăn trải ra đất, hoặc nằm xuống phủ khăn lên mặt ngủ gà. Chỉ là đàn ông thôi - đàn bà ai nấy đều tỉnh táo, canh chừng. Các bà mẹ đẩy trẻ con ra sông, cho chúng bì bõm ở bãi lầy nhón sỏi. Bên vệ đường một ván bóng chày bụi bặm đã bắt đầu; một luồng xoáy khăn giả và vật đứng xem cạnh.

Tôi ra quầy bánh giúp Reenie. Lần này là gây quỹ gì? Tôi không nhớ được. Nhưng năm nào cũng vậy tôi ra giúp - cái đó đã thành lệ. Tôi bảo Laura cũng nên tới, nhưng nó làm như không nghe thấy và bỏ đi, vành mũ mềm cằn trên tay thông thạo.

Tôi để nó đi. Đáng ra tôi phải trông chừng nó: Reenie chẳng đời nào mất ngủ vì tôi, nhưng Laura theo chị quá cả tin, quá thân mật với kẻ lạ. Bọn buôn người lúc nào cũng rập rình, và Laura là con mồi dễ dụ. Nó sẵn sàng ngồi vào xe lạ, mở cửa không quen, qua đường không biết, và thế là hết, vì nó không biết vạch giới hạn, hoặc ít ra cũng không ở chỗ những người khác vạch, và chẳng thể cảnh cáo nó vì nó không hiểu được lời cảnh cáo. Không phải là nó coi thường luật lệ - chỉ là nó quên.

Tôi đã chán phải trông chừng Laura, mà đằng nào nó cũng chẳng biết ơn. Tôi đã chán phải hứng lấy trách nhiệm từ những cú vấp, những lần thiếu vâng lời của nó. Tôi đã chán hứng trách nhiệm rồi, chấm hết. Tôi muốn đến châu Âu, hay New York, hay là Montreal cũng được - đến hộp đêm, đến dạ hội, đến mọi nơi hấp dẫn kể tên trong tạp chí giao tế của Reenie - nhưng người ta cần tôi ở nhà. *Cần ở nhà, cần ở nhà* - nghe không khác gì án chung thân. Tệ hơn nữa, như nhạc cello hèn. Tôi bị cần tù ở Cảng Ticonderoga, thành trì kiêu hãnh của cúc áo cây nhà lá vườn và quần nịt giá rẻ cho những khách hàng chật túi. Tôi sẽ lên meo ở đây, sẽ không đời nào gặp chuyện gì đáng kể, sẽ thành bà gái già như cô Hung Dữ cho người đời thương hại và giễu cợt. Tận đáy lòng đây là nỗi sợ của tôi. Tôi muốn đi thật xa, nhưng không nhìn ra cách nào đi được. Thỉnh thoảng tôi bắt quả tang mình đang ước bị bọn buôn người bắt cóc, dù không tin chúng có thật. Ít nhất cũng là thay đổi.

Bàn bán bánh nằm dưới tán dù, phủ khăn bàn hay giấy sáp để chặn ruồi vào thức ăn. Reenie đóng góp phần mình bằng bánh nướng, dù chị với cái lò chưa bao giờ hợp ý nhau về món này. Bánh chị làm nhân dính như keo, lại chưa chín, cùi vừa dai vừa dẻo, như bánh đa màu be hay nấm da bò không lồi. Thời buổi tươi sáng thì cũng bán được đấy - mọi người hiểu chúng là đồ tế lễ, không phải đồ ăn - nhưng hôm nay mãi không vơi đi. Tiền thành của hiếm, và nếu bỏ ra người ta muốn thứ gì thực sự ăn được.

Trong lúc tôi đứng bàn, Reenie thì thầm thuật lại những tin mới nhất. Đã có bốn người bị quẳng xuống sông, trong khi trời còn sáng trắng, mà không phải đều là đùa nghịch. Đã có lời qua tiếng lại, chuyện chính trị chính em, Reenie nói; người ta đã gặng giọng. Ngoài trò đẩy sông lếu láo lệ thường, đã thấy có xô xát. Elwood Murray bị quật ngã. Ông ta là chủ nhiệm tờ tuần san, thừa hưởng từ hai thế hệ Murray làm báo: ông ta viết gần hết nội dung, kiêm luôn cả chân chụp ảnh. Đây là may ông ta không bị nhấn nước, nếu không máy ảnh cũng đi luôn, mà nó đã ngốn khá nhiều tiền dù chỉ là đồ mua lại, như Reenie tình cờ biết. Ông ta bị đổ máu mũi, giờ đang ngồi trong bóng râm ôm cốc nước chanh có hai bà xoắn xuýt xung quanh, cầm khăn tay ướt; từ chỗ tôi đứng cũng thấy.

Có phải do chính trị không, cú quật ấy? Reenie không biết, nhưng không ai ưa ông ta nghe ngóng câu chuyện giữa họ. Trong thời buổi sung túc Elwood Murray được coi là thằng khờ, có thể còn là loại Reenie gọi là tám vía - chẳng gì ông ta cũng chưa có vợ, mà ở tuổi ấy thì phải có nguyên nhân chứ - nhưng vẫn được dung thứ và thậm chí cần đến nữa, trong phạm vi nhất định, miễn là ông ta in đủ các tên trong các sự kiện xã giao và không viết sai tên nào. Nhưng giờ không phải thời buổi sung túc, và Elwood Murray tọc mạch quá hóa hại. Người ta không muốn từng đi đâu nhỏ nhặt về mình trưng ra trên giấy trắng mực đen, Reenie nói. Chẳng ai đâu óc bình thường lại đi muốn thế cả.

Mắt tôi bắt gặp cha, đi giữa đám thợ đang vui chơi với bước chân cà nhắc quen thuộc. Đầu ông gật gật cục về phía người này người kia, kiểu gật nhìn như đầu hất về sau gáy hơn là về trước. Miếng băng đen trên mắt hết ngoắt trái lại phải, nhìn từ xa như lỗ xuyên qua đầu. Ria mép ông cong

thành vệt đen duy nhất như chiếc ngà vắt lệch trên miệng, đôi lúc mím vào thành một thứ có lẽ là nụ cười theo ý ông. Hai tay ông lấp trong túi áo.

Bên cạnh cha là một người trẻ hơn, cao hơn một chút, dù khác với ông người này không nếp nhăn cũng chẳng góc cạnh. *Nhấn nhui* là từ đến trong đầu. Người đó đội mũ nan khá diện và bộ vét lạnh nhìn như phát sáng, vì mới sạch tinh tươm. Nhìn là biết ông ta người ngoài thị trấn.

“Ai đi với cha kia?” tôi hỏi Reenie.

Reenie nhìn mà không có vẻ đang nhìn, rồi cười gằn một tiếng. “Đấy là Ngài cao cấp hoàng gia, bằng xương bằng thịt đấy. Hẳn ta quả là to gan.”

“Em cũng đoán là người đó,” tôi nói.

Ngài cao cấp hoàng gia là Richard Griffen, giám đốc Hàng dệt kim cao cấp hoàng gia ở Toronto. Thợ của chúng tôi - của cha - nhạo báng gọi là Cáo cú hoàng gia, bởi ông Griffen không chỉ là đối thủ cạnh tranh chính của cha, mà còn gần như là địch thủ. Ông ta đã lên mặt báo chỉ trích cha nào là quá dễ dãi với dân thất nghiệp, với công cuộc cứu trợ, với bọn cộng nói chung. Lại còn với công đoàn nữa, thật ba vạ hết sức bởi Càng Ticonderoga có công đoàn bao giờ đâu và ai chẳng biết cha không ưa giới đó thế nào. Nhưng giờ không biết vì sao, cha đã mời Richard Griffen dùng bữa tối ở Avilion, sau buổi picnic, và lại rất đột ngột nữa. Chỉ báo trước bốn ngày.

Reenie cảm thấy ông Griffen dùng một cái đã bị tổng vào tay chị. Ai cũng hiểu là với kẻ thù thì phải thết đãi linh đình hơn cả với bạn bè, mà bốn ngày không đủ cho chị chuẩn bị kịp một sự kiện tưng bừng cỡ ấy, nhất là nếu nhớ rằng Avilion đã không có tiệc cho ra tiệc từ thời bà nội Adelia rồi. Ừ thì đúng là Callie Fitzsimmons thỉnh thoảng cũng kéo bạn bè đến chơi cuối tuần đấy, nhưng họ khác, vì đám nghệ sĩ bọn họ có được cái gì thì cũng nên cố mà biết ơn. Thỉnh thoảng có thể bắt được họ trong bếp lúc nửa đêm, tấn công tủ lạnh, vét thức ăn thừa nhồi hết vào xăng uých. *Thùng không đáy*, Reenie gọi họ như thế.

“Tiền hần là tiền mới, phải nói thế,” Reenie khinh bỉ nói, mắt sầm soi Richard Griffen. “Nhìn cái quần điều chưa kìa.” Chị không đời nào tha thứ những kẻ dám chỉ trích cha (nghĩa là những kẻ nào ngoài chị), và rất khinh những kẻ mọc mũi sủi tăm rồi thì bắt đầu chòi mâm son, hay là chòi hơn mức chị cho phép; và ai cũng biết rằng nhà Griffen vốn hạng cùng đinh, hoặc ít ra là đời ông hần. Ông ta ăn nên làm ra nhờ lòng gặt tụi Do Thái, Reenie nói với thái độ khó đoán - liệu đây có phải là chiến tích không, trong mắt chị? - nhưng chính xác là bằng cách nào chị không nói được. (Nói cho công bằng, rất có thể Reenie đã nghĩ ra những vết nhơ ấy cho nhà Griffen. Chị đôi khi gán cho người khác những quá khứ theo chị nghĩ là xứng với họ.)

Đi sau cha và ông Griffen, sóng bước với Callie Fitzsimmons, là một phụ nữ tôi đoán là vợ Richard Griffen: trẻ trẻ, dong dong, thanh lịch, đuôi áo muslin mỏng tang ánh da cam kéo quét đất như hơi nước từ bát xúp cà chua lỏng bông. Cái mũ rộng vành của chị ta màu lá cây, cùng tông với đôi giày quai cao gót và khăn choàng mỏng như khói quấn quanh cổ. Chị ta ăn mặc quá đằm dáng so với buổi picnic. Trong lúc tôi nhìn, chị ta đứng lại nhấc một chân lên, ngoái nhìn qua vai xem có phải có gì dính gót giày không. Tôi mong là có. Tuy thế, tôi nghĩ cũng thật dễ chịu nếu có quần áo đẹp như thế kia, có quần áo thất đức mua bằng tiền mới như thế kia, thay vì thứ quần áo đức hạnh, tồi tàn, xơ chỉ thuộc chế độ kham khổ của chúng tôi thời kỳ này.

“Laura đâu?” Reenie nói, thỉnh linh cảnh giác.

“Em biết đâu,” tôi đáp. Tôi đã nhiễm thói quen quắc lại Reenie, nhất là những khi bị chị sai phái. *Chị không phải mẹ em* đã trở thành miếng đòn hiểm nhất của tôi.

“Cô phải đủ khôn đừng có để cô ấy ra khỏi tầm mắt chứ,” Reenie nói. “*Kẻ nào* cũng có thể đến đây.” *Kẻ nào* là một trong số ba bị chín quai của chị. Không bao giờ biết được có vụ đột nhập nào, vụ chộm chửa hay mưu mô nào *kẻ nào* đó đang toan tính.

Tôi tìm thấy Laura ngồi trên cỏ dưới tán cây, nói chuyện với một người trẻ tuổi - người lớn, không phải thiếu niên - một người ngăm đen, đội cái mũ màu sáng. Kiểu cách của anh ta khó nắm bắt - không phải thợ ở nhà máy thì đúng rồi, nhưng cũng chẳng phải ai, hoặc chẳng phải cái gì xác định. Không đeo cà vạt, nhưng dù sao hôm nay cũng chỉ là picnic. Áo sơ mi xanh, hơi sờn ở vạt. Có vẻ tùy hứng, theo lối vô sản. H ồi đó khá nhiều trai trẻ đang theo một này - khá nhiều sinh viên đại học. Mùa đông họ mặc áo len gì lè, kẻ sọc ngang.

“Hê lô,” Laura nói. “Chị vừa đi đâu thế? Đây là Iris chị tôi, đây là Alex.”

“Chào anh...?” tôi nói. Làm sao mà Laura đã đến lúc gọi tên riêng nhanh vậy?

“Alex Thomas,” người kia nói. Anh ta lễ độ nhưng dè dặt. Anh ta nhồm đứng dậy và chìa tay, tôi bắt tay. Rồi tôi thấy mình đang ngồi xuống cạnh hai người. Xem ra đấy là cách tốt nhất, để bảo vệ Laura.

“Anh từ ngoài thị trấn lại à, thưa anh Thomas?”

“Vâng. Tôi đến thăm người quen ở đây.” Anh ta có vẻ thuộc loại Reenie sẽ gọi là chàng trai *đứng đắn*, nghĩa là *không nghèo*. Nhưng cũng không giàu.

“Anh ấy là bạn Callie đấy,” Laura nói. “Chị ấy vừa ở đây, giới thiệu chúng em với nhau. Anh ấy đi cùng chuyến tàu với Callie.” Nó giải thích hơi nhiều quá mức.

“Em đã gặp Richard Griffen chưa?” tôi hỏi Laura. “Ông ta đi với cha. Cái ông sẽ đến ăn tối ấy?”

“Richard Griffen, tay trùm hút máu mủ công nhân ấy à?” người kia hỏi.

“Alex - anh Thomas biết về Ai Cập cổ đại nhé,” Laura nói. “Anh ấy đang kể cho em về chữ tượng hình.” Nó ngược nhìn anh ta. Tôi chưa bao giờ thấy nó nhìn ai theo kiểu ấy. Giật mình, choáng váng? Cái nhìn ấy khó gọi tên.

“Nghe có vẻ thú vị nhỉ,” tôi nói. Tôi nghe thấy giọng mình phát âm chữ *thú vị* theo kiểu cười mỉa như người ta vẫn làm. Tôi cần tìm cách bảo cho tay Alex Thomas này là Laura mới mười bốn, nhưng không nghĩ ra cách nào khỏi khiến nó phật lòng.

Alex Thomas rút bao thuốc lá trong túi sơ mi - Craven A, như tôi nhớ. Anh ta ấn ra một điếu cho mình. Tôi hơi bất ngờ thấy anh ta hút thuốc cuộn sẵn - nó không đi với cái sơ mi. Thuốc lá hộp thuốc loại hàng xa xỉ: thợ ở nhà máy vẫn tự cuộn thuốc lấy, nhiều người bằng một tay.

“Cám ơn, tôi xin nhận,” tôi nói. Trước nay tôi mới hút có vài điếu, tất cả đều lén lút, nhón trộm trong hộp bạc để trên nắp dương c ần. Anh ta nhìn tôi h ồi lâu, có lẽ đúng là đi đầu tôi dự định, rồi đưa bao thuốc mời. Anh ta đánh lửa bằng ngón cái, giữ que diêm cho tôi.

“Anh không nên làm thế,” Laura nói. “Anh sẽ tự đốt cháy mình mất thôi.”

Elwood Murray xuất hiện trước mặt chúng tôi, đã lại thẳng lưng và hớn hởi. Ngực áo vẫn còn ẩm và phớt những vết h ồng, chỗ nào các bà đắp khăn ướt tìm cách lau sạch máu; vành trong cánh mũi ông ta vì ền màu đỏ thẫm.

“Chào ông, ông Murray,” Laura nói. “Ông không sao chứ?”

“Mấy cậu trai hơi quá đà một chút ấy mà,” Elwood Murray đáp, như ngưng ngưng thú nhận mình vừa trúng giải thưởng nào đó. “Chỉ là đùa cho vui thôi. Xin phép?” Rồi ông ta chụp một cú bằng cái máy ảnh có flash. Ông ta luôn nói *Xin phép* trước khi chụp ảnh đăng báo nhưng không bao giờ đợi nghe trả lời. Alex Thomas giơ tay lên như định chặn ông ta lại.

“Tôi có quen hai cô nương xinh đẹp này, tất nhiên,” Elwood Murray nói với anh, “nhưng xin hỏi tên anh?”

Reenie đã thành linh đứng bên. Mũ chị đội lệch, mặt đỏ phừng và thở dốc. “Cha các cô đi tìm khắp nơi,” chị nói.

Tôi biết là không phải thế. Mặc lòng, Laura và tôi vẫn phải đứng lên khỏi bóng cây và vượt phẳng váy mà đi theo chị, như đôi vịt con bị lừa.

Alex Thomas vẫy tay chào. Theo kiểu nhạo báng, hoặc là tôi nghĩ thế.

“Các cô không khôn được à?” Reenie nói. “Ngả ngốn trên cỏ với một gã Chúa biết được là ai. Mà lạy Chúa, Iris, cô vút ngay điếu thuốc ấy đi cho, cô không phải dân lang thang. Cha cô nhìn thấy thì sao?”

“Cha hút thuốc như đầu máy xe lửa,” tôi nói, hy vọng giọng mình đủ hỗn xược.

“Cha cô khác,” Reenie nói.

“Anh Thomas,” Laura nói. “Anh Alex Thomas. Anh ấy là sinh viên thần học đấy. Hoặc là cho tới gần đây,” nó tỉ mỉ đính chính. “Anh ấy đã đánh mất đức tin. Lương tâm không cho phép anh ấy tiếp tục.”

Lương tâm của Alex Thomas hẳn nhiên đã gây ấn tượng ghê gớm với Laura, nhưng không nước non gì với Reenie. “Thế bây giờ hẳn ta làm cái gì, hừ?” chị hỏi. “Một trò mờ ám nào đấy, nếu không cứ chặt cổ tôi đi. Nhìn đã thấy hẳn gian xảo.”

“Anh ta có gì xấu?” tôi hỏi Reenie. Không phải tôi ưa người đó, nhưng rõ ràng anh ta đang bị tuyên án mà không được quyền bào chữa.

“Hắn ta có gì tốt thì đúng hơn,” Reenie đáp. “Lăn lê bò toài trên cỏ cho cả thiên hạ cùng nhìn.” Chị đang nói với tôi hơn là với Laura. “May mà cô cũng đã giắt kỹ váy.” Reenie thường nói con gái ng ẩ một mình với đàn ông phải kẹp được đồng xu giữa hai gối. Chị luôn sợ người ta - đàn ông - sẽ nhìn được chân chúng tôi, bên trên đầu gối. Những cô nào để đi đầu đó xảy ra, chị sẽ bảo: *Màn kéo rồi, bao giờ diễn đây?* Hoặc, *Chả khác đang treo biển*. Hoặc, độc địa hơn nữa, *Cô ta cố tình mời gọi, cô ta đáng nhận được thứ sắp đến*, hoặc tệ nhất, *Cô ta là một tai họa đang chờ xảy ra*.

“Chúng em đâu có lăn,” Laura nói. “Làm gì có đ ầu.”

“Lăn hay không lăn, cô cũng hiểu tôi nói gì,” Reenie nói.

“Chúng em không làm gì cả,” tôi nói. “Chúng em chỉ nói chuyện thôi.”

“Vấn đề không phải ở đó,” Reenie nói. “Người ta sẽ nhìn.”

“Lần sau có không làm gì chúng em cũng sẽ rúc trong bụi,” tôi nói.

“Mà hấn ta là ai chứ?” Reenie hỏi, như chị vẫn thường mặc kệ mỗi khi tôi ngỗ ngược trực diện, bởi đến lúc này chị không còn làm gì được nữa. *Hấn ta là ai nghĩa là Cha mẹ hấn là ai.*

“Anh ấy m òcôi,” Laura nói. “Anh ấy được nhận làm con nuôi, từ trại trẻ. Vợ chồng một giám mục Trưởng lão nhận anh ấy về.” Từng ấy thời gian mà nó đã moi được thông tin đó từ Alex Thomas thì đúng là nhanh kỷ lục, nhưng đấy là một trong những biệt tài của nó, nếu có thể dùng từ ấy - nó cứ hỏi liên hỏi tiếp, những câu hỏi riêng tư chúng tôi đã được dặn là rất bất lịch sự, cho đến lúc người kia, vì ngượng hay tức giận, sẽ buộc phải ngừng trả lời.

“M òcôi!” Reenie kêu lên. “Vậy hấn ta có thể là bất kỳ ai!”

“M òcôi thì có gì xấu?” tôi nói. Tôi biết họ có gì xấu trong mắt Reenie: họ không biết cha mình là ai, nghĩa là họ không đáng tin cậy, nếu không muốn nói thẳng thừng là sa đọa. *Để trong cống rãnh* là cách Reenie miêu tả. *Để trong cống rãnh, vớt lại bậc cửa.*

“Không thể tin được chúng,” Reenie nói. “Chúng lu ãn lách tìm đường vào. Chúng không biết giới hạn.”

“Được rồi, đằng nào,” Laura nói, “em cũng đã mời anh ta đến ăn tối.”

“Giờ thì sẽ cần bánh quy mạ vàng đây,” Reenie đáp.

NGƯỜI BAN TẶNG BÁNH MÌ

Cuối vườn có một cây mận dại, bên kia hàng rào. Cây đã già lụ khụ, thân vặn vẹo, cành gồnhững đốt đen. Walter bảo phải hạ nó xuống, nhưng tôi nhận xét rằng chính xác mà nói, nó không thuộc quyên tôi. Dù gì tôi cũng khá ưa cái cây đó. Mùa xuân nào nó cũng ra hoa, không ai hỏi, chẳng ai chăm; đến cuối hè mận rụng đầy vào trong vườn, những quả tròn tròn nhỏ nhỏ xanh xanh vẫn còn dính lông tơ ở trên như bụi. Hào phóng quá. Tôi nhặt lúa gạo gió sáng nay - vài quả ít ỏi phần tôi sau khi sóc chĩnh và ong vò vẽ say mật đã chén đầy - và tọng đầy mồm, thịt quả đập chảy nước, vấy đỏ cảm như máu. Tôi không nhận ra tới lúc Myra mang suất cá ngừ hân thường lệ ghé qua. *Trời đất ơi*, cô nói, tiếng cười ngật nghẻo lú rú như chim. *Bà vừa đánh nhau với ai thế?*

Tôi nhớ bữa tối lễ Lao động ấy đến từng chi tiết, vì đó là lần duy nhất trên đời tất cả chúng tôi ngồi chung một phòng.

Cuộc đánh chén vẫn đang tiếp diễn ở Bãi Trại, nhưng đã chuyển sang dạng nói chung không nên quan sát ở tầm gần, bởi món rượu rẻ tiền lén chuyền tay hiện đang vào hết công suất. Laura và tôi đã về giữa chừng, giúp Reenie chuẩn bị nấu nướng.

Việc nấu nướng đã diễn ra được vài ngày rồi. Ngay khi nghe thông báo về bữa tiệc, Reenie đã lục tìm cuốn sách nấu ăn duy nhất của chị, *Sách dạy nấu ăn của trường đầu bếp Boston*, tác giả Fannie Merritt Farmer. Nói cho đúng thì không phải sách của chị: nó thuộc sở hữu của bà nội Adelia, để bà tham khảo - cùng với các đời đầu bếp của bà, tất nhiên - khi lên kế hoạch những bữa tối mười hai món. Reenie đã thừa hưởng cuốn sách, dù không dùng cho ăn uống ngày thường - thường ngày mọi thứ đều viết sẵn trong đầu chị rồi, theo chị nói. Nhưng dịp này cần những món cầukỳ.

Tôi đã đọc cuốn này, hay ít nhất có liếc qua, trong thời kỳ còn đang lãng mạn hóa bà nội. (Lúc này tôi đã chừa thói ấy rồi. Tôi biết nếu còn sống bà sẽ ngáng trở tôi, như Reenie và cha đã ngáng trở tôi, và chắc là cả mẹ nữa,

nếu mẹ chưa chết. Mục tiêu cả đời của mọi người lớn là ngáng trở tôi. Họ sống không nhằm đi đâu gì khác.)

Cuốn sách nấu ăn có một cái bìa đơn giản, màu vàng tương nghiêm nghị, và bên trong cũng là những chỉ dẫn đơn giản. Fannie Merritt Farmer có một văn phong thực tế hết cỡ - công thức khô khan theo lối New England. Bà giả định hiểu biết của người đọc là zero, và cũng bắt đầu từ zero: “Thức-uống là mọi thứ đồ dùng để uống. Nước là thức-uống do Thiên-nhiên đem lại cho con người. Mọi thức-uống đều chứa tỷ-lệ nước cao, bởi thế cần đánh-giá công-dụng của chúng là: I. Để giải-khát. II. Để cung-cấp nước cho hệ tuần-hoàn. III. Để đi-đều-tiết-nhiệt-độ cơ-thể. IV. Để hỗ-trợ bài-tiết nước. V. Để cấp dinh-dưỡng. VI. Để kích-thích hệ thần-kinh và các cơ-quan khác. VII. Dùng vào các mục-đích dược-lý,” vân vân và vân vân.

Ngon miệng và hưởng thụ không nằm trong danh sách của bà, nhưng ở đâu sách có một đề từ khá ngộ của John Ruskin:

Nấu ăn là bí-quyết của Medea và Circe và Helen và nữ-hoàng Sheba. Đó là tri-thức về mọi loại thảo-dược và hoa quả, dầu thơm và hương-liệu, về mọi đồ dùng chữa thương hay ngọt miệng trên đồng lúa rừng cây và mọi vẻ thơm ngon trong thịt. Đó là đức cẩn-trọng kết-hợp với tính sáng-tạo và sự sẵn-sàng cũng như háo-hức khi thực-hành. Đó là môn kinh-tế của bà nội bạn và cũng là môn khoa-học của nhà hóa-học hiện-đại; đó là thử-nghiệm mà không lãng-phí; đó là tính thấu-đáo Anh-cát-lợi hòa-hợp với nghệ-thuật Pháp-lang-sa hay lòng hiếu-khách Ả-rập; nói gọn lại, đó là yêu-cầu bạn phải sẵn-sàng và hoàn-hảo trong vai-trò một phu-nhân - người ban tặng bánh mì.

Tôi thấy khó hình dung nàng Helen thành Troy chụp tạp dề tay áo xắn đến khuỷu hay má lấm chấm bột; và cứ theo những gì tôi biết về Circe hay Medea, thứ duy nhất họ quấy trong nồi là độc dược, để đầu độc con vua hay biến đàn ông thành lợn. Còn về nữ hoàng Sheba, tôi ngờ có bao giờ bà động tay dù chỉ để nướng một lát bánh mì. Tôi không biết ông Ruskin lấy đâu ra những ý tưởng lập dị kiểu này - cả về các quý phu nhân lẫn nghề nấu nướng. Tuy thế, hình ảnh đó chắc đã có sức quyến rũ ghê gớm với các phụ nữ trung lưu ở thế hệ bà tôi. Họ cần phải giữ tư thái nghiêm trang, cao

vời, vương giả nữa càng tốt, cất giấu trong đầu những công thức bí truyền mà chết chóc, đủ sức khơi gợi những ham muốn cháy bỏng nhất ở đàn ông. Trên hết, phải sẵn sàng và hoàn hảo trong vai trò một phu nhân - người ban tặng bánh mì. Người phân phát của từ bi độ lượng.

Có ai trên đời thật lòng tin tưởng những thứ này không? Có bà tôi. Chỉ cần nhìn những bức chân dung bà - nhìn nụ cười con mèo đang nuốt con hoàng yến, nhìn hàng mi rợp. Bà nghĩ mình là ai - nữ hoàng Sheba chắc? Hẳn nhiên.

Khi chúng tôi từ chỗ picnic về, Reenie đang bận lên trong bếp. Trông chị không có chút nào giống Helen thành Troy: dù đã chuẩn bị từ mấy ngày hôm nay, chị vẫn cuống quýt và cực kỳ gắt gỏng; mồ hôi lã chã, tóc xõ ra. Chị nói chúng tôi có gì thì phải chịu nấy thôi, nếu không chúng tôi còn muốn gì nữa, chị không phải ba đầu sáu tay và không thể may ví lụa bằng tai lợn. Lại còn một suất bổ sung nữa chứ, đúng giờ chót, cho cái gã Alex này, dù hẳn có tự xưng là gì nữa. Chắc hẳn là Alex đại ca, cứ nhìn là biết.

“Anh ấy xưng tên,” Laura nói. “Cũng như mọi người thôi.”

“Hắn ta không cũng như mọi người,” Reenie đáp. “Cô xem dáng bộ hắn thì rõ. Hắn ta chắc hẳn là một gã da đỏ con lai nào đấy, hoặc là dân di gan. Rõ ràng là hắn không mọc từ luống rau muống nhà chúng mình.”

Laura không nói gì. Thường thì nó không biết thế nào là ăn năn hối lỗi, nhưng lần này cũng có hơi cắn rứt vì đã cao hứng mời Alex Thomas. Nhưng nó cũng không thể hủy lời mời, như nó nhận xét - như thế không chỉ là khiếm nhã mà là nghìn lần khiếm nhã. Mời là mời, dù người được mời có là ai.

Cha cũng biết vậy, dù còn xa mới hài lòng: Laura đã vượt mặt ông tiếm quyền chủ nhà, và chẳng mấy chốc nó sẽ mời hết lũ trẻ mồ côi và vô gia cư hay sa cơ lỡ vận về quanh bàn như ông là Hiên vương Wenceslas cho xem. Những đợt cao hứng nhà tu kiêu đó cần kiên chế lại, ông nói; ông không mở bếp tế bần.

Callie Fitzsimmons tìm cách xoa dịu ông: Alex không thuộc dạng người sa cơ lỡ vận, chị ta cam đoan. Thì đúng, chàng trai này không có việc làm kể tên ra được, nhưng anh ta có vẻ có ngu ần thu nhập, hoặc ít ra cũng chưa có đi ầu tiếng nào cho thấy anh ta xỏ mũi ai. Ngu ần thu nhập đó có thể là gì? cha hỏi. Callie biết chết li ền: về chuyện này Alex câm như hến. Có thể là cướp nhà băng, cha nhấn giọng mỉa mai. Không hề, Callie đáp; mà chưa kể, mấy người bạn chị ta cũng biết Alex. Cha nói đi ầu này không loại trừ đi ầu kia. Đến lúc này ông đã chuyển sang cay độc với giới nghệ sĩ. Quá nhi ều người nêu mãi vấn đề chủ nghĩa Mác và quy ền công nhân và buộc tội ông bòn rút nông dân, giọt nước tràn ly r ồi.

“Alex an toàn lắm. Chẳng qua là một cậu thanh niên thôi,” Callie nói. “Cậu ta chỉ nhập hội cùng cho vui ấy mà. Chỉ là chiến hữu thôi.” Chị ta không muốn cha tưởng nhầm - rằng Alex Thomas có thể nào là bạn trai chị ta, như một địch thủ.

“Em giúp gì được không?” Laura hỏi, trong bếp.

“Tôi ghét nhất,” Reenie nói, “là có thêm con sâu nữa trong n ồi canh. Tôi chỉ yêu cầu cô một đi ầu là tránh xa khỏi vương và đừng đánh đổ thứ gì. Iris giúp được r ồi. Ít ra cô ấy cũng không vụng thối vụng nát.” Reenie lúc nào cũng nghĩ được giúp chị là một đặc ân: chị vẫn còn cái Laura, và muốn đẩy nó ra rìa. Nhưng trừng phạt Laura kiểu này chỉ vô ích. Nó lấy mũ đi nắng, ra ngoài đi vãn vợ quanh bãi cỏ.

Một phần công việc giao cho tôi là sắp hoa cắm bàn, cả xếp chỗ ng ồi nữa. Hoa thì tôi đã cắt ít cúc gỗ bên hàng rào - gần như toàn bộ những gì còn sót lại mùa đó. Còn chỗ ng ồi tôi đặt Alex Thomas cạnh tôi, bên kia là Callie và Laura ở góc trong cùng. Như thế, tôi nghĩ, anh ta sẽ bị cô lập, hoặc ít ra là Laura bị.

Laura và tôi không có váy tiệc tối đàng hoàng. Nhưng váy thì chúng tôi có. Hai chiếc váy nhung xanh thẫm mọi khi, giữ từ h ồi chúng tôi còn nhỏ, đã hạ gấu và khâu đè dải ruy băng đen lên che mép gấu đã sờn. Ngày trước còn có cổ ren trắng, và váy Laura giờ vẫn còn; tôi đã gỡ bỏ ren, cho hở cổ rộng hơn. Cả hai bộ đều đã chật, hoặc ít ra là váy tôi; váy Laura cũng thế,

ngĩ cho kỹ. Laura đúng lệ thì chưa đủ tuổi dự một buổi tiệc tối thế này, nhưng Callie bảo bắt nó ng ỉ một mình trong phòng thì ác quá, nhất là khi nó đã đích thân mời một vị trong số khách. Cha đáp ông nghĩ thế cũng phải. R ỉ ông nói mà dù sao, vì nó giờ đã lớn bỗng như cỏ, trông nó cũng ngang cỡ tuổi tôi. Khó biết được ý ông là bao nhiêu. Ông chưa bao giờ nhớ hết những ngày sinh nhật.

Đúng giờ hẹn khách khứa họp lại trong phòng khách nhấp sherry, tiếp rượu là một người chị họ không ch ồng của Reenie tuyền vào riêng cho hôm nay. Laura và tôi không được phép uống sherry, hay rượu vang nói chung trong bữa tối. Laura không thấy bất bình vì bị chừa ra, nhưng tôi thì có. Reenie vềhùa với cha, nhưng chị vốn đã là người bài chất men r ỉ. “Môi nào đựng rượu thì đừng hòng đựng môi tôi,” chị thường nói, khi dốc tuột cặn thừa trong các ly xuống bồn rửa. (Nhưng vềchuyện này thì chị nh ầm: chưa đầy một năm sau bữa tiệc tối nay, chị đã cưới Ron Hincks, một tửu đ ồ nước danh thời còn ngang dọc. Myra, nhớ đi ầu này nếu cô đang đọc đến đây: trước khi được Reenie đeo thành trụ cột của cả cộng đ ồng, ba cô là một bọm nhậu có tiếng.)

Chị họ của Reenie hơn tuổi chị, lồi thoi đến phát gớm lên được. Chị ta mặc váy đen tạp d ề trắng, theo đúng phép tắc, nhưng đi tất xù nâu lũng thùng, và hai bàn tay nhìn rất mất vệ sinh. Ban ngày chị ta làm ở hiệu tạp hóa, một trong các việc là đóng khoai vào túi; thứ nhỏ đó khó mà cọ sạch.

Reenie đã làm bánh khai vị có ô liu xắt lát, trứng luộc và dưa bao tử, lại thêm bánh pho mát viên nướng, không thành công như mong đợi. Tất cả bày trên một đĩa phẳng thuộc loại đẹp nhất của bà nội Adelia, đ ồ sứ vẽ tay nhập từ Đức, mẫu đơn đỏ thắm giữa cành lá bằng vàng. Một miếng khăn ren lót trên đĩa, chính giữa là chén hạnh nhân muối, bánh khai vị xếp tròn xung quanh như cánh hoa, cái nào cũng tua tủa tằm. Chị họ Reenie xĩa chúng vào mặt khách rất thành linh, g ần như nạt nộ, cứ như dọa cướp.

“Món này trông như nhiễm khuẩn ấy nhỉ,” cha nói bằng cái giọng mai mỉa đến lúc này tôi đã nhận ra là che giấu cơn tức giận. “Tốt hơn xin kiêu kẻo hối vềsau.” Callie cười, nhưng Winifred Griffen Prior đã nh ả nhận nhón một viên pho mát lên cho vào miệng cái lối phụ nữ vẫn làm nếu không

muốn hồng môi son - môi dầu ra trước, như cái phễu - và nói món này thật là *thú vị*. Chị họ Reenie đã quên khăn giấy, khiến Winifred loay hoay với những ngón tay nhờn mỡ. Tôi hiếu kỳ theo dõi xem chị ta sẽ liếm hay chùi vào áo, hay có thể là xô pha nhà tôi, nhưng lại nhìn đi chỗ khác không đúng lúc nên lỡ mất thời điểm. Trực giác mách tôi là xô pha.

Winifred không phải là vợ Richard Griffen (như tôi tưởng), mà là em gái. (Chị ta có chồng, ở góa, hay đã ly dị? Không rõ nữa. Chị ta dùng tên riêng sau chữ “bà”, như thế có phần xúc phạm tới cựu đức ông chồng, nếu quả thật ông ta là “cựu”. Ít khi nghe nhắc đến ông này và không bao giờ thấy mặt, mà cứ theo lời kể thì ông ta có rất nhiều tiền, và lúc nào cũng đang “đi xa”. Sau này, khi Winifred và tôi không còn nhìn mặt nhau nữa, tôi thường chế ra đủ loại chuyện về Prior phu quân: Winifred đã đem nhồi bông ông ta rồi cất trong hộp các tông bỏ đầy băng phiến; hoặc chị ta và tay tài xế đã bịt hân nhất ông ta để ăn chơi trác táng, về những trò trác táng chắc cũng không trạch nhieu, dù phải công nhận Winifred có làm gì thuộc loại đó thì chị ta cũng giữ kín đáo. Chị ta biết cách chùi mép - cũng là một đức tính, tôi nghĩ vậy.)

Tối hôm ấy Winifred mặc váy dài màu đen, kiểu đơn giản nhưng thanh lịch đến choáng người, càng nổi bật nhờ chuỗi ngọc trai quấn ba vòng quanh cổ. Đeo trên tai là hai chùm nho tí xíu, cũng ngọc trai nhưng cành lá bằng vàng. Callie Fitzsimmons, ngược lại, ăn mặc xuề xòa một cách cố ý. Mấy năm nay chị ta đã bỏ hết váy thụng màu lộng lẫy và nghệ tây, bỏ những mẫu vẽ kiêu dân Nga táo bạo, bỏ cả đót xì gà. Bây giờ chị ta chọn quần vải làm đồ mặc ban ngày, đi với áo len cổ chữ V, sơ mi tay dài xắn lên; chị ta cũng đã cắt tóc ngắn, và cắt tên chỉ còn có Cal.

Chị ta đã từ bỏ các tượng đài chiến sĩ trận vong; bây giờ không còn nhiều nhu cầu loại ấy nữa. Bây giờ chị ta làm phù điêu về dân thợ và dân cày, và dân chài mặc áo chống thấm nước, và dân da đỏ đánh bẫy thú, và các bà mẹ tạp dề vắt vẻo nhể nhể bên hông, tay che mắt nhìn lên mặt trời. Khách hàng duy nhất còn có tiền đặt những thứ đó là các hãng bảo hiểm và nhà băng, những kẻ hẳn nhiên muốn đắp chúng lên mặt tiền để tỏ ra mình bắt kịp thời đại. Đến là nản lòng phải làm việc cho lũ tư bản phò phang ấy, Callie nói, nhưng cái chính là thông điệp được truyền tải, và ít nhất ai đi

qua các loại nhà băng ấy trên phố cũng sẽ được ngắm những phù điêu, không mất một xu. Nghệ thuật dành cho qu'ần chúng, chị ta bảo.

Chị ta nuôi ý nghĩ có thể cha sẽ có cách giúp đỡ - giúp chị ta thêm vài đơn hàng từ các nhà băng. Nhưng cha lạnh nhạt bảo ông và giới nhà băng bây giờ không còn tay bắt mặt mừng với nhau nữa.

Dự tiệc tối nay chị ta mặc váy len màu như áo bảo hộ - *taupe* là tên màu đó theo như chị ta bảo chúng tôi, xuất xứ tiếng Pháp nghĩa là *chuột chũi*. Khoác lên người bà nào khác sẽ trông như cái bị lòng thòng dính tay áo và thắt lưng, nhưng Callie biết cách làm nó thành ra đỉnh cao, không phải của thời trang hay phong cách - cái váy đã ám chỉ những thứ đó không đáng bận tâm - mà của cái gì đó dễ bị bỏ qua nhưng bén nhọn, như là một món đồ làm bếp t'ần thường - que xỏ đá chẳng hạn - ngay trước vụ giết người. Mặc vào người, cái váy là một nắm đấm giơ lên, nhưng giữa đám đông nín lặng.

Cha mặc áo đuôi tôm tiệc tối, giấu những nếp nhăn. Richard Griffen mặc tương tự, không một nếp. Alex Thomas mặc áo khoác nâu và qu'ần dài xám, khá bức bí trong thời tiết này; thêm cà vạt nữa, chấm đỏ trên nền lam. Sơ mi của anh màu trắng, cổ c'ần quá rộng. Đồ anh mặc trông như đồ đi mượn. Rõ ràng, anh ta đâu có nghĩ sẽ được mời ăn tối.

“Căn nhà dễ thương quá,” Winifred Griffen Prior nói với nụ cười sắp sẵn, khi tất cả bước vào phòng ăn. “Nó được... được giữ gìn thật tốt. Cửa kính màu thật tuyệt - thật *fin de siècle!* Cứ như sống giữa viện bảo tàng!”

Ý chị ta là *lạc hậu*. Tôi thấy tủi hổ: tôi vẫn nghĩ các cửa sổ này rất đẹp. Nhưng tôi cũng thấy phán xét của Winifred là phán xét của thế giới bên ngoài - thế giới am hiểu những chuyện kiểu này và theo đó mà phán xử, thế giới tôi vẫn khát khao muốn chết được dự vào. Lúc này tôi thấy mình mới lạc lõng với nó làm sao. Mới quê mùa, mới thô lậu biết mấy.

“Đây là những mẫu vật đặc biệt đẹp,” Richard nói, “của thời đại đó. Ván ốp tường cũng thuộc loại chất lượng cao.” Bất chấp thái độ quan tòa và giọng điệu hạ cố, ông ta làm tôi thấy biết ơn: lúc ấy tôi chưa hiểu ông ta

chỉ đang kiểm hàng. Ông ta giỏi nhận ra đâu là một tri ều đại đến h ời tàn: ông ta biết chúng tôi sắp bị đem rao bán, chẳng chóng thì ch ầy.

“Khi nói *bảo tàng*, ý bà nói là bụi bặm?” Alex Thomas hỏi. “Hoặc có lẽ ý bà là *lỗi thời*.”

Cha cau mày. Winifred, của đáng tội, cũng biết đỏ mặt.

“Cậu không nên ăn hiếp kẻ yếu hơn,” Callie nói với giọng hài lòng cố giầu.

“Tại sao không?” Alex hỏi. “Ai cũng làm thế cả.”

Reenie đã làm tới bến khi soạn thực đơn, hoặc là tới bến nào sức nhà còn lo được vào thời điểm ấy. Nhưng chị đã vung muôi quá trán. Xúp Giả Hải Sản, Cá rô Kiệu Provence, Gà H ần Providence tu ần tự tới, từng món một, theo nhau xuất hiện không cách gì ngăn được, như thủy tri ều, hoặc như ngày tận thế. Xúp có vị thiếc, gà nhai như bột, sau khi đã quá lửa r ồi quắt lại cứng như đá. Cảnh tượng có phần bất nh ả: từng ấy người trong cùng một căn phòng, quai hàm hoạt động thật đ ăm chiêu và cật lực. Cần phải gọi là nghi ền, chứ không phải ăn.

Winifred Prior đang g ầy thức ăn vòng quanh đĩa như chơi đô mi nô. Tôi thấy căm giận chị ta: tôi quyết chí sẽ ăn hết mọi thứ, nhai nát cả xương. Tôi sẽ không phụ lòng Reenie. Như những ngày xưa, tôi nghĩ, chị sẽ không bao giờ lâm vào thế kẹt này - bị tóm bất ngờ, hiện nguyên hình, và cũng khiến chúng tôi lộ nguyên hình t úng thiếu. Như những ngày xưa người ta sẽ gọi đầu bếp chuyên nghiệp.

Bên cạnh tôi, Alex Thomas cũng đang làm bốn phận. Anh ta cưa lấy cưa để như cả cuộc đời phụ thuộc vào đó; miếng gà kêu kin kít dưới lưỡi dao. (Cũng không phải Reenie biết ơn lòng tận tụy của anh. Chị để ý kỹ ai ăn những gì, cái đó tôi chắc. *Gã Alex tr ời biết tên gì ấy rõ ràng là ăn như rồng cuốn mà*, chị nhận xét vậy. *Cứ như vừa bị bỏ đói trong hầm.*)

Trong hoàn cảnh ấy, chuyện trò chỉ được ch ằng hay ch ợt. Tuy thế cũng có chút lắng lại sau đĩa pho mát - Cheddar quá non và dẻo, pho mát kem thì

quá già, pho mát xanh mùi quá nồng - cho chúng tôi nghỉ miệng và đánh giá, và nhìn một vòng xung quanh.

Cha quay con mắt xanh duy nhất sang Alex Thomas. “Thế nào, chàng trai,” ông nói, bằng giọng có lẽ ông nghĩ là thân thiện, “cơn gió nào đã đưa anh đến thành phố xinh đẹp của chúng tôi?” Ông nói chuyện như một vị tộc trưởng trong một vở kịch cổ hủ thời Victoria. Tôi nhìn xuống bàn.

“Tôi đến thăm vài người bạn, thưa ngài,” Alex nói, khá lễ độ.

(Rồi chúng tôi sẽ nghe Reenie, sau đó, phán về cái lễ độ của anh. Trẻ mồ côi luôn lễ phép vì phép tắc đã được nhồi bằng gậy vào đầu chúng, trong trại trẻ. Chỉ có trẻ mồ côi mới tự tin được thế, nhưng cái vẻ vững vàng bên ngoài che giấu tính khí thù hận - bên trong, chúng cười khẩy vào tất cả mọi người.Ồ, chúng thù hận là phải, cứ xem chúng đã bị lừa đẩy đi thế nào. Phần lớn bọn vô chính phủ và bất cóc trẻ con vốn không bố không mẹ.)

“Con gái tôi nói anh đang chuẩn bị thi vào giáo hội,” cha nói. (Cả Laura lẫn tôi đều không nói lời nào về chuyện đó - hẳn là Reenie, và cũng tự nhiên là, hoặc do ác ý mà, chị đã có chút nhần lẫn.)

“Trước thì có, thưa ngài,” Alex nói. “Nhưng tôi đành thôi. Chúng tôi đến lúc hết tâm đầu ý hợp.”

“Thế còn bây giờ?” cha hỏi, ông đã quen những câu trả lời cụ thể.

“Bây giờ tôi sống nhờ đầu óc,” Alex nói. Anh ta mỉm cười, tỏ vẻ nhún nhún.

“Vậy chắc khó sống,” Richard lẩm bầm và Winifred cười phá lên. Tôi khá ngạc nhiên: tôi không nghĩ ông ta biết đùa kiểu ấy.

“Chắc hẳn ý anh ta là một phóng viên,” chị ta nói. “Một gã do thám ngổ ngáo giữa chúng ta!”

Alex lại mỉm cười, không nói gì. Cha cau mày. Cứ theo ông hiểu, phóng viên là loại giò bọ. Loại người này không chỉ dối trá, chúng còn rình mò

những thống khổ của người khác - *ruồi bâu xác thối* là cách ông gọi chúng. Tuy ông có dành ngoại lệ cho Elwood Murray, bởi gia đình quen thân. *Buôn dưa lê* là từ thậm tệ nhất ông dành cho Elwood.

Sau đó câu chuyện bàn ăn chuyển sang tình hình chung - chính trị, kinh tế - theo thói thường hằng ấy. Càng lúc càng tệ, đấy là ý kiến của cha; sắp sang trang mới, là theo Richard. Khó mà biết phải nghĩ gì, Winifred nói, nhưng chị ta hy vọng người ta có thể giữ chắc dây cương.

“Giữ cương cái gì ạ?” Laura hỏi; câu đầu tiên từ đầu bữa tối giờ. Cứ như cái ghế đột ngột biết nói.

“Những rối loạn xã hội có thể đến,” cha nói, bằng cái giọng quở trách ý bảo nó không được nói gì thêm nữa.

Alex bảo anh ta không nghĩ thế. Anh ta vừa ở trại về, anh ta nói.

“Trại à?” cha nhắc lại vẻ bối rối. “Trại gì?”

“Trại cứu trợ, thưa ngài,” Alex nói. “Trại khổ sai của Bennett, mở cho dân thất nghiệp. Mười giờ một ngày, đồng lương chết đói. Các anh em ở đó không hào hứng gì - như tôi thấy thì họ đang nóng ruột.”

“Ăn mày thì không thể đòi xôi gấc,” Richard nói. “Còn hơn là bám đường tàu. Chúng nó được ba bữa một ngày, thế là nhiều hơn một người thợ nuôi một gia đình rồi, và tôi nghe nói thức ăn ở đấy không tồi. Lẽ ra chúng phải lấy đó làm biết ơn, nhưng cái giống đó chẳng bao giờ biết.”

“Họ không phải ‘giống’ gì cả,” Alex nói.

“Chúa tôi, đây có một gã cọng xa lông này,” Richard nói. Alex nhìn xuống đĩa.

“Nếu cậu ấy là cọng xa lông thì tôi cũng vậy,” Callie nói. “Nhưng tôi nghĩ không cần phải là cọng thì mới nhận ra rằng...”

“Lúc này em làm gì ngoài đó thế?” cha ngắt lời chị ta. (Ông và Callie dạo này cãi cọ suốt. Callie muốn ông ủng hộ phong trào công đoàn. Ông nói Callie muốn hai còng hai bằng năm.)

Đúng lúc đó món kem *bombe glacée* xuất hiện. Lúc này chúng tôi đã có tủ lạnh chạy điện - mua được ngay trước khi phố Wall sụp - và Reenie, dù vẫn nghi ngờ cái ngăn chạy đá, đã khiến nó thành đặc dụng buổi tối hôm nay. Quả cầu kem hình thù như bóng bầu dục, màu xanh lá cây sáng và cứng như đá lửa, đã chiếm hết chú ý của mọi người mất một lúc.

Giữa lúc dọn cà phê thì pháo hoa bắt đầu bắn, từ phía Bãi Trại. Mọi người ra cả cầu tàu đứng xem. Cảnh nhìn từ đó khá đẹp, không chỉ thấy pháo trên trời mà cả phản chiếu trên mặt sông Jogues nữa. Những sợi màu đỏ, vàng, xanh đang đổ xuống giữa trời - tinh cầu bùng nổ, cúc xỏa cánh, liễu rủ tóc, tạc bằng ánh sáng.

“Người Trung Hoa phát minh ra thuốc súng,” Alex nói, “nhưng họ không bao giờ dùng chế súng. Chỉ dùng làm pháo hoa. Mặc dù cũng không thể nói là tôi thực thích pháo hoa. Quá giống trọng pháo.”

“Anh theo thuyết hòa bình à?” tôi hỏi. Kiểu người anh ta có vẻ thích hợp với loại đó. Nếu anh ta bảo ừ, tôi sẽ nói trái ý anh ta, bởi tôi muốn được chú ý. Từ này giờ anh ta chủ yếu nói chuyện với Laura.

“Tôi không theo,” Alex đáp. “Nhưng cha mẹ tôi đều bị giết trong chiến tranh. Ít nhất tôi nghĩ là bị giết.”

Bây giờ chúng ta đến sự tích mồi côi rồi đây, tôi nghĩ. Sau khi đã nghe Reenie om sòm lên, tôi hy vọng câu chuyện sẽ thú vị.

“Anh không biết chắc à?” Laura hỏi.

“Không,” Alex đáp. “Tôi nghe kể lúc được tìm thấy tôi đang ngất trên một đồng cỏ nát bóc khói trong căn nhà cháy rụi. Mọi người trong nhà đã chết cả. Có vẻ như tôi đã nấp dưới cái chậu giặt hay cái xoong - thứ gì đó bằng kim loại.”

“Ở đâu thế? Ai tìm thấy anh?” Laura thì thầm.

“Không rõ nữa,” Alex đáp. “Họ không biết chắc. Không phải là Pháp hay Đức. Ở phía Đông - một trong mấy nước nho nhỏ đó. Chắc tôi đã được chuyển từ người này sang người khác, đến khi không biết làm sao lại rơi vào tay hội Chữ Thập Đỏ.”

“Anh còn nhớ không?” tôi hỏi.

“Không hẳn. Có vài chi tiết đã mất trên đường - tên họ tôi và các thứ khác - và rồi cuộc tôi rơi vào tay hội thừa sai, họ cho rằng quên đi là tốt nhất cho tôi, xét theo mọi chuyện. Họ thuộc hội Trưởng lão, một nhóm ngăn nắp. Chúng tôi đều được gọt tọc đầu, để phòng cháy. Tôi còn nhớ được cảm giác bỗng dưng không còn tóc - đầu mát rượi. Đây là bắt đầu kỷ ức thực sự của tôi.”

Dù lúc này đã ưa anh ta nhiều hơn, tôi phải xấu hổ nhận rằng mình nghi ngờ chuyện anh ta kể không ít. Câu chuyện này quá thống thiết, quá phụ thuộc vào bàn tay số phận - cả rủi lẫn may. Tôi vẫn còn quá trẻ để tin vào sự tình cờ. Và nếu chủ ý gây ấn tượng với Laura - anh ta muốn thế phải không? - thì không còn cách nào tốt hơn nữa.

“Chắc là kinh khủng lắm,” tôi nói, “khi không biết mình thực sự là ai.”

“Trước kia tôi đã nghĩ thế,” Alex nói. “Nhưng rồi tôi hiểu ra *thằng tôi thực sự* là một kẻ không cần biết mình thực sự là ai, theo nghĩa thông thường. Mà suy cho cùng những đi đầu đó có nghĩa gì - hoàn cảnh gia đình và các thứ loại đó? Con người ta chủ yếu dùng nó để biện minh cho tính kẻ cả, hoặc sự kém cỏi của mình. Tôi được giải thoát khỏi cám dỗ ấy, tất cả chỉ có thế. Tôi được cởi bỏ mọi ràng buộc. Không có gì giữ chân tôi.” Anh ta còn nói gì đó nữa, nhưng đúng lúc ấy có tiếng nổ lớn trên trời và tôi không nghe được. Laura thì có; nó gạt đầu nghiêm trang.

(Lúc đó anh ta nói gì? Sau này tôi biết. Anh ta nói, *ít nhất cũng không bao giờ phải nhớ nhà.*)

Một đóa b ồ công anh ánh sáng nở bùng trên cao. Chúng tôi đầu ngược nhìn. Thật khó mà tránh được, những lúc ấy. Thật khó mà tránh không đứng yên, miệng mở tròn kinh ngạc.

Có phải đó là khởi đầu không, đêm hôm ấy - trên cầu tàu ở Avilion, pháo hoa rực sáng bầu trời? Khó mà biết được. Các khởi đầu luôn đến đột ngột, mà cũng luôn tới âm thầm. Chúng mò đến từ bên sườn, chúng lẩn trong bóng tối, chúng ẩn nấp không dễ nhận ra. Rồi, đến một lúc, chúng xõ tới.

ẢNH TÔ MÀU

Ngỗng trời bay về Nam, kêu kèn kẹt như bản lều cửa bị giày vò; dọc triền sông hoa đỏ bần như nền trên những tán cây muối. Tháng Mười đã vào tuần đầu. Vào mùa đông len dạ lấy khỏi hòm băng phiến; mùa sương móc xuống đêm và bậc thềm trơn trượt, và sen trăn cuối vụ; mùa hoa mồm chó tranh thủ nở lần cuối; mùa hoa bắp cải xoắn hồng hồng tím tím xưa chẳng bao giờ thấy, giờ nhan nhản khắp mọi nơi.

Mùa hoa cúc, giống hoa đám ma; cúc trắng, ý là thế. Người chết chắc phát ngán rồi.

Buổi sớm mát mẻ dễ chịu. Tôi ra vườn trước hái một bó nhỏ mồm chó vàng và hồng để đi nghĩa trang, đặt ở mộ dòng họ tặng đôi thiên thần trăn ngâm trên bệ trắng: ít ra cũng có gì đổi mới cho họ, tôi nghĩ. Khi đến nơi tôi làm những lễ nghi nho nhỏ thường lệ - một vòng chân bước quanh đài, một vòng tên nhằm trong đầu. Tôi nghĩ mình chỉ đọc thầm, nhưng lúc lúc lại động nghe thấy giọng mình, rì rầm như gã dòng Tên đọc kinh nhật tụng.

Đọc tên người chết sẽ đánh thức họ sống lại, người Ai Cập cổ đại bảo thế: không phải lúc nào cũng là điều người ta muốn.

Khi đã đi tròn một vòng quanh tượng, tôi nhìn thấy một cô bé - một cô gái trẻ - đang quỳ trước mộ, đúng hơn là trước vị trí Laura. Đầu cô cúi thấp. Cô mặc tui đen: quần bò đen, áo phông và áo khoác đen, đeo ba lô nhỏ màu đen, cái loại bây giờ bọn trẻ dùng thay ví. Cô có mái tóc dài đen - như Sabrina, tôi nghĩ và thỉnh linh tim nhảy lên: Sabrina đã trở về từ Ấn Độ hay bất cứ nơi nào nó ở. Nó đã về không báo trước. Nó đã nghĩ lại về tôi. Nó muốn làm tôi bất ngờ, và giờ tôi đã làm hỏng cả.

Nhưng khi nhìn kỹ hơn, tôi thấy đó là một người lạ: một cô nghiên cứu sinh tâm thần xúc động nào đó, hẳn rồi. Đầu tiên tôi tưởng cô cầu nguyện, nhưng không phải, cô chỉ đang cúi đặt hoa: cầm chướng trắng một bông duy nhất, cành quăn giấy bạc. Khi cô đứng dậy, tôi thấy cô đang khóc.

Laura động lòng người. Tôi thì không.

Sau buổi picnic nhà máy cốc, một bài tường thuật như thường lệ xuất hiện trên tờ *Sứ điệp và Tinh kỳ* - em bé nào giành giải Bé Khỏe Bé Đẹp, chủ nào có Chó Đẹp nhất. Nói cả vè nội dung bài phát biểu của cha, lược bớt kha khá: Elwood Murray phủ một nước sơn lác quan lên tất cả, nên nghe chỉ có vẻ sự vụ như mọi khi. Có cả vài tấm ảnh: con chó thắng cuộc, một búi chổi lau nhà đen sì; em bé thắng giải, một cục gối cắm kim béo ị, chụp mũ sơ sinh diễm ren; đội nhảy Ái Nhĩ Lan giờ cao cánh cỏ ba lá bằng các tông to đại tướng; cha đứng trên bục đang nói. Ảnh chụp xấu: miệng cha hơi há ra, nhìn như đang ngáp dở.

Trong số ảnh có Alex Thomas, giữa chúng tôi hai bên - tôi bên trái anh, Laura bên phải, như hai miếng chặn sách. Cả hai chúng tôi đều nhìn anh cười; anh cũng đang cười, nhưng tay xô ra phía trước, như bọn xã hội đen vẫn chặn ánh đèn flash khi bị bắt. Tuy thế anh cũng chỉ che được nửa mặt. Dưới ảnh có ghi chú, “Cô Chase và cô Laura Chase tiếp đãi một vị khách ngoài thị trấn”.

Elwood Murray không tóm được chúng tôi chiều hôm đó, để hỏi xem tên Alex là gì, và khi gõ cửa nhà ông ta đụng phải Reenie, chị một mực không được đánh lộn sòng tên chúng tôi với cái kẻ Chúa biết là ai, và không chịu nói cho ông ta biết. Đằng nào thì ông ta vẫn cho in tấm ảnh, và Reenie nổi điên, vì chúng tôi cũng ngang với Elwood Murray. Chị nghĩ tấm ảnh này chỉ cách thói vô sỉ có một bước, dù chúng tôi đều không lộ chân. Chị nghĩ chúng tôi đưa con mắt đến là ngớ ngẩn, như hai con ngỗng đói tình, mồm thì há hốc trông chẳng khác nào đang chảy nước miếng. Chúng tôi đã tự biến mình thành trò cười: khắp thị trấn sẽ cười nhạo sau lưng, ai lại ghê cả mặt ra vì gã du đãng trông như da đỏ - hoặc tệ hơn, như Do Thái - thế kia, và xem tay áo xấn lên, còn là một gã cộng nữa không biết chừng.

“Thằng cha Elwood Murray đáng đem đánh đòn,” chị nói. “Nghĩ mình có duyên lắm đấy.” Chị xé nát tờ báo rồi nhồi vào thùng đồ nhảm bếp, để cha không nhìn thấy. Chắc đằng nào cha cũng thấy rồi, ở nhà máy, nhưng kể cả thế ông cũng không nói gì.

Laura ghé thăm Elwood Murray. Nó không trách cứ cũng không nhắc lại câu nào Reenie đã nói. Thay vào đó nó bảo muốn trở thành một nhiếp ảnh gia, như ông ta. Mà không - nó không biết nói dối trắng trợn như thế. Đây chỉ là ông ta tự luận ra. Còn nó chỉ nói là muốn học cách in ảnh từ âm bản. Cái này thì là sự thật tuyệt đối.

Elwood Murray thấy lằng lằng khi từ đỉnh Avilion có người rủ lòng để mắt - dù đều, ông ta vẫn là một tay nhất sự thích học sang - và đồng ý cho Laura tới giúp trong buổi tối, ba buổi chiều mỗi tuần. Nó được xem ông ta in ảnh chân dung - nghệ thuật trái của ông ta - ảnh cưới và ảnh trẻ con tốt nghiệp các loại. Ngoại trừ sắp chữ và in ấn là việc của vài người ở phòng sau, Elwood làm hầu hết mọi việc còn lại cho tờ tuần báo, kể cả tự phóng ảnh.

Có lẽ ông ta sẽ dạy nó tô màu ảnh nữa, ông ta nói: đây là xu hướng thời thượng mới. Khách hàng mang ảnh đen trắng cũ tới để được thêm màu sắc cho tươi tắn. Kỹ thuật là tẩy trắng những vùng tối nhất bằng bút lông, sau đó xử lý ảnh bằng mực sepia để tạo tông hồng dịu. Sau đó mới là lúc tô màu. Màu đựng trong tuýp và lọ nhỏ, phải tô thật cẩn thận bằng bút lông ngòi tí xíu, thừa chút nào thì phải thấm đi thật tỉ mỉ. Làm việc này phải có khiếu thẩm mỹ và khả năng trộn màu nữa, để má không biến thành những vòng tròn đỏ hay da thịt thành miếng vải màu kem. Lại phải có mắt tinh tay vững. Đây là một nghệ thuật, Elwood bảo - và ông ta rất kiêu hãnh vì đã luyện thành tài, kể cả là mèo khen mèo dài đuôi. Ông ta chọn những tấm ảnh tô tay đặt nhất đặt góc cửa sổ tòa báo, thường xuyên thay đổi, như một kiểu quảng cáo. *Cho ký ức thêm sống động*, tấm biển viết tay đặt bên giục già.

Các chàng trai trẻ trong bộ quân phục Thế chiến đã lỗi thời là nhân vật thường gặp nhất; tiếp đến là các đôi uyên ương. Sau nữa là chân dung chụp trong buổi tốt nghiệp, buổi rước lễ lần đầu, những ảnh gia đình nghiêm trang, bé sơ sinh trùm áo rửa tội, bé gái mặc lễ phục, trẻ con xúng xính đồ dự tiệc, chó hoặc mèo. Đôi lúc có con thú cảnh lạ loài - rùa hay vẹt đuôi dài - và, thỉnh thoảng, trẻ nhỏ đặt trong áo quan, mặt trắng bột, xung quanh nhồi đăng ten.

Màu không bao giờ hiện rõ như khi tô lên giấy trắng: chúng có một vẻ sương khói, như nhìn qua vải lọc. Màu không khiến người trong ảnh trông giống thực hơn, trái lại họ trở thành siêu thực: cư dân một bán vương quốc lạ lùng, huy hoàng mà lại nhạt nhòa, nơi hiện thực là đi đâu không quan trọng.

Laura kể cho tôi những việc nó làm bên Elwood Murray, mặt giáp mặt; nó kể cho cả Reenie. Tôi dõchùng sẽ có phản đối, có nổi giận, dõchùng Reenie sẽ nói Laura đang hạ thấp mình, hay đang xử sự một cách rẻ tiền, một cách liêu lĩnh. Ai mà nói được chuyện gì sẽ xảy ra trong buổi tối, có một cô bé và một người đàn ông và đèn thì tắt? Nhưng Reenie giữ quan điểm đây không phải như Elwood đang trả tiền cho Laura làm việc: đúng hơn ông ta đang dạy nghề cho nó, và đấy lại là chuyện khác. Như thế ông ta đứng vào hàng kẻ ăn người làm. Còn việc Laura ở trong buổi tối với ông ta thì, chẳng ai nghĩ gì xấu cả đâu, vì Elwood là một gã tám vía cơ mà. Tôi ngờ rằng Reenie thậm chí thấy nhẹ người khi Laura tỏ ra hứng thú với cái gì đó không phải Chúa.

Laura rõ ràng là có thích thú, nhưng cũng như mọi khi nó đi quá đà. Nó phổng một ít mực tô của Elwood mang về nhà. Tôi tình cờ phát hiện ra - tôi đang ở thư viện, lật bừa sách mà đọc, thì để ý thấy mấy bức chân dung lồng khung của ông nội Benjamin, mỗi bức chụp với một thủ tướng khác nhau. Sir John Sparrow Thompson lúc này khuôn mặt mang màu hoa cà dịu dịu, Sir Mackenzie Bowell màu xanh lơ như nước mật, Sir Charles Tupper nhàn nhạt màu cam. Ông nội Benjamin có bộ ria mép và râu cằm màu đỏ thẫm hơi ửng.

Tối hôm đó tôi bắt tận tay nó. Trên bàn gương của nó bày những tuýp thuốc nhỏ, những bút lông tí hon. Cả tấm chân dung Laura và tôi nữa, vấy nhung và giày búp bê. Laura đã gỡ ảnh khỏi khung, đang tô tôi màu xanh biển nhạt. “Laura,” tôi nói, “nói có trời em đang làm cái gì thế? Sao em lại tô màu những ảnh đó? Những ảnh trong thư viện ấy. Cha sẽ nổi điên lên mà xem.”

“Em chỉ đang tập thôi,” Laura nói. “Dù sao thì những ông đó cũng cần sống động một tí. Em nghĩ bây giờ trông họ đẹp hơn.”

“Trông họ rất kinh dị,” tôi nói. “Hoặc rất ốm yếu. Chẳng ai mặt màu xanh cả! Lại còn hoa cà nữa.”

Laura không nao núng. “Đấy là màu tâm hồn họ. Đấy là màu *lẽ ra* họ phải có.”

“Em sẽ bị mắng cho mà xem! Mọi người sẽ biết là tại ai.”

“Chẳng ai thềm *nhìn* lên đó bao giờ,” nó nói. “Chẳng ai thềm *biết*.”

“Được rồi, tốt hơn em đừng động đến bà nội Adelia,” tôi nói. “Cũng đừng làm gì hai chú đã mất! Cha sẽ đem em lột da!”

“Em muốn tô màu vàng kim, cho rõ vinh quang,” nó nói. “Nhưng không có màu vàng kim. Hai chú ấy, chứ không phải bà. Em sẽ tô bà màu xám thép.”

“Đừng có liêu! Cha không tin có vinh quang. Và tốt nhất là em mang trả lại chỗ màu về trước khi mang tiếng ăn cắp.”

“Em có dùng nhiều đâu,” Laura nói. “Vội lại, em mang cho Elwood một lọ mứt rồi. Như thế là hòa.”

“Mứt của Reenie, phải không? Từ trong hòm lạnh - em đã hỏi chưa? Chị ấy đếm từng lọ một em biết không.” Tôi nhặt tấm ảnh có hai chúng tôi lên.

“Sao chị lại màu xanh?”

“Vì chị đang ngủ,” Laura nói.

Dụng cụ tô màu không phải thứ duy nhất Laura lấy trộm. Một trong những việc nó được giao là sắp xếp giấy tờ. Elwood muốn văn phòng mình luôn gọn gàng sạch sẽ, buổi tối cũng vậy. Phim âm bản đặt trong các phong bì giấy bóng mờ, xếp theo ngày chụp, thế nên Laura dễ dàng tìm được tấm phim hôm picnic. Nó rửa ra hai tấm đen trắng, hôm Elwood đi vắng và cả văn phòng nằm trong tay nó. Nó không nói với ai, cả tôi cũng không - cho đến mãi sau này. Đến khi rửa xong, nó giấu phim vào túi xách mang về nhà. Nó không coi đấy là đánh cắp: Elwood mới là người đánh cắp bức ảnh

trước vì không xin phép chúng tôi, nó chỉ lấy lại một thứ đằng nào cũng chưa bao giờ thuộc về ông ta.

Sau khi hoàn thành mục tiêu ban đầu, Laura thôi không đến chỗ Elwood Murray nữa. Nó không cho ông ta biết lý do, cũng chẳng báo một câu. Tôi nghĩ nó làm thế là vụng, mà quả đúng vậy, vì Elwood thấy phật lòng. Ông ta cố hỏi han Reenie xem có phải Laura ốm không, nhưng Reenie chỉ trả lời độc có là Laura chắc đã đổi ý về chuyện ảnh ót. Nó lúc nào cũng lăm ý tưởng, con bé đó; lúc nào cũng có con ong nào đấy vo ve trong đầu nó, và bây giờ chắc đã thành con khác rồi.

Chuyện này đánh động tính tò mò của Elwood. Ông ta bắt đầu để mắt đến Laura, trên mức thói tục mạch mọi khi. Tôi không hẳn coi đây là do thám - không phải là ông ta đi nấp sau bụi rậm. Ông ta chỉ chú ý đến Laura hơn thôi. (Mặc dầu thế, ông ta vẫn chưa phát hiện ra tấm phim biến mất. Ông ta không nghĩ đến chuyện Laura có thể có mưu đồ giấu giếm gì khi đến gặp ông. Laura có cái nhìn thẳng thắn thế, có đôi mắt to tròn vô ý thế, có vầng trán đầy trong trẻo thế, hiếm người nào lại nghi nó chơi trò lá mặt lá trái bao giờ.)

Ban đầu Elwood không thấy có gì đáng chú ý. Theo dõi Laura chỉ thấy nó đi trên phố chính, trên đường tới nhà thờ mỗi sáng Chủ nhật, tới dạy lớp giáo lý cho trẻ lên năm. Ngoài ra tuần ba buổi sáng, nó tới giúp bếp phát chẩn của Giáo hội Thống nhất, mở cạnh ga xe lửa. Sứ mạng của trạm bếp là phân phát từng bát xúp bắp cải cho những đàn ông và thiếu niên bần thủ đói khát, dân bám đường tàu: một công cuộc đáng quý, nhưng không phải ai trong thị trấn cũng nhìn bằng con mắt thiện cảm. Một số cho những người đó là bọn âm mưu khởi loạn, hay tệ hơn, bọn cộng; số khác nghĩ nuôi không miệng ăn là chuyện vô lý, trong khi họ phải đổ mồ hôi mỗi miếng cơm. Đôi lúc lại nghe tiếng hét “Đi mà tìm việc!” (Lời qua tiếng lại tất nhiên không chỉ một chiều, dù từ phía dân lưu đãng có lí nhĩ hơn. Tất nhiên họ thù Laura và dân từ bi nhà chùa như nó. Tất nhiên họ có cách tỏ thái độ của mình. Một câu chót nhả, một mép cười, một cú huých, một khóe mắt u ám. Không có gì nặng nhọc hơn lòng biết ơn cưỡng ép.)

Cảnh sát thị trấn đứng gần đó để biết chắc đám người này không nảy ra ý định hay ho gì trong đầu, chẳng hạn như tìm cách ở lại Cảng Ticonderoga. Họ phải bị lừa đi, chuyển đi nơi khác. Nhưng họ cũng không được phép nhảy toa hàng ngay trong sân ga, bởi công ty đường sắt sẽ không chịu đền bù. Thấy có xô đẩy và vung nắm đấm, và - như Elwood Murray diễn đạt, trên mặt báo - dúi cùi được sử dụng tùy nghi.

Vì thế những người này lê bước dọc đường ray và cố nhảy lên ở quãng sau, nhưng lúc đó khó hơn nhiều vì xe lửa đã tăng tốc độ. Nhiều vụ tai nạn xảy ra, cả một người chết - một thiếu niên chắc không quá mười sáu tuổi ngã xuống dưới bánh tàu và gần như bị cắt đôi. (Laura nhốt mình trong phòng suốt ba ngày tiếp đó, không ăn gì: nó từng mang một bát xúp cho thằng bé.) Elwood Murray viết một bài xã luận nhấn mạnh rằng vụ bất hạnh này thật đáng tiếc nhưng không phải lỗi nhà tàu, và tất nhiên càng không phải lỗi của thị trấn: ngu ngốc tự đâm đầu vào nguy hiểm thì còn trông đợi gì?

Laura xin xỏ Reenie từng khúc xương, cho nó xúp nhà thờ. Reenie nói người chị không làm bằng xương, mà xương cũng không phải vỏ hến. Gần hết chỗ xương đó chị cần cho mình - cho Avilion, cho chúng tôi. Chị nói dành được xu nào coi như kiếm được xu đó, và Laura không thấy trong thời kỳ khó khăn này cha cần đến từng xu ư? Nhưng chị không bao giờ cưỡng lại Laura được lâu, và một hai hoặc ba khúc xương sẽ tòi ra. Laura không muốn chạm vào khúc xương, cũng không dám nhìn - tính nó dễ gớm - nên Reenie sẽ bọc lại cho nó mang đi. “Đấy cho cô. Những ông bọm lang thang này sẽ ăn cho chúng ta sập nhà sập cửa mất thôi,” chị sẽ thở dài. “Tôi đã bỏ thêm một củ hành đấy.” Chị không nghĩ Laura nên làm việc ở bếp phát chẩn - nơi đó quá thô bạo, mà nó còn trẻ măng.

“Gọi họ là bọm là không đúng,” Laura nói. “Ai cũng xua họ đi. Họ chỉ muốn có việc thôi. Họ chỉ đòi hỏi có một chỗ làm.”

“Cứ cho là thế,” Reenie nói về hoài nghi, nghe đến bực mình. Rồi với tôi, khi vắng người, chị sẽ bảo: “Đúng in như bà mẹ.”

Tôi không đến bếp phát chẩn với Laura. Nó không nhờ, mà đằng nào tôi cũng không có thời gian: giờ cha đã đình ninh trong đầi rằng tôi phải nằm lòng các mẹo mực của nghề làm cúc, làm tròn bốn phận. *Faute de mieux*^[12], tôi sẽ phải làm đứa con trai trong Chase và Con trai, và nếu sau này tôi có bao giờ đứng mũi chịu sào thì tôi phải nhúng tay vào đi là vừa.

Tôi biết mình không có chút khả năng kinh doanh nào, nhưng quá hãi không dám chối. Sáng sáng tôi đi theo cha đến nhà máy, để biết (như ông nói) đời thực vận hành ra sao. Nếu tôi là con trai chắc cha đã đặt tôi đứng trong dây chuyền, theo đúng phương châm nhà binh là sĩ quan không thể đòi hỏi lính những điều bản thân mình không làm nổi. Hoàn cảnh này, ông chỉ giao tôi kiểm kho và cân đối sổ sách giao hàng - nhập vật liệu thô, xuất thành phẩm.

Tôi làm rất kém, phần nào là do cố tình. Tôi vừa chán lại vừa sợ. Mỗi lần đến nhà máy vào buổi sáng, mặc áo sơ mi váy dài như ni cô, theo sát gót cha như chó con, tôi đầi phải đi qua các hàng thợ. Tôi cảm thấy đàn bà thì bỉ, đàn ông thì lom lom nhìn mình. Tôi biết họ lòi tôi ra đùa cợt sau lưng - đùa cợt về cách cư xử (giữa thợ nữ) hay về cơ thể tôi (giữa thợ nam), và đối với họ đấy là một cách trả thù. Nghĩ theo cách nào đó tôi không trách họ - nếu là họ tôi cũng sẽ làm vậy thôi - nhưng dù gì cũng vẫn thấy mình chịu nhục.

Điều ròi điệu rụng. Cứ tưởng mình là nữ hoàng Sheba.

Cứ đề ra một chấp là cô nàng hết tình tương.

Cha không nhận thấy chút nào. Hoặc cố tình không thấy.

Một chiều Elwood Murray gõ cửa bếp của Reenie với bộ ngực ưỡn ra và điệu bộ quan trọng như mọi kẻ đưa tin xấu. Tôi đang giúp Reenie đóng hộp: đã cuối tháng Chín, chúng tôi đang lèn những quả cà chua cuối cùng từ vườn rau. Reenie bình thường vốn đã ki kiệt, nhưng vào thời buổi này lãng phí là có tội. Chị chắc phải nhận thấy mỗi dây đã căng đến đâu - mỗi dây từ những đầi thừa ràng buộc chị vào chỗ làm này.

Có một điều chúng tôi nên biết, Elwood Murray nói, vì lợi ích của bản thân. Reenie liếc nhìn ông ta, cả ông ta lẫn điệu bộ tự mãn, đánh giá độ trăn trọng của cái tin, và quyết định là đủ nghiêm trọng đáng mời ông ta vào. Thậm chí chị còn rót mời một chén trà nữa. Rồi chị bảo ông ta chờ chị lấy kẹp gấp nốt những hồ cuối cùng khỏi nhà nước sôi và vặn nắp thật chặt. Rồi chị ngồi xuống.

Tin là thế này. Cô Laura Chase đã bị bắt gặp quanh thị trấn - Elwood nói - cùng với một anh chàng, chính cái anh chàng trong tấm ảnh chụp cô trong buổi picnic nhà máy cút. Họ bị nhìn thấy đầu tiên ở bếp phát chẩn, rồi sau đó, cùng ngồi trên ghế đá công viên - không chỉ một cái ghế đá của một công viên - và hút thuốc. Hoặc ít ra là anh chàng hút thuốc, còn về Laura, ông không đảm bảo được, ông ta nói và dẫu môi. Người ta còn thấy họ bên đài tưởng niệm cạnh tòa thị chính, dựa vào lan can cầu Khánh Tiết, nhìn xuống khúc ghềnh - địa điểm truyền thống của các cặp hẹn hò tán tỉnh. Có thể họ còn xuất hiện gần Bãi Trại, mà nếu thế thì gần như chắc chắn có hành vi đáng ngờ ở đây, hoặc ít ra là màn mở đầu - dù cái này ông ta không khẳng định được, vì không phải tận mắt nhìn thấy.

Dù sao thì ông ta cũng nghĩ chúng tôi cần biết. Anh chàng kia đã là người trưởng thành, còn cô Laura chẳng phải mới mười bốn sao? Thật đáng hổ thẹn, đi lợi dụng cô như thế. Ông ta tựa người vào ghế, rồi rĩ lắc đầu, kênh như chuột chũi, mắt long lanh khoan khoái hiểm độc.

Reenie nổi giận đùng đùng. Chị rất ghét kẻ nào trên cơ mình trong ngành đưa chuyện. “Hẳn nhiên là chúng tôi biết ơn ông đã cho biết tin,” chị nói lễ phép và cứng nhắc. “Tốt hơn nhiều để nước đến chân mới nhảy.” Đây là cách chị bảo vệ danh dự Laura: cho đến giờ, còn chưa xảy ra chuyện gì không thể ngăn chặn được.

“Tôi đã bảo mà,” Reenie nói, khi Elwood đã về. “Hắn ta không biết liêm sỉ.” Chị không nói Elwood, tất nhiên, mà là Alex Thomas.

Khi bị chất vấn, Laura không chối đi đâu gì, trừ chuyện gặp ở Bãi Trại. Ghế đá công viên và mọi thứ - có, nó có ngồi đó, dù không lâu. Nó cũng không hiểu làm sao Reenie phải sốt sình sịch lên như thế. Alex Thomas không

phải là một gã nịnh đầm rẻ mạt (ngôn từ Reenie dùng). Anh cũng không phải một gã bám váy đào mả (một mỹ từ khác). Nó không nhận đã bao giờ hút một điều thuốc từ lúc đẻ ra tới giờ. Còn về chuyện “ve vãn nhau” - cũng là lời Reenie - nó nghĩ thật là bỉ ổi. Nó đã làm gì mà gây những nghi ngờ xấu xa như thế? Rõ ràng là nó không hiểu.

Làm Laura, tôi nghĩ, cũng như làm một người mù nhạc: nhạc cất lên và nó có nghe thấy, nhưng không phải cùng một điệu như mọi người khác nghe.

Theo như Laura, tất cả mọi lần đó - mà chỉ có đúng ba lần - nó và Alex Thomas đã tranh luận những vấn đề nghiêm túc. Vấn đề gì? Vấn đề Chúa. Alex Thomas đã đánh mất đức tin, và Laura đang cố giúp anh ta tìm lại. Đây là một việc rất khó vì anh ta khá chua chát, hoặc có lẽ *hoài nghi* là từ nó cần. Anh ta nghĩ thời hiện đại sẽ là thời đại của thế giới bên này chứ không phải là bên kia - của con người, cho loài người - và anh ta hết lòng ủng hộ thời đại ấy. Anh ta tự nhận không có linh hồn, và nói có thêm biết những gì sẽ đổ xuống đầu anh sau khi chết. Tuy thế, nó quyết tâm đẩy mạnh những nỗ lực của mình, dù nhiệm vụ có vẻ khó đến đâu.

Tôi ho khẽ vào lòng bàn tay. Tôi không dám cười. Tôi đã thấy Laura dùng thái độ đức hạnh đó trước mặt thầy Erskine khá nhiều lần, và nghĩ bây giờ chính là nó đang làm thế: kéo vải che mắt thánh. Reenie, tay chống nạnh, chân giạng ra, miệng há mở, trông như mẹ gà mái ở thế cùng.

“Tại sao hắn ta vẫn còn ở đây, đây là điều tôi muốn biết,” Reenie, không biết nói tiếp thế nào, đổi sang chuyện khác. “Tôi tưởng hắn ta chỉ đến thăm bạn rồi đi.”

“Ồ, anh ấy có việc cần làm ở thị trấn,” Laura bình thản nói. “Nhưng anh ấy có thể ở chỗ nào mình muốn. Đây không phải một đất nước nô lệ. Ngoại trừ đồng lương nô lệ, dĩ nhiên.” Tôi đoán là nỗ lực cải đạo không chỉ một chiêu: Alex Thomas cũng đã nhúng tay vào việc. Nếu tình hình cứ thế tiếp diễn chúng tôi sắp có một cô Bôn sê vích nhỏ trong nhà.

“Anh ta có già quá không?” tôi nói.

Laura ném cho tôi cái nhìn tóe lửa - *so với gì mà già?* - thách tôi dám chõ vào. “Linh hồn không có tuổi,” nó nói.

“Người ta xì xào đấy,” Reenie nói: đấy luôn là lập luận chốt hạ của chị.

“Đấy là việc của họ,” Laura nói. Giọng điệu nó chỉ thấy có công phần cao quý: người khác là cây thập giá bắt nó mang.

Reenie và tôi đều bó tay. Phải làm gì đây? Chúng tôi có thể báo với cha, ông có thể cấm Laura gặp Alex Thomas. Nhưng nó sẽ không nghe lời, nhất là khi đang có một linh hồn sắp mất. Nói với cha chỉ gây phiền toái nhiều hơn có ích, chúng tôi kết luận; mà suy cho cùng, đã có chuyện gì thực sự xảy ra đâu? Không có gì chỉ mặt đặt tên được cả. (Reenie và tôi đến lúc này đã thành đôi tâm phúc, trong việc này; chúng tôi đã chum hai cái đầu lại.)

Ngày qua ngày tôi dần cảm thấy Laura đang gặt mình, dù không thể xác định rõ là sao. Nói dối thì tôi không nghĩ thế, nhưng cũng không phải nó nói hoàn toàn sự thật. Một lần tôi thấy nó cùng Alex Thomas, mãi mê trò chuyện, thả bộ qua gần đài tưởng niệm, lần nữa ở cầu Khánh Tiết, lại một lần nhàn tản ngoài Quán điểm tâm Betty, hoàn toàn không biết đến những cái đầu đang quay nhìn, trong đó có tôi. Ngông ngạo hết sức.

“Cô phải nói lý cho cô ấy nghe,” Reenie bảo tôi. Nhưng tôi không nói lý cho Laura được. Càng lúc tôi càng không thể nói chuyện với nó được nữa; hoặc là tôi nói đấy, nhưng nó nghe hay không? Cứ như nói chuyện với mảnh giấy thấm trắng tinh: lời lẽ rơi khỏi miệng tôi rồi biến mất sau gương mặt nó, như sau bức tường tuyết rơi.

Những khi không ở nhà máy cút - một bài tập mỗi ngày lại thấy thêm vô dụng, ngay cả đối với cha - tôi bắt đầu lang thang một mình. Tôi thường rảo bước dọc bờ sông, vờ như biết chắc mình đi đâu, hoặc đứng trên cầu Khánh Tiết như đang đợi người nào, nhìn dỗi xuống dòng nước đen mà nhớ lại chuyện những người đàn bà từng quăng mình xuống đó. Họ làm thế vì tình, vì tình yêu có cái tác động kiểu đó lên con người ta. Nó lên đến từ phía sau, nó tóm lấy trước khi người ta nhận biết, và đến lúc đó ta chẳng còn làm gì được. Một khi đã rơi vào đó - vào tình yêu - người ta sẽ bị cuốn đi, bất chấp mọi thứ. Hoặc ít ra là sách nói vậy.

Hoặc là tôi đi trên phố chính, chăm chú quan sát bất kỳ cái gì bày trong cửa sổ các quầy hàng - những đôi tất và giày, mũ và găng tay, cờ lê và tua vít. Tôi thường ngắm soi những tấm áp phích in hình minh tinh màn bạc trong hộp kính đặt ngoài rạp Bijou và so sánh họ với hình ảnh chính mình, hoặc chính mình giả thử tôi chải tóc rũ xuống một bên mắt và ăn mặc đúng điệu. Tôi không được phép vào trong; tôi chưa từng vào rạp chiếu bóng nào mãi tới sau khi cưới, bởi Reenie nói vào rạp Bijou là tự hạ giá, ít nhất là với những cô gái trẻ không ai đi kèm. Đàn ông tới đó rình mồi, lũ đàn ông tâm hồn hạ tiện. Chúng sẽ chiếm ghế cạnh mình và đặt tay dính lấy mình như giấy bầy ruồi, và chưa kịp nhận ra thì chúng đã trèo cả lên người.

Theo mô tả của Reenie cô gái hay người đàn bà ấy chắc chắn sẽ đòi ra, khắp người chỗ nào cũng thành tay vịn, như cái nhà tập leo trèo. Như trúng phép, cô ta sẽ mất khả năng la hét hay cử động. Cô ta sẽ bị đông cứng, bị tê liệt - vì choáng váng, hay giận dữ, hay hổ thẹn. Cô ta sẽ không có cách nào thoát ra.

HẦM LẠNH

Trời se lạnh, mây bông trên cao xiêu dạt. Những cành bắp da đỏ phơ khô xuất hiện từng bó trên cửa trước những nhà sang; trên các hàng hiên đã thấy đèn bí ngô đứng gác, miệng cười nhả nhỏ. Thêm một tuần nữa là trẻ con thềm kẹo sẽ xuống phố, hóa trang thành vũ nữ ba lê hay xác sống hay quái vật vũ trụ hay xương khô hay mục thây bói di gan và ca sĩ rock quá cố, và như mọi năm tôi sẽ tắt đèn vờ không có nhà. Không hẳn là tôi không ưa chúng, là tự vệ thôi - nhớ trong đám tí hon này có nhóc nào biến mất, tôi không muốn bị buộc tội đã dụ chúng vào nhà ăn thịt.

Tôi bảo Myra như thế, giữa lúc cô đang nhoay nhoáy bán nến lùn màu cam và mèo đen bằng gỗ và dơi vải giả xa tanh, cả phù thủy nhũ bông trang trí, quả táo phơ khô cắm làm đầu. Cô cười lớn. Cô nghĩ là tôi nói đùa.

Hôm qua với tôi là một ngày uể oải - tim cứ thắt trong ngực, tôi gần như không cất mình khỏi xô pha - nhưng sáng nay uống thuốc xong, tôi thấy hăng hái kỳ lạ. Tôi đi bộ, khá nhanh, đến tận cửa hàng bánh vòng. Đến đó tôi khảo sát tường nhà xí, lần này dòng mới nhất là: *Nếu không nói được gì tử tế thì đừng có nói*, ngay dưới là: *Nếu không bú được gì ngon thì đừng có bú*. Thật mát lòng được biết tự do ngôn luận vẫn rộn ràng trên đất nước này.

Tôi mua một cốc cà phê và bánh vòng nhúng sô cô la, rồi mang ra ngoài chọn một trong các băng ghế chủ hàng để sẵn, đặt ngay bên thùng rác khá tiện. Tôi ngồi đó, trong ánh nắng còn đủ ấm, hong mình như con rùa nước. Người người đi qua - hai mẹ đàn bà thừa mứa đẩy xe nôi, một cô ả trẻ hơn, gầy hơn mặc áo da đen đóng khuy bạc trông như đầu đinh và thêm một chiếc trên mũi, ba ông khom trum áo gió. Tôi cảm giác họ nhìn mình. Chẳng lẽ tôi vẫn còn khét tiếng đến cỡ này - hay hoang tưởng đến cỡ này? Hay chỉ vì này giờ tôi nói chuyện thành tiếng một mình. Cái này khó biết. Có phải giọng tôi cứ thế trôi ra khỏi thân, như không khí, khi tôi không để ý? Tiếng thì thảo đã quất lại, tiếng lá nho mùa đông sột soạt, tiếng xuyt xuyt gió thu luồn qua cỏ khô.

Ai cần biết người ta nghĩ gì, tôi tự bảo mình. Nếu họ thích nghe lỏm, đây sẵn sàng.

Ai cần biết, ai cần biết. Lời bật lại của tuổi thiếu niên muôn thuở. Tôi cần biết, dĩ nhiên. Tôi cần biết người ta nghĩ gì. Tôi vẫn luôn cần biết. Khác với Laura, tôi chưa bao giờ có được can đảm làm theo xác tín.

Có con chó lảng lại gần, tôi cho nó nửa cái bánh vòng. “Cứ tự nhiên,” tôi bảo nó. Reenie vẫn luôn nói thế nếu bắt gặp chúng tôi nghe trộm.

Suốt tháng Mười - ấy là năm 1934 - chỉ nghe bàn tán về những chuyện đang diễn ra ở nhà máy cúc. Những kẻ khiêu khích từ ngoài thị trấn đang lượn lờ quanh đây, nghe đồn thế; chúng đang khích động tình hình, nhất là trong đám trẻ dễ nóng mũi. Có nghe bàn tán về thương lượng tập thể, về quyền công nhân, về công đoàn. Công đoàn thì bất hợp pháp rồi, dĩ nhiên, hay là chỉ các hãng công đoàn - phải không nhỉ? Có vẻ không ai biết rõ. Đảng nào thì chúng cũng thoáng mùi lưu huỳnh.

Những kẻ tới khích động là quân vô lại hoặc tội phạm đánh thuê (theo lời bà Hillcoate). Chúng không chỉ là kẻ khiêu khích từ ngoài thị trấn, mà còn là kẻ khiêu khích từ nước ngoài, không hiểu sao thế có vẻ đáng sợ hơn. Những gã nhỏ thó da ngăm đen để ria, đã cắt máu ký tên trên trung thành đến chết, chúng chuyên gây bạo loạn không từ sự gì, lại còn đặt bom và mò vào nhà ban đêm cắt cổ chúng tôi trong lúc ngủ (theo lời Reenie). Đây là phương cách hoạt động của chúng, quân Bôn sê vích và tổ chức công đoàn khát máu ấy, hai loại này lòng vả cũng như lòng sung (theo lời Elwood Murray). Chúng đòi Tự do Luyến ái, bãi bỏ gia đình, và đem xử bắn tất tặn tạt người nào có tí ền - có tí tí ền nào cũng thế - hay có đồng hồ, hay nhẫn cưới. Mọi đi ầu này đã xảy ra ở Nga La Tư. Nghe đồn là thế.

Cũng lại nghe đồn là các nhà máy của cha đang lâm vào tình thế nguy ngập.

Cả hai tin đồn - những kẻ khiêu khích, tình thế nguy ngập - đều bị phủ nhận chính thức. Cả hai người ta đều tin.

Cha đã thải h ầi một số thợ đột tháng Chín - thuộc số những người trẻ hơn, có khả năng tự lo thân hơn, theo lý luận của ông - và đ ề nghị những người ở lại đ ồng ý làm việc bớt giờ. Không đủ đơn hàng, ông giải thích, không thể duy trì hoạt động sản xuất ở mức cao nhất cho tất cả các nhà máy. Khách hàng không mua cúc nữa, hoặc là không mua loại làm ở Chase và Con trai, loại phải làm với số lượng lớn mới có lãi. Họ cũng không còn mua đ ồ lót rẻ và b ền nữa: họ sửa lại đ ồ cũ, họ giặt gấu vá vai. Không phải khắp đất nước ai cũng thiếu việc làm, tất nhiên, nhưng những người đang có việc cũng không yên tâm v ề khả năng giữ việc. Dễ hiểu là họ đang dành dụm t iền bạc, không muốn tiêu. Chẳng trách họ được. Ở địa vị họ thì ai cũng thế.

Số học đã nhập cuộc, với vô số cẳng chân, vô số xương sống và vô số đ ầu, vô số mắt là những số 0 không biết thương xót. Hai với hai là bốn, nó tiết lộ. Nhưng nếu anh không có hai với hai thì sao? Thì sẽ không ra kết quả. Và đúng là chúng không chịu ra kết quả, tôi không thể ép chúng được, không thể bắt những con số màu đỏ trong sổ kiểm hàng biến thành màu đen. Chuyện đó khiến tôi lo âu ghê gớm, cứ như là lỗi của mình. Ban đêm khi nhắm mắt tôi thấy những con số trên giấy trước mặt, sắp từng hàng trên mặt bàn vuông gỗ s ồi ở nhà máy cúc - những hàng số đỏ như đội quân sâu bướm máy, gặm d ần mòn tí gì còn lại trong khoản t iền. Khi giá anh thương lượng mãi mới bán được hàng lại thấp hơn giá anh đã bỏ ra làm - đi ều xảy ra ở Chase và Con trai từ khá lâu nay - thì những con số sẽ cư xử như thế. Cư xử như thế rất không hay - không tình yêu, không công lý, không lòng thương - nhưng anh còn muốn gì? Những con số chỉ là con số. Chúng không có quy ền lựa chọn.

Tu ần đ ầu tháng Mười hai, cha tuyên bố đóng cửa các nhà máy. Chỉ tạm thời thôi, ông nói. Ông hy vọng sẽ chỉ là rất tạm thời. Ông nói đến chuyện thu quân và cắt giảm để tái tập hợp. Ông kêu gọi thông cảm và kiên nhẫn, và được đáp lại bằng sự im lặng dè chừng từ phía các công nhân có mặt. Thông báo xong cha quay v ề Avilion nhốt mình trên tháp và uống đến mờ mắt. Đ ồ đạc vỡ loảng xoảng - đ ồ thủy tinh. Chai lọ, h ả r ồi. Laura và tôi ng ồi trong phòng tôi, trên giường tôi, nắm tay nhau thật chặt lắng nghe nỗi cu ồng nộ thống khổ đang hoành hành trên ấy, ngay trên đ ầu chúng tôi, như giông bão nổ trong nhà. Đã lâu r ồi cha không làm gì ở quy mô như thế.

Chắc ông cảm thấy mình đã phụ lòng lính của mình. Thấy mình thất bại. Thấy mình không thể làm được gì cho đủ.

“Em sẽ cầu nguyện cho cha,” Laura nói.

“Liệu Chúa có đoái hoài không?” tôi hỏi. “Chị không nghĩ ngài ta sẽ thí lấy một xu quan tâm, thật đấy. Đấy là nếu có Chúa.”

“Chị làm sao biết được,” Laura trả lời, “cho đến khi ấy.”

Khi nào? Tôi biết khá rõ, chúng tôi đã nói chuyện này trước đây. *Khi chúng ta đã chết.*

Sau khi cha đưa ra tuyên bố vài ngày, công đoàn chứng tỏ quyền năng. Đến lúc đó đã có một nhóm nông cốt r ỏi, và giờ họ mời tất cả mọi người vào. Một buổi họp diễn ra bên ngoài nhà máy cúc đã khóa cửa và có lời hiệu triệu mọi công nhân tham gia, bởi khi nào cha mở cửa nhà máy trở lại, họ nói, ông sẽ vạc tận xương và tất cả họ r ỏi sẽ nhận đồng lương chết đói. Hẳn ta cũng chỉ như tất cả những kẻ khác, hẳn ta sẽ ních đầy tiền vào nhà băng trong thời khốn khó như lúc này, r ỏi ng ỏi chơi xơi nước đến khi con người ta bị đánh quy bò lê trên đất; r ỏi hẳn ta sẽ nhân cơ hội đó mà béo mồm ra trên lưng công nhân. Hẳn ta với cái nhà to và hai đứa con gái chải chuốt - quân ăn bám phù phiếm sống nhờ mồ hôi nước mắt quần chúng.

Các cô thấy rõ những kẻ gọi là tổ chức công đoàn đó chẳng phải là người thị trấn, Reenie nói, sau khi kể xong mọi chuyện quanh bàn bếp. (Chúng tôi thôi không dùng bữa trong phòng ăn nữa, vì cha không còn ăn dưới nhà. Ông cố thủ trên tháp; Reenie mang khay đồ ăn lên.) Bọn con đ ờ này không còn biết gì là đứng đắn, lôi cả chúng tôi vào như thế, dù ai cũng biết chúng tôi không dính dáng tí gì đến bất cứ chuyện gì. Chị bảo chúng tôi đừng có để tâm, nhưng đi ầu này nói dễ hơn làm.

Vẫn còn lại vài người trung thành với cha. Trong buổi họp, chúng tôi nghe nói, đã có bất đồng, có cao giọng, có xô xát. Người ta không biết ki ếm chế nữa. Một người bị đá vào đầu, được đẩy gấp tới viện vì chấn thương não. Đấy là một trong số thợ đình công - bây giờ thì họ đã tự gọi mình là *thợ đình công* - nhưng thương tích này được coi là lỗi của bản thân đám thợ

đình công, bởi một khi đã khởi đầu cảnh hỗn loạn như thế, ai biết rồi sẽ dẫn đến đâu?

Tốt hơn là đừng khởi đầu. Tốt hơn là ngậm miệng lại. Tốt hơn nữa.

Callie Fitzsimmons tới thăm cha. Chị ta rất lo lắng cho ông, chị ta bảo thế. Chị ta lo ông đang trên đường suy sụp. Về mặt đạo đức, ý chị ta là thế. Làm sao ông có thể đối xử với thợ của mình một cách tùy tiện và lại còn bần tiện dường này? Cha bảo chị ta mở mắt mà nhìn thực tế đi. Cha nói chị ta là đồ đem dầu chữa cháy. Cha còn nói, *Ai bảo cô làm việc này, một trong đám chiến hữu cộng sản?* Chị ta nói chị ta đến là vì tự ý, vì tình yêu, vì dù là chủ tư bản ông cũng vẫn luôn là một người tử tế, nhưng giờ chị ta thấy ông đã biến thành một gã tài phiệt nhẫn tâm. Cha nói người cháy túi thì không thể làm tài phiệt được. Chị ta nói ông có thể thanh lý tài sản. Ông nói tài sản của ông không đáng giá hơn vốn tự có của chị ta, mà cứ ông thấy thì chị ta đã phát không cho bất cứ ai mở miệng hỏi. Chị ta nói ông cũng đâu có từ chối quà cho không biểu không. Ông nói phải, nhưng các khoản chi phí ngấn cao quá mức - đầu tiên là đồ ăn thức uống trong nhà ông cho đám chiến hữu nghệ sĩ của chị ta, rồi đến máu của ông và giờ là linh hồn ông. Chị ta gọi ông là gã tư sản phản động. Ông gọi chị là ruồi bâu xác thối. Đến lúc ấy họ đã to tiếng quát tháo. Rồi là sập cửa, là bánh xe đánh xuống đường sỏi, và thế là chấm hết.

Reenie mừng hay không vui? Không vui. Chị không ưa Callie, nhưng đã đâm quen chị ta, và chị ta đã có ích với cha một thời. Ai sẽ thay thế chị ta đây? Lại một ả mèo nào khác, mà quý lạ không bằng ma quen.

Tuần sau đó phát động tổng bãi công, để tỏ tình đoàn kết với công nhân nhà máy Chase và Con trai. Mọi cửa hàng, mọi giao dịch buôn bán đều phải đóng cửa, lệnh ra là thế. Mọi dịch vụ công đều phải nghỉ. Cả điện thoại, cả thư tín. Không sữa, không bánh mì, không đá. (Ai đưa ra những lệnh này? Không ai nghĩ đây là cái người trực tiếp đứng ra thông báo. Người này nhận mình là dân trong vùng, xuất thân ngay thị trấn, và trước kia mọi người cũng nghĩ vậy - hẳn ta thuộc nhà Morton, nhà Morgan, hoặc cái gì đó tương tự - nhưng tất nhiên giờ thì ai cũng hiểu hẳn ta không phải

dân trong vùng, lòng dạ hắn không phải. Hắn không thể là dân trong vùng, nếu đi hành xử như thế. Ông nội hắn là ai, nói xem?)

Vậy là không phải người này. Hắn ta không phải đầu não của vụ này, Reenie nói, bởi trước hết hắn ta không có não. Có những thế lực đen tối đằng sau.

Laura rất lo lắng về Alex Thomas. Anh ấy có dính líu thế nào đấy, nó nói. Nó biết là thế. Anh chắc chắn phải dính, theo nhân sinh quan của anh.

Đầu giờ chiều hôm ấy, Richard Griffen tới Avilion bằng xe hơi, đằng sau có hai chiếc nữa đi kèm. Cả ba đều to, sần thấp, bóng lộn. Ngoài ông ta có năm người tất cả, bốn người khá bụi con, áo bành tô đen và mũ phớt xám. Richard Griffen cùng một trong số đó vào phòng làm việc của cha, cùng với cha. Còn lại hai người đứng chắn trước cửa nhà, một cửa sau một cửa trước, hai người kia lấy một trong bảy xe đất tiền phóng đi đâu không rõ. Laura và tôi nhìn những chiếc xe hết đến rồi đi từ cửa sổ phòng ngủ nó. Chúng tôi đã nghe bảo đừng ngáng đường, cũng có nghĩa là đừng đến gần tầm nghe. Khi chúng tôi hỏi Reenie chuyện gì thế, trông chị có vẻ lo ngại, và nói chị cũng chỉ đoán mò như chúng tôi thôi, nhưng chị sẽ để ý theo dõi.

Richard Griffen không ở lại dùng bữa tối. Khi ông ta về hai chiếc xe về theo. Chiếc thứ ba ở lại, ba trong số những người bụi con cùng ở lại. Họ dọn một chỗ kín đáo ở khu nhà cho tài xế cũ, đằng ga ra.

Họ là thanh tra viên, Reenie đoán. Phải là thế. Vì thế họ lúc nào cũng mặc áo bành tô: vậy mới che được súng, họ kẹp trong nách. Súng họ dùng là súng lục. Chị biết là nhờ đọc tạp chí. Chị nói họ ở lại để bảo vệ cả nhà, và nếu có thấy ai bất thường lang vãng quanh vườn ban đêm - ngoài ba người đó, tất nhiên - chúng tôi phải hét thật to.

Ngày hôm sau có bạo động, trên những phố chính của thị trấn. Xuất hiện nhiều người chưa ai từng thấy trước đây, hoặc nếu có thấy thì cũng không ai nhớ. Ai mà nhớ được đám lang thang? Nhưng trong đó có những kẻ không phải lang thang, chúng là những kẻ khiêu khích quốc tế giấu mặt. Chúng đã ở đây do thám, từ rất lâu rồi. Làm sao chúng đến đây nhanh thế

được? Trên nóc xe lửa, nghe bảo thế. Những kẻ như chúng bằng cách đó mà đi khắp nơi.

Vụ bạo loạn bắt đầu từ một cuộc mít tinh ngoài tòa thị chính. Đầu tiên là những bài phát biểu nói về cơn đói được thuê khổng bố tinh thần công nhân; tiếp đến hình nộm cha, cắt bằng bìa, đội mũ quả dưa và hút xì gà - những việc ông chưa bao giờ làm trong đời - bị đem ra đốt, trong tiếng hoan hô rầm rĩ. Hai con rối vải mặc váy hồng lòe xòe cũng bị tẩm xăng quăng vào lửa. Đây là biểu thị chúng tôi - Laura và tôi, Reenie nói. Người ta đùa nhả là hai ả búp bê bốc lửa. (Những cuộc dạo chơi của Laura với Alex quanh thị trấn cũng không được bỏ qua.) Chính Ron Hincks đã kể lại những chuyện đó, Reenie bảo, vì nghĩ chị cần biết. Anh ta nói hai chúng tôi không nên đi vào thị trấn lúc này vì nhiệt đang lên cao và ai biết được chuyện gì. Anh ta nói chúng tôi nên ở yên trong Avilion, ở đó còn được an toàn. Anh ta nói chuyện hai con rối thật đáng xấu hổ hết mức, và anh ta sẵn sàng vắn cổ kẻ nào nghĩ ra trò đó.

Trên phố chính cửa hàng công sở nào không chịu đóng cửa đầu bị đập vỡ cửa sổ. Rồi những chỗ đã đóng cũng bị đập theo. Sau đó bắt đầu nạn hôi của, và tình hình thành ra mất kiểm soát nghiêm trọng. Tòa báo bị đột nhập, các phòng đều bị phá phách; Elwood Murray bị dấn như tử và máy móc trong xưởng in sau nhà bị đập nát. Buồn tối thoát nạn, nhưng máy ảnh thì không. Đây là những thời khắc khổ sở của ông ta, rồi chúng tôi sẽ được nghe tường tận, hết lần này đến lần khác, về sau.

Đêm đó nhà máy cục phát hỏa. Lửa phụt ra từ các cửa sổ tầng một - tôi không nhìn được từ phòng mình, nhưng xe cứu hỏa lan canh chạy qua, đến cứu nạn. Tôi buồn phiền và hoảng sợ, dĩ nhiên rồi, nhưng phải thừa nhận chuyện này cũng có gì đó khá kích động. Trong lúc đứng nghe tiếng leng keng, cùng những tiếng thét từ phía nhà máy xa xa vọng lại, tôi nghe có người đi lên từ cầu thang phụ. Tôi nghĩ có lẽ là Reenie, nhưng không phải. Đây là Laura; nó đang mặc áo gió.

“Em đi đâu thế?” tôi hỏi nó. “Chúng mình phải ở yên một chỗ. Không cần em đi lang thang thì cha cũng đủ chuyện lo rồi.”

“Em chỉ vào nhà kính thôi,” nó nói. “Em vào cầu nguyện. Em cần một nơi yên tĩnh.”

Rồi người ta cũng dập được lửa, nhưng tòa nhà đã bị tàn phá nặng nề. Đây là thông tin đầu tiên. Rồi bà Hillcoate chạy tới, hụt hơi, bê theo quần áo vừa giặt, và được người gác cho qua. Có kẻ đốt nhà, bà nói: người ta tìm thấy nhiều can xăng. Người trực đêm nằm chết trên sàn. Có vết bầm trên trán.

Người ta thấy hai kẻ bỏ chạy khỏi đó. Nhận dạng được không? Không chắc chắn, nhưng nghe đồn một trong hai là cậu bồ của cô Laura. Reenie nói đây không phải cậu bồ của nó, Laura không có cậu bồ nào cả, anh ta chỉ là người quen thôi. Ồi, là gì cũng được, bà Hillcoate nói, nhiều phần chắc chắn là hắn ta đã thiêu rụi nhà máy cúc và choảng vào đầu Al Davidson tội nghiệp khiến ông ta chết thẳng cẳng, và nếu hắn còn khôn hèn thì nên biết đường lánh cho xa khỏi thị trấn.

Đến bữa tối Laura nói mình không đói. Nó nói lúc này nó không ăn được: nó sẽ dọn một khay riêng, để ăn sau. Tôi nhìn nó mang khay theo cầu thang phụ về phòng. Trên khay cái gì cũng suất đúp - thịt thỏ, bí, khoai luộc. Bình thường nó coi ăn uống là một lối loay hoay - cho tay có việc để làm bên bàn ăn, trong lúc mọi người nói chuyện - hoặc không thì là một nhiệm vụ chán ngắt phải làm cho xong, như là đánh bóng đồ bạc. Một thứ quy trình bảo dưỡng tẻ nhạt. Tôi tự hỏi từ đâu ra thái độ lạc quan thành linh với đồ ăn như thế.

Hôm sau nữa, lính ở Trung đoàn hoàng gia Canada tới vẫn hời trật tự. Đây là trung đoàn cũ của cha hồi chiến tranh. Chuyện ấy làm cha cay đắng, khi thấy chính những người lính đó quay lại chống người của mình - người của ông, hoặc người ông từng nghĩ là của ông. Việc họ không còn nhìn nhận mình như ông thấy nữa thì chẳng cần thiên tài kiệt xuất cũng đoán được, nhưng cả đi đâu đó cũng làm ông cay đắng. Họ yêu ông có phải - chẳng lẽ - chỉ vì tiền? Có vẻ là thế.

Sau khi Trung đoàn hoàng gia Canada đã lập lại trật tự, đội Cảnh sát Kỵ binh đến theo. Ba người xuất hiện trước cửa nhà tôi. Họ gõ cửa rất lịch

thiếp, rồi đứng trong sảnh, ủng bóng loáng nghiêng kèn kẹt trên ván sàn đánh sập, mũ nâu cứng đồ cằn trong tay. Họ muốn nói chuyện với Laura.

“Đi cùng em, chị Iris,” Laura thẫn thờ khi nghe gọi. “Em không thể gặp họ một mình được.” Trông nó non nớt, trắng bệch.

Hai chúng tôi ngồi cạnh nhau trên đi văng trong phòng tiếp khách, bên máy quay đĩa cũ. Ba người Ky binh ngồi trên ghế bành. Họ không giống như tôi vẫn hình dung về các Ky binh, họ già quá, vòng bụng to quá mức. Một người trẻ hơn, nhưng anh ta không phải chỉ huy. Người ngồi giữa là người nói. Ông ta xin lỗi đã làm phiền chúng tôi vào thời điểm hãn là khó khăn này, nhưng việc này tương đối khẩn. Họ muốn nói chuyện về người có tên Alex Thomas. Laura liệu có biết rằng người này đã được xác nhận là phần tử nổi loạn cực đoan, và đã từng ở trại cứu trợ, chuyên khiêu khích và gây rối loạn?

Laura nói theo những gì nó biết thì anh ta chỉ dạy cho trại viên biết đọc.

Đấy cũng là một cách nhìn, viên Ky binh nói. Và nếu ông Thomas vô tội, thì dĩ nhiên là ông ta không có gì phải giấu, và sẽ ra trình diện nếu được yêu cầu, Laura có đồng ý không? Liệu ông ta có thể trú ở đâu trong mấy hôm này?

Laura nói nó không trả lời được.

Câu hỏi được lật lại theo cách khác. Người này đang bị tình nghi: chẳng lẽ Laura không muốn giúp định vị tên tội phạm rất có khả năng đã phóng hỏa nhà máy của cha cô và có thể là nguyên nhân cái chết của một người làm trung thành ư? Nếu những người làm chứng đáng tin, ấy là thế.

Tôi nói những người làm chứng không đáng tin, vì dù kẻ bị bắt gặp giữa lúc chạy trốn là ai thì cũng chỉ thấy từ phía sau, mà chưa kể lúc đó trời tối.

“Cô Laura?” viên Ky binh nói, lơ tôi đi.

Laura nói cho dù nó nói được, thì nó cũng không nói. Nó nói một người được coi là vô tội đến khi chứng minh được anh ta có tội. Và làm thế là đi

ngược lại những nguyên tắc Ki tô giáo của nó, ném người ra trước hàm sư tử. Nó nói nó rất buồn vì người trực đêm đã chết, nhưng đấy không phải lỗi của Alex Thomas, bởi Alex Thomas sẽ không bao giờ làm một việc như thế. Nhưng nó không thể nói gì thêm.

Nó đang nắm chặt tay tôi, gần cổ tay; tôi cảm thấy cơn run rẩy từ nó truyền sang, như đường ray rung lên dưới bánh tàu.

Viên trưởng toán Kỵ binh nhắc đến cụm từ cản trở công lý.

Đến lúc này tôi nói Laura mới mười lăm tuổi, và không thể buộc nó chịu trách nhiệm như một người thành niên. Tôi nói những gì nó đã nói với họ tất nhiên là thông tin mật, và nếu nó lọt ra ngoài phòng này - đến tai báo chí, chẳng hạn - thì cha tôi sẽ biết phải cảm ơn ai.

Ba người Kỵ binh mỉm cười, rồi đứng dậy, rồi cáo về họ tỏ ra đàng hoàng và thân thiện. Có thể họ đã nhìn ra tính khiếm nhã của phương hướng đi đầu tra này. Mặc dù đã đến chân tường, cha vẫn còn nhiều bận.

“Được rồi,” tôi nói với Laura, khi họ đã đi. “Chị biết em giấu anh ta ở trong nhà này. Tốt hơn hết là em nói cho chị ở đâu.”

“Em cho anh ấy ở dưới hầm lạnh,” Laura nói, môi dưới run lên.

“Hầm lạnh!” tôi kêu lên. “Gì mà ngốc thế! Sao lại ở đấy?”

“Để anh ấy còn có cái ăn, trong trường hợp khẩn cấp,” Laura nói, rồi òa khóc. Tôi ôm lấy nó, nó khịt khịt vào vai tôi.

“Có cái ăn à?” tôi nói. “Có mứt và thạch và dưa góp hả? Laura ơi là Laura, em đúng là trần đời có một.” Rồi cả hai cùng cười phá lên, và sau khi đã cười chán và Laura đã quệt nước mắt, tôi nói, “Chúng mình phải đưa anh ấy ra thôi. Nhỡ Reenie xuống lấy lọ mứt gì đó và đụng nhầm phải anh ấy thì sao? Chị ấy sẽ nhồi máu cơ tim mất.”

Chúng tôi cười một chập nữa. Cả hai đều rất kích động. Rồi tôi nói gác mái là tốt nhất, vì chẳng ai lên đó bao giờ. Tôi sẽ sắp xếp hết, tôi nói. Nó

thì đi ngủ đi là hơn: rõ ràng là cơn căng thẳng đã ảnh hưởng và nó đã kiệt sức rồi. Nó thở dài nho nhỏ, như một đứa bé đã mệt, rồi làm theo lời tôi. Nó đã sống trong lo sợ mấy hôm nay, oằn người dưới gánh nặng ghê gớm của bí mật này như dưới một cái bao tải dữ, và bây giờ đã trao lại cho tôi, nó có thể yên ổn mà ngủ.

Có phải tôi tin mình làm thế chỉ để giải phóng cho nó - để giúp nó, che chở nó, như tôi vẫn làm?

Phải. Lúc đó tôi tin vậy.

Tôi đợi đến khi Reenie đã dọn dẹp xong bếp về phòng nghỉ. Rồi tôi xuống cầu thang hầm, bước vào giá lạnh, vào bóng mờ tối, vào mùi ẩm mốc và mùi nhện. Tôi đi qua cửa hầm than, cửa hầm rượu khóa. Cửa hầm lạnh gài then. Tôi gõ cửa, mở then, đi vào. Có tiếng sột soạt. Xung quanh tối đen, tất nhiên; chỉ có ánh sáng từ hành lang hắt vào. Trên nóc thùng táo là tàn tích bữa tối của Laura - mấy khúc xương thỏ. Trông như bàn thờ của người nguyên thủy.

Đầu tiên tôi không thấy anh ta; anh ta đang nấp sau thùng táo. Rồi tôi cũng nhìn ra. Đầu gối, bàn chân. “Không sao đâu,” tôi thì thầm. “Là tôi đây.”

“À,” anh ta nói bằng giọng lúc thường. “Cô chị tận tụy.”

“Suyt,” tôi nói. Công tắc đèn là một sợi xích thông xuống từ bóng đèn. Tôi giật xích, đèn bật lên. Alex Thomas đang gỡ mình bò ra từ sau thùng táo. Anh ta gù người, chớp mắt, bẽn lẽn, như bị bắt quả tang chưa cài quần.

“Anh phải tự biết xấu hổ chứ,” tôi nói.

“Cô đến đuổi tôi đi, hoặc bắt tôi nộp cho giới chức có thẩm quyền, tôi đoán thế,” anh ta nói và mỉm cười.

“Đừng có ngớ ngẩn,” tôi nói. “Chắc chắn tôi không muốn anh bị phát hiện ở đây. Cha sẽ không chịu nổi vụ tai tiếng.”

“Con Gái Nhà Tư Bản Che Chở Tay Sát Nhân Bôn Sê Vích?” anh ta nói.
“Ly Kỳ Tổ Ấm Tình Yêu Giữa Chồng Lạ Thạch? Kiểu như thế phải không?”

Tôi cau mày nhìn anh ta. Đây không phải chuyện đùa.

“Cô yên tâm. Laura và tôi không có gì đâu,” anh ta nói. “Đây là một cô bé rất cừ, nhưng cô nhỏ là một bà thánh tập sự, còn tôi không phải kẻ đồ trẻ con.” Giờ anh ta đã đứng thẳng lên và đang phỉ bươi.

“Thế thì làm sao nó lại đi giấu anh?” tôi hỏi.

“Nguyên tắc là nguyên tắc. Khi tôi đã hỏi, cô bé buộc phải nhận lời. Tôi thuộc vào hạng người thích hợp.”

“Hạng gì?”

“ ‘Kẻ hèn mọn nhất’, tôi nghĩ thế,” anh ta nói. “Theo lời Giê su.” Tôi thấy câu đó khá cay độc. Rồi anh ta bảo gặp Laura là khá tình cờ. Anh ta vấp phải nó trong nhà kính. Anh ta làm gì trong đó? Ăn nấp, dĩ nhiên. Anh ta cũng đã hy vọng, anh ta bảo, có thể nói chuyện với tôi.

“Tôi à?” tôi nói. “Vì sao cơ chứ, với tôi?”

“Tôi nghĩ cô sẽ biết phải làm gì. Cô có vẻ là mẫu người thực tế. Em cô thì thiếu...”

“Laura xem ra đã xoay xử khá tốt,” tôi nói cộc lốc. Tôi không thích người khác chê bai Laura - tính mơ hồ, tính đơn giản, tính tắc trách của nó. Chê Laura là quyền của riêng tôi. “Làm sao nó lại đưa anh qua những người canh cửa được?” Tôi hỏi. “Để vào nhà? Những người mặc áo bành tô ấy.”

“Ngay cả những người mặc áo bành tô cũng có lúc phải đi giải buồn,” anh ta đáp.

Tôi giật mình vì sự thô tục này - nó đi ngược lại thái độ lịch thiệp của anh ta bên bàn ăn tối - nhưng có lẽ đây là một ví dụ về cái cười khẩy của trẻ

mồ côi mà Reenie phỏng đoán. Tôi quyết định lờ đi. “Anh không phải kẻ phóng hỏa, tôi hiểu là thế,” tôi nói. Tôi cố ý mỉa mai, nhưng lại không được tiếp nhận như vậy.

“Tôi không ngu mà làm thế,” anh ta nói. “Tôi không đi phóng hỏa mà không có lý do.”

“Ai cũng nghĩ là anh.”

“Nhưng không phải,” anh ta nói. “Nhưng nghĩ như thế sẽ rất tiện cho một số người.”

“Một số người nào? Vì sao?” Lần này không phải muốn dằn anh ta, mà tôi thực sự bối rối.

“Cô có óc mà,” anh ta đáp. Nhưng không nói gì thêm.

GÁC MÁI

Tôi lấy một ngọn nến từ lò đèn trong bếp, phòng khi mất điện, thắp lên và dẫn Alex Thomas khỏi hầm lạnh qua bếp lên cầu thang phụ, rồi theo cầu thang xếp lên gác mái bố trí anh ta đằng sau ba cái rương rỗng. Có mấy tấm chăn cũ cất trong cái hòm gỗ tuyết tùng trên gác mái, tôi lôi ra làm đệm nằm.

“Không ai lên đây đâu,” tôi nói. “Nếu có, anh chui xuống dưới chăn. Đừng đi lại, ở dưới có thể nghe tiếng chân. Đừng bật đèn.” (Có một bóng đèn giắt xích trên gác mái, như trong hầm lạnh.) “Chúng tôi sẽ mang cho anh cái gì đó ăn sáng mai,” tôi thêm, chưa nghĩ ra làm cách nào thực hiện lời hứa này.

Tôi xuống nhà, rồi lại trở lên cầm một cái xô, đặt xuống không nói một lời. Đây là một tiểu tiết vẫn khiến tôi băn khoăn, mỗi lần nghe Reenie kể chuyện bắt cóc - vệ sinh cá nhân thì sao? Bị nhốt trong hầm ngục là một chuyện, mất thể diện đến độ phải ngửi xôm trong góc, vấy bẩn lên lại là chuyện khác.

Alex Thomas gật đầu và nói, “Giỏi lắm. Cô đúng là chiến hữu đấy. Tôi biết cô là người thực tế.”

Sáng hôm sau Laura và tôi mở hội đàm thầm trong phòng ngủ của nó. Các chủ đề là lo liệu thức ăn đều đặn, yêu cầu cảnh giác, và xử trí cái xô. Một trong hai đứa - giả vờ đọc sách - sẽ đứng gác trong phòng tôi, cửa để mà từ đây nhìn được cửa lên cầu thang gác mái. Đứa kia sẽ lấy rồi mang đi. Chúng tôi quyết định thay nhau chia hai việc đó. Chương ngại lớn nhất là Reenie, chị chắc chắn sẽ đánh hơi thấy nếu chúng tôi làm ra vẻ quá lén lút.

Chúng tôi chưa nghĩ ra phương án sẽ làm gì nếu bị phát hiện. Chúng tôi không bao giờ nghĩ ra. Tất cả đều tùy cơ ứng biến.

Bữa sáng đầu tiên của Alex Thomas là vỏ bánh mì nướng. Lệ thường chúng tôi không động đến vỏ bánh trừ khi bị cần nhằn - Reenie vẫn còn

thói quen nói *Hãy nghĩ đến những người Armenia chết đói* - nhưng lần này, khi Reenie nhìn sang, vỏ bánh đã biến sạch. Thực ra chúng đã tìm vào túi váy xanh thủy quân của Laura.

“Alex Thomas hẳn là người Armenia chết đói,” tôi thì thầm, khi cả hai hối hả lên cầu thang. Nhưng Laura không nghĩ thế là buồn cười. Nó nghĩ thế là chính xác.

Sáng và chiều tối là giờ thăm của chúng tôi. Chúng tôi tấn công tủ bếp, càn quét các món thừa. Chúng tôi tuồn lên cà rốt sống, bì thịt hun khói, trứng luộc cần dở, những lát bánh mì gấp lại, phết bơ và mứt ở trong. Một lần có cả một đùi gà hầm - một chiến công táo bạo. Lại thêm những cốc nước lọc, tách sữa hay cà phê nguội. Chúng tôi dọn hết những đĩa không, tích dưới gầm giường đến khi trời êm bẽ lắng, rồi rửa trong bồn rửa phòng tắm trước khi trả lại vào tủ bát đĩa. (Việc này tôi làm; Laura quá ư vụng.) Chúng tôi không dùng bộ đồ sứ quý. Nếu có gì bị vỡ thì sao? Ngay cả một cái đĩa xoàng xĩnh cũng có thể gây chú ý: Reenie nhớ từng cái một. Thế nên chúng tôi rất thận trọng về phần đồ đạc.

Reenie có nghi ngờ không? Tôi đoán là có. Chị vẫn thường biết ngay khi chúng tôi có mưu đồ gì đó. Nhưng chị cũng biết khi nào thì không biết chắc chắn cái gì đó là cái gì lại sáng suốt hơn. Tôi đoán là chị đã chủ ý nói chị không biết gì, trong trường hợp chúng tôi bị tóm. Nhưng chị cũng bảo, một lần, chúng tôi đừng có ăn vụng nho khô; chị nói chúng tôi đang ăn uống như thùng không đáy, mà bấp chận sao bỗng dưng khẳng khiu thế kia? Và chị nổi cáu khi cái bánh bí mất một góc. Laura nói là nó ăn đấy; nó lên cơn đói thành linh, nó bảo thế.

“Cả cùi bánh à?” Reenie nghiêm khắc hỏi. Laura không bao giờ ăn cùi bánh của Reenie. Không ai ăn cả. Ngay cả Alex Thomas.

“Em ném cho chim,” Laura nói. Cái này thì đúng: nó làm thế thật, sau khi dọn xong.

Alex Thomas ban đầu khá cảm tạ những cố gắng của chúng tôi. Anh ta nói chúng tôi đúng là chiến hữu giỏi, nói nếu không có chúng tôi anh ta đã tiêu tùng từ lâu. Rồi anh ta muốn có thuốc lá - anh ta thèm thuốc điên lên được.

Chúng tôi mang lên một ít lấy từ hộp bạc trên nóc dương cầ, nhưng để anh ta chỉ được hạn chế một điều mỗi ngày - khói thuốc có thể làm lộ. (Anh ta bỏ qua lời răn.)

Rồi anh ta nói ở trên gác mái tệ nhất là không thể giữ vệ sinh. Anh ta nói miệng mình như đường cống. Chúng tôi ăn trộm cái bàn chải cũ Reenie vẫn dùng đánh bóng đồ bạc, và kỳ cọ nó càng sạch càng tốt cho anh; anh ta bảo thế còn hơn không. Một hôm chúng tôi mang lên chậu rửa và khăn mặt, cùng một ca nước ấm. Sau khi xong anh ta đợi khi không có ai ở dưới mà hắt nước bắn ra ngoài cửa sổ gác mái. Trời mấy hôm đó mưa, nên mặt đất đằng nào cũng ướt và vệt nước không gây chú ý. Ít lâu sau đó, khi trời êm bẽ lặng, chúng tôi cho phép anh ta xuống cầu thang và nhốt lại trong phòng tắm chung của cả hai, để anh ta được tắm rửa tử tế. (Chúng tôi đã bảo Reenie muốn giúp chị một tay tự cọ rửa lấy phòng tắm, và nhận được lời bình: *Chẳng bao giờ hết bất ngờ.*)

Trong lúc diễn ra công cuộc tắm rửa của Alex Thomas thì Laura ngẩng trong phòng ngủ của nó, tôi trong phòng tôi, mỗi đứa canh chừng một cửa phòng tắm. Tôi cố không nghĩ đến những gì đang xảy ra bên trong. Hình ảnh anh ta bỏ hết quần áo khiến tôi khó ở, theo một cách tôi không đủ sức nghĩ hết.

Alex Thomas xuất hiện trong các cột xã luận, không chỉ trên tờ tuần báo thị trấn. Anh ta là một kẻ đốt nhà giết người, các bài báo nói, và là loại tệ nhất - loại hành động do thói cuồng tín máu lạnh. Anh ta đến Càng Ticonderoga cốt để cài cắm vào giới thợ thuyền, và để gieo mìn mống bất ổn, riêng việc này thì đã thành công, cứ nhìn cuộc tổng bãi công và bạo loạn thì thấy. Anh ta là điển hình về những mặt xấu của giáo dục đại học - một chàng trai khôn ngoan, khôn quá hóa hại, đầu óc lẫn lộn đi vì bạn bè xấu và sách vở tồi. Người ta dẫn lời cha nuôi anh ta, một giám mục Trưởng lão, rằng ông cầu nguyện hằng đêm cho linh hồn Alex, nhưng hẳn đúng là dòng dõi răn lục. Việc ông cứu Alex hồi nhỏ khỏi thảm họa chiến tranh cũng không được bỏ qua: Alex là một cành cây giật ra khỏi lửa, ông nói, nhưng rước người lạ vào nhà chẳng biết lúc nào thành ong tay áo. Hàm ý là có những cành cây tốt hơn không nên giật ra.

Thêm vào đó, cảnh sát đã cho in một tờ lệnh truy nã dán lên nhà bưu điện, cũng như những nơi công cộng khác. May mắn là ảnh không rõ lắm: Alex giờ tay ra trước, khiến mặt khuất đi một phần. Đây là tấm ảnh trên báo, tấm Elwood Murray đã chụp ba chúng tôi, ở buổi picnic nhà máy cưa. (Laura và tôi bị cắt khỏi hai phía, dĩ nhiên.) Elwood Murray có bày tỏ rằng lẽ ra có thể in được tấm rõ hơn từ âm bản, nhưng khi đi tìm thì phim đã mất rồi. Chuyện đó cũng không có gì lạ: khá nhiều thứ đã bị tiêu hủy khi văn phòng tòa báo bị đập phá.

Chúng tôi mang cho Alex xem những mẫu báo cắt, và cả một tờ truy nã nữa - Laura lột từ cột điện thoại. Anh ta đọc miêu tả chính mình với một vẻ sầm sập. “Chúng muốn cái đầu tôi dón trên mâm, ^[13]” anh chỉ nói thế.

Sau vài ngày, anh ta hỏi liệu chúng tôi có mang cho ít giấy được không, để viết. Còn một chồng vở học sinh từ triều đại thầy Erskine để lại: chúng tôi mang đến cho anh ta, và cả một cái bút chì.

“Chị nghĩ anh ấy viết gì?” Laura hỏi. Chúng tôi đoán không ra. Nhật ký bị giam, tự bào chữa cho mình? Hoặc một bức thư, cho ai đó có khả năng giải cứu. Nhưng anh ta không nhờ gửi cái gì bao giờ, nên đây không phải thư.

Việc chăm nom Alex Thomas khiến tôi với Laura xích lại gần nhau sau một thời gian dài xa cách. Anh ta là bí mật tội lỗi, lại cũng là chiến dịch cao quý của chúng tôi - một thứ rốt cuộc chúng tôi có thể chia sẻ được. Chúng tôi là hai người Samari tốt, vớt khỏi cồng người rơi vào giữa bầy kẻ cướp. Chúng tôi là Mary và Martha, đang chăm sóc - chà, không phải Giê su, ngay cả Laura cũng không đi xa đến thế, nhưng thấy rõ là con bé đã phân ai vào vai nào. Tôi sẽ là Martha, bận rộn việc nhà ở hậu cảnh; nó sẽ là Mary, đặt trọn niềm tôn thờ dưới chân Alex. (Con người ta muốn gì hơn? Thịt hun và trứng, hay thờ phụng? Có lúc cái này, lúc là cái kia, tùy xem anh ta đối đến đâu.)

Laura mang những vụn thức ăn lên cầu thang xép như mang lễ vật lên đền. Nó bùng cái bô xuống như bùng hòm thánh tích, hoặc là một ngọn nến báu đang run rẩy chực tắt.

Đêm đến, sau khi chăm bón tưới tắm xong cho Alex Thomas, chúng tôi thường bàn luận về anh ta - hôm đó sắc mặt anh ta ra sao, anh ta có gầy quá không, anh ta có ho không - chúng tôi không muốn anh ta ốm. Không biết anh ta cần gì, chúng tôi nên trộm lấy thứ gì cho anh ngày hôm sau. Rồi mỗi đứa sẽ trở về giường mình. Tôi không biết Laura thế nào, nhưng tôi sẽ hình dung anh ta trên kia gác mái, ngay phía trên đầu tôi. Cả anh ta nữa cũng sẽ cố ngủ, lăn qua lộn lại trên giường là những tấm chăn đã mốc. Rồi anh ta sẽ ngủ. Rồi anh ta sẽ mơ, những giấc mơ dài về chiến tranh và khói lửa, và những ngôi làng tan rã, các mảnh vỡ rải tứ tung.

Tôi không biết đến lúc nào những giấc mơ anh ta biến thành mơ về đuổi bắt và trốn chạy; tôi không biết đến lúc nào tôi đã đến cùng anh trong những giấc mơ ấy, cùng bỏ chạy, tay trong tay, trong ánh tờ mờ, bỏ lại một tòa nhà bốc cháy, vượt qua những cánh đồng thối Chạp hằn rãnh cày, mặt đất đầy gốc rễ sương giá đã bắt đầu đóng lại, về vệt rừng tối mờ xa xa.

Nhưng đây không hẳn là giấc mơ của anh ta, cái này tôi biết. Đây là giấc mơ của tôi. Chính là Avilion đang bốc cháy, chính những mảnh vỡ của nơi này rải khắp mặt đất - bộ đồ sứ quý, cái bát Sèvres với những cánh hồng, hộp thuốc lá bạc trên nóc dương cầm. Cả cỗ dương cầm, cả những cửa sổ kính màu trong phòng ăn - cái chén đỏ như máu, cây đàn hạc nứt của Iseult - mọi thứ tôi vẫn khao khát được rời bỏ, phải, nhưng không phải do tàn phá. Tôi muốn rời nhà, nhưng muốn nhà vẫn ở yên đó chờ tôi, không thay đổi, để tôi có thể bước trở về tùy ý muốn.

Một hôm, khi Laura đã ra ngoài - bây giờ nó không sợ nguy hiểm nữa, những người mặc áo bành tô đã đi và cả các Kỳ binh, phố xá đã yên tĩnh trở lại - tôi quyết định một mình lên gác mái. Tôi có một lễ vật - một túi lý chua và vả khô, lấy trộm từ đồ trang trí bánh Giáng sinh. Tôi thám thính một vòng - đã an toàn, Reenie đang bận rộn với bà Hillcoate trong bếp - rồi đi lên gác mái gõ cửa. Chúng tôi lúc này đã có dấu hiệu quy ước, một tiếng ròi lại ba tiếng liên tiếp nhau. Rồi tôi rón rén đi lên cầu thang xép.

Alex Thomas đang khom người bên cửa sổ nhỏ hình quả trứng, cố lợi dụng chút ánh sáng trời. Rõ ràng anh ta không nghe tiếng gõ: anh ta quay lưng lại tôi, chăm quần quanh vai. Có vẻ anh ta đang viết. Tôi ngửi thấy mùi

thuốc lá - thế đấy, anh ta đang hút, bàn tay anh ta đang cầm điếu thuốc kia. Tôi không nghĩ anh ta nên hút thuốc gần chỗ như thế.

Tôi không rõ nên đánh động bằng cách nào. “Tôi đây,” tôi nói.

Anh ta giật nẩy người, đánh rơi điếu thuốc. Nó rơi xuống chỗ. Tôi thở gấp, quỳ sụp xuống tìm cách dập - tôi đã thấy trước mắt cảnh tượng quen thuộc Avilion chìm trong biển lửa. “Không sao đâu,” anh ta nói. Anh ta cũng đang quỳ, cả hai cùng sức tìm có đốm lửa nào còn sót. Rồi tiếp theo tôi đã thấy cả hai chúng tôi lăn trên sàn, anh ta nắm lấy tôi và đang hôn lên miệng.

Tôi không thấy trước việc này.

Tôi có thấy trước việc này không? Có phải nó đến đột ngột thế, hay là có những mở đầu: một tay chạm, một mắt nhìn? Tôi có làm gì để kích động anh ta? Theo những gì tôi nhớ thì không, nhưng liệu những gì tôi nhớ có đúng là những gì đã xảy ra thực sự?

Bây giờ thì đúng: tôi là người duy nhất còn sống.

Đằng nào thì, tất cả giống hệt như Reenie đã nói, về tội đàn ông trong rạp hát, chỉ có điếu tôi không cảm thấy phần uất. Nhưng phần còn lại thì đúng hệt: tôi bị đông cứng, bị tê liệt, tôi không có cách nào thoát ra. Xương cốt tôi đã biến thành sáp chảy. Anh ta đã tuột gần hết hàng cúc trước khi tôi có thể nhồm người, bứt ra, bỏ chạy.

Tôi chạy đi không nói một tiếng. Khi hồi hải xuống cầu thang xếp, vuốt lại tóc, gài lại sơ mi, tôi có cảm giác - sau lưng mình - anh ta đang cười nhạo.

Tôi không biết chính xác điếu gì sẽ diễn ra nếu tôi để một chuyện như thế xảy ra lần nữa, nhưng dù là gì thì cũng nguy hiểm, ít ra là với tôi. Sẽ là tôi mời gọi, tôi đáng nhận được thứ sắp đến, sẽ là tai họa đang chờ xảy ra. Tôi không thể ở một mình trên gác mái với Alex Thomas lần nữa, mà cũng không thể kể cho Laura vì sao. Con bé sẽ bị tổn thương nặng; nó sẽ không bao giờ hiểu nổi. (Còn có một khả năng nữa - anh ta cũng đã làm chuyện

tương tự với Laura. Nhưng không, tôi không tin được. Nó sẽ không bao giờ chấp nhận. Có không?)

“Chúng mình phải đưa anh ấy ra ngoài thị trấn,” tôi bảo Laura. “Chúng mình không thể làm thế này mãi. Rồi mọi người sẽ nhận ra.”

“Bây giờ chưa được,” Laura nói. “Họ vẫn còn đang theo dõi đường ray.” Nó ở vị thế nắm được đi đầu này, vì vẫn tiếp tục làm ở bếp phát chẩn nhà thờ.

“Vậy thì chỗ nào khác trong thị trấn vậy,” tôi nói.

“Chỗ nào? Không có chỗ nào khác cả. Và chỗ này là tốt nhất - đây là chỗ duy nhất họ không bao giờ nghĩ đến.”

Alex Thomas nói anh ta không muốn bị nhốt trong tuyết. Anh ta nói cả mùa đông ng ồi trên gác mái sẽ khiến anh ta hóa r ồ. Anh ta nói từ c ảng phát sốt r ồi. Anh ta nói sẽ đi bộ vài dặm dọc đường ray, r ồi nhảy toa hàng - ở đó có một bến sông cao dễ nhảy hơn. Anh ta nói chỉ c ần đến được Toronto, anh ta sẽ có chỗ nấp - anh ta có bạn bè ở đó, bạn anh ta lại có bạn bè. Rồi anh ta sẽ vượt biên xuống Mỹ, bằng cách nào đó, ở đó sẽ an toàn hơn. Theo như đọc được trên báo, nhà chức trách nghi anh ta đã ở Mỹ r ồi. Họ chắc chắn không còn lùng sục ở Cảng Ticonderoga.

Tới tu ần đầu tháng Giêng, chúng tôi quyết định đã an toàn, anh ta có thể đi. Chúng tôi ăn trộm cái áo khoác cũ của cha từ góc trong cùng phòng để áo, và gói cho anh bữa trưa - bánh mì pho mát, quả táo - và tiễn anh ta lên đường. (Cha lúc sau phát hiện mất áo và Laura nói mình đã đem cho một người lang thang, ít ra cũng có một phần sự thật. Vì cử chỉ này hoàn toàn phù hợp với bản chất nó nên không ai ngờ vực, chỉ có cầu nhàu.)

Đêm khởi hành chúng tôi mở cho Alex ra lối cửa sau. Anh ta nói anh ta mắc nợ chúng tôi rất nhiều, và nói sẽ không bao giờ quên. Anh ta ôm mỗi đứa một cái, kiểu người anh cả, lâu bằng nhau. Rõ ràng là anh ta muốn sớm rũ được chúng tôi. Ngoài chuyện lúc đó là ban đêm ra, thì khung cảnh giống lạ lòng cuộc đưa tiễn lên đường đi học xa. Sau đó chúng

tôi khóc, như hai bà mẹ. Cũng là do nhẹ nhõm - rằng anh ta đã đi, đã cất khỏi vai chúng tôi - nhưng cả cái đó cũng giống như mẹ nữa.

Anh ta để lại một trong những cuốn vở rẻ ti ền chúng tôi cho. Tất nhiên chúng tôi mở ra lập tức xem anh ta có viết gì trong đó không. Chúng tôi hy vọng thấy gì? Một lá thư chia tay, bày tỏ lòng cảm ơn bất diệt? Những tình cảm tốt đẹp dành cho chúng tôi? Cái gì đó tựa tựa thế.

Chúng tôi tìm thấy thứ này:

anchoryne

nacrod

berel

onyxor

carchineal

porphyrial

diamite

quartzephyr

ebonort

rhint

fulgor

sapphyrion

glutz

tristok

hortz

ulinth

iridis

vorver

jocynth

wotanite

kalkil

xenor

lazaris

yorula

malachont

zycron

“Đá quý à?” Laura hỏi.

“Không. Nghe không giống,” tôi nói.

“Đây có phải tiếng nước ngoài không?”

Tôi không biết. Tôi nghĩ danh sách này nhìn rất đáng ngờ, như một bản mật mã. Có lẽ Alex Thomas (quả đúng) là như những người khác vẫn buộc tội anh ta: một gã do thám hay gì đó.

“Chị nghĩ mình cần hủy nó đi,” tôi nói.

“Đề em,” Laura nói nhanh. “Em sẽ đốt trong lò sưởi phòng em.” Nó gấp quynh vở lại, nhét vào túi.

Một tuần sau khi Alex Thomas đi, Laura sang phòng tôi. “Em nghĩ chị nên giữ cái này,” nó nói. Đây là ảnh chụp ba chúng tôi, tấm Elwood Murray chụp trong buổi picnic. Nhưng nó đã cắt mình ra khỏi ảnh - chỉ còn lại bàn tay. Nó không thể cắt nốt bàn tay nếu muốn giữ thẳng mép ảnh. Nó không hề tô màu bức ảnh, trừ bàn tay lạc loài. Bàn tay được tô màu vàng rất nhạt.

“Ôi chúa ơi, Laura!” tôi nói. “Em lấy cái này đâu ra đây?”

“Em rửa vài tấm,” nó nói. “Hồi em làm với Elwood Murray. Em cũng lấy cả phim nữa.”

Tôi không biết nên bức tức hay nên cảnh giác. Cắt bức ảnh ra như thế là một việc rất lạ lùng. Nhìn bàn tay vàng nhạt của Laura, bò về phía Alex trên bãi cỏ như một con cua lân tinh, tôi lạnh cả gáy. “Sao em lại làm thế hả trời?”

“Bởi chị chỉ muốn nhớ đi đâu này,” nó nói. Thật trắng trợn đến khiến tôi thở gấp. Nó nhìn thẳng vào mắt tôi, nếu là ai khác đây đã là cử chỉ thách thức. Nhưng đây là diễn hình Laura: giọng nó không hờn dỗi cũng không ghen tị. Đối với nó đây chỉ là nói ra sự thật.

“Không sao cả đâu,” nó nói. “Em có một tấm khác, cho em.”

“Và chị không có trong tấm của em?”

“Không,” nó nói. “Không có chị. Không có chị, chỉ có bàn tay của chị.” Đây là lần duy nhất, trước mặt tôi, nó từng gần như thú nhận tình yêu với Alex Thomas. Ngoại trừ cái ngày trước khi nó chết. Cũng không phải nó có dùng chữ *yêu*, ngay cả lúc đó.

Lẽ ra tôi phải quăng tấm ảnh què quặt này đi, nhưng lại không làm thế.

Mọi thứ trở về trật tự quen thuộc, đều đều như xưa. Theo một thỏa thuận không lời, Laura và tôi không nhắc đến Alex Thomas lần nào nữa. Có quá nhiều điều không thể nói ra, cả hai phía. Ban đầu tôi thường đi lên gác mái - vẫn còn nhận ra mùi khói thuốc nhạt nhòa - nhưng sau ít lâu thì thôi, bởi làm vậy chẳng đem lại gì tốt đẹp.

Chúng tôi lại vùi mình vào cuộc sống hằng ngày, trong chừng mực có thể. Bây giờ đã có thêm chút tiền, vì cuối cùng cha cũng sẽ nhận được khoản bảo hiểm, dành cho nhà máy bị cháy. Không phải đủ, nhưng chúng tôi cũng được - như ông nói - một khoảng duỗi chân tay.

PHÒNG HOÀNG ĐẾ

Mùa đang lật cửa, trái đất lắng mình ra xa ánh sáng; dưới những bụi cây bên đường giấy rác mùa hè bay bay như đi lên báo tuyết sắp đến. Khí trời khô dãn, cho người tập sống chung với sa mạc mùa hệ thống sưởi trung tâm. Chưa gì đâu hai ngón tay cái tôi đã nẻ, mặt đã héo thêm. Giá nhìn được da mình trong gương - giá tôi đến được đủ gần, hoặc đứng cách đủ xa - sẽ thấy trên đó những nhệt những đường tí xiu, giữa những nếp nhăn cái, như bức chạm trên xương cá voi.

Đêm qua tôi mơ thấy chân mình mọc lông. Không phải lột phốt mà nhiều khủng khiếp - lông đen túa ra từng cụm từng chùm ngay trước mắt tôi, lan lên khắp đùi như da thú chưa thuộc. Tôi mơ mùa đông đang tới, nên tôi sẽ ngủ đông. Đầu tiên tôi sẽ mọc lông, rồi bò vào hang, rồi ngủ. Mọi chuyện đầu thấy bình thường, như tôi đã làm trước đây rồi. Rồi tôi nhớ ra, dù vẫn đang mơ, rằng mình chưa bao giờ lông lá đến mức ấy và đến giờ thì đã trụi thui lụi, hoặc ít nhất là chân tôi đã trụi, vì thế cặp chân này, dù có về gắn vào người tôi, ắt không phải chân tôi. Thêm nữa chúng không có cảm giác. Đây là chân của một vật gì khác, hay một người nào khác. Tôi chỉ cần lần theo đôi chân, đưa tay vuốt dọc lên, là sẽ biết người hay vật đó là gì.

Nỗi hoảng hốt khiến tôi tỉnh dậy, hoặc là tôi tưởng thế. Trong mơ tôi thấy Richard trở lại. Tôi nghe thấy tiếng ông ta thở trên giường ngay cạnh mình. Nhưng không có ai ở đó.

Rồi tôi tỉnh dậy thật. Hai chân tê điếng: tôi nằm ngủ vắn người. Tôi lập cập dò mở đèn giường, phiên dịch mặt đồng hồ đã hai giờ sáng. Tim tôi đang nện khó khăn, như vừa chạy một quãng dài. Ngày xưa người ta vẫn nói đúng ghê, tôi nghĩ. Ác mộng có thể chết người.

Tôi hồi hải, tiến như cua ngang trang giấy. Bây giờ là một cuộc đua chậm chạp, giữa tôi và quả tim, nhưng tôi quyết phải đến nơi trước. Nơi đó là đâu? Kết thúc, hoặc *Kết Thúc*. Hoặc cái này hoặc cái kia. Cả hai đâu là đích đến, theo cách riêng.

Tháng Giêng và tháng Hai năm 1935. Cao điểm mùa đông. Tuyết rơi, hơi thở cô đặc; lò sưởi cháy, khói bốc cao, máy sưởi càn cạch. Ô tô xéo khỏi đường lao xuống rãnh; tài xế tuyệt vọng, không mong cứu nạn, để máy nổ suốt đêm rồi chết ngạt. Dân lang thang chết cứng đầy ghế đá công viên hay nhà kho bỏ không, cứng đờ như ma nơ canh, như đang làm dáng trong cửa hàng trưng bày cảnh đói rét. Xác người không chôn được vì không đào nổi mộ trên nền đất cứng như thép, dằn hàng chờ trong nhà phụ của các phu đào huyết bản chôn. Chuột sống khỏe. Các bà mẹ ôm con, không tìm nổi việc và không trả nổi tiền, bị đẩy ra ngoài giữa trời tuyết, của nả vứt theo. Trẻ con trượt băng trên hồ cuối xay sông Louveteau, hai đứa ngã xuống băng, một chết đuối. Đường ống nước đóng băng rồi vỡ tung.

Laura và tôi càng lúc càng ít gần nhau. Nói cho đúng là chẳng dễ thấy mặt nó nữa: nó đang phụ giúp chiến dịch cứu tế của Giáo hội Thống nhất, hoặc là nó bảo thế. Reenie nói sang tháng sau chị sẽ chỉ làm cho nhà tôi tuần ba buổi thôi; chị bảo chân đạo này đau, để lấp đi sự thật là chúng tôi không còn đủ tiền nuôi chị cả tuần như trước nữa. Đằng nào thì tôi vẫn biết, chuyện đó lộ lộ như cái mũi nằm giữa mắt. Như cái mũi nằm giữa mặt cha, khuôn mặt như buổi sáng sau khi tàu lật. Gần đây ông ở trên tháp khá nhiều.

Nhà máy cúc rỗng không, bên trong tan tành đen nhẻm. Không đủ tiền sửa: công ty bảo hiểm đang rút lại, dẫn ra những chuyện bí hiểm xoay quanh vụ đốt nhà. Người ta thì thầm với nhau rằng chuyện không phải như bên ngoài: một số buồng lời ám chỉ chính cha đã tự mình phóng hỏa, tìm cách vu vạ cho ông. Hai nhà máy kia vẫn đóng cửa, cha đang nát óc nghĩ xem có cách nào mở lại được không. Ông đi Toronto càng lúc càng thường xuyên, lo làm ăn. Đôi lúc ông cho tôi đi cùng, cha con tôi ở Khách sạn hoàng gia York, được coi là hàng đầu thời đó. Đây là nơi mọi chủ tịch công ty hay bác sĩ luật sư, nếu có nhu cầu, đến gửi tình nhân và mở những cuộc truy hoan cả tuần liền, nhưng hồi ấy tôi không biết.

Ai trả tiền những chuyến du ngoạn ấy cho cha con tôi? Tôi ngờ đấy là Richard, người luôn có mặt trong mọi dịp. Ông ta là đối tác làm ăn của cha tôi: người cuối cùng sót lại, trong một lĩnh vực đã thu hẹp. Nội dung làm ăn là việc bán hai nhà máy, nội tình khá phức tạp. Cha đã thử rao bán từ trước

ra rồi, nhưng vào thời buổi này không ai muốn mua, với những điều kiện cha đặt ra. Cha chỉ muốn bán cổ phần thiểu số. Ông muốn giữ quyền đi lại hành. Ông muốn được rút vốn. Ông muốn nhà máy mở cửa lại, để lính của ông lại có việc làm. Ông gọi “lính của ông”, cứ như họ vẫn còn trong quân ngũ và ông vẫn là chỉ huy của họ. Ông không muốn giảm thiệt hại cho mình và bỏ rơi họ, vì như ai cũng hiểu, hoặc từng hiểu, thuyền trưởng phải chìm theo tàu. Nhưng thời buổi này chẳng ai buồn hiểu nữa. Thời buổi này họ sẽ thanh lý rồi rút dũ, và dọn đến Florida.

Cha nói cần đưa tôi đi cùng để “ghi chép”, nhưng tôi chẳng bao giờ ghi chép gì. Tôi tin mình đi theo cốt để ông có người ở bên - hỗ trợ về mặt tinh thần. Rõ ràng ông cần hỗ trợ. Ông gầy như que củi, đôi bàn tay run rẩy miết. Phải vận sức lắm ông mới viết xong tên mình.

Laura không đi cùng những chuyến này. Nó không cần có mặt. Nó ở nhà, tự chia nhỏ miếng bánh mì để ba ngày và bát xúp loãng. Nó đã bắt đầu biếng ăn, như thể thấy mình không xứng đáng.

“Giê su vẫn ăn đấy chứ,” Reenie nói. “Ngài ăn đủ mọi thứ. Ngài không bóp dạ dày.”

“Phải,” Laura nói, “nhưng em không phải Giê su.”

“Hừ, ơn trời cô nàng ít nhất còn đủ tỉnh táo mà biết điều đó,” Reenie càu nhàu với tôi. Chị gạt hai phần ba bữa tối Laura bỏ lại vào nĩa xúp, bởi đồ đi thì vừa có tội vừa đáng thẹn. Đây là niềm tự hào của chị, trong những năm đó: chị không bao giờ vứt đi thứ gì.

Cha không nuôi tài xế nữa, mà cũng không đủ tự tin cần lái. Cha con tôi đi xe lửa đến Toronto, xuống ga Thống Nhất, băng ngang đường tới khách sạn. Tôi cần phải tự tìm đường giải trí các buổi chiều, trong khi cha đi làm ăn. Nhưng chủ yếu tôi ng ã trong phòng, bởi tôi sợ thành phố lớn và ngưng vì mớ quần áo xoàng xĩnh trên người, chúng khiến tôi nhỏ lại mấy tuổi. Tôi ng ã trong phòng đọc tạp chí: *Cẩm nang phụ nữ và gia đình*, *Tuần báo Collier*, *Mayfair*. Chủ yếu tôi đọc các truyện ngắn, thế nào cũng có yêu đương. Tôi không thích thú gì món hân hay mẫu móc, nhưng các mẹo làm đẹp khiến tôi chú ý. Thêm vào đó tôi đọc các mẫu quảng cáo. Coóc xê tạo

hình Latex giãn hai chi đầu sẽ giúp tôi chơi bridge giỏi hơn. Dù tôi có hút thuốc như ống khói cũng không ai nhận ra, vì miệng tôi sẽ thơm tho nếu chung thủy với Spuds. Cái gì đó gọi là Larvex sẽ chấm dứt nỗi lo âu về mối của tôi. Tại nhà nghỉ Bigwin, bên hồ Vịnh xinh đẹp nơi mỗi giây phút đầu sáng khoải, tôi có thể tập cho thân hình mảnh mai trong tiếng nhạc trên bờ cát.

Sau khi việc làm ăn trong ngày đã xong, ba người chúng tôi - cha, Richard và tôi - sẽ ăn tối ở khách sạn. Những dịp đó tôi thường không nói gì, bởi có gì mà nói? Đê-tai bên bàn luôn là kinh tế và chính trị, cơn Đại suy thoái, tình hình châu Âu, những bước tiến đáng ngại của Cộng sản Toàn cầu. Richard theo quan điểm rằng Hitler rõ ràng đã xốc lại nước Đức trên khía cạnh tài chính. Ông ta ít ưa Mussolini hơn, tay này vừa tài tử lại vừa tay mơ. Có người đã đề nghị Richard bỏ vốn đầu tư vào một loại sợi mới người Ý đang nghiên cứu chế tạo - chuyện bí mật lắm - làm từ protein sữa đun nóng. Nhưng nếu dính ướt, Richard nói, nó sẽ bốc mùi pho mát nồng nặc, và các quý bà Bắc Mỹ sẽ chẳng bao giờ chịu nổi. Ông ta sẽ trung thành với tơ nhân tạo thôi, dù thứ đó vẫn nhăn nhúm khi trời ẩm, và sẽ dễ tai nghe ngóng nếu có gì khả quan. Rồi sẽ phải có một phát kiến gì chứ, một loại sợi nhân tạo đủ sức đẩy bật lụa khỏi thị trường, và đẩy vải bông đi kha khá nữa. Các bà muốn là muốn một mặt hàng không cần ủi - phơi trên dây là xong, tự khô đi mà không nếp nhăn. Họ cũng muốn tất dài vừa bền lại vừa trong suốt, để còn khoe đôi chân đẹp. Phải thế không? ông ta hỏi tôi, miệng mỉm cười. Ông ta có thói quen viện ý tôi về những đê-tai liên quan đến các bà.

Tôi gật. Lúc nào tôi cũng gật. Tôi không bao giờ để ý nghe kỹ, không chỉ vì những chuyện trò kiểu ấy làm tôi chán mà còn vì chúng làm tôi đau. Tôi đau lòng thấy cha tôi hòa theo những quan niệm tôi nghĩ ông không đồng ý.

Richard nói rất muốn mời chúng tôi đến nhà ăn tối, nhưng vì ông ta hãy còn độc thân nên đây sẽ là một cử chỉ liêu lĩnh. Ông ta sống trong một căn hộ bu ồn tẻ, ông ta bảo thế; ông ta bảo ông ta về cơ bản là một thầy tu. “Người không có vợ, người không có đời” ông ta nói, miệng mỉm cười. Nghe như nhặt từ cuốn sách nào đó. Tôi nghĩ đúng là như thế.

Richard cầu hôn tôi trong Phòng Hoàng Đế của Khách sạn hoàng gia York. Ông ta đã mời tôi ăn trưa, có cả cha; nhưng đến phút cuối, trong lúc hai chúng tôi đi dọc hành lang khách sạn ra thang máy, cha nói mình không đi được. Tôi sẽ phải đến một mình thôi, ông nói.

Tất nhiên đấy là chuyện dàn xếp sẵn giữa bọn họ.

“Richard sẽ hỏi con một đi ầu,” cha bảo tôi. Nghe giọng ông có vẻ hơi lỗi.

“Vâng?” tôi đáp. Chắc là lại chuyện giặt ủi, nhưng tôi không quan tâm lắm. Trong mắt tôi Richard thuộc về thế giới người lớn. Ông ta ba mươi lăm, tôi mười tám. Ông ta đã bỏ xa giới hạn tôi để tâm.

“Cha nghĩ có thể ông ấy sẽ hỏi cưới con,” ông nói.

Lúc này chúng tôi đã xuống đến đại sảnh. Tôi ng ẫ xuống. “Ồ,” tôi nói. Bỗng nhiên tôi nhận ra đi ầu đáng phải nhìn thấy từ lâu lắm r ẫ. Tôi những muốn phá lên cười, như khi lộ tẩy một màn ảo thuật. Tôi cũng thấy ruột gan lộn tung phèo. Nhưng giọng tôi vẫn đi ềm tĩnh. “Con nên làm gì?”

“Cha đã chấp thuận r ẫ,” cha tôi nói. “Thế nên tùy con.” R ẫ ông thêm: “Có vài đi ầu phụ thuộc vào chuyện đó.”

“Có vài đi ầu?”

“Cha phải nghĩ đến tương lai của các con. Trong trường hợp có gì xảy ra với cha, con hiểu không. Nhất là tương lai của Laura.” Ý ông muốn nói là trừ khi tôi lấy Richard, chúng tôi sẽ không có đ ờng nào. Ý ông muốn nói còn là hai chúng tôi - tôi, và nhất là Laura - sẽ không bao giờ đủ sức tự lo lấy thân. “Cha còn phải nghĩ đến nhà máy nữa,” ông nói. “Cha phải nghĩ đến việc làm ăn nữa. Vẫn còn có cơ cứu vãn được, nhưng bọn nhà băng đang bám riết. Chúng sắp chộp lấy cha r ẫ. Chúng không chờ lâu nữa đâu.” Ông đang tì vào ba toong, nhìn đăm đăm xuống thảm, và tôi thấy ông tủi hổ làm sao. Kiệt quệ làm sao. “Cha không muốn tất cả cuối cùng lại đổ xuống sông xuống biển. Ông nội con, r ẫ thì... Năm chục, sáu chục năm vất vả, rốt cuộc xôi hỏng bỏng không.”

“Ồ. Con hiểu.” Tôi đã bị d ãn đường cùng. Không có vẻ tôi còn lựa chọn nào mà đưa ra.

“Chúng sẽ chiếm cả Avilion nữa. Chúng sẽ bán đi.”

“Bán Avilion?”

“Avilion đã đem thế chấp đến tận móng nhà.”

“Ồ.”

“Sẽ cần đến một chút nghị lực nhất định. Một chút can đảm. Ngậm b ồ hòn vân vân.”

Tôi không trả lời.

“Nhưng tất nhiên,” ông nói, “con quyết định thế nào là việc của con.”

Tôi không trả lời.

“Cha không muốn con phải làm gì mà con nhất quyết không chịu,” ông nói, nhìn lướt qua tôi bằng con mắt lạnh, mày hơi nhíu lại, như thấy vật gì đó có t ầm quan trọng lớn lao vừa lọt vào mắt. Sau lưng tôi chỉ có bức tường.

Tôi không trả lời.

“Tốt. Thế là xong, vậy đó.” Cha có vẻ nhẹ nhõm. “Ông ta rất biết đi ầu, Griffen ấy. Cha tin là ông ta vững vàng, đằng sau mọi sự.”

“Con tin thế,” tôi nói. “Con tin là ông ta vững vàng.”

“Con sẽ được trông nom cẩn thận. Và Laura nữa, tất nhiên.”

“Tất nhiên,” tôi nói yếu ớt. “Laura nữa.”

“Vậy tươi lên đi.”

Tôi có trách tội ông không? Không. Bây giờ không còn nữa. Mắt nhìn lại quá khứ lúc nào chẳng mười trên mười, nhưng ông chỉ làm theo đi đâu sẽ được coi - đã được coi, lúc ấy - là trách nhiệm. Ông đang cố hết sức mình theo cách ông có thể.

Như được ra hiệu Richard đến nhập hội, và hai người bắt tay. Tay của tôi cũng được nắm lấy, bóp nhẹ. Rồi đến khuỷu tay. Đây là cách đàn ông lái đường phụ nữ thời ấy - cầm khuỷu tay - và tôi được lái khuỷu tay vào Phòng Hoàng Đế. Richard nói ông ta muốn ra quán Cà phê Venice, sáng hơn và không khí nhộn nhịp hơn, nhưng tiếc là ở đây đã kín chỗ.

Bây giờ nhớ lại thì thấy kỳ, nhưng Khách sạn hoàng gia York là tòa nhà cao nhất Toronto hồi ấy, và Phòng Hoàng Đế là phòng tiệc to nhất ở đây. Richard thích những gì đồ sộ. Căn phòng có những dãy cột vuông rất lớn, trần nhà khảm, một hàng đèn chùm trên trần, cái nào cũng rủ đuôi tua: cảnh dư dật cô đặc. Nó toát lên vẻ da thuộc, nặng, kình cang - cảm giác còn chẳng chịt đường gân. Nó gọi đến từ *porphyry*, dù có thể ở đây không hề dùng đá đó.

Lúc ấy giữa trưa, một trong những ngày mùa đông dễ khiến lòng người bất ổn, sáng hơn bình thường. Ánh nắng trắng đổ vào từng vệt qua kẽ hở giữa các lớp màn nặng nề, chắc là màu gụ, hình như thế, và chắc chắn bằng nhung. Đằng sau những mùi quen thuộc của phòng tiệc khách sạn, mùi rau trên bàn giữ nhiệt và cá hầm hầm ấm, có một thứ mùi kim loại nóng và vãi ngún khói. Bàn Richard đặt nằm một góc mờ tối, tránh xa ánh sáng xối vào. Một nụ hồng cắm trong bình thon; tôi nhìn Richard qua đầu nó, tò mò không biết ông ta sẽ tiến hành kiểu gì. Ông ta có nắm lấy tay tôi, bóp chặt, ngại ngần, lúng búng? Tôi ngờ là không.

Tôi không ghét ông ta quá đáng. Tôi chỉ không thích ông ta. Tôi chẳng có mấy khái niệm về ông ta bởi tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều đến ông ta, dù có để ý - thỉnh thoảng - áo quần quyến rũ ông ta mặc. Nhiều lúc ông ta khá hóm hỉnh, nhưng ít nhất ông ta cũng không phải xếp vào dạng xấu, không hề. Tôi nghĩ có thể coi là ông ta khá sáng giá. Tôi thấy hơi chóng mặt. Tôi vẫn chưa biết mình sẽ làm gì.

Người b ấ đến. Richard gọi món. R ấ nhìn đ ờng h ờ R ấ nói chuyện. Tôi không nghe thấy ông ta nói gì. Ông ta cười. Ông ta xòe ra cái hộp nhỏ bọc nhung đen, mở nắp. Một vật sáng lóng lánh nằm trong.

Đêm đó tôi nằm co, run rẩy giữa cái giường khách sạn mênh mông. Bàn chân tôi lạnh ngắt, đầu gối so lên, đầu đặt nghiêng trên gối; trước mặt tôi là cảnh hoang vu băng giá, ga giường trắng h ờ cứng trải dài đến vô cùng. Tôi biết mình không bao giờ còn lội ngược lại, lần theo dấu cũ, trở lại nơi còn ấm; tôi biết mình đã mất phương hướng, tôi biết mình đã lạc đường. Sẽ có người phát hiện tôi ở đây nhiều năm sau, một đội thám hiểm can trường nào đấy - thấy tôi quy giữa đường đi, một tay vung ra như chết đuối vớ phải rạ, mặt mũi đã khô kiệt, các ngón tay bị sỏi gặm dở.

Cảm giác tôi đang có là khiếp sợ, nhưng không phải khiếp sợ Richard. Tôi thấy như thể mái vòm tỏa sáng trên nóc Khách sạn hoàng gia York đã bị vụn ra và tôi đang phôi mình dưới mắt một thực thể độc ác đâu đó bên kia bề mặt đen trống rỗng gần sao của bầu trời. Đây là Chúa, đang chĩa con mắt đèn pha thờ ơ mĩa mai nhìn xuống. Ngài ta đang quan sát tôi, đang quan sát cơn khốn khổ của tôi; đang quan sát tôi mất hết niềm tin vào ngài. Phòng không có sàn: tôi đang lơ lửng giữa không trung, chuẩn bị bỏ nhào. Cứ ngỡ này sẽ vô tận - vô tận rơi.

Những cảm giác suy sụp này tuy vậy thường không đọng lại trong ánh sáng trong trời ban ngày, khi người ta trẻ.

VƯỜN ARCADIA

Ngoài cửa, trong sân sẫm tối, tuyết rơi. Tiếng môi hôn trên kính. R ồi sẽ tan ngay vì mới tháng Mười một, nhưng vẫn coi như đầu mùa. Không biết làm sao tôi lại thấy hưng phấn thế. Tôi biết tiếp sẽ là gì: tuyết bùn, bóng tối, cảm cúm, băng trong, gió hút, muối bột trên ủng^[14]. Nhưng vẫn có cảm giác trông chờ: g ồng mình bước vào trận đánh. Mùa đông là một thứ người ta có thể mở cửa bước vào, khiêu chiến, r ồi lừa lẫn lại vào nhà. Tuy thế tôi vẫn ước giá nhà có lò sưởi.

Nhà tôi ở cùng Richard có lò sưởi. Có bốn cái là khác. Một cái trong phòng ngủ chúng tôi, như tôi nhớ. Lửa liếm trên da thịt.

Tôi thả ống tay áo len đang xắn, kéo cổ tay áo trùm qua bàn tay. Như loại găng không ngón người ta dùng h ồi trước - chủ tiệm rau quả hay đại loại thế - để làm việc trong trời lạnh. Từ đầu thu đến giờ vẫn ấm, nhưng tôi không thể bị lừa mất cảnh giác mà chảnh mắng. Tôi c ần gọi người đến bảo dưỡng cái lò sưởi. Lục ra áo ngủ dày. Trữ sẵn ít đậu nướng đóng hộp, ít nến, ít diêm. Một trận bão băng như năm ngoái là các cửa hàng sẽ đóng cửa sạch, và r ồi người ta sẽ bị bỏ mặc trong cái nhà mất điện toa lét hỏng, không có gì để uống trừ băng đun chảy.

Trong vườn không còn gì ngoài lá khô và cọng cây giòn rụm, cùng mấy bông cúc sống dai. Mặt trời đã mất độ cao; bây giờ trời tối rất sớm. Tôi ng ồi viết bên bàn bếp, trong nhà. Tôi nhớ tiếng nước qua gh ềnh. Đôi lúc có gió, thổi qua những cành trơ, vẫn nguyên như trước dù không còn đáng tin như xưa.

Sau ngày đính hôn một tuần tôi được phái tới dùng bữa trưa với em gái Richard, Winifred Griffen Prior. Lời mời từ phía chị ta, nhưng Richard mới là người thực sự phái tôi đi, tôi cảm thấy thế. Cũng có thể là tôi nh ầm, bởi Winifred giật dây khá nhiều chuyện, và có thể đã giật dây Richard cả vụ này. Nhiều phần chắc là cả hai người họ đ ồng mưu.

Bữa trưa dự định ở Vườn Arcadia. Đây là địa điểm hẹn ăn trưa của mọi quý bà, ngự tít trên đỉnh trung tâm bách hóa Simpsons ở phố Queen - một căn phòng cao rộng rãi, thiết kế theo kiểu được cho là “Byzantium” (có nghĩa là dãy cửa vòm và cột ng ẩ chầu), màu chủ đạo là hoa cà và bạc, những đường cong nhịp nhàng trên đèn chùm và ghế. Bao lơn chạy quanh phòng kiểu gác lửng, lan can sắt uốn - dành riêng cho đàn ông, cho giới doanh nhân. Cho họ ng ẩ trên đó nhìn xuống các bà, lông cằm đ ầu, miệng riu rít, như một sân chim.

Tôi chọn bộ váy ban ngày diện nhất của mình, bộ duy nhất nhìn được cho dịp đó: vết xanh thủy quân đi với váy xếp li, sơ mi trắng thắt nơ ở cổ, mũ xanh thủy quân trông như mũ nan bơi thuyền. Cái tổ hợp này khiến tôi nhìn có vẻ nữ sinh, hay đang đi quyên ti ền cho Đội quân Cứu thế. Còn giày đừng nhắc đến thì hơn; tới tận bây giờ nghĩ lại thôi cũng đủ r ầu. Chiếc nhẫn đính hôn mới toanh tôi nắm chặt trong bàn tay găng vải bông, hiểu rằng đi với áo qu ần mình, cái nhẫn một là trông như gắn thủy tinh, hai là như đ ồ ăn trộm.

Ông quản lý nhìn xéo qua như tin chắc tôi đã đến nh ần nơi, hoặc ít nhất cũng đi nh ần cửa - chắc hẳn tôi đến xin việc làm? Trông tôi quả có xơ xác, và chưa đủ tuổi tham dự bữa trưa giữa các quý bà. Nhưng r ẩ tôi nói tên Winifred và được qua xuôi lọt, vì Winifred tuyệt đối sống ở Vườn Arcadia. (*Tuyệt đối sống ở* là nguyên văn chị ta phát ngôn.)

Ít nhất tôi cũng không phải đợi, vừa ng ẩ vừa uống nước đá một mình giữa những bà chải chuốt đang ngó nhìn trân trân tự hỏi làm thế nào con bé này lọt vào đây, bởi Winifred đã ở trong r ẩ, bên một chiếc trong dãy bàn màu nhạt. Chị ta cao hơn tôi còn nhớ - *mảnh dẻ*, hoặc thậm chí là *lả lướt*, có thể nói vậy, dù một phần là nhờ coóc xê bó mình. Chị ta vận một tổ hợp màu xanh lá - không phải xanh nhạt mà là xanh r ẩ, gần như hờm hĩnh. (Khi kẹo cao su tạo màu bằng diệp lục trở thành một hai thập kỷ sau, nó đúng là cái màu đó.) Chị ta mang đôi giày da cá sấu xanh cho đ ồng bộ. Đôi giày nhìn bóng, dẻo như cao su, lại hơi loáng ướt, như lá súng trên h ồ, và tôi nghĩ chưa bao giờ thấy thứ giày gì điển nh ấ, tân kỳ đến thế. Mũ chị ta cũng cùng màu ấy - một cơn lốc vải xanh cuộn quanh đ ầu, ngất ngưỡng như bánh kem tẩm độc.

Tôi nhìn ra đúng lúc chị ta đang làm một việc tôi đã được dạy phải tránh xa vì thế là hạ tiện: chị ta đang soi mặt trong gương con cầ tay, giữa chỗ đông người. Tệ hơn nữa: chị ta đang dặm lại phấn mũi. Trong lúc tôi còn lưỡng lự, không muốn để lộ mình đã bắt gặp chị ta giữa chừng cái cử chỉ thô tục kia, chị ta đã đóng nắp gương bỏ tọt vào cái ví da cá sấu xanh bóng loáng như chuyện bình thường nhất trầ đời. Rồi chị ta ngồng cổ cầ chậm ngoảnh bộ mặt đánh phấn lại nhìn quanh, ánh mắt trắng dã như đèn xe hơi. Rồi chị ta thấy tôi, mỉm cười, và chìa ra một bàn tay uể oải, chào đón. Cổ tay đeo cái xuyên bạc, nhìn tôi đã thêm tức khắc.

“Cứ gọi tôi là Freddie,” chị ta nói khi tôi ng ỏi xong. “Đám b ờ ruột đầu gọi thế, mà tôi muốn chúng mình cũng sẽ thành b ờ ruột.” H ỏi đó những phụ nữ như Winifred đang có một chọn tên thân mật nghe như trẻ giai: Billie, Bobbie, Willie, Charlie. Tôi không có biệt danh nào như thế, nên không thể đáp lại bằng cử chỉ tương tự.

“Ồ, cái nhẫn đấy hở?” chị ta nói. “Nó đẹp mê h ờn nhỉ? Tôi giúp Richard chọn đấy - anh ấy vẫn thích tôi đi mua sắm hộ. Đàn ông dễ nhúc đầu chuyện đó, nhỉ, mua sắm ấy? Anh ấy nghĩ có lẽ chọn ngọc lục bảo, nhưng chẳng có gì sánh được với kim cương, hở?”

Trong lúc nói, chị ta soi xét tôi vẻ tò mò pha lẫn thích thú lạnh lùng, để xem tôi tiếp nhận ra sao cái chuyện chị ta biến chiếc nhẫn đính hôn thành một cú chạy vật. Mắt chị ta linh lợi và to kỳ lạ, trên mí đánh bóng mắt xanh. Đôi mày vẽ chì tĩa thành một vòm cung rất đều, khiến mặt chị ta có cái vẻ buồn chán mà đồng thời lại sừng sốt không tin, vẻ mặt đã được hoàn thiện nhờ các minh tinh màn bạc thời ấy, dù tôi rất ngờ Winifred có bao giờ thực sự ngạc nhiên. Son môi chị ta màu cam đậm ngả h ờng, vừa mới trình làng - *vỏ tôm* là cái tên chính xác, như tôi đọc trong các tạp chí giờ chi ều. Giọng chị ta thuộc loại vẫn được gọi là giọng uýt ky - rất tr ầm, g ần như giọng đàn ông, bọc trong một lớp ráp, thô, như lưỡi mèo - như nhung làm từ da thuộc.

(Chị ta ưa chơi bài, như sau này tôi biết. Bridge thôi, không phải poker - chị ta chắc sẽ giỏi poker, giỏi tháu cáy, nhưng trò ấy li ều lĩnh quá, độ rủi ro lớn quá; chị ta ưa cược vào những cửa đã cầ chắc. Chị ta cũng chơi gôn, nhưng chủ yếu là để tạo quan hệ; chị ta không chơi giỏi như vẫn tỏ vẻ.

Quần vợt thì quá tốn sức; chị ta không muốn ai thấy mình mồ hôi nhễ nhại. Chị ta còn “bơi thuyền”, nghĩa là, theo chị ta hiểu, ngẩng trên nệm đặt trong thuyền, đội mũ, đầu gối bên cạnh.)

Winifred hỏi tôi muốn ăn gì. Tôi nói ăn gì cũng được. Chị ta gọi tôi là “cưng”, và nói món xa lát Waldorf thật đến mê hồn. Tôi nói vâng.

Tôi không thấy chút triển vọng nào sẽ có lúc cả gan gọi chị ta là *Freddie* - như thế có vẻ suồng sã quá, bất kính là khác. Chị ta suy cho cùng là một người lớn - ba chục, hay ít nhất cũng hăm chín. Chị ta kém Richard chừng sáu bảy tuổi, nhưng họ là chiến hữu: “Richard với tôi là chiến hữu ruột,” chị ta nói với tôi giọng tin cậy, lần đầu tiên nhưng không phải cuối cùng. Đây là lời hăm dọa, tất nhiên, cũng như phần lớn những gì chị ta rồi sẽ nói với tôi bằng cái giọng thoải mái và tin cậy kia. Câu đó không chỉ nghĩa là chị ta có những quyền lợi xưa hơn nhiều quyền lợi của tôi, và những mối ràng buộc ràng buộc tôi hiểu được, mà còn nghĩa là nếu tôi có đời nào dám chọc giận Richard thì giờ hồn: sẽ phải đối phó với cả hai bọn họ.

Chị ta là người đứng ra lo liệu mọi sự cho Richard, chị ta bảo tôi - các sự kiện giao tế, tiệc cốc tai và tiệc tối vân vân - bởi anh ấy là trai chưa vợ, và, như chị ta nói (và rồi nói đi nói lại, năm này qua năm khác): “Bạn gái chúng mình quản vằm mắt đó.” Rồi chị ta nói mình thật đẹp lòng vì Richard cuối cùng cũng yên bề gia thất, mà lại là một cô gái trẻ đáng yêu như tôi. Đã có một hai lần hụt - vài vụ mắc mứu. (Winifred luôn nói về đàn bà có quan hệ với Richard theo cách ấy - *mắc mứu*, như lưới, hay mạng nhện, hay bẫy thừng, hay chỉ xoàng như là dây nhựa dẻo vút vương vãi quanh sán, dễ dính phải giày nếu không để ý.)

May mắn là Richard đã thoát khỏi những mắc mứu đó, dù không phải đàn bà không đuổi theo anh ấy. Chúng đuổi theo anh ấy hàng *đàn*, Winifred nói, giọng ụt ki hạ xuống, và đầu tôi thoáng hiện ra hình ảnh Richard, áo quần tơi tả, mái tóc mượt rối tung, cuống cuống bỏ chạy trong khi một bầy giống cái vừa rượt theo vừa hú đằng sau. Nhưng tôi không tin được hình ảnh đó. Tôi không thể hình dung Richard có bao giờ chạy, hay vội vã, hay thậm chí tỏ ra sợ hãi. Tôi không thể hình dung ông ta gặp nguy hiểm.

Tôi hết gật lại cười, không biết mình được coi là thuộc loại nào. Tôi có nằm trong đám mắc mứu dính như kẹo không? Có thể lắm. Nhưng bên ngoài thì tôi đang được khai thông cho hiểu rằng Richard có giá trị nội tại rất cao, và rằng tôi liệu đường xử sự nếu muốn xứng đáng với giá trị đó. “Nhưng tôi chắc là cô sẽ lo liệu được thôi,” Winifred nói, hơi mỉm cười. “Cô còn *trẻ* thế cơ mà.” Thực ra thì, chính tuổi trẻ là thứ sẽ khiến tôi càng ít khả năng lo liệu, đó cũng là điều Winifred trông mong. Chị ta thì không hề có ý định sẽ bớt quyên lo liệu trong tay mình.

Món xa lát Waldorf dọn ra. Winifred nhìn tôi cầm dao nĩa lên - ít nhất tôi cũng không dùng tay mà bốc, về mặt chị ta nói thế - và khẽ thở dài. Tôi là một ca khó nhọc cho chị ta, bây giờ tôi hiểu. Hẳn là chị ta đã nghĩ tôi dẫn đổi, hoặc ù lì: tôi không biết bắt chuyện, tôi ngu độn quá, *nhà quê* quá. Hoặc có thể đấy là tiếng thở dài khi nghĩ tới tương lai - đến công việc trong tương lai, bởi tôi là một cục đất sét không hình thù, và bây giờ chị ta sẽ phải xắn tay áo mà bắt tay vào nhào nặn.

Việc hôm nay chớ để ngày mai. Chị ta tiến hành lập tức. Phương pháp của chị ta là ám chỉ, là gợi ý. (Chị ta còn một phương pháp nữa - phương pháp roi vọt - nhưng tôi chưa gặp ngay bữa này.) Chị ta nói có biết bà tôi ngày xưa, hoặc ít ra là biết *tiếng* bà. Các phu nhân họ Montfort ở Montreal vẫn nổi tiếng là thanh lịch, chị ta nói, nhưng tất nhiên Adelia Montfort đã qua đời trước khi tôi sinh. Đấy là cách chị ta biểu lộ rằng bất chấp dòng dõi nhà tôi, chúng tôi thực tế đang bắt đầu từ số không.

Quần áo của tôi còn là chuyện nhỏ, chị ta ngụ ý. Quần áo mua lúc nào cũng được, tất nhiên, nhưng tôi phải biết mặc cho đúng cách. “Như là lớp da thứ hai, cưng ạ,” chị ta nói. Tóc tôi không còn gì để nói - đã dài lại không uốn, chải lật ra đằng sau, lấy cặp cặp lại. Đã thấy cần cây kéo và bàn cuốn lô. Rồi lại còn mười móng tay tôi nữa. Không nên màu mè quá, nhớ cho; tuổi tôi chưa đến lúc màu mè. “Cô có thể trở nên duyên dáng,” Winifred nói. “Tuyệt đối đấy. Chỉ cần cố gắng chút thôi.”

Tôi lắng nghe, nhũn nhặn và cảm tức. Tôi biết mình chẳng có duyên. Cả Laura lẫn tôi đều không. Khó mà duyên nổi: chúng tôi đã quen thói kín lờ, hoặc lúc khác thì lại lỗ mãng. Chúng tôi chưa bao giờ được học cách làm

duyên, bởi Reenie nuông chi ầu chúng tôi quá mức. Chị nghĩ bản thân *chúng tôi* là đủ cho bất cứ kẻ nào r ồi. Chúng tôi không phải tĩa tốt vì kẻ khác, như họ bằng lời ngọt ngào hay mè nheo hay đá lông nheo điệu nghệ. Tôi nghĩ cha thì có thể thấy duyên cũng có ích ở một hai điểm đấy, nhưng ông chẳng bao giờ truy ền giảng lại cho chúng tôi. Ông muốn chúng tôi giống con trai, và chúng tôi đã thành ra thế. Không ai dạy tụi con trai phải biết duyên. Người ta sẽ nghĩ chúng lệch lạc.

Winifred ngấm tôi ăn, trên môi nụ cười khó hiểu. Chưa gì tôi đã biến thành một chuỗi tính từ chạy qua đầu chị ta - một chuỗi giai thoại nực cười để thuật lại cho đám b ồruột, Billie và Bobbie và Charlie. *Mặc như xin ở từ thiện. Ăn như bị bỏ đói lâu nay. Còn giày nữa chứ!*

“Nào,” chị ta nói, sau khi đã gẩy xong miếng xa lát - Winifred không bữa nào ăn hết đ ồ ăn - “bây giờ chúng ta sẽ phải chụm đầu lại bàn bạc.”

Tôi không hiểu chị ta nói gì. Chị ta lại thở dài khe khẽ. “Lên kế hoạch cho lễ cưới,” chị ta nói. “Chúng ta không còn nhiều thời gian đâu. Tôi đang tính, Thánh tông đ ồ Simon, r ồi phòng khiêu vũ ở Hoàng gia York, phòng chính ấy, cho buổi chiều đ ầu.”

Chắc tôi đã nghĩ mình sẽ được trao gọn tên cho Richard, như trao gói đ ồ nhưng không phải, sẽ c ần có lễ lạt - mà không chỉ một buổi. Tiệc cốc tai, tiệc trà, tiệc tặng quà cô dâu, ngày chụp ảnh chân dung, còn đăng báo. Sẽ y như đám cưới của mẹ tôi, trong những chuyện Reenie vẫn kể, nhưng có vẻ như chạy ngược dòng và thiếu đi vài mảnh. Khúc dạo đầu lãng mạn đ ầu r ồi, đ ầu r ồi chàng trai trẻ quỳ dưới chân tôi? Tôi cảm thấy một lu ồng thất vọng dâng từ đ ầu gối tràn lên mặt. Winifred nhìn thấy, nhưng không có lấy một cử chỉ trấn an. Chị ta không muốn tôi an tâm.

“Đừng lo cung ơ,” chị ta nói, giọng điệu có vẻ chẳng mấy hy vọng. Chị ta vỗ vỗ tay tôi. “Tôi sẽ chỉ cô đường đi nước bước.” Tôi cảm thấy ý chí đang chảy cạn khỏi người - chảy nốt chút sức lực nào còn lại để quyết định hành động của chính mình. (Quả tình! Giờ tôi hiểu. Quả tình chị ta là một thứ má mì. Quả tình chị ta là kẻ dắt gái.)

“Lạy trời, nhìn đờng hờ xem,” chị ta nói. Chị ta đeo đờng hờ bằng bạc mền mại, như sợi ruy băng bằng kim loại chảy, mặt có những chấm nhỏ thay chữ số. “Tôi phải chạy thôi. Chúng nó sẽ mang trà lại, cả bánh caramel hay gì đó nếu cô thích. Các cô gái trẻ hay háo ngọt. Hay là hảo ngọt nhỉ?” Chị ta cười, rồi đứng dậy, tặng tôi một cái hôn màu vỏ tôm, không phải lên má mà lên trán. Đây là để nhắc tôi nhớ vị trí mình - một đứa trẻ, chẳng nghi ngờ gì nữa.

Tôi nhìn chị ta chuyển động qua không gian màu nhạt lượn sóng Vườn Arcadia như đang lướt, phân phát những cái gập đầu khó nhận thấy và những bàn tay vẩy chính xác từng li. Không khí rẽ đường trước chị ta như cỏ rậm; đôi chân hình như không gấn vào hông, mà gấn thẳng vào thắt lưng; không thấy gì lắc lư. Tôi cảm thấy thân thể mình phình ra từng chỗ, hai bên dây quai, bên trên nịt tất. Tôi khao khát có thể sao lại bước chân kia, trơn tuột không thịt xương và không gì đe dọa nổi.

Tôi không được rước dâu từ Avilion, mà từ cái nhà khung gỗ nhái Tudor của Winifred ở Rosedale. Địa điểm đó được coi là tiện hơn, bởi phần lớn khách khứa đều ở Toronto. Hơn nữa như thế cha tôi sẽ đỡ phải ngượng ngập vì không lo nổi lễ cưới hoành tráng cỡ Winifred muốn.

Cha còn không đủ tiền may áo quần: Winifred lo hết. Lèn chặt trong hành lý của tôi - trong một trong số vài cái rương mới toanh cho tôi - là chiếc váy quần vọt dù tôi không biết chơi, một bộ đồ bơi dù tôi không biết bơi, và vài chiếc váy xòe khiêu vũ nữa, dù tôi không biết nhảy. Từ đâu mà tôi học những món ấy được? Avilion thì không rồi, cả bơi cũng không, bởi Reenie cấm chúng tôi xuống nước. Nhưng Winifred cương quyết phải có những đồ này. Chị ta nói tôi cần ăn mặc cho đúng dịp, dù có khiếm khuyết điểm nào, và những điểm đó tôi không bao giờ được lộ ra. “Cứ nói cô nhưc đầu,” chị ta bảo tôi. “Đây là lý do dùng được cho mọi dịp.”

Chị ta còn bảo tôi nhiều thứ nữa. “Tỏ vẻ buồn chán thì được,” chị ta nói. “Nhưng đừng bao giờ tỏ ra sợ hãi. Chúng nó sẽ đánh hơi thấy nỗi sợ của cô, như cá mập, và xông đến giết. Cô có thể nhìn mép bàn - như thế sẽ làm mi mắt hạ xuống - nhưng không được nhìn xuống sàn, như thế trông cô sẽ yếu ớt. Đừng đứng thẳng lưng, cô không phải là lính. Đừng bao giờ *rúm*

người. Nếu có ai nói gì có ý xúc phạm, cô đáp lại *Xin lỗi?* như chưa nghe thấy, chín phần mười là chúng nó không đủ gan nhắc lại. Đứng cao giọng khi nói với bầy đàn, như thế là thô tục. Cứ để chúng cúi xuống, đấy là bổn phận của chúng. Đừng nghịch tóc hay gãy tay. Lúc nào cũng giữ vẻ mặt như là cô có chuyện khác đáng làm hơn, nhưng không được tỏ ra sốt ruột. Khi nào cần thì vào phòng trang điểm, nhưng phải bước chậm rãi. Duyên dáng là nhờ dừng dừng.” Nội dung thuyết giảng của chị ta là thế. Phải công nhận, dù tôi có ghét chị ta đến mấy, những bài giảng này đã có giá trị lớn trong đời tôi.

Đêm trước lễ cưới tôi ngủ ở một trong những phòng ngủ đẹp nhất của Winifred. “Hãy biến mình thành xinh đẹp,” Winifred hớn hờ nói, ám chỉ tôi vốn không xinh đẹp. Chị ta đã cho tôi kem dưỡng ẩm và gãy tay vải bông - tôi cần phải bôi kem lên tay, rồi đi gãy trâm lên trên. Mục đích là chăm sóc cho tay thật trắng và mềm mại - trắng và mềm như mỡ lợn chưa nấu. Tôi đứng trong buồng tắm liền phòng, nghe tiếng nước rọc rạch đổ xuống bồn sứ và ấn ấn lên mặt mình trong gương. Cái mặt kia trông như bị tẩy sạch, không đường nét, như thổi xà phòng dùng dờ, hay mặt trắng bắt đầu khuyết.

Laura đi vào từ phòng ngủ của nó qua cửa thông và ngã xuống nắp bồn cầu đóng. Nó không bao giờ tập thói quen gõ cửa, nếu là tôi ở trong. Nó mặc áo ngủ vải bông trắng suông, trước là của tôi; tóc tết lại, như sợi thừng màu lúa mạch vắt qua vai. Nó đi chân trần.

“Dép em đâu?” tôi hỏi. Mặt nó tràn ngập buồn rầu. Vẻ mặt ấy, cộng thêm áo trắng và chân đất, khiến nó trông như hiện thân nỗi sám hối - như kẻ tà đạo trong tranh cổ, trên đường ra pháp trường. Nó đan hai bàn tay trước mặt, ngón tay cong lại thành khoảng trống hình chữ O, như cầm một cây nến đang cháy.

“Em quên.” Khi đóng bộ vào, trông nó già hơn tuổi nhờ chiều cao, nhưng giờ nó trông nhỏ hơn - trông chỉ như mười hai tuổi, và tỏa mùi như trẻ sơ sinh. Đấy là mùi nước gội đầu - nó dùng dầu gội trẻ em cho rẻ. Nó dè sẻn bằng những con tính vụn vặt vô ích. Nó nhìn quanh phòng tắm, rồi nhìn xuống sàn gạch bông. “Em không muốn chị lấy chồng,” nó nói.

“Em đã bày tỏ khá rõ rồi,” tôi nói. Nó đã làm vậy suốt thời gian chuẩn bị - các buổi tiếp khách, buổi thử áo, buổi tổng duyệt - suýt soát hôn hào với Richard, với Winifred vâng lời không một phản ứng, như đưa tó gái. Với tôi thì tức tối, như chuyện cưới xin này giỏi lắm thì cũng là thói nông cuồng độc địa, còn tệ hơn thì là ngoảnh lưng lại nó. Đầu tiên tôi nghĩ có thể vì nó ghen tị với tôi, nhưng không hẳn là thế. “Tại sao chị lại không nên lấy chồng?”

“Chị còn trẻ quá,” nó nói.

“Mẹ kết hôn năm mười tám. Đàng nào chị cũng sắp mười chín rồi.”

“Nhưng mẹ lấy người mẹ yêu. Mẹ muốn thế.”

“Làm sao em biết chị không muốn?” tôi tức giận đáp.

Nghe thế nó chững lại một lát. “Không thể là chị *muốn* được,” nó nói, ngẩng lên nhìn tôi. Mắt nó ướt và đỏ: nó vừa khóc. Điều đó làm tôi cáu: nó có quyền gì mà khóc? Nếu có ai cần khóc, đấy phải là tôi.

“Điều chị muốn không liên quan ở đây,” tôi gay gắt nói. “Đấy là việc khôn ngoan duy nhất. Nhà mình không còn tiền nữa, hay là em chưa nhận ra? Em muốn chúng mình bị quẳng ra đường à?”

“Chúng mình có thể đi làm,” nó nói. Lọ nước hoa của tôi đặt trên bệ cửa sổ cạnh nó; nó cần lấy xít vào mình, lơ đãng. Đấy là lọ Liù của Guerlain, quà của Richard. (Người chọn, như chị ta cho tôi biết, là Winifred. *Đàn ông dễ lúng túng ở quây nước hoa, hở? Mùi hương làm họ rối trí.*)

“Đừng dở hơi,” tôi nói. “Chúng mình thì làm được gì? Đánh vỡ cái đó là em đi đòi đấy.”

“Ồ chúng mình làm được nhiều việc chứ,” nó đáp chung chung, bỏ lọ nước hoa xuống. “Chúng mình có thể làm hầu bàn.”

“Chúng mình không sống nhờ cái đó được. Các cô hầu bàn gần như không kiếm được gì. Họ phải năn nỉ từng xu tiền boa. Họ đâu mắc bệnh bàn chân

bẹt cả. Em có biết giá cả mọi thứ ra sao đâu,” tôi nói. Cứ như giảng toán cho con chim trên cây. “Nhà máy đóng cửa hết rồi, Avilion đang tan thành từng mảnh, chúng nó sẽ đem rao bán; các nhà băng chỉ chực ăn tươi nuốt sống. Em không nhìn cha à? Em không *thấy* cha sao? Cha đã trông như một ông già rồi.”

“Vậy là vì cha, phải không?” nó nói. “Cái việc chị đang làm ấy. Em nghĩ như thế cũng giải thích được vài điều. Em nghĩ như thế là can đảm.”

“Chị đang làm điều chị cho là phải,” tôi nói. Tôi thấy mình thật cao cả, cùng lúc thấy đời thật bất công, gần khiến tôi phát khóc. Nhưng thế sẽ là chấm hết.

“Như thế không phải,” nó nói. “Không phải một chút nào. Chị có thể cắt đứt mà, vẫn còn chưa muộn. Chị có thể bỏ trốn ngay đêm nay và để lại thư nhắn. Em sẽ đi cùng chị.”

“Đừng quấy nữa, Laura. Chị lớn rồi, chị biết mình đang làm gì.”

“Nhưng chị sẽ phải cho ông ta *động* vào mình, chị hiểu không. Không phải chỉ là ôm hôn. Chị sẽ phải cho ông ta...”

“Không phải lo cho chị,” tôi nói. “Để cho chị yên. Mắt chị vẫn mở.”

“Như người mộng du,” nó nói. Nó cần một lọ phấn thơm của tôi lên, mở ra, ngửi thử, và đã kịp đánh đổ một vốc ra sàn. “Ít ra thì chị cũng sẽ có quần áo đẹp,” nó nói.

Tôi những muốn giơ tay đánh nó. Đấy, tất nhiên, là ngu ngốc an ủi bí mật cho tôi.

Sau khi nó đi, bỏ lại đằng sau vệt dấu chân trắng lấm tấm, tôi ngẩng lên mép giường, chăm chăm nhìn cái rương đi biển để mở. Cái rương thuộc kiểu đang thịnh hành, ngoài màu vàng sáng nhưng ruột xanh lam đậm, đóng đai thép, những đầu đinh lấp lánh như sao kim loại nặng. Trong rương đồ xếp gọn gàng, đầy đủ mọi thứ cho chuyến đi trăng mật, nhưng tôi thấy hình như nó đựng đầy bóng tối - đựng đầy trống rỗng, không gian trống.

Của h ồi môn của mình, tôi nghĩ. *Trousseau*. Bỗng nhiên chữ ấy trở thành đe dọa - thật xa lạ, thật tận cùng. Tiếng ấy gọi đến tiếng *trời gô*, đến thân gà tây chưa nấu, đến dây và những cái xiên.

Bàn chải đánh răng, tôi nghĩ. Mình cần bàn chải nữa. Thân thể tôi vẫn ng ấ, chờ đợi.

Trousseau mượn từ tiếng Pháp, nghĩa là *cái hòm*. *Trousseau*. Nghĩa chữ đó chỉ thế thôi: tổng cộng các món trong hòm. Thế nên không có gì phải buồn lòng, bởi nó chỉ có nghĩa là hành lý thôi. Nghĩa là mọi thứ tôi sẽ mang theo, đã gói sẵn.

ĐIỀU TANGO

Bức ảnh cưới trông thế này:

Người đàn bà trẻ mặc váy trắng xa tanh cắt chéo, chất vải mượt bóng, đuôi váy xòe quanh chân như nước mật trào. Dáng đứng cô ta có vẻ vụng về, tư thế hông, đôi bàn chân, như là cột sống không ăn với chiếc váy này - thẳng quá. Chiếc váy ấy đòi hỏi rùn vai một tí, khom người một tí, đường cong một tí, hơi so người như bệnh nhân lao.

Tám khăn trùm buồng thẳng xuống hai bên đầu, một vệt cắt ngang trán, phủ bóng quá tối lên đôi mắt. Miệng cười không hé răng. Một chuỗi hạt hoa hồng trắng li ti cài tóc; một dòng thác kết bằng đóa lớn hơn, cả trắng lẫn hồng lẫn với nhài Madagascar trong đôi tay đi găng trắng - khuỷu tay chìa ra hơi quá xa. *Chuỗi hạt, dòng thác* - đấy là những từ viết trên báo. Gọi cảm giác về nữ tu, về nước, nước tinh khôi và nguy hiểm. “Nàng Tân Nhân Kiêu Diễm”, tiêu đề viết bên dưới. Ngày ấy người ta ăn nói như vậy. Ở địa vị cô ta kiêu diễm là đi đầu bắt buộc, cứ nhìn xem từng ấy tiều rớt vào.

(Tôi nói “cô ta”, vì tôi không nhớ mình có mặt ở đó, theo đúng nghĩa từ này. Tôi và cô gái trong ảnh không còn là một. Tôi là sản phẩm của cô ta, của cuộc đời cô ta từng nhắm mắt lao vào; còn cô ta, ấy là nếu có thể coi cô ta có tồn tại, chỉ được cấu thành từ những gì còn trong trí nhớ tôi. Tôi có lợi thế về điểm nhìn - tôi nhìn được cô ta khá rõ ràng, hầu hết mọi lúc. Còn dù cô ta có đủ khôn ngoan mà đưa mắt tìm, cô ta cũng không thể thấy tôi.)

Richard đứng cạnh tôi, đối tượng đáng hâm mộ theo tiêu chuẩn của thời ấy nơi ấy, ý tôi nghĩa là còn được coi là trẻ, không xấu, và có tiều. Trông ông ta vững chãi, nhưng cùng lúc cũng có vẻ khó hiểu: một bên mày nhướng lên, môi dưới hơi bĩu ra, miệng nửa chừng sắp cười, như đang nghĩ đến câu đùa riêng đáng ngờ nào đấy. Cầm chương cài khuyết áo, tóc chải lật ra sau như cái mũ tằm cao su bóng lưỡng, dính chặt lấy đầu nhờ thứ keo hời ấy người ta thường trát lên. Nhưng vẫn là một gã điển trai bất chấp tất cả. Cái đó tôi phải công nhận. Quyến rũ. Phong lưu sành sỏi.

Cũng có một vài ảnh sắp xếp chụp chung - hậu cảnh một đám bậu xậu phù rể mặc đuôi tôm, loại đồ dùng đi dự cưới cũng như đưa ma hay làm bầy bàn trưởng; tiền cảnh các phù dâu sạch tinh tươm lóng lánh, trên tay những bó đầy ắp hoa. Laura tìm được cách phá hỏng tất cả các bức ảnh. Một bức bắt chụp nó đang cau có một cách cương quyết, bức khác chắc nó vừa ngoảnh đầu khiến khuôn mặt nhòe loang loáng, như con bọ câu đập vào cửa kính. Bức thứ ba nó đang gặm ngón tay, mắt nhìn xéo sang ngang về hồi lỗi, như bị bắt quả tang sự gì. Một bức nữa chắc là phim bị hỏng, ánh sáng tạo thành những vết lốm đốm, không rơi xuống nó từ bên trên mà hắt ngược lên, như thể nó đang đứng bên mép hồ bơi phát sáng, giữa đêm.

Sau buổi lễ Reenie xuất hiện, mặc đồ lam đáng kính cấm lòng chim. Chị ôm ghì lấy tôi rồi bảo: “Giá mà có mẹ cô ở đây.” Ý chị là gì? Để hoan nghênh, hay để ngăn chặn mọi việc? Xét theo giọng chị, có thể là cả hai. Lúc đó chị khóc, còn tôi thì không. Người ta khóc trong đám cưới cũng là cùng lý do khóc trong các đoạn kết có hậu: bởi họ hết lòng muốn tin vào những việc biết là không tin nổi. Nhưng tôi đã qua thời trẻ dại ấy rồi; tôi đã tới lúc hít thở không khí loãng trên độ cao vỡ mộng, hoặc ít nhất là tôi tưởng thế.

Rượu sâm banh có dọn, tất nhiên. Chắc chắn phải có: Winifred không đời nào bỏ qua đi đâu đó. Người khác thì ăn. Phát biểu lần lượt nghe, không đọng lại trong đầu tôi câu nào. Chúng tôi có nhảy không? Tôi tin là có. Tôi không biết nhảy, nhưng đã thấy mình ở giữa sàn, nên vài bước loạng choạng nào đó chắc đã diễn ra.

Rồi tôi thay sang bộ đi đường. Một bộ vét đủ quần áo, chất len mùa xuân rất nhẹ màu lá cây nhạt, cùng chiếc mũ trang nhã đồng màu. Đáng giá cả kho tiền đấy, Winifred bảo. Tôi đứng làm dáng chuẩn bị đi xa, trên bậc thềm (của cái gì? Bậc thềm đã phai khỏi trí nhớ), ném bó hoa về phía Laura. Nó không bắt lấy. Nó đứng yên trong bộ áo màu hồng vỏ hến, lạnh lùng nhìn tôi, hai tay siết chặt trước mặt như để kìm mình lại, và một trong đám phù dâu - một họ hàng Griffen gì đó - chụp lấy và ôm bó hoa biến mất một cách tham lam, cứ như bắt được đồ ăn.

Cha tôi đến lúc này đã mất tích. Cũng phải thôi, vì lần cuối cùng tôi nhìn thấy thì ông đã cứng đờ vì rượu. Tôi nghĩ ông đi để dứt điểm nốt.

Rồi Richard nắm khuỷu tay tôi lái về phía chiếc xe sẽ đưa chúng tôi biến mất. Không ai được biết đích đến là đâu, nhưng tất cả đều dự đoán nơi nào đó ngoài thành phố - một quán trọ khuất nẻo và thơ mộng. Thực tế là chiếc xe đưa chúng tôi đi vòng quanh khu nhà đến cửa hông Khách sạn hoàng gia York, nơi buổi tiệc cưới vừa kết thúc, và lên vào thang máy đi lên. Richard nói rằng nào chúng tôi cũng lên tàu đi New York sáng hôm sau và ga Thống Nhất chỉ cần sang đường là đến, thì tội gì phải mua đường?

Về đêm tân hôn, hay đúng hơn là chiều tân hôn của tôi - mặt trời còn chưa tắt và căn phòng, như người ta nói, tắm trong luồng sáng hồng ửng, bởi Richard không muốn kéo rèm - tôi sẽ nói thật ít. Tôi không biết trước sẽ có chuyện gì; ngu ngốc thông tin duy nhất là Reenie, thì đã gieo rắc vào đầu tôi rằng dù có chuyện gì thì cũng không dễ chịu và rất có khả năng là đau đớn, và về mặt này tôi không phải thất vọng. Chị cũng ngụ ý rằng cái việc hay cái cảm giác đáng ghét đó không có gì trái tự nhiên cả - mọi đàn bà đều phải trải qua, hoặc ít ra là mọi đàn bà có chồng - thế nên tôi đừng có làm ồn ỉ. *Cẩn rằng mà chịu* là nguyên văn lời chị. Chị đã nói sẽ có máu, và đúng là như thế. (Nhưng chị không nói vì sao. Phần đó là hoàn toàn mới lạ.)

Tôi vẫn chưa biết việc tôi không hào hứng - việc tôi thấy gớm ghiếc, thậm chí đau đớn - sẽ được coi là bình thường, thậm chí là đáng mừng trong mắt chồng tôi. Ông ta thuộc về số đàn ông cho rằng người đàn bà không cảm thấy khoái lạc tình dục là điểu đáng hoan nghênh hết sức, bởi như thế cô ta sẽ ít nguy cơ lãng vãng ra ngoài tìm kiếm ở nơi khác. Có lẽ thái độ ấy là phổ biến, vào cái thời ấy. Cũng có lẽ không. Tôi không có cách nào biết được.

Richard đã gọi trước một chai sâm banh gửi lên, vào lúc ông ta dự tính là thời điểm thích hợp. Gọi cả bữa tối. Tôi cà nhắc đi vào buồng tắm và khóa cửa nhốt mình trong lúc bữa đang bày biện mọi thứ, trên bàn đầy trải khăn trắng. Tôi đang mặc món đồ Winifred nghĩ là thích hợp cho dịp này, áo ngủ xa tanh hồng hồng như thịt cá hồi, viền ren tinh xảo màu xám như

mạng nhện. Tôi cố gắng gột sạch mình bằng khăn mặt, rồi bắn khoăn không biết nên làm gì với cái khăn: màu đỏ trên đó quá nổi bật, cứ như tôi vừa đổ máu cam. Cuối cùng tôi bỏ vào thùng giấy vụn và hy vọng cô dọn phòng sẽ nghĩ nó tình cờ rơi vào đó.

Rồi tôi xịt cho mình chai Liù, cái mùi tôi thấy mong manh và bạc nhược. Nhân hiệu đó, như đến lúc này tôi đã biết, là đặt theo một nhân vật trong nhạc kịch - một cô bé nô lệ, số phận bất cô tự tử còn hơn phản bội người đàn ông cô yêu, mà người này lại yêu người khác. Sự đời diễn ra như thế đấy, trong nhạc kịch. Tôi nghĩ thứ hương này không lành, nhưng vẫn xịt vì lo mình đang bốc mùi kỳ dị. Quả đúng tôi có mùi kỳ dị. Cái kỳ dị là ở Richard, nhưng giờ nó đã vấy sang tôi. Tôi hy vọng mình không làm ồn quá. Những tiếng thở dốc không mong đợi, những cú lấy hơi gắt, như khi đâm nhào vào nước lạnh.

Bữa tối là món bít tết, cộng thêm đĩa xa lát. Tôi chủ yếu ăn xa lát. Rau diếp trong mọi khách sạn thời ấy đều giống hệt nhau. Vị như nước màu xanh nhạt. Vị như sương giá.

Chuyến xe lửa tới New York ngày hôm sau hoàn toàn bình ổn. Richard đọc báo, tôi đọc tạp chí. Chuyện trò giữa chúng tôi cũng không có gì khác những chuyện trò trước đám cưới. (Tôi cũng chẳng biết nên gọi là chuyện trò không, bởi tôi không nói mấy. Tôi mỉm cười và tán thành, và không lắng nghe.)

Tới New York, chúng tôi ăn tối ở nhà hàng với bạn của Richard, một cặp vợ chồng tôi đã quên tên. Tiệc của họ là tiệc mới, cái đó thấy rõ: mới đến mức còn kêu rín rít. Quần áo trên người nhìn như họ đã nhúng mình trong hồ dín, rồi lăn qua lăn lại trong đồng tiệc một trăm đô. Tôi không hiểu họ kiếm ra bằng cách nào, chỗ tiệc ấy: nó thoảng mùi tanh tươi.

Hai người này không phải thân thiết gì với Richard, mà cũng không vô vấp làm thân: họ mắc nợ ông ta, chỉ có thế - một cái ơn không gọi tên. Trước mặt ông ta họ sợ hãi, và có chút kính nể. Tôi kết luận vậy từ trò chơi của những chiếc bật lửa: ai đốt thuốc cho ai, và vội vàng đến đâu. Richard

nhắm nháp vẻ cung kính của họ. Ông ta nhắm nháp những điều thuộc đót dâng lên mình và, nhờ hưởng chung mưa móc, lên tôi.

Tôi thành linh nghĩ ra rằng Richard muốn họ cùng ăn không chỉ vì muốn tụ tập quanh mình một đám nô lệ khúm núm, mà còn vì không muốn ở một mình với tôi. Tôi chẳng thể trách ông ta: tôi không có gì để nói. Mặc dù thế, lúc này - trước mắt người lạ - ông ta cực kỳ chăm chú tôi, choàng áo khoác lên vai tôi dịu dàng biết mấy, dành cho tôi những quan tâm nho nhỏ và âu yếm, bàn tay lúc nào cũng đặt lên tôi, thật nhẹ, trên phần cơ thể nào đó. Cứ đôi lúc ông ta lại nhìn khắp phòng, điềm qua từng người đàn ông xem có ai đang ganh tị với mình không. (Đây là giờ đang h ỗ tưởng, tất nhiên: lúc đó tôi không nhận ra chút gì.)

Nhà hàng này thuộc loại đắt ti ền, và cũng thuộc loại hiện đại. Tôi chưa thấy thứ gì tương tự. Đồ đạc không chỉ tỏa sáng mà còn lấp lánh; khắp nơi là gỗ tẩy trắng, vành đ ồng trang trí, đồ thủy tinh mỏng tang, sàn gỗ dán. Những khối điêu khắc hình đàn bà cách điệu, đ ồng hoặc sắt, mượt như kẹo kéo, có mây nhưng không mắt, đùi rất nuột nhưng không bàn chân, có những bàn tay chảy lỏng nhập vào thân; những khối c ầu hoa cương trắng; những gương tròn như cửa mạn trên tàu. Trên mỗi bàn, một bông thủy vu l ẻ loi trong chiếc bình thép cổ cao vút.

Bạn của Richard còn già hơn cả ông ta, người đàn bà trông già hơn ông ch ồng. Bà ta mặc lông ch ần trắng, dù tiết trời đang xuân. Váy dài của bà ta cũng trắng, mẫu thiết kế - bà ta kể khá đông dài với chúng tôi - phỏng theo Hy Lạp cổ đại, cụ thể thì là Nữ th ần chiến thắng Samothrace. Những tà váy được buộc lại bằng sợi dây vàng thắt dưới ngực r ồi vắt chéo nhau ở giữa. Tôi nghĩ nếu ngực mình cũng xệ và trề xuống như thế tôi sẽ không đời nào mặc váy này. Lốp da lộ ra trên cổ áo đã đ ể m ỡ và nhăn nhúm, cũng như hai cánh tay. Ông ch ồng chỉ ng ẩ im trong lúc bà ta nói, hai nắm đấm cuộn vào nhau, nụ cười nửa miệng như đồ xi măng; ông ta khôn ngoan nhìn xuống khăn bàn. *Vậy ra hôn nhân là đây*, tôi nghĩ: cái bu ồm chán chia chung, cái bứt rứt, và những rãnh nhỏ đánh phấn chạy dài hai bên mũi.

“Richard không cảnh báo chúng tôi là cô lại *trẻ* thế này,” người đàn bà nói.

Ông ch ằng nói, “R ồi sẽ phai đi thôi,” và bà vợ cười to.

Tôi ngẫm nghĩ về chữ *cảnh báo*: tôi nguy hiểm thế ư? Chỉ giống như loài cừu thôi, ngày nay tôi kết luận. Chúng đ ầu đến nỗi đâm đ ầu vào hiểm họa, mắc kẹt trên vách đá hay bị vây giữa bầy sói lang, và sẽ có người chặn phải li ều cái mạng mà cứu chúng khỏi vòng nguy hiểm.

Ngay sau đó - chỉ hai ngày ở New York, hay là ba? - chúng tôi đã vượt biển đến châu Âu trên tàu *Berengia*, theo lời Richard là lựa chọn của mọi nhân vật nào được coi là nhân vật. Biển không động lắm vào mùa ấy, nhưng dù sao thì tôi cũng say lử như chó. (Sao lại chó, trong chuyện này? Bởi trông chúng cứ như không có cách gì ngăn nổi. Tôi cũng vậy.)

Người ta mang cho cái chậu, cả trà nguội loãng bỏ đường nhưng không có sữa. Richard bảo tôi uống sâm banh vì đây là cách chữa tốt nhất, nhưng tôi không muốn li ều. Ông ta ít khi ều cũng tỏ ra ân c ần, nhưng lại cũng ít khi ều tỏ ra cáu kỉnh, dù có nói thật đáng tiếc là tôi lại mệt. Tôi nói tôi không muốn phá hỏng buổi tối và ông ta nên ra ngoài giao lưu, và ông ta làm theo. Mặt tốt của chuyện này là Richard không hề có ý định trèo vào giường. Sex có thể ăn ý với nhiều thứ, nhưng không phải với nôn ọe.

Hôm sau Richard nói tôi nên cố gắng có mặt trong bữa sáng, bởi tinh thần tốt là đã thắng trận một nửa. Tôi ng ồi bên bàn nhấm từng mẫu bánh mì và uống nước, cố lờ đi mùi thức ăn. Tôi cảm thấy thân thể mình biến mất, người mềm oặt, da bì bì như cao su, như quả bóng bay xẹp. Richard để mắt đến tôi từng lúc, nhưng ông ta quen biết hay tỏ ra quen biết người này người nọ, và người này người nọ quen ông ta. Ông ta đứng dậy, bắt tay, lại ng ồi xuống. Đôi lúc ông ta giới thiệu tôi, đôi khi không. Tuy nhiên ông ta không biết hết những người muốn biết. Đi ều này thấy rõ từ cách ông ta lúc nào cũng đưa mắt nhìn quanh, đằng sau tôi, đằng sau mọi người đang nói chuyện với ông ta - hay qua đ ầu họ.

Đến hết ngày tôi dần dần khá lên. Tôi uống bia gừng, đỡ được một chút. Tôi không ăn tối, nhưng có ng ồi cùng. Sau bữa ăn có sô cabaret. Tôi mặc bộ đ ầm Winifred chọn cho sự kiện loại đó, màu xám b ồ câu, khoác áo choàng lửng bằng chiffon màu hoa cà. Có cả xăng đan màu hoa cà đi kèm,

gót cao và hở mũi. Tôi vẫn chưa nắm vững bí quyết đi những đôi lênh khênh này: tôi hơi lập cập. Richard nói khí biến hợp với tôi; ông ta nói tôi có vừa đủ độ hùng hào cần thiết, ứng ửng như nữ sinh. Ông ta nói nhìn tôi tuyệt trần. Ông ta lái tôi đến bàn đã đặt, gọi một martini cho tôi và một cho mình. Ông ta nói ly martini sẽ chữa cho tôi trong nháy mắt.

Tôi uống một ít, rồi Richard đã không còn ngồi cạnh, và rồi một ca sĩ hiện ra giữa luồng đèn pha màu lam. Mái tóc đen lượn sóng xòa xuống một bên mắt, cô ta mặc váy quây đen phủ đầy vảy kim sa to đùng, ôm lấy bộ mông rắn chắc ngoại cỡ và treo vào hai sợi dây nhìn như xoắn lại. Tôi nhìn cô ta mê hoặc. Tôi chưa xem cabaret bao giờ, đến hộp đêm cũng chưa. Cô ta uốn éo đôi vai và hát “Ngoài trời bão giông”, giọng như tiếng rên động đực. Có thể nhìn rõ gần nửa trước ngực cô ta.

Thực khách ngồi bên bàn nhìn và lắng nghe cô, và ném lời phán xét - họ được quyền thích hay không thích cô, cho phép cô hợp hần mình hoặc không, tán thưởng hay chê bai giọng hát, hoặc chiếc váy, hoặc bộ mông. Cô ta thì không có quyền gì. Cô ta phải diễn đến cùng - phải hát, phải uốn éo. Tôi đoán xem cô ta được trả bao nhiêu cho việc ấy, và liệu có đáng giá hay không. Chỉ khi người ta nghèo, tôi kết luận. Cụm từ *đứng giữa luồng đèn* từ đó trở đi đối với tôi đã gắn với một hình thức sỉ nhục cụ thể. *Luồng đèn* là một thứ rõ ràng người ta nên tránh xa, nếu được.

Sau cô ca sĩ, đến một người chơi chiếc dương cầm trắng, rất nhanh, và sau ông ta một đôi nam nữ, một cặp vũ công chuyên nghiệp: một tiểu phẩm tango. Họ mặc đồ đen, giống như cô ca sĩ. Tóc họ bóng lên như da sơn trong luồng đèn giờ đã chuyển màu xanh a xít. Người nữ có lọn tóc đen quấn dán trước trán, bông hoa đỏ lớn cài sau tai. Váy cô ta xẻ vạt chéo từ giữa đùi nhưng ngoài ra không hơn gì một chiếc quần tất. Nhạc dấm dứt và cà nhắc - như một con thú bốn chân khập khiễng trên ba chân. Như con bò đực què cúi thấp đầu, xông tới.

Còn về điệu nhảy, nó giống một trận đánh hơn điệu nhảy. Hai vũ công khuôn mặt bất động, vô cảm; họ lấp lánh gườm nhau, rình cơ hội cắn. Tôi biết đây là biểu diễn, tôi thấy trình độ rất điêu luyện; mặc dầu thế, cả hai đều trông như trúng thương.

Ngày thứ ba tới. Đầu giờ chiều tôi đi dạo trên boong, tranh thủ không khí trong lành. Richard không đi cùng: ông ta đang chờ vài bức điện quan trọng, ông ta bảo thế. Ông ta cũng đã nhận điện khá nhiều rồi; ông ta rạch phong bì bằng con dao bạc, đọc nội dung, rồi xé nát hoặc nhét vào cặp táp, lúc nào cũng khóa.

Tôi không hẳn thêm khát có ông ta bên mình trên boong, nhưng dấu sao cũng thấy lẻ loi. Lẻ loi và vì thế thấy bị bỏ rơi, bị bỏ rơi và vì thế thất bại. Cứ như tôi đã bị leo cây, bị ruồng rẫy; cứ như tôi mang trái tim tan nát. Một nhóm người Anh mặc tuiền vải lạnh màu kem quay nhìn tôi. Đây không phải cái nhìn thù địch; đây là cái nhìn thờ ơ, xa cách, một tí tẹo tò mò. Không ai biết cách nhìn như người Anh nhìn. Tôi thấy mình nhàu nhĩ và lồi thối, và chẳng mấy đáng quan tâm.

Bầu trời trĩu mây, màu xám đục đục, vông xuống từng cục như ruột đệm ẩm. Mưa lất phất rơi. Tôi không đội mũ, sợ gió thổi bay mất, chỉ trùm khăn lụa buộc thắt nút dưới cằm. Tôi đứng bên thanh chắn, đưa mắt ra xa bên dưới, nhìn những con sóng màu chì từng đợt dấy lên, nhìn vệt nước trắng đuôi tàu cầu thả vạch bức thư ngắn ngủi vô nghĩa. Như lời bỏ nhỏ về một bất hạnh chôn giấu: vệt chiffon rách. Muội than từ ống khói tàu phì xuống tôi; tóc tôi tuột khỏi búi và bết vào má từng lọn ướt.

Vậy ra đại dương là đây, tôi nghĩ. Không thâm sâu như tôi tưởng. Tôi cố gắng nhớ xem liệu mình đã đọc gì về nó, một hai bài thơ chẳng hạn, nhưng không được. *Hãy đập vào, và hãy vỡ ra*. Có một bài mở đầu như thế. Nó nhắc đến đá xám lạnh căm. *Ôi Biển Cả*.

Tôi muốn ném gì đó xuống biển. Tôi cảm thấy cần làm thế. Cuối cùng tôi ném một đồng xu bằng đồng, nhưng không ước.

VI

TAY SÁT THỦ MÙ: VẾT CA RÔ NANH SÓI

Anh xoay chìa. Cửa bắt khóa chốt, một ân huệ nhỏ. Lần này anh gặp may, mượn được cả một căn hộ. Căn hộ một phòng đơn dùng chung làm nơi ăn ngủ, thêm kệ bếp hẹp, nhưng có buồng tắm riêng, bồn tắm có chân móng, cộng thêm vài khăn tắm hòng. Sống đời lịch lãm. Căn hộ này của bạn gái một người bạn một người bạn khác, đi vắng mấy hôm dự một đám ma. Trọn bốn ngày an toàn, hoặc an toàn ảo tưởng.

Màn đờng bộ với ga giường, bằng lụa nặng nổi vân, màu anh đào, áp lấy rèm lót mỏng như khói. Hơi lúi lại bên cửa sổ, anh nhìn ra ngoài. Bên ngoài cửa - mà tầng cây ngả vàng chưa che hết - là Vườn bách thảo Allan. Hai ba gã say hay bụi đời gì đó đã ngon giấc điệp dưới gốc cây, một người đập báo trên mặt. Anh đã từng ngủ như thế. Giấy báo ẩm vì hơi thở đều có mùi nghèo khổ, mùi thất bại, mùi nệm ghế mốc dính lông chó. Trên cỏ vương vãi biểu ngữ vạch trên bìa và giấy báo nhàu nát, dấu tích đêm qua - một cuộc mít tinh, các đờng chí động ầm ầm các giáo đi đầu, động ầm ầm vào tai người nghe, cờ chưa đến tay đã phất. Lúc này hai người mặt mũi ủ ê đang đi thu dọn, khua gậy mũi thép và bao tải. Ít ra cũng đem lại việc làm cho mấy bố khố rách áo ôm.

Cô sẽ tới đây đi chéo qua vườn. Cô sẽ dừng, ngoảnh nhìn rất lộ liễu các bên xem có ai nhìn không. Thấy cô làm vậy thì sẽ có.

Trên cái bàn trắng-vàng phi giới tính đặt cái đài hình thù và kích cỡ bằng nửa ổ bánh mì. Anh bật đài: một ban tam ca Mexico, giọng hát như dây thừng bằng nước, rắn và mềm, quấn lấy nhau. Đây là nơi anh nên đến, Mexico. Uống tequila. Xuống với bầy chó, hoặc xuống sâu hơn giữa bầy chó. Xuống với bầy sói. Làm một tay hảo hán *desperado*. Anh đặt máy chữ xách tay lên bàn, mở khóa, mở nắp, lồng cuộn giấy vào. Giấy than sắp hết nhãn rỗ. Còn đủ thời gian làm vài trang trước khi cô đến, nếu cô có đến. Thỉnh thoảng cô mắc việc, hoặc bị chặn giữa đường. Hoặc đây là cô nói thế.

Anh muốn bế cô bỏ vào bồn tắm lịch lãm, nhấn chìm dưới bọt xà phòng. Vào đó cùng cô bì bõm, làm đôi heo phủ bong bóng hồng. Có thể anh sẽ làm thế.

Dạo này anh đang tung hứng một ý tưởng, hay đúng hơn một ý tưởng về ý tưởng. Một giống người ngoài hành tinh gửi tàu bay đến thám hiểm Trái đất. Giống người này cấu tạo bằng pha lê có mức độ tổ chức rất cao, và họ tìm cách liên lạc với những thực thể Trái đất họ cho là đồng dạng với mình: mực kình, kính cửa, chặn giấy vạn hoa, ly vang cao cổ, nhẫn kim cương. Mọi nỗ lực đều không có kết quả. Đội thám hiểm báo cáo về quê nhà: *Hành tinh này còn lại nhiều di vật đáng chú ý từ một nền văn minh có thời rực rỡ nhưng giờ đã tàn lụi, hẳn từng đạt đến trình độ rất cao. Chúng tôi chưa kết luận được thảm họa nào đã dẫn đến sự tuyệt diệt của mọi sinh vật có trí tuệ. Bây giờ hành tinh này chỉ còn chứa những vật loăn xoăn sên sệt màu xanh lục và một lượng lớn các khối nhỏ hình thù kỳ quái bằng bùn bán lỏng, bị xô đẩy khắp nơi theo những luồng chảy bất định của thứ chất lỏng nhẹ trong suốt bao phủ toàn bộ bề mặt hành tinh. Những tiếng rìn rít chói tai hay gầm gừ vang dội chúng phát ra cần phải xác định là rung động do ma sát, không nên lầm tưởng là ngôn ngữ.*

Nhưng đây chưa thành câu chuyện. Chưa thể thành chuyện nếu không cho đám người vũ trụ đến xâm lược và gieo rắc hoang tàn, và một cô nàng phong nhã phì đần bung cả cục. Nhưng xâm lược sẽ đi ngược lại giả định bối cảnh. Nếu các sinh thể pha lê nghĩ hành tinh này không có sự sống, thì họ còn đổ bộ làm gì? Hứng thú khảo cổ, có lẽ. Thu thập mẫu vật. Một ngày đẹp trời bỗng hàng ngàn cửa kính bị hút khỏi các nhà chọc trời New York theo một lực chân không ngoài hành tinh. Hàng ngàn chủ nhà băng bị hút theo, vừa la hét vừa rơi thẳng vào cái chết. Như thế sẽ là rất đẹp.

Không được, vẫn chưa thành chuyện. Anh cần viết thứ gì bán được. Thôi lại trở về với các cô nàng ma nữ bất khả bại, luôn rỏ dãi thềm máu tươi. Lần này anh sẽ cho họ tóc màu tía, thả họ vào cuộc dưới những tia tím nhạt chết người của mười hai mặt trăng hành tinh Arn. Tiện nhất là tưởng tượng thử bìa sách các cậu kia sẽ vẽ ra, rồi bắt đầu từ đấy.

Anh đã ngán họ lắm rồi, các cô nàng ấy. Anh đã ngán răng nanh, ngán thân mình uyển chuyển, ngán vòm ngực búi chằm cắt đôi rấn mà chín mọng, ngán cơn háu đói. Anh đã ngán móng vuốt đỏ cùng mắt rắn viper. Anh đã ngán đập đầu họ. Anh đã ngán các người hùng, các người hùng tên ngắn ngắn Will hay Burt hay Ned, đã ngán súng bức xạ, ngán áo kim loại bó sát mình. Cảm giác mạnh giá ba xu. Dù thế, đây vẫn là miếng ăn, nếu anh giữ được nhịp độ, và ăn mày thì đừng có đòi xôi gấc.

Anh lại cạn tiền rồi. Anh hy vọng cô sẽ mang đến một tấm séc, lấy từ một trong các hòm thư lưu không tên anh. Anh sẽ ký chứng thực, cô sẽ mang ra nhà băng rút tiền; với cái họ của cô, ở nhà băng của cô, sẽ không có trở ngại gì cả. Anh hy vọng cô sẽ mang tem. Anh hy vọng cô sẽ mang thêm thuốc lá. Anh còn mỗi ba điếu.

Anh đếm bước. Sàn cọt kẹt. Sàn gỗ cứng, nhưng đã ố khoảng dưới máy sưởi luôn rỉ nước. Khu chung cư này dựng lên từ trước chiến tranh, cho lớp người độc thân có công ăn việc làm và nhân thân tử tế. Thời đó còn nhiều hy vọng. Hệ thống sưởi hơi nước, vòi nước nóng không biết cạn, hành lang lát gạch - cái gì cũng mô đen mới nhất. Bây giờ thời hoàng kim đã qua. Vài năm trước hồi còn trẻ, anh từng quen một cô gái sống ở đây. Làm y tá, như anh nhớ: ngăn kéo bàn đầu giường để sẵn áo mưa. Cô có cái bếp hai vòng, đôi lúc làm bữa sáng cho anh trên bếp: trứng và thịt xông khói, bánh xèo đầm bơ với xi rô cây thích, anh mút cho sạch từng đầu ngón tay cô. Trên tường có đầu hươu nhồi, bỏ lại từ người thuê trước; cô vắt quần tất phơi trên sừng.

Họ dành hết các chiều thứ Bảy, các tối thứ Ba, mọi buổi nào cô nghỉ, cùng uống rượu - scotch, gin, vodka, có gì uống nấy. Cô muốn ban đầu hãy say mềm đi đã. Cô không muốn xem phim, không cần đi nhảy; có vẻ cô không cần lãng mạn hay giả vờ lãng mạn, thế cũng tốt. Cô chỉ đòi hỏi anh sức lực dẻo dai. Cô thường lôi chân vào buồng tắm; cô thích cảm giác gạch cứng dưới lưng. Đúng là tra tấn khuỷu tay và đầu gối anh, tất nhiên lúc đó anh không để ý, đầu óc đã dấn vào chuyện khác. Cô sẽ rên như đang đứng giữa lòng đèn sân khấu, đầu hát bên này bên nọ, mắt đảo tròn. Có lần anh đã để cô đứng, trong tủ áo cao bằng trần. Một cú rún người, hăng mùi băng phiến, giữa những bộ cánh nhiều mặc Chủ nhật, những bộ đồ đôi len cừu

non. Cô đã sướng đến phát khóc. Sau khi đá anh cô cưới chồng luật sư. Một đám đất giá, nghi lễ linh đình; anh có đọc trên báo, lấy làm thú vị, không chút tị hiềm. *Mừng cho ả*, lúc ấy anh nghĩ. *Các ghê đôi khi trúng mánh*.

Những ngày xanh. Những ngày không tên, những chiều ngu ngơ, nhanh và trần tục và thoát chốc đã qua, không hề mong ngóng trước cũng như sau đó, không phải dùng lời, không có gì cần trả. Hỡi anh còn chưa rồi tung trong những chuyện rồi mù.

Anh nhìn đồng hồ rồi lại ngó cửa sổ, và cô đây rồi, thoăn thoắt bước chéo vườn bách thảo, hôm nay đội mũ rộng vành và áo vét ca rô nanh sỏi, đai lưng cài chặt, túi xách kẹp dưới cánh tay, váy xếp li cuốn tung vì cái dáng đi nhấp nhô khá buồn cười, cứ như chẳng quen nổi bước đi bằng hai chân sau. Mà cũng có thể do giày cao gót. Anh vẫn thường nghĩ làm thế nào thứ đó giữ được thăng bằng. Bây giờ cô đã dừng lại như nghe hiệu lệnh, nhìn một vòng quanh với cái vẻ ngơ ngác đặc trưng, như vừa tỉnh khỏi giấc mơ khó hiểu, và hai người nhạt giầy ngó qua. *Đánh mất gì à thưa cô?* Nhưng cô đã bước tiếp, qua đường, anh nhìn thấy cô từng mảnh qua tán lá, chắc đang tìm số phố. Giờ cô đang lên thềm trước cửa. Chuông reo. Anh bấm nút, dụi thuốc, tắt đèn bàn, mở khóa.

Chào. Em leo đứt cả hơi. Em không đợi thang máy. Cô đẩy cho cửa đóng, đứng tựa lưng chặn cửa.

Không ai đi theo đâu. Anh có nhìn. Em có thuốc lá chứ?

Cả séc của anh nữa, và một chai bảy lăm scotch, hảo hạng đấy. Em nhón từ quầy rượu đủ chủng loại trong nhà. Em đã khoe với anh nhà có một quầy rượu đủ chủng loại chưa?

Cô đang cố làm ra tự nhiên, buông tuồng là khác. Cái này cô không thạo. Cô đang hoãn lại, chờ xem anh muốn gì. Cô không bao giờ đi bước trước, không muốn để lộ mình.

Bé ngoan lắm. Anh bước lại, ôm lấy cô.

Em là bé ngoan à? Đôi lúc em thấy mình như ả gái của gãng tơ - toàn chạy vật cho anh.

Em không thể là gái của gãng tơ được, anh đâu phải gãng tơ. Em xem xi nê nhi ều quá.

Không đủ là khác, cô nói, phả vào bên cổ anh. Một chuyễn cắt tóc sẽ không thừa. M ền như bông kế. Cô cỡi bốn khuy trên cùng, lu ền tay vào dưới áo anh. Da thịt anh thật sắn, thật rắn. Thớ mịn, hun thành than. Cô đã thấy những gạt tàn đẽo từ thứ gỗ như thế.

TAY SÁT THÙ MÙ: KIM TUYẾN ĐỎ

Đáng yêu quá, cô nói. B ờn tắm thật rất đáng yêu. Chưa bao giờ em hình dung anh với khăn tắm h ồng cả. So với mọi khi thì sang quá đấy.

Cám dỗ ản nấp khắp nơi, anh nói. Cái n ữ thịt^[15] réo mời. Anh thì nghĩ đây là một cô bóp tay mơ, em nghĩ sao?

Anh vừa quấn cô trong một tấm khăn tắm h ồng, bế cô tới giường còn ướt và trơn tru ỉ truội. Bây giờ cả hai đã chui dưới tấm ga lụa nổi vân màu anh đào, tấm trải giả xa tanh, uống rượu scotch cô mang đến. Rượu vừa ngon, có mùi khói và ấm, trôi tuột xuống họng như kẹo bơ lỏng. Cô đuổi người khoan khoái, chỉ thoáng băn khoăn ai sẽ giặt ga.

Cô không bao giờ gạt được hẳn cảm giác đang xâm phạm những căn phòng ấy - cảm giác mình đang vi phạm ranh giới riêng tư của cái người không tên sống trong đó ngày thường. Cô muốn lục khắp các tủ, các ngăn kéo - không định lấy gì, chỉ nhìn thôi; xem những người khác sống thế nào. Những người có thật; những người thực hơn cô. Cô cũng muốn làm thế với anh, chỉ có đi ầu anh không có tủ cũng chẳng có ngăn kéo, hoặc không có cái nào là của anh. Không có gì mà tìm, không có gì có thể tiết lộ v ề anh. Chỉ có cái va li xanh đã sờn sùt cả, lúc nào cũng khóa. Thường nó nằm dưới g ầm giường.

Túi qu ần túi áo anh không nói lên gì hết; cô đã ngó qua một vài l ần. (Đấy không phải là do thám, chẳng qua cô muốn biết có gì ở đâu ra sao.) Khăn tay, màu xanh, viền trắng; ti ền lẻ; đi ầu lọc thuốc lá, hai cái, gói trong mẫu giấy sáp - chắc anh đang để dành. Một con dao gấp, đã cũ. Có l ần hai cái cúc, đứt từ sơ mi nào đó, cô đoán thế. Cô không ngờ ý khâu lại cho anh vì anh sẽ biết cô đang lục lọi. Cô muốn anh nghĩ mình đáng tin.

Bằng lái, không phải tên anh. Giấy khai sinh, cũng thế. Tên khác nhau. Cô muốn cào anh bằng một chiếc lược bí răng thật khít. Xới tung anh lên. Đốc ngược anh xuống. Đồ hết anh ra.

Anh hát khe khẽ, giọng nhừa nhựa, như vẫn thường nghe nỉ non trên đài:

Khói thuốc ngập phòng, vầng trăng quý ám, và em

Anh lén nụ hôn, em hứa cùng anh mãi mãi gần bên

Anh đưa bàn tay luồn bên dưới áo

Em cắn tai anh, chúng mình láo nháo

Nay trời đã sáng... và em đã vắng

Còn anh ôm sầu.

Cô cười ầm. Anh lấy ở đâu ra thế?

Đây là bài ca bớp của anh. Hợp với bối cảnh.

Cô ấy không hẳn là bớp. Tay mơ cũng không. Em không nghĩ cô ấy nhận tiền. Nhiều khả năng cô ấy được đền đáp theo cách khác.

Vô số sô cô la. Em có nhận không?

Vài xe tải thì em nhận. Em cũng cao giá vừa vừa đấy. Ga giường là lụa thật đấy, em thích màu này - hơi lố, nhưng khá ưa mắt. Tôn nước da, như chao nển hồng. Anh chế ra thêm gì chưa?

Thêm gì?

Thêm cho chuyện của em.

Chuyện của *em*?

Đúng thế. Không phải là chuyện dành cho em à?

Ồ phải, anh nói. Tất nhiên. Anh chẳng nghĩ đến thứ gì khác. Anh nằm thao thức đêm đêm.

Điều. Anh đã chán chưa?

Chuyện gì khiến em vui lòng thì chẳng bao giờ anh chán nổi.

Trời ơi, phong nhã quá. Chúng mình cần khăn tắm hòng nhiều hơn. Chẳng mấy chốc nữa anh sẽ quỳ xuống hôn hài pha lê dưới chân em. Nhưng thôi tiếp đi.

Đang đến đâu rồi?

Chuông đã điểm. Họng đã cắt. Cửa đang mở.

Ồ. Được thôi.

Anh nói: Cô bé chúng ta đang kể đã nghe cửa mở. Cô lùi lại sát tường, kéo chặn kim tuyến đỏ trên chiếc Giường Một Đêm quấn chặt lấy mình. Chăn có mùi lờ lợ, như đầm lầy ven biển khi triều xuống: mùi nỗi sợ khô dính lại của những cô bé đã qua cầu trước cô. Ai đó đã vào phòng; có tiếng vật nặng bị kéo lê trên sàn. Cửa lại đóng; phòng tối đen như mực. Sao không có đèn nền?

Cô đẩy đôi bàn tay ra trước để tự vệ, và thấy tay trái mình bị nắm lấy nằm gọn trong một bàn tay khác: nắm nhẹ nhẹ, không ép buộc. Như một câu hỏi đặt cho cô.

Cô không nói được. Cô không thể nói, *Tôi không nói được*.

Tay sát thủ mù để tẩm mạng giả đàn bà tuột xuống sàn. Vẫn nắm tay cô bé, nó ngổ xuống trên giường cạnh cô. Nó vẫn định tâm giết cô, nhưng cái đó để sau đã. Nó đã nghe kể về những cô bé bị cầm tù ấy, nhốt kín khỏi mắt thế gian cho đến tận ngày cuối cùng trong đời họ; nó thấy tò mò. Dù gì cô cũng gần như một món quà, dành riêng cho nó. Từ chối món quà như thế là khinh mạn thánh thần. Nó biết nó cần hành động khẩn trương, hoàn thành nhiệm vụ, cao chạy xa bay, nhưng vẫn còn khối thời gian cho việc đó. Nó ngửi thấy mùi hương người ta đã bôi lên người cô: mùi xe đẩy quan tài, chở những cô gái trẻ chưa chồng đã chết. Mật đời bỏ phí.

Nó không làm hỏng thứ gì đâu, hoặc ít ra trong số những thứ đã bỏ tiền mua: Diêm vương giả mạo hẳn đã đến và đi rồi. Lão ta có để nguyên bộ giáp phục hán gả không? Hẳn là có. Thọc vào cô như lưỡi chìa sắt kèn cồng, xoáy trong da thịt cô, vặn cô mở toác. Nó còn nhớ quá rõ cảm giác đó. Có làm gì, nó cũng sẽ không làm thế.

Nó nâng bàn tay cô lên và chạm môi vào, không phải như một nụ hôn mà là một cử chỉ tôn kính. Hỡi nữ nhân khoan hậu và tôn quý, nó nói - câu cửa miệng kẻ ăn mày khi cần khơi gợi một ân nhân - lời để vênh chực nhận cái thế của người đã dẫn tôi tới đây, dù có mặt ở đây là đâu tôi đã mang án tử. Tôi không thể nhìn được người bằng mắt, bởi tôi mù. Người có thuận lòng để tôi nhìn bằng đôi bàn tay này không? Đây sẽ là ân huệ cuối cùng, có thể cho cả chính người nữa.

Chặng đời làm nô và đi khách của nó không phải phí hoài: nó đã học được cách phỉnh nịnh, cách nói dối lẻo mồm, cách mua lòng sủng ái. Nó đặt ngón tay lên cằm cô, chờ đến khi cô do dự, rồi gạt đầu. Nó có thể nghe được ý nghĩ cô: *Ngày mai mình sẽ chết*. Nó tự hỏi cô có đoán được lý do thực sự nó ở đây hay không.

Một số đi đầu đẹp nhất lại được thực hiện bởi những kẻ không còn nơi bầu vú, những kẻ đã cạn thời gian, những kẻ thực sự hiểu nghĩa của từ *tuyệt lộ*. Chúng đã gạt bỏ tính toán về rủi ro và lợi lộc, chúng không nghĩ gì về tương lai, trước mũi giáo chúng bị cưỡng bức vào thì hiện tại. Khi bị quăng khỏi mép vực, người ta lộn nhào hoặc cất cánh bay; người ta chộp lấy mọi niềm hy vọng, dù khó tin đến mức nào, dù - nếu cho phép dùng cái chữ đã cùn mòn ấy - màu nhiệm đến mức nào. Qua chữ đó ý chúng ta là: *Một phần nghìn hy vọng*.

Và ấy là như thế, đêm nay

Tay sát thủ mù bắt đầu, thật chậm, chạm vào cô bé, chỉ bằng một tay - bàn tay phải, bàn tay xảo diệu, bàn tay cần dao. Nó đưa tay trên khuôn mặt cô, xuống cổ; rồi đến tay trái, bàn tay hiểm độc, dùng cả hai tay, thật dịu dàng, như đang mở một ổ khóa hết sức mong manh, một ổ khóa bằng lụa. Như làn nước đang ve vuốt. Cô run lên, nhưng không phải vì sợ như trước. Sau

một lúc cô buông rơi tấm kim tuyến quanh mình, nắm lấy bàn tay và dẫn đường cho nó.

Xúc giác đến trước thị giác, đến trước ngôn từ. Đó là ngôn ngữ đầu tiên và cũng là cuối cùng, nó luôn nói lên sự thật.

Đây là câu chuyện về tình yêu đến với cô gái không thể nói và người trai không thể nhìn.

Anh làm em ngạc nhiên đấy, cô nói.

Thế à? anh nói. Vì sao? Dù anh cũng thích làm em ngạc nhiên. Anh châm một điếu thuốc, mời cô một điếu; cô lắc đầu từ chối. Anh hút quá nhiều. Là tại căng thẳng, dù tay anh không run.

Vì anh nói đến tình yêu, cô nói. Anh đã cười nhạo khái niệm đó quá nhiều rồi - phi thực tế, mê tín kiêu tư sản, thói tận gốc lõi. Ủy mị đến tởm, hoa mỹ lối Victoria dọn đường cho nhục dục thực thà. Anh mền yếu đi rồi à?

Đừng có trách anh, hãy trách lịch sử, anh nói và mỉm cười. Những vụ kiêu đó có xảy ra. Tình yêu đã được chép trong sách, hoặc ít nhất là cái chữ đó. Dù sao thì anh đã nói là nó đang nói dối.

Anh đừng hòng gỡ gạc cách đó. Nói dối là lúc đầu thôi. Sau anh đã đổi rồi.

Thì đừng ý. Nhưng cũng có thể nhìn nhận nó theo cách khác, bớt suốt mướt hơn.

Nhìn nhận cái gì?

Cái thương vụ yêu đương này.

Nó trở thành thương vụ từ lúc nào vậy? cô tức giận nói.

Anh mỉm cười. Khái niệm đó khiến em bức à? Có mùi tiền nong quá à? Lương tâm của chính em không chịu nổi, ý em là vậy phải không? Nhưng lúc nào chuyện đó chẳng có đổi chác, em đừng ý không?

Không, cô nói. Không có. Không phải lúc nào cũng vậy.

Em cũng có thể nói nó chộp lấy cái gì đến trong tay. Tại sao không? Nó không được dạy phải ngại ngùng, đời nó chỉ có giết hoặc bị giết từ thuở lọt lòng. Hoặc em có thể nói cả hai đều quá nhỏ và thiếu hiểu biết. Người trẻ thường xuyên nhầm tưởng dục vọng là tình yêu, chúng bị tiêm nhiễm thói lý tưởng hóa đủ chủng loại. Và anh đâu đã nói là sau đó nó không giết cô bé. Như anh đã chỉ ra, nó đặt vị kỷ lên trên hết.

Tức là anh rút vòi, cô nói. Anh đang tính bài chuồn, anh nhát như cáy. Anh không dám làm tới cùng. Anh như tình yêu như gái tân như dãi.

Anh bật cười, tiếng cười chột dạ. Có phải là vì cái từ thô tục, có phải anh giết mình, có phải cô rốt cuộc đã làm anh giết mình? Ăn nói cẩn thận tí, tiểu thư.

Tại sao em phải thế? Anh có thể đâu?

Không nên theo gương xấu. Thôi hãy nói rằng chúng có thể nuông chiều bản thân - nuông chiều xúc cảm của mình, nếu em thích gọi thế. Chúng có thể lẫn lộn trong xúc cảm - sống vì hiện tại, phụt thơ ca ra cả hai đầu, đốt cháy nền, dốc cạn chén, hú mặt trắng. Thời gian đang cạn dần. Chúng không có gì để mất.

Nó có. Hoặc chắc chắn nó tưởng là mình có!

Được thôi. *Cô bé* không có gì để mất. Anh thổi ra một luồng khói.

Không phải như em, cô nói, chắc anh định nói thế.

Không phải như em, em yêu ạ, anh nói. Như anh. Anh mới là kẻ không có gì để mất.

Cô nói, Nhưng anh có em. Em đâu phải không là gì.

NGÔI SAO TORONTO, 28 THÁNG TÁM 1935 NỮ SINH THƯƠNG LƯU ĐÃ ĐƯỢC TÌM THẤY AN TOÀN

Bản tin độc quyền

Cảnh sát ngày hôm qua đã dừng cuộc tìm kiếm nữ sinh thương lưu mười lăm tuổi Laura Chase, mất tích hơn một tuần, sau khi cô Chase đã được tìm thấy an toàn, đang ở cùng những người bạn của gia đình là ông bà E. Newton-Dobbs ở nhà nghỉ mùa hè tại Muskoka. Nhà công nghiệp nổi danh Richard E. Griffen, anh rể cô Chase, đã trả lời bốn báo qua điện thoại thay mặt cả gia đình. “Bà nhà và tôi hết sức nhẹ nhõm,” ông nói. “Đây chỉ là nhầm lẫn nhỏ, do một lá thư nhà bưu chính giao muộn. Cô Chase đã lên kế hoạch đi nghỉ và tin tưởng chúng tôi đã biết kế hoạch này, cả ông bà chủ nhà cũng vậy. Họ không đọc báo trong thời gian đi nghỉ, nếu không sự nhầm lẫn này đã không bao giờ xảy ra. Khi trở về thành phố và nhận biết tình hình, họ đã gọi cho chúng tôi ngay lập tức.”

Trả lời câu hỏi về tin đồn rằng cô Chase đã bỏ nhà đi và được phát hiện trong những hoàn cảnh lạ thường ở công viên giải trí Sunnyside, ông Griffen nói ông không biết kẻ nào đã phát tán những bịa đặt ác ý này nhưng quyết tâm sẽ tìm ra bằng được. “Đây chỉ là một hiểu lầm vặt, có thể xảy ra với bất kỳ ai,” ông cho biết. “Bà nhà tôi và tôi rất mừng vì em vợ tôi được an toàn, và chân thành cảm tạ cơ quan an ninh, giới thông tấn và công chúng đã quan tâm giúp đỡ.” Theo lời ông cô Chase rất mất bình tĩnh vì sự chú ý của dư luận, và từ chối trả lời phỏng vấn.

Dù không để lại hậu quả lâu dài nào, đây không phải là lần đầu tiên có trở ngại nghiêm trọng gây ra vì bưu cục làm ăn trễ nải. Công chúng có quyền hưởng một dịch vụ đáng tin cậy mà không phải đề phòng. Các quan chức chính quyền nên lưu ý.

TAY SÁT THỦ MÙ: ĐI PHỐ

Cô đi trên phố, hy vọng mình trông giống một người đàn bà có quyền đi trên phố. Hoặc trên phố này. Nhưng cô không giống. Bộ đồ lác điếu, cái mũ lác điếu, áo khoác cũng lác điếu luôn. Lẽ ra cô phải có cái khăn trùm lên đầu, buộc lại dưới cằm, áo khoác thùng thình đã sờn tay áo. Lẽ ra trông cô phải đậm bạc và tăn tiện.

Nhà cửa khu này kề vai chen chúc. Nhà nhỏ cho người hời ngày xưa, từng dây san sát, nhưng bây giờ người hời đã ít hơn xưa, còn người giàu đã sắp đặt kiểu khác. Gạch ám tro, hai phòng trên, hai phòng dưới, nhà tiêu chòi sau lưng. Một số còn thấy dấu tích vườn rau trên bãi cỏ trước nhà tí xiu - dây cà chua đen sạm, giàn gỗ còn đung đưa dây. Vườn chắc không bới được nhiều - nhìn là thấy quá thiếu nắng, đất thì lầy xỉ. Nhưng cả ở đây cũng đã qua một mùa thu rực rỡ, lá còn lại trên cành vẫn đủ màu vàng cam và đỏ son, thêm màu đỏ thẫm như gan tươi.

Trong các nhà vọng ra tiếng gào, tiếng sủa, tiếng lóc xóc hay đập đánh rầm. Giọng đàn bà rít lên trong diên giận dè nén, tiếng hét trẻ con cãi lại. Trên hàng hiên chật chội đàn ông ngồi trên ghế gỗ, tay vắt trên gối, mất việc làm nhưng chưa mất nhà và miệng ăn phải nuôi. Mắt dõi theo cô, mày nhíu, thù hằn ghi nhận cổ tay và cổ áo vì ền lông, túi xách da thần lẩn. Cũng có thể họ chỉ là người trọ, bị nhét vào hời cùng mọi xó xỉnh để đắp vào tời nhà.

Đàn bà hối hả đi qua, đầu cúi, vai so lại, tay ôm từng bọc giấy nâu. Có chằng, hẳn rỗi. Người ta nghĩ đến từ *om*. Họ là loại người nài từng cục xương từ lò mổ, loại người đi mót những mẫu bạc nhạc, để dọn lên bàn với bắp cải nát. Vai cô xuôi quá, cằm cô hất quá, cô không có vẻ rã rượi kia: khi họ ngừng đầu đủ để thẳng mặt cô, mỗi cái nhìn đầu hẳn học. Họ hẳn nghĩ cô là gái làm tời, nhưng sao lại xuống khu này với đôi giày thế kia? Dưới tời cô quá mức.

Quán đây rỗi, ở góc đường như anh đã nói. Một hàng bia. Đàn ông tùm tùm thành đám bên ngoài. Không ai gọi với đằng sau khi cô đi qua, họ chỉ

giương mắt như từ trong bụi nhìn ra, nhưng cô nghe được tiếng rì rầm, ghét bỏ và thèm muốn quện nhau trong cổ họng, bám theo cô như sóng đuôi tàu. Có lẽ họ tưởng cô là người nhà thờ hay một mục làm phước thóc mách. Chọc ngón tay kỳ cọ trắng trơn vào đời họ, hỏi hỏi han han, đãi họ những miếng thừa từ thứ lòng thương kẻ cả. Nhưng áo quần cô quá sang so với giới đó.

Cô đã gọi tắc xi, dừng lại trả tiền cách đây ba khối nhà, nơi xe cô còn đông. Tốt nhất không nên tạo dè dặt đàm tiếu: có ai đi bắt tắc xi bao giờ, ở khu này? Mặc dù thế này thì cô cũng đủ thành chuyện đàm tiếu rồi. Cái cô cần là một chiếc áo khác, nhặt ở một hàng lạc xoong nào đấy, dúi vào va li. Cô có thể vào nhà hàng ở một khách sạn nào, gửi áo khoác cho lễ tân, trốn vào phòng trang điểm thay đồ. Vò rối tóc, chùi son môi. Trở ra là một người đàn bà khác.

Không. Kế hoạch đó chẳng ăn thua đâu. Còn cái va li trước hết: còn làm sao mang khỏi cửa. *Em đi đâu mà vội vàng thế?*

Và thế là cô mắc kẹt trong vở kịch giả trang mà không có lớp giả trang. Chỉ dựa vào khuôn mặt cô, vào xảo thuật của nét mặt. Đến giờ cô đã tôi luyện khá nhiều rồi, để được trơn tru, lạnh lùng, trống rỗng. Động tác nhướng cả hai mày, cái nhìn bộc trực trong veo của kẻ hai mang. Mặt nước trong vắt. Quan trọng không phải là biết nói dối, quan trọng là biết tránh không cần nói dối. Khiến mọi câu hỏi trở thành ngớ ngẩn chưa cần thốt ra lời.

Nhưng cũng có chút nguy hiểm. Cho cả anh nữa: nhiều hơn trước, anh đã bảo thế. Anh nghĩ mình bị phát hiện một lần, trên phố: bị nhận ra. Một thằng mặt rỗ từ Đội tiểu Đổ^[16], chắc vậy. Anh đã đi xuyên qua một quán bia chật cứng, ra bằng cửa sau.

Cô không biết mình có nên tin không, những nguy cơ kiểu ấy: những người mặc vét phồng lên, cổ áo bẻ đứng, những xe theo dấu. *Vào xe đi. Chúng tao đưa mày đi.* Phòng trống trơn, đèn sáng gắt. Quá giống sân khấu, mặt khác lại quá giống những chuyện chỉ xảy ra trong sương mù, trong màu trắng đen. Trong những đất nước khác, trong những ngôn ngữ khác. Hoặc nếu ở đây, thì cũng không phải trong đời cô.

Nếu bị bắt, cô sẽ chối bỏ anh, trước cả khi gà gáy lần đầu^[17]. Cô biết là thế, đơn giản và bình tĩnh. Dù sao thì cô cũng sẽ được thả ra, chuyện cô với anh coi như một trò đan dứu nhõ nhăng hoặc nổi loạn chơi khăm, và có gây ra chấn động nào thì cũng sẽ được bít kín. Sau hậu trường cô sẽ phải trả giá, tất nhiên, nhưng trả gì? Cô đã cạn túi rồi: chẳng thể đánh đá bất máu. Cô sẽ đóng cửa khóa mình, khép cửa chớp. Nghỉ ăn trưa, vĩnh viễn.

Gần đây cô có cảm giác ai đó theo dõi mình, dù mỗi lần cô thám thính đầu chẳng thấy ai. Cô bắt đầu cẩn thận hơn; cô đang cẩn thận hết sức có thể. Cô có sợ không? Có. Hầu như luôn luôn. Nhưng nỗi sợ chẳng thay đổi gì. Hay đúng hơn, có thay đổi. Nó khiến niềm khoái lạc ở bên anh càng sắc nét, lại cả cảm giác cô đang thoát thân trót lọt.

Nguy hiểm thực sự là ở tại chính cô. Cô sẽ cho phép những gì, sẽ đồng ý đi xa đến đâu. Nhưng cho phép hay đồng ý không có chỗ ở đây. Đúng hơn là sẽ bị đẩy đến đâu, sẽ bị đưa đi đâu. Cô chưa hề xem xét những động cơ của mình. Cũng có thể chẳng có động cơ nào cả; ham muốn không thể tính là động cơ. Cô không thấy mình có lựa chọn. Khoái lạc quá quắt đến thế cũng là một nỗi hổ nhục. Giống như bị lôi đi bằng một sợi dây ê chề, một vòng thừng quanh cổ. Cô thù nó, cái sự thiếu tự do này, và vì thế cô nấn ná những khoảng gián cách, cô ăn dè anh. Cô cho anh leo cây, cô bịa ra đủ có tại sao không đến được - cô nói không nhìn thấy vết phấn trên tường công viên, không nhận được ám hiệu - địa chỉ mới của cửa hàng váy không có thực, bưu thiếp gửi từ bạn cũ chưa bao giờ quen, cú điện thoại nhảm nhí.

Nhưng cuối cùng cô vẫn trở lại. Cường lại chẳng ích gì. Cô đến với anh để được mất trí, để được lãng quên. Cô nộp mình, cô bị xóa trống; bước vào màn đêm là thể xác chính mình, đánh mất tên mình. Cô muốn được hiến tế, dù trong chốc lát. Được tồn tại vô giới hạn.

Tuy thế, cô vẫn thấy mình băn khoăn về những đi đâu lúc trước không bao giờ nghĩ đến. Quên áo tắm anh làm thế nào? Có lần thấy tất phơi trên máy sưởi - anh thấy cô nhìn, bèn quơ biến đi mất. Anh dọn phòng trước khi cô tới, hoặc ít ra có đẹp qua. Anh ăn ở đâu? Anh từng bảo không muốn bị thấy mãi ở một chỗ. Chắc hẳn anh xoay vòng khắp nơi, hết quán này đến hàng kia, thay đổi. Từ miệng anh những chữ đó tỏa hào quang ám muội. Có

những ngày anh lo lắng hơn, án binh bất động, không đi ra ngoài; lỗi tảo xuất hiện ở phòng này hay phòng khác, vụn bánh rơi trên sàn.

Anh lấy đâu ra mà có tảo với bánh? Anh kiệm lời khó hiểu về những tiểu tiết này - những gì diễn ra trong đời anh khi cô không có đó. Có thể anh nghĩ sẽ bị hạ thấp trong mắt cô, nếu cô biết quá nhiều. Quá nhiều mẫu vụn nhom nhoam. Có thể anh nghĩ đúng. (Hàng dãy tranh trong các phòng triển lãm, đàn bà bị bắt tại trận trong những khoảnh khắc riêng tư. Nữ Thần Rừng Đang Ngủ. Susanna Và Hai Trưởng Lão. Người Đàn Bà Tắm, một chân nhúng trong chậu thiếc - Renoir, hay là Degas? Cả hai, và hai người đàn bà đầu mập. Diana cùng đoàn thanh nữ, một khắc trước khi nhận ra đôi mắt hau háu của tay thợ săn. Chưa từng có trên đời bức tranh nào mang tên Một Người Giặt Tất Trong Bồn Rửa.)

Lãng mạn diễn ra từ khoảng cách lưng chừng. Lãng mạn là nhìn chính mình từ ngoài, qua cửa sổ mờ sương sớm. Lãng mạn nghĩa là lược bớt nhiều đi đâu: nếu đời thực lâu nhàu và sứt sứt, lãng mạn chỉ thở dài. Cô có muốn nhiều hơn không - muốn anh đầy đủ hơn? Muốn bức tranh toàn cảnh?

Nguy hiểm sẽ là nếu nhìn quá gần và thấy quá nhiều - thấy anh teo lại, và cô cũng rút theo. Rồi tỉnh giấc trắng tay, tất cả đã dùng cạn - hết sạch sành sanh. Cô sẽ chẳng còn gì. Cô sẽ *bắn cùng*.

Một từ cũ kỹ.

Anh không tới đón cô lần này. Anh đã nói tốt hơn không nên. Cô đã phải tự tìm lấy đường. Trong lòng găng tay giắt mảnh giấy gấp lại hình vuông, viết những chỉ dẫn bí hiểm, nhưng cô không cần đọc. Cô có cảm thấy màu trắng sáng sát da mình, như mặt đồng hồ dạ quang trong bóng tối.

Cô tưởng tượng anh đang tưởng tượng cô - tưởng tượng cô đi trên phố, mỗi lúc một gần, sắp tới. Anh có sốt ruột, bồn chồn, có thấy đợi chờ khó chịu? Anh có giống cô? Anh thích tỏ ra thờ ơ - tỏ ra anh có cần biết liệu cô tới hay không - nhưng đây chỉ là màn diễn, trong số nhiều màn khác. Chẳng hạn anh không còn hút thuốc lá hộp nữa, không còn đủ tiền. Anh tự cuốn lấy, dùng một thứ dụng cụ cao su hồng trông rất tởm cuốn được ba

điều mỗi lần; anh lấy dao cạo cắt ra, rồi nhét vào gói Craven A. Và những chuyện dối gạt, hay phù phiếm nho nhỏ khác; thấy anh cần làm thế mà cô quặn lòng.

Thình thoảng cô mang thuốc cho anh, cả một năm - hào phóng, thừa thãi. Cô trộm từ hộp thuốc lá bạc trên bàn trà thủy tinh, nhét vào ví. Nhưng cô không làm thế luôn luôn. Tốt nhất là để anh nhấp nhồm, tốt nhất nên mặc anh thiếu thốn.

Anh nằm ngửa, no nê, rít thuốc. Nếu cô muốn lời ngọt ngào, cô phải đòi từ trước - phải nắm chắc đầu tiên, như gái điếm lấy tiền. Dù cũng thật là bủn xỉn. *Anh nhớ em lắm*, có khi anh nói thế. Hoặc: *Ở bên em bao nhiêu cũng không đủ*. Mắt nhắm lại, răng nghiến chặt để kìm lại; cô nghe được sát cổ họng mình.

Khi đã xong, cô sẽ phải mớm.

Nói gì đi.

Gì là gì?

Gì là gì anh muốn.

Nói xem em muốn nghe gì.

Nếu em nói thế rồi anh nói, em sẽ không tin.

Vậy hãy cố đọc ra ẩn ý.

Nhưng đâu có ý nào mà đọc. Anh chẳng nói câu nào.

Lúc đó có thể anh sẽ hát:

Ô, anh đút như thế này, rồi anh rút như thế kia,

Và khói vẫn lên ống như thế ấy...

Ý đó thì sao? anh sẽ hỏi.

Anh đúng là đờ đẫn.

Anh chưa bao giờ nhận khác.

Chẳng có gì lạ là họ lại quay về kể chuyện.

Cô rẽ trái khi đến hàng sửa giày, rẽ qua một khối nhà nữa, rẽ hai cửa. Rẽ khu chung cư nhỏ: Nhà Excelsior. Hẳn là đặt theo bài thơ của Henry Wadsworth Longfellow^[18]. Một từ xa lạ trên cờ, một hiệp sĩ hy sinh mọi vấn vương trần thế để vươn tới đỉnh cao. Đỉnh cao của cái gì? Của lòng mộ đạo xa lông tư sản. Quá nhảm nhí, đặt giữa chốn này.

Nhà Excelsior xây bằng gạch đỏ có ba tầng, mỗi tầng bốn cửa sổ, ban công sắt uốn - trông giống bầu cửa hơn ban công, chẳng đủ chỗ kê ghế. Ngày xưa là trên một bậc so với cả vùng, bây giờ dành cho những người vắt vẻo bên lề. Trên một ban công ai đó đã chế thêm sợi dây phơi; miếng giẻ lau ngả màu vắt trên dây trông như quân kỳ một binh đoàn bại trận.

Cô đi qua khu chung cư, rẽ qua đường ở ngã tư sau. Tới đó cô dừng lại nhìn xuống như có gì dính gót giày. Nhìn xuống, rẽ ngoái lại. Không có ai bước đằng sau, không có xe nào bò chậm. Một bà đẩy đà chập vọt trên thềm trước, mỗi tay một túi lưới như hai quả bí dầm tàu; hai thằng bé rách vá đuổi theo con chó dơ dáy trên vỉa hè. Không thấy đàn ông trừ ba lão ma xó vỉa hè gặp người trên tờ báo đọc chung.

Cô liền quay mình bước trở lại lối cũ, và khi đến Nhà Excelsior cô lủi vào ngách bên nhà và hối hả đi, buộc mình không được chạy. Nhựa đường trải không phẳng, gót giày quá cao. Đây thật không phải lúc nên treo chân. Bây giờ cô thấy mình phơi ra, thấy mình mắc bẫy giữa ánh nhìn, dù không có cửa sổ. Tim cô đập thình thịch, hai chân lẩy bẩy, như bún. Nỗi sợ đã cắm vuốt vào cô, tại sao?

Anh không có đây đâu, một giọng nhỏ nhẹ cất lên trong đầu; một giọng nhỏ nhẹ và đau đớn, một giọng ảo não rù rì như cu gáy. Anh đã đi rồi. Anh đã bị bắt đi rồi. Mi sẽ không bao giờ thấy anh nữa. Không bao giờ. Cô gần phát khóc.

Thật ngớ ngẩn, sao lại đi dọa mình như thế. Nhưng cũng có sự thực trong đó phần nào. Anh có thể biến mất dễ dàng hơn cô nhiều: cô có địa chỉ cố định, anh luôn biết phải tìm cô ở đâu.

Cô dừng lại, đưa cổ tay lên, hít mùi lông thú xịt nước hoa để trấn tĩnh lại. Có cánh cửa sắt sau lưng chung cư, dành cho người làm. Cô gõ nhẹ.

TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI GÁC CÔNG

Cửa mở, anh có nhà. Cô chưa kịp thở phào đã bị kéo vào trong. Hai người đang đứng trên chiếu nghỉ; cầu thang phụ. Không có đèn, chỉ có ánh sáng chiếu vào qua cửa sổ, đầu đó trên đầu. Anh hôn cô, hai tay áp hai bên má cô. Da cảm anh ram ráp. Anh đang run lên, nhưng không phải vì thèm muồn, hoặc không chỉ vì thế.

Cô lùi lại. Trông anh như tướng cướp ấy. Cô chưa nhìn thấy tên cướp nào ngoài đời; cô chỉ nghĩ đến các tên cướp trong nhạc kịch. Toán buôn lậu của *Carmen*. Than bần kín mặt^[19].

Xin lỗi, anh nói. Anh phải nhờ trại gấp quá. Có thể chỉ là báo động giả, nhưng anh cũng phải bỏ lại mất mấy thứ.

Kể cả dao cạo râu?

Và nhiều thứ khác. Vào đây - ở dưới này.

Cầu thang rất hẹp: bậc gỗ không sơn, tay vịn bằng thanh gỗ trăn. Hết cầu thang là sàn xi măng. Có mùi than bụi, một thứ mùi hằm ngằm thối tậ xương, như mùi đá ẩm trong lòng hang.

Trong này này. Phòng cho người gác công.

Nhưng anh có phải gác công đâu, cô nói và cười khúc khích. Phải không?

Giờ thì có. Hoặc ít ra là chủ nhà nghĩ thế. Ông ta có đảo qua vài lần rồi, toàn sáng sớm, kiểm tra xem anh đã nhồi than vào lò chưa, mà có nhồi nhiều quá không. Ông ta không muốn chứa khách trọ nóng, thế thì tốn kém quá; hâm hâm là đủ rồi. Cũng không ra cái giường lắm đâu.

Vẫn là cái giường, cô nói. Khóa cửa đi.

Cửa không khóa được, anh nói.

Có cửa sổ nhỏ, với các chấn song; có di hài một cái rèm. Ánh sáng chiếu qua màu gỉ sắt. Hai người đã chống ghế lên nắm đấm cửa, các thanh ngang chân ghế rụng gần hết, đem làm củi được rồi. Chẳng ra dáng rào cản lắm. Cả hai nằm dưới tấm chăn duy nhất lấm tấm mốc, trên phủ áo khoác của anh và cô. Vải trải thôi đừng nghĩ đến thì hơn. Cô sờ thấy được từng đẽ xương sườn anh, lần tay theo đoạn hõm ở giữa.

Dạo này ăn gì?

Đừng có nhì nhèo.

Anh gầy quá. Em có thể mang đồ qua - đồ ăn.

Nhưng em cũng đâu có đầu đạn lắm, phải không? Chờ được em đến chắc anh đã chết đói. Mà đừng lo, anh sẽ biến khỏi đây sớm thôi.

Biến khỏi đâu? Phòng này, hay thành phố này, hay...

Anh không biết. Đừng lằng nhằng.

Em muốn biết, thế thôi. Em lo, em muốn...

Nghỉ đi.

Thôi được rồi, cô nói, có lẽ đã đến lúc trở lại Zycron. Trừ khi anh muốn em về.

Chưa. Ở lại chút nữa đi. Anh xin lỗi, nhưng dạo này hơi căng thẳng. Đến đâu rồi nhỉ? Anh quên mất rồi.

Nó đang nghĩ xem nên cắt cổ cô bé hay yêu cô suốt đời.

À phải. Lựa chọn muôn đời.

Nó đang nghĩ xem nên cắt cổ cô bé hay yêu cô suốt đời, thì - nhờ thính giác tinh nhạy luyện được trong cảnh mù lòa - bỗng nhận ra tiếng kim loại kèn kẹt xúng xoảng. Những vòng xích cọ nhau, những cùm tay chuyển động. Tiếng động trong hành lang càng lúc càng gần. Giờ nó đã biết Diêm

vương vẫn chưa thực hiện màn giáng lâm đất đỏ: nó nhận ra nhờ tình trạng của cô bé câm. Chưa bóc tem, ta hằng gọi vậy.

Làm gì đây? Nó có thể lách ra sau cửa hoặc luồn dưới gầm giường, bỏ mặc cô cho số phận, rồi lại trở ra hoàn thành công việc được thuê. Nhưng hoàn cảnh này, nó không mấy hào hứng làm chuyện đó. Hoặc nó có thể đợi đến khi viên đại thần đã vào cuộc không còn biết sự gì trên đời, và lên ra khỏi cửa; nhưng nếu thế, danh dự của cả nhóm sát thủ - của nghiệp đoàn, có thể gọi thế - sẽ chịu tổn hại.

Nó nắm lấy tay cô bé, đặt bàn tay cô lên miệng cô, ra dấu phải im lặng. Rồi nó dẫn cô dậy khỏi giường, ấn cô vào sau cửa. Nó kiểm tra lại cho chắc cửa không khóa, như đã giao ước. Người đang đến không muốn có ai canh cửa: khi thỏa thuận với Nữ thượng tế, ông ta nhấn mạnh không có người thứ ba. Mục đích phải tự biết mà lánh đi khi nghe ông ta tới.

Tay sát thủ mù lôi xác người canh cửa dưới giường ra, đặt bà ta nằm trên tấm chăn trên cùng, đẩy khăn che vết cửa trên hõng. Cái xác vẫn chưa lạnh, máu đã ngừng rỉ ra. Nếu vận rủi thì gã kia sẽ thấp nển rất sáng, còn không, nhà ngói cũng như nhà tranh. Các thiếu nữ nuôi trong đền đã được đào tạo phải nằm chờ đợi. Gã đàn ông, loay hoay trong bộ cánh giả thần kỳ càng - đủ cả mũ trụ và tấm che mắt theo truyền thống - có thể phải một lúc mới phát hiện ra mình đang phịch nhàn người, và lại là người chết.

Tay sát thủ mù kéo tấm màn kim tuyến quanh giường gần kín. Rồi nó tới bên cô bé, ép cho cả hai dán chặt vào tường.

Cánh cửa rên rỉ mở. Cô bé nhìn vệt sáng tiến qua phòng. Diêm vương đại nhân rõ ràng là không nhìn được rõ; hẳn ta vấp phải gì đó và chửi tục. Bây giờ hẳn ta đang bận rộn gỡ các nếp màn quây quanh giường. Con chim nhỏ dễ thương xinh đẹp đâu rồi? hẳn ta nói. Hẳn ta sẽ chẳng ngạc nhiên khi thấy cô không trả lời, vì cô đã câm một cách tiện lợi thế cơ mà.

Tay sát thủ mù luồn ra từ sau cửa, dẫn theo cô bé. Làm thế nào ta gỡ được cái cửa khỉ này? Diêm vương đang lau bầu. Hai đứa lần qua cánh cửa, rồi lên ra hành lang, tay nắm tay, như trẻ con trốn mắt nhìn người lớn.

Đằng sau chúng một tiếng thét vang lên, vì tức giận hay kinh hoảng. Đặt bàn tay lên tường, tay sát thủ mù co căng chạy. Nó giật đuốc khỏi đế trên đường chạy qua, ném ra sau lưng, hy vọng làm chúng tắt.

Nó biết rõ mọi ngõ ngách trong đền, nhờ tay sờ và mũi ngửi; việc của nó đòi hỏi nắm rành tất cả. Cũng nhờ thế nó biết rõ đường đi trong kinh thành, đủ để chạy như con chuột giữa mê cung - nó nhớ từng cánh cửa, từng đường hầm, từng hang hốc và ngõ cụt, từng rãnh ngang, từng hào rãnh - ngay cả từng mật khẩu, phần lớn mọi nơi. Nó biết vách tường nào có thể trèo lên, nắm rõ từng mẫu đặt chân. Bây giờ nó đẩy một phiến cẩm thạch - trên có đắp nổi hình Thần Tan Vỡ, thánh bảo hộ những kẻ trốn chạy - và cả hai đã chìm trong bóng tối. Nó biết vậy vì cô bé đang loạng choạng, và lần đầu tiên nhận ra rằng đưa cô bé theo sẽ làm chậm bước mình. Nó sẽ gặp trở ngại vì cô bé nhìn được.

Ở bên kia bức tường tiếng chân đang chạy qua rãnh rập. Nó thì thầm, Bám chặt áo tôi, và thêm, rất không cần thiết: Đừng nói gì cả. Cả hai đã vào tới mạng lưới những đường ngằn bí mật vẫn cho phép Nữ thượng tế và đám thủ túc nắm được biết bao bí mật quý báu của những kẻ tới đền ước hẹn, hay xưng tội với Nữ thần, hay cầu nguyện, nhưng chúng phải thoát khỏi đây càng nhanh càng tốt. Suy cho cùng, đây là nơi Nữ thượng tế sẽ tìm tới đầu tiên. Nó cũng không thể đưa hai đứa thoát ra qua tảng đá đã gỡ khỏi tường ngoài, đường nó đã vào. Diêm vương giả có thể biết chỗ đó, chính hắn ta đã thu xếp vụ giết chóc cũng như thời gian và nơi chốn, và có lẽ lúc này đã đoán ra sự trở cò của tay sát thủ mù.

Qua lớp đá dày, tiếng chiêng đồng nghiền nghệt. Nó nghe được chấn động qua bàn chân.

Nó dẫn cô bé qua hết tường này đến tường khác, rồi ngoặt xuống một cầu thang chật chội đột ngột xuất hiện. Cô bé đang thút thít vì hoảng sợ, bị cắt lưới không làm ngưng tuyến nước mắt của cô. Tội nghiệp con nhỏ, nó nghĩ. Nó sờ tìm miệng cống bỏ không nó biết là ở đó, bế bổng cô lên gầy, chìa bàn tay để cô đặt chân, rồi đu người lên bên cạnh. Bây giờ cả hai phải bò rập theo lòng cống. Có mùi khó ngửi, nhưng là một mùi đã phai. Xú khí của người, đã tắc lại, rã thành bụi.

Giờ thì đã có khí trời. Nó hít mạnh, đánh hơi tìm mùi khói đuốc.

Trời có sao không? nó hỏi cô bé. Cô gật đầu. Vậy là không mây. Quá đen. Phải có hai trong số năm mặt trăng đang chiếu - nó tính theo ngày trong tháng - và ba cái kia sẽ lên theo rất nhanh. Hai đĩa sẽ lộ ra từ giờ đến hết đêm, còn đến sáng chúng sẽ chói lóa.

Ban quản đền chắc chắn không muốn chuyện chúng bỏ trốn lan ra đại chúng - như thế thì quá mất mặt, có thể còn dẫn đến nổi loạn. Sẽ có một cô bé khác bị chọn làm vật tế: tấm mạng trùm lên, ai biết là đâu? Nhưng sẽ có cả đội quân sẵn lòng chúng, thẫn lạng nhưng không ngừng nghỉ.

Nó có thể đưa cả hai nấu vào một hang lánh nạn, nhưng sớm muộn gì cũng phải chui ra tìm thức ăn nước uống. Có một mình nó có thể trốn thoát, nhưng cả hai thì không.

Nó vẫn có thể bỏ rơi cô. Hoặc cho cô nhát dao, ném cô xuống giếng.

Không, nó không làm được.

Vẫn còn sào huyệt của các sát thủ mù. Đây là nơi tất cả tụ tập về khi rảnh việc, để trao đổi tin tức, chia chác chiến lợi phẩm và huênh hoang kể chiến công. Nơi này táo tợn đặt ngay dưới phòng xử án trong cung điện chính, một cái động sâu lót đầy thảm - thảm mà các sát thủ mù bị bắt dẹt khi còn nhỏ, rồi sau này ăn trộm về. Chúng nhận ra nhờ tay sờ, và thường ngửi trên thảm, hút cỏ *fring* để chìm vào ảo giác và đưa tay lần theo các hoa văn, các màu sắc hoa lệ mà nhớ lại những màu sắc ấy trông ra sao, rồi chúng còn nhìn được.

Nhưng chỉ các sát thủ mù mới được phép vào tới hang này. Đây là một hội đoàn bí mật, người ngoài đưa vào chỉ là những chiến lợi phẩm. Hơn nữa, nó đã phản bội đạo đức nghề nghiệp khi cứu sống một người nó nhận tiền để giết. Các sát thủ mù hết sức trung thành với nghề, chúng đặt danh dự vào những giao ước được hoàn thành, chúng không tha thứ kẻ nào vi phạm điều lệ chung. Chúng sẽ giết nó không xót thương, rồi chẳng mấy sau cũng đem cô giết nốt.

Rất có thể một đ^ong bọn của nó sẽ được thuê truy tìm hai đ^ua. Chỉ có trộm mới sẵn được trộm. R^ấ chẳng mấy chốc chúng sẽ hết đời. Nội mùi hương của cô cũng đủ tố giác chúng r^ấ - người ta đã ướp hương cô đến tận chân tóc.

Nó sẽ phải đưa cô ra khỏi Sakiel-Norn - ra khỏi kinh thành, ra khỏi địa bàn quen thuộc. Nguy hiểm rất lớn, nhưng không lớn bằng nếu ở lại đây. Có thể nó sẽ còn đưa được cô ra tận cảng, lên một con tàu. Nhưng làm thế nào trốn qua cổng thành? Cả tám cổng đ^{ều} khóa và đặt lính canh, đêm nào cũng vậy. Có một mình, nó có thể vượt tường - ngón tay ngón chân nó biết bám dính như thần lẩn - nhưng đem cô đi cùng thì đúng là tai vạ.

Vẫn còn một lối nữa. Lắng tai nghe từng bước, nó dẫn cô đi xuống đ^ầi, tới mé thành gần biển nhất. Nước của mọi ngu^ờn suối ở Sakiel-Norn đ^{ều} đổ về một kênh chính, con kênh này dẫn nước lu^un dưới chân thành, qua cống ng^ần có tr^ần vòm. Mực nước cao quá đ^{ều} người lớn và dòng chảy rất xiết, nên không ai li^{ều} chui vào thành nhờ đường đó bao giờ. Nhưng còn chui ra?

Dòng nước chảy sẽ xóa bớt mùi.

Nó thì biết bơi. Đây là một trong những kỹ năng mà mọi sát thủ đ^{ều} bỏ công luyện tập. Nó đoán, chính xác, rằng cô bé không bơi được. Nó bảo cô bỏ hết quần áo r^ấ cuộn thành một bó. R^ấ nó trút bỏ áo choàng của đ^{ền} và buộc quần áo mình vào bó áo của cô. Nó thắt nút miếng vải quanh vai, r^ấ buộc quanh cổ tay cô, và dặn nếu nút thắt tuột cô nhất định không được buông nó ra, dù có chuyện gì đi nữa. Khi vào cống vòm, cô sẽ phải nín thở.

Chim *nyerk* đã bắt đ^ầu trở dậy; nó nghe thấy những tiếng quàng quạc đ^ầu tiên; chẳng mấy chốc trời sẽ sáng. Cách đây ba dãy phố, có người đang tiến đến, bước đ^ầu và kiên quyết, như đang dò tìm. Nó nửa l^ơi, nửa đẩy cô bé vào nước lạnh. Cô hồn h^ển, nhưng cũng làm như nó dặn. Cả hai trôi theo dòng; nó l^ần tìm dòng chảy chính, nghe tìm tiếng ùng ục cuộn xiết khi nước đổ vào cống vòm. Vào sớm quá chúng sẽ không đủ hơi, vào muộn quá nó sẽ đập đ^ầu vào đá. R^ấ nó ngụp vào.

Nước là một thực thể mơ hồ, nó không có hình thù, người ta có thể đưa bàn tay xuyên qua nó; nhưng nó cũng có thể giết người. Sức mạnh của một vật như thế là ở đờ, ở đường đi của nó. Là nó đập vào gì, và nhanh đến đâu. Đi đâu đó cũng đúng với - nhưng thôi bỏ qua.

Đây là một chặng đường dài khôn khổ. Nó nghĩ phôi mình sắp nổ tung, tay đã xuôi xuống. Nó cảm thấy sức nặng của cô trĩu sau lưng, tự hỏi không biết cô chết đuối chưa. Ít nhất luồng nước cũng đi đúng hướng. Nó cọ vào thành cống; có thứ gì tróc ra. Quần áo, hay da thịt?

Sang đến đầu kia cống cả hai trồi lên; cô ho sặc, nó cười khe khẽ. Nó giữ cho đầu cô nhô lên mặt nước, thân nằm trên lưng mình; cứ thế chúng trôi theo con kênh xuống vài dặm nữa. Khi tính đã đủ xa và đủ an toàn, nó đưa cả hai vào bờ, kéo cô lên chỗ bờ đá dốc. Nó sờ tìm bóng râm một gốc cây. Nó mệt đứt hơi, nhưng cũng lại vui ngây ngất, một niềm vui lạ lùng nhức nhối. Nó đã cứu được cô. Nó đã thi ân, lần đầu tiên từ lúc ra đời. Ai mà biết đi chệch xa đến thế khỏi con đường đã chọn rồi sẽ dẫn đến đâu?

Có ai quanh đây không? nó hỏi. Cô ngừng lại nhìn quanh, lắc đầu ý không có. Có con vật nào không? Cũng không. Nó vắt quần áo hai đứa lên cành cây, rồi, trong ánh sáng đang nhạt dần của ba mặt trăng màu hoa nghệ tây, hoa vôi voi và hoa lồng đèn, nó xốc cô lên như ôm vốc lụa, thả mình chìm vào cô. Cô mát như một trái dưa, và có vị mằn mặn, như cá tươi.

Cả hai đang nằm trong tay nhau, ngủ lịm, thì ba tên do thám của Bộ tộc Tàn hủy phái lên trước dò tìm đường vào kinh thành đi ngang. Chúng bị đánh thức một cách thô bạo, rồi bị tra vấn bởi kẻ duy nhất biết tiếng xứ này, dù nói chặt vật. Thằng bé này mù, hẳn bảo hai kẻ còn lại, còn con bé thì câm. Cả ba tên trăn trờ kinh ngạc. Làm sao chúng tới được đây? Không phải từ trong thành ra, rõ rồi; cổng thành đầu khóa cả. Cứ như thể chúng từ trên trời rơi xuống.

Chuyện đã rõ ràng rành: đây hẳn là sứ giả nhà trời. Cả hai được long trọng cho phép mặc lại quần áo đã khô, đặt ngẩng lên ngựa của một tên do thám, và dẫn đi trình diện với Nô Bộc Cầu Hoan. Ba tên do thám hết sức hân hoan, còn tay sát thủ mù thì khôn ngoan ngậm miệng. Nó đã nghe nhiều

giai thoại lấp lửng về bộ tộc này và thứ tín ngưỡng kỳ lạ vào những sứ giả của trời. Nghe đồn những sứ giả ấy luôn trao những thông điệp kỳ bí, và nó vắt óc nhớ lại mọi câu đố hay nghịch lý và ẩn ngữ từng nghe: Bước xuống sẽ đi lên. Con gì sáng đi bốn chân, trưa đi hai chân và chiều đi ba chân? Thức ăn xuất tự người dùng, ngọt ngào xuất tự sức hùng là chi?^[20] Con gì nằm một góc mà đi bốn phương trời?

Cái này không Zycron lắm, họ làm gì có tem.

Đồng ý. Vây bỏ cái đó. Thế còn cái này, Nó mạnh hơn Chúa, nó dữ hơn Quỷ; người giàu nó thiếu, người nghèo nó đủ, và nếu nó ăn ta lên nóc tủ?

Câu này nghe lần đầu.

Đoán đi.

Em chịu.

Chẳng có gì.

Cô mất một phút mới hiểu ra. “Chẳng có gì”. Phải, cô nói. Như thế được đấy.

Trên đường đi, tay sát thủ mù quàng một tay quanh cô bé. Làm thế nào bảo vệ cô? Nó nảy ra một ý, tức thì và tuyệt vọng, nhưng biết đâu có thể thành công. Nó sẽ xác nhận cả hai quả thật là sứ giả nhà trời xuống, nhưng thuộc hai loại khác nhau. Nó là người nhận thông điệp từ Đấng bất bại, nhưng chỉ cô mới giải mã được thông điệp đó. Cô diễn giải bằng hai tay, dùng các ngón tay ra dấu. Cách đọc những dấu hiệu của cô thì chỉ nó mới nắm được. Nó sẽ nói thêm, đề phòng chúng nảy ý đồ xấu, rằng không người đàn ông nào được phép động vào cô bé cầm một cách khiếm nhã, và nói chung là không được động vào. Trừ chính nó, tất nhiên. Nếu sai lời cô bé sẽ mất quyền năng.

Thế là rào chắn kín kẽ, chùng nào chúng còn tin. Nó hy vọng cô bé nhanh trí và biết cách biến báo. Nó tự hỏi không biết cô có biết làm dấu hiệu nào không.

Chương trình hôm nay đến đây là hết, anh nói. Anh cần mở cửa sổ.

Nhưng ngoài lạnh lắm.

Anh thì không thấy lạnh. Chỗ này cứ như cái ngăn tủ. Chỉ muốn chết ngạt.

Cô sờ trán anh. Em nghĩ anh hơi nóng đấy. Em có thể ra hiệu thuốc và...

Không. Anh không ốm bao giờ.

Thế thì là sao? Có chuyện gì thế? Anh có vẻ lo lắng.

Không hẳn là anh đang lo. Anh không lo lắng bao giờ. Nhưng anh không tin tưởng tình hình hiện tại. Anh không tin các bạn anh. Những người tự xưng là bạn anh.

Vì sao? Họ định làm gì?

Chỉ làm rằng, anh nói. Vấn đề là ở đấy.

MAYFAIR, THÁNG HAI 1936

CHUYỆN VĂN BAN TRƯA TORONTO

York

Khách sạn hoàng gia York được một phen náo nức bởi những sắc màu váy vóc hương xa h ồi giữa tháng Giêng vừa qua trong vũ hội hóa trang từ thiện thứ ba mùa lễ này, nhằm gây quỹ cho Cô nhi viện trung tâm. Chủ đề năm nay - gợi hứng từ Vũ hội mỹ thuật huy hoàng năm ngoái “Vua Timur xứ Samarqand” - là “Thượng Đô”, và bàn tay chỉ đạo tài tình của nhà thiết kế Wallace Wynant đã biến ba phòng khiêu vũ trang hoàng thành một “thường lạc cung” xán lạn mê h ời, nơi Hốt Tất Liệt thiết triều cùng văn võ bá quan ăn bận lộng lẫy. Các đế vương ngoại quốc từ những xứ sở Đông phương mang theo tùy tùng - phi t ần, h ầu cận, vũ nữ, nô tỳ, kể cả các nàng con gái ôm huy ền c ầm, nhà buôn, kỹ nữ, khất sĩ, lính trận từ đủ mọi nước, kể cả ăn may, cùng thích cánh chen vai - hớn hở lượn vòng quanh một đài nước “Sông Thiêng Alph” hào nhoáng, nhuộm màu tím của Th ần Rượu Nho nhờ lu ồng đèn chiếu từ tr ần xuống, dưới những dây đèn pha lê nhấp nháy giăng mắc trong “Băng Tuyết Động” chính giữa phòng.

Vũ hội cũng diễn ra nhộn nhịp ở cả hai khu vườn bên cạnh, mỗi vườn đều tràn ngập hoa, trong khi mỗi phòng có một dàn nhạc jazz đánh nhịp cho “điệu c ầm ca”. Chẳng hề có “tiếng tổ tông tiên báo chiến tranh”, chỉ thấy có du dương hòa điệu, nhờ bàn tay c ầm trịch vững vàng của bà Winifred Griffen Prior, người đi đầu phối buổi vũ hội, rực rỡ trong vai Công nương xứ Rajasthan với bộ cánh đỏ thắm và vàng kim. Trong ban tiếp đón còn có bà Richard Chase Griffen, vai thiếu nữ Abyssinia mặc màu xanh lục và bạc, bà Oliver MacDonnell, màu đỏ chói Trung Hoa, và bà Hugh N. Hillet, giả dạng làm nữ vương Thổ màu h ồng thắm.

TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI HÀNH TINH TRÊN BĂNG

Bây giờ anh lại chuyển chỗ rồi, sang một phòng anh tự thuê gần ga đầu mỗi Toronto. Phòng ở tầng trên cửa hàng đồ sắt. Cửa kính bày lẽ tẻ vài cái cờ lê và bản lề. Cửa hàng bán không chạy lắm; quanh đây chẳng có cái gì chạy cả. Sạn cát bay đầy không khí, giấy vò nát lăn lăn trên đường; vỉa hè trơn tru rồi trượt vì băng, do tuyết đóng không ai dọn.

Ở đằng gần tàu rồi rồi đi rồi đến, tiếng còi lướt thướt kéo về đằng xa. Chẳng chào đón bao giờ, chỉ toàn tạm biệt. Anh cũng có thể nhảy thử một chuyến, nhưng mạo hiểm lắm: trên tàu có mắt, dù không biết lúc nào có lúc nào không. Dù sao thì bây giờ anh cũng bị trói chân ở đây rồi - thừa nhận đi - vì cô; mặc dù, cũng như tàu, cô chẳng lúc nào đứng giờ và khi nào cũng sắp sửa ra đi.

Muốn lên phòng phải qua hai đợt cầu thang - thang phụ sau nhà có bậc lót cao su, chân giẫm mòn từng mảng, nhưng ít nhất cũng là lối đi riêng. Trừ phi tính cả đôi vợ chồng trẻ với đứa bé con sát vách. Họ cũng đi cầu thang ấy, nhưng anh chẳng mấy khi gặp, họ dậy sớm quá. Nhưng anh nghe thấy họ lúc nửa đêm, những lúc cố làm chút việc; họ hành sự như tận thế đến nơi, giường kêu chín chít như chuột. Cứ thế làm anh phát điên. Cứ nghĩ có đứa bé nheo nhéo bên cạnh họ sẽ phải ngủ, nhưng không, họ vẫn chạy đầu. Ít nhất thì họ cũng xong nhanh.

Đôi lúc anh áp tai vào tường nghe thử. Chết đuối vớ được cọc, anh nghĩ. Tắt đèn mèo nào cũng như mèo nào.

Anh đã vài lần chạm mặt người vợ, độn áo chụp khăn như một bà lão Nga La Tư, vật lộn với những gói bọc và xe nôi. Họ cất cái vật đó trên chiếu nghỉ tầng dưới, nó rình ở đó như bầy rập ngoài hành tinh, miệng đen ngòm há hoác. Có lần anh xách giúp và chị ta cười với anh, nụ cười lén lút, những chiếc răng nhỏ viền xanh lơ, như sữa không béo. *Tôi máy chữ của tôi có làm phiền anh chị không?* anh liều hỏi - ngần cho biết lúc đó anh còn thức, lúc đó anh còn nghe. *Không, có gì đâu.* Mắt nhìn trống rỗng, ngơ

như con bò cái tơ. Quầng thâm dưới mắt, hai nếp nhăn vạch từ mũi xuống khóe miệng. Anh đoán trò thể dục buổi đêm không phải do chị ta đầu tê. Quá nhanh, là một chuyện: gã chồng thoát vào đã ra, như cướp nhà băng. Nhìn chị ta là thấy chữ *con ở*; chắc hẳn chị ta chỉ nhìn trăn, nghĩ chuyện cò nhà.

Phòng anh vốn là nửa phòng lớn ngăn đôi ra, nên vách tường mới mỏng mảnh thế. Bên trong vừa hẹp vừa lạnh: gió vào qua kẽ khung cửa sổ, máy sưởi lạch cạch và rỉ nước nhưng không ra tí nhiệt nào. Bên cầu nằm khuất trong một góc lạnh ngắt, lòng bồn vấy màu cam chết chóc do nước tiểu lâu ngày và gỉ sắt, thêm một góc tắm vòi quây bằng thiếc, rèm nhựa cũ nhờn. Vòi tắm là một ống nước đen chạy dọc trên tường, đầu có nút kim loại tròn đục lỗ chỗ. Dòng nước rỉ ra lạnh như tí phù thủy. Giường gấp lắp vào tường vụng về khiến mỗi lần kéo xuống anh muốn gãy sống lưng; tủ con gỗ dán chắp lại với nhau bằng đinh nhỏ, từng được sơn vàng một ngày xa xôi. Bếp một vòng, vẻ tiều tụy phủ lên tất cả, như muội than.

So với nơi số phận đã có thể đẩy anh tới, đây là một lâu đài.

Anh đã rũ hết các chiến hữu. Tuột khỏi tay họ, không để lại địa chỉ. Không thể mất đến từng ấy thời gian lo một tấm hộ chiếu, hoặc hai tấm như anh yêu cầu. Anh cảm thấy họ đang dự trữ anh làm món bảo hiểm: nếu có ai đáng giá hơn bị tóm, họ có thể nộp anh chuộc về. Có lẽ họ đang tính việc giao nộp anh rồi cũng nên. Anh rất thích hợp làm nhiệm vụ cầu chì: anh là hàng chờ thanh lý, anh chưa bao giờ ăn ý với quan niệm của họ. Một cảm tình viên cảm không đủ nặng, tình không đủ bền. Họ không ưa thói tằm chương trích cú của anh, không ưa tính hoài nghi, mà họ tưởng là thói hoạt đầu. *Smith sai không có nghĩa là Jones đúng*, có lần anh nói vậy. Chắc hẳn họ đã ghi chú lại để kiểm chứng về sau. Họ có rất nhiều danh sách nhỏ.

Có thể họ cũng cần một người tử đạo cho mình, cần một cặp Sacco và Vanzetti^[21] hai trong một. Sau khi anh đã bị treo cổ và bản mặt hung thủ Đỏ đã trưng khắp các báo, họ sẽ lật ra vài bằng chứng về sự vô tội của anh - gạch vùi đầu dòng công phần. *Chế độ này chỉ giỏi làm việc đó! Giết người! Công lý ở đâu!* Họ tư duy như thế đấy, các đồng chí ấy. Như một ván cờ. Anh sẽ là quân tốt thí.

Anh tới bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Các nhũ băng chĩa xuống như ngà voi ám nâu ngoài cửa, nhuộm màu ngói mái. Anh nghĩ về tên cô, lọt giữa quầng hào quang điện - âm hưởng nhục dục, như huỳnh quang xanh lơ. Cô đang ở đâu? Cô sẽ không bắt tắc xi, ít ra không nghĩ xe đến thẳng đây, cô đủ thông minh không làm thế. Anh nhìn chăm chăm bên xe điện, dùng ý chí bắt cô hiện ra. Bắp chân thoáng lộ khi bước xuống, bốt cao gót, vải nhung lông hảo hạng. *Hãy đi cà kheo*. Sao anh lại nghĩ thế, trong khi nếu gã nào khác dám nói thế về cô sẽ bị anh đập cho một trận?

Cô sẽ mặc áo choàng lông. Anh sẽ nhìn mà khinh miệt, anh sẽ nhắc cô cứ mặc nguyên. Toàn thân lông phủ.

Lần cuối gặp trên đùi non cô có một vết bầm. Anh ước giá mình là tác giả. *Cái gì đây? Em đâm phải cửa*. Khi nào cô nói dối anh biết ngay. Hoặc anh nghĩ là anh biết. Nghĩ mình biết, đấy cũng có khi là bẫy. Một cựu giáo sư từng bảo anh có trí tuệ bén như kim cương làm anh rất hỉ hả. Bây giờ anh nghĩ lại thế nào là kim cương. Cứng, lấp lánh và giỏi cắt kính, nhưng kim cương chỉ sáng được khi có ánh sáng phản chiếu vào. Trong bóng tối nó thành vô dụng.

Tại sao cô vẫn đến làm gì? Có phải anh là một trò chơi mật của cô, có phải là thế? Anh không cho phép cô trả tiền thứ gì, anh không chịu bị mua chuộc. Cô muốn có một cuộc tình và muốn kiếm ở anh vì đàn bà là thế, hoặc là đàn bà loại cô, vẫn còn mong muốn gì đó ở đời. Nhưng chắc hẳn phải còn một góc khác. Ước muốn trả thù, hoặc cũng có thể là trừng phạt. Để đả thương kẻ khác đàn bà có những lối thật buồn cười. Họ gây thương tích cho mình; hoặc có khi họ làm sao để kẻ kia không biết mình đã trúng thương, cho đến mãi về sau. Rồi hẳn phát hiện ra. Rồi thẳng đàn ông teo mất. Bất kể đôi mắt kia, bất kể đường cổ cong trinh trắng, có những lúc anh bắt chợt trong cô thoáng một nét gì hỗn tạp và vấy nhọ.

Tốt hơn không nên bịa ra cô khi cô không ở đây. Tốt hơn là đợi khi cô đến. Rồi cô tới đâu anh có thể sáng tác cô tới đó tùy tình hình.

Anh có cái bàn đánh bài, hàng lạc xoong chính hiệu, và cái ghế gấp. Anh nghĩ vào máy chữ, thổi các ngón tay, lồng cuộn giấy vào.

Trên một sông băng đầu đó gần dãy Alps ở Thụy Sĩ (hoặc tốt hơn là dãy Rocky, hoặc Greenland còn hay hơn nữa), vài nhà thám hiểm đã phát hiện một con tàu không gian, đóng cứng giữa dòng băng trong suốt. Hình dáng nó như quả khí cầu nhỏ, nhưng hai đầu vượt nhọn như quả đậu bắp. Nó tỏa sắc sáng kỳ dị, ngời lên qua lớp băng. Ánh sáng màu gì bây giờ? Xanh lá là hợp nhất, pha chút vàng, như rượu ngải đắng.

Đội thám hiểm làm tan băng, dùng gì nhỉ? Đèn khò tình cờ mang theo? Đốn cây xung quanh đốt đông lửa lớn? Nếu cần cây, tốt hơn là chuyển lại về dãy Rocky. Ở Greenland làm gì có cây. Có khi có thể dùng một viên pha lê lớn, khuếch đại ánh mặt trời. Các Hướng đạo sinh - ngày xưa anh từng đi trại ít lâu - đã được dạy nhóm lửa bằng cách này. Khuất mắt thấy chỉ huy, một khuôn mặt hồng hào vừa hớn hờ vừa rầu rĩ khoái đờng ca và rìu chiến, lũ con trai đặt kính lúp chiếu lên tay trần xem thẳng nào chịu được lâu hơn. Chúng cũng dùng cách đó đốt lá thông, cùng những mẫu giấy chùi.

Không được, tảng pha lê khổng lồ sẽ quá vô lý.

Dần dà thì băng cũng tan. X, sẽ để là một gã Tô Cách Lan khắc khổ, răn cả bọn đừng động vào vì chẳng đem lại gì tốt lành đâu, nhưng Y, một khoa học gia Anh Cát Lợi, nói cần phải bổ sung vào kho tàng kiến thức nhân loại, trong khi Z, một tay Mỹ, nói đây đúng là một mỏ vàng. N, một cô gái tóc vàng có đôi môi bĩu nhìn như bị đập, nói thật là phấn khích quá đi mất. Cô này người Nga và được cho là tôn thờ Tự do Luyến ái. X, Y và Z đều chưa đem ra kiểm nghiệm, dù tất cả đều muốn thử - Y trong vô thức, X trong tội lỗi, và Z trong thô bạo.

Anh luôn gọi các nhân vật bằng chữ cái trước, rồi sau này mới thêm tên vào. Đôi khi anh lật danh bạ điện thoại, đôi khi lấy từ bìa mộ. Người đàn bà thì luôn là N, nghĩa là Ngõ Ngàng, Ngờ Nghệch, hay Ngồn Ngộn, tùy tâm trạng anh. Hoặc cũng có khi là Người Ngọc, tất nhiên rồi.

N ngủ trong lầu riêng, thường xuyên bỏ quên bao tay hay vợ vẫn dạo chơi ban đêm trái quy định. Cô ta xuýt xoa vì vầng trăng lòng lộng, vì tiếng sói hú du dương; cô ta xưng hô với lũ chó kéo xe bằng tên riêng, nựng nịu

chúng bằng tiếng Nga, và (dù chính thức ra cô ta theo chủ nghĩa duy vật khoa học) thì rằng chúng có linh hồn. Như thế sẽ rất phiền nếu hết thức ăn phải đem một con xẻ thịt, X kết luận theo thói bi quan đặc trưng Tô Cách Lan.

Băng đã tan hết quanh cỗ máy phát sáng hình quả đậu, đội thám hiểm chỉ mới kịp xem xét vật liệu chế tạo được vài phút - một hộp kim mỏng chưa biết đến trên Trái đất - thì nó đã bốc hơi, để lại một thứ mùi hạnh nhân, hay hoắc hương, hay đường cháy, hay lưu huỳnh, hay xyanua.

Hiện ra trước mắt họ là một hình hài, có vẻ giống người, rõ là giống đực, mặc đồ bó sát màu nước biển ngả lục như lông công, lại có sắc bóng như cánh cam. Không được. Như thế giống tiên quá. Mặc bộ đồ bó sát màu nước biển ngả lục như lửa ga, sắc bóng như dầu loang trên nước. Sinh vật này vẫn còn đóng cứng trong băng, chắc đã đông lại trong lòng tàu. Da hắc màu xanh lục sáng, tai hơi nhọn, môi mỏng sắc nét, đôi mắt rất to, đang mở. Nhìn chỉ thấy toàn lòng đen, như cú mèo. Tóc hắc cũng xanh nhưng đậm hơn, xoắn thành từng lọn dày trên sọ, đỉnh sọ nhọn thấy rõ.

Không thể tin nổi. Một sinh vật từ Hành Tinh Khác. Ai biết hắc đã nằm đây bao lâu? Hàng thập kỷ? Hàng thế kỷ? Hàng thiên niên kỷ?

Chắc chắn là hắc chết rồi.

Họ phải làm gì đây? Họ cầu khối băng bọc hắc lên, mở cuộc hội ý tại chỗ. (X nói cần phải đi ngay, rồi gọi cho nhà chức trách; Y muốn thử giải phẫu hắc lập tức, nhưng bị lưu ý có thể hắc sẽ bốc hơi, như con tàu; Z háo hức muốn đặt hắc lên xe trượt kéo ra thế giới văn minh, rồi bảo quản trong băng khô và bán cho ai đặt giá cao nhất; N nhận định bày chớ kéo xe đang tỏ ra để ý bất thường và còn rên ư ử, nhưng chẳng ai quan tâm vì đã quen lối tư duy đàn bà, Nga La Tư nhặng xị của cô ta.) Cuối cùng - khi trời đã tối, và Bắc cực quang bắt đầu nhảy múa một cách bất thường - tất cả quyết định để hắc trong lều của N. N sẽ phải ngủ trong lều kia, cùng với ba người đàn ông, tạo cơ hội cho họ rửa mắt trong ánh nến, bởi N có chui vào bộ đồ leo núi hay túi ngủ thì cũng không che bớt vẻ phì nhiêu. Đến đêm họ

sẽ luân phiên canh gác bốn giờ một, theo thứ tự. Sáng ra họ sẽ bỏ phiếu để đi tới quyết định cuối cùng.

Mọi chuyện đều êm ả qua các ca gác của X, Y và Z. Rồi đến lượt N. Cô ta nói mình cảm giác sờ sợ, linh cảm sẽ có chuyện xấu xảy ra, nhưng đấy là câu cửa miệng của cô ta nên chẳng ai lý tới. Mắt nhắm mắt mở khi bị Z đánh thức, trước ánh mắt hau háu thèm thuồng của gã cô ta duỗi mình rồi trèo ra khỏi túi ngủ để uốn éo độn vào người bộ đồ ngoài trời, rồi vào vị trí trong lều bên sinh vật đóng băng. Ánh nến chập chờn khiến cô nàng gà gât ngủ; cô lơ mơ tự hỏi anh chàng màu xanh kia đặt vào tình huống lãng mạn sẽ thể hiện ra sao - anh ta có đôi mày rất hấp dẫn, dù người khá gầy. Rồi cô ta ngủ thiếp.

Sinh vật trong băng bắt đầu phát sáng, đầu tiên nhàn nhạt, rồi mạnh dần. Nước im lìm chảy qua sàn lều. Bầy giờ băng đã tan hết. Hắn ngẩng dậy, rồi đứng dậy. Không tiếng động, hắn tiến đến bên cô gái đang ngủ. Lóp tóc màu xanh nhạt trên đầu cựa quậy, từng lọn một, rồi duỗi ra - giờ đã có thể nhận rõ hơn - từng vòi một. Một cái vòi quấn lấy quanh hông cô gái, một cái khác quanh tòa thiên nhiên quỳ rũ, cái nữa siết chặt quanh miệng. Cô choàng tỉnh như sau giấc mơ dữ, nhưng đây không phải là ác mộng: khuôn mặt sinh vật lạ đang ở sát mặt cô, những tua vòi lạnh ngắt siết lấy cô không giãy được; hắn đang nhìn cô với nỗi mong mỏi khao khát chưa từng thấy, với vẻ cầu xin lộ lộ. Chưa một người trần nào nhìn cô khản khoản như vậy. Cô giãy giụa đôi chút, rồi buông mình vào vòng tay hắn.

Cũng không phải cô có lựa chọn khác.

Cái miệng xanh hé mở, răng nanh hiện ra. Những chiếc răng ghé lại cổ cô. Hắn yêu cô đến mức hắn sẽ thu nạp cô - biến cô thành một phần của hắn, vĩnh viễn. Hắn và cô sẽ hòa làm một. Cô hiểu tất cả những đi đầu đó không cần lời, bởi bên cạnh các năng lực khác kẻ này biết thần giao cách cảm. *Vâng*, cô thở dài.

Anh cuốn thêm điều nữa. Anh có để N bị ăn tươi uống sống như thế này không? Hay là bây giờ sẽ thương tình cô, dứt tung đai cương, xé toang lều mà lao vào, xé xác gã kia ra nghìn mảnh, từng vòi một? Liệu có ai trong số

ba người kia - anh khoái nhất Y, nhà khoa học Anh Cát Lợi lạnh tanh - kịp tới cứu cô? Liệu có cảnh đánh nhau tiếp diễn? Thế có khi hay. *Đồ ngu! Lẽ ra ta đã dạy được mi bao nhiêu thứ!* người hành tinh khác sẽ quất vào não Y ngay khi sắp chết. Máu hắc màu không giống loài người. Da cam được đây.

Hoặc có thể gã màu xanh sẽ trao đổi huyết dịch với N, và cô ta sẽ biến thành giống hắc - một cô N xanh lá hoàn thiện gấp nhiều lần. Rồi khi đã có đôi, họ sẽ nghiền nát đám người kia thành bùn, chặt đầu lũ chó, và lên đường chinh phục thế giới. Những thành phố giàu chuyên chế sẽ bị hủy diệt, người nghèo được hạnh phúc giải phóng. *Chúng ta là Cây hèo của Chúa*, bộ đôi tuyên bố. Lúc này họ đã nắm trong tay Tia Tử Xạ, chấp vạ lại nhờ hiểu biết của người hành tinh cộng với ít cớ lẽ bản lề cướp được từ cửa hàng đồ sắt gần đó, vì thế còn ai dám cãi?

Hoặc là người hành tinh sẽ không uống máu N nữa - hắc ta truy tìm mình vào trong cô ta! Cơ thể hắc thì sẽ quắt đi như quả nho, lớp da khô nhăn nheo tan thành sương, và sáng ra chẳng thấy dấu vết gì còn lại. Ba người đàn ông vào sẽ chỉ thấy N, đang dụi mắt ngái ngủ. *Tôi không biết có chuyện gì xảy ra cả*, cô sẽ nói, và bởi cô ta chẳng bao giờ biết có chuyện gì, họ sẽ tin. *Chắc là chúng ta đều bị ảo giác rồi*, họ sẽ nói vậy. *Đây là tại phương Bắc, tại Bắc cực quang - nó làm não người rối loạn. Nó làm đông máu người vì lạnh*^[22]. Họ sẽ không nhận ra ánh xanh lóe lên trong đôi mắt ngoài hành tinh siêu thông minh của N, đằng nào mắt cô cũng vốn xanh rồi. Lũ chó thì sẽ biết. Chúng sẽ đánh hơi thấy mùi. Chúng sẽ gặm gù, tai quất ra đằng sau, chúng sẽ hú lên thảm thiết, chúng chẳng còn thân thiết với cô ta. *Ma quỷ nào nhập vào lũ chó vậy?*

Có bao nhiêu đường có thể triển khai.

Vật lộn, ầu đả, giải cứu. Cái chết của gã hành tinh. Quần áo bị xé tả tơi giữa cảnh lộn xộn. Cái đó thì bất biến.

Tại sao anh phải sản ra thứ mạt hạng này? Bởi anh cần - nếu không anh sẽ trắng tay cháy túi, và đi tìm việc làm khác trong tình hình này sẽ càng phải xuất đầu lộ diện, là đi đầu rất không khôn ngoan. Ngoài ra còn bởi anh làm

được. Anh có biệt tài về chuyện đó. Không phải ai cũng có: nhiều người đã thử, và đã thất bại. Anh từng có tham vọng lớn lao hơn, đứng đắn hơn. Được viết về cuộc sống con người đúng như đời thực. Được đi xuống đáy, xuống nhìn đống lương chết đói và bánh mì phết mỡ và các cô đi năm xu rạc rày và mũi giày đập mặt và bãi mưa nơi lòng cống. Được phơi trần cách vận hành của chế độ, của bộ máy, nó để cho anh sống chừng nào còn sót chút máu mỡ trong người, nó vắt kiệt anh, biến anh thành hoặc con ốc máy hoặc thằng nát rượu, đập mặt anh xuống bùn bằng cách này hay cách khác.

Những người thợ bình thường thì sẽ không đọc loại sách này - chính những người thợ mà các đồng chí anh vẫn xưng tụng là cao thượng từ bản chất. Cái họ muốn là thứ anh đang sản ra đây. Tiền thì ít, nước xuýt thì nhiều, hành động kịch tính cũng có mà vú to mông nảy cũng có. Tuy là bản thân chữ *vú mông* thì không được lên mặt giấy: các báo hạ ba đầu then thò đến ngạc nhiên. Bàn tọa và ngực là hết cỡ thợ mộc rồi. Máu me súng ống được, xô ruột hay gào thét hay quần quai đều được, nhưng khóa thân mặt tiền thì không được. Không được *bậy*. Hoặc cũng có thể chẳng phải e then, có thể chẳng qua họ không muốn nhận trát đóng cửa.

Anh đốt điều thuốc, anh đảo đi quẩn lại, anh ngó ra cửa sổ. Xỉ than nhuộm màu tuyết xám. Xe điện lạch cạch qua. Anh ngoảnh đi, anh đảo đi quẩn lại, chữ nghĩa ken đặc trong đầu.

Anh ngó đồng hồ cô lại muộn rồi. Chắc cô không đến.

VII

RƯƠNG ĐI BIỂN

Muốn viết sự thật chỉ có một đường: tin những gì mình ghi lại sẽ không ai đọc tới. Không phải người khác, cũng không phải cả mình một ngày trong tương lai. Nếu không ta sẽ bắt đầu biện hộ. Cần phải thấy dòng chữ tuôn ra như cuộn mực dài từ ngón trở bàn tay phải; cần phải thấy bàn tay trái chùi nó đi.

Tất nhiên đi đâu này là bất khả.

Tôi tháo dòng này, tôi tháo dòng này, sợi tơ đen tôi đang nhả ngang trang giấy.

Hôm qua tôi có bưu phẩm: một ấn bản mới tinh của *Tay sát thủ mùa*. Đây hoàn toàn là cử chỉ đẹp, còn thì không có đồng nào, hoặc không có đồng nào cho tôi. Cuốn sách đã hết bản quyền từ lâu và giờ ai muốn xuất bản cũng được, đại diện tác quyền của Laura sẽ không được dự vào chút lợi nhuận nào. Đây là điếu xảy ra sau một số năm X quy ước từ khi tác giả qua đời: mất quyền kiểm soát. Tác phẩm thành ra trôi nổi giữa dòng đời, tự nhân mình lên trong những dạng nào có trời mới biết, mà tôi không có tiếng nói gì.

Artemesia từng thư, nhóm này tên như vậy; dân Anh. Tôi nghĩ đây chính là đội đã nhờ tôi viết cho bài giới thiệu, và bị tôi từ chối, dĩ nhiên. Hẳn là một đám đàn bà lập ra, nghe tên đủ biết. Tôi vợ vẫn đoán họ nghĩ đến Artemesia nào - bà nữ tướng Ba Tư trong sử Herodotus đã cấp đuôi chạy khi chiến cuộc đến hồi gió đổi chiều, hay mệnh phụ La Mã nuốt tro xương ông chồng để biến mình thành đài táng sống của ông? Nhiều khả năng là nữ họa sĩ bị hiếp thời Phục hưng: đây là bà duy nhất mang tên đó còn được người ta nhớ đến.

Cuốn sách để trên bàn trong bếp. *Tủ sách tuyệt phẩm bị quên lãng thế kỷ hai mươi* là dòng chữ in nghiêng dưới nhan đề Laura là một tác giả “hiện đại chủ nghĩa”, như mép gấp bên trong giảng giải. Nữ nhà văn “chịu ảnh hưởng” của những tác giả như Djuna Barnes, Elizabeth Smart, Carson

McCullers - những người tôi biết chắc Laura chẳng đời nào đọc. Nhưng bà sách thì không xấu lắm. Những tông màu tía ngả nâu đã phai, như tấm ảnh xưa: người đàn bà mặc áo lót, bên cửa sổ, đứng sau rèm mỏng, mặt khuất trong bóng tối. Đằng sau, một mảnh cắt của người đàn ông: cánh tay, bàn tay, mảng sau đầu. Cũng thích hợp lắm, tôi nghĩ vậy.

Tôi quyết định đã đến lúc gọi luật sư của mình. Cũng không hẳn là luật sư của mình. Cái người tôi vẫn coi là “của mình”, cái người đã đảm nhận vụ thu xếp với Richard, đã chiến đấu như sư tử với Winifred, dù uống công - cái người ấy đã mất vài thập kỷ trước. Từ đó trở đi tôi liên tục bị sang tay trong hãng luật, như bình trà bạc chạm trổ bị đẩy cho mỗi thế hệ con cháu làm quà cưới, mà chẳng có ai dùng đến.

“Cô cho gặp ông Sykes,” tôi nói với giọng con gái trả lời máy. Một ả lễ tân nào đó, tôi nghĩ. Tôi tưởng tượng những móng tay của cô nàng, dài và nhọn, màu hạt dẻ. Nhưng có thể các cô lễ tân ngày nay không chơi loại móng tay đó nữa. Có thể là màu xanh như băng.

“Tôi xin lỗi, nhưng ông Sykes đang bận họp. Tôi sẽ báo lại là ai đang gọi đây ạ?”

Chẳng khác gì cho người máy nghe điện. “Bà Iris Griffen,” tôi nói, bằng cái giọng lạnh xương sống hết cỡ còn làm được. “Tôi thuộc sổ khách hàng lâu năm nhất của ông ấy.”

Cũng không vì thế mà có tiến triển. Ông Sykes vẫn cứ bận họp. Có vẻ là một anh chàng bận rộn. Nhưng sao tôi lại nghĩ là một anh chàng? Ông ta có khi đã năm mươi mấy - có thể còn sinh đúng năm Laura ra đi. Nó đã chết được lâu thế ư, đủ thời gian cho một gã luật sư lớn lên rồi chín rục? Lại thêm một điếu chắc phải đúng vì tất cả mọi người đều coi là đúng, dù đối với bản thân tôi thì hình như không.

“Tôi có thể trình bày lại yêu cầu cho ông Sykes được không?” cô lễ tân hỏi.

“Di chúc,” tôi nói. “Tôi đang tính lập di chúc. Ông Sykes vẫn thường bảo tôi nên lập đi.” (Đây là nói dối, nhưng tôi muốn cái bộ não mất tập trung của cô nàng lưu ý rằng ông Sykes và tôi là đôi bạn cánh hẫu.) “Cộng thêm

một vài việc khác nữa. Tôi đang chuẩn bị đến Toronto nhờ ông Sykes tư vấn. Có lẽ ông có thể dành một cú điện thoại cho tôi, khi nào có chút thời giờ.”

Tôi hình dung ông Sykes nhận tin; tôi hình dung cơn rùng mình nho nhỏ chạy dọc sống lưng ông ta khi cố định vị tên tôi, rồi cũng nhớ ra. Bàn chân vịn bước qua mộ. Đây là đi đầu người ta vẫn cảm thấy - ngay cả tôi - khi đọc báo thấy những tin vô thường vô phạt về các nhân vật có thời nổi tiếng, hào nhoáng hay tai tiếng, và ai cũng tưởng chết lâu rồi. Rồi té ra họ vẫn sống tiếp, trong một hình hài quái queo đen đúa, phủ đầy gỉ sét thối rữa, như bộ cánh cứng sống dưới hòn đá.

“Vâng, dĩ nhiên, thưa bà Griffen,” cô thư ký nói. “Tôi hứa sẽ nhắc ông gọi lại cho bà.” Những cô này chắc đã được đào tạo bài bản thuật diễn cảm, để đạt được cái độ cân bằng chuẩn xác giữa ân cần và khinh miệt. Nhưng tôi phàn nàn gì? Năng khiếu ấy tôi cũng từng thành thục, một thời, chính tôi đây.

Tôi bỏ máy. Đảm bảo thế nào cũng có liếc mắt nhướng mày giữa ông Sykes và đám bằng hữu trẻ trung sôi trán bụng bia ng ẩ Mọc: *Mụ khọm này liệu còn gì mà để lại?*

Nghĩa là, còn gì đáng kể ra?

Trong một góc bếp có cái rương đi biển, dán đầy những nhãn tả tơi. Nó thuộc về bộ hành lý đồng màu ngày xưa thuộc sở hữu môn của tôi - da bê vàng sáng một thời, giờ đã xỉn, đai thép đã sứt mẻ và cẩu bẩn. Rương vẫn khóa luôn, chìa nằm lút giữa lớp cám ngũ cốc đáy lọ nút kín. Hộp thiếc đựng cà phê hay đường thì dễ đoán quá.

Tôi đánh vật với cái nắp lọ - đến phải nghĩ xem có chỗ giấu nào tốt hơn, dễ lấy hơn - cuối cùng cũng bật được nắp, lấy chìa ra. Tôi quỳ xuống có chút khó khăn, vịn chìa trong ổ, nhắc nắp rương.

Tôi không mở rương này từ lâu lắm rồi. Mùi cháy sém như lá thu từ giấy cũ tỏa lên đón tôi. Tập vở còn nguyên, bày ra trước mắt lớp bìa vở rêu ti ền, như mặt cửa ép. Cả tập bản thảo đánh máy, quăn ngang dọc thứ chỉ bếp từ

đời tám hoành nào. Cả thư gửi các nhà xuất bản - do tôi viết, dĩ nhiên, không phải Laura, lúc ấy nó chết rồi - và những bản bông đã sửa. Cả thư chữ rửa, đến khi tôi thôi không lưu nữa.

Còn có cả năm cuốn bản in đầu tiên, bìa áo vẫn mới như khi xuất xưởng - lờ lợt thật, nhưng bìa áo nào cũng thế, vào những năm ngay sau chiến tranh. Màu sắc dùng là màu cam rợt, màu tía tẻ, màu lá mạ chua lè, in trên giấy mỏng run rẩy, tranh minh họa xấu phát gớm - một nữ tử giả Cleopatra, vú xanh lá tròn ung ung, mắt viền phấn còn đen sì, dây chuyền tía dài từ rốn lên cằm và cái miệng bĩu không lộ màu cam, đang trồi lên như thềm đèn từ đám khói uốn éo đầu điều thuốc lá tía. A xít đang ăn dần các trang, cái bìa nhiễm độc phai dần như bộ lông con chim nhiệt đới nhồi bông.

(Tôi nhận được sáu cuốn miễn phí - sách biểu cho tác giả, ấy là gọi thế - nhưng đã gửi một cho Richard. Tôi không biết số phận nó ra sao. Tôi đoán rằng ông ta đã xé vụn nó ra, cũng như mọi giấy tờ ông ta không muốn. Không phải - tôi nhớ ra rồi. Cuốn sách ở với ông ta trên thuyền, trên bàn bếp, bỏ cạnh đầu. Winifred gửi lại cho tôi kèm lời nhắn: *Xem xem cô đã làm gì!* Tôi quăng nó đi. Tôi không muốn quanh mình có bất cứ vật gì từng đụng vào Richard.)

Tôi vẫn thường tự hỏi nên làm gì với nó - với kho tàng đầu mẩu, bộ sưu tập tí hon này. Tôi không đành lòng bán, nhưng cũng không đành lòng bỏ. Nếu tôi không làm gì cả, lựa chọn sẽ về tay Myra, người sẽ dọn dẹp khi tôi đi. Sau vài giây kinh hãi ban đầu - giả thử cô có đọc - chắc chắn tiếp đó sẽ có màn cắt xé. Rồi một que diêm đánh lên và không ai còn biết đấy là đâu. Cô sẽ coi đó là nghĩa vụ trung thành - nếu là Reenie sẽ làm như vậy. Những ngày xưa mọi chuyện xấu đều được giữ kín trong gia đình, dù gì thì đấy vẫn là nơi thích hợp nhất, mặc dù cũng khó nói chuyện xấu có ở đâu được coi là thích hợp. Việc gì phải xới tung mọi thứ sau bao nhiêu năm, khi mọi người trong cuộc đã nằm yên, như trẻ chơi đã mệt, đếm kỹ trong mỗi năm mồi?

Có lẽ tôi nên di chúc lại cái rương cùng mọi thứ bên trong cho một trường đại học, hoặc không thì cho thư viện. Ít nhất nó cũng sẽ lọt mắt xanh những

nơi ấy, dù là con mắt dân đào mỏ. Số học giả thêm được sục móng vuốt vào đồng giấy lộn này cũng không thiếu. *Tư liệu*, họ gọi thế - thuật ngữ nội bộ chỉ của ăn cướp. Họ chắc phải coi tôi là một mục rỗng mồm meo ngoài xồm trên kho báu cướp được - một con chó già giữ xương khảng kheo, một mục quản giáo khô quắt chỉ chăm chăm kiểm duyệt, một tay giám ngục mặt sắt đen sì, giữ chặt chìa hãn ngục giam Laura chết đói bị xích vào tường.

Đã hàng năm nay họ dội xuống tôi hết thư lại từ, đòi hỏi thư từ của Laura - đòi bản thảo, kỷ vật, đòi gặp gỡ phỏng vấn, đòi hẫ ức - càng chi tiết rùng rợn càng hay. Đáp lại những công văn dai dẳng ấy tôi từng soạn những phúc đáp cụt lủn thế này:

“Gửi cô W., Theo ý tôi ‘Lễ Tưởng Niệm’ tại cây cầu nơi Laura Chase tử nạn là một kế hoạch vừa vô duyên vừa bệnh hoạn. Cô nên xem lại thần kinh của mình. Tôi tin chắc cô đang mắc chứng nhiễm độc nội sinh đường ruột. Cô nên thử dùng thuốc xổ.”

“Gửi bà X., Tôi thông báo đã nhận được thư cho biết đề cương luận văn của bà, dù tôi không thấy cái nhan đề có nghĩa gì ra đầu ra đuôi. Hẳn nhiên với bà thì có, nếu không bà đã chẳng nghĩ ra làm gì. Tôi không giúp được gì hết. Hơn nữa bà cũng không đáng được giúp đỡ. ‘Giải cấu trúc’ gọi liên tưởng tới cái giải rút, còn ‘lạ hóa’ không có trong từ điển.”

“Gửi tiến sĩ Y, Về công trình nghiên cứu những hàm nghĩa thần học trong *Tay sát thủ mù*: em gái tôi có những xác tín tôn giáo sâu sắc nhưng khó có thể coi là truyền thống. Cô ấy không ưa Chúa hay tán đồng Chúa hay tuyên xưng là mình hiểu Chúa. Cô ấy nói mình yêu Chúa, và cũng như giữa con người, đây là một đi ều khác hẳn. Không, cô ấy không theo đạo Phật. Đừng có đ ần. Tôi đề nghị ông đi học cách đọc.”

“Gửi giáo sư Z: Tôi ghi nhận ý kiến của ông cho rằng viết tiểu sử Laura Chase là một việc đáng phải làm từ lâu. Cô ấy rất có thể, như ông nói, là ‘một trong những tác giả nữ quan trọng nhất của ta giai đoạn giữa thế kỷ’. Cái này tôi không biết. Nhưng việc tôi cộng tác với cái mà ông gọi là ‘dự án của ông’ thì không phải bàn. Tôi không có nhu cầu thỏa mãn nỗi thèm thu ồng những ống máu khô và ngón tay thánh nhân chặt đứt của ông.

Laura Chase không phải là ‘dự án’ của ông. Cô ấy là em gái tôi. Cô ấy chắc chắn không muốn bị sờ mó nắn bóp sau khi chết, dù cái trò sờ mó có được đặt cho uyển ngữ đẹp đẽ gì nữa. Những gì viết ra có thể gây rất nhiều hậu họa. Tiếc là nói chung, người ta không nghĩ đến chuyện đó.”

“Gửi cô W: Đây là thư thứ tư của cô nói mãi một chuyện. Đừng quấy rầy tôi nữa. Đồi ký sinh trùng.”

Suốt nhiều thập kỷ tôi nhăm nháp nỗi hãi lòng tằm tối khi ngoáy những dòng nọc độc. Tôi rất thú được liếm con tem, rồi quăng những lá thư lộp bộp như lựu đạn vào cái hộp đồ bóng nhoáng, như đã bị được mồm một gãi rình mò tham lam và khấn khoản. Nhưng gần đây tôi không trả lời thư nữa. Châm chọc bày la mạt làm gì? Họ đâu có thèm biết tôi nghĩ gì về họ. Với họ tôi chỉ là một món dính kèm, là bàn tay thừa lạc lõng của Laura, không gắn với thân người nào cả - bàn tay đã đưa nó đến, đến với thế giới, với họ. Họ coi tôi như một cái kho - một cái lắng sống, một *nguồn*, như họ gọi. Việc gì tôi phải gia ơn? Cứ theo tôi thấy họ chỉ là quân bới xác - linh cầu, cả lũ bọn họ; chó rừng đánh hơi thấy rữa, quạ săn tìm thú chết bên đường, ruồi bu xác thối. Họ muốn bới tôi như bới một đồng xương, tìm kim loại vụn và đồ sứ vỡ, tìm mảnh chữ hình nộm và giấy cỏi, tìm của hiếm, đồ chơi đánh mất, răng vàng. Nếu có bao giờ ngờ ngợ đoán được trong này tôi giấu những gì, họ sẽ bẫy khóa, sẽ phá cửa chui vào, sẽ nện vào đầu tôi và ôm chiến quả chuồn mất, mà chẳng hề thấy cần biện bạch.

Không. Đẹp trường đại học đi. Tội gì cho họ thỏa lòng?

Có lẽ cái rương đi biển nên gửi cho Sabrina, bất kể nó quyết tâm cắt mọi đường liên lạc, bất kể - cái đau âm ỉ là đây - nó kiên định tảng lờ tôi. Dù thế, máu đào vẫn hơn nước lã, đấy là điều ai cũng biết nếu đã nếm cả hai. Những vật này thuộc quyền của nó. Thậm chí có thể nói đây là của thừa kế: dù sao nó cũng là cháu ruột tôi. Nó cũng còn là cháu họ của Laura. Dĩ nhiên nó sẽ muốn tìm hiểu nguồn gốc mình, một khi đến lúc.

Nhưng hiển nhiên Sabrina sẽ từ chối món quà. Nó đã là người lớn rồi, tôi vẫn phải tự nhắc mình. Nếu nó có gì cần hỏi, có bất cứ gì cần nói với tôi, nó sẽ tự đến với tôi.

Nhưng sao nó chưa đến? Cái gì giữ chân nó qua từng ấy năm? Có phải im lặng là cách nó trả thù, vì một việc hoặc một người nào đó? Không phải vì Richard, hẳn rồi. Nó chưa bao giờ biết Richard. Cũng không phải vì Winifred, nó đã chạy trốn mẹ ta. Vậy là vì mẹ nó - vì Aimee tội nghiệp?

Liệu nó nhớ được gì? Lúc ấy nó mới lên bốn.

Aimee chết không phải lỗi ở tôi.

Sabrina bây giờ ở đâu, và đang tìm kiếm cái gì? Tôi hình dung nó là một cô gái dong dong, có nụ cười ngập ngừng, một thanh nữ khổ hạnh; nhưng rất đáng yêu, đôi mắt nghiêm nghị cũng xanh như mắt Laura, mái tóc đen dài xoắn lộn như măng xà đang ngủ quanh đầu nó. Nó sẽ không trùm khăn, đương nhiên; nó sẽ hợp lý mà xỏ xăng đan, hoặc có khi dận bốt, gót mòn vẹt cả. Hoặc có khi nó lại quấn sari cũng nên? Những cô gái như nó thường làm thế.

Nó đang theo đuổi một sứ mệnh nào đó - nuôi sống dân nghèo thế giới thứ ba, an ủi kẻ sắp chết; đến lại tội lỗi cho những kẻ còn lại trong chúng ta. Một nhiệm vụ không tưởng - tội lỗi chúng ta là một cái vực không đáy, và vẫn không ngừng sản sinh thêm nữa. Nhưng đấy là dụng ý của Chúa, hẳn nó sẽ cải lại như vậy - cái không tưởng ấy. Ngài lúc nào cũng thích cái vô dụng lợi. Ngài ta nghĩ như thế là cao quý.

Nó giống Laura ở cái tính ấy, cái thiên hướng làm gì cũng tuyệt đối, cái thói khước từ thỏa hiệp, cái khinh bỉ những thiếu sót trầnh trọng của con người. Để làm được thế mà suôn sẻ, người ta phải đẹp. Nếu không sẽ chỉ là đũa lăm đi đâu.

HỒ LỬA

Trời vẫn ẩm một cách rất bất hợp mùa. Dịu dàng, êm ả, khô và sáng; ngay cả mặt trời, giờ này mọi năm vốn gầy gò nhợt nhạt, cũng tròn đầy mỡ màng, mỗi hoàng hôn đều ứa sức sống. Những chàng nàng tươi cười phấn chấn trên kênh thời tiết bảo nguyên nhân là một thảm họa bụi bặm nào đó ở phương xa - động đất? hay núi lửa? Một cử chỉ tàn độc mới của bàn tay Chúa. *Trong cái rủi có cái may* là châm ngôn của họ. Nhưng muốn cái may lại bày cái rủi.

Hôm qua Walter lái xe đưa tôi đến Toronto vì cái hẹn với tay luật sư. Cậu ta chẳng bao giờ đến thành phố trừ khi không được, nhưng Myra đã ấn cho cậu ta việc đó. Đây là sau khi tôi bảo sẽ đi xe buýt. Đừng hồng mà Myra chịu. Ai cũng biết rằng xe buýt chỉ có mỗi một chuyến thôi, đã thế còn khởi hành lúc trời tối và quay về lúc tối trời. Cô nói khi tôi xuống xe trong đêm, cánh mô tô sẽ chẳng nhìn ra và tôi sẽ bị cán dẹp như chuột. Mà dù gì tôi cũng không được phép đến Toronto một mình bởi, ai cũng biết cả đi đâu này nữa, cả thành phố chỉ toàn bọm bãi bất lương. Walter sẽ để mắt đến tôi, cô nói.

Walter đội cái mũ bóng chày đỏ nhân dịp này; giữa vành mũ và cổ áo khoác, cái gáy lõm chồm lồi ra như chuột bắt tay. Mí mắt cậu ta nhắm nheo như da đầu gối. “Chắc cháu sẽ lấy xe tải,” cậu ta nói, “nó vâm như cái nhà cầu gạch, lũ bọm sẽ phải suy tính chút đỉnh nếu muốn tông vào cháu. Mỗi tội tung mất vài cái lò xo rưỡi, nên không êm ái lắm đâu.” Theo lời cậu thì tài xế Toronto gã nào cũng khùng cả. “Không khùng thì tới đó làm gì?” cậu ta bảo thế.

“Chúng ta đang tới đó thôi,” tôi nhận xét.

“Nhưng chỉ một lần này thôi. Như xưa chúng cháu toàn nói với các em, một lần không sao cả.”

“Thế họ tin cậu chứ hả Walter?” tôi hỏi, đưa đà theo vì cậu ta thích vậy.

“Đã hẳn. Đầy như con bà bần. Đặc biệt là các bé tóc vàng.” Tôi cảm thấy cậu ta đang cười toét.

Vâm như nhà cầu gạch. Câu đó ngày xưa thường nói về đàn bà. Đây được coi là lời khen, cái thời mà không phải ai cũng có nhà cầu gạch: chỉ có nhà cầu gỗ, mỏng mảnh bốc mùi, đầy cái là nhào.

Nhét tôi vào xe và cài dây lại xong là Walter bật đài: tiếng vĩ cầm điện rền rĩ, yêu đương xoắn xuýt, nhịp bốn rộn ràng của cõi lòng tan nát. Khổ đau rất sáo, nhưng vẫn cứ là khổ đau. Công nghiệp giải trí. Chúng ta đâu đã thành những kẻ nhìn lên lãnh nghề. Tôi ngả người dựa vào cái gối Myra để sẵn. (Cô đã trang bị cho chúng tôi đủ làm một chuyến viễn dương - chăn đắp đầu gối, bánh kẹp cá ngừ, bánh xốt sô cô la, một phích cà phê.) Ngoài cửa sổ dòng Jogues vẫn lừ đừ chảy. Chúng tôi qua sông rồi ngoặt lên hướng Bắc, qua những phố từng là nhà liên kế cho thợ thuyền còn bây giờ được mệnh danh là “nhà khởi nghiệp”, rồi vài hàng họ nhỏ: trạm phụ từng ô tô si đa, hiệu bán lẻ hàng thực phẩm chức năng sắp đóng cửa, đại lý giày chỉnh hình có cái giày nê ông xanh chớp rồi lại tắt như đang tự bước đi ở đúng một chỗ. Rồi trung tâm thương mại mini có năm cửa hàng, mới một cái kịp mọc má đón Giáng sinh tới. Rồi là trung tâm thẩm mỹ của Myra, Càng Tóc. Cửa sổ dán hình một người tóc húi gàn nhẵn, nam hay nữ tôi chịu không nhìn ra được.

Rồi một nhà nghỉ xưa từng có tên Hành Trình Hết. Tôi đoán đặt tên này người ta nghĩ tới “Hành trình hết khi người yêu hội ngộ”^[23], nhưng không thể đòi hỏi ai cũng ngộ ra đi đâu ấy được: nó có thể bị phiên giải theo chiều hướng đen tối, một tòa nhà chỉ có lối vào mà không đường ra, điếc mùi động mạch phình, tĩnh mạch nghẽn, thuốc ngủ dốc cạn và lỗ đạn xuyên đầu. Bây giờ tên nó chỉ ngắn gọn là Hành Trình. Thay đổi khôn ngoan lắm. Lặng lơ hơn bao nhiêu, đỡ cảm giác giai đoạn cuối bao nhiêu. Đi đường tốt hơn bao nhiêu so với đến đích.

Xe đi qua một vài hàng nhượng quyền nữa - gà tươi cười chào mời chân cẳng mình trên đĩa, chú Mễ nhả nhở vung bánh xèo taco. Tháp nước thị trấn lừng lững phía chân trời, thêm một bong bóng xi măng khổng lồ điểm giữa trời quê như những khung lời truyện tranh rỗng chữ. Bây giờ xe đã ra

đến đồng trống. Giữa cánh đồng một tháp ụ xi lô thép trồi lên như đài chỉ huy tàu chiến; bên vệ đường, ba con quạ mổ một búi chuột chũi lông lá đã phanh bụng. Hàng rào trôi qua, nhiều tháp ụ nữa, một toán bò lông ướt; một rừng tuyết tùng lá thẫm, rồi một vệt đầm lầy, lau sậy mùa hè giờ phơ phất hói xác xơ.

Trời bắt đầu lất phất mưa. Walter bật cần gạt nước. Trong tiếng rừ rì êm ái, tôi thiếp đi.

Khi tỉnh dậy, ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là: Mình có ngáy không? Nếu ngáy thì mình có há hốc miệng không? Khó coi quá, thế nên mất mặt quá. Nhưng tôi không có gan hỏi. Chẳng ai thoát được cái sĩ diện, còn phải nói.

Xe đã lên đường cao tốc tám làn, gần đến Toronto. Đây là Walter nói thế: tôi không nhìn thấy gì, vì xe tôi đã bị tắc sau đuôi một xe tải nông phẩm vừa đi vừa lảo đảo, những kết ngồng trắng chắt đến nóc, rõ ràng trên đường ra chợ. Những cổ dài đợi thi hành án và những cái đầu điên dại lộ ra đây đó qua các nan, mở hết mở lại khép, thốt những tiếng dài bi thiết và lơ lửng, lọt thỏm giữa tiếng bánh xe rầm rập. Lông chim dính cả vào kính trước, xe ngập mùi phân ngồng và khói xăng.

Đuôi xe tải có biển đề Đọc Được Câu Này Hả? Đến Gần Quá Rồi Ku. Khi rốt cuộc nó cũng rời xa lộ, Toronto đã ở ngay trước mặt, một quả núi giả bằng kính và bê tông mọc lên từ đồng bằng bên hồ, những cửa kính những đỉnh nhọn những vách khổng lồ sáng lóa những khối đa diện chọc trời sắc cạnh, bồng bềnh giữa quầng khói sương nửa vàng nửa nâu. Nhìn như một vật tôi chưa thấy bao giờ - một vật mọc lên qua đêm, hoặc giả cũng không thực có ở đó - một hư ảnh giữa sa mạc.

Những vụn đen bay vụt qua như thể đang trước đang có dĩ giấy âm ỉ cháy. Nỗi căm giận lan như sóng trong không trung, như gió nóng. Tôi nghĩ đến những vụ chạy xe bắn càn.

Văn phòng luật sư ở gần giao lộ phố King và Bay. Walter lạc đường, rồi không tìm được chỗ đậu. Chúng tôi phải đi bộ năm khối nhà, Walter đỡ khuỷu tay đẩy tôi tiến tới. Tôi không biết chúng tôi đang ở đâu nữa, tất cả đã thay đổi quá nhiều. Mỗi lần tôi tới, đầu chẳng thường xuyên lắm, thành

phố lại đổi khác, và d òn lại qua các l ần là cảm giác tan tành - cứ như thành phố đã bị bom san bằng, r ồi xây lại từ bình địa.

Khu trung tâm như tôi nhớ - xám tẻ, đượm màu giáo phái Cải cách, đàn ông trắng trong áo bành tô đen nện bước sin sít nhau trên hè phố, đây đó xen kẽ một hai cô đàn bà, giày cao lốt công sở, găng tay và mũ, ví kẹp dưới tay, mắt nhìn thẳng - đã biến đi như mộng, nhưng nói cho đúng nó đã biến đi từ lâu r ồi. Toronto không còn là một thành phố Tin lành nữa, nó đã thành một thành phố trung cổ - đường phố tắc nghẽn những đám đông đa sắc điệu, qu ần áo rực rỡ đủ màu. Các quán bánh kẹp xúc xích cắm ô vàng, các hàng bánh quẩy, các đội bán rong hoa tai hay túi đan tay hay thắt lưng da, ăn mỳ treo bảng viết sấp Thất Nghiệp: họ đã có thỏa thuận nội bộ v ề lãnh thổ. Tôi l ần lượt đi qua một tay thối sáo, một nhóm tam tấu ghi ta điện, một người mặc váy Tô Cách Lan thổi kèn túi. Sẽ chẳng bất ngờ nếu gặp diễn viên tung hứng hoặc xiếc nuốt lửa, hoặc dân hủi kéo đàn kéo lữ, mũ trùm mặt tay lắc chuông. Tiếng ồn dội choang choảng; một lớp màng ngũ sắc bám vào kính tôi như váng d ầu.

Rốt cục thì chúng tôi cũng tìm được đến chỗ viên luật sư. Khi tôi l ần đầu nhòe tư vấn ở h ãng này, h ồi thập kỷ bốn mươi, nó còn ở trong một tòa nhà văn phòng gạch đỏбет xây theo lối Manchester, sảnh đón lát gạch thành tranh khảm, sư tử đá, chữ vàng trên cửa gỗ, kính cửa gắn sỏi thủy tinh. Thang máy vẫn còn có l ồng lưới sắt dích dắc trong buồng thang, bước vào thang cứ như nhập ngục tạm thời. Một bà mặc đ ồng phục xanh hải quân đi găng tay trắng đứng thang, xướng số từng t ầng, đến mười là hết.

Bây giờ văn phòng luật đặt trong một tháp cao t ầng vách kính, trong khu văn phòng tít trên t ầng thứ năm mươi. Walter và tôi đi lên bằng thang máy sáng loáng, vách trong ốp nhựa giả hoa cương, tỏa mùi nệm da xe hơi và ken đặc những người mặc đ ồ vét, cả đàn ông lẫn đàn bà, tất cả đều có bộ mặt trống rỗng, mắt đưa chỗ khác, thói quen của những nô lệ cả đời. Những người chỉ nhìn thấy những gì đ ồng lương c ần họ thấy. Lên đến h ãng luật thì sảnh tiếp tân chẳng thua gì khách sạn năm sao: chậu hoa giữa sảnh cắm sít hoa, phô phang chẳng kém thế kỷ mười tám, thảm dày màu mũ nấm kín tận bốn góc phòng, tranh trù tượng trên tường nhát quệt nào cũng đắt.

Viên luật sư ra, bắt tay, lăm bằm, ra hiệu: tôi cần đi theo ông ta. Walter nói cậu sẽ đợi tôi, ở đúng chỗ này. Cậu trố mắt, có hơi hốt hoảng, nhìn cô lễ tân trẻ bóng lộn mặc vét đen, khăn quàng hoa cà và đánh móng tay xà cừ; cô ta nhìn lại, không phải nhìn cậu, mà nhìn cái sơ mi ca rô và đôi ủng thun dài đế cao su khổng lồ. Rồi cậu ngẩng xuống cái xô pha chỉ vừa hai móng, lập tức lún vào đó như vào giữa đồng kẹo dẻo; đầu gối banh ra, hai ống quần co phất lên, lộ ra đôi bít tất dày đỏ của thợ đốn củi. Trước mặt cậu, trên cái bàn trà quỳnh rũ, bày một hàng tạp chí kinh doanh, cổ vắn làm sao cho đồng tiền đầu tư của cậu sinh sôi nảy nở. Cậu nhặt tờ nói về quỹ đầu tư tương hỗ: giữa đôi móng vuốt khổng lồ của cậu trông tờ báo như giấy hỉ mũi. Mắt cậu bắt đầu đảo tròn trên mặt như con bò non trong cơn gia súc chạy loạn.

“Tôi sẽ về nhanh thôi,” tôi trấn an cậu. Thực tế tôi ở lâu hơn mình tưởng. Có gì lạ, họ tính tiền từng phút, hội luật sư ấy, như đám gái điểm mặt hàng. Lúc nào tôi cũng tưởng sắp nghe tiếng gõ cửa, giọng cáo bản cất lên: *Ê mấy người. Làm gì mà chậm thế? Lên đi, vào đi rồi ra đi!*

Khi tôi đã xong việc ở chỗ tay luật sư, chúng tôi đi bộ trở lại lấy xe và Walter nói sẽ chở tôi đi ăn trưa. Cậu nói mình biết chỗ này được lắm. Tôi đoán chừng Myra đã giao việc này cho cậu: *Vì Chúa, anh nhớ cho bà ăn cái gì đấy, đến tuổi đấy rồi người ta ăn như chim ấy, người ta chẳng biết lúc nào thì mình hết xí quách đâu, bà có thể chết gục vì đói giữa xe.* Hơn nữa chắc cậu cũng đói: cậu đã chén sạch số xăng ụch gói ghém kỹ lưỡng của Myra trong khi tôi ngủ, và bánh xếp sô cô la cũng chung số phận.

Chỗ này được lắm có tên là Hồ Lửa, cậu nói. Cậu ăn ở đó lần vào thành phố trước, có lẽ hai ba năm trước gì đó, và nó cũng tạm tạm, nếu lượng đến hoàn cảnh. Hoàn cảnh gì? Hoàn cảnh là nó ở Toronto. Cậu đã gọi bánh kẹp pho mát hai tầng, đầy đủ. Ở đây họ có sườn nướng, và nói chung là chuyên môn về nướng.

Tôi cũng còn nhớ quán này, hơn một thập kỷ trước - từ cái thời tôi còn dỗi theo Sabrina, sau lần đầu tiên nó trốn nhà. Tôi vẫn thường quanh quẩn gần trường nó khi cuối ngày, an vị trên ghế đá khắp nơi, chọn điểm nào để mai phục nó - không phải, điểm nào dễ để nó nhận ra, dù cơ hội thật là ít ỏi. Tôi

thường nấp sau tờ báo mở rộng, như một tay thị dân ám ảnh đến nhu nhược, và cũng như hắn, vô vọng khát khao một cô bé hẳn sẽ chạy trốn tôi như trốn quỷ.

Tôi chỉ muốn một điều là cho Sabrina biết tôi ở đó, biết tôi tồn tại, biết tôi không phải như nó vẫn nghe. Biết tôi có thể đem lại chốn nương thân cho nó. Tôi biết nó sẽ cần một chốn nương thân, ngay lúc này đã cần một chốn nương thân, vì tôi hiểu Winifred. Tuy nhiên không có gì xảy ra. Nó chẳng bao giờ nhận ra tôi, tôi chẳng bao giờ để lộ mình. Khi đến bước quyết định, tôi lại thường quá nhất.

Một hôm tôi theo nó đến tận Hồ Lửa. Có vẻ như đây là nơi các cô bé - các cô bé tuổi đó, học trường đó - vẫn tụ họp mỗi bữa trưa, hoặc mỗi khi trốn học. Biển ngoài cửa màu đỏ, bề cửa sổ trang trí những vỏ sò nhựa vàng coi như là lửa. Tôi có giật mình vì chất Milton táo tợn trong cái tên: liệu họ có biết họ đang triệu lên cái gì không?

Ném hẳn lao qua Thượng Tầng Thanh Khí

Dung mạo điêu tàn thân thể lửa thiêu.

... Cơn Đại Hồng Hỏa đốt

Bể Lưu Huỳnh nghìn thế kỷ chẳng vơi.^[24]

Không. Họ không biết. Hồ Lửa chỉ là Địa Ngục cho thịt nướng.

Trong quán mắc đèn treo, chụp đèn kính màu, những cây dài lòng thòng lổm đổm cắm chậu gốm - không khí những năm sáu mươi. Tôi chọn bàn ngay cạnh gần Sabrina đang ngồi với hai cô bạn học, cả ba đều mặc thứ đồng phục lưng thùng kiểu con trai, váy sọc ca rô dày như vải chần và cà vạt đồng màu vẫn khiến Winifred nức lòng vì vẻ danh giá. Ba cô bé đã tận tình cố gắng phá hỏng bên ngoài đó - tất trượt xuống, áo nửa giắt nửa thò, cà vạt xiên xẹo. Chúng chăm chú nhai kẹo cao su như thực hành một lễ nghi tôn giáo và nói chuyện lớn giọng ra điếu chán ngán, cái giọng con gái tuổi ấy hình như đứa nào cũng sành.

Cả ba đứa đều đẹp, cái kiều mọi đứa con gái tuổi này đều đẹp. Không có cách nào tránh được, cái xinh đẹp ấy, mà cũng không lưu lại được: đấy là vẻ tinh sạch, vẻ mồm mĩm đến từng tế bào, không phải cố mà có và cũng không bền, và chẳng cách nào sau này nhại lại. Chẳng ai trong chúng lấy đó làm thỏa mãn: chưa gì chúng đã cố tìm cách thay đổi bản thân, cải thiện và bóp méo và co rút, cố đeo mình vào một cái khuôn tưởng tượng bất khả thi, lăm lăm nhíp và bút chì tấn công khuôn mặt. Tôi không trách chúng, vì ngày xưa tôi cũng làm y thế.

Tôi ng ỡ đó liếc Sabrina từ dưới vành mũ chống nắng oạt oeo, nghe lỏm những chuyện lú lo vật chúng ném ra trước mặt như khói ngụy trang. Chẳng đứa nào nói những gì nó nghĩ, chẳng đứa nào tin tưởng đứa kia - cũng đúng, vì phản bội vụn là chuyện thường ngày vào tuổi ấy. Hai cô bé kia tóc vàng, một mình Sabrina tóc đen và bóng như quả dâu tằm. Nó không hẳn để tâm lắng nghe chuyện hai đứa bạn, và cũng chẳng nhìn. Đằng sau cái nhìn trống rỗng đã luyện thuần kia, nổi loạn hẳn đang âm ỉ. Tôi nhận ra cái sừng sĩa, cái bướng bỉnh, cái kiêu phần của công chúa bị xi ềng, cần giấu kín đến khi vũ khí thu thập đủ. Hãy đợi đấy Winifred, tôi hả hê nghĩ.

Sabrina không để ý thấy tôi. Hoặc là có để ý, nhưng không biết tôi là ai. Có vài ánh mắt xẹt lại từ ba đứa chúng, vài câu thì thầm và tiếng cười khúc khích; tôi vẫn nhớ kiều này. *Quả táo tàu mặc áo bù nhìn*, hay một dị bản hiện đại hơn. Tôi đoán chừng cái mũ trên đầu mình là chủ đề bàn tán. Nó đã hết tuổi thời trang từ lâu lắm rồi, cái mũ ấy. Với Sabrina ngày hôm ấy tôi chỉ đơn giản là một mục già - một bà cao tuổi - một bà cao tuổi không tên tuổi, còn chưa đủ tã để phải gây chú ý.

Sau khi ba đứa chúng về, tôi vào nhà vệ sinh. Trên vách tường trong ngăn có một bài thơ:

Tao yêu anh Darren thế đấy

Mày đừng hòng đụng vào anh ấy

Nếu mày cứ lảng vảng gần xa

Tao sẽ cào toạc mặt mày ra

Con gái thời này thẳng thừng hơn nhiều so với ngày xưa, mặc dù về chấm phẩy thì vẫn không khác hơn.

Khi Walter và tôi cuối cùng cũng tìm ra Hồ Lửa, bởi (theo như cậu nói) nó chẳng chịu ở yên nơi cậu đã dẫn nó, có mấy tấm ván đóng chéo cửa, trên đóng một tờ thông cáo chính thức hay gì đó. Walter hít hửu quanh cánh cửa khóa như con chó để lạc khúc xương. “Có vẻ là đóng cửa rồi,” cậu nói. Cậu đứng đó một lúc lâu, tay xỏ túi. “Chúng nó cứ thay đổi suốt thôi,” cậu nói. “Chẳng tài nào mà bắt kịp.”

Sau một vài chặng lượn lờ và một vài mối hỏng, chúng tôi cũng dừng chân làm một bữa súc miệng ở Davenport, có ghế nhựa và máy chơi nhạc cạnh các bàn, toàn nhạc đờng quê với chấm phá mấy bài Beatles và Elvis Presley cũ kỹ. Walter chọn “Khách sạn tim vỡ”, chúng tôi cùng nghe trong lúc ăn bánh kẹp thịt và uống cà phê. Walter nhất định đòi trả tiền - lại là Myra, khỏi phải bàn. Chắc cô ả đã nhét một tờ hai mươi vào túi cậu.

Tôi chỉ ăn có nửa cái bánh kẹp. Tôi không đủ sức ăn cả. Walter chén nốt nửa kia, ấn tọt vào mồm một miếng như bỏ thư vào thùng.

Trên đường rời thành phố, tôi bảo Walter cho mình đi qua nhà cũ - nhà tôi từng sống với Richard lúc trước. Đường thì tôi vẫn nhớ chính xác, nhưng khi đến nơi tôi lại không nhận ra ngay căn nhà. Nó vẫn vuông vức xấu xí như trước, kênh càng, cửa sổ ti hí, nâu xỉn như trà đun lâu, nhưng thường xuân đã mọc kín các tường. Tường khung gỗ giả Thụy Sĩ, xưa màu kem nhạt, giờ đã sơn lại màu táo xanh, cánh cửa trước nặng nề cũng thế.

Richard ghét thường xuân. Ban đầu còn một ít khi mới dọn vào, nhưng ông ta đã cho chặt hết. Nó ăn vào tường gạch, ông ta bảo thế; nó chui vào ống khói, nó mở đường cho chuột bọ. Đây là cái hời ông ta còn viện ra lý do cho những gì ông ta nghĩ và làm, và viện ra làm lý do cho những gì tôi cần phải nghĩ và làm. Đây là trước khi ông ta tung hê mọi lý do ra cửa.

Tôi thoáng nhìn thấy chính mình hời ấy, mũ nan, đầm vàng nhạt, vải bóng vì trời nóng. Đây là cuối hè, cái năm sau lễ cưới; đất rắn như gạch. Nghe

Winifred xui khiến tôi đã thử nghiệm làm vườn: tôi cần một thú chơi, chị ta nói. Chị ta quyết định để khởi đầu tôi nên làm vườn đá, bởi kể cả nếu tôi có làm chết sạch cây thì đá vẫn còn. *Chẳng có mấy cách giết chết đá đâu*, chị ta đùa. Chị ta đã phái sang cái gọi là tổ ba người tin cẩn, để làm việc đào xới và sắp đặt đá, sẵn sàng cho tôi trồng cây.

Trong vườn đã có sẵn ít đá rỗ, đầu do Winifred đặt mua: đá nhỏ, đá to như phiến, vút lung tung hoặc chõng lên nhau như đô mi nô bị hầy đổ. Cả đám chúng tôi đứng đó, tổ ba người tin cẩn và tôi, nhìn đồng đá bừa bãi. Họ đội mũ trên đầu, áo khoác bỏ ra, tay áo xắn, dây đai quần đập vào mắt; họ đang chờ chỉ thị của tôi, nhưng tôi không biết phải bảo họ làm gì.

Tôi vẫn còn muốn thay đổi được đi đâu gì, hồi ấy - muốn tự mình làm được, tạo ra đi đâu gì đó, từ bất kỳ thứ vật liệu vô hy vọng nào. Giờ tôi vẫn nghĩ mình làm được. Nhưng khi ấy tôi không biết chút xíu gì về vườn tược. Tôi muốn phát khóc, nhưng nếu khóc sẽ là chấm hết: nếu khóc, những người tin cẩn sẽ khinh miệt ta, và rồi họ sẽ không còn tin cẩn.

Walter bầy tôi khỏi xe, rồi đợi lặng yên, đứng sau tôi một chút, sẵn sàng đưa tay nếu tôi vấp. Tôi đứng trên hè nhìn lên ngôi nhà. Vườn đá vẫn còn đó, dù chẳng được ngó ngang. Tất nhiên đang là mùa đông, nên cũng khó nói, nhưng tôi không tin còn gì mọc được trong này, có lẽ chỉ trừ một ít cây máu rồng, cái thứ bạ chỗ nào cũng mọc.

Có một bãi phế thải lớn giữa lối xe vào, toàn gỗ nát và những tảng vữa: người ta đang sửa sang. Hoặc là thế hoặc vừa có cháy: tầng trên có một cửa sổ vỡ vụn. Dân lang thang ưa trú trong những nhà kiểu này, theo lời Myra: cứ bỏ nhà hoang không người ở, ít ra thì Toronto là vậy, là chớp mắt chúng đã trám đầy nhà, tiệc tùng xì ke hay những trò bệnh hoạn khác. Chúng thờ Xa tăng, cô từng nghe vậy. Chúng nổi lửa trại trên sàn gỗ cứng, chúng làm tắc toa lét rồi vào bồn rửa, chúng xoáy tay vặn vòi nước, xoáy nắm đấm đẹp, xoáy bất cứ gì bán được. Mặc dù đôi khi cũng chỉ là tội trẻ con vào đập phá, cho vui. Đây là biệt tài riêng của lũ trẻ.

Cái nhà nhìn vô chủ, vô thường, như ảnh trong tờ rơi bất động sản. Không còn gọi lại bất kỳ mối liên hệ nào với tôi. Tôi cố nhớ lại tiếng chân mình

bước, ủng mùa đông giẫm tuyết khô lạo xạo, nhanh chân trở về, lúc khuya, nhào nặn những lời giải thích; công rào màu mực chắn lối xe vào; ánh đèn đường đậu lên bờ tuyết, viền mép xanh như băng, lấm tấm chữ Braille vàng vết chó tè. Bóng ngả trên đường ngày ấy nhìn rất khác. Nhịp tim đập dồn, hơi thở cuộn ra trước mặt, khói trắng trong lòng khí tê người. Hơi ẩm cuồn dập trên đầu ngón tay; môi còn ram ráp dưới lớp son quệt vội.

Trong phòng khách có lò sưởi. Tôi vẫn thường ngẩng trước lò sưởi, bên Richard, ánh sáng chập chờn trên người chúng tôi, trên cả đôi ly, cả hai đều kèm miếng lót tránh ướt ván sàn. Sáu giờ chiều, giờ martini. Richard thích tổng kết vụ việc hằng ngày: đây là ông ta gọi thế. Ông ta đã thành thói quen đặt tay lên gáy tôi, buông lại đó, cứ đặt nhẹ ở đó trong lúc tiến hành việc tổng kết. *Tổng kết vụ việc* là đi đầu thăm phán vẫn làm trước khi chuyển cho đoàn bầy thăm quyết. Có phải ông ta coi mình là thế không? Có lẽ. Nhưng những ý nghĩ sâu bên trong, những động cơ của ông ta, với tôi nói chung thường rất mù mờ.

Đây là một trong những cơ tạo nên căng thẳng giữa hai bên: tôi không hiểu nổi, không dự đoán nổi mong muốn của ông ta, mà ông ta đổ tại tôi không quan tâm, một cách cố tình, thậm chí nhằm gây hấn. Thực tế đó còn là vì nổi hoang mang, và sau này, nỗi sợ. Thời gian trôi đi, ông ta trước mắt tôi càng lúc càng bớt giống một con người, có da thịt và các phần cơ thể, mà càng ngày càng giống một búi dây khổng lồ rối beng, còn tôi trúng lời nguyền phải mỗi ngày ngẩng tìm cách gỡ. Mà chẳng bao giờ thành công.

Tôi đứng ngoài nhà mình, nhà cũ của mình, chờ xem có ủa tới bất kỳ loại tình cảm gì không. Chẳng có gì. Sau khi đã nếm trải cả hai, tôi không rõ đẳng nào tệ hơn: xúc động ghen ngào, hay là cạn ráo.

Trên cây dẻ trên bãi cỏ có cặp chân thông xuống, cặp chân đàn bà. Trong một giây tôi tưởng là chân người thật, đang trèo xuống, đang bỏ trốn, tới khi nhìn lại kỹ hơn. Đây là một chiếc quần tất, trong nháy mắt cái gì đó - giấy vệ sinh, hắt rầy, hay là đồ lót - rầy vút qua cửa sổ tầng trên giữa một lễ nghi thờ Xa tăng, một trò nghịch của lũ ranh hay cuộc trác táng của dân không nhà nào đó. Rầy mắc giữa cành.

Chắc hẳn chính cửa sổ của tôi là nơi cặp giò không thân kia bị quăng xuống. Cửa sổ cũ của tôi. Tôi hình dung mình bên cửa ấy ngóng ra, ngày xưa tí tấp. Mưu tính xem có cách nào chuồn ra lối đó, không ai thấy, và bám cây leo xuống - tụt giày ra, vắt mình qua bậu cửa, thò xuống một bàn chân đi tất rồi đến chân kia, bấu vào các mấu. Nhưng chưa bao giờ làm.

Ngóng ra ngoài cửa. Ngại ngần. Bụng nghĩ, Mình đã để mất mình làm sao.

BƯU THIẾP GỬI TỪ CHÂU ÂU

Ngày tối dần, cây cối ủ ê, mặt trời lặn xuống dốc tiến tới gần điểm đông chí, nhưng vẫn chưa vào đông. Tuyết không có, mưa tuyết không, gió hú gào chưa thấy. Nổi trỉ hoãn nhuộm mùi gỗ. Cái im lặng màu hung xâm tỏa mọi người.

Hôm qua tôi đi bộ đến tận cầu Khánh Tiết. Trong dân chuyện phiếm đã thấy nói đến gỏi sét, đến xối mòn, đến nhược điểm trong kết cấu, đã thấy nói chuyện dỡ bỏ cái cầu. Một gã địa ốc không tên, không mặt mũi nào đó đang nhỏ dãi muốn trờng chung cư lên bãi đất công kế cận, Myra nói - đây là địa chỉ vàng vì có phong cảnh đẹp. Phong cảnh ngày nay đáng giá hơn khoai tây, dù cũng chẳng phải từng có khoai tây ở đúng mảnh này. Tin đồn rằng một cọc tiêng bản đã trao tay cửa sau để thúc đẩy cái gặt đầu, mà tôi chắc cũng chính là đi đầu đã xảy ra hồi cây cầu được cất, danh nghĩa là tôn vinh Nữ hoàng Victoria. Một nhà thầu nào đó chắc đã mua gọn những đại diện được bầu của Nữ hoàng để trúng được quả đó, và thị trấn chúng tôi vẫn tôn trọng những lèthói xưa: *Làm gì cũng phải ra tiền*. Những lèthói xưa là thế.

Thật lạ lùng khi nghĩ xưa trên cầu đây đã có những phu nhân, hông đeo khung váy, cổ áo có diêm, dạo chơi và tựa mình vào thành cầu uốn lượn, thưởng ngoạn phong cảnh nay đã đất đỏ và ít nữa sẽ tư nhân hóa: nước lờng lộn dưới cầu, những vách đá vôi điểm lệ đằng Tây, bên dưới là các nhà máy vận hành hết cỡ mười bốn giờ một ngày, giấu trong lòng đám nhà quê khúm núm lúng túng chân tay, lấp lánh trong ánh tà như các sông bạc đốt đèn khí.

Tôi đứng trên cầu ngó qua thành, nhìn dòng nước thượng nguồn, mịn như kẹo chảy, thẫm đen lặng lẽ, tiêng tàng hung hãn nhường kia. Qua thành cầu bên kia là thác đổ, là xoáy nước, là tiếng ồn trắng. Từ đây xuống là một quãng ra trò. Tôi bất chợt nhận ra tim mình đang đập, nhận ra đầu mình choáng váng. Nhận ra cả cảm giác ngạt thở, cứ như đang ngập lụt đầu. Nhưng ngập trong cái gì cơ? Không phải nước, mà là gì đó đặc hơn. Là

thời gian: thời gian lạnh cũ xưa, những niềm sầu muộn cũ, lắng lại từng lớp, như phù sa đáy hồ.

Chẳng hạn như:

Richard và tôi, sáu mươi tư năm trước, xuống thang rời tàu *Berengeria* bên kia bờ Đại Tây Dương, mũ ông ta đội lệch hơn hở, bàn tay tôi đi găng đặt nhẹ trên cánh tay ông - đôi tân nhân bắt đầu kỳ trăng mật.

Tại sao trăng mật lại gọi là trăng mật? *Lune de miel*, mặt trăng bằng mật - cứ như thể mặt trăng chẳng phải là cái khối cầu bằng đá rỗ hoa lạnh lẽo trọc lốc yếm khí, mà êm ái, vàng ruộm, khêu gợi - một trái mận nhúng đường sáng óng, loại mận vàng, bỏ miệng là tan, dính như ham muốn, ngọt nhức tim và nhức cả chân răng. Bóng đèn pha ấm áp lờ mờ, không phải trên trời, mà ngay trong thân thể.

Tôi biết hết những chuyện ấy. Tôi còn nhớ kỹ. Nhưng không phải trong tuần trăng mật này.

Cảm xúc tôi nhớ rõ nhất về tám tuần ấy - chỉ có tám tuần thôi ư? - là nỗi lo âu. Tôi sợ Richard thấy cuộc sống vợ chồng của chúng tôi - ý tôi là cái phần xảy ra trong bóng tối và không phải để tài có thể đem bàn - cũng đáng thất vọng như tôi thấy. Cho dù nhìn ngoài thì có vẻ là không: ban đầu ông ta cũng khá hòa nhã với tôi, ít nhất khi sáng ngày. Tôi cố hết sức giấu giếm vẻ lo lắng, và tấm thường xuyên: tôi cảm thấy bên trong mình đang trở ung, như quả trứng thối.

Sau khi cập bến ở Southampton, Richard và tôi lên tàu lửa tới Luân Đôn, nghỉ lại khách sạn Brown. Bữa sáng được phục vụ tận phòng suite, tôi sẽ mặc áo lót nhiều lớp, một trong ba chiếc Winifred chọn: tro của hoa hồng, bạch cốt viền ren xám bồng bềnh, tím hoa cà pha xanh biển - những màu nhạt, màu của nước, phỉn phờ bộ mặt chưa phấn son. Chiếc nào cũng có kèm dép xa tanh riêng, viền lông thú nhuộm hoặc lông tơ thiên nga. Tôi đoán đây là thứ phụ nữ trưởng thành vẫn mặc vào buổi sáng. Tôi đã thấy những phối hợp kiểu này trong ảnh (nhưng ảnh nào? Có thể là các mẫu quảng cáo chẳng, cho một thương hiệu cà phê chẳng hạn?) - ông com lê ca vát, tóc chải mượt ra sau đầu, bà áo lót nhiều tầng không kém nuốt nà, một tay đưa

lên, cầnh bình cà phê bạc vôi cong cong, cả hai mỉm miệng cười đắmduối nhìn nhau qua đĩa bơ.

Laura chắc sẽ cười khẩy vào mấy bộ đồ ấy. Nó đã cười từ khi thấy người ta đóng đồ. Mặc dù không hẳn là cười khẩy - Laura không có khả năng cười khẩy thực sự. Nó không có cái độc ác cần thiết. (Không có cái độc ác cố tình cần thiết. Mọi sự độc ác của nó đều vô tình - hiệu ứng phụ của khái niệm cao quý nào đang chiếm ngự đầu óc nó thời điểm ấy.) Phản ứng của nó đúng ra phải gọi là kinh ngạc - như kiểu không tin. Nó đưa tay vuốt mặt xa tanh và khẽrùng mình, làm cho tôi cảm thấy chất vải vừa nhờn vừa lạnh, vừa trơn tuồn tuột trên đầu ngón tay chính mình. Như da thằn lằn. “Chị sẽ mặc những đồ này á?” nó hỏi.

Những sáng hè Luân Đôn ấy - bởi lúc đó mùa hè - chúng tôi ăn sáng bên rèm rủ nửa để chặn ánh mặt trời quá tỏ. Richard thường ăn hai quả trứng luộc, hai lát thịt xông khói dày và một quả cà chua nướng, thêm bánh mì nướng phết mứtcam, lát bánh giòn tan để nguội trong ngăn lò. Tôi thường ăn nửa quả bưởi chùm. Chè thường đặc và lờm lợm, như nước đầnlầy. Đây là lối chuẩn, lối pha trà Ăng Lê đấy, Richard bảo.

Chuyện trò thường không có gì nhiều, ngoài mấy câu nghĩa vụ: “Ngủ ngon chứ mợ nó?” - “Ừm, cậu thế nào?” Richard nhận báo, cùng với điện tín. Lúc nào cũng có vài bức. Ông ta thường đọc lướt các tờ báo, rồi mở điện, đọc hết, gấp cẩn thận làm đôi rồi làm bốn, bỏ hết vào túi. Nếu không ông ta sẽ xé cho vụn. Không bao giờ thấy ông ta vò nát rồi quăng vào sọt giấy, mà nếu có cũng chưa chắc tôi đã moi ra đọc, ít ra thời kỳ đó thì chưa.

Tôi định ninh tất cả điện đầu gửi cho ông ta: cả đời tôi chưa nhận điện bao giờ, và cũng không tưởng tượng nổi có ai đánh điện cho tôi vì có gì cả.

Ngày của Richard đề vào các cuộc gặp gỡ. Tôi cho tất cả đầu là đối tác làm ăn. Ông ta thuê cho tôi ô tô và tài xế, tôi được đưa đi ngắm những cảnh ông ta cho là cần ngắm. Các đối tượng soát duyệt của tôi chủ yếu là tòa nhà nào đó, còn lại là công viên. Ngoài ra nữa là tượng, cấm ngoài các tòa nhà hoặc trong các công viên - các lãnh tụ chính trị bụng hóp vào, ngực ưỡn ra, chân trước gấp lại, túm chặt những cuộn giấy; các nhà quân sự ngưỡnghĩa.

Nelson cao ngất trên đỉnh cột, Hoàng thân Albert ngự trên ngai với một bộ tứ đàn bà ăn vận lạ mắt lờng lộn nhe nhớn quanh chân, phun ra hoa quả và lúa mì. Đấy được coi là bốn châu lục, còn Hoàng thân Albert chết rồi vẫn cai trị họ, nhưng ông ta không tưởng gì đến họ; ông ta ngẩng nghiêm khắc và lặng lẽ dưới nhà vòm dát vàng cầu kỳ chạm trổ, mắt dõi về phương xa, tâm trí bận bịu với những đi đâu cao cả.

“Hôm nay mọi xem được gì?” Richard thường hỏi trong bữa tối, và tôi chăm chỉ kể tên, hoàn thành từng hạng mục trong danh sách tòa nhà công viên tượng đài: tháp Luân Đôn, điện Buckingham, công viên Kensington, tu viện Westminster, nhà nghị viện. Ông ta không giục tôi đến bảo tàng, ngoại trừ Bảo tàng tự nhiên. Đến bây giờ tôi tự hỏi, vì sao ông ta nghĩ nhìn ngắm vô số thứ nhỡ tổ chẳng sẽ có tác dụng giáo dục cho tôi? Bởi sau này có thể nhận ra từng ấy chuyến tham quan chỉ nhằm một mục đích - giáo dục cho tôi. Vì sao đám tiêu bản thú nhỡ lại bổ ích cho tôi, hoặc cho mẫu hình tôi cần đạt đến theo quan niệm của ông ta, hơn một phòng toàn tranh chẳng hạn? Tôi nghĩ mình hiểu, nhưng cũng có thể tôi lờn. Có thể bày thú nhỡ cũng tựa tựa như sở thú - nơi người ta đưa trẻ đến, khi cần đi chơi.

Mặc dù vậy tôi cũng có đến Bảo tàng nghệ thuật quốc gia. Người bồi cửa ở khách sạn đã gợi ý cho tôi, khi danh sách tòa nhà đã cạn. Bảo tàng nghệ thuật khiến tôi mệt nhoài - cứ như một cửa hàng bách hóa, cơ man là cơ thể người xếp bên tường, đủ khiến đầu hoa mắt váng - nhưng cũng khiến tôi náo nức vô cùng. Tôi chưa bao giờ thấy từng ấy thân thể đàn bà ở trên ở cùng một chỗ. Cũng có cả đàn ông ở trên, nhưng trông họ có vẻ không trên trụi bằng. Cũng có rất nhiều trang phục lộng lẫy. Có lẽ đấy là hai chủng loại chính, như đàn bà/đàn ông: đây là ở trên/mặc áo. Chúa cũng bảo vậy còn gì. (Laura, hồi còn nhỏ: *Chúa mặc gì?*)

Ở mỗi nơi xe và tài sẽ đợi, còn tôi thoăn thoắt đi vào, qua bất cứ cửa hay cổng gì trước mặt, cố gắng làm vẻ biết mình muốn gì: cố đừng lộ vẻ cô đơn và trống rỗng. Vào đến trong tôi sẽ nhìn lấy nhìn để, để có gì thuật lại lúc về. Nhưng tôi chẳng hiểu được gì nhiều những thứ tôi thấy. Nhà cũng chỉ là nhà thôi. Chúng chẳng nói lên gì nếu anh không am hiểu kiến trúc, hoặc biết những sự kiện từng xảy ra ở đây, mà tôi thì không biết. Tôi thiếu khả năng bao quát; cứ như lúc nào mắt tôi cũng ghé sát vào cái tôi có nhiệm

vụ nhìn, và nhìn xong tôi chỉ còn giữ lại ấn tượng về bề mặt: nếp rúm của gạch hay đá, độ trơn tru của tay vịn gỗ đánh xi, vẻ xù xì của lông khô xác. Sọc vân trên mặt sừng, sắc bóng ẩm của ngà. Mắt thủy tinh.

Ngoài những chuyến tham quan học hỏi, Richard còn khuyến khích tôi đi mua sắm. Mỗi người bán hàng đều làm tôi sợ, và tôi hầu như chẳng mua gì. Một vài dịp khác tôi đi làm đũa. Ông ta không muốn tôi tĩa hay phi dẽ, nên tôi tránh. Để tóc giản dị là hợp với tôi nhất, ông ta nói. Hợp với tuổi trẻ của tôi.

Những lúc khác tôi chỉ thả bộ loang quanh, hoặc ngồi ghế đá công viên, đợi đến giờ về. thỉnh thoảng một gã đàn ông đến ngồi cạnh bắt chuyện. Lúc đó tôi bỏ đi.

Tôi dành phần lớn thời gian thay áo xống. Hí hoáy đi đầu chỉnh dây đeo mắt khóa, mũ nghiêng bao nhiêu cho vừa, đường chỉ tất xoay thế nào cho thẳng. Bản khoăn không biết chiếc này hoặc chiếc kia có hợp, cho giờ này hoặc giờ kia. Chẳng có ai gài móc sau gáy cho tôi hoặc cho tôi biết trông đằng sau thế nào, đã gọn gàng phẳng phiu chưa. Reenie vẫn thường lãnh việc ấy, không thì Laura. Tôi nhớ cả hai, và cố gắng tránh nhớ.

Giữa móng tay, ngâm chân trong nước. Nhổ lông, hoặc cạo đi: cần phải trơn tuột, tẩy sạch những gì lún phún. Địa mạo kiểu đất sét ướt, bàn tay vuốt là trượt qua.

Trăng mật được coi là thời gian cho đôi vợ chồng mới cưới hiểu nhau hơn, nhưng mỗi ngày tôi lại thấy mình càng bớt hiểu Richard. Ông ta đang cố xóa mình đi, hay đấy là giấu giếm? Rút lên cao cho tiện quan sát. Còn tôi, mặt khác, lại đang thành hình - thành cái hình dạng vẽ ra cho tôi, theo ý ông ta. Mỗi lần nhìn vào gương tôi lại thấy mình đã được tô đầy thêm một góc.

Sau Luân Đôn là Paris, chúng tôi đi phà qua eo Manche rồi đi xe lửa. Đại thể một ngày ở Paris cũng như lúc ở Luân Đôn, dù bữa sáng nội dung có khác: bánh mì ổ sên rắn, mứt dâu, cà phê pha sữa nóng. Hai bữa còn lại rất thịnh soạn, Richard hoảng cả lên vì chúng, đặc biệt là vì rượu vang. Ông ta nhắc đi nhắc lại rằng chúng tôi có còn ở Toronto đâu, dù tôi thấy chuyện đó hiển nhiên.

Tôi đã đến tháp Eiffel nhưng không trèo lên tháp, vì ghét độ cao. Tôi đến điện Panthéon, đến mộ Napoleon. Tôi không đến nhà thờ Đức Bà, vì Richard không ưa nhà thờ, ít nhất là nhà thờ Công giáo, chúng làm con người bạc nhược. Nhang khói là ông ta đặc biệt ghét, chỉ tổ làm trí não u mê.

Khách sạn ở Pháp có bồn rửa hạ bộ, Richard đã giảng giải cho tôi có thoáng nhạo báng sau khi bắt gặp tôi rửa chân vào đó. Tôi nghĩ, Họ quả có hiểu một số điều không phải ai cũng hiểu, cái dân Pháp này. Họ hiểu được nỗi lo âu về thân xác. Ít ra họ cũng thừa nhận nó có tồn tại.

Chúng tôi ở khách sạn Lutetia, rồi sau sẽ là tổng hành dinh của Đức Quốc xã trong chiến tranh, nhưng làm sao chúng tôi biết trước? Tôi thường dùng cà phê sáng trong quán khách sạn, vì sợ không dám đi đâu. Tôi có cảm giác chỉ cần để khách sạn đi khuất mắt tôi sẽ không bao giờ tìm đường quay lại được. Cho đến lúc ấy tôi đã biết vốn tiếng Pháp ít ỏi thầy Erskine dạy nói chung vô dụng: *Le cœur a ses raisons que la raison ne connaît point* chẳng mang lại cho tôi thêm tí sữa nóng nào.

Một ông bủi già có bộ mặt hải tượng phục vụ tôi; ông ta có trò rót cà phê và sữa nóng từ hai bình, giờ thật cao trên không, và tôi mê mải ngắm, như đứa trẻ ngắm nhà ảo thuật. Một hôm ông ta hỏi tôi - bằng thứ tiếng Anh lồm bồm - “Làm sao cô buồn?”

“Tôi có buồn đâu,” tôi nói, và bật khóc. Nỗi thương cảm từ người lạ có khi khiến người ta quy.

“Cô không nên buồn,” ông ta nói, cặp mắt hải tượng nhăn nheo âu sầu nhìn tôi. “Chắc là vì ái tình. Nhưng cô còn trẻ và đẹp, cô sẽ có thời gian buồn sau.” Người Pháp là chuyên gia cự phách về cái buồn, họ nắm rõ mọi thể loại. Vì thế họ mới nghĩ ra bồn rửa hạ bộ. “Ái tình là một tội phạm,” ông ta nói và vỗ vỗ vai tôi. “Nhưng không có còn tệ hơn.”

Ấn tượng có chút xấu đi vào ngày hôm sau, khi ông ta tìm cách dụ tôi lên giường, hoặc ít ra là tôi hiểu thế - tiếng Pháp của tôi không mạnh lắm. Mà ông ta cũng chẳng đến nỗi già - bốn lăm, khoảng đó. Lẽ ra tôi nên nhận lời. Thế nhưng về chuyện cái buồn thì ông ta nhảm - tốt hơn hết là nên có từ

lúc trẻ. Một cô gái đẹp u buồn khiến người ta động lòng an ủi, chứ không phải một mục khom u buồn. Nhưng thôi bỏ qua.

Rồi chúng tôi qua Rome. Rome trước mắt tôi có vẻ quen thuộc - ít ra tôi cũng có nắm bối cảnh, từ lâu lắm, nhờ thầy Erskine và các bài học tiếng La tinh. Tôi đã đến xem Quảng trường thành phố, hay đúng hơn là những mảnh còn sót lại, xem đường La Mã - Via Appia, và đấu trường Colosseo, nhìn như miếng pho mát chuột gặm dở. Rất nhiều cầu, rất nhiều thiên thần mòn nhẵn, trầm tư mặc tưởng. Tôi đã thấy dòng Tevere chảy, nước vàng như viêm gan. Tôi đã thấy nhà thờ Thánh Pietro, dù chỉ bên ngoài. Nhà thờ rất to. Tôi nghĩ chắc là mình cũng đã gặp những toán phát xít quân phục đen của Mussolini, hành quân trên đường và xô đẩy dân chúng - lúc này đã bắt đầu chưa? - nhưng tôi không nhìn thấy chúng. Những việc kiêu ấy thường không ai nhìn thấy giữa lúc đang xảy ra, trừ những người chẳng may là đối tượng. Mọi người khác chỉ nhìn thấy mãi về sau, trên các bản tin, hoặc trên màn bạc khi sự việc chỉ còn là dĩ vãng.

Đến chiều tôi thường đòi một tách trà - tôi bắt đầu quen đòi hỏi và ra lệnh, bắt đầu lượng được giọng nào dùng nói với bà bàn, làm sao để giữ khoảng cách an toàn. Trong lúc uống trà tôi thường viết bưu thiếp. Bưu thiếp gửi cho Laura và Reenie, vài cái cho cha. Bưu ảnh chụp những tòa nhà tôi được đưa đến - cung cấp hình ảnh những gì tôi được cho là đã thấy, từng chi tiết tỉ mỉ màu sepia. Trên thiếp tôi viết những câu ngớ ngẩn. Gửi Reenie: *Thời tiết đẹp tuyệt vời. Em thích hết sức.* Gửi Laura: *Hôm nay chị đến xem đấu trường Colosseo, ngày xưa ở đây người Thiên Chúa giáo bị vút cho sư tử ăn. Chắc là em sẽ thích.* Gửi cha: *Con mong cha khỏe.* Richard gửi lời chào. (Câu cuối này nói dối, nhưng tôi đang dằn học, với tư cách vợ, có những điều dối tôi phải tự biết mà nói.)

Khi thời gian định cho trăng mật sắp cận chúng tôi nghỉ một tuần ở Berlin. Richard có vụ làm ăn gì đó ở đây, liên quan gì đó đến cán xẻng. Một trong những công ty của Richard chuyên làm cán xẻng, mà người Đức thì thiếu gỗ. Cần phải đào xới rất nhiều, và theo ước tính thì còn nhiều nữa, còn Richard thì có thể cung cấp cán xẻng với giá thành ăn đứt các đối thủ cạnh tranh.

Như Reenie vẫn nói: *Đỡ chút nào hay chút đó*. Cũng như chị thường nói: *Làm ăn là làm ăn, nhưng cũng có khi làm càn ăn bẩn*. Nhưng tôi không biết gì về làm ăn. Nhiệm vụ của tôi là tươi cười.

Tôi phải thú nhận mình thích Berlin. Chưa ở đâu tôi thấy tóc mình vàng đến thế. Đàn ông lịch sự đến quá quắt, dù họ không nhìn đằng sau khi bước qua cửa xoay. Hôn tay ân giấu một trăm thứ tội lỗi. Chính ở Berlin tôi đã biết bôi nước hoa vào cổ tay.

Tôi nhớ các thành phố thông qua khách sạn, nhớ khách sạn thông qua phòng tắm. Mặc đồ, cởi đồ, dầm mình trong nước. Nhưng chép phiếu lưu ký thế là đủ rồi.

Chúng tôi trở lại Toronto từ New York, vào giữa tháng Tám, đúng đợt nóng. Từ châu Âu và New York về, Toronto có vẻ lụp xụp và tù túng. Bên ngoài ga Thống Nhất khói nhựa đường mờ không khí, người ta đang lắp ổ gà. Một chiếc xe thuê đón, đưa chúng tôi về qua những xe điện bụi mù và leng keng điếc óc, rồi qua những ngân hàng đom đóm và cửa hàng bách hóa, rồi theo đường dốc chên chếp vào tới vùng bóng rợp dễ và thích khu Rosedale.

Xe dừng trước ngôi nhà Richard đã mua cho chúng tôi qua điện tín. Ông ta kiếm được nó chỉ mất một bài ca, ông nói, sau khi chủ trước tự dẫn thân vào chỗ phá sản. Richard thích nói mình mua đồ chỉ mất một bài ca, một chuyện kỳ cục, bởi ông ta không bao giờ hát. Huýt sáo cũng không. Ông ta không phải loại người ưa âm nhạc.

Ngôi nhà bên ngoài tối, thường xuyên giăng trên tường, các cửa sổ cao và hẹp ngoảnh vào trong. Chìa khóa giấu dưới thảm chùi chân, tiệp sắc đầy mùi thuốc tẩy. Winifred đã trang hoàng lại trong lúc chúng tôi chưa về, và công việc chưa hoàn tất hẳn - vẫn còn giẻ thợ sơn bỏ trên sàn các phòng trước, nơi người ta đã lột hết giấy dán tường cũ kiểu Victoria. Giấy mới đầu màu ngọc trai hay nhàn nhạt - những màu nói lên sự thờ ơ sang cả, vẻ hững hờ lạnh nhạt. Những sợi mây ti nhuộm màu hoàng hôn dịu dịu, lửng lơ trôi tít trên cánh chen chúc thô lậu toàn chim và hoa bên dưới. Đây là bối cảnh đề xuất cho tôi, bầu khí pha loãng để tôi đóng đưa trong đó.

Reenie sẽ rất bở cái nội thất này - cái vẻ trông rỗng sáng loáng, cái nhọt nhạt của nó. *Trông chả khác gì cái nhà tắm*. Mặt khác chị cũng sẽ bị nó làm cho khiếp sợ, giống như tôi. Tôi triệu về bà nội Adelia - bà sẽ biết phải làm gì. Bà sẽ nhận ra những nỗ lực làm sang bốc mùi ti ền mới; bà sẽ lịch thiệp nhưng khinh rẻ. *Trời, thật là hiện đại quá đi*, có thể bà sẽ nói. Bà sẽ hạ bệ Winifred trong nháy mắt, tôi nghĩ, nhưng chẳng thấy an ủi chút gì: giờ đây tôi đã thuộc nòi Winifred. Hoặc ít nhất một phần.

Còn Laura thì sao? Laura sẽ lén mang vào bộ bút chì màu, bộ tuýp màu nước. Nó sẽ làm đổ gì đó ra nhà, đánh vỡ gì đó, làm biến dạng dù chỉ là một góc nhỏ trong nhà. Nó sẽ để lại dấu ấn.

Một mảnh giấy nhắn của Winifred gác vào máy điện thoại trong ti ền sảnh. “Chào mừng hai chú b ồcâu đã về nhà! Em bắt chúng nó làm xong phòng ngủ đầu tiên! Em hy vọng hai người thích - phòng sành điệu ra trò! Freddie.”

“Em không biết Winifred làm cái này đấy,” tôi nói.

“Chúng tôi muốn tạo bất ngờ,” Richard nói. “Chúng tôi không muốn mợ bị sa lầy vào tiểu tiết.” Tôi cảm thấy, không phải lần đầu, như một đứa trẻ bị cha mẹ gạt ra rìa. Những bậc cha mẹ ân c ần và tàn bạo, tràn ngập thông đ ồng, đoán chắc việc mình làm là phải, chuyện gì cũng vậy. Tôi có thể đoán ngay quà sinh nhật Richard tặng mình từ đây về sau sẽ toàn những thứ tôi không thích.

Tôi lên trên nhà rửa mặt cho tỉnh táo, theo lời Richard gợi ý. Chắc hẳn mặt mũi tôi trông phờ phạc lắm. Chắc chắn là bên trong tôi thấy mình nhóp nhóp héo hon. (“Bông h ồng thôi ngậm sương r ồi,” đấy là nhận xét của ông ta.) Mũi tôi nhàu nát cả, tôi quăng lên bàn phấn. Tôi v ả nước lên mặt r ồi thấm vào một trong số khăn tắm thêu tên tắt Winifred để sẵn. Phòng ngủ nhìn ra vườn sau, ở đó chưa sửa gì. Tôi gi ầy gi ầy ra, nằm phịch xuống cái giường màu kem rộng miết mát. Giường gi ăng màn rèm, muslin quây quanh như l ều sàn Phi châu. Vậy đây là nơi tôi sẽ phải cấn răng mà chịu - cái giường tôi không tạo ra, nhưng giờ phải nằm trong. Và đây là cái tr ần

nhà từ giờ tôi sẽ phải nhìn, qua màn khói muslin, trong lúc những sự vụ tr ần tục diễn ra từ hòng trở xuống.

Máy điện thoại bên giường màu trắng. Chuông reo. Tôi nhấc máy. Bên kia là Laura, giọng nghẹn ngào nước mắt. “Chị ở đâu thế?” nó nức nở. “Sao chị không về?”

“Em nói sao cơ?” tôi hỏi. “Theo dự tính là hôm nay mới về mà! Bình tĩnh lại, chị không nghe ra em nói gì cả.”

“Chị chẳng thềm trả lời!” nó r ền r ỉ.

“Em nói cái gì thế?”

“Cha mất r ồi! Mất r ồi, mất r ồi - nhà đã đánh cho chị năm cái điện! Reenie đánh!”

“Khoan đã nào. Từ từ. Bao giờ?”

“Chị đi một tu ần thì cha mất. Ở nhà cố gọi, khách sạn nào cũng gọi. Họ bảo họ sẽ báo chị, họ hứa r ồi mà! Họ không nói à?”

“Mai chị về,” tôi nói. “Chị không biết. Chẳng ai nói gì với chị cả. Chị không nhận được điện. Chẳng có bức nào.”

Đầu tôi không thấu nổi. Cái gì đã xảy ra, rốt cuộc có chuyện gì, sao cha lại mất, sao tôi không được báo? Tôi nhận ra mình đang quỳ trên sàn, trên thảm xám màu xương, gập mình trên điện thoại, cuộn người ôm lấy nó như thể đây là một cái gì mong manh quý giá. Tôi nghĩ đến các bưu thiếp gửi từ châu Âu, gõ cửa Avilion với những lời chào hôn hở và vật vãnh. Chắc vẫn còn để trên bàn ti ền sảnh. *Con mong cha khỏe.*

“Nhưng báo có đưa mà!” Laura nói.

“Nơi chị ở thì không,” tôi nói. “Báo ở đó thì không.” Tôi không nói thêm đảng nào mình cũng chẳng bu ần sờ đến báo chí. Tôi đã quá lú lẫn.

Richard là người đi nhận mọi tấm điện, trên tàu cũng như tại mọi khách sạn chúng tôi ở. Tôi còn nhìn thấy những ngón tay tỉ mỉ, mở phong bì, đọc, gấp tờ điện làm bốn, nhét vào cất đi. Tôi không thể buộc tội ông ta nói dối - ông ta chẳng nói gì về chúng, những tờ điện ấy - nhưng thế cũng không khác gì nói dối. Phải không?

Ông ta hẳn đã bảo các khách sạn đừng chuyển cuộc gọi nào đến phòng. Không chuyển cho tôi, không chuyển lúc tôi ở đó. Ông ta giấu không cho tôi biết gì, một cách cố ý.

Tôi nghĩ mình sắp nôn, nhưng không nôn. Một lúc sau tôi xuống nhà. *Mất bình tĩnh là thua trận một nửa*, Reenie vẫn thường nói thế. Richard đang ng ẫ ở hiên sau với cốc gin pha tonic trên tay. Winifred thật chu đáo vì đã sắp sẵn gin để dành, ông ta đã kịp nói thế, hai lần. Một ly nữa đã rót, chờ tôi trên bàn nước thấp sát uốn mặt thủy tinh trắng. Tôi cần ly lên. Đá va vào pha lê lạnh tanh. Giọng tôi cũng phải nghe như thế.

“Chúa ơi,” Richard nói, nhìn lên tôi. “Tôi cứ tưởng mợ lên rửa mặt cơ đấy. Mất mợ sao thế?” Mất tôi chắc đỏ.

“Cha mất r ẫ,” tôi nói. “Nhà đánh năm bức điện. Cậu không h ề nói với em.”

“*Mea culpa*^[25],” Richard nói. “Tôi biết lẽ ra phải nói, nhưng tôi muốn tránh cho mợ khỏi lo buồn, mợ yêu à. Chẳng làm được gì nữa, mà ta cũng chẳng về dự đám tang kịp, nên tôi không muốn làm hỏng cả chuyến đi của mợ. Tôi nghĩ là tôi cũng ích kỷ nữa - tôi muốn chiếm lấy toàn bộ mợ cho mình, một lát thôi cũng được. Bây giờ thì ng ẫ xuống đây mạnh mẽ lên, r ẫ uống đi, và tha thứ cho tôi nhé. Sáng mai mình sẽ bàn chuyện này sau.”

Sức nóng làm đầu chao đảo; bãi cỏ nơi nắng chiếu vào xanh đến vằng vặc. Bóng râm dưới gốc cây đặc như hắc ín. Giọng Richard vang đến tôi từng đợt ngắt quãng, như đánh Morse: tôi chỉ nghe thấy vài từ.

Lo buồn. Kịp. Hỏng cả. Ích kỷ. Tha thứ cho tôi.

Tôi còn đáp lại thế nào?

CÁI MŨ VỎ TRÚNG

Giáng sinh đã đến rồi đi. Tôi cố không nhận thấy. Nhưng chẳng ai xua đuổi nổi Myra. Cô ả mang cho tôi một cái bánh mận hấp nhỏ tự làm lấy, chắc hẳn bằng rỉ mật và keo trám khe nứt, trên cắm những quả anh đào cao su bồ đôi, đỏ chót như núm che vú các cô nàng múa thoát y kiều cô, cùng con mèo gỗ phẳng sơn màu đội vòng hào quang đeo cánh thiên thần. Cô bảo rằng lũ mèo này đang gây sốt ở Nhà Bánh Gừng đấy, rằng cô thấy chúng xinh xẻo hết sức, rằng cô còn thừa một con, rằng cái vết rạn nhỏ tí xíu này nhìn qua chẳng ai thấy đâu, và rằng treo trên tường, bên trên cái lò của tôi sẽ rất ư là hợp.

Chọn chỗ khéo đấy, tôi bảo cô. Trên là thiên thần, mà lại là thiên thần ăn thịt nữa - đáng ra họ phải thú nhận từ lâu rồi mới phải! Dưới là lò lửa, như mọi ngu ần tin đáng tin đều xác nhận. Rồi là cả lũ chúng ta ở giữa, kẹt trong Trung Địa, đứng t ầm chảo rán. Myra tội nghiệp rất hoang mang, như mỗi lần phải nghe trò chuyện thần học. Cô nàng muốn nhìn nhận Chúa đơn giản - đơn giản và sống sượng, như củ cải.

Cái mùa đông chờ đợi mãi rồi cũng đến đúng đêm giao thừa - một đêm lạnh cóng, tiếp sau là cơn tuyết rơi chưa từng thấy sáng hôm sau. Nhìn ra cửa sổ thấy tuyết vù vù lượn xuống, hết xô này đến xô khác, cứ như Chúa đang trút xộp giắt trong màn chung kết một cuộc thi hoa khôi nhí. Tôi bật kênh thời tiết để ngắm bức tranh toàn cảnh - đường bị tắc, xe bị vùi, cột điện đổ, kinh doanh đình trệ, phu làm đường mặc áo bảo hộ thùng thình, lạch bạch như một lũ trẻ con ngoại cỡ đội áo ấm ra đường chơi. Suốt trong lúc đưa tin về cái được uyển ngữ gọi là “tình trạng hiện tại”, các chàng nàng thời tiết đều giữ cái vẻ lạc quan tự đắc, thói quen của họ trong bất kỳ thảm họa nào có thể tưởng tượng nổi. Họ có cái vẻ lông bông vô tư lự như ca nhân cung đình hay thầy bói hội chợ, như người chào hàng bảo hiểm hay chuyên gia chứng khoán - thả cửa dự đoán choang choang, hiểu thừa những đi ều họ nói chả mấy có khả năng thành hiện thực.

Myra gọi điện xem tôi có sao không. Cô nói Walter sẽ qua ngay khi tuyết ngừng rơi, để dọn lối cho tôi ra khỏi tuyết.

“Bu ồm cười ghê, Myra,” tôi phản bác. “Tôi hoàn toàn có thể tự dọn tuyết được mà.” (Nói điều đấy - tôi chẳng hề có ý định nhấc tay. Tôi đã tích trữ kha khá bơ lạc, thừa sức đợi đến ngày tuyết tan. Nhưng tôi đang muốn có bạn b ầu, và nguy cơ tôi hành động thường đẩy nhanh sự có mặt của Walter.)

“Bà đừng có c ần đến xẻng đấy!” Myra hét. “Năm nào cũng có hàng trăm người già - người ở tuổi bà chết vì nh ấ máu cơ tim khi xúc tuyết r ấ! Mà nếu mất điện bà nhớ chọn chỗ cắm nến cẩn thận đấy!”

“Tôi đã lẫn đâu,” tôi vặc lại. “Nếu tôi có đốt nhà thì đấy sẽ là do cố ý.”

Walter đến, Walter xúc tuyết. Cậu ta mang theo túi giấy đ ầy bánh vòng; chúng tôi ng ấ ăn ở bàn bếp, tôi ăn dè chừng, Walter nuốt chửng từng cái, tr ầm ngâm. Với người như cậu ta nhai là một cách ng ẫm nghĩ.

Trở lại trong tôi lúc đó là tấm biển vẫn treo cửa sổ qu ầy bánh vòng Bông Tơ, ở công viên giải trí Sunnyside, vào - bao giờ nhỉ? - mùa hè năm 1935:

Bạn hỡi, trên đường đời,

Nhắm đích nào đi nữa,

Hãy nhìn cùi bánh dày,

Đừng nghĩ v ề cái lỗ.

Nghịch lý thay, cái lỗ bánh vòng. Ngày xưa chỉ là khoảng trống, nhưng nay người ta đã tìm được cách đem cả nó ra tiếp thị. Một đại lượng âm; *chẳng có gì*, lại biến thành ăn được. Tôi tự hỏi liệu có thể dùng nó - như một ẩn dụ, tất nhiên - mà biểu thị sự t ồn tại của Chúa được chẳng. Gọi tên một khối rỗng có đưa nó vào hiện hữu?

Ngày hôm sau tôi li ều ra khỏi nhà, giữa những đụn tuyết lạnh lóng lánh. R ồ đại thật, nhưng tôi muốn hòa mình - tuyết quyến rũ biết mấy, chừng nào chưa r ỏ mặt và bám muội. Bãi cỏ trước nhà tôi là một vạt tuyết l ờ mề h ần, có đường h ầm đục xuyên qua, như dãy Alps. Tôi ra được đến hè, tới

đó thì ổn, nhưng đi về phía Bắc thêm vài nhà nữa người ta không dọn dẹp kỹ lưỡng đến như Walter, tôi bị kẹt vào đụn tuyết đóng, loạn choạng, trượt chân, ngã xuống. Không bị gãy hay trẹo gì - tôi nghĩ là không - nhưng tôi không dậy nổi. Tôi cứ nằm trong tuyết, chân tay khua khoắng, như con rùa lật ngửa. Trẻ con cũng hay làm thế, nhưng là cố tình - đập tay như chim, làm thiên thần tuyết. Chúng coi đó là trò vui.

Khi tôi bắt đầu lo bị hạ thân nhiệt thì có hai người lạ đi qua vực dậy và khênh tôi về tận cửa. Tôi chập chững vào đến phòng khách rồi ngồi sụp xuống ghế bành, ủng ngoài áo khoác vẫn nguyên. Đánh hơi thấy tai họa xuyên không gian, như thường tình vẫn thế, Myra đảo tới, mang theo nửa tá bánh ngọt sừng phồng còn thừa từ cỗ nướng bánh gia đình nào đó. Cô đổ bình nước nóng cho tôi chườm và pha ít trà, rồi bác sĩ được mời tới, và cả hai lính quính xung quanh, trút xuống đầu tôi một tràng cần dặn hữu ích thêm những cái chặc lưỡi nhiệt tình và hăm dọa, cảm thấy rất đối đãi lòng về bản thân.

Thế là giờ tôi bị phạt ngồi nhà. Lại thêm tức giận mình kinh khủng. Hoặc đúng hơn không phải giận mình - giận cái đờn xấu xa mà cơ thể giáng cho mình. Đã xộc vào cuộc sống của chúng ta rồi, như một kẻ tội cùng vị kỷ, đã làm toáng lên về mỗi nhu cầu của nó, đã ấn vào tay ta những ham muốn dơ bẩn hiểm nghèo của nó, cơ thể dùng đến mảnh cuối cùng là đơn giản lặn đi. Đúng khi ta cần nó, đúng khi ta có việc nhờ đến một cánh tay hay một cẳng chân, bỗng nhiên cơ thể lại đi bận bịu vào việc khác. Nó loạn choạng, nó gãy gập; nó tan đi như thân mình người tuyết, còn lại chẳng là mấy. Hai cục than, cái mũ cũ, cái miệng cười bằng sỏi. Xương bằng củi khô, sờ đâu gãy đó.

Đúng là tuyên chiến, những trò này. Đầu gối lầy bầy, khớp xương viêm, tĩnh mạch giãn, tật bệnh, sỉ mạ - chúng đâu thuộc về ta, ta đâu có muốn hay mời gọi chúng. Trong đầu ta hình dung ta hoàn thiện - ta trong độ tuổi đẹp nhất, từ góc nhìn đẹp nhất: chẳng bao giờ bị bắt chộp trong những tư thế lóng ngóng, một chân ngoài xe, chân kia vẫn trong, hay đang xỉa răng, hay đang gù người, hay đang gãi mũi gãi móng. Nếu mình trăn, thì đang duyên dáng nằm nghiêng sau khối sương mờ ảo, và các ngôi sao màn bạc có ích là

ở đây: họ sắm những tư thế đó làm mẫu. Họ là phiên bản tuổi trẻ của ta đang ngày một lùi xa, tỏa sáng, biến thành huyền hoặc.

Hồi nhỏ Laura vẫn nói: *Lên Thiên đường, em sẽ bao nhiêu tuổi?*

Laura đang đứng trên thềm trước Avilion, giữa hai bình tro đá bỏ chẳng trông hoa, đợi chúng tôi. Dù người cao, trông nó vẫn rất nhỏ, rất mong manh và cô độc. Lại thêm rất nhà quê, rất bần cùng. Nó mặc áo trong nhà màu lam nhạt in những con bướm hoa cà đã phai - áo của tôi, ba mùa hè trước - chân không giày không tất. (Đây là một màn hành xác mới chăng, hay chỉ là lập dị, hay đơn giản là nó quên?) Tóc nó tết thành một bím, vắt qua vai, như cô tiên nữ đá trong ao sùng.

Có Chúa biết nó đã đứng đó từ lúc nào. Chúng tôi không báo được chính xác giờ giấc đến, vì chúng tôi về bằng xe, tranh thủ mùa này: đường sá chưa bị ngập nước hay bùn lên đến trục bánh, vài con đường lúc đó thậm chí đã lát gạch.

Tôi nói *chúng tôi* vì Richard cũng về cùng. Ông ta nói ông ta không đời nào để tôi đi một mình đối diện với việc như thế, thời điểm này lại càng không. Ông ta sẵn đón ngoài mức bình thường.

Ông ta tự lái xe về, chiếc hai chỗ nhỏ màu lam - một trong những món đồ chơi mới. Trong cốp xe là hai cái va li, loại nhỏ, chỉ sắp đủ dùng một đêm - của ông ta bằng da nâu, của tôi màu vàng xi rô chanh. Tôi mặc bộ vét lạnh màu vỏ trứng - nhắc tới thì phù phiếm, tất nhiên, nhưng đây là hàng Paris và tôi ưa hết sức - và biết đằng lưng sẽ nhả hết một khi đến nơi. Giày vải lạnh, dính nơ vải cứng và hở mũi. Cái mũ vỏ trứng đồng màu đặt trên đầu gối như một hộp quà thanh tú.

Khi lái xe Richard thường cúi kính. Ông ta không thích bị làm phiền - ông ta bảo không muốn mất tập trung - nên chúng tôi nói chung yên lặng suốt quãng đường. Chuyến đi ngày đó mất hơn bốn tiếng, ngày nay thì chỉ còn hai. Trời rất trong, lại sáng và phẳng như kim loại; nắng trút xuống như dung nham. Khí nóng lửng lơ bay lên từ nhựa đường; các thị trấn nhỏ đầu đông cửa tránh nắng, rèm kéo kín. Tôi vẫn nhớ những bãi cỏ nắng sém và cột hàng hiên quét vôi trắng, cùng những trạm xăng nằm lẻ loi, cột bơm

xăng như những con rô bốt hình trụ một tay, nóc thủy tinh như mũ quả dưa thiếu vành, và những nghĩa trang nhìn như không bao giờ còn chôn thêm ai nữa. Thi thoảng sẽ gặp một cái hồ, phủ lại mùi cá tuế chết trương và tảo âm ỉm.

Xe đánh vào sân, Laura không vẫy. Nó cứ đứng chờ trong lúc Richard đổ lại rồi loay hoay chui ra, rồi đi vòng sang mở cửa xe bên tôi. Tôi đang đưa cả hai chân ra ngoài, đùi khép lại như được dạy, và giờ tay nắm lấy bàn tay chìa ra của Richard, thì Laura thành linh tỉnh lại. Nó chạy xuống thềm nắm lấy cánh tay kia lôi tôi ra khỏi xe, không ngó ngang mảy may đến Richard, và vòng tay ôm lấy tôi, bám chặt như người chết đuối. Không hề khóc, chỉ có cái ôm muốn gãy đôi người.

Cái mũ vỏ trứng rơi xuống mặt sỏi và Laura giẫm chân lên. Có tiếng vỡ lọ xạo, tiếng Richard hít mạnh. Tôi không nói gì. Giây phút đó tôi không còn nghĩ đến cái mũ.

Tay quàng hông nhau, Laura và tôi lên thềm vào trong nhà. Reenie hiện ra giữa cửa bếp ở đầu kia hành lang, nhưng chị ý tứ để chúng tôi một mình với nhau lúc đó. Tôi đoán chị đã quay sang chăm sóc Richard - rót rượu hay làm gì đó đánh lạc hướng ông ta.Ồ, tất nhiên ông ta sẽ muốn xem xét căn nhà và lượn một vòng quanh khuôn viên chứ, vì nay ông ta về cơ bản đã thừa hưởng nơi này.

Chúng tôi lên thẳng phòng Laura ngã lên giường nó. Chúng tôi nắm chặt hai tay nhau - bàn tay trái trong bàn tay phải. Laura không khóc như khi gọi điện. Ngược lại nó tỉnh như không.

“Lúc ấy cha ở trên tháp,” Laura nói. “Cha khóa cửa ở trong.”

“Như mọi lần,” tôi nói.

“Nhưng lần này không thấy ra. Reenie để khay thức ăn ngoài cửa như mọi khi, nhưng cha không ăn gì, cũng không uống gì - hoặc là nhìn thì không thấy. Nên mọi người phải phá cửa vào.”

“Em và Reenie à?”

“Bạn trai của Reenie đến - Ron Hincks - cái anh chị ấy sắp lấy đó. Anh ấy phá cửa vào. Thấy cha nằm trên sàn. Cha nằm đó ít nhất phải hai ngày rồi, bác sĩ bảo thế. Trông cha thảm lắm.”

Tôi chưa hề nhận thấy Ron Hincks là bạn trai Reenie - thậm chí là chồng chưa cưới. Chuyện này diễn ra từ bao giờ, và làm sao tôi lại không nhìn ra?

“Cha chết rồi, phải em định nói thế không?”

“Đầu tiên em không nghĩ thế, vì mắt cha vẫn mở. Nhưng rõ ràng là cha chết rồi. Trông cha... Em không thể tả được là trông cha thế nào. Cứ như là cha đang lắng nghe cái gì đó, cái gì đó vừa làm cha giật mình. Trông cha có vẻ *cảnh giác*.”

“Cha bị bắn không?” Tôi không biết sao mình lại hỏi thế.

“Không. Chỉ là chết thôi. Báo thì viết là do những nguyên nhân tự nhiên - *thình lình, do những nguyên nhân tự nhiên*, chính xác là thế - chị Reenie bảo bà Hillcoate là nguyên nhân tự nhiên cũng đúng thôi, vì rượu chè đã thành bản chất tự nhiên của cha rồi, mà nhìn đống chai rỗng thì số rượu cha uống quật ngã cả ngựa ấy chứ.”

“Cha uống đến chết,” tôi nói. Đây không phải là câu hỏi. “Chuyện xảy ra bao giờ?”

“Ngay sau khi tuyên bố đóng cửa vĩnh viễn các nhà máy. Chính chuyện đó đã giết chết cha. Em biết mà!”

“Cái gì?” tôi hỏi. “Sao lại đóng cửa vĩnh viễn? Nhà máy nào?”

“Tất cả nhà máy,” Laura nói. “Tất cả của mình. Mọi thứ của nhà mình trong thị trấn. Em tưởng chị phải biết rồi chứ.”

“Chị không biết,” tôi nói.

“Tất cả đã bị sáp nhập với bên Richard. Mọi thứ chuyển hết về Toronto rồi. Bây giờ chỉ còn là Công ty hoàng gia hợp nhất Griffen-Chase thôi.”

Không còn *Con trai* nữa, thế đấy. Richard đã xóa sạch tất cả.

“Có nghĩa là không còn việc làm,” tôi nói. “Cho thị trấn. Hết cả r ấ. Quét sạch r ấ.”

“Họ bảo đây là vấn đề chi phí. Sau khi nhà máy cục bị đốt - họ nói xây lại thì tốn quá nhiều tiền.”

“*Họ* là ai?”

“Em không biết,” Laura nói. “Không phải Richard à?”

“Thỏa thuận đâu phải thế,” tôi nói. Tôi nghiệp cha - tin tưởng vào những bắt tay và lời hứa danh dự và những giả định bất thành văn. Tôi đang d ần ngộ ra mọi chuyện bây giờ không đi theo cách ấy nữa. Cũng có thể chưa bao giờ.

“Thỏa thuận gì cơ?” Laura hỏi.

“Bỏ qua đi.”

Vậy là tôi lấy Richard chẳng vì cái gì - tôi không cứu được các nhà máy, và hiển nhiên không cứu được cha. Nhưng vẫn còn Laura; nó chưa bị quăng ra đường. Tôi phải nghĩ tới đi ầu ấy. “Cha có để lại gì - thư từ hay lời nhắn không?”

“Không.”

“Em có tìm không?”

“Reenie có,” Laura nói nhỏ; có nghĩa là nó không đủ sức làm chuyện ấy.

Dĩ nhiên r ấ, tôi nghĩ. Reenie sẽ tìm. Và nếu quả thực có gặp thứ gì như thế, chị cũng đã đốt đi.

PHẢI BẢ

Nhưng hẳn cha không để lại gì đâu. Chắc ông phải hiểu các hậu quả tì ền tàng. Hẳn ông không muốn bị kết luận là tự tử, bởi như sau đó phát hiện ra, ông có mua bảo hiểm tính mạng: ông đã đóng tì ền suốt nhì ều năm, nên không ai có thể buộc tội ông bố trí vào phút cuối. Ông đã định liệu rất chặt - số tì ền sẽ gửi thẳng vào quỹ ủy thác, chỉ có Laura được dùng, và chỉ khi nó đã tròn hai một. Chắc lúc đó ông đã bắt đầu ngờ vực Richard, và đoán rằng để lại chút nào cho tôi sẽ chẳng lợi gì. Tôi vẫn chưa đến tuổi thành niên, và lại là vợ Richard. Luật h ể ấy khác nhì ều. Cái gì là của tôi cũng là của ông ta, về mọi mặt.

Như đã nói, tôi nhận được các huy chương của cha. Vì cái gì? Lòng dũng cảm. Gan dạ trước lu ồng đạn. Cao quý xả thân. Tôi nghĩ đấy là đòi hỏi tôi sống xứng với chúng.

Mọi người trong thị trấn đều đến dự đám tang, Reenie nói. Ừ thì gần như mọi người, bởi cũng còn lại tương đối nhì ều hạm hực ở một số thành phần, nhưng dù gì thì cha cũng được kính trọng, và đến lúc này người ta đã biết không phải là ông đóng cửa vĩnh viễn các nhà máy đơn giản thế. Người ta đã biết ông không can dự vào việc đó - ông không can được, chỉ thế thôi. Chính đám đại phú đã đốn ngã ông.

Mọi người trong thị trấn đều thương cảm Laura, Reenie nói. *(Còn tôi thì không thì không được nói ra. Trong mắt họ, tôi đã vơ hết phần chiến lợi phẩm. Những chiến lợi phẩm như thế đấy.)*

Richard đã thu xếp thế này:

Laura sẽ tới sống với chúng tôi. Có gì đâu, cái đó là tất nhiên: nó không thể sống ở Avilion một mình, nó mới mười lăm tuổi.

“Em có thể ở với Reenie,” Laura nói, nhưng Richard nói phương án đó không đặt ra. Reenie sắp lấy chồng; chị sẽ không có thời gian chăm sóc Laura. Laura nói mình không cần ai chăm sóc, nhưng Richard chỉ cười.

“Reenie có thể cùng đến ở Toronto,” Laura nói, nhưng Richard nói chị không muốn đi. (Richard không muốn chị đi. Ông ta và Winifred đã cắt đặt xong nhân sự mà họ coi là thích hợp để cai quản nhà cửa - những người rành đường rẽ lối, ông ta nói. Có nghĩa là đường lối của Richard, và cũng là của Winifred.)

Richard nói mình đã bàn bạc xong với Reenie, đi đến thỏa thuận đẹp lòng đôi bên. Reenie và chồng mới cưới sẽ đóng vai trò quản đốc cho chúng tôi, ông ta nói, coi sóc việc tu sửa - Avilion sắp tan rã đến nơi, có rất nhiều thứ phải sửa sang lại, bắt đầu từ mái nhà - và như thế hai vợ chồng cũng tiện sửa soạn ngôi nhà bất cứ lúc nào chúng tôi cần, vì đây sẽ trở thành nhà nghỉ mùa hè. Chúng tôi sẽ quay về Avilion bơi thuyền và nghỉ ngơi, ông ta nói, lấy giọng một ông chủ nông chiều. Như vậy, Laura và tôi sẽ không bị tước mất ngôi nhà chôn nhau cắt rốn của mình. Ông ta nói *ngôi nhà chôn nhau cắt rốn* và cười mỉm. Chúng tôi không thích sao?

Laura không nói cảm ơn. Nó giương mắt nhìn lên trán Richard, với vẻ vô cảm đã hoàn thiện từ thời đối phó với thầy Erskine, và tôi thấy trước sẽ có nhiều phiền phức.

Richard và tôi sẽ về Toronto bằng xe, ông ta nói, khi nào mọi chuyện xong xuôi. Đầu tiên ông ta phải gặp các luật sư của cha, việc này chúng tôi không cần tham dự: sẽ quá đau lòng cho chúng tôi, xét theo những sự kiện gần đây, và ông ta muốn nương nhẹ chúng tôi chừng nào hay chừng ấy. Trong số luật sư có một người là thông gia về đằng mẹ chúng tôi, khi ở riêng Reenie cho biết - chồng của một bà chị cháu cô cháu cậu thì phải - nên chắc chắn ông ấy sẽ để mắt.

Laura thì sẽ ở lại Avilion đến khi Reenie giúp nó dọn đồ xong, rồi đi tàu lên thành phố, sẽ có người đón ở ga. Nó sẽ sống cùng trong nhà chúng tôi - còn một phòng ngủ trống cực kỳ hợp với nó, sau khi trang trí lại. Và nó sẽ đi học - tốt cuộc - ở một trường tử tế. Trường Thánh Cecilia là nơi ông ta chọn, sau khi tham khảo Winifred, vốn rất am hiểu mấy chuyện này. Laura có thể cần bồi dưỡng thêm, nhưng ông ta đoán chắc tất cả sẽ dần dần đi vào nề nếp. Như thế này nó sẽ có thể giành được những lợi ích, những ưu thế...

“Những ưu thế của cái gì?” Laura hỏi.

“Của địa vị dì,” Richard đáp.

“Tôi không thấy mình có địa vị gì,” Laura nói.

“Dì nói thế có nghĩa là thế nào?” Richard hỏi, bốt ngọt nhạt hơn.

“Iris mới là người có địa vị,” Laura nói. “Chị ấy mới là bà Griffen. Tôi chỉ là ăn theo.”

“Tôi hiểu là dì phiền muộn, đấy là hợp lý,” Richard đáp cứng nhắc, “trong hoàn cảnh đáng buồn như thế này, tất cả mọi người ai cũng đau lòng, nhưng không việc gì phải xử sự khó chịu. Đối với Iris và tôi cũng không dễ dàng gì. Tôi chỉ cố gắng làm những gì tốt nhất cho dì trong khả năng mình.”

“Ông ta nghĩ em sẽ cản đường,” Laura nói với tôi tối hôm đó, trong bếp, nơi chúng tôi xuống trốn Richard. Thật khổ tâm cho chúng tôi phải nhìn ông ta đi quanh nhà lên danh sách - cái gì vứt đi, cái gì sửa, cái gì thay. Nhìn, và phải im lặng. *Hắn ta cứ làm như mình là chủ cái nhà này*, Reenie phẫn nộ nói. *Nhưng đúng là thế*, tôi đáp lại.

“Cản đường gì?” tôi nói. “Chị tin là ông ta không có ý đó đâu.”

“Cản đường ông ta,” Laura nói. “Cản đường hai người.”

“Rồi mọi chuyện sẽ êm đẹp cả thôi,” Reenie nói. Chị nói câu đó như thủ tục. Giọng chị kiệt quệ, không còn tin tưởng, và tôi nhận ra không thể trông đợi chị giúp đỡ gì hơn. Trong bếp đêm ấy trông chị già, khá bệu, và xuôi hẳn. Như chúng tôi rồi sẽ thấy, chị đã mang Myra trong bụng. Chị đã để mình bị cuốn đi. *Chỉ có bụi mới bị cuốn đi, và chỉ có cuốn thẳng vào sọt*, chị vẫn thường nói thế, nhưng giờ chị đã vi phạm chính châm ngôn của mình. Đầu óc chị lúc ấy chắc đã để vào những chuyện khác, ví như chị có chốt nổi vụ hôn nhân này không, và nếu không, sẽ phải làm gì? Thời buổi khó khăn, đã hẳn. Chẳng có gì ngăn giữa đủ ăn và thảm họa: nếu trượt là sẽ ngã, và nếu ngã sẽ vùng vẫy và chìm ngấm. Chị sẽ phải khó lắm mới tìm

được cơ hội khác, vì kể cả nếu có lính đi xa để sinh đứa bé rồi đem cho, tiếng xấu cũng sẽ đồn xa và người thị trấn chẳng bao giờ quên những chuyện loại ấy. Chẳng khác gì chị treo biển trước nhà: sẽ có một hàng dài chờ trước cửa. Khi người đàn bà đã dễ dãi một lần, xung quanh sẽ tận tình đẩy cô theo đường ấy. *Sữa biểu không thì sao phải tốn tiền bỏ*, chị chắc đang nghĩ vậy.

Thế nên chị đã bỏ chúng tôi, đã sang tay chúng tôi. Nhiều năm ròng chị đã làm hết sức mình, và bây giờ không còn sức nữa.

Trở lại Toronto, tôi chờ Laura tới. Đợt nóng vẫn triền miên. Thời tiết ẩm ương, trán dấp mồ hôi, nước dội vội trước giờ gin pha tonic ở hiên sau, nhìn ra khu vườn úa. Không khí như lửa lỏng; cái gì cũng oạt xuống hoặc vàng đi. Trong phòng ngủ có cái quạt kêu như ông già gấn chân gỗ leo cầu thang: tiếng huýt khò khè, tiếng gõ cọc, lại tiếng huýt. Những đêm nặng trĩu không sao tôi nhìn lên trần trong lúc Richard bận rộn thi hành việc ông ta.

Ông ta phải bảo tôi rồi, ông ta nói thế. *Phải bỏ* - cứ như là ông ta trúng thuốc. Cứ như ông ta sẽ không bao giờ thấy tôi như thế nếu ông ta tỉnh táo và làm chủ lý trí mình.

Tôi nhìn mình trong gương, tự hỏi, Ở mình có cái gì? Có cái gì mà chuốc bỏ? Gương cao bằng người: tôi cố tìm cách nhìn mình từ đằng sau, nhưng tất nhiên không ai làm được. Không ai có thể thấy mình như mình hiện ra trong mắt người khác - trong mắt một người đàn ông, ở phía sau, khi ta không biết - bởi trong gương đầu ta luôn vặn lại trên vai. Một tư thế nũng nịu và mời gọi. Cũng có thể cặm một gương nữa để nhìn sau lưng, nhưng lúc đó sẽ chỉ nhìn thấy cái đê-tai ưa thích của bao nhiêu đời họa sĩ - Cô Gái Soi Gương, được coi là ẩn dụ cho tính phù phiếm. Cho dù đây không hẳn là phù phiếm, mà ngược lại: là cuộc kiếm tìm nhược điểm. *Ở mình có cái gì?* thật dễ trở thành *Mình có gì không ổn?*

Richard nói đàn bà có thể phân loại thành táo và lê, căn cứ vào hình dáng bộ mông. Tôi là một quả lê, ông ta nói, nhưng là quả lê chưa chín. Ông ta

ưa thích tôi chính là vì thế - còn xanh, còn rắn. Tôi nghĩ ông ta nói chủ đề
mông, nhưng cũng có thể là toàn bộ phần còn lại.

Sau khi tắm, nhổ sạch lông mới nhú, chải chuốt tóc tai, bây giờ tôi để ý dọn
không còn lại chút lông tóc nào trên sàn. Tôi nhặt những mảnh đóng trong
lỗ thoát nước bồn tắm hay bồn rửa và giặt nước trôi, bởi Richard từng
nhận xét lửng lơ rằng đàn bà đi đến đâu để tóc lại đến đó. Như thú mùa
rụng lông, hàm ý vậy.

Làm sao ông ta biết? Làm sao ông ta biết, về áo và lê hay về lông tóc
rụng? Những người đàn bà ấy, những đàn bà lạ ấy là ai? Ngoài một nỗi tò
mò hời hợt, tôi không quan tâm mấy.

Tôi cố tránh nghĩ về cha, về cái chết của cha, về những gì có thể ông đã
trải qua trước đó, và về những cảm xúc trong lòng ông, và mọi đi đâu
Richard cảm thấy không đáng kể cho mình.

Winifred lúc nào cũng xảnh xái. Dù trời nóng trông chị ta vẫn mát, quần
mình trong những vải vóc nhẹ như gió thoảng, như nhại dạng một bà tiên
đỡ đầu. Richard cứ nhắc đi nhắc lại rằng chị ta thật tuyệt diệu và rằng chị ta
đã giải phóng tôi khỏi bao nhiêu vất vả cùng lo toan, nhưng chị ta càng lúc
càng khiến tôi bất an. Chị ta đến rồi đi liên tục; tôi không biết lúc nào thì
chị ta xuất hiện, lộ đầu qua cửa với nụ cười lệ làng. Chỗ ẩn náu duy nhất
của tôi là phòng tắm, nơi tôi có thể khóa cửa mà không tỏ ra vô lễ quá
đáng. Chị ta đang đi đâu khiến chặng cuối của công chuyện trang hoàng nhà
cửa, đặt mua đồ đạc cho phòng Laura. (Bàn phấn phủ khăn xếp nếp, in hoa
màu hồng, rèm với ga giường đồng bộ. Gương khung vòng xoắn trắng,
điểm vàng cho nổi. Hợp với Laura quá thôi, tôi có nghĩ thế không? Tôi
không nghĩ thế, nhưng nói ra cũng chẳng ích gì.)

Chị ta cũng đang thiết kế cái vườn; chị ta đã kịp vạch xong vài mẫu - chỉ là
vài ý tưởng nho nhỏ thôi, chị ta nói, đẩy mấy tờ giấy về phía tôi, rồi lại
kéo về, đặt trả cẩn thận vào cặp giấy đã phồng căng những ý tưởng nho
nhỏ khác. Đài phun nước cho vào sẽ đẹp lắm, chị ta nói - cho có nét Pháp,
nhưng phải là hàng thật. Tôi nghĩ thế không?

Tôi mong Laura đến. Ngày nó tới đã bị hoãn ba lần rồi - nó chưa dọn đồ xong, nó bị cảm, nó đánh mất vé. Tôi nói chuyện với nó qua máy điện thoại màu trắng; giọng nó dè dặt xa cách.

Hai người hầu đã nhận việc, một đầu bếp kiêm quét dọn mặt mày cầu cạo và một gã to con cầm xẻ đóng vai làm vườn và lái xe. Họ tên là Murgatroyd, nghe nói là hai vợ chồng, nhưng nhìn như hai anh em. Họ có vẻ nghi kỵ tôi, và tôi cũng đáp lễ tương xứng. Ban ngày, khi Richard tới văn phòng còn Winifred ẩn hiện khắp nơi, tôi cố thoát ra ngoài càng nhiều càng tốt. Tôi sẽ nói mình vào phố - đi sắm đồ, tôi bảo vậy, đấy là một lý do được chấp nhận trong số những lựa chọn tiêu khiển. Tôi sẽ yêu cầu được thả ở trung tâm mua sắm Simpsons, bảo tài xế tôi sẽ bắt taxi về Rồi tôi sẽ vào trong, mua đồ thật chóng - tất dài và găng tay luôn là bằng chứng đáng tin cậy về đam mê mua sắm của tôi. Rồi tôi sẽ đi bộ qua hết trung tâm và ra cửa đối diện.

Tôi trở lại những thói quen xưa - lang thang vô định, ngắm soi các cửa kính bày hàng, các áp phích phim. Tôi còn vào rạp xem phim nữa, một mình; tôi không còn hải lý đàn ông hay mò mẫm; tội này đã đánh mất ánh ma quỷ và thuật bao quanh chúng, một khi tôi đã hiểu trong đầu chúng muốn gì. Tôi không ham hồ có thêm cái đó - cái bám víu, cái sờ soạng mê mẩn đó. *Rút tay lại không tôi gào lên bây giờ là đủ*, miễn là quyết tâm giữ lời. Có vẻ chúng biết tôi sẽ giữ lời. Joan Crawford là ngôi sao yêu thích của tôi hồi đó. Đôi mắt tổn thương, cái miệng giết người.

Đôi khi tôi đến Bảo tàng hoàng gia Ontario. Tôi nhìn ngắm nào áo giáp, nào động vật nhũn, nào những món nhạc cụ cổ lỗ. Cái này chẳng giúp ích gì nhiều. Có khi tôi đến quán Bánh kẹo Diana làm một ly xô đa hay một tách cà phê: đấy là một trà quán hạng sang ngay đối diện trung tâm thương mại, được các bà khá chuộng, và ít có nguy cơ bị giai lạc làm phiền. Có khi tôi đi dạo qua công viên Nữ hoàng, nhanh nhẹn và quả quyết. Nếu chậm quá, thế nào cũng có gã nào hiện ra. *Thốt tanh ruồi tới*, Reenie thường nhạo một cô nàng nào đấy. *Cô ta phải phải chúng đi*. Một lần, một gã giở trò khoe hàng, ngay trước mặt tôi, ngang tầm mắt. (Tôi đã ngốc nghếch đi ngủ trên một băng ghế ở góc khuất, trên sân trường đại học.) Hắn ta cũng không phải loại lang thang, ăn mặc khá bảnh là khác. “Xin lỗi anh,” tôi nói

với hắn ta, “nhưng không phải thứ tôi thích.” Trông hắn ta thất vọng làm sao. Chắc hẳn hắn tưởng tôi sẽ xỉu.

Về lý thuyết tôi muốn đi đâu có thể đi tùy ý, về thực tế, có những rào chắn vô hình. Tôi chỉ đi trong những phố lớn, những khu sang trọng: ngay cả trong vòng kiềm tỏa ấy, cũng không có thật nhiều nơi tôi cảm thấy không bị câu thúc. Tôi ngắm nhìn người khác - không mấy nhìn đàn ông, chủ yếu là phụ nữ. Họ có gia đình chưa? Họ đang đi đâu? Họ có việc làm? Nhìn họ tôi không kết luận được gì, trừ giá tiền đôi giày dưới chân.

Tôi thấy mình đã bị nhặt lên rồi đặt xuống một đất nước lạ, nơi mọi người xung quanh nói ngôn ngữ khác.

Đôi lúc có một đôi đi qua, tay trong tay - cười vang, hoan hỉ, tình tứ. Nạn nhân của một vụ lừa ngoạn mục, đồng thời lại cũng là thủ phạm, hoặc ít ra tôi cảm thấy thế. Tôi nhìn theo họ thù hận.

Rồi một hôm - một ngày thứ Năm - tôi thấy Alex Thomas. Anh ta ở bên kia đường, đang chờ đèn xanh. Đây là góc phố Queen cắt phố Yonge. Anh ta xơ xác hơn xưa - sơ mi xanh, như áo thợ thuyền, cái mũ cũ nát - nhưng đúng là anh ta. Trông anh ta bừng sáng, như thể có luồng sáng đang đập xuống anh ta từ một nguồn sáng vô hình nào đấy, khiến anh nổi bật đến đáng sợ. Hiển nhiên ai ai trên phố cũng đều đang quay nhìn anh ta - hiển nhiên họ đều biết anh là ai! Ngay phút này họ có thể nhận ra anh ta, họ sẽ quát, sẽ đuổi bắt.

Thôi thúc đầu tiên đến với tôi là cảnh báo anh. Nhưng rồi tôi hiểu lời cảnh báo ấy dành cho cả hai, bởi vì anh có dính vào rắc rối nào thì bỗng dưng lúc này tôi cũng cùng dính phải.

Tôi có thể không để ý. Tôi có thể quay đi. Như thế là khôn ngoan hơn. Nhưng khôn ngoan chẳng đến với tôi lúc ấy.

Tôi bước xuống hè và bắt đầu qua đường về phía anh ta. Đèn lại chuyển xanh: tôi bị kẹt giữa lòng đường. Xe rú còi, những tiếng la ó, dòng xe cuộn lên. Tôi không biết nên lùi lại hay tiến tới.

Anh ta quay lại, và ban đầu tôi không chắc anh ta có thấy tôi không. Tôi giờ tay, như người chết đuối khẩn cầu cứu vớt. Giây phút đó tôi đã thực hiện hành vi phản bội, trong tim mình.

Đây là phản bội, hay là một việc làm can đảm? Có thể là cả hai. Hai thứ đó đều không thể suy tính trước: những việc kiêu ấy xảy ra trong phút chốc, trong chớp mắt. Và đây chỉ có thể là vì chúng đã được ta diễn lại, hết lần này đến lần khác, trong lặng yên tâm tối; trong cảnh lặng yên và tối tăm đến mức tự ta cũng không nhìn ra. Mù lòa nhưng chắc chắn, ta đưa chân tới, như bước vào bài nhảy đã thuộc lòng.

SUNNYSIDE

Sau đó ba ngày là ngày Laura sẽ tới theo dự định. Tôi đã tự mình lái xe đến ga Thống Nhất đón tàu, nhưng nó không đi chuyến ấy. Nó cũng không còn ở Avilion: tôi gọi cho Reenie hỏi, phải hứng nguyên một trận bùng nổ: chị đã biết thế nào cũng có chuyện như thế, chị biết rõ Laura mà. Chị đã đưa nó đến tận tàu, chị đã gửi trước hòm xiềng và mọi thứ như được dặn, chị đã phòng ngừa đủ cách. Lẽ ra chị phải đi nốt cùng nó đến tận đây, và giờ thì đây! Đã có gã buôn người nào đó cuỗm nó đi mất rồi.

Cái rương của Laura đến đúng lịch, nhưng bản thân con bé có vẻ đã mất dạng. Richard phiền muộn hơn tôi tưởng. Ông ta lo con bé đã bị bắt vệtay những lực lượng vô hình - những kẻ vốn hiềm thù ông ta. Có thể là bọn đỏ, cũng có thể là một tay địch thủ làm ăn bất lương nào đấy: đời có những kẻ đốn mạt như thế đấy. Lũ tội phạm, ông ta ám chỉ, tay chân của đủ loại nhân vật mờ ám - những nhân vật không từ thủ đoạn gì để thao túng ông ta một cách bất chính, muốn thủ lợi nhờ uy tín ngày càng tăng của ông ta trong chính trường. Chẳng mấy nữa sẽ có thư tổng tài gửi đến cho mà xem.

Ông ta nghi ngờ đủ hạng người, vào cái tháng Tám ấy; ông ta nói tất cả chúng tôi cần giương mắt canh phòng. Vừa có một cuộc tuần hành lớn ở Ottawa, vào tháng Bảy - hàng ngàn, hàng chục ngàn người tự xưng là thất nghiệp, đòi hỏi việc làm và hưởng lương hợp lý, đằng sau là những phần tử xúi giục để tìm cách lật đổ chính quyền.

“Tôi cá thằng cu đó có nhúng vào việc này,” Richard nói, nhú mắt nhìn tôi.

“Thằng cu nào?” tôi hỏi, liếc nhìn ra cửa sổ.

“Tập trung vào chứ, mợ yêu. Chiến hữu của Laura đó. Thằng đen sì đó. Thằng bọm trẻ đã đốt trụ nhà máy của cha mợ đó.”

“Nó có cháy trụ đâu,” tôi nói. “Người ta dập lửa kịp thời mà. Hơn nữa người ta chưa bao giờ chứng minh được là anh ta.”

“Hắn ta ù té chạy,” Richard nói. “Chân vắt lên cổ. Theo tôi thế là đủ bằng chứng rồi.”

Những người biểu tình ở Ottawa đã mắc bẫy một kế hoạch hậu trường khôn khéo, do chính Richard đề xuất - ít ra là ông ta nói thế, những ngày này ông ta toàn giao du với những kẻ có sừng mỏ. Đám càn đầu biểu tình đã bị dụ tới Ottawa để “đàm phán chính thức”, lũ bâu xâu còn lại mắc kẹt ở Regina. Đàm phán chẳng đi đến đâu, theo dự định, nhưng rồi đã xảy ra bạo loạn: giới lật đổ bơm căng tình hình, đám đông trở nên mất kiểm soát, thương vong xảy ra. Chính bọn cộng sản đứng đằng sau vụ này, bởi trò mờ ám nào chẳng có chúng nhúng tay, mà ai biết phục kích Laura không phải một trong các trò đó?

Tôi nghĩ Richard đang sôi sùng sục lên chẳng vì cái gì. Tôi cũng sốt ruột, nhưng tôi tin chỉ là Laura đã rẽ ngang đường, vì duyên cớ linh tinh nào đó. Như thế đúng bản tính nó hơn. Nó có thể xuống nhàn ga, quên số điện thoại nhà chúng tôi, có thể đi nhàn đường khác.

Winifred nói cần kiểm tra các bệnh viện xem: Laura có thể đã ốm phải vào viện, hoặc gặp tai nạn. Nhưng không bệnh viện nào thấy cả.

Sau hai ngày lo âu chúng tôi cũng báo cảnh sát, và chỉ mấy chốc, bất chấp Richard phòng ngừa, tin tức đã lên mặt báo. Phóng viên vây bủa vỉa hè trước nhà chúng tôi. Họ chụp ảnh, dù chỉ thấy cửa nhà hay cửa sổ; họ gọi điện; họ năn nỉ xin gặp mặt hỏi chuyện. Cái họ muốn là một vụ bê bối. “Nữ Sinh Thượng Lưu Chạy Theo Tiếng Gọi Tình Yêu”. “Thảm Thê Thi Thê Ở Ga Thống Nhất”. Họ muốn được nghe kể Laura bỏ nhà theo đàn ông có vợ, hoặc bị tóm theo bè lũ vô chính phủ, hoặc chỉ còn là cái xác trong va li gửi ở phòng giữ đồ Sex hoặc chết chóc, hoặc cả hai càng hay - đây là cái họ săn đuổi.

Richard nói chúng tôi cần hòa nhã nhưng kín lời. Ông ta nói chộc tức giới báo chí quá đáng thì cũng không tốt, bởi phóng viên là lũ sâu bọ hẹp hòi chuyên giấm hần thù suốt nhiều năm và chỉ sau này mới lộ ra tính sở, khi người ta sơ hở nhất. Ông ta nói cứ để yên ông ta định liệu.

Trước hết ông ta loan truyền rằng tôi đang gần như suy sụp, và yêu cầu tôn trọng sự riêng tư cũng như thể chất nhạy cảm của tôi. Điều đó làm đám phóng viên có bớt náo động đôi chút; tất nhiên họ sẽ đồn rằng tôi đang mang thai, ngày đó chuyện này vẫn còn được coi trọng tí chút, ngoài ra còn được cho là làm xáo trộn đầu óc thai phụ. Rồi ông ta hứa rằng sẽ có phần thưởng cho ai cung cấp tin tức, dù không nói rõ bao nhiêu. Sau tám ngày có một cú điện thoại ẩn danh: Laura không chết, nó đang làm cho một quầy bánh nướng ở công viên giải trí Sunnyside. Người gọi điện nói nhận ra nó sau khi đọc miêu tả nhân dạng đăng khắp các báo.

Quyết định là Richard và tôi sẽ cùng nhau đi xuống đó đón nó về. Winifred nói chắc hẳn Laura đang rơi vào tình trạng sốc muộn, sau cái chết thiếu đẹp mắt của cha mà chính nó lại tìm thấy ông. Trải qua việc kinh hoàng như thế thì ai cũng phải rối loạn, mà Laura thì vốn thần kinh yếu sẵn rồi. Nhiều khả năng nó còn không biết mình đang nói gì hay làm gì. Đưa về nhà một cái là phải cho ngay một liều an thần mạnh và đưa thẳng đến bác sĩ.

Nhưng quan trọng hơn hết thảy, Winifred nói, là chuyện này không được để lộ ra mảy may. Một đứa trẻ mười lăm tuổi bỏ nhà đi - sẽ khiến nhà mang tiếng xấu. Người ta sẽ nghĩ nó bị đối xử tệ bạc, và đó có thể là trở ngại lớn. Đối với Richard và hoạn lộ thênh thang của ông ta, ý chị ta là vậy.

Sunnyside là nơi mọi người đến nghỉ hè, hồi ấy. Không phải những người như Richard và Winifred - đối với bọn họ nơi này quá nhốn nháo, quá ồn ào náo động. Đu quay, kẹo quế, bia rẻ de, trường bắn vịt, thi sắc đẹp, nhà tắm công: lối giải trí thô tục. Richard và Winifred không đời nào muốn chen vai thích cánh với những cái nách bốc mùi, hay những người đếm từng hào trong túi. Mặc dù tôi không hiểu sao mình phải ra vẻ ta đây đạo đức, bởi tôi cũng chẳng muốn vậy gì hơn.

Bây giờ thì Sunnyside đã đi vào dĩ vãng rồi - đã biến mất dưới đường nhựa cao tốc mười hai làn vào thập kỷ năm mươi, không nhớ năm nào. Đã triệt bỏ từ lâu, cũng như rất nhiều thứ khác. Nhưng tháng Tám năm ấy nó vẫn còn rất tưng bừng nhộn nhịp. Chúng tôi đi chiếc xe bốn chỗ tới, nhưng

phải đỗ lại rất xa bởi xe cộ như nêm, lại thêm dân tình nườm nượp trên vỉa hè và trên mặt đường bụi bặm.

Đó là một ngày kinh khủng, vừa nực nội vừa mờ sương; nóng hơn cả bản lề cửa Địa ngục, như Walter hay nói. Bên trên bờ hồ vờ vẫn một lớp sương mù vô hình nhưng gần như sờ nắm được, kết lại từ mùi nước hoa đã oải và mùi dầu bôi những vai trần rám nắng, quện với khói trên các chảo xúc xích và vị đường cháy khét từ xe kẹo bông. Bước vào đám đông này cũng như nhúng người vào nồi hầm thập cẩm - người ta biến thành một nguyên liệu, người ta thấm phải một vị nào đó. Ngay cả Richard cũng đổ mồ hôi trán dưới vành mũ rộng.

Từ trên cao vang xuống tiếng xèn xẹt kim loại cọ vào nhau, tiếng sầm sập dữ tợn, và một đàn tiếng thét của các bà các cô: tàu lượn siêu tốc. Tôi chưa bao giờ được chơi trò đó, nên cứ há hốc mồm nhìn đến khi Richard nói: “Ngậm miệng lại, mợ yêu ơi, ruồi bay vào miệng bây giờ.” Sau này tôi có nghe một câu chuyện kỳ dị - của ai? Winifred, hiển nhiên rồi; giai thoại kiểu đó chị ta thường ném ra để chứng tỏ mình am hiểu về hiện thực ở đời, ở cõi đời hạ tiện, đằng sau cánh gà. Chuyện kể rằng những cô gái đã rước vạ vào thân - đây là chữ của Winifred, như thể một tay họ đã tự làm ra vạ ấy - rằng những cô gái mắc vạ này thường lên ngai tàu lượn ở Sunnyside, hy vọng nhờ đó có thể bỏ đứa con trong bụng. Winifred cười lớn: *Tất nhiên là không thành công, chị ta nói, mà nếu có nữa, họ sẽ làm gì? Máu ông ọc ra như thế? Tít trên trời cao? Tưởng tượng xem!*

Đi đâu tôi tưởng tượng khi nghe chị ta nói thế là những dải băng màu người ta thường quăng xuống từ tàu viễn dương vào thời điểm ra khơi, tuôn như thác xuống đám người xem đứng dưới; hoặc những dòng dài, dài và đậm màu đỏ, cuộn ra từ tàu và từ những cô gái trên tàu, như sơn hắt ra từ trong xô. Như những vệt mây đỏ son trườn trên trời. Như máy bay viết chữ bằng luồn khói.

Giờ tôi nghĩ: nhưng nếu đó là chữ viết, chúng sẽ viết gì? Nhật ký, tiểu thuyết, hay tự truyện? Hoặc chỉ là những dòng graffiti: *Mary Yêu John*. Nhưng John không yêu Mary, hoặc yêu không đủ. Không đủ để cứu cô khỏi

phải dốc cạn mình như thế, viết ngoằn ngoèo bừa lên cả mọi người bằng những chữ đỏ chói chang.

Chuyện không có gì mới.

Nhưng cái ngày tháng Tám năm 1935 đó tôi còn chưa biết đến khái niệm bỏ con. Nếu có ai nói chữ đó ngay trước mặt tôi, tôi cũng sẽ không hiểu là thế nào, nữa là không ai nói. Ngay cả Reenie cũng chưa từng nhắc đến: nhĩ ầu nhất chỉ chỉ bóng gió hắc ám về mỗ bụng trên bàn bếp, và Laura cùng tôi - núp nghe trộm trên cầu thang phụ - nghĩ chị đang nói chuyện ăn thịt người, và tò mò cực độ.

Tàu lượn la hét bay ngang, trường bắn vọt nghe lụp bụp như bắp rang. Những người khác cười ré. Tôi bắt đầu thấy đói, nhưng không dám đề nghị ăn gì; ăn uống xem ra không hợp tình cảnh lắm, chưa kể thức ăn đều thuộc loại thứ cấp. Richard mặt cau như thần định mệnh; ông ta nắm khuỷu tay tôi, lái đi qua đám đông. Tay kia ông ta để trong túi: nơi này, ông ta nói, chắc cú đây dân trộm đạo bàn tay nhám.

Chúng tôi tìm đường tới được quầy bánh nướng. Laura không thấy đâu, nhưng Richard không chủ định nói chuyện với Laura trước; ông ta khôn hơn thế. Ông ta muốn dọn đường từ trên xuống, lúc nào cũng vậy, nếu được. Thế nên ông ta yêu cầu gặp riêng người chủ quầy, một gã to con cầm xám bốc mùi bơ ỉu. Gã này biết ngay vì sao Richard đến đây. Gã bước ra xa quầy, ném lại sau vai cái nhìn lén lút.

Gã chủ quầy có biết mình đang chứa chấp trẻ vị thành niên bỏ trốn không? Richard hỏi. Lạy Chúa tôi! gã ta đáp lại kinh hoàng. Laura đã bị gã - nói mình mười chín. Cô bé tuy nhiên rất chăm làm - cô luôn chân luôn tay, dọn dẹp quầy sạch sẽ, còn phụ nướng bánh lúc đông khách. Cô bé ngủ ở đâu? Người kia trả lời mập mờ. Ai đó quanh đây đã cho cô chỗ ngủ, nhưng không phải là gã. Cũng không có trò nhớ nhăng gì, cái đó chúng tôi phải tin, hoặc ít ra không đến tai gã. Đây là một cô bé ngoan còn gã thì có gia đình tử tế, không phải như nhĩ ầu kẻ quanh đây. Gã còn thấy thương cô là khác - nghĩ cô ắt đã gặp chuyện chẳng lành. Gã hay mủi lòng với những trẻ ngoan như thế. Thực tình là, chính gã đã gọi điện cho chúng tôi, mà cũng

không phải chỉ vì món thưởng; gã nghĩ trở về với gia đình thì tốt cho cô hơn, chẳng phải sao?

Đến đây thì gã nhìn Richard chờ đợi. Tiễn cũng trao tay, dù có vẻ - tôi đoán thế - không nhiều tiễn như gã kia đã mong. Rồi Laura được gọi về. Nó không phản kháng. Nó nhìn chúng tôi một cái rồi quyết định không làm phiền. “Dù sao cũng cảm ơn chú nhiều,” nó nói với gã bánh nướng. Nó bắt tay gã. Nó không nhận ra gã đã bán đứng mình.

Richard và tôi mỗi người nắm một bên khuỷu tay nó; chúng tôi dẫn nó đi qua Sunnyside. Tôi thấy mình như một kẻ phản bội. Richard xếp nó vào xe, giữa hai chúng tôi. Tôi vòng tay quanh vai nó giữ cho yên. Tôi giận nó vô cùng, nhưng biết mình phải vỗ về. Nó có mùi va ni, mùi xi rô nóng và ngọt, mùi tóc chưa gội.

Đưa nó về đến nhà rồi, Richard gọi Murgatroyd vợ đến sai làm cho Laura một cốc trà bỏ đá. Nhưng nó không uống; nó ngồi chính giữa xô pha, đùi khép lại, người cứng đờ, mặt lạnh như tiễn, mắt đánh như thép.

Nó có biết mình đã khiến mọi người lo âu chộn rộn đến mức nào không? Richard hỏi. Không. Nó có quan tâm không? Không trả lời. Ông ta thực lòng mong nó sẽ không bao giờ thử chơi trò đó lần nữa. Không trả lời. Bởi bây giờ ông ta đã lãnh vai trò phụ huynh, tạm gọi thế, và ông có trách nhiệm đối với nó, và ông ta quyết tâm sẽ hoàn thành trách nhiệm đó, dù có phải tiêu tốn thế nào. Và có qua thì phải có lại, ông ta mong nó nhận ra mình cũng có trách nhiệm đối với ông ta - đối với *chúng tôi*, ông ta nói thêm - cụ thể là cư xử phải phép, và làm theo yêu cầu, theo lẽ phải. Nó có hiểu không?

“Có,” Laura nói. “Tôi hiểu ý ông nói.”

“Tôi thực sự hy vọng thế,” Richard nói. “Tôi thực sự hy vọng dì hiểu, tiểu thư trẻ tuổi ạ.”

Chữ *tiểu thư trẻ tuổi* khiến tôi nhấp nhồm. Đây là một lời trách, cứ như trẻ tuổi là một cái tội, cũng như làm một tiểu thư. Nếu thế, lời trách cứ đó cũng nhắm cả vào tôi. “Em ăn gì?” tôi nói, để đổi hướng câu chuyện.

“Táo nhúng xi rô,” Laura nói. “Bánh vòng ở quây Bông Tơ, qua hôm sau họ bán hạ giá. Mọi người ở đó tử tế lắm. Kẹo quế.”

“Ôi trời ơi,” tôi nói, với nụ cười yếu ớt, không tán thành hướng vào Richard.

“Mọi người khác đều ăn như thế,” Laura nói, “ngoài đời thực,” và tôi bắt đầu hiểu ra, lò mồi, có lẽ đấy là sức hấp dẫn của Sunnyside với nó. Đây là những *người khác* - những người đã luôn luôn và sẽ luôn luôn *khác*, đối với Laura. Nó mong mỗi được phụng sự họ, những người khác ấy. Nó mong mỗi, theo cách nào đó, được là một phần của họ. Nhưng nó không bao giờ làm được. Đây chẳng qua lặp lại bếp phát chấn ở Cảng Ticonderoga.

“Laura, em làm thế làm gì?” tôi nói ngay khi chúng tôi được ở một mình. (*Em làm thế bằng cách nào?* thì khá đơn giản: nó xuống tàu ở London và đổi vé sang một chuyến muộn hơn. Ít ra nó cũng không đến thành phố khác - nếu vậy có khi chúng tôi chẳng bao giờ tìm thấy.)

“Chính Richard giết cha,” nó nói. “Em không sống trong nhà ông ta được. Như thế là sai trái.”

“Em nói thế thật không công bằng,” tôi nói. “Cha chết vì nhiều nguyên do khác nhau gộp lại một cách không may.” Tôi nói mà tự thấy xấu hổ vì mình: đúng là giọng điệu Richard.

“Có thể không công bằng nhưng đó là sự thật. Sau hết, đó là sự thật,” nó nói. “Thêm nữa, em muốn có việc làm.”

“Nhưng tại sao?”

“Để chứng minh rằng mình - rằng em làm được. Rằng em, rằng mình không cần phải...” Nó nhìn tránh tôi, gặm gặm ngón tay.

“Phải gì?”

“Chị biết mà,” nó nói. “Tất cả những cái này.” Nó huơ tay chỉ bàn phấn trải khăn xếp nếp, rèm hoa đồng màu. “Ban đầu em đến chỗ các xơ. Em đến tu viện Ngôi Sao Biển.”

Lay trời, tôi nghĩ, lại các xơ. Tôi cứ nghĩ chúng tôi đã cắt đứt với các xơ. “Thế họ nói gì?” tôi hỏi một cách hiên từ nhưng dừng dừng.

“Chẳng ích gì,” Laura nói. “Họ đối xử tốt với em, nhưng họ bảo không được. Không chỉ vì em không theo Công giáo. Họ bảo em không mang ơn gọi thực sự, em chỉ lảng tránh bổn phận mình. Họ nói nếu em muốn phụng sự Chúa, em phải phụng sự người trong cuộc sống mà người đã gọi em tới.” Ngưng một chút. “Nhưng cuộc sống nào?” nó nói. “Em làm gì có cuộc sống nào!”

Tới đó nó khóc, và tôi ôm choàng lấy nó, cử chỉ từ những ngày nó còn bé bỏng xa xưa. *Đừng có rú lên nữa.* Nếu có cục đường đen tôi đã nhét cho nó, nhưng đến lúc này chúng tôi đã lớn quá tuổi đường đen rồi. Đường chẳng còn giúp gì được.

“Làm sao mình thoát khỏi đây bây giờ?” nó rên rỉ. “Trước khi quá muộn?” Ít nhất nó cũng đủ tỉnh táo mà khiếp sợ; nó tỉnh táo hơn tôi. Nhưng lúc ấy tôi chỉ nghĩ là thói nhặng xị của tuổi dậy thì. “Quá muộn làm gì cơ?” tôi dịu dàng hỏi nó. Chỉ cần hít một hơi thật sâu là hết; một hơi thở sâu, một chút bình tĩnh, một chút cân nhắc tình hình. Không việc gì phải hoảng.

Tôi đã tưởng mình có thể chống chọi với Richard và Winifred. Tôi tưởng mình có thể sống như con chuột trong lâu đài hổ, lẩn lút tránh mặt chúng giữa những bức tường, lạng lẽ, lánh mình. Không: nói thế thì tôi đánh giá cao mình quá. Tôi không thấy cơn nguy hiểm đang đến. Tôi còn không biết chúng là hổ. Tệ hơn nữa: tôi không biết khả năng có thể chính mình hóa hổ. Tôi không biết Laura có thể, chỉ cần hoàn cảnh thích hợp. Ai cũng có thể, nói cho cùng.

“Nghĩ đến mặt tốt đi em,” tôi nói với Laura, cố gắng lấy giọng dỗ dành. Tôi vỗ vào lưng nó. “Chị lấy cho em cốc sữa ấm rồi em sẽ ngủ thật sâu. Ngày mai em sẽ thấy khá hơn.” Nhưng nó cứ khóc hoài khóc mãi, không chịu nghe an ủi.

THƯỢNG ĐÔ

Đêm qua tôi mơ mình đang mặc bộ đồ trong vũ hội Thượng Đô. Tôi được phân vai cô thiếu nữ Abyssinia - cô gái chơi huyền cầm. Bộ đồ xa tanh màu xanh: áo khoác lửng viền trang kim vàng, phô rãnh ngực và hở bụng khá thoải mái; quần ngắn bằng xa tanh xanh mặc trong quần phồng bán trong suốt. Chuỗi đồng tiền vàng giả rất dài đeo cổ và quấn ngang trán. Khăn bịt đầu nhỏ nghịch ngợm cài ghim hình lưỡi liềm. Mạng che mũi. Hình dung về phương Đông của một lão vẽ phục trang gán xiếc ưa lòe loẹt.

Tôi nghĩ diện vào trông mình khá ngon mắt, đến khi nhận ra, lúc nhìn xuống cái bụng chảy xệ, những khớp đốt ngón sưng phồng mạch máu nổi xanh, hai cánh tay quắt queo, rằng tôi không ở tuổi tôi hồi ấy, mà ở tuổi bây giờ.

Tuy nhiên tôi không ở vũ hội. Tôi ở một mình, hoặc ít nhất ban đầu tưởng thế, trong nhà kính bỏ hoang ở Avilion. Chậu rồng đó đây vứt bừa bãi, chậu nào không rồng thì đầy đất cằn và cây chết. Một trong hai con nhân sư đá nằm lẩn trên sàn, đổ nghiêng, cả người nhằng nhịt vết bút dạ - tên tuổi, chữ tắt, hình vẽ bậy. Trên mái kính thủng một lỗ tướng. Khắp nơi sặc sụa mùi mèo.

Nhà chính đằng sau tôi thì tối và hoang vắng, mọi người trong nhà đã bỏ đi cả. Tôi bị bỏ rơi ở đây trong bộ cánh hóa trang ngớ ngẩn này. Đang là đêm, trăng mỏng như móng tay. Trong ánh trăng tôi thấy hóa ra vẫn còn một cây duy nhất sống: một bụi cây gì đó lá bóng, có một bông hoa màu trắng. *Laura*, tôi gọi. Từ trong bóng tối, có tiếng đàn ông rộ cười.

Thế cũng gọi là ác mộng, chắc người đọc đến đây sẽ bảo. Nhưng cứ thử xem. Tôi tỉnh dậy rồi rời xương tủy.

Vì sao trí óc phải bày trò như thế? Nhảy xổ vào ta, cắn xé, cắm vuốt vào ta. Đến lúc quá đói, người ta bảo, ta sẽ ăn chính trái tim mình. Có thể đây cũng là như thế.

Vớ vẫn. Chỉ là phản ứng hóa học thôi. Tôi phải hành động thôi, phải trấn áp mộng mị kiều này. Chắc phải có thuốc gì chứ.

Hôm nay tuyết dày hơn. Nhìn ra cửa sổ thấy tuyết là ngón tay tôi đã nhúc. Tôi ng ẫ viết bên bàn bếp, chậm như khắc gỗ. Bút trở nặng, khó đẩy đi, như dính mài mặt xi măng.

Tháng Tám năm 1935. Sức nóng rút lui cho giá lạnh tiến chiếm. Sương giá đóng trên lá rụng, r ẫ trên lá chưa kịp rụng. R ẫ trên cửa sổ. H ẫ đó tôi lấy những chuyện nhỏ nhất ấy làm vui. Tôi thích hít vào thật sâu. Khoảng không trong phổi của riêng mình tôi thôi.

Trong lúc đó mọi sự vẫn tiếp diễn.

Cái mà Winifred giờ gọi là “chuyến phiêu lưu nhỏ của Laura” được hết sức che đậy. Richard bảo nếu nó kể ra cho bất kỳ ai, đặc biệt là ở trường, chắc chắn sẽ đến tai ông ta và đó sẽ được coi là hành vi tấn công trực diện ông ta, chưa kể là mưu đồ phá hoại. Ông ta đã thu xếp xong phía báo chí: cần bằng có ngoại phạm thì đã có nhà Newton-Dobbs, một cặp vợ chồng trong số các chiến hữu mũ cao áo dài của ông ta - ông chồng có ghế trong một hãng xe lửa - họ sẵn sàng thề độc rằng Laura ở với họ từ đầu chí cuối trong nhà nghỉ ở Muskoka. Kế hoạch quyết định quá sát giờ, và Laura cứ nghĩ nhà Newton-Dobbs đã gọi báo chúng tôi còn nhà kia lại nghĩ Laura đã báo, tóm lại chẳng qua là chuyện hiểu lầm vặt, và cả ba đều có biết Laura bị coi là mất tích bởi đi nghỉ thì có ai quan tâm nghe tin tức đâu.

Câu chuyện cũng hợp lý lắm. Nhưng người ta vẫn tin, hoặc buộc phải giả vờ có tin. Tôi nghi nhà Newton-Dobbs đã phát tán câu chuyện thật trong số chừng hai chục bằng hữu chí thiết nhà họ, bí mật nhé đừng kể với ai, mà đi đâu đó hẳn chính Winifred cũng làm nếu ở địa vị họ, chuyện đàm tiếu cũng là mặt hàng giá trị như tất cả. Nhưng ít nhất nó không bao giờ lên mặt báo.

Laura được nh ẫ vào váy ca rô rất ngứa cùng ca vát sọc và đẩy thẳng tới trường nữ sinh Thánh Cecilia. Nó chẳng hề giấu giếm nỗi căm ghét trường này. Nó nói việc gì phải tới trường; nó nói đã từng làm việc r ẫ nó có thể

kiếm được việc khác. Nó nói với tôi, ngay trước mặt Richard. Nó không bao giờ nói trực tiếp với ông ta.

Nó liên tục cắn ngón tay, nó không chịu ăn, nó gầy trông thấy. Tôi khổ sở lo âu vì nó, như người ta muốn tôi phải thế, và nói cho đúng, như tôi cần phải thế. Nhưng Richard bảo đã chán ngấy trò rồ dại những cuối này rồi, còn chuyện việc làm, đừng nói thêm cho rắc tai ông ta. Laura quá nhỏ không thể thả rông cho tự lập được, thế nào cũng rơi vào một chuyện bất tường nào đó, ngoài đường đây những kẻ kiếm ăn bằng cách rình mò những đứa con gái ngô nghê như nó. Nếu không thích trường đó, nó có thể đi học ở một trường khác, xa hơn, ở thành phố khác, và nếu còn bỏ trốn khỏi đó nữa ông ta sẽ tống nó vào nhà cải tạo thanh nữ cho sống chung với lũ tội phạm vị thành niên khác, mà nếu thế vẫn chưa xong thì vẫn còn bệnh viện. Một bệnh viện tư, cửa sổ lắp chấn song: nó thích áo vải gai và tro thì tha hồ cho nó hài lòng. Nó chưa thành niên, còn ông ta có uy quyền, và đừng tưởng lầm, ông ta bảo sao là sẽ làm đúng thế. Nó biết đấy - và ai cũng biết - ông ta nói lời sẽ giữ lời.

Ông ta có tật lẩm nhẩm ra khi nổi giận, và lúc này mắt ông ta đang lẩm nhẩm ra, nhưng vẫn nói năng bằng giọng nhẹ nhàng, đáng tin, và Laura tin, và khiếp sợ. Tôi cố chen ngang - dọa dẫm như thế ác nghiệt quá, ông ta không hiểu Laura và không hiểu nó luôn tin vào nghĩa đen - nhưng ông ta bảo tôi xê ra. Cần một bàn tay cứng rắn. Laura đã được ru vỗ quá nhiều. Đã đến lúc nó cần uốn nắn.

Nhiều tuần trôi qua, tình trạng đình chiến bấp bênh dần thiết lập. Tôi cố gắng sắp xếp việc nhà sao cho hai người bọn họ không bao giờ đụng độ. Chạm mặt càng ít càng hay, ấy là điều tôi mong muốn.

Winifred cũng có thò tay bẻ lái vụ này, cố nhiên. Hẳn chị ta đã bảo Richard phải giữ lập trường, bởi để Laura cũng như nuôi cáo trong nhà, phải có rọ mõm.

Richard hỏi ý Winifred về từng chuyện nhỏ, bởi chỉ có chị ta là thông cảm với ông ta, chống lưng ông ta và cổ vũ trong mọi sự. Chính chị ta đã dựng ông ta lên trong giới giao tế, hướng ông ta quan tâm tới các mảng chị ta coi

là cần thiết. Lúc nào thì đặt chân vào cuộc đua vào Nghị viện? Bây giờ thì chưa, chị ta thì thẩn vào bất cứ cái tai nào ông ta chìa ra - thời cơ chưa chín - nhưng sắp r ễ. Cả hai bọn họ đều cho Richard là lãnh tụ tương lai, và bóng dáng người đàn bà đằng sau - chẳng phải mỗi đàn ông thành đạt đều có? - là chị ta.

Rõ ràng không thể là tôi. Tương quan vị trí của hai chúng tôi giờ đã định hình, chị ta và tôi; hoặc có thể chị ta đã xác định từ đầu, nhưng giờ tôi cũng dần nhận thức được. Chị ta cần thiết cho Richard, tôi ngược lại có thể thay bất cứ lúc nào. Việc của tôi là giăng chân ra và ngậm miệng lại.

Nếu nghe có vẻ tàn nhẫn, thì đấy là vì đúng thế. Nhưng cũng không phải trái lệ thường.

Winifred cần kiếm việc cho tôi lúc ban ngày: chị ta không muốn tôi phát đại vì buồn chán, không muốn tôi rơi qua mép vực lý trí. Chị ta vắt óc để ra những nhiệm vụ vô nghĩa cho tôi, r ễ sắp xếp lại thời gian không gian để tôi rảnh rỗi mà thực hiện. Những nhiệm vụ đó chẳng bao giờ quá tử mỉ, bởi chị ta chẳng hề giấu quan điểm rằng tôi chẳng qua là một con vật cảnh ngu đần. Về phía mình tôi cũng không cố gắng làm chị ta suy nghĩ khác.

Từ đó mà có vũ hội từ thiện ủng hộ Cô nhi viện trung tâm, do chị ta đi đầu phối. Chị ta đưa tôi vào danh sách ban tổ chức, không chỉ để tôi phải ngo ngậy chân tay mà còn vì như thế sẽ sang hơn cho Richard. “Ban tổ chức” chỉ là trò đùa, chị ta còn không cho là tôi tổ chức nổi cái tủ giày của mình, vậy thì trộn được đồ gì cho tôi nhặt đây? Viết phong bì, đấy là đáp án của chị ta. Chị ta đoán đúng, cái này tôi làm được. Tôi còn làm tốt là khác. Tôi lại chẳng cần động não, và có thể dành đầu óc nghĩ về cái khác, (“Ôn trời cô ả cũng có được *một* cái tài,” tôi gần như nghe thấy được chị ta kể với các bạn Billie và Charlie bên bàn bài. “Ồi nh ầm - hai cái chứ!” Từng chập cười hô hố.)

Cô nhi viện trung tâm, nhằm hỗ trợ trẻ con đường phố, là cực cung của Winifred - hay ít nhất vũ hội hàng năm là như vậy. Đấy là một vũ hội hóa trang - mọi cuộc gây quỹ kiểu này nói chung đều thế, bởi thời đó người ta khoái hóa trang. Khoái hóa trang cũng ngang với khoái đ ồng phục. Hai thứ

có chung một mục tiêu: để tránh phải làm chính mình, người ta giả vờ làm kẻ khác. Người ta có thể lớn hơn và hùng mạnh hơn, hay quyến rũ và huyền bí hơn, chỉ nhờ đắp lên người những áo quần lạ mắt. Nghĩ thế cũng ít nhiều có lý.

Winifred lập một ủy ban chỉ đạo vũ hội, nhưng ai cũng biết mọi quyết định quan trọng là do chị ta một tay đưa ra cả. Chị ta phất cờ còn những kẻ khác chạy theo. Chính chị ta đã chọn chủ đề cho năm 1936 - “Thượng Đô”. Kinh dịch của chị ta, Vũ hội mỹ thuật mới đây vừa chọn “Vua Timur xứ Samarqand” và thành công rực rỡ. Chủ đề Đông phương chẳng bao giờ lỗi mốt, và ắt hẳn mọi người đều phải học thuộc “Hốt Tất Liệt”^[26] ngày đi học, thế nên kể cả các luật sư - kể cả bác sĩ - kể cả giới *nhà băng* cũng phải biết Thượng Đô là gì. Vợ họ thì biết là cái chắc.

Hốt-Tất-Liệt mến Thượng-Đô tiên-cảnh,

Chọn đất lành xây thưởng-lạc-cung

Trên đất ấy sông thiêng Alph chảy

Qua triền-miền vô-đế-động trập-trùng

Xuống biển vô-minh không động ánh dương hồng.

Winifred đã cho đánh máy toàn bộ bài thơ và sao ra gửi đi khắp ủy ban - để ý tưởng có thời gian thẩm thấu, chị ta nói thế - và ý kiến đóng góp của chúng tôi sẽ được đón nhận nhiệt tình, dù chúng tôi đều biết trong đầu chị ta đã chốt xong từng chi tiết. Bài thơ sẽ xuất hiện cả trên tấm thiệp in nổi nữa - chữ dát vàng, viền mép hàng chữ Ả Rập màu vàng và xanh ngọc. Có ai hiểu những chữ ấy nói gì không? Chả ai hiểu, nhưng trông cũng vui mắt ra phết.

Những sự kiện này chỉ dành cho người được mời thôi. Ai được mời thì lộn trái túi áo ra mà trả tiền, nhưng phạm vi thì cực kỳ hẹp. Danh sách khách mời trở thành đề tài gây nhiều chờ đợi và xao xuyến, dù chỉ trong những ai còn ngờ vực về vị thế của mình. Đợi giấy mời rồi không có cũng chẳng khác nào rơi vào luyện ngục. Tôi nghĩ không ít nước mắt đã đổ ra vì mấy

mảnh giấy này, nhưng đầu kín đáo - trong giới đó, tuyệt đối không bao giờ được tỏ ra bận tâm.

Cái thần kỳ của Thượng Đô (Winifred nói, sau khi đã ngâm toàn bài thơ bằng chất giọng ứt ki của mình - ngâm cực kỳ hay, tôi thừa nhận) - cái thần kỳ ở đây là với chủ đề ấy người ta có thể hờ hang hay kín đáo bao nhiêu tùy thích. Các bà phê có thể quăn hàng lớp vải thêu kim tuyến, các nàng mình dây có thể đóng vai vũ nữ Ba Tư hay nữ nô và khoe đủ thứ trừ cái bàn là Liên Xô. Váy mỏng tang, lắc tay, vòng mắt cá lạnh canh - các khả năng mở ra vô cùng tận, còn đàn ông dĩ nhiên sẽ khoái ăn mặc giả làm Thổ quan và vờ như có cả một hậu cung trong nhà. Mặc dù có lẽ chẳng thuyết phục nổi ai đóng vai hoạn quan đâu, chị ta thêm, kéo theo vài tiếng hí hí hưởng ứng.

Laura còn nhỏ quá không được tham gia. Winifred đang chuẩn bị buổi ra mắt cho nó, một nghi lễ trưởng thành còn chờ diễn ra, và chưa đến ngày đó thì nó còn chưa được coi là đủ tuổi. Tuy nhiên nó khá quan tâm tới công tác thực hiện vũ hội. Tôi nhẹ cả lòng khi thấy nó lại bắt đầu quan tâm đến thứ gì đó. Bài học ở trường thì dĩ nhiên nó không quan tâm rồi: điểm số của nó thiếu đi đâu chậm đấy.

Cần đính chính: không phải nó quan tâm đến công tác vũ hội, mà là đến bài thơ. Tôi đã thuộc bài thơ từ lâu, nhờ cô Hung Dữ, h ấ ở Avilion, nhưng Laura độ đó chẳng ỏ ê đến mấy. Bây giờ thì nó đọc đi đọc lại.

Yêu h ần tình lữ là gì, nó hỏi? Thế nào là biển vô minh, thế nào là vô sinh hải? Tại sao thường lạc cung đ ầy nắng lại có động băng? Núi Abora là gì, tại sao cô thiếu nữ Abyssinia lại hát v ề nó? Vì sao tiếng tổ tông lại tiên báo chiến tranh?

Lúc ấy tôi không biết trả lời những câu hỏi đó thế nào. Giờ thì tôi biết hết rồi. Không phải những câu trả lời Samuel Taylor Coleridge sẽ đưa ra - tôi cũng không biết ông ta có câu trả lời nào không, lúc đó đầu óc ông ta còn đang mù mịt vì thuốc - mà là những câu trả lời của riêng tôi. Chúng thế này, dù được bao nhiêu giá trị.

Con sông thiêng sống. Nó chảy tới biển vô sinh, bởi mọi vật sống rồi cuộc đời đi về đó. Người tình là yêu h ồ n bởi anh ta không có mặt. Thường lạc cung ngấp nấp có động băng bởi thường lạc cung nào cũng như thế tất - chẳng mấy chốc chúng sẽ lạnh giá, và rồi thì tan ra, rồi thì anh sẽ ra sao? Uớt sũng. Núi Abora là nhà của thiếu nữ Abyssinia, cô ta hát về nó bởi cô ta không còn cách trở về. Tiếng tổ tông đi tiên báo chiến tranh bởi tiếng tổ tông chẳng bao giờ chịu ngậm m ồm, mà họ ghét đoán sai, còn chiến tranh thì chắc chắn sẽ đến, dù sớm hay muộn.

Nếu tôi sai thì sửa đi.

Tuyết rơi, ban đầu nhẹ, rồi thành từng thối cứng chích vào da như kim châm. Mặt trời lặn từ chi ều, trời chuyển từ màu máu đã gột sạch sang màu sữa không béo. Khói tuôn ra miệng các ống, từ các lò lên đầy than. Ngựa kéo xe bánh mì để rơi từng bãi nâu bốc khói trên đường, nháy mắt đã đông cứng. Trẻ con bóc ra ném nhau. Đ ồng hồ gõ nửa đêm, hết lần này qua lần khác, nửa đêm nào cũng hun hút màu xanh đen lấm chấm sao buốt giá, trắng trắng bạch như xương. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ phòng ngủ, nhìn xuống vệ đường, qua tán cây dễ. Rồi tắt đèn.

Vũ hội Thượng Đô tổ chức vào thứ Bảy tuần thứ hai tháng Giêng. Trang phục của tôi vừa đến sáng hôm ấy, trong hộp nh ỡ hàng vóc giầy m ềm. Khôn ngoan thì hãy thuê đồ ở hàng Malabar, bởi đặt may bộ riêng là tỏ ra quá bỏ công vì nó. Giờ đã gần sáu giờ và tôi đang thử đồ Laura ở trong phòng tôi: nó vẫn làm bài ở đó, hoặc làm ra bộ làm bài. “Chị đóng vai gì?” nó hỏi.

“Thiếu nữ Abyssinia,” tôi nói. Lấy cái gì làm huyền c ần tôi vẫn chưa nghĩ ra. Có thể lấy cây banjo, thắt vài cái nơ. Rồi tôi nhớ ra cây banjo duy nhất tôi biết thì đã ở Avilion, trên gác mái, của các ông chú quá cố bỏ lại. Sẽ phải bỏ qua đàn thôi.

Tôi không chờ đợi Laura khen tôi đẹp, hoặc thậm chí xinh. Nó chẳng bao giờ nói thế: *xinh* hay *đẹp* không thuộc các phạm trù tư duy của nó. Lần này nó bảo, “Chị trông chẳng ra vẻ Abyssinia lắm. Người Abyssinia đâu có tóc vàng.”

“Màu tóc thì chị làm gì được,” tôi nói. “Lỗi tại Winifred chứ. Lẽ ra chị ta nên chọn người Viking hay gì đó.”

“Sao họ lại sợ anh ta?” Laura hỏi.

“Sợ ai cơ?” tôi hỏi. (Tôi chưa nghĩ đến cái sợ trong bài thơ, chỉ nghĩ đến thưởng lạc. Đến *thưởng-lạc-cung*. Thưởng lạc cung là nơi tôi thực sự đang sống lúc này - nơi tôi cất cái tôi thực của mình, xung quanh không ai biết. Bao quanh có tường tháp, không cho ai khác vào.)

“Chị nghe này,” nó nói. Nó nhắm mắt đọc thuộc lòng:

Giá h ần này tái-tạo

Điệu c ầm-ca của nàng,

Tâm này thêm hoan-hỉ

Cao-tấu nhạc r ền vang

Giữa không-trung thoát dựng

Động băng cùng lạc-cung!

Ai nghe mắt sẽ thấy

Và thét lớn: Coi chừng!

Mắt chàng nhấp-nhoáng!

Tóc chàng xoa tung!

Hãy kết ba vòng vây bủa lại

Mắt nhắm nghi ền kính sợ hãi-hùng

Vì chàng đã ném cam-lộ-mật,

Và lót lòng sữa của Thiên-cung.

“Thấy chưa, họ sợ anh ta,” nó nói, “nhưng tại sao? Sao lại *Coi chừng?*”

“Thực tình thì, Laura ạ, chị chẳng biết đâu,” tôi nói. “Đấy chỉ là thơ thôi mà. Chẳng ai biết được thơ ca có nghĩa gì. Có thể họ nghĩ anh ta bị điên.”

“Đấy là vì anh ta quá sung sướng,” Laura nói. “Anh ta đã uống sữa Thiên cung. Người ta thường khiếp sợ khi thấy ai đó quá sung sướng, theo lối đó. Chẳng phải đấy là lý do à?”

“Laura, đừng *đôn* chị,” tôi nói. “Đâu phải cái gì chị cũng biết, chị có phải thầy giáo đâu.”

Laura đang ngồi trên sàn, mặc váy đồng phục. Nó ngậm khớp đốt tay, mắt nhìn tôi, cụt hứng. Đạo này tôi làm nó cụt hứng thường xuyên. “Hôm trước em vừa thấy Alex Thomas,” nó nói.

Tôi ngoảnh đi thật nhanh, chỉnh lại mạng trong gương. Hiệu ứng khá tệ, cái xa tanh xanh này: trông như ả nhà trò Hollywood đóng phim sa mạc. Tôi tự an ủi bằng ý nghĩ ai nấy trông cũng sẽ rởm vấy hết. “Alex Thomas? Thật à?” tôi nói. Đáng ra tôi phải tỏ ra ngạc nhiên hơn.

“Sao, chị không vui à?”

“Vui gì cơ?”

“Vui là anh ấy còn sống,” nó nói. “Vui là chúng chưa tóm được.”

“Tất nhiên là chị vui rồi,” tôi nói. “Nhưng đừng nói gì với ai. Kẻo chúng sẽ dò ra được.”

“Chị không phải dặn em. Em có phải con nít đâu. Thế nên em đâu có vấy anh ấy.”

“Anh ấy có thấy em không?” tôi hỏi.

“Không. Anh ấy đi trên phố. Anh ấy bỏ cổ áo khoác dựng lên và kéo khăn quăn cầm, nhưng em vẫn biết là anh ấy. Anh ấy cho tay trong túi.”

Khi nghe thấy nói đến tay, đến túi, có cơn đau buốt dội qua tôi. “Phố nào thế?”

“Phố nhà mình,” nó nói. “Anh ấy đứng bên kia đường, nhìn sang dãy nhà bên này. Em nghĩ anh ấy tìm chúng mình. Chắc anh ấy biết chúng mình sống ở khu này.”

“Laura,” tôi nói, “em vẫn còn mê Alex Thomas đấy à? Nếu còn thì em phải cố vượt qua đi.”

“Em không mê anh ấy,” nó khinh bỉ nói. “Em chưa bao giờ mê. *Mê* là một chữ rất xấu. Một chữ rất tửm.” Nó đã bớt sùng đạo từ khi đi học, nói năng cũng bừa bãi hơn nhiều. *Tởm* là đang theo chiều đi lên.

“Gọi là gì cũng được, em phải cố quên đi. Không có tương lai đâu,” tôi dịu dàng nói. “Sau này sẽ chỉ làm em buồn thôi.”

Laura vòng tay ôm đầu gối. “Buồn à,” nó nói. “Chị thì biết quái gì là *buồn*?”

TAY SÁT THỦ MÙ: NHỮNG CÂU CHUYỆN ĂN THỊT

Anh lại chuyển nhà, kẻ cũng tốt. Cô rất ghét cái nơi gần ga đầu mối kia. Cô không thích đi đến đó, mà lại chưa kể ở đó rất xa, và lại lạnh nữa: lần nào đến nơi rằng cô cũng gõ vào nhau. Cô ghét cái phòng chật ỉ ỉ, ghét mùi thuốc lá lưu cữu vì cửa sổ kẹt không mở được, ghét cái vòi tắm bắn thối trong góc nhà, ghét cái bụi từng gập trên cầu thang - trông như bụi nông dân khốn khổ khốn nạn trong cuốn tiểu thuyết cũ ỉm mốc nào đấy, cứ nhìn là hình dung bụi cống bó củi trên lưng. Ghét cái nhìn châu quạu xác xược, như thể bụi ta biết rõ cái gì sẽ diễn ra khi cánh cửa đóng lại. Cái nhìn chứa đầy ganh tị, nhưng cũng khinh bỉ.

Rũ được chúng nhẹ cả người.

Bây giờ tuyết đã tan hết, dù vài ba vệt xám vẫn còn lại trong bóng râm. Nắng ấm, thêm mùi đất ẩm và rễ cây cựa mình và dư tích sương nước giấy báo vứt đi từ mùa đông, chữ đã mờ nhòe hết. Những khu phố đẹp đã nảy thủy tiên, và trong vườn trước vài ngôi nhà không bị che bóng, đã nở uất kim hương, màu cam và đỏ. Tín hiệu triển vọng, như bụi làm vườn trên báo nói; tuy ngay cả bây giờ, dù đã cuối tháng Tư, hôm trước lại vừa có tuyết - những bông to trắng xộp ướt át, một cơn mưa tuyết quái quỷ.

Cô đã bịt khăn kín tóc, xỏ áo khoác xanh hải quân, màu tối nhất cô kiếm được. Anh đã nói càng tối màu càng tốt. Giữa các xó xỉnh khu này, giữa mùi mèo đực và mùi mưa, thêm mùi khăn khăn gà nhốt chuồng. Phân ngựa trên đường, dấu tích cảnh sát đi ngựa đang lưng sục, không lưng trộm mà lưng các phần tử khiêu khích - những tổ quỷ của bọn Đỏ ngoại bang, chum đầu thì thảo như chuột rút trong rơm, hẳn mỗi giường nhồi đến sáu thằng, đàn bà chung nhau, nằm ấp những mưu đồ rối rắm bệnh hoạn. Emma Goldman^[27], sau khi lưu vong khỏi Mỹ, nghe đồn đang sống gần đây.

Vết máu trên hè, một người mang xô và chổi cọ. Cảnh vẻ, cô bước vòng tránh vũng lũng màu hồng. Đây là địa bàn của những đờ đẫn Do Thái, ngoài

ra còn có thợ may, các nhà buôn lông bán sỉ. Và các xưởng thợ khỗ sai, hiển nhiên. Đàn bà nhập cư từng dãy gặp người bên máy, bụi lông tích đầy phổi.

Áo trên lưng em lột từ lưng kẻ khác, có lần anh nói với cô. Đúng thế, cô đùa bỡn đáp, nhưng em mặc trông đẹp hơn. Rồi nói tiếp hơi tức giận, Anh muốn em phải *làm sao*? Anh muốn *em* phải làm sao? Hay anh thực tình nghĩ em có tí quyền nào?

Cô ghé vào hàng hoa quả, mua ba quả táo. Táo không ngon lắm, đã hơi héo, vỏ hơi nhăn, nhưng cô cảm thấy mình cần có gì đó làm lễ vật cầu hòa. Bà bán hàng lấy lại một quả, chỉ vào một vết dập nâu, đổi quả khác tươi hơn. Từ đầu đến cuối không nói một lời. Chỉ có gật đầu nhĩn nhĩ và miệng cười thiếu răng.

Đàn ông áo đen quá gối, mũ đen rộng vành, đàn bà nhỏ con liếc xéo. Khăn trùm, váy dài. Động từ chia hồng. Họ không nhìn thẳng mặt nhưng chẳng bỏ sót cái gì. Cô lù lù trước mắt, cô là mục không lộ. Đùi vế phơi cả ra thế kia.

Đây là cửa hàng cúc, đúng nơi anh bảo. Cô dừng chân một lúc ngắm nhìn cửa kính bày hàng. Cúc cầu kỳ, nở xa tanh, dải tết chéo, tết dích dắc, kim sa - vật liệu thô làm nên những tính từ cổ tích của ngôn ngữ thời trang. Những ngón tay ai đó, chính quanh đây, đã khâu đường viền lông chồn ermine vào áo choàng lửng chiffon trắng cô vẫn mặc đi dạ tiệc. Độ tương phản giữa tơ lụa mong manh và da thú xù xì, đây là thứ khoái khẩu của các ngài phong nhã. Da thật mịn, bỗng chuyển sang xồm xoàm.

Phòng mới của anh ở trên một lò bánh. Vòng sang hông nhà, lên lầu, giữa mịt mùng một thứ mùi dễ chịu. Nhưng đặc quá, ngốt ngát quá - men đang dậy, xộc thẳng lên óc cô như khí bơm bóng bay. Cô không gặp anh đã lâu lắm rồi. Sao cô phải tránh?

Anh có nhà, anh mở cửa.

Em mang cho anh mấy quả táo, cô nói.

Sau một lúc các đồ vật trong thế giới này thành hình trở lại quanh cô. Kia là cái máy chữ của anh, chon von trên bệ rửa nhỏ tẹo. Cái va li xanh nằm cạnh, trên đặt bần rửa bị tháo ra. Sơ mi vò nhàu bỏ trên sàn. Tại sao vài nhàu bỏ đồng lại được coi là biểu tượng cho ham muốn? Cái hình thù xoắn vặn và cuồn cuộn nhiệt. Lửa trong tranh vẽ trông đúng như thế - như vài vóc màu cam, cuộn lại rồi ném đi.

Họ nằm trên giường, một cổ giường gỗ gụ chạm trổ khổng lồ choán gần lớn phòng. Xưa đóng cho ngày cưới, từ một nơi rất xa, để giữ trọn suốt đời. *Suốt đời*, lúc này chữ ấy nghe ngu ngốc bấy; bần vững, có để làm gì. Cô cắt một quả táo bằng con dao gập của anh, bón cho anh từng mẩu.

Nếu ngu hơn chút xíu anh đã tưởng em đang tìm cách quyến rũ anh.

Không hề - em chỉ giữ cho anh sống. Em vỗ béo anh để ăn thịt sau.

Nghĩ gì bệnh hoạn quá, quý tiểu thư.

Chứ sao. Do anh mớm cho mà. Đừng nói anh đã quên những ma nữ tóc thiên thanh và mắt như hổ rắn nhé? Họ sẵn sàng chén anh làm bữa sáng.

Chỉ khi được phép thôi. Anh lại lần tới cô. Bấy lâu nay em trốn biệt ở đâu? Mấy tuần rồi.

Đúng thế. Đợi đã. Em cần nói anh một điếu.

Có gấp không? anh nói.

Có. Không hẳn. Không.

Mặt trời hạ xuống, bóng rèm di chuyển ngang giường. Những giọng nói cất lên ngoài đường, những ngôn ngữ lạ tai. Mình sẽ nhớ cảnh này mãi mãi, cô tự nhủ. Rồi lập tức: Sao lại nghĩ chuyện nhớ nhung làm gì? Vẫn chưa phải là *hồi ấy*, vẫn còn là bây giờ. Vẫn chưa qua.

Em đã nghĩ xong câu chuyện rồi, cô nói. Em đã nghĩ ra phần tiếp theo.

Thế ư? Em tự lực suy nghĩ cơ à?

Em lúc nào cũng tự lực suy nghĩ cả.

Tốt. Thế thì nói ra xem nào, anh vừa nói vừa cười.

Được rồi, cô nói. Chúng ta đang dừng lại ở lúc cô bé và anh chàng mù bị đưa đi gặp Nô Bộc Cầi Hoan, thủ lĩnh đội quân xâm lược đã man mang tên Bộ tộc Tàn hủy, bởi chúng ngờ hai đứa là sứ giả nhà trời. Nếu em nói sai anh cứ sửa.

Em lắng nghe những thứ đó thật à? anh lạ lùng hỏi. Em nhớ thật à?

Tất nhiên em nhớ. Em nhớ từng chữ anh nói. Họ đến trại của người đã man, và tay sát thủ mù cho Nô Bộc Cầi Hoan biết cậu ta mang theo thông điệp từ Đấng bất bại, có đi đâu thông điệp phải được truyền đạt riêng, chỉ cô bé được có mặt. Đây là vì cậu ta không muốn cô bé bị đưa đi khuất mắt.

Nó đâu có sợ khuất mắt. Nó mù mà, nhớ không?

Anh hiểu ý em mà. Thế nên Nô Bộc Cầi Hoan nói được thôi.

Ông ta sẽ không chỉ nói *Được thôi*. Ông ta sẽ thuyết một bài.

Em không làm được phần đó. Ba người bọn họ đi vào lều tách khỏi số còn lại, và tay sát thủ nói kế hoạch thế này. Cậu ta sẽ cho họ biết cách lọt vào Sakiel-Norn mà không cần vây thành cũng không tổn thất nhân mạng, ý là nhân mạng của họ. Chỉ cần cử một hai người, cậu ta sẽ cho họ mật khẩu qua cổng - cậu ta biết hết mọi mật khẩu, nhớ không - và khi vào trong thành rồi, mấy người đó sẽ ra kênh thả một sợi thừng xuống, cho trôi theo cống vòm. Họ phải buộc đầu dây bên trong vào vật gì đó - trụ đá chẳng hạn - rồi đến đêm một toán quân sẽ bám dây rồi nhích từng bàn tay mà lôi mình vào trong thành, ngấm dưới nước, hạ thủ đám lính gác, mở tung tám cổng thành, và rồi ền ền.

Ền ền? Anh nói và cười. Chữ đó nghe không có vẻ Zycron lắm.

Thế thì cóc chết hết chuyện vậy. Sau đó, họ có thể giết chóc cho sướng tay thì thôi, nếu đúng là họ muốn thế.

Mánh hay đấy, anh nói. Láu cá lắm.

Tất nhiên, cô nói, Herodotus có chép chuyện đó, hoặc thứ gì đó đại loại thế. Cuộc phá thành Babylon, em nghĩ là vậy.

Em hóa ra chứa thật nhiều thông tin nhảm nhí trong đầu, anh nói. Nhưng chắc cũng phải có đi đâu kiện gì chứ? Hai cô cậu này không thể cứ vờ làm sứ giả nhà trời mãi. Như thế liều quá. Sớm muộn gì họ cũng sợ ý, họ sẽ sảy chân, và sẽ bị giết. Họ phải thoát đi thôi.

Đúng. Em cũng đã nghĩ rồi. Trước khi cho biết mật khẩu và chỉ đường, cậu mù nói phải đưa hai người bọn họ đến chân dãy núi phía Tây, đây đủ thức ăn và các đồ dự trữ. Cậu ta sẽ nói hai người cần hành hương đến đó - lên đỉnh núi, tiếp nhận thêm phán truyền của thần linh. Chỉ khi đó họ mới trao món hàng, ý là mật khẩu. Như thế, nếu trận công kích của người dã man có đổ, cả hai cũng đã đến nơi không ai ở Sakiel-Norn dám nghĩ đến chuyện truy tìm.

Nhưng họ sẽ bị sói ăn thịt, anh nói. Nếu không phải sói thì cũng là những ma nữ thân hình bốc lửa và đôi môi đỏ như hồng ngọc. Hoặc là cô bé sẽ bị giết, còn anh chàng sẽ bị buộc làm thân trâu ngựa cho những thèm khát trái tự nhiên của họ đến lúc lử cò bợ, tội nghiệp.

Không, cô nói. Chuyện không phải thế.

Thế cơ đấy? Ai bảo vậy?

Đừng có *thế cơ* đấy với em. Em bảo đấy. Nghe đây - như thế này này. Tay sát thủ mù nghe hết mọi lời đồn đại, thế nên cậu ta biết đám đàn bà kia thực ra là thế nào. Họ hoàn toàn không phải là người chết. Họ chỉ phao những chuyện loại đó để được yên thân. Thực tế họ là các nữ nô bỏ trốn, hoặc những người chạy khỏi nhà để khỏi bị chồng hoặc cha đem bán. Cũng không phải toàn đàn bà - một số là đàn ông, nhưng đều hiền hòa và tốt bụng. Tất cả đều sống trong hang và chăn cừu, tự trồng lấy rau ăn. Họ chia nhau ẩn nấp quanh mộ để hù dọa lũ khách đi ngang - hú lên và các trò khác, cũng cố thêm hiểu lầm.

Thêm vào đó lũ sói cũng không phải sói, đấy chỉ là chó chăn cừu được huấn luyện để giả vờ làm sói. Thực sự thì chúng rất là hiền, và rất trung thành.

Thế nên những người này sẽ đón nhận hai kẻ trốn chạy, và sau khi nghe biết số phận buồn thảm của chúng họ sẽ đối xử với cả hai rất rất tử tế. Rồi tay sát thủ mù và cô bé không biết nói có thể chọn một hang làm nhà, rồi sớm muộn họ sẽ có con cái nhìn được và nói được, và họ sẽ sống hạnh phúc.

Trong lúc đó thì mọi cư dân đồng bào họ bị tàn sát? anh cười giễu hỏi. Em tán đồng phản quốc đấy à? Em đánh đổi lợi ích chung của xã hội lấy thỏa mãn cá nhân?

Sao, chính những người ấy đã định giết họ cơ mà. Chính những đồng bào ấy.

Chỉ vài kẻ có ý định đó thôi - đám tinh hoa, đám chóp bu đầu sỏ. Em kết án toàn bộ những người còn lại cùng với chúng à? Em muốn bộ đôi của chúng ta phản bội lại dân tộc mình à? Như thế khá là ích kỷ đấy.

Lịch sử là thế, cô nói. Trong *Chinh phục Mexico* - cái ông gì nhỉ, Cortez - cô nhân tình Aztec của ông ta, cô ta đã làm vậy. Kinh Thánh cũng có. Cô điếm Rahab đã làm thế, khi thành Jericho thất thủ. Cô ta giúp người của Joshua, và cả gia đình cô ta thoát nạn.

Đồng ý, anh nói. Nhưng em làm thế là phá luật. Em không thể khơi khơi đổi các ma nữ thành một đám người yêu điên viên cô tích được.

Anh đã thực sự đưa họ vào chuyện đâu, cô nói. Chưa đưa trực tiếp. Anh chỉ kể các lời đồn về họ. Lời đồn có thể sai.

Anh cười lớn. Phải lắm. Bây giờ đến phiên anh. Trong trại của Bộ tộc Hân hoan, mọi chuyện diễn ra đúng như em nói, chỉ có đi đâu ăn nói văn vẻ hơn. Hai anh ả của chúng ta được đưa đến chân núi phía Tây và ở lại một mình giữa khu cổ mộ, và rồi đoàn quân dã man tiến vào thành theo chỉ dẫn, cướp bóc đập phá, giết sạch sành sanh. Không một ai sống mà trốn thoát. Nhà

vua bị treo cổ trên cây, Nữ thượng tể bị phanh ruột, viên đại thần mánh mung cũng hết đời cùng tất cả. Tội nhỏ nô lệ vô tội, nghiệp đoàn sát thủ mù, các cô bé hiến tể trong đền - chết hết. Cả một nền văn hóa bị xóa sạch khỏi vũ trụ. Chẳng ai sống mà lưu lại bí quyết diệt những tằm thắm thần kỳ, riêng chuyện đó phải thừa nhận là đáng tiếc hết sức.

Trong lúc đó hai bạn trẻ, tay nắm tay, bước chân dò dẫm và chậm chạp, đơn độc tiến vào vùng núi phía Tây. Họ tin chắc chẳng mấy chốc sẽ bắt gặp những người trồng rau nhân từ, sẽ được đón nhận vào làng họ. Nhưng như em nói, những lời đồn không phải khi nào cũng đúng, và tay sát thủ mù đã nghe phải tin xàm. Những ma nữ chết thực sự là chết rồi. Không chỉ thế, đám sói quả là sói thật, và các ma nữ chỉ cần huyết sáo là chúng đến. Cặp tình nhân lãng mạn của chúng ta đã vào nằm bụng sói trước khi kịp hắt hơi.

Anh quả là một kẻ lạc quan bất trị, cô nói.

Anh đâu có bất trị. Nhưng anh thích kể các câu chuyện sát với đời sống, nghĩa là trong chuyện phải có sói. Sói trong lốt này hoặc lốt kia.

Tại sao như thế lại là sát với đời sống? Cô quay khỏi anh và nằm ngửa, mặt ngược lên trần. Cô thấy ức vì câu chuyện của mình bị phỉ bả.

Mọi câu chuyện đều nói về sói. Mọi câu chuyện đáng kể lại, thế đấy. Tất cả chuyện khác đều chỉ là lãng mạn rơm.

Mọi câu chuyện ư?

Chính thế, anh nói. Nghĩ mà xem. Có chuyện trốn thoát khỏi sói, đánh nhau với sói, tóm được sói, thuần hóa sói. Bị ném vào miệng sói, hoặc ném người khác vào miệng sói để sói xơi hẳn chứ không xơi mình. Chạy lẫn trong đàn sói. Tự biến thành sói. Hay hơn hết, biến thành con sói đầu đàn. Ngoài ra không còn chuyện gì đáng nói.

Em nghĩ là có, cô nói. Em nghĩ câu chuyện về anh đang kể với em câu chuyện về sói không nói về sói.

Đừng có chắc mẫm thế, anh nói. Anh cũng có máu sói trong mình. Lại đây nào.

Hượm đã. Có một điếu này em cần hỏi anh.

Được thôi, xin mời, anh uể oải nói. Mắt anh đã lại nhắm vào, tay anh vất qua người cô.

Anh có bao giờ phản bội em không?

Phản bội à. Từ gì mà cỡ lố.

Đừng có bắt bẻ ngôn từ của em, cô nói. Có không?

Không nhiều hơn em đối với anh. Anh dừng lại. Anh không tính đấy là phản bội.

Thế anh tính là gì? cô nói, giọng lạnh băng.

Lãng trí, vờn em. Em nhắm mắt lại và không nhớ mình ở đâu nữa.

Còn vờn em?

Cứ tạm nói em là số một tuy không phải là duy nhất.

Anh quả là thẳng khốn.

Anh chỉ nói sự thật thôi, anh nói.

Có lẽ anh không nên nói.

Đừng có sừng c ò lên, anh nói. Anh chỉ chọc em thôi. Anh không thể chạm nổi một ngón tay vào cô đàn bà nào khác. Họ làm anh ói.

Im lặng một lát. Cô hôn anh, rồi lùi lại. Em phải đi xa, cô lựa lời. Em cần nói với anh. Em không muốn anh sốt ruột không biết em ở đâu.

Đi đâu mà xa? Đi làm gì?

Đi chuyến xuất hành. Cả nhà em, cả hạm đội luôn. Ông ta nói chúng em không thể lỡ dịp này. Ông ta nói đây là sự kiện lớn nhất thế kỷ.

Thế kỷ mới chỉ qua một phần ba. Mà kể cả thế, anh cứ nghĩ cái bực vinh dự đó phải dành cho cuộc Thế chiến mới phải. Ly sâm banh dưới trăng làm sao độ được với hàng triệu người chết trong hào. Hoặc lại còn trận dịch cúm, hoặc...

Ông ta nói đến các sự kiện giao tế.

Ô, *pạc đông*, thừa phu nhân. Tôi nhận sai vậy.

Có sao đâu nào? Em sẽ chỉ đi một tháng - khoảng chừng ấy. Tùy theo xếp lịch thế nào.

Anh không trả lời.

Có phải là em *muốn* thế đâu.

Không. Tôi không nghĩ là cô muốn. Sẽ phải ăn bao nhiêu bữa bảy món, lại còn nhảy nhót suốt ngày. Đàn bà con gái lấy đâu ra sức.

Đừng có như thế.

Đừng có bảo tôi phải như thế nào! Đừng có hứa cùng cái lũ bày đặt dạy dỗ để tôi tiến bộ nữa. Tôi phát ốm những trò đó rồi. Tôi thế nào thì tôi sẽ thế.

Em xin lỗi mà. Xin lỗi mà, xin lỗi mà, xin lỗi mà.

Tôi ghét nhất cô lạy lục. Nhưng giới đất ă, phải công nhận cô giỏi. Tôi chắc cô được luyện tập thường xuyên tại sân nhà.

Chắc em nên về thôi.

Muốn về cứu việc về Anh lẫn qua, xoay lưng về phía cô. Muốn làm cái chó gì thì cứ việc làm. Tôi không phải vú em của cô. Cô không cần ngẩng lên năn nỉ và ằng ằng vẫy đuôi với tôi.

Anh không hiểu. Anh không thèm nghĩ thử xem. Anh không hiểu tí nào ở vào cảnh đó là thế nào. Có phải là em *thích* đâu.

Phải quá.

MAYFAIR, THÁNG BẢY 1936

ĐI TÌM TÍNH NGŨ

J. Herbert Hodgins

... Chưa con tàu nào đẹp vậy từng cưỡi sóng bể khơi. Thiết kế bên ngoài đã tạo ra dáng hình thon dài uyển chuyển như thân chó săn nhanh nhẹn, nội thất bên trong lại được trang bị hào phóng trong từng tiểu tiết và thượng đẳng trong lựa chọn trang trí, tất cả tạo nên một tuyệt phẩm vừa tiện nghi, vừa hiệu quả vừa rất mực xa hoa. Con tàu mới hạ thủy lần đầu này đúng thực là một khách sạn Waldorf-Astoria trên mặt sóng.

Tôi đã đau đầu mong tìm một tính ngữ thích hợp. Người ta đã xưng tụng là tuyệt diệu, hay mê hồn, lộng lẫy, hay vương giả, oai nghiêm, hùng tráng hay thượng thừa. Mọi chữ ấy đều có vẻ chính xác tới một mức nào đấy. Nhưng mỗi chữ đứng riêng lẻ chẳng miêu tả được gì hơn một mặt lẻ loi của “thành tựu lớn nhất lịch sử ngành đóng tàu Anh quốc” này. Tàu *Hoàng hậu Mary* không thể miêu tả bằng lời lẽ: phải nhìn thấy, phải “cảm thấy” nó, phải hòa mình vào đời sống trên tàu có một không hai.

... Tối nào cũng có dạ vũ, tất nhiên, trong Chính sảnh, và ở đó khó mà tưởng tượng ta đang ở giữa đại dương. Âm nhạc, sàn khiêu vũ, khách khứa ăn mặc thanh lịch, tất cả đều chẳng khác gì bất cứ phòng vũ hội ở khách sạn nào trong nửa tá thành phố trên thế giới. Có thể điểm mặt mọi mẫu đầm dài mới nhất vừa ra mắt ở Luân Đôn và Ba Lê, còn mới toanh sột soạt vì vừa đập hộp. Cả những phụ kiện cũng không chịu thua kém: những xắc tay nhỏ quyến rũ, những áo choàng lửng dạ tiệc dập dờn với bao nhiêu kiểu cách để khoe các phối hợp màu; khăn vòng sang trọng và áo len lửng lót lông. Váy phồng xếp nếp vẫn giành được vị trí cao nhất, dù may bằng taffeta hay vải lưới. Với ai ưa thích dáng bút chì thì chiếc váy không thể thiếu áo trùm cạp kỳ bằng taffeta hay xa tanh in hoa đi kèm. Áo khoác lửng bằng chiffon nhiều và đa dạng. Nhưng tất cả đều chảy xòa trên vai theo phong thái quân sự. Một cô gái trẻ xinh xắn có khuôn mặt búp bê sứ Dresden dưới mái tóc trắng vấn kỹ diện áo khoác lửng chiffon hoa cà ôm

lấy chiếc đần xám dài chấm gót. Một thiếu phụ tóc vàng rất cao đần
hồng lòng đưa lại khoác áo choàng lông trắng viền đuôi chồn ermine.

TAY SÁT THỦ MÙ: CÁC ĐÀO NỮ TRÊN HÀNH TINH AA-A

Tối đến có khiêu vũ, lả lướt và lấp lánh trên sàn trơn bóng. Nổi hớn hở theo chỉ đạo: cô không tài nào tránh được. Khắp mọi nơi nổ ra tiếng lách tách đèn flash: chẳng thể biết người ta đang ngắm vào đâu, chẳng thể biết lúc nào sẽ thấy trên báo, ảnh mình, đầu ngật ra sau, khoe đủ bộ răng.

Sáng ra chân cô đau nhức.

Chiều về cô nấu mình vào ký ức, đuổi mình trên ghế võng, mặt giấu sau kính râm. Cô lắc đầu với bể bơi, với ném vòng, với cầu lông, với những trò chơi vô tận, vô nghĩa. Trò giải trí thì chỉ để giải tỏa tâm trí, mà cô có lối giải trí riêng.

Lũ chó đi hết vòng này đến vòng khác quanh boong tàu, kéo căng sợi dây. Đầu kia dây là những thợ dệt chó thiện nghệ. Cô vờ đọc sách.

Có người viết thư, chui vào thư viện viết. Với cô thì chẳng ích gì. Có gửi thư thì anh cũng đổi chỗ liên tục nên chưa chắc có bao giờ nhận được. Mà có khi là người khác.

Những ngày biển lặng, sóng làm đúng nhiệm vụ được thuê: Ru ngủ. Khí biển, người ta nói, tốt cho sức khỏe lắm đấy. Chỉ cần hít thật sâu. Chỉ cần thả mình. Chỉ cần buông xả.

Anh kể cho em toàn chuyện buồn như thế làm gì? cô từng nói, nhiều tháng trước. Lúc đó cả hai đang nằm quăn trong áo cô, mặt lông lật lên, như anh đòi. Khí lạnh thổi qua kẽ nứt cửa sổ, tàu điện leng keng đi qua. Chờ một phút, cô nói, có cái khay ấn vào lưng em.

Anh chỉ biết những chuyện loại đó thôi. Chuyện buồn. Mà suy cho cùng thì chuyện nào đẩy đến cái kết theo logic chẳng buồn, vì lúc hạ màn ai cũng chết. Chui ra, quặp, chết. Không trừ một ai, may ra chỉ trừ công đoạn quặp. Có nhiều cậu còn chưa đến được khâu đó, tội nghiệp.

Nhưng vẫn có thể có các đoạn vui ở giữa, cô nói. Giữa chui ra và chết - không phải ư? Mặc dù em nghĩ với những người tin có Thiên đàng thì đây cũng có thể coi là chuyện vui - ý em là phần chết ấy. Hàng hàng thiên thần đứng hát tiến đưa đến nơi yên nghỉ và đủ thứ khác.

Rõ quá. Xong đời lên giới tha hồ chơi bời. Xin chừa tôi ra.

Nói thế nào thì cũng có thể có những đoạn vui chứ, cô nói. Ít nhất cũng nhiều hơn anh chịu cho vào. Anh đâu có cho vào nhiều chuyện vui lắm.

Ý em là đoạn chúng ta lấy nhau rồi tới sống trong căn nhà nhỏ xinh xắn với hai đứa con? Đoạn đó hả?

Anh ác vừa thôi.

Được thôi, anh nói. Em muốn chuyện vui. Anh thấy là em sẽ không chịu yên chừng nào chưa đời được chuyện vui. Thì chuyện vui vậy.

Đã đến năm thứ chín mươi chín của cuộc chiến sau này sẽ có tên Chiến sự Trăm năm, hay còn gọi là Chiến sự Xenor. Trên hành tinh Xenor, ở một chiều không gian khác, có một giống người thông minh siêu đẳng nhưng cũng bạo tàn siêu đẳng, gọi là Người Thần Lằn, nhưng tất nhiên đây không phải là tên họ tự xưng, về hình dáng họ cao trên hai mét, da xám, người đầy vẩy. Mắt là hai khe hẹp, như mắt mèo hoặc rắn. Lớp da phủ thân dày đến nỗi nói chung họ không cần quần áo, trừ quần chèn làm bằng carchineal, một thứ kim loại dẻo co giãn không có trên Trái đất. Quần này bảo vệ các bộ phận sống còn của họ, cũng đầy vẩy, và chắc phải nói thêm là cực kỳ không lồ, nhưng dù sao thì cũng yếu đuối.

Cảm ơn trời là vẫn còn có chỗ yếu đuối, cô cười to.

Anh biết ngay em sẽ thích mà. Được rồi, kế hoạch của họ là bắt về một lượng lớn đàn bà Trái đất rồi đẻ ra một giống người siêu đẳng, Người lai Thần Lằn Xenor, giống này sẽ dễ thích nghi với các hành tinh có người ở khác trong vũ trụ hơn họ - có thể tự đi đầu chinh trong khí quyển lạ, tiêu hóa các loại thức ăn khác nhau, kháng lại các bệnh mới gặp, chẳng hạn thế - nhưng cũng đồng thời có sức mạnh và trí thông minh vũ trụ của người

Xenor. Giống người siêu đẳng này sẽ tán phát để chinh phục không gian, dùng dân cư các hành tinh gặp trên đường làm thực phẩm, bởi Người Thần Lăn cần mở mang bờ cõi và cũng cần thêm ngu ồn đạm.

Phi thuyền của Người Thần Lăn hành tinh Xenor đã tấn công Trái đất lần đầu năm 1967, gieo rắc tàn phá trên nhiều thành phố lớn, hàng triệu người đã tiêu vong. Trong cảnh hoảng loạn lan tràn, Người Thần Lăn đã chiếm đóng nhiều phần đại lục Âu Á và đại lục Nam Mỹ thành khu kiêu dân nô lệ, phụ nữ trẻ đem dùng vào các thí nghiệm sinh sản kinh tởm còn đàn ông đem giết rồi chôn trong những hố khổng lồ, sau khi chén hết những bộ phận khoái khẩu. Chúng ưa nhất là não và tim, thứ đến là thận, sau khi nướng sơ.

Nhưng đường tiếp liệu của Người Thần Lăn đã bị cắt đứt dưới hỏa lực pháo từ nhiều trạm phòng không mật trên Trái đất, các nguyên liệu cốt yếu làm ra tia zorch chết người của chúng đã cạn, và Trái đất cũng đã vùng lên chống trả - không chỉ bằng những lực lượng có sẵn, mà còn phun khí chế từ nọc độc loài cóc *hortz* hiếm ở Iridis ngày xưa người Nacrod hành tinh Ulinth dùng tắm đầu mũi tên, giới khoa học Trái đất đã phát hiện ra người Xenor đặc biệt mẫn cảm với chất độc đó. Như vậy là lợi thế đã cân bằng.

Thêm nữa thứ qu ân chên carchineal rất dễ bắt cháy, nếu bị bắn trúng bằng hỏa tiễn đốt đủ nóng. Đội bắn tỉa Trái đất có tay súng bách phát bách trúng, có đạn lân tinh tằm xa, là các anh hùng được tung hô nhất, mặc dù đòn thù đáp lại họ rất nặng nề, gồm cả những hình thức tra tấn điện chưa từng thấy gây đau đớn róc xương tủy. Người Thần Lăn không nường nhẹ chuyện phần kín bị nướng cháy, đi đâu này âu cũng dễ hiểu.

Đến lúc này, năm 2066, bọn Người Thần Lăn đã bị đánh đuổi dạt sang một chi ều không gian khác nữa, còn phi công Trái đất vẫn lái những chiến đấu cơ hủy diệt nhỏ gọn hai người truy kích. Mục tiêu tối hậu của họ là quét sạch nòi giống Xenor, có lẽ chỉ chưa hai ba chục đem về trưng bày trong những vườn thú cực kiên cố, cửa sổ lắp kính không vỡ. Nhưng người Xenor cũng không định xuôi tay mà không quyết tử. Chúng vẫn còn một phi thuyền đang hoạt động, và vài mảnh khóc giấu trong túi.

Họ có túi à? Em tưởng họ chỉ mặc độc quần đùi.

Lạy sứ đồ Judas, đừng có chẻ sợi tóc làm tư. Em hiểu anh nói gì mà.

Will và Boyd là hai chiến hữu lâu năm - thương tích đầy mình, dạn dày chiến trận, họ đã lái chiến đấu cơ ba năm có lẻ. Trong nghiệp càn lái máy bay đã là rất kỳ cựu, vì nghề này lắm thương vong. Theo đánh giá của cấp chỉ huy thì ở họ lòng gan dạ ưu việt hơn nhiều óc phán đoán, mặc dù đến giờ hành động liều lĩnh vẫn chưa mang lại hậu quả gì lớn, còn bằng kinh nghiệm can trường thì vẫn dài thêm.

Nhưng ở thời điểm câu chuyện này bắt đầu, một chiến cơ bắn zorch phía Xenor đã sát gần họ, và lúc này họ đã bị bắn đến bần dập què quặt. Những tia zorch đã xuyên thủng thùng nhiên liệu, bắn cam đường dây liên lạc với cầu chỉ huy dưới Trái đất, nung chảy bộ lái tàu, cùng lúc tặng Boyd vết thương rất ác trên da đầu, còn Will đang chảy máu trong bộ cánh phi hành từ đầu đó khoảng giữa mình.

Xem ra là tới số rồi đấy, Boyd nói. Hai ta được xăm trở đầy cả người rồi đây. Em bé này sắp nổ bùm đến nơi rồi. Tao nghĩ giá mình đủ thời gian thối thêm vài trăm năm vậy ghê này tới cõi cực lạc nữa là chẳng còn gì phải tiếc.

Nhút trí. Thôi thì chúc may trúng số đỏ, chiến hữu ạ. Mà xem ra may cũng trúng kha khá rồi còn gì - bùm đỏ đầy mặt kia. Ngón chân may đang chảy nước đỏ. Ha, ha.

Ha, ha, Boyd đáp lại và nhăn mặt vì đau. Đùa hay lắm. May lúc nào cũng đùa ngu chết đi được.

Trước khi Will kịp đáp trả, chiến đấu cơ đã mất kiểm soát và lao vào một vòng xoáy ốc chóng mặt. Họ vừa rơi vào trọng trường, nhưng của hành tinh nào đây? Họ không hề biết mình đang ở đâu. Trọng lực nhân tạo trong tàu đã tắt ngúm, và hai người bất tỉnh nhân sự.

Khi tỉnh lại, cả hai không tin vào mắt mình. Họ không còn ở trong chiến đấu cơ nữa, cũng không mặc bộ đồ du hành kim loại bó sát. Thay vào đó

họ mặc áo thun rộng xanh lá bằng thứ vải hình như tỏa sáng, ngả mình trên xô pha vàng mềm mại dưới vòm dây leo xanh ngát. Mọi vết thương đã lành, cả ngón giữa tay trái Will bị bắn rụng trong trận đánh từ đời nào cũng đã mọc lại. Họ thấy mình căng tràn nhựa sống và sức lực.

Căng tràn nhựa sống, cô thì thào. Úi giời ơi.

Chứ sao, tụi này thỉnh thoảng cũng thích từ ngữ văn hoa chứ, anh nhếch miệng nói như một gã găng tơ trên phim. Phấn đấu cho được tao nữa thêm tí chút.

Phải rồi.

Kể tiếp. Tao không hiểu, Boyd nói. Mà có nghĩ mình nghèo rồi không?

Nếu nghèo rồi thì tao thấy nghèo vậy cũng ok, Will nói. Chỗ này được, hơi bị được.

Còn phải nói.

Lúc đó Will bật huyết sáo khe khẽ. Bước về phía họ có hai cô nàng đào non mơn mớn chưa từng thấy trên đời. Tóc họ màu giẻ đan bằng nan liễu. Họ mặc áo dài phẳng phất màu lam đồ tía, xếp ly li ti đổ xuống chạm đất sột soạt theo bước chân. Nhìn vậy Will không thể không nhớ đến những lớp giấy bao bọc cho từng quả trong các hàng rau quả Thượng Phẩm kiêu điệu. Chân tay họ để trần; đầu mỗi người đội một thứ mạng lạt lung bằng lưới đỏ mắt rất sít. Da họ hồng óng và căng mọng. Bước chân họ bập bênh, cứ như vừa nhúng trong xi rô.

Xin chào đón các anh, những người Trái đất, một cô nói.

Các anh, xin đón chào, cô kia nói. Chúng tôi đã chờ đợi các anh từ lâu. Chúng tôi đã theo dõi chặng đường của các anh trên máy thu hình tê lê liên hành tinh.

Đây là đâu? Will hỏi.

Đây là hành tinh Aa-A, cô đầu nói. Âm đó giống như một tiếng thở dài thỏa mãn, giữa chừng ngắt quãng như tiếng thoát từ miệng trẻ sơ sinh trở mình khi ngủ. Đồng thời nghe cũng như tiếng thở hắt của người hấp hối.

Làm sao chúng tôi lại ở đây? Will hỏi. Boyd thì đang cấm khẩu hoàn toàn. Mắt anh đang uống lấy những đường cong chín mọng phôi ra trước mặt mình. Giá được ghé răng cắn một phát, anh nghĩ.

Các anh từ trên trời rơi xuống, cả phi thuyền, cô đầu nói. Tin bu ền là nó hỏng hỏn r ồi. Các anh sẽ phải ở lại đây với chúng tôi.

Có vẻ cũng không bu ền lắm, Will nói.

Các anh sẽ được chăm sóc cẩn thận. Các anh xứng đáng được như thế. Vì khi bảo vệ thế giới của các anh chống lại tộc Xenor, cũng là các anh bảo vệ thế giới chúng tôi.

Vì thế nhĩ chúng ta phải ngoảnh đi trước những sự việc tiếp theo.

Sao phải thế?

Anh sẽ giải thích ngay đây. Chỉ cần nói thêm là Boyd và Will là những đàn ông duy nhất trên hành tinh Aa-A, nên tất nhiên các cô này đều là trinh nữ. Nhưng họ lại biết đọc suy nghĩ người khác, và cả hai đều biết trước Will và Boyd sẽ thêm muốn gì. Thế nên chẳng mấy chốc những mơ mộng quái đản nhất của đôi bạn đều được thỏa mãn.

Sau đó là một bữa tiệc mật ngon lành, mà như hai người bạn được cho biết, ăn vào sẽ trường sinh bất lão cũng như bất tử; r ồi là cuộc ngoạn cảnh trong những khu vườn xinh xắn, tràn đầy những loại kỳ hoa dị thảo; r ồi hai người được đưa đến một phòng lớn đặt toàn tàu, cho họ chọn bất cứ cái nào mình muốn.

Tàu? Tàu để hút á?

Và kèm theo là dép m ền phát cho họ ngay sau đó^[28].

Hình như em vừa cắn câu thì phải.

Chứ còn gì, anh cười toét miệng.

Ở trong còn lắm đi đâu hay. Một trong hai cô lãnh nghề giường chiếu, cô kia thông minh hẳn tiếp có đủ tài bàn luận văn chương nghệ thuật hay triết học, kể cả thần học nữa. Có vẻ họ biết tại mỗi thời điểm người ta cần gì, nên trao đổi nhau tùy theo tâm trạng và ý hướng của Boyd và Will.

Cứ thế ngày tháng thuận hòa trôi. Cứ mỗi ngày tuyệt diệu qua đi, hai người lại biết thêm nhiều đi đâu về hành tinh Aa-A. Trước hết, ở đây không ai ăn thịt, động vật ăn thịt cũng không có loài nào, mà lại có rất nhiều bướm bay và chim hót. Có cần nói thêm là vị thần chủ quản xứ này mang lột quả bí đỏ to đùng không?

Thứ hai là không có chuyện sinh nở như ta vẫn biết. Những cô này nảy ra trên cây, cuống mọc ở đỉnh đầu, đến khi chín thì được các thế hệ trước hái xuống. Thứ ba, cũng không có chết chóc luôn. Khi đến lúc, mỗi Đào Nữ - ta hãy gọi bằng tên Boyd và Will từ đầu đã đặt cho họ - chỉ cần giải thể các phân tử trong mình, những phân tử đó lại được cây cối tổng hợp lại thành một cô gái mới tinh tươm. Vậy nên cô mới sinh, về chất liệu cũng như hình thù, cùng là một với cô thoát kỳ thủy.

Làm sao họ biết khi nào đến lúc? Cần giải thể phân tử trong mình?

Trước hết họ sẽ thấy các nếp nhăn nhỏ xuất hiện trên làn da mịn như nhung khi họ đã nẫu. Tiếp đó sẽ có ruồi.

Có ruồi?

Ruồi giấm ăn hoa quả vò vè quanh cái mạng lưới đỏ trên đầu.

Chuyện vui của anh là thế đấy à?

Từ từ đã. Còn tiếp.

Qua một thời gian cuộc sống kiểu này, dù tuyệt vời đến mấy, cũng khiến Boyd và Will thấy nhạt. Một chuyện là đám đàn bà cứ liên tục thăm nom xem họ có thật vui vẻ không. Cứ thế khiến người ta mệt mỏi. Hai nữa, hai cô em này chẳng có gì là không chịu làm. Họ hoàn toàn không biết ngượng, hoặc không có gì phải ngượng, nói sao cũng được. Chỉ cần có lệnh họ sẽ làm những trò điếm đảng cực điếm. Gọi là “đĩ thỏa” còn là nhẹ. Hoặc có khi họ lại bền lên và e thẹn, lại co rụt, đoan trang; họ còn khóc lóc hay la hét nữa - tất cả đều theo hiệu lệnh.

Đầu tiên Will và Boyd thấy cực kỳ thú vị, nhưng sau một hồi họ bắt đầu thấy cáu.

Nếu đánh những người này, họ không chảy máu, chỉ chảy nước quả. Nếu đánh mạnh hơn, họ tan ra thành thịt quả ngọt bần bột, rồi nháy mắt lại hóa thành một Đào Nữ khác. Họ không tỏ ra biết đau, như ta đau, và Will cùng Boyd bắt đầu nghi hoặc liệu họ có biết khoái cảm thực chẳng. Chẳng lẽ những hoan lạc trước giờ đều chỉ là diễn?

Khi đem câu này hỏi họ, đám con gái mỉm cười và đánh trống lảng. Chẳng bao giờ dò nổi lòng họ thế nào.

Mày biết tao đang thêm gì ngay bây giờ không? một ngày đẹp trời Will hỏi.

Mày thêm sao chắc như tao thêm vậy, Boyd đáp.

Một tảng thịt nướng thật to, thật tái, còn đỏ tong tong. Một bạch khoai tây chiên thật bự. Với một vại bia thật lạnh.

Nhút trí. Xong thì nhào vào uỳnh nhau tan xác với mấy thằng vầy ghê Xenor.

Chuẩn không cần chỉnh.

Họ quyết định đi thám hiểm. Dù đã được cho biết Aa-A ở mọi phần đều giống hệt nhau, và có đi mãi cũng sẽ chỉ thấy cây cối và bụi rậm cùng chim bướm và đàn bà thơm tho, họ vẫn nhắm hướng Tây thẳng tiến. Sau một hồi lâu chẳng chạm trán gì hết, họ đụng phải một bức tường vô hình. Bức

tường trơn tuột, như thủy tinh, nhưng lại mềm lún nếu ấn tay vào. Bỏ tay ra nó lại bật về như cũ. Bức tường cao quá tấc tay họ với, chẳng tài nào trèo qua được. Cứ như ở trong một bong bóng thủy tinh khổng lồ.

Tao nghĩ mình bị nhốt trong một cái tí bự trong suốt rồi, Boyd nói.

Họ ngã xuống chân tường, chợt thấy ngập tràn tuyệt vọng.

Chốn này thì an nhàn đầy đủ, Will nói. Có chăn êm nệm ấm và những giấc mơ hời hợt, có uất kim hương cắm bàn ăn sáng ngập nắng, có em yêu rót cà phê. Có tình đủ dạng đủ hình vượt mức thăng nào có thể mơ tưởng được. Có mọi thứ thăng đàn ông nghĩ mình mong có khi chiến đấu ở chiều không gian khác ngoài kia. Có những đi đầu các thăng khác đã bỏ mình để có. Tao nói đúng không?

Mày nói chữ nào trúng chữ ấy, Boyd đáp.

Nhưng nó tốt đẹp quá không thể là sự thực, Will nói. Đây hẳn là một cái bẫy. Thậm chí còn có thể là một thiết bị ma quỷ khổng lồ chế đầu óc do bọn Xenor nghĩ ra, để ngăn bọn mình chiến đấu. Nó là một thứ Thiên đường mà ta không thể thoát ra. Mà cái gì ta không thể thoát ra được đầu là Địa ngục.

Nhưng đây không phải Địa ngục. Đây là niềm vui, có tiếng nói của một Đào Nữ vừa nở ra trên cành một cây gầy đó. Từ đây chẳng còn nơi nào khác mà đi đâu. Cứ thoải mái đi. Cứ tận hưởng đi. Rồi các anh sẽ quen.

Và chuyện đến đây là hết.

Thế thôi à? cô hỏi. Anh cứ để hai người đó bị nhốt trong ấy vĩnh viễn à?

Anh làm đúng như em muốn còn gì. Em muốn có niềm vui. Nhưng anh cũng có thể để họ trong ấy hoặc cho họ ra, tùy ý em thế nào.

Vậy thả họ ra.

Ra ngoài là chết. Nhớ chưa?

À. Em hiểu. Cô trở mình nằm nghiêng, kéo vạt áo lông phủ lên mình, vòng tay ôm lấy anh. Nhưng về các Đào Nữ thì anh nhàn. Họ không phải như anh nghĩ đâu.

Nhàn sao?

Anh nhàn, thế thôi.

TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 19 THÁNG CHÍN 1936 GRIFFEN CẢNH BÁO THẢM HỌA ĐỎ Ở TÂY BAN NHA

Bản tin độc quyền

Trong một bài diễn thuyết đầy hứng khởi ở câu lạc bộ Đế quốc thứ Năm vừa qua, nhà công nghiệp tài danh Richard E. Griffen, chủ Công ty hoàng gia hợp nhất Griffen-Chase, đã cảnh báo về những nguy cơ tiềm tàng đe dọa trật tự thế giới và sự bình yên của tiến trình thương mại toàn cầu, ẩn chứa trong xung đột chính trị hiện thời ở Tây Ban Nha. Đảng Cộng hòa, ông nói, đang tuân lệnh bọn Đỏ, đi đầu này đã được chứng minh qua việc chúng tịch biên của tư hữu, tàn sát thường dân vô tội, cùng những tội ác động trời nhằm vào tôn giáo. Nhiều nhà thờ đã bị mao phạm và đốt cháy, cảnh giết chóc giới tu hành đã thành chuyện thường ngày.

Sự can thiệp của đảng Dân tộc do tướng Franco lãnh đạo trong hoàn cảnh ấy là một phản ứng tất yếu. Công phần, những công dân Tây Ban Nha anh dũng thuộc mọi tầng lớp đã đoàn kết đứng lên bảo vệ truyền thống và trật tự xã hội, và cả thế giới đang lo lắng dõi theo chờ đợi kết cục. Chiến thắng đến với phe Cộng hòa sẽ kích thích Nga càng thêm hung hãn, nhiều nước nhỏ hơn sẽ lâm vào hiểm họa. Trong số các nước ở châu Âu lục địa, chỉ có Đức và Pháp, và phần nào là Ý, là đủ mạnh để ngăn chặn ngọn triều Đỏ.

Ông Griffen lớn tiếng kêu gọi Canada đi theo tấm gương của Anh, Pháp và Hoa Kỳ, đứng ra ngoài cuộc xung đột này. Chính sách bất can thiệp là một chính sách vững chắc và cần được áp dụng lập tức, bởi không thể đòi hỏi công dân Canada phải liêu mình trong một cuộc loạn đả ngoại bang. Tuy nhiên hiện tại đang có một luồng sóng ngầm những tên Cộng cứng cổ từ lục địa Bắc Mỹ lên đường đến Tây Ban Nha, và mặc dù lẽ ra pháp luật phải nghiêm cấm đi đầu đó, đất nước ta nên thấy đây là một cơ hội may mắn giúp thanh lọc khỏi xứ sở mình những phần tử quấy nhiễu mà không tốn phí đóng thuế của người dân.

Những kiến giải của ông Griffen đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

TAY SÁT THỦ MÙ: QUÁN NƯỚNG MŨ QUẢ DƯA

Quán nướng Mũ Quả Dưa treo biển nê ông hình cái mũ quả dưa màu đỏ và cái găng tay xanh đang nhấc mũ. Mũ giở lên, r ồi lại giở lên; nó chẳng bao giờ hạ xuống. Nhưng dưới mũ không có đầu, chỉ có một con mắt, đang nháy. Mắt đàn ông, mở ra, khép lại; mắt tay phù thủy; một trò đùa ranh giảo, không đầu.

Cái mũ quả dưa này là thứ thanh lịch nhất ở Mũ Quả Dưa. Nhưng họ đã ng ồi đây, trong một ngăn, giữa nơi công cộng y như người thật, mỗi người một bánh kẹp bò nóng, thịt bò xém trên bánh mì trắng mềm và nhạt nhẽo như mộng thiên th ần, sốt nâu quánh lại vì trộn quá tay bột. Đậu đóng hộp làm món kèm, màu xanh ngả xám tinh tể; khoai tây chiên mềm oặt vì mỡ. Ở các bàn khác có những đàn ông bơ phờ lẻ loi, đôi mắt đỏ h ồng hồi lồi, sơ mi hơi ố và cà vạt bóng loáng kiểu kế toán viên, một hai cặp vợ ch ồng xơ xác đang ăn chơi thứ Sáu hết cỡ túi ti ền cho phép, cùng vài bộ ba các cô điếm đang nghỉ giữa hiệp.

Không biết anh có đi với ả điếm nào trong đó không, cô nghĩ. Khi mình vắng mặt. Ngay sau đó: Làm sao mình biết họ là điếm?

Đây là món khá nhất ở đây, anh nói, với giá đó. Anh đang nói về bánh kẹp thịt bò.

Anh thử hết các thứ kia r ồi à?

Không, nhưng bản năng mách bảo.

Nói thực là được đấy chứ, so với những thứ cùng loại.

Thôi miễn phong cách dự tiệc đi, anh nói, nhưng không xác quá. Tâm trạng anh lúc này không hẳn là thân thiện, mà là cảnh giác. Có chuyện gì đó làm anh đang vênh tai lên.

Lúc cô mới đi về thì anh không như vậy. Lúc đó anh ít lời, và hần học.

Lâu rồi mới gặp. Đến vì chuyện mọi khi à?

Chuyện mọi khi gì?

Chuyện lẩn giường.

Việc gì anh phải thô lỗ như thế?

Đi với ma mặc áo giấy.

Đi đâu cô đang rất muốn biết lúc này là tại sao hôm nay lại đi ăn ngoài. Tại sao không ở trong phòng anh. Tại sao anh lại phớt lờ mọi sự đề phòng. Và anh lấy tiền đâu ra.

Anh trả lời câu cuối cùng trước, dù cô chưa hỏi.

Bánh kẹp bò trước mặt em đây, anh nói, là do Người Thần Lẩn trên hành tinh Xenor chiêu đãi. Nào cùng nâng cốc mừng chúng, những quái vật ác ôn đây vậy, mừng mọi thứ đi cùng với chúng. Anh giờ cốc Coca-Cola lên; anh đã pha thêm rum, đựng trong bình thủy. (Cốc tai thì e rằng không có đâu, anh đã nói khi mở cửa cho cô. Tiệm này không như cái tò tí te mù phũ thủy.)

Cô cũng giờ cốc lên. Người Thần Lẩn trên hành tinh Xenor à? cô hỏi. Chính cái hành tinh ấy à?

Chính hán. Anh đã gửi gắm nó vào giấy, tiễn đi hai tuần trước, chúng nó thiếu đi đâu rồi vậy. Séc vừa đến hôm qua.

Chắc anh đã tự mình tới lấy thư, tự rút tiền ở ngân hàng nữa, gần đây anh vẫn làm thế. Anh phải làm thôi, cô đi vắng lâu quá.

Anh có vui không? Anh có vẻ vui.

Tất nhiên, tất nhiên... đây là một kiệt tác. Rất nhiều hành động, rất nhiều máu me trên giấy tre. Các cô nương xinh đẹp. Anh cười cợt. Ai mà cưỡng

được?

Chuyện về các Đào Nữ à?

Không. Chuyện này không hề có Đào Nữ nào hết. Cốt truyện khác hoàn toàn.

Anh nghĩ: Khi mình nói ra thì sao? Chấm hết hay là thôi thốt đá vàng, mà cái nào đáng sợ hơn? Cô đang quẩn khăn, hàng tơ lụa ẻo lả bông bay, cái màu cam ngả hồng gì đó. *Lòng đưa* là từ chỉ sắc này. Thịt lỏng giòn ngọt lịm. Anh nhớ lại lần đầu nhìn thấy cô. Lúc đó anh chỉ có thể hình dung bên trong áo cô là sương khói.

Cái gì ám vào anh thế? cô hỏi. Anh có vẻ rất là... Anh uống rượu đấy à?

Không. Không mấy. Anh gảy mấy hạt đậu xám bột quanh đĩa. Rốt cuộc cũng đến lúc rồi, anh nói. Anh sắp đi. Hộ chiếu mọi thứ đủ rồi.

Ồ, cô nói. Đơn giản vậy à. Cô cố gắng giữ cho giọng mình khỏi có vẻ thất vọng.

Đơn giản vậy thôi, anh nói. Các đồng chí liên lạc lại. Chắc họ đã kết luận anh qua đó sẽ có ích hơn hơn là chết giở đây. Tóm lại là sau bao nhiêu lập lờ tránh né, bỗng dưng một sáng họ phát sốt phát rét muốn đẩy anh đi. Cắt thêm một cái nhọt trên mông.

Anh có an toàn không, đi đường ấy? Em tưởng...

An toàn hơn ở lại đây. Nhưng theo tin báo thì không còn ai bỏ công lòng anh nữa. Anh nghĩ phía bên kia cũng muốn anh cuốn xéo đi cho xong. Đỡ lằng nhằng cho chúng. Nhưng anh không nói ai biết mình sẽ lên chuyến nào. Anh không thú lắm cảnh bị đẩy khỏi tàu với cái lỗ xuyên đầu và con dao xuyên lưng.

Thế còn vượt biên thì sao? Anh vẫn bảo...

Biên giới bây giờ thì như cái muôi thủng, ấy là nếu đi ra. Mấy cha hải quan biết thừa chuyện gì đang xảy ra, chúng nó biết có đường dây chạy thẳng từ đây đến New York, rồi cắt bẻ tới Paris. Sắp xếp cả rồi, trâu cũng như chó cả. Cảnh sát đều được lệnh rồi. Nhắm mắt làm ngơ, lệnh thế đấy. Chúng nó biết lộ từ đâu đổ xuống. Còn lại thì chúng cóc cần.

Giá mà em có thể đi cùng anh, cô nói.

Vậy đi ăn tiệm là vì thế đấy. Anh muốn báo tin ở nơi nào cô sẽ không hóa dại. Anh hy vọng cô sẽ không làm rùm beng giữa chỗ đông người. Khóc lóc, gào hét, bứt tóc vò đầu. Anh trông vào đó.

Ừ. Anh cũng nghĩ giá mà, anh nói. Nhưng không được. Bên kia cực lắm. Anh khe khẽ nhắm trong đầu:

Ngoài trời bão giông

Chẳng hiểu vì sao, cửa quăn tôi cứ không còn đâu,

Mà có khóa cài...

Tĩnh lại, anh tự nhủ. Anh cảm thấy đầu mình đang lên bọt, như bia gừng. Máu có ga. Cứ như anh đang bay - đang nhìn cô từ trên trời. Khuôn mặt đáng yêu phiền muộn chập chờn như bóng trên mặt nước hồ bị tay khuấy; chưa chi đã bắt đầu tan, chẳng mấy chốc sẽ tan thành nước mắt. Nhưng buồn đến đâu, cô cũng chưa bao giờ trông ngon mắt đến thế này. Người cô tỏa ra quầng sáng dịu dàng như sữa; da thịt trên tay cô, nơi anh vừa nắm, rần và mủm mĩm. Anh chỉ muốn tóm lấy cô, lôi ngay lên phòng mình, cho cô xơi đủ bảy món có trong thực đơn. Cứ như làm thế sẽ đóng đinh cô một chỗ.

Em sẽ đợi anh, cô nói. Khi anh trở lại em sẽ bước ra khỏi cửa, thế là xong, chúng ta có thể ra đi cùng nhau.

Em sẽ đi thật chứ? Em bỏ hẳn thật chứ?

Thật. Vì anh, em sẽ đi. Nếu anh muốn. Em sẽ bỏ mọi thứ.

Những dải ánh sáng nê ông chiếu vào qua cửa sổ trên đầu họ, đỏ, xanh, đỏ. Cô tưởng tượng anh bị thương; đó là một cách đảm bảo anh ở yên một chỗ. Cô những muốn anh bị khóa lại, trói chặt, giữ riêng cho mình cô thôi.

Bỏ hẳn ngay đi, anh nói.

Ngay à? Mắt cô mở to. Ngay bây giờ á? Vì sao?

Bởi anh không chịu được em vẫn ở với hẳn ta. Nghĩ tới chuyện đó anh không chịu nổi.

Cái đó chẳng có nghĩa gì với em cả, cô nói.

Cái đó có nghĩa với anh. Nhất là khi anh đi, khi anh không thể gặp em. Nó sẽ khiến anh phát điên - nghĩ về nó sẽ khiến anh phát điên.

Nhưng em chẳng có tí tiền nào, cô nói giọng phân vân. Em sẽ sống ở đâu? Trong phòng trọ nào đó, một mình à? Giống như anh, cô nghĩ. Em sẽ sống bằng gì?

Em có thể kiếm việc làm, anh bắt lực đáp. Anh có thể gửi tiền cho em.

Anh không có tiền, không có tí nào trong túi. Và em không *biết* làm gì hết. Khâu vá không biết, đánh máy không biết. Còn một lý do nữa, cô nghĩ, nhưng mình không thể cho anh biết được.

Phải có cách nào chứ. Nhưng anh không hỏi cô. Có lẽ đây không phải ý hay lắm, để cô ra ngoài một mình. Ngoài thế giới bất lương hiểm trở, nơi mọi kẻ thượng ông hạ đẳng đều có thể lợi dụng cô. Nếu có gì bất trắc, anh chỉ có thể trách mình.

Em nghĩ tốt hơn hết là em ở yên một chỗ, đúng không? Như thế là tốt nhất. Đến lúc anh về Anh sẽ về, phải không? Anh sẽ về yên lành chứ?

Tất nhiên, anh nói.

Vì nếu anh không về, em không biết mình sẽ làm sao. Nếu anh để bị chết hay gì em sẽ tan lòng nát dạ. Cô nghĩ: Mình đang nói như phim. Nhưng nếu

không thì nói cách nào? Chúng ta đã quên cách nói.

Bỏ mẹ, anh nghĩ. Bắt đầu hăng tiết lên rồi. Bây giờ thế nào cũng khóc. Khóc là mình sẽ ng ửi đ ần thối ở đây, mà đàn bà đã khóc thì không làm cách nào bắt nín.

Đi thôi, anh cần áo cho em, anh lừ lừ nói. Thế này chẳng có gì vui. Không còn mấy thời gian nữa. Về phòng thôi.

ĐỒ GIẶT

Cuối cùng thì cũng tháng Ba, mang theo vài ba tín hiệu xuân miễn cưỡng. Cây vẫn trụi lá, búp ch ồi vẫn cứng, ẩn kỹ trong kén, nhưng nắng xuống nơi nào là thấy tan chảy nơi đó. Bãi chó rã đông, r ồi vệt d ần thành các mẫu ren bằng băng, vàng xuội vì nước tiểu năm ngoái. Từng khoảnh cỏ ra với nắng, rải rác, lẹp nhẹp bùn. Tỉnh ngục chắc giống thế này.

Hôm nay tôi được đổi món bữa sáng. Một thứ bông ngũ cốc mới ra lò, Myra mang sang chấn hưng tinh th ần tôi: cô nàng vốn mê tín các cột chữ trên lưng bao bì. Giống bông này, theo lời quảng cáo bằng kiểu chữ chân chất màu kẹo mút, màu đ ồchạy bộ vải bông xù, không phải chế từ ngô hay lúa mì đã thương mại hóa đến hư hỏng, mà từ các loại hạt hiếm người biết, mang những tên khó đọc, cổ giả và huy ền bí. Tr ồng từ hạt giống mới phát hiện lại trong các mộ da đồ t i ền sử và kim tự tháp Ai Cập; cái này cộng điểm cho tính chân thực, dù nghĩ cho kỹ thì cũng không đáng yên tâm như họ tưởng. Không chỉ đánh bóng bạn như miếng giẻ cọ n ồi, những bông bông còn r i ần hứa hẹn sinh lực vãn h ồi, tuổi xuân vĩnh cửu, bất tử trường sinh. Lưng hộp giăng ngang một khúc ruột h ồng dẻo dai; mặt trước in một khuôn mặt ngọc khảm không có mắt, mà phòng quảng cáo rõ ràng chẳng nhận ra là cái mặt nạ nhà m ồAztec.

Để tỏ lòng tôn kính món ngũ cốc mới tôi ép mình ng ồi vào bàn bếp đang hoàng, trang bị đủ bộ thìa đĩa khăn ăn. Những kẻ sống một mình d ần nhiễm thói ăn theo chi ều đúng: tội gì phải c ầu kỳ nghi thức khi chẳng có ai chia sẻ hay quả trách? Nhưng trễ nải một ly r ồi có thể dẫn đến tung hê toàn cục.

Hôm qua tôi quyết định sẽ đi giặt, để giấu Chúa chút chơi, Chủ nhật mà làm việc. Dù chắc ngài cũng chẳng màng đến thứ ngày tháng: trên Thiên đàng, cũng như trong cõi vô thức - người ta bảo thế - không có khái niệm thời gian. Nhưng thực tình thì là để giấu Myra. Tôi không được dọn giường, Myra dặn; tôi không được mang vác giỏ nặng đ ầy quần áo bẩn leo các bậc thang rọc r ọc rạch xuống h ầm, nơi để cái máy giặt điên khùng cỡ lỗ sĩ.

Thế ai giặt đồ? Myra, nghiêm nhiên, *sẵn tiện ở đây con cho quay một mẻ*, cô ả sẽ nói. Rồi chúng tôi sẽ cùng giả vờ không phải cô vừa làm thế. Chúng tôi toa rập với nhau dựng chuyện ảo tưởng - hoặc đang nhanh chóng trở thành ảo tưởng - rằng tôi có thể tự lo lấy thân. Nhưng nổi căng thẳng phải giả đồ đang dần khiến cô nhột nhạt.

Thêm nữa lưng cô bắt đầu nhức. Cô muốn thu xếp tìm một bà nào đó, một kẻ lạ mặt tọc mạch đi thuê nào đó, tới đây gánh vác việc này. Cô lấy có tim của tôi. Không biết làm sao mà cô đã biết chuyện đó, biết tay bác sĩ giỏi cấp phát tiên đoán cùng những món thuốc dạo - tôi ngờ là qua y tá, một ả tóc đỏ nhuộm có cái mồm chạy như máy khâu. Thị trấn này là một cái bình thông nhau.

Tôi bảo Myra là đồ bản của tôi, tôi làm gì là việc của tôi: tôi sẽ cưỡng lại *bà nào đó* càng lâu càng tốt. Bao nhiêu phần là do xấu hổ, về phía tôi? Một phần lớn đấy. Tôi không muốn ai khác thọc mũi vào những chức năng suy giảm, những vết bẩn và mùi hôi của mình. Myra thì không sao, bởi cô biết tôi và tôi biết cô. Tôi là gánh nặng của cô: nhờ tôi mà cô trở nên đức độ, trong mắt mọi người. Chỉ việc nhắc tên tôi và đảo mắt, cô sẽ gạt hái được khoan nhượng khắp nơi, nếu không phải từ tay thiên thần thì ít nhất cũng từ đám hàng xóm, mà đám này thì khó tính khó chiều hơn gấp vạn.

Đừng hiểu nhầm tôi. Tôi không bỉ báng lòng tốt, một thứ còn khó lý giải hơn thói ác, và cũng phức tạp không thua. Nhưng đôi lúc cũng khó chịu đựng.

Sau khi quyết định - và nếm nấp trước những tràng be lên đau khổ từ miệng Myra khi nhìn thấy chùng khăn đã giặt và gấp gọn, cũng như nụ cười nhản nở chiến thắng của mình - tôi bắt tay vào cuộc phiêu lưu giặt giũ. Tôi vọc vào thùng đồ bản, suýt tí thì té lộn đầu vào trong, và bới ra những gì tôi nghĩ mình đủ sức vác, cố gạt đi nỗi hoài nhớ độn nội y những ngày xưa. (Chúng mới xinh đẹp bấy! Giờ đâu ai còn làm những đồ như thế nữa, này khuy tự bọc, này mũi khâu tay. Hoặc có thể vẫn có, nhưng tôi không thấy, mà đằng nào cũng không đủ tiền mua, và cũng không mặc vừa. Những của này có eo.)

Đồ lưạ ra bay vào giỏ nhựa, và tôi khởi hành, từng bậc một, bước như cua xuống cầu thang, như bé quàng khăn đỏ trên đường đến nhà bà qua thế giới ngầm. Chỉ trừ việc bà chính là tôi, và trong tôi có con sói ác của riêng mình. Gặm hoài, gặm hủy.

Tầng trệt, đến giờ vẫn ổn. Theo hành lang vào tới bếp, rồi đèn hắt sáng ồa và bên chèn lao mình vào ẩm thấp. Gần như lập tức, cơn run chạy khắp người tôi. Những nơi trong nhà này ngày xưa tôi đi lại dễ dàng thì giờ đã thành bất trắc: cửa sổ trượt cái nào cũng là bẫy, chờ đập xuống tay tôi, thang xếp chỉ chực sập, tầng trên cùng tử lý gài đầy đồ thủy tinh hiểm trở. Xuống được nửa cầu thang hầm tôi hiểu lẽ ra không nên cố. Bậc thang quá dốc, bóng tối quá đặc, cái mùi quá hắc ám, ngửi như xi măng mới đổ lên lấp xác một ông hay bà xã vừa bị khéo léo thuốc chết. Trên sàn dưới chân thang có một vũng bóng tối, sâu và lấp lánh ướt như vũng nước thật sự. Có thể là vũng nước thật; có thể sông đang dâng lên ngập sàn, như tôi đã thấy trên kênh thời tiết. Bốn nguyên tố đâu có thể trật đường rầy bất cứ lúc nào: lửa có thể bùng khỏi đất, đất lỏng ra thụt xuống quanh tai, khí tấp vào ngực như tảng đá, xô đổ mái nhà trên đầu. Thế thì lũ lụt có gì lạ?

Tôi nghe tiếng lọc bọc, có lẽ vang lên trong người tôi mà cũng có thể không; tôi thấy tim học lên trong ngực vì hoảng sợ. Tôi biết nước đó chỉ là trò chơi xấu, do tai hoặc mắt hoặc đầu; dù thế, tốt hơn không nên xuống thêm. Tôi đặt giỏ đồ xuống cầu thang hầm, bỏ cuộc. Có thể tôi sẽ quay lại lấy lên sau, cũng có thể không. Người khác sẽ làm việc đó. Sẽ là Myra, đôi môi mím chặt. Giờ tôi đã ký tên vào bản án, giờ sẽ có *bà nào đó* ấn cho tôi là cái chắc. Tôi quay mình, suýt ngã, tóm lấy tay vịn cầu thang, rồi lôi mình lên trở lại, từng bậc một, tới ánh sáng ngội lạnh tỉnh táo trong bếp.

Ngoài cửa sổ là màu xám, một màu xám ỉu thiu đờng loạt, cả trời lẫn tuyết đang già đi lổ chỗ. Tôi cảm ẩm điện, một chốc đã nghe tiếng hơi nước êm ru vỗ về. Phải đến thế nào thì người ta mới cảm thấy đồ đạc đang chăm sóc mình chứ không phải là ngược lại. Tuy thế tôi vẫn ngó ngoài.

Tôi pha một chén trà, uống hết, rồi tráng sạch chén. Tôi vẫn tự rửa đồ được, gì thì gì. Rồi tôi cất chén, trên kệ cạnh một lô chén khác, những mẫu vẽ tay của bà nội Adelia, hoa huệ bên hoa huệ, violet cùng violet, mẫu nào

theo hình ấy. Ít nhất tủ ly cũng chưa lạnh tanh bành lên. Nhưng hình ảnh những món đồ giặt bỏ rơi trên bậc cầu thang hắt hắt làm tôi áy náy. Bao nhiêu là món giẻ, bao nhiêu mảnh nhàu nát, như da trắng bị trút lại. Dù cũng không trắng hẳn. Lờ mờ chứng không biết cho cái gì: những trang trắng cơ thể tôi đã bôi vẽ lên, để lại bằng có mã hóa về cái quá trình, chậm rãi nhưng chắc chắn, nó tự lộn trái ra ngoài.

Có lẽ tôi nên cố nhặt nhanh mấy thứ đó, rồi tống vào thùng đồ bẩn giấu đi, và sẽ chẳng ma nào biết được. *Ma nào ở đây là Myra.*

Tôi đã phát rồ, có vẻ thế, vì thèm khát sống gọn gàng.

Muộn còn hơn không, Reenie bảo.

Ôi Reenie. Em ước có chị ở đây biết mấy. Hãy về đây chăm sóc em!

Nhưng chị sẽ không trở lại. Tôi sẽ phải chăm sóc lấy mình. Mình và Laura, như tôi đã nghiêm trang hứa.

Muộn còn hơn không.

Tôi đến đâu rồi? *Đang là mùa đông.* Không, đoạn đó qua rồi.

Đang là mùa xuân. Mùa xuân năm 1936. Cái năm tất cả bắt đầu tan rã. Nghĩa là, tiếp tục tan rã một cách trăn trở hơn vẫn đang tan rã trước giờ.

Vua Edward thoái vị vào năm đó; ông ta chọn tình yêu và khước từ tham vọng. Không phải. Ông ta chọn tham vọng của Công tước phu nhân Windsor và khước từ tham vọng của mình. Đây là sự kiện người ta nhớ. Và nội chiến bắt đầu, ở Tây Ban Nha. Nhưng những chuyện này phải vài tháng nữa. Tháng Ba có sự kiện gì? Chắc chắn là có. Richard sột soạt tờ báo trong bữa sáng, nói: *Thế là ông ta đã lâm thật.*

Chỉ có hai chúng tôi ngồi ăn, hôm đó. Laura không cùng ăn sáng, chỉ trừ cuối tuần, và rồi nó trốn càng nhiều càng tốt bằng cách giả vờ ngủ muộn. Ngày thường nó ăn một mình trong bếp, vì còn đi học. Cũng không phải một mình: thường Murgatroyd vợ có mặt. Rồi Murgatroyd cũng đưa nó

đến trường và đón về, bởi Richard không muốn cho nó đi bộ. Thực sự là ông ta không muốn có cơ hội cho nó đi la cà.

Nó ăn trưa ở trường, còn ở lại học sáo thứ Ba và thứ Năm, vì trường bắt buộc phải chơi nhạc cụ nào đó. Dương cầm đã được thử đánh tiếng, nhưng chẳng đi đến đâu. Vĩ cầm cũng không khá hơn. Laura thù luyện tập, chúng tôi được thông báo vậy, mặc dù tối đến đôi khi chúng tôi được thưởng thức tiếng sáo rền rĩ, nỉ non lạc điệu. Những nốt phô có vẻ như cố tình.

“Để tôi nói chuyện với nó,” Richard bảo.

“Chúng ta phàn nàn vào đâu được,” tôi đáp. “Nó chỉ đang làm theo cậu yêu cầu.”

Laura không còn vô lễ thẳng thừng với Richard nữa. Nhưng ông ta bước vào phòng nào, nó rời ngay khỏi phòng đó.

Quay lại chuyện tờ báo sáng. Vì Richard đang dựng báo lên giữa ông ta và tôi, tôi đọc được dòng tít. Ông ta ở đây là Hitler, vừa tiến quân vào vùng sông Rhine. Ông ta đã phá luật lệ, ông ta đã vượt giới hạn, ông ta đã làm điếu đại kỵ. *Thế đấy, Richard nói, ta biết tổng là sẽ có chuyện đó, nhưng tại còn lại không kịp trở tay. Ông ta đùa cợt tất cả lũ chúng nó. Đúng là một gã cừ. Thấy ngay mắt xích yếu giữa sợi dây. Nhìn ra cơ hội là chớp lấy. Đến phải ngả mũ phục ông ta.*

Tôi ừ à, nhưng không lắng nghe. Không nghe là cách duy nhất, trong những tháng ấy, hòng giữ thăng bằng. Tôi phải bưng tai trước mọi tiếng động vây bủa xung quanh; như người đi dây qua thác Niagara, tôi không thể liếc đưa mắt nhìn quanh, sẽ trượt chân. Còn làm gì được, khi đi đầu choán hết tâm trí người ta từng phút giây thức tỉnh lại cách xa vạn bội cuộc sống người ta được cho là đang sống lúc này? Cách xa vời những thứ nằm ngay trên bàn kia, mà sáng hôm ấy là cái bình đơn cầm một bông thủy tiên trắng phau, ngắt từ bát củ thủy tiên ép nở Winifred gửi qua. *Tháng này vẫn có, thật dễ thương hết sức, chị ta nói. Thật đến thơm. Như một hơi hy vọng.*

Winifred nghĩ tôi là đứa lành như đất. Nói cách khác, chị ta nghĩ tôi là con đần. Sau này - mười năm nữa - chị ta sẽ nói, qua điện thoại, bởi chúng tôi không còn nhìn mặt nhau, “Tôi cứ tưởng cô là đứa ngu, nhưng thực tình cô là đờác quỳ. Cô đã thù chúng tôi từ đầu vì cha cô phá sản và tự đốt trụ nhà máy, mà cô đổ tại chúng tôi.”

“Không phải cha tôi đốt,” tôi đáp. “Đấy là Richard. Hoặc là do Richard xếp đặt.”

“Đúng vu khống trắng trợn. Cha cô nhả ti ền phơi mồm, nếu không nhờ ti ền bảo hiểm cái nhà đó cô đã không xu dính túi! Chúng tôi đã lôi hai đứa cô khỏi vũng bùn, cô với con em loạn óc của cô! Không có chúng tôi thì các cô đã dẫn diều đứng đường chứ đừng hòng ng ửi mát ăn bát vàng theo cái thói cô chiêu cậu ấm nhà các cô. Cô chỉ cần ngửa tay là sung rụng, cô chả bao giờ phải nhúc nhích tí gì, cô không bao giờ tỏ một chút biết ơn với Richard. Cô không đụng một ngón tay để giúp anh ấy, chưa bao giờ hết, một lần cũng không.”

“Tôi làm y như chị muốn còn gì. Tôi ngậm miệng. Tôi cười. Tôi là hàng bày tử kính. Nhưng đến Laura thì đã đi quá xa. Lẽ ra ông ta phải chừa Laura ra.”

“Toàn là hận thù đối trá! Cô nợ chúng tôi mọi thứ, và cô không chịu nổi. Cô phải tìm cách trả thù anh ấy! Hai chị em cô hòa nhau giết chết anh ấy, không khác gì đã k ềsúng vào đầu anh ấy mà bóp cò.”

“Nói vậy thì ai giết Laura?”

“Laura tự giết mình, cái đó cô thừa biết.”

“Tôi có thể nói y như thế vềRichard.”

“Đúng là lăng mạ vu cáo. Dù gì thì Laura cũng dở điên dở khùng. Tôi không biết làm sao mà cô lại tin được tí gì trong những đi ều nó nói, về Richard hay mọi chuyện khác. Không ai đi ều óc bình thường lại đi tin cả!”

Tôi không nói được gì thêm, thế nên tôi gác máy. Nhưng tôi bất lực không làm gì nổi chị ta, bởi lúc đó chị ta có con tin. Chị ta giữ Aimee.

Nhưng năm 1936 chị ta vẫn còn niềng nở, và tôi vẫn còn là đệ tử của chị ta. Chị ta vẫn lôi tôi từ cuộc giao tế này đến lần gây quỹ khác - họp hành của Liên hội phụ nữ, hội chính trị vấy xoe, ủy ban tổ chức cái này cái nọ - cầm tôi vào ghế rồi đẩy vào góc nhà, trong lúc chị ta làm mọi sự gấp gáp chào hỏi cần thiết. Bây giờ nhìn lại tôi thấy nói chung chị ta không được người ta thích, mà chỉ là chịu đựng, bởi chị ta có tiền, và có nhiệt huyết vô bờ bến: phần lớn đàn bà trong những nhóm ấy sẵn lòng để Winifred gánh đỡ phần lớn mọi việc vợ vẫn cần làm.

Chốc chốc, một người trong đám lại lên đến bên tôi mà tiết lộ mình có quen bà tôi - hoặc nếu trẻ hơn, mình ước giá mà được biết bà tôi, những ngày hoàng kim trước Đại chiến, khi người ta còn biết thế nào là phong lưu chân chính. Đây là ám hiệu: nó có nghĩa là Winifred là hạng mới nổi - tiền mới, ồn ào và thô lậu - và rằng tôi cần phải đứng lên cỗ xúy một hệ giá trị nào đó khác. Tôi sẽ mỉm cười lập lờ, và nói rằng bà tôi đã qua đời rất lâu trước khi tôi sinh ra. Nói cách khác, họ đừng trông đợi tôi đứng ra lập liên minh chống trả Winifred.

Thế đức phu quân tài năng của chị sao rồi? họ cũng nói. Lúc nào thì chúng tôi được nghe tin hệ trọng đấy? Tin hệ trọng ắt là tin về sự nghiệp quan trường của Richard, vẫn chưa chính thức bắt đầu nhưng được coi là mấp mé cửa rồi.

Ôi, tôi cười đáp, tôi nghĩ mình sẽ là người được biết đầu tiên. Tôi không tin đi đâu này: tôi nghĩ mình sẽ là người cuối.

Đời chúng tôi - Richard và tôi - đã ổn định vào một nếp lúc đó tôi đoán sẽ là vĩnh viễn. Nói cho đúng là có hai cuộc đời, một ban ngày và một ban đêm: chúng tách rời nhau, mà lại cũng bất biến không đổi. Thanh tĩnh và trật tự và đầu vào chỗ đấy, nhưng ẩn bên dưới là sự bạo hành đúng mực và hợp pháp vẫn hằng diễn ra, như cái đế giày nặng nề tàn nhẫn gõ nhịp trên sàn bọc thảm. Mỗi sáng tôi đều tắm, để gột sạch buổi đêm; để kỳ cho hết

cái chất Richard bôi lên tóc - một thứ mỡ thơm đất tiêng nào đấy. Nó thôi ra khắp cả da tôi.

Ông ta có phiền vì những hoạt động về đêm của ông ta chỉ khiến tôi thờ ơ, kinh tởm nữa là khác? Không hề Ông ta ưa chinh phục hơn là hợp tác, ở mọi lĩnh vực trong đời.

Đôi lúc - càng lúc càng nhiều, theo thời gian - xuất hiện những vết bầm, đầu tiên tím, rồi xanh, rồi vàng. Thật ngạc nhiên là tôi lại dễ bầm thế, Richard nói, cười mỉm. Chạm đến là bầm. Ông ta chưa gặp cô nào dễ bầm thế bao giờ. Vì còn trẻ và mong manh quá đấy.

Ông ta khoái nhất đùi non, ở đó không lộ. Bất cứ thứ gì đập vào mắt đều có thể ngáng đường thẳng tiến của ông ta.

Tôi thỉnh thoảng nghĩ những dấu tích ấy trên thân tôi là một thứ mã, mới đầu bùng lên, sau nhòa đi, như mực vô hình đem hong trước nến. Nhưng nếu là mã, lời giải trong tay ai?

Tôi là cát, tôi là tuyết - bị viết lên, bị viết lại, bị san bằng.

CÁI GẠT TÀN

Tôi lại vừa đi khám bệnh. Myra chở tôi đi: có băng trong, do băng vừa tan đã lại đóng băng, đường trơn lắm tôi không đi bộ được đâu, cô nói.

Viên bác sĩ gõ vào xương sườn r ồi ghé tai nghe trộm tim tôi, r ồi cau mày r ồi xóa bỏ cái cau mày, và r ồi - khi đã kết luận xong - hỏi tôi thấy thế nào. Tôi đoán chắc anh ta đã làm gì tóc mình r ồi; rõ ràng lúc trước trên đỉnh có mỏng hơn. Anh ta đã cho phép mình chơi trò dán tóc ngang sọ chẳng? Hay tệ hơn nữa là cấy tóc? A ha, tôi nghĩ. Cứ chạy bộ, cứ phô chân lông lá đi, tuổi tác đã gõ cửa vào r ồi nhé. Chẳng mấy chốc cậu sẽ hối những giờ tắm nắng cho mà xem. Mặt cậu sẽ nhăn nheo như da dái.

Nhưng anh ta vẫn đùa bỡn đến khó chịu. May ít nhất anh ta cũng không bảo, *Hôm nay chúng ta thấy sao?* Anh ta không bao giờ gọi tôi là *chúng ta*, như vài tay bác sĩ khác: anh ta hiểu giá trị của ngôi thứ nhất số ít.

“Tôi không ngủ được,” tôi bảo anh ta. “Tôi nằm mơ quá nhiều.”

“Thế nếu bác đang mơ thì rõ là bác đang ngủ r ồi,” anh ta nói, nghĩ thế là dĩ dõm.

“Anh hiểu ý tôi mà,” tôi đành giọng đáp. “Không giống nhau. Mơ làm tôi thức giấc.”

“Bác vẫn uống cà phê à?”

“Không,” tôi nói dối.

“Vậy chắc là lương tâm cắn rứt r ồi.” Anh ta đang viết đơn thuốc, hẳn lại viên đường chứ gì. Anh ta cười khùng khục một mình, chắc nghĩ mình hài hước lắm. Đến một lúc nhất định, những tàn phá do tuổi tác chạy ngược chiều kim đồng hồ chúng ta trở lại ngay thơ khi già đi, ít nhất trước mắt người ngoài. Cậu bác sĩ nhìn tôi là thấy một bà già vô dụng và vì thế mà vô tội.

Myra ng ỡi đọc tạp chí từ nửa năm trước ở phòng chờ trong lúc tôi ở trong mật cung. Cô ả xé ra một bài báo về phòng tránh sức ép tâm lý, một bài nữa về tác dụng khi ăn bắp cải sống. Đây là cho tôi, cô nói, hài lòng với những của rơi hữu ích vừa bắt được. Cô ả không ngừng chẩn đoán tôi. Sức khỏe tr ầ n tục của tôi cũng khiến cô bận tâm g ầ n ngang sức khỏe tâm linh của tôi: bộ đồ lòng được cô đặc biệt sâu sát.

Tôi bảo cô khó có thể nói tôi đang phải chịu sức ép, vì lấy đâu ra sức ép trong chân không. Còn bắp cải sống sẽ làm tôi sinh lên như xác bò chết, nên thôi xin kiêu các tác dụng. Tôi nói mình không muốn sống cả đời, hoặc ít nhất là cả phần đời còn lại, mà thum thum như thùng dưa cải muối và kêu pành pạch như còi xe tải.

Cứ thô lỗ nói về các chức năng cơ thể là sẽ bị được miệng Myra. Cô lái nốt đường về trong im lặng, nụ cười đông lại trên môi như thạch cao.

Đôi khi tôi làm mình thấy xấu hổ.

Thôi trở lại nhiệm vụ trong tay. *Trong tay* là một từ thích hợp: đôi khi tôi cảm giác chỉ có bàn tay mình đang viết, chứ không phải phần người còn lại; như bàn tay tôi đã nhiễm lấy sự sống riêng, và sẽ tiếp tục ngay cả khi bị cắt rời khỏi phần người còn lại, như một món thần vật ướp quăn băng, yếm bùa Ai Cập, hay bàn chân thổ khô người ta hay treo dưới gương xe lấy khước. Mặc các ngón tay cứ viêm khớp tùy ý, bàn tay g ầ n đây tỏ ra hoạt bát một cách bất thường, như muốn quăng dè dặt ra ngoài cửa sổ. Chắc hẳn nó đã viết ra lắm đi ầu không được phép viết nếu có chịu sự giám sát của lý trí tôi.

Lật trang nào, lật trang nào. Tôi đến đâu r ấ i? Tháng Tư năm 1936.

Đến tháng Tư chúng tôi có điện thoại của hiệu trưởng trường Thánh Cecilia, nơi Laura đang học. Có vấn đề về nền nếp cư xử của Laura, bà ta nói. Chuyện này tốt nhất không bàn qua điện thoại.

Richard đang bù đầu vì công việc kinh doanh. Ông ta đề xuất cho Winifred tháp tùng tôi, nhưng tôi nói mình tin chắc không có gì đâu; tự tôi sẽ giải quyết mọi việc, và sẽ báo ông ta nếu có gì quan trọng. Tôi đặt hẹn gặp bà

hiệu trưởng, tên bà ta tôi quên rồi. Tôi ăn mặc theo lối hy vọng sẽ dọa được bà ta, hoặc ít nhất cũng nhắc bà ta nhớ địa vị và ảnh hưởng của Richard: tôi nghĩ mình đã mặc áo cashmere viền lông sói - hơi quá ấm so với thời tiết, nhưng ấn tượng - và cái mũ đội con gà tây chết, hoặc vài bộ phận của con gà. Đôi cánh, cái đuôi, cái đầu, đầu lấp mắt thủy tinh đỏ nhỏ tròn vo.

Bà hiệu trưởng là một thực thể giống cái đang héo dần, hình thù như cái cọc gỗ treo áo - bộ xương thủy tinh trù thủ vải trông âm âm. Bà ta ngồi trong văn phòng, cố thủ sau cái bàn gỗ sồi, vai so đến mang tai vì khiếp nhược. Một năm về trước chắc tôi cũng khiếp bà ngang với bà khiếp tôi, hoặc đúng hơn khiếp thứ mà tôi đại diện: một tệp tiền dày bụi. Nhưng bây giờ tôi đã rèn được vẻ tự tin. Tôi đã quan sát Winifred hành động, tôi đã luyện tập. Bây giờ tôi có thể nhướn mày riêng một bên.

Bà ta cười lúng túng, chìa ra hàng răng vàng lùn như hạt trên bắp ngô gặm dở. Tôi tự hỏi Laura đã làm gì: hẳn phải có gì ghê gớm lắm, mới kích động nó đến mức đối đầu với Richard vắng mặt cùng quyên lực vô hình của ông ta. “Tôi e rằng chúng tôi không thể tiếp tục nhận Laura được nữa,” bà ta nói. “Chúng tôi đã cố gắng hết sức, và chúng tôi cũng hiểu có những tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét trên tổng thể chúng tôi còn phải lo cho những em khác nữa, và tôi e rằng Laura gây nên một ảnh hưởng có tính phá hoại.”

Tới lúc này tôi đã học được giá trị của việc bắt người khác giải thích phân trần. “Xin lỗi, nhưng tôi không hiểu bà nói gì,” tôi nói, gần như không động đậy môi. “Tình tiết giảm nhẹ nào? Ảnh hưởng phá hoại gì?” Tôi để tay nằm yên trong lòng, đầu cất cao và hơi nghiêng sang bên, góc thích hợp nhất để trưng cái mũ gà tây. Tôi hy vọng bà ta sẽ cảm thấy bị bốn mắt chĩa vào chứ không phải hai mắt. Dù tôi có thể mạnh là tiền bạc, bà ta lại có tuổi tác và địa vị. Trong văn phòng rất nóng. Tôi đã vắt áo khoác qua thành ghế, nhưng vẫn đồ mồ hôi như một gã phu tàu.

“Em ấy đưa Chúa ra chất vấn,” bà ta nói, “trong giờ Giáo Sư, mà tôi cần nói thêm đây là môn duy nhất em ấy tỏ ra có chút quan tâm nào đó. Em ấy thậm chí còn viết một bài luận nhan đề ‘Chúa Có Nói Đối Không?’ Sự việc này gây phản ứng rất không tốt trong cả lớp.”

“Vậy cô ấy đã đi đến kết luận nào?” tôi hỏi. “Về Chúa ấy?” Tôi kinh ngạc, dù không biểu lộ ra ngoài: tôi cứ nghĩ Laura đã lo là vấn đề Chúa, nhưng rõ ràng không phải.

“Kết luận khẳng định.” Bà nhìn xuống mặt bàn, bài luận của Laura đang mở ra trên đó. “Em ấy trích - ngay đây thôi - Các Vua I, chương 22 - tích Chúa lừa dối vua Ahab. ‘Này Đức Chúa đã đặt thần khí dối trá trên môi miệng tất cả những ngôn sứ này của vua’. Laura tiếp tục lý luận rằng nếu Chúa đã làm thế một lần, làm sao ta biết được người không làm thế những lần khác, và làm sao chúng ta phân biệt được các tiên đoán giả với những tiên đoán thực?”

“Sao, đấy là một kết luận hợp lý, dù sao đi nữa,” tôi nói. “Laura rõ ràng thuộc Kinh Thánh.”

“Chứ sao nữa,” bà hiệu trưởng tức tối đáp. “Quý cũng có thể trích Thánh Kinh để bênh ý hấn. Em ấy quả cũng nói tiếp rằng tuy Chúa có nói dối, nhưng người không gian lận - người lúc nào cũng phải cả ngôn sứ chân chính nữa, nhưng con người không lắng nghe. Theo ý em ấy Chúa như là một trạm phát sóng còn chúng ta là những máy thu bị lỗi, một cách ví von theo tôi là bất kính, đấy là nói nhẹ nhất.”

“Laura không có ý bất kính,” tôi nói. “Không phải với Chúa, dù gì đi nữa.”

Bà hiệu trưởng lờ đi. “Vấn đề không phải ở những lập luận lộng ngôn của em ấy, mà là ở chỗ làm sao em ấy lại nghĩ mình được phép đặt câu hỏi.”

“Laura muốn được trả lời,” tôi nói. “Cô ấy muốn được trả lời về những vấn đề thiết yếu. Tôi nghĩ bà cũng đồng ý rằng Chúa là một vấn đề thiết yếu. Tôi không hiểu sao như thế lại bị coi là phá hoại.”

“Những nữ sinh khác thấy thế. Các em nghĩ rằng em ấy... em ấy phớt lờ, thế đấy. Thách thức uy quyền được thừa nhận.”

“Cũng như đức Ki-tô đã làm,” tôi nói, “hoặc một số người thời đó đã nghĩ vậy.”

Bà ta không chỉ ra đi đâu hiển nhiên là những việc kiểu đó có thể rất hay ho khi là đức Ki tô nhưng không phải lỗi với một con bé mười sáu. “Bà không hiểu sự việc,” bà nói. Bà còn vắn vẹo đôi tay thực sự, khiến tôi nghiêng cứu rất tò mò, vì lần đầu tiên nhìn thấy động tác này. “Những em khác nghĩ... chúng nghĩ em ấy *bốn cột*. Hoặc một vài em nghĩ thế. Một vài em khác nghĩ em ấy nuôi tư tưởng Bôn sê vích. Còn lại chỉ nghĩ em ấy kỳ quặc. Nói thế nào thì em ấy cũng thu hút chú ý một cách không lành mạnh lắm.”

Tôi bắt đầu hiểu ra vấn đề “Tôi không cho là Laura muốn tỏ ra bốn cột,” tôi nói.

“Nhưng rất khó phân biệt!” Chúng tôi nhìn nhau qua bàn một lúc trong im lặng. “Em ấy tạo ra cả làn sóng học tập theo, bà biết không,” bà hiệu trưởng nói, có thoáng ganh tị. Bà đợi tôi thẩm thấu xong tin này, rồi tiếp. “Còn chuyện nghỉ học nữa. Tôi hiểu là có những vấn đề về sức khỏe, nhưng...”

“Vấn đề sức khỏe gì?” tôi hỏi. “Sức khỏe Laura không có gì bất thường cả.”

“Ờ, tôi chỉ đoán, vì bao nhiêu cuộc khám bác sĩ...”

“Cuộc khám bác sĩ nào?”

“Không phải là bà chấp thuận à?” Bà đưa ra một cặp thư từ. Tôi nhận ra giấy viết, giấy của tôi. Tôi lật qua: không phải do tôi viết, nhưng tất cả đều ký tên tôi.

“Tôi hiểu rồi,” tôi nói, nhặt lấy áo khoác lông sói và xách tay. “Tôi cần nói chuyện với Laura. Cảm ơn bà đã tiếp tôi.” Tôi bắt lấy đầu ngón tay của bà ta. Chẳng phải nói thêm cũng hiểu, rằng Laura sẽ phải rời khỏi trường.

“Chúng tôi đã cố gắng lắm,” người đàn bà tội nghiệp nói. Bà ta gần như khóc đến nơi. Lại một cô Hung Dữ nữa trước mắt tôi. Một con ở đi thuê, đầy thiện ý nhưng vô tích sự. Sao đương đầu được với Laura.

Tối đó khi Richard hỏi cuộc đàm đạo diễn ra thế nào, tôi kể với ông ta về ảnh hưởng phá hoại của Laura với các bạn cùng lớp. Thay vì tức giận ông ta có vẻ thích thú, gần như kính nể. Ông ta nói Laura có khí khái. Ông ta nói tinh thần nổi loạn ở một mức độ nhất định cho thấy tính năng động. Bản thân ông ta cũng không ưa trường lớp và cũng đã khiến các giáo viên phải khốn đốn nhiều phen, ông ta bảo thế. Tôi không nghĩ đây là động cơ của Laura, nhưng không nói ra.

Tôi không đề cập đến giấy khám bệnh giả mạo: như thế chẳng khác nào đẩy người trước miệng cọp. Quấy phá giáo viên là một chuyện, trốn học lại là một chuyện tương đối khác. Nó phảng phất mùi phi pháp.

“Em không nên giả chữ chị mới phải,” tôi nói riêng với Laura.

“Em không giả được chữ Richard. Khác chúng mình nhiều quá. Chữ chị dễ hơn nhiều.”

“Chữ viết là thứ riêng tư. Thế cũng như ăn cắp ấy.”

Nó quả cũng có vẻ hối lỗi, trong thoáng chốc. “Em xin lỗi. Em chỉ định mượn thôi. Em không nghĩ chị sẽ bực mình.”

“Chị nghĩ có hỏi vì sao thì cũng không ích gì phải không?”

“Em đâu có đòi được đến trường đó,” Laura nói. “Họ cũng chẳng ưa em hơn em ưa họ. Họ không coi em là nghiêm túc. Họ cũng chẳng phải loại người nghiêm túc. Nếu cứ phải ở đó suốt, thế nào em cũng lẫn ra ồm thật.”

“Thế em làm gì,” tôi hỏi, “khi không đến trường? Em đi đâu?” Tôi chỉ lo nó có thể đang lén gặp gỡ ai - lén gặp gỡ người đàn ông nào. Nó đang dần đến tuổi đó.

“Ô, đi loăng quăng,” Laura nói. “Em lên phố, em ng ồi trong công viên đâu đó. Hoặc đi lang thang thôi. Em có thấy chị, hai ba lần, nhưng chị không thấy em. Chắc là chị đi mua đồ.” Tôi cảm thấy máu dồn lên tim, rồi thất lại: nỗi sợ, như một bàn tay, bóp vào khiến tôi cầm bật. Chắc mặt tôi đã tái đi.

“Sao thế?” Laura hỏi. “Chị ốm đấy à?”

Tháng Năm năm đó chúng tôi vượt bể qua Anh trên tàu *Berengeria*, rồi quay lại New York trên chuyến xuất hành đầu đời của *Hoàng hậu Mary*. *Hoàng hậu Mary* là con tàu viễn dương chạy tuyến lớn nhất và sang trọng nhất trong lịch sử, hoặc ít ra là khắp các tờ rơi đầu viết như vậy. Một sự kiện đánh dấu kỷ nguyên mới, Richard bảo.

Winifred cũng đi cùng. Cả Laura nữa. Một chuyến hải hành như thế sẽ rất tốt cho nó, Richard bảo: gần đây trông nó héo hon gầy rộc, nó đã lông bông từ lúc thành linh nghĩ học rồi. Chuyến đi sẽ bổ ích cho nó về nhiều mặt, những mặt một cô gái như nó sẽ rất cần đến. Dù sao thì chúng tôi cũng đâu thể bỏ nó lại nhà.

Công chúng thiếu đi ăn tươi nuốt sống *Hoàng hậu Mary*. Từng phân từng tấc được tả lại và chụp ảnh, và quả là từng phân từng tấc cũng được trang hoàng, dải đèn màu, sàn ván ép, cột có gờ sống, gỗ phong mài, đựng đâu cũng thấy bèm mặt choáng lộn đật đở. Nhưng nó bơi bì bạch như lợn, và boong hạng hai lại nhìn thẳng xuống boong hạng nhất, nên chẳng thể dạo chơi mà không có một lan can những con mắt hau háu chòng chọc nhìn mình.

Hôm mới lên tàu tôi bị say sóng, nhưng sau đó thì khỏe. Nhảy nhót rất nhiều. Đến lúc đó tôi đã biết khiêu vũ; cũng tầm tạm, nhưng không quá giỏi. (*Đừng có làm cái gì giỏi quá, Winifred nói, như thế lại tỏ ra mình cố.*) Tôi nhảy với nhiều người, không chỉ Richard - những người ông ta quen biết qua làm ăn, những người ông ta đưa tôi đến giới thiệu. *Trông chừng Iris giúp tôi*, ông ta sẽ nói với những người đó, cười mỉm và vỗ vào tay họ. Đôi lúc ông ta nhảy với các phụ nữ khác, vợ những người ông ta quen. Đôi lúc ông ta ra ngoài châm điếu thuốc hay dạo một vòng quanh boong, hay ít nhất ông ta bảo mình làm thế. Tôi nghĩ lý do thực là ông ta đang ủ ê, hay đang tư lự. Có những lúc tôi mất hút ông ta cả giờ liền. Rồi ông ta đã ngã đấy, ở bàn chúng tôi, ngất tôi đang nhảy tầm tạm, khiến tôi băn khoăn không biết ông ta ở đó từ lúc nào.

Ông ta nhần nhó, tôi kết luận, bởi chuyến đi không trơn tru như dự kiến. Ông ta không đặt được bàn ăn tối ở Quán Nướng Ngoài Hiên, ông ta không gặp được những người định gặp. Ông ta là con cá lớn trong vùng nước của mình, nhưng trên tàu *Hoàng hậu Mary* ông ta là một con cá bé thật là bé. Winifred cũng là một con cá bé: vẻ xằng xái của chị ta đâm phí hoài. Không chỉ một lần tôi thấy chị ta bị bơ đi coi như không quen, khi ghé đến bên một bà nào đó. Thế là chị ta lại lùi về cái gọi là “đám chúng mình”, hy vọng không ai thấy chuyện vừa xảy ra.

Laura không nhảy. Nó không biết nhảy, nó không thích nhảy, mà dù sao nó cũng chưa đến tuổi. Ăn tối xong nó thường giam mình trong cabin; nó nói đang đọc sách. Cuộc hải trình đến ngày thứ ba, trong bữa sáng, mắt nó sưng to và đỏ.

Cuối giờ sáng tôi đi tìm nó. Tôi thấy nó nằm ghế võng kéo thảm ca rô trùm lên tận cằm, xuôi xị xem trận ném vòng. Tôi ng ẫ xuống bên cạnh. Một cô gái trẻ thân hình rắn rỏi đi qua dắt theo bảy con chó, mỗi con một dây riêng; cô ta mặc quần soọc dù trời đang lạnh cóng, khoe đôi chân nâu rám nắng.

“Em có thể kiểm việc làm như thế,” Laura nói.

“Thế nào?”

“Dắt chó đi dạo,” Laura nói. “Chó của người khác. Em thích chó.”

“Em không thích chủ chó đâu.”

“Em có dắt chủ chó đâu.” Nó đeo kính râm, nhưng vẫn run bần bật.

“Có chuyện gì không?” tôi hỏi.

“Không.”

“Trông em lạnh. Chị nghĩ em sắp ốm rồi.”

“Em chẳng làm sao cả. Đừng nói nhieu.”

“Chị lo cho em là đương nhiên.”

“Chị khỏi lo. Em mười sáu rồi. Ồm em khắc biết.”

“Chị đã hứa với cha sẽ chăm sóc em,” tôi cứng nhắc nói. “Cả với mẹ nữa.”

“Hứa ngu.”

“Rõ ràng. Nhưng hồi đó chị còn nhỏ, chị không khôn như bây giờ. Nhỏ là dại mà lại.”

Laura bỏ kính ra, nhưng không nhìn tôi. “Người khác hứa gì không phải lỗi tại em,” nó nói. “Cha bịp chị bắt nhận em. Cha chả bao giờ biết nên làm gì với em - với hai đứa mình. Nhưng bây giờ cha chết rồi, cả hai đều chết rồi, nên thế là xong. Em miễn trách cho chị. Chị được rảnh tay.”

“Laura, có *chuyện* gì thế?”

“Chẳng có gì cả,” nó nói. “Nhưng mỗi lần em đang cần nghĩ - nghĩ cho ra lẽ - chị lại cho là em ốm và bắt đầu hỏi han nọ kia. Chị làm em phát rồ.”

“Thật không công bằng,” tôi nói. “Chị đã cố lên cố xuống, chị lúc nào cũng muốn lắng nghe em, chị đã dành cho em bao nhiêu...”

“Thôi quên đi,” nó nói. “Nhìn kìa, trò chơi gì dở hơi thế! Sao người Anh lại gọi cái vòng là quoit?”

Tôi cho đấy chỉ là do những phiến muộn cũ - do tiếc thương, tiếc thương Avilion và mọi chuyện đã diễn ra ở đó. Hay có thể nó vẫn còn ôm ấp hình bóng Alex Thomas? Lẽ ra tôi phải hỏi thêm, phải gặng cho ra, nhưng có lẽ ngay cả thế nó cũng chẳng cho tôi biết đi đâu đang thực sự khiến nó lo phiền.

Đi đâu tôi nhớ nhất về chuyến đi, ngoài Laura, là chuyện lật đật đã xảy ra, khắp trên tàu, ngày cuối cùng khi cập cảng. Mọi thứ mang tên hay chữ tắt của *Hoàng hậu Mary* đều tìm đường vào xác tay hay va li ai đó - giấy viết, thìa nĩa bạc, khăn tắm, đĩa đựng xà phòng, mọi thứ - bất cứ gì không xích xuống sàn. Vài người thậm chí còn tháo rời tay vịn vùi nước, cả gương

nhỏ và nắm đấm cửa. Hành khách khoang hạng nhất còn bạo tay hơn số còn lại; nhưng người giàu mê xoáy vật đã thành lệ r`ồi.

Lý do biện minh cho màn cướp bóc ấy là gì? Lưu niệm. Những người này cần có thứ gì đó để nhắc mình nhớ. Thật buồn cười, trò săn lưu niệm ấy: *bây giờ* biến thành *ngày đó* ngay giữa lúc vẫn *bây giờ*. Người ta không thực sự tin mình đang ở đây, nên cần đánh thó một vật làm bằng, hay vật gì người ta tưởng có thể làm bằng.

Riêng tôi đút túi cái gạt tàn thuốc.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐẦU BỐC LỬA

Đêm qua tôi uống một viên thuốc bác sĩ kê. Nó cũng giúp tôi ngủ thật, nhưng r ồi vẫn mơ, mà giấc mơ này không khá gì hơn những loại tôi vẫn mơ chưa c ần đến trợ giúp y học.

Tôi đang đứng trên c ầu tàu ở Avilion, mặt sông khắp bốn b ề bằng v ỡ thành những vụn xanh lục kêu tinh tinh như chuông, nhưng tôi lại không mặc áo khoác ấm - chỉ mặc váy vải hoa in hình bướm bay. Lại đội cả mũ, kết những bóng hoa nhựa màu rất r ợt - đỏ cà chua, xanh hoa cà g ớm ghiếc - thấp sáng từ bên trong bằng những bóng đèn li ti.

Của em đâu? Laura hỏi, bằng giọng trẻ con lên năm. Tôi nhìn xuống nó, nhưng đột nhiên chúng tôi không còn là trẻ con nữa. Laura đã già đi, giống như tôi; mắt nó là những hạt nho khô nhỏ. Nhìn thật kinh hoàng, và tôi thức dậy.

Mới ba giờ sáng. Tôi đợi cho tim thôi phản đối, r ồi mò mẫm xuống nhà làm cốc sữa nóng. Lẽ ra phải hiểu đừng có trông cậy vào thuốc thang. Chẳng thể mua sự bất tỉnh rẻ như vậy.

Nhưng thôi nói tiếp.

Sau khi xuống tàu *Hoàng hậu Mary*, b ầu đoàn chúng tôi ở lại New York ba ngày. Richard có vài chuyện làm ăn c ần phải gút nốt; các bà có thể đi tham quan, ông ta bảo.

Laura không muốn đi xem nhóm Rockettes, hay trèo lên đỉnh Nữ th ần Tự do hay cao ốc Empire State. Nó cũng không muốn mua sắm. Nó chỉ muốn đi dạo ngắm nhìn đường phố, nó bảo, nhưng để nó đi một mình thì quá nguy hiểm, Richard nói, nên tôi đi cùng. Nó không phải một bạn đường quá r ộn ràng, một đi ầu thật dễ thở sau khi đi với Winifred, chị ta thì quyết tâm r ộn ràng hết ngưỡng có thể sức người.

Sau đó chúng tôi ở lại Toronto vài tuần, đợi Richard cập nhật tình hình công việc. Tiếp đó chúng tôi về Avilion. Chúng ta về đây bởi thuyền, Richard bảo. Giọng điệu ông ta ám chỉ đây là trò vui duy nhất khả dĩ ở cái nơi này; hơn nữa còn ám chỉ ông ta sẵn sàng hy sinh thời gian của mình để chi tiêu chuộng những hứng thú vớ vẩn của chúng tôi. Hoặc, nói nhẹ nhàng hơn, để chúng tôi vui lòng - để tôi vui lòng, nhưng cả Laura nữa.

Với tôi có vẻ ông ta đã đến bước coi Laura là một câu đố, mà việc ông ta bây giờ là phải giải ra. Tôi thường bắt gặp ông ta nhìn nó những thời điểm bất thường, cùng một lối ông ta vẫn nhìn các trang báo chứng khoán - cố tìm ra chỗ nắm, chỗ bắt, chỗ vận, chỗ xoay, chỗ lách vào. Như nhân sinh quan của ông ta, người nào vật nào cũng có một chỗ nắm hay chỗ bắt như thế. Hoặc nếu không, một cái giá. Ông ta muốn tóm được Laura trong tay, ông ta muốn giở cổ nó dưới mũi giày, dù chân đặt nhẹ. Nhưng cổ Laura không quen làm việc đó. Thế nên sau mỗi đợt tấn công ông ta đứng trơ đấy, một chân hẫng trên không trung, như gã thợ săn gấu trong bức ảnh mà con gấu tử thương đã biến mất.

Laura làm cách nào được thế? Không phải nhờ chống đối, bây giờ không còn nữa: đến lúc này nó tránh đối đầu trực diện. Mà nó lùi lại, quay đi, khiến ông ta chùng hững. Ông ta không ngừng lao về phía nó, không ngừng giơ tay chụp, không ngừng chụp vào không khí.

Cái ông ta muốn là được nó chấp nhận, được ngưỡng mộ là khác. Hay chỉ là được biết ơn. Cái gì đó đại loại thế. Với một cô gái trẻ nào khác có lẽ ông ta đã thủ quà cáp - vòng cổ ngọc trai, áo len cashmere - những thứ được coi là chìa khóa mở trái tim các cô bé mười sáu tuổi. Nhưng ông ta đủ khôn không ép những thứ này cho Laura.

Đố mà đánh đá bật máu, tôi nghĩ. Ông ta sẽ không bao giờ đoán ra nó. Và nó không ra giá, bởi chẳng có gì ông ta có mà nó muốn. Trong bất kỳ cuộc độ chí nào, dù đấu thủ là ai, tôi vẫn đặt cửa Laura. Nó bướng như lừa, theo kiểu riêng của nó.

Tôi có tưởng nó sẽ nhào vào cơ hội được về Avilion ít lâu - nó lưu luyến không muốn rời khỏi đó thế cơ mà - nhưng khi kế hoạch được nhắc đến,

nó xem ra đứng đưng. Nó không muốn thừa nhận điểm tốt nào ở Richard, hoặc ít nhất tôi phiên giải thế. “Ít ra thì mình cũng gặp Reenie,” nó chỉ nói có vậy.

“Tôi rất tiếc phải thông báo Reenie không thuộc nhà ta nữa,” Richard nói. “Chị ấy đã được yêu cầu nghỉ.”

Lúc nào vậy? Cách đây ít lâu. Một tháng, hay vài tháng? Richard đáp nhập nhằng. Lý do là vì chồng Reenie, ông ta nói, anh ta uống quá nhiều. Việc sửa chữa nhà cửa vì thế không được tiến hành ở mức hợp lý cả về thời gian thực hiện lẫn hiệu quả hoạt động, và Richard không thấy vì sao phải đem tiền tươi khuyến khích thói lười biếng, chưa kể đến thái độ chỉ có thể gọi là bất phục tùng.

“Ông ta không muốn có chị ấy ở đây khi mình đến,” Laura nói. “Ông ta biết chị ấy sẽ đứng về phía ai.”

Chúng tôi đang đi tha thẩn quanh tầng trệt Avilion. Tòa nhà hình như đã teo nhỏ lại; đặc đầu trùm bạt che bụi, hoặc ít ra là những gì còn lại - những món lớn hơn, tối màu hơn đã bị chuyển đi, tôi ngờ là do lệnh Richard. Tôi dễ dàng hình dung Winifred nói chẳng ai có thể sống với cái tủ bếp giảng những chùm nho gỗ lùn xùn giả tạo đến như vậy. Những hàng sách bìa da vẫn còn trong thư viện, nhưng tôi có cảm giác cũng chẳng còn lâu nữa đâu. Chân dung các thủ tướng chụp cùng ông nội Benjamin thì đã bị xóa sổ: ai đó - hẳn là Richard - cuối cùng cũng nhận ra những khuôn mặt tô màu.

Avilion ngày xưa từng tỏa vẻ bền vững gần như bất biến - một phiến đá tảng bè bè động xuống giữa dòng sông thời gian, không chịu vì ai mà lay chuyển - nhưng bây giờ trông nó bệ rạc, hối lỗi, như sắp đổ sụp rúm ró đến nơi. Nó không còn giữ được lòng can đảm đuổi theo những kỳ vọng cũ.

Nhìn đã thấy nản lòng, Winifred nói, bụi đâu mà lắm thế, bếp lại còn có chuột chứ, chị ta thấy phân vãi đây, cả bọ đuôi dài cắn sách nữa. Nhưng chiều hôm đó vợ chồng Murgatroyd sẽ đến, đi tàu, cùng với hai ba người nữa, mới toanh, được nối thêm vào phái đoàn, và rồi mọi thứ sẽ chẳng mấy chốc mà bóng loáng như sàn tàu, tất nhiên (chị ta vừa nói vừa cười) là trừ bản thân cái tàu, ý chị ta là chiếc *Thủy Nữ Tinh*. Richard đã kịp xuống

đến nhà thuyền rỗi, đang xem xét nó cẩn thận. Con thuyền đáng ra đã cạo sơn và sơn lại dưới sự trông coi của Reenie và Ron Hincks rỗi mới phải, đây lại thêm một việc nữa chưa làm. Winifred chẳng hiểu Richard muốn gì với cái bần tắm cũ đó cả - nếu thực sự muốn chơi thuyền, ông ta nên đánh đắm cái tàu từ thời hồng thủy ấy đi mua cái mới.

“Tôi nghĩ anh ấy cho là nó có ý nghĩa tình cảm,” tôi nói. “Với chúng tôi ấy. Laura và tôi.”

“Vậy có đúng không?” Winifred nói, mỉm cười thú vị quen thuộc.

“Không,” Laura nói. “Lấy đâu ra? Cha chẳng bao giờ đưa chị em tôi đi thuyền cả. Chỉ toàn là Callie Fitzsimmons.” Chúng tôi đang ở trong phòng ăn; ít nhất cái bàn dài vẫn còn ở đây. Tôi nghĩ không biết Richard, hay đúng hơn là Winifred, sẽ quyết định ra sao số phận Tristan và Iseult và cuộc tình tự thủy tinh lạc hậu của đôi này.

“Callie Fitzsimmons có đến viếng,” Laura nói. Chúng tôi đã ở riêng với nhau; Winifred lên lầu vì đến giờ chị ta gọi là giấc ngủ bảo toàn nhan sắc. Chị ta đặt những mẫu bông thắm tinh dầu kim mai quanh mắt, và trát khắp mặt cái mặt nạ bùn xanh đất tiền.

“Thế hả? Em chưa kể cho chị.”

“Em quên. Reenie nổi điên lên với chị ta.”

“Vì đến dự á?”

“Vì không đến sớm hơn. Chị ấy nói vỗ vào mặt chị kia. Reenie nói, ‘Cô muộn một giờ và thiếu một hào.’ ”

“Nhưng chị ấy ghét Callie mà! Chị ấy luôn bực tức mỗi lần chị ta đến! Chị ấy nghĩ chị ta là đồ đĩ thỏa!”

“Em nghĩ là chị ta chưa đủ dĩ thỏa để vừa lòng Reenie. Chị ta đã lảng việc, chị ta không làm tròn nghĩa vụ.”

“Nghĩa vụ dĩ thỏa à?”

“Thế đấy, Reenie nghĩ chị ta đâm lao rồi lẽ ra phải theo lao. Ít nhất chị ta cũng nên có mặt, khi cha đang lâm vào cảnh khó khăn. Để cha có cái khuây khỏa tâm trí.”

“Đầu là Reenie nói à?”

“Không hẳn thế, nhưng cũng dễ đoán được ý chị ấy.”

“Callie đáp sao?”

“Giả vờ không hiểu. Sau đó thì chị ta cũng làm y như khi người ta đi đám tang. Khóc lóc và nói toàn chuyện dối.”

“Chuyện dối gì?” tôi hỏi.

“Chị ta nói dù hai người không phải lúc nào cũng đồng quan điểm chính trị, cha vẫn là một người tốt, rất tốt. Reenie nói *quan điểm chính trị cái con tườu*, nhưng nói sau lưng chị ta.”

“Chị nghĩ là cha đã cố,” tôi nói. “Cố làm người tốt.”

“Vậy thì cha cố chưa đủ,” Laura nói. “Chị không nhớ cha vẫn nói gì à? Rằng chúng ta giờ chỉ còn *bám chân cha*, cứ như bã kẹo cao su.”

“Cha đã cố hết sức,” tôi nói.

“Có nhớ hôm Giáng sinh cha mặc giả ông già Nô en không? Hồi trước khi mẹ chết ấy. Em vừa lên năm.”

“Nhớ,” tôi nói. “Chị nói cha đã cố là vì thế.”

“Em ghét đặc,” Laura nói. “Em lúc nào cũng ghét mấy trò bất ngờ kiểu đó.”

Chúng tôi được dặn chờ trong phòng để áo. Cánh cửa đôi dẫn vào hành lang kéo rèm lót ở trong, nên không nhìn được vào tiển sảnh vương đẳng

trước, trong có lò sưởi, kiểu cũ; đây là nơi đặt cây thông. Chúng tôi vắt vẻo trên cái xô pha nhỏ phòng để áo, đằng sau là cái gương dài. Trên mắc dài treo nhiều áo khoác - áo của cha, áo của mẹ, cả mũ nữa, bên trên - mũ mẹ cắm lông chim lớn, mũ cha lông nhỏ hơn. Có mùi ủng cao su bọc giày, mùi nhựa thông và gỗ tuyết tùng tươi mới từ những tràng hoa kết quanh tay vịn cầu thang trước, mùi xi trên ván sàn ấm, bởi đang đốt lò sưởi: hệ thống máy sưởi xì hơi kêu lạch cạch. Dưới bệ cửa sổ phả vào luồng khí lạnh, và mùi tuyết gắt, tỉnh cả người.

Trong phòng chỉ có một bóng đèn trần, chụp đèn vàng bằng lụa. Trong kính cửa tôi nhìn thấy bóng phản chiếu hai đứa: hai chiếc váy nhung xanh thẫm cổ viền ren, hai khuôn mặt trắng, hai mái đầu tóc sáng rẽ ngôi giữa, hai bàn tay nhợt nhạt đặt trong lòng. Hai đôi tất trắng, hai đôi giày búp bê đen. Chúng tôi đã được dạy phải ngồi bắt chéo cổ chân - cấm vắt chân chữ ngũ - và chúng tôi đang ngồi đúng thế. Cái gương mọc lên sau đầu chúng tôi như bong bóng thủy tinh nở ra từ hai đỉnh đầu. Tôi nghe thấy cả tiếng thở, hít vào rồi thở ra: tiếng thở trong cơn chờ đợi. Nghe như tiếng thở ai đó khác - ai đó rất lớn nhưng vô hình, nấp trong những áo choàng ngăn bớt tiếng.

Rồi bỗng chốc cánh cửa đôi mở tung. Một người áo đỏ, một gã khổng lồ đỏ lưng lửng nhô lên. Đằng sau gã là màn đêm đen kịt, và vầng lửa rực. Mặt gã khuất sau khói trắng. Đầu gã bốc cháy bùng bùng. Gã nhào đến trước: đôi tay dang rộng. Miệng gã phát ra tiếng hú, hay có lẽ là tiếng thét.

Tôi có giật mình thoáng chốc, nhưng đã đủ lớn nên biết cần hiểu đây là cái gì. Âm thanh kia cần hiểu là tiếng cười. Đây chỉ là cha thôi, đang đóng giả ông già Nô-en, và cha không bốc cháy - chỉ là cây thông sáng rực đằng sau cha, chỉ là vành nến trên đầu cha thôi. Cha mặc áo choàng ở nhà thêu kim tuyến đỏ, áo lộn ngược, đeo bông làm râu.

Mẹ vẫn thường bảo cha không bao giờ ý thức được sức mạnh của mình: cha không bao giờ biết mình lớn hơn bao nhiêu so với mọi người khác. Cha hẳn không biết mình có thể trông đáng sợ đến đâu. Rõ ràng Laura thấy cha vô cùng đáng sợ.

“Em cứ gào toáng lên không ngớt,” bây giờ tôi nói. “Em không hiểu là cha chỉ đang giả vờ thôi.”

“Còn tệ hơn,” Laura nói. “Em nghĩ cha giả vờ tất cả những lúc còn lại.”

“Nghĩa là sao?”

“Là đấy mới thực là bản chất của cha,” Laura kiên nhẫn đáp. “Là bên trong, cha đang bốc cháy bùng bùng. Mọi lúc.”

THỦY NỮ TINH

Sáng nay tôi ngủ vui, mệt lử sau cả đêm lãng đăng trong hắc ám. Chân tôi sưng vù lên, cứ như đã cuốc bộ đường dài trên nền đất cứng; đầu tôi ẩm thấp và rối như pho mát. Phải đợi Myra gõ vào cửa mới khiến tôi thức dậy. “Dậy chào ngày mới nào,” cô ả rên lên qua khe bỏ thư. Thối tai quái xui tôi không đáp. Có thể cô ả sẽ nghĩ tôi chết rồi - nghèo giữa cơn ngủ! Hẳn nhiên cô ả đã vội quỳnh lên nghĩ xem nên lấy bộ đồ hoa nào mặc cho tôi nằm ra, và đã tính toán các món cho buổi chiêu đãi hậu tang. Sẽ không có lễ thức canh đầu, không có trò mọi rợ kiểu ấy. Lễ thức canh là để thức, bởi tốt nhất nên kiểm tra cho chắc người chết đã chết thật trước khi bị ta hất vãi xẻng đất lên mình.

Tôi mỉm cười khi nghĩ đến đó. Rồi tôi nhớ ra Myra có chìa. Tôi ngẫm nghĩ có nên kéo ga giường trùm mặt để ít nhất cũng khiến cô ả kinh hoàng một phút chơi, nhưng rồi quyết định thôi. Tôi bẫy cho người dựng dậy và xoay khỏi giường, rồi trùm áo choàng ở nhà mặc vào.

“Ở đâu cứ yên đấy,” tôi gọi với xuống thang.

Nhưng Myra đã vào đến nơi, và bên cạnh là bà nào đó: bà quét dọn. Đây là một sinh vật bề vệ đáng dấp Bồ Đào Nha: không phải loại tôi chống chọi được. Bà ta lao ngay vào việc, trong tay là máy hút bụi của Myra - họ đã chuẩn bị hết nhẽ - trong lúc tôi theo hút sau như nữ thần báo tử, miệng gào rú, *Đừng đụng vào! Để yên đấy! Cái đó tôi tự! Giờ thì tôi biết cái gì ở đâu cơ chứ!* Ít nhất tôi cũng vào đến bếp trước họ, có đủ thời gian nhét chõng giấy đầy chữ vào trong lò. Ít có khả năng nó bị họ động đến ngay ngày chùi rửa đầu tiên. Dù sao lò cũng chẳng bẩn lắm, cả đời tôi không nướng gì bao giờ.

“Đây,” Myra nói, khi bà quét dọn đã xong việc. “Sạch sẽ gọn gàng không nào. Bà có thấy dễ chịu hơn không?”

Cô ả mang cho tôi một món đồ chơi mới toanh ở Nhà Bánh Gừng - một bộ tự trờng nghệ tây màu ngọc lục bảo, chỉ hơi mẻ tí thôi, hình đầu một cô bé

con nhoe nhoén cười. Nghệ tây sẽ mọc xuyên qua các lỗ trên đỉnh r ồi nở xòe thành một *vầng hào quang hoa*, nguyên văn lời cô. Tôi chỉ có mỗi việc là tưới nước, Myra nói, và chẳng mấy chốc nó sẽ xinh xẻo như con chèo bẻo.

Chúa hành động huyền bí khôn lường, ban phép nhiệm mầu trên cõi thế, Reenie vẫn thường nói thế. Liệu có phải Myra là thiên thần hộ mệnh dành sẵn cho tôi? Hay ngược lại cô ả cho tôi nếm trước mùi Luyện ngục? Và làm thế nào phân biệt hai đẳng?

Ngày thứ hai ở Avilion, Laura và tôi qua thăm Reenie. Chẳng khó tìm ra nhà chị bây giờ: trong thị trấn người nào cũng biết. Hoặc ít ra những người ở Quán điểm tâm Betty đều biết, bởi bây giờ chị làm việc ở đây, tuần ba ngày. Chúng tôi không nói cho Richard và Winifred biết mình đi đâu, vì cần gì phải tăng thêm không khí ức chế quanh bàn ăn mỗi sáng? Chúng tôi không thể bị cấm ra mặt, nhưng thế nào cũng rước thêm một lượng khinh miệt ngầm ngấm đến khó chịu.

Chúng tôi mang theo con gấu bông tôi mua cho em bé của Reenie, ở trung tâm thương mại Simpsons tại Toronto. Không phải thứ gấu bông mềm mại đáng yêu cho lắm - nó nh ỉ chặt đến cứng và mặt mũi nghiêm trọng. Trông như một nhân viên công vụ cấp thấp, hoặc là nhân viên công vụ cái thời đó. Tôi không biết thời này trông họ thế nào. Nhiều khả năng mặc đồ bò chảnh.

Reenie cùng chồng sống ở khu nhà liên kế nhỏ bằng đá vôi vốn xây cho công nhân nhà máy - hai tầng, mái nhọn, nhà tiêu cuối dải vườn hẹp - không quá xa nơi tôi đang sống bây giờ. Nhà không có điện thoại, nên chúng tôi không thể báo trước cho Reenie chuẩn bị tinh thần đón mình. Khi mở cửa thấy chúng tôi đứng đó, chị cười rõ tươi, r ồi òa lên khóc. Sau một lúc, Laura cũng khóc theo. Tôi đứng ôm con gấu bông, cảm thấy lạc lõng vì không khóc cùng.

“Chúa phù hộ các cô,” Reenie nói với cả hai. “Vào đây xem em bé đi.”

Chúng tôi theo hành lang lót vải sơn vào bếp. Reenie đã sơn tường trắng và lắp thêm rèm cửa màu vàng, giống như rèm ở Avilion. Tôi để ý thấy bộ hũ

đồ khô, cũng trắng, tô chữ màu vàng: Bột, Đường, Cà phê, Trà. Khởi phải nói cũng biết Reenie tự tay trang trí. Bộ hồ, rèm cửa, bất cứ thứ gì chị có thể tân trang nổi. Chị đang cố xoay sở tốt nhất trong hoàn cảnh hiện tại.

Đứa nhóc - là cô đấy, Myra, giờ cô đã tham gia vào câu chuyện - đang nằm trong giỏ liều đan đựng đồ giặt, nhìn trăn trợn tôi bằng cặp mắt tròn không chớp còn xanh hơn cả mắt trẻ con bình thường. Tôi phải nói trông nó giống cái bánh mỳ thật, nhưng thôi trẻ con nào cũng thế.

Reenie một mực đòi pha trà mời chúng tôi. Giờ chúng tôi là những quý cô trẻ tuổi rồi, chị nói; chúng tôi có thể uống trà đẳng hoàng, chứ không phải sữa có rỏ một tí trà, như dạo trước. Chị đã lên cân; mặt dưới hai cánh tay chị, lúc trước cứng cáp khỏe mạnh là thế, giờ đã hơi nhão, và khi đi đến bên lò đáng chị gần như lạch bạch. Bàn tay chị phình ra, các khớp ngón có lõm.

“Ăn cho hai người rồi sau quên ngưng lại,” chị nói. “Thấy nhẩn cười của tôi không? Giờ mà không cắt thì chịu không tháo ra nổi. Người ta sẽ phải chôn nó với tôi.” Chị nói câu đó có đôi chút tự mãn. Rồi đứa bé bắt đầu ọ ẹ, và Reenie bế nó lên cho ngồi trên đầu gối chị, nhìn chúng tôi bên kia bàn gần như thách thức. Cái bàn (trơn, chập chội, trải khăn vải dầy in hoa uất kim hương vàng) như một miệng vực thăm thẳm - bên này là hai chúng tôi, bên kia, xa vời vợi, Reenie ôm đứa con, không hề hối tiếc.

Hối tiếc đi đâu gì? Hối tiếc rằng chị đã từ bỏ chúng tôi. Hoặc ít ra là tôi cảm thấy thế.

Có gì đó ngượng ngập trong thái độ của Reenie, không phải với đứa bé mà với chúng tôi khi nói về nó - gần như là bị chúng tôi bắt quả tang. Từ đó tôi đã nhiều lần băn khoăn - và Myra, cô phải thừa lỗi cho tôi đã nói ra, nhưng thực tình cái này không để cho cô đọc mới phải, mà tò mò thì lãnh hậu quả cũng đáng đời - băn khoăn có khi nào cha của đứa nhỏ này chẳng phải là Ron Hincks, mà chính là cha tôi. Bên cạnh là Reenie, người làm duy nhất còn ở lại Avilion, sau khi tôi đã đi hưởng tuần trăng mật, và khắp bốn bề quanh cha thế giới đang vỡ vụn. Chẳng lẽ chị không lấy thân mình sưởi ấm cho cha thay lửa trong lò, cùng một thái độ như khi bùng cho ông chén

xúp nóng hay bình chườm ấm? Như sự vỗ về, chống lại bóng tối và giá lạnh.

Nếu đúng vậy, Myra ạ, cô là em gái của tôi. Hoặc em cùng cha khác mẹ của tôi. Dù chúng ta sẽ không bao giờ biết, hoặc tôi không bao giờ biết. Tôi nghĩ cô cũng có thể cho quật môtôi, lấy một món tóc hay mẫu xương hay cái quái gì đó, gửi cho người ta phân tích. Nhưng tôi không tin cô sẽ mạnh tay đến thế. Chứng cứ duy nhất còn lại sẽ là Sabrina - hai cô có thể gặp nhau, so sánh các mảnh của nhau. Nhưng muốn đi đầu đó xảy ra, thì Sabrina phải quay về, mà chỉ có Chúa biết liệu có bao giờ nó quay về. Nó có thể đang ở bất kỳ đâu. Nó có thể chết rồi. Nó có thể đang nằm dưới đáy biển.

Tôi không biết Laura có biết gì về Reenie và cha không, nếu quả thật có gì cần biết. Tôi không biết đi đầu đó có nằm trong rất nhiều đi đầu nó biết, nhưng không bao giờ nói ra. Chuyện đó cũng hoàn toàn có thể.

Những ngày ở Avilion trôi qua không mau. Vẫn còn quá nóng, vẫn còn quá ẩm. Mực nước trong hai dòng sông vẫn thấp: ngay cả các đoạn ghềnh dòng Louveteau cũng lừ đừ, còn sông Jogues bốc mùi khó chịu.

Tôi ng ấ lị trong nhà gần hết ngày, chúi trong ghế lưng bọc da trong thư viện của ông nội, chân vắt qua thành ghế. Lớp ru ấ chết mùa đông năm ngoái vẫn còn đóng bệ cửa sổ: thư viện không phải là nơi Murgatroyd vợ ưu tiên hàng đầu. Chân dung bà nội Adelia còn ngự trên cao.

Các buổi chiều tôi ôm những cuốn an bom của bà, đọc những mẫu báo cáo đưa tin tiệc trà và người Hội Fabian được mời thuyết giảng, các nhà thám hiểm bật phim đèn chiếu kể chuyện thói tục kỳ quái của thổ dân. Không hiểu sao có ai lại nghĩ họ trang trí sọ tổ tiên là chuyện lạ lùng, tôi nghĩ. Chúng ta cũng làm vậy.

Hoặc tôi lật giở những tạp chí giao tế cũ, nhớ ngày xưa mình từng ghen tức những nhân vật được kể tên; hoặc tôi lục lạo mấy cuốn sách thơ, những trang mép vàng mỏng như lụa. Những bài thơ từng hớp hồn tôi dưới thời cô Hung Dữ thì bây giờ có vẻ quá đà và bệnh hoạn. *Hỡi ơi, vương lụy, nương tử, sầu tư, xuôi lệ* - thứ ngôn ngữ cổ giả của tình đơn phương. Tôi phát bực khi đọc chữ nghĩa kiêu đó, chúng khiến các tình nhân bất hạnh -

như giờ tôi thấy - thành ra hơi lố bịch, cũng như bản thân cô Hung Dữ s ầu bi tội nghiệp. M ền oặt, nhòe nhoẹt, sụng nước, như cái bánh rơi vào nước. Không phải thứ người ta muốn mó vào.

Chưa gì tuổi thơ tôi có vẻ đã lùi xa - một thời đại xưa lằng lắc, nhạt nhòa, nửa buồn thương nửa dịu ngọt, như hoa ép khô. Tôi có tiếc thương vì đã mất, tôi có muốn nó trở về không? Tôi nghĩ là không.

Laura không ở trong nhà. Nó đi loăng quăng khắp thị trấn, như chúng tôi hay làm hồi xưa. Nó mặc váy vải vàng của tôi mùa hè trước, đội cái mũ cùng bộ. Nhìn thấy nó từ đằng sau khiến tôi có cảm giác kỳ dị, như là đang nhìn chính mình.

Winifred chẳng buồn giấu rằng chị ta đã chán đến ngấy. Chị ta ngày nào cũng đi bơi, ở bãi tắm tư nhỏ bên nhà thuyền, dù không bao giờ xuống chỗ nước sâu: nói chung chị ta chỉ bì bõm cho vui, chụp trên đầu cái nón Tàu đỏ đại tướng. Chị ta muốn tôi với Laura cùng bơi, nhưng chúng tôi lắc đầu. Cả hai chúng tôi đều không bơi thạo lắm, lại nữa chúng tôi biết người ta vẫn thường xả những gì xuống sông ngày xưa, và có lẽ giờ vẫn vậy. Khi nào không bơi hay tắm nắng, Winifred đi vơ vẩn quanh nhà ghi chú hoặc vẽ vờ, vạch ra những thiếu sót - giấy dán tường phòng trước thay đi là vừa, dưới cầu thang có mục khô - hoặc không thì chộp mắt trong phòng mình. Avilion hình như rút cạn sinh khí chị ta. Cũng ấm lòng khi biết vẫn có thứ làm được việc đó.

Richard nói điện thoại suốt, cú nào cũng đường dài; hoặc không thì vào Toronto tối mới về Quãng thời gian còn lại ông ta quanh quẩn gần chiếc *Thủy Nữ Tinh*, coi sóc việc sửa chữa. Mục tiêu của ông ta là bắt nó xuống nước, ông ta nói, trước khi chúng tôi phải đi.

Sáng nào ông ta cũng có báo đưa đến nhà. “Nội chiến ở Tây Ban Nha,” một hôm trong bữa trưa ông ta nói. “Dào, trông mãi cuối cùng cũng đến.”

“Cái đó thật không hay,” Winifred nói.

“Với chúng ta thì vô tư,” Richard nói. “Miễn là ta không bị lôi vào cuộc. Cứ để bọn Cộng với bọn Quốc xã giết sạch nhau đi - chúng nó sớm muộn

cũng nhảy vào loạn đả.”

Laura bỏ ăn trưa. Hôm đó nó ở dưới cầu tàu, một mình, chỉ mang theo cốc cà phê. Nó xuống dưới đó suốt, đi đâu này làm tôi bất rút. Nó hay ng ẩ ở cầu tàu, khua một tay dưới nước, nhìn xuống dòng nước cứ như đánh rơi cái gì và đang tìm ở đáy sông. Nhưng nước đục quá. Chẳng nhìn thấy gì mấy. Chỉ lúc lúc lại có con cá tuế bạc óng ánh, sượt qua như ngón tay thẳng móc túi.

“Dù sao,” Winifred nói, “em cũng mong là không. Đây là một chuyện rất xấu.”

“Một cuộc chiến hợp cách thì chỉ có lợi cho chúng ta,” Richard đáp. “Có thể sẽ làm mọi thứ khởi sắc lên - chấm dứt thời kỳ Đại suy thoái. Anh biết có vài kẻ đang trông cậy vào đó. Có những người sẽ kiếm sộp nhờ vụ này.” Tôi chẳng bao giờ được biết gì về tình hình tài chính của Richard, nhưng gần đây tôi bắt đầu nghĩ - rút ra từ nhiều ám chỉ và dấu hiệu - rằng ông ta không có lắm tiền như trước kia tôi nghĩ. Hoặc là không còn. Cuộc trùng tu Avilion đã bị ngưng ngang - *hoãn lại* - bởi Richard không muốn bỏ thêm tiền nữa. Đây là theo lời Reenie.

“Tại sao họ lại kiếm được?” tôi hỏi. Tôi biết rõ câu trả lời, nhưng tôi đã nhiễm thói quen hỏi những câu ngây ngô chỉ để xem Richard và Winifred nói gì. Cái tiêu chuẩn đạo đức nước đôi họ áp dụng vào hầu như mọi lĩnh vực trên đời vẫn chưa hết khiến tôi thích thú.

“Bởi đời là thế,” Winifred ngắt gọn. “Nhân thế, chiến hữu của cô mới bị bắt.”

“Chiến hữu nào?” tôi hỏi, có phần quá vội.

“Cái con mẹ Callista đó. Cái tình yêu lớn của đời cha cô đó. Cái mục tượng mình là nghệ sĩ đó.”

Tôi thù cái giọng của chị ta, nhưng không biết trả miếng thế nào. “Chị ấy đối xử rất tốt h ể chị em tôi còn nhỏ,” tôi nói.

“Tất nhiên mẹ ta phải làm thế, chẳng phải ư?”

“Tôi thích chị ấy.”

“Rõ ràng. Mẹ ta túm được tôi mấy tháng trước - định bấy tôi mua một bức vẽ hay phù điêu di hòm nào đấy - một bày đàn bà xấu hoặc mặc đồ bảo hộ lao động. Chẳng ai thượng thứ ấy lên tường phòng ăn.”

“Sao lại bắt chị ấy?”

“Đội tiểu Đỏ, vây ráp một bày cộng đàn đúm nào đấy. Mẹ ta có gọi về đây - mẹ ta hoảng loạn ra trò. Mẹ ta muốn gặp cô. Tôi không nghĩ là nên để cô liên lụy vào đấy, nên Richard đi bao nhiêu đường đất vào thị trấn bảo lãnh mẹ ta ra.”

“Cậu làm thế làm gì?” tôi hỏi. “Cậu đâu quen biết chị ấy mấy.”

“Ôi, chỉ là vì tấm lòng nhân ái thôi mà,” Winifred nói, mỉm cười ngọt lịm. “Mặc dù anh ấy luôn nói những kẻ đó vào trong tù thì còn lắm chuyện hơn ở ngoài, phải không, Richard? Chúng nó gào muốn đứt cổ trên báo chí. Công thế này lý thế kia. Có khi anh ấy đang làm ơn cho ngài thủ tướng cũng nên.”

“Còn cà phê không?” Richard hỏi.

Thế nghĩa là Winifred nên đổi đề tài, nhưng chị ta vẫn tiếp. “Hoặc có thể anh ấy nghĩ đáng làm điếu đó cho gia đình cô. Tôi nghĩ có thể coi mẹ ta như của thừa kế gia truyền, như một cái nĩa cũ truyền từ đời này sang đời khác.”

“Tôi xuống cầu tàu với Laura đây,” tôi nói. “Hôm nay trời đẹp quá chừng.”

Richard từ đầu khi tôi nói chuyện với Winifred vẫn đọc báo, lúc này nhìn lên rất nhanh. “Không được,” ông ta nói, “ở yên đấy. Mẹ chỉ khích lệ nó thêm. Để nó yên là nó sẽ vượt qua.”

“Vượt qua cái gì?” tôi hỏi.

“Bất cứ cái gì đang lẩn trốn trong đầu nó,” Richard nói. Ông ta đã ngoảnh đầu nhìn con bé ở ngoài cửa sổ, và lần đầu tiên tôi nhận ra một vết đang rụng dần sau gáy, mảng da hồng dần hiện rõ qua lớp tóc nâu. Chẳng mấy chốc ông ta sẽ có cái đầu nhà tu.

“Hè năm sau ta sẽ đi Muskoka,” Winifred nói. “Thí nghiệm đi nghỉ năm nay không thể nói là thành công nhiệt liệt được.”

Gần đến hết kỳ nghỉ tôi quyết định lên gác mái. Tôi đợi đến khi Richard bận bận bên điện thoại còn Winifred nằm dài trên ghế võng trong dải cát nhỏ bên nhà, khăn ẩm đắp ngang mắt. Rồi tôi mở cửa lên cầu thang, đóng lại sau lưng, đi lên khẽ khàng hết mực.

Laura đã ở đó, ngồi trên một cái hòm gỗ tuyết tùng. Nó đã mở hé cửa sổ, thật may: nếu không chỗ này đã ngộp thở. Có mùi ngòn ngọt từ vải cũ và phân chuột.

Nó ngoảnh lại, từ từ. Tôi không làm nó giật mình. “Chị đấy à,” nó nói. “Trên này có dơi sống.”

“Không có gì lạ,” tôi nói. Có một túi giấy đi chợ lớn để cạnh nó. “Em có cái gì thế?”

Nó bắt đầu lôi ra - những cửa đầu thừa đuôi thẹo, toàn thứ linh tinh lặt vặt. Ấm trà bạc của bà nội, ba cặp chén đĩa sứ, vẽ tay, hàng Dresden. Dăm cái thìa khảm chữ đầu tên. Cái kẹp hạt dẻ hình cá sấu, hột khuy măng sét xà cừ lẻ chiếc, lược mai rùa gãy răng, bát lửa bạc hồng, giá lọ gia vị thiếu lọ giấm.

“Em định làm gì với mấy thứ này?” tôi hỏi. “Em đâu có mang lại về Toronto được!”

“Em giấu đi. Mấy người ấy không thể phá hủy mọi thứ được.”

“Mấy người nào?”

“Richard và Winifred. Mấy người họ sẽ vứt hết những thứ này đi thôi, em nghe họ bảo rác rưởi vô giá trị. Họ sẽ quét dọn sạch sẽ, không sớm thì muộn. Thế nên em phải cất giấu vài thứ, cho chúng mình. Em sẽ để lại trên này trong một cái rương. Như thế chúng nó được an toàn, còn mình thì vẫn biết là ở đâu.”

“Nếu họ nhận ra thì sao?” tôi hỏi.

“Họ chẳng nhận ra đâu. Chẳng có gì đáng giá lắm. Nhìn này,” nó nói, “em tìm thấy tập vở cũ của tụi mình, vẫn ở đây, đúng chỗ mình bỏ lại. Có nhớ hồi bọn mình mang lên đây không? Cho anh ấy?”

Alex Thomas không bao giờ cần một cái tên, đối với Laura: anh luôn là *anh ấy*. Có lúc tôi đã nghĩ nó đã từ bỏ anh, hoặc từ bỏ ý nghĩ về anh, nhưng giờ thì rõ ràng không phải thế.

“Thật khó tin mình đã làm chuyện đó,” tôi nói. “Đã giấu anh ấy trên này, mà không bị phát hiện.”

“Chúng mình đã rất cẩn thận,” Laura nói. Nó suy nghĩ một lát, rồi mỉm cười. “Chị đâu có tin em hẳn, về chuyện thầy Erskine ấy,” nó nói. “Đúng không?”

Có lẽ lúc ấy nói dối là tốt hơn cả. Nhưng tôi chỉ đáp nửa vờ. “Chị không ưa lão đó. Lão ấy thật kinh tởm,” tôi nói.

“Nhưng mà Reenie tin em. Không biết bây giờ ở đâu rồi?”

“Thầy Erskine á?”

“Chị biết em nói ai mà.” Nó ngừng lời rồi lại quay ra cửa sổ.

“Chị còn giữ cái ảnh của chị không?”

“Laura, chị nghĩ em không nên tơ tưởng anh ấy quá,” tôi nói.

“Chị nghĩ anh ấy sẽ không trở lại đâu. Chuyện đó là không thể.”

“Sao lại thế? Chị nghĩ anh ấy chết rồi à?”

“Sao mà phải chết?” tôi nói. “Không phải chị nghĩ anh ấy chết rồi. Chị chỉ nghĩ là anh ấy đã đi đến nơi nào xa lắm.”

“Đằng nào thì anh ấy cũng chưa bị bắt, nếu không chúng mình đã biết tin rồi. Đã đăng đầy các báo,” Laura nói. Nó xếp lại số vở cũ rồi nhét vào cái túi giấy.

Chúng tôi nán lại Avilion lâu hơn tôi tưởng, và chắc chắn là lâu hơn tôi muốn: ở đây tôi thấy mình bị quây, bị nhốt, không di chuyển được.

Một ngày trước hôm đã định ra đi, tôi xuống nhà ăn sáng, thấy Richard không có đó; chỉ có Winifred, đang ăn trứng. “Cô lỡ mất buổi hạ thủy rồi,” chị ta nói.

“Buổi hạ thủy nào cơ?”

Chị ta khoát tay chỉ ra cửa sổ, nhìn ra một bên là sông Louveteau, bên kia sông Jogues. Tôi sững sốt thấy Laura trên chiếc *Thủy Nữ Tinh*, đang trôi xuôi dòng. Nó ngẩng trước mũi, như pho tượng mũi tàu. Nó quay lưng lại chúng tôi. Richard thì cặm lái. Trên đầu ông ta chụp cái mũ thủy thủ trắng xấu phát khiếp.

“Ít ra thì vẫn chưa chìm,” Winifred nói, thoáng ý châm chọc.

“Chị không muốn đi cùng à?” tôi hỏi.

“Thực tình là không.” Giọng chị ta có vẻ là lạ, mà tôi lờn thành ganh tị: chị ta vẫn luôn ưa đứng trong hàng ngũ, trong mọi kế hoạch của Richard.

Tôi nhẹ mình: có lẽ bây giờ Laura sẽ nhún hơn, có lẽ chiến tranh lạnh dài ngày đến đây là hết. Có thể nó sẽ bắt đầu cư xử với Richard như một con người chứ không phải một con gù đó dưới tảng đá bò ra. Như thế sẽ giúp chính tôi dễ thở hơn, tôi nghĩ. Không khí sẽ bớt u ám.

Thế nhưng không phải. Thay đổi duy nhất là căng thẳng tăng lên, dù bây giờ lại đổi chiều: bây giờ Richard là người rời phòng ngay khi Laura đi vào. Gần như thế ông ta sợ con bé.

“Em nói gì với Richard thế?” tôi hỏi nó một buổi tối khi đã về Toronto.

“Nghĩa là sao?”

“Cái hôm em đi thuyền với ông ta ấy, trên *Thủy Nữ Tinh*.”

“Em chẳng nói gì với ông ta cả,” nó nói. “Sao phải nói?”

“Chị đâu biết.”

“Em chẳng bao giờ nói gì với ông ta,” Laura nói, “bởi em chẳng có gì để nói.”

CÂY DẺ

Tôi nhìn lại những gì đã viết và hiểu rằng viết thế là sai, không phải vì đi đâu tôi đã nói ra, mà vì những đi đâu tôi ghìm không nói. Cái không ở đó vẫn hiện diện, như sự vắng mặt của ánh sáng.

Người đọc thì muốn nghe sự thật, hẳn rồi. Muốn tôi cho hai cộng với hai. Nhưng hai cộng hai chưa chắc đã mang lại cho người sự thật. Hai cộng hai bằng giọng nói ngoài cửa sổ. Hai cộng hai bằng gió. Con chim đang bay không phải là bộ xương dán nhãn tên.

Đêm qua tôi tỉnh dậy thình lình, tim đập như trống trận. Ngoài cửa sổ có tiếng cạch cạch: có ai ném sỏi vào kính. Tôi chui ra khỏi giường lén mò đến bên cửa sổ, đẩy khung kính lên chồm người ngó ra. Tôi không đeo kính, nhưng vẫn nhìn khá rõ. Kia là trăng, đã gần tròn, mặt chằng chéo những vết sẹo cũ, dưới là ánh sáng cam nhạt vẩy tứ phía từ các đèn đường hắt ngược lên trời. Bên dưới tôi là vỉa hè, vằn vện những mảng bóng và lấp một phần dưới tán cây dẻ ở sân trước.

Tôi biết rõ không lý nào có cây dẻ ở đó được: cây dẻ này ở nơi khác, cách đây cả trăm dặm, bên ngoài ngôi nhà tôi từng sống với Richard. Thế nhưng nó vẫn sò sò ở đó, cái cây ấy, cành lá xòa ra như cái lưới cứng dày, hoa trắng như mối sáng lấp ló.

Tiếng lạch cạch cửa kính lại vang lên. Có bóng người ở đó, cúi gập người: một người đàn ông, đang lục lạo trong thùng rác, khua đầy các chai rượu và tuyệt vọng mong có chai nào còn sót chút gì. Một gã xỉn lang thang, bị thúc đẩy bởi dạ rỗng và miệng khát. Gã ta cử động lén lút và lẩn tránh, như không phải đang săn, mà đang rình mò - đang tìm tòi trong rác rến bỏ đi của tôi cái gì có thể tố cáo tôi.

Rồi người đó đứng thẳng người bước sang ngang vào luồng sáng rõ hơn, ngẩng nhìn lên. Tôi nhìn thấy đôi lông mày rậm, hố mắt trũng sâu, nụ cười trắng xẹt ngang khuôn mặt dài tối sầm. Đường chữ V dưới họng mở ra vết

trắng trắng: cái áo sơ mi. Người đó cất tay lên, đưa sang ngang. Cái vẫy tay chào, hay có lẽ là từ biệt.

Bây giờ người ấy đang bước đi, và tôi không thể gọi vớ theo.

Người ấy biết tôi không thể gọi. Giờ người ấy đã đi r ồi.

Tôi thấy như ai bóp nghẹt trái tim mình. *Không, không, không, không*, có giọng nói cất lên. Nước mắt chảy dài trên má.

Nhưng tôi đã nói to lên - nói quá to, bởi bây giờ Richard đã tỉnh dậy. Ông ta đang đứng ngay sau lưng. Ông ta sắp đặt tay lên cổ tôi.

Và đến đấy thì tôi tỉnh dậy thực sự. Tôi nằm đó khuôn mặt ướn đ ần, mắt mở to, nhìn lên màu xám trống rỗng trên tr ần, đợi tim đập chậm lại. Bây giờ tôi không mấy khi còn khóc, lúc đang thức; chỉ đôi lúc đôi ba giọt lệ khô. Thật ngạc nhiên khi thấy mình lại khóc.

Khi còn trẻ, ta nghĩ mỗi đi ầu mình làm r ồi sẽ đ ầu bỏ đi. Ta di chuyển từ cái bây giờ này đến cái bây giờ kế, vò nát thời gian trong tay r ồi ném đi. Ta sống như chiếc xe không ngừng tăng tốc. Ta nghĩ mình có thể gạt bỏ mọi vật, gạt bỏ mọi người - chỉ c ần bỏ lại đằng sau. Ta còn chưa biết chúng có thói quen quay trở lại.

Trong mơ thời gian đóng băng. Ta chẳng bao giờ thoát khỏi nơi ta đang ở.

Quả là có tiếng lanh canh, thủy tinh va vào nhau. Tôi trèo khỏi giường - cái giường thật, cái giường đơn của tôi - và đến bên cửa sổ. Hai con ch ồn raccoon đang lục lọi trong các thùng rác tái chế nhà hàng xóm bên kia đường, bới tung chai lọ vỏ hộp. Giống loài bới rác, coi bãi rác là nhà. Chúng ngẩng lên nhìn tôi, giật mình nhưng không sợ hãi, những mặt nạ kẻ trộm đen ngòm trong ánh trăng.

Chúc gặp may, tôi nghĩ. Lấy được cái gì cứ lấy, trong lúc còn trong t ần tay. Ai c ần biết có phải của chúng mày hay không? Miễn đừng bị tóm.

Tôi trở lại giường đặt mình nằm giữa màn đêm trũ nặng, lắng nghe tiếng thở mà tôi biết không có đây.

X

TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI THẦN LẦN TRÊN HÀNH TINH XENOR

Mấy tuần liền cô rập rình các giá sách. Cô đến hiệu thuốc gần nhà, mua giữa móng tay hay que sửa móng, những món vặt vặt, rồi lững thững đi qua dãy tạp chí, không động vào và đề phòng không để ai thấy mình nhìn, nhưng vẫn đánh mắt lướt qua các tờ, tìm xem có tên anh không. Có một trong các tên anh dùng không. Bây giờ cô đã biết hết, hoặc gần hết những tên đó: cô vẫn cẩn thận đổi tên.

Chuyện lạ có thật. Toronto chí quái. Rụng rời. Cô nhìn khắp lượt.

Cuối cùng cô cũng phát hiện ra. Ất là nó: *Người Thần Lần Trên Hành Tinh Xenor. Chương mở đầu kỳ kỳ hồi hộp trong Biên niên sử Chiến sự Zycron.* Trên bìa, một nữ tóc vàng ăn mặc hơi hướm Babylon, đầu trắng thất đại xích vàng bó chặt dưới bộ ngực ngoại cỡ, hông quấn mấy vòng lam ngọc, nửa vòng trắng bạc lộ lên trên đầu. Môi mọng he hé, mắt to tròn, cô ta nằm trong bộ vuốt ba ngón của hai sinh vật đồng tử mắt nằm dọc. Chúng để mình trần, chỉ có quần chèn đỏ. Mặt chúng là hai cái đĩa bẹp, da đây vậy, sắc xanh xám như thiếc. Chúng tỏa sáng nhợt nhạt, như phết mỡ; dưới lớp da xanh xám nhìn thấy các bắp cơ căng phồng sáng ánh. Cái miệng không môi nhọn hoắt những răng là răng.

Bỏ vào đâu cô cũng nhận ra.

Làm sao có được một cuốn đây? Mua ở đây không được, người ta biết cô. Gây xì xào chẳng bao giờ hay, hành động kỳ quặc thuộc loại nào cũng thế. Chuyển mua sớm sau đó cô vòng tới tận nhà ga, tìm thấy cuốn tạp chí ở sạp báo trong ga. Mất có một hào: cô trả tiền mà đeo nguyên gang, cuộn tờ tạp chí lại thật nhanh rồi tống vào trong xách. Người đứng quầy nhìn cô lạ lùng, nhưng đàn ông vẫn hay thế.

Cô ôm cuốn tạp chí sát mình suốt quãng đường ngẩng tắc xi về, lên đưa lên lầu, mang vào phòng tắm rồi khóa trái. Tay cô, cô biết, sẽ run lên khi lật trang. Đây là thứ truyện dân không nhà đọc trong toa tàu hàng, bọn choai

choai đọc trùm chẵn soi đèn pin. Bảo vệ nhà máy đọc lúc nửa đêm, cho khỏi gà gât; người chào hàng đọc trong nhà nghỉ bên đường sau một ngày chẳng bán được gì, cà vạt đã tháo, sơ mi để phanh, chân gác lên trời, uống ực ki bằng cốc đánh răng. Cảnh sát đọc trong buổi tối vô sự. Chẳng ai trong số họ sẽ tìm thấy lời nhắn gửi chắc chắn có giấu đâu đó giữa hàng chữ in. Đó sẽ là lời nhắn gửi dành riêng cho cô.

Giấy mềm đến nỗi tay cô cấn vào muốn nát vụn.

Ở đây trong phòng tắm đã khóa, mở trên đầu gối cô trong mực đen giấy trắng, là Sakiel-Norn, đô thành ngàn điếu kỳ vĩ - các thần linh, các phong tục, kỹ nghệ dệt thảm diệu kỳ, tụi trẻ con bị nô dịch bạo hành, những cô bé sắp lên đài tể. Bầy đại dương, năm mặt trăng, ba mặt trời; dãy núi đặng Tây với khu mố ác hiểm, có sói hú và những ma nữ xinh đẹp ẩn mình. Mưu đồ đảo chính trong cung đang vờn vỏi bạch tuộc khắp nơi, nhà vua tìm cách nấn ná, đoán chừng các lực lượng cài cắm chống lại ngài; Nữ thượng tể bỏ túi món tiếm đầm mồm.

Bây giờ đang là đêm trước ngày hiến tể; cô bé được chọn đang chờ trong chiếc giường định mệnh. Nhưng tay sát thủ mù đầu? Số phận cậu ta ra sao, và tình yêu dành cho cô bé vô tội sao rồi? Chắc anh để dành phần đó lại sau, cô đoán.

Rồi, đột ngột hơn cô dự kiến, đoàn quân man dã tấn công, theo sự hối thúc của tay thủ lĩnh cuồng tín. Nhưng họ chỉ vừa lọt qua cổng thành thì có chuyện bất ngờ: ba phi thuyền hạ cánh xuống bình nguyên bằng phẳng phía Đông. Hình thù như trứng rán, hay sao Thổ cắt đôi, đây là phi thuyền từ hành tinh Xenor đến. Từ trong lòng tàu những Người Thần Lăn xô ra, đầy đủ bắp cơ xám cuồn cuộn và quần tẩm kim loại cùng vũ khí tối tân. Chúng có súng bức xạ, thông lọng điện, tiểu chuyên cơ một người. Đủ loại máy móc tân kỳ.

Cuộc xâm lăng đột ngột đã thay đổi cục diện đối với người Zycron. Dã man hay phố thị, bảo hoàng hay phản loạn, ông chủ và nô tỳ - tất cả quên đi khác biệt mà sát cánh bên nhau. Ranh giới giai cấp bị xóa nhòa - các Snilfard dẹp bỏ chức tước lâu đời cùng mặt nạ sang bên, xắn tay áo cùng

gác phòng tuyến bên người Ygnirod. Tất cả chào nhau bằng chữ *tristok*, (tạm) hiểu là, *người đã cùng tôi cắt máu*, nghĩa là đồng chí hoặc anh em. Đàn bà con gái được đưa vào đền khóa lại cho an toàn, trẻ con cũng thế. Nhà vua nắm quyền thống lĩnh. Đoàn quân man dã được hoan nghênh đón vào thành vì vốn nổi danh can trường chiến trận. Nhà vua bắt tay với Nô Bộc Cầi Hoan, họ quyết định cùng chung tay lãnh đạo. *Nắm tay không chỉ là tổng số những ngón tay*, nhà vua dẫn câu tục ngữ xưa. Tám công nặng nề đóng sập vừa kịp lúc.

Người Thần Lăn giành được lợi thế ban đầu ở vùng nông thôn ngoại thành, nhờ yếu tố bất ngờ. Chúng tóm được vài người đàn bà thích hợp, đem nhốt họ vào lồng, hàng tá quân Thần Lăn rỏ dãi nhìn qua song. Nhưng rồi đội quân Xenor gặp phải bất lợi: súng bức xạ là ngu ồn cơn sức mạnh của chúng lại không thuận lợi ở Zycron, do chênh lệch trọng lực, thông lượng điện thì chỉ dùng được ở tần gần, còn dân chúng Sakiel-Norn giờ đang cố thủ bên kia tường thành rất dày. Người Thần Lăn không có đủ tiêu chuẩn cơ mà đưa lực lượng tiến công áp đảo vào chiếm đô thành. Còn tên Thần Lăn nào đến gần đâu hứng chịu trận mưa hỏa tiễn từ trên thành: dân Zycron đã phát hiện thứ qu ân kim loại của người Xenor rất dễ bắt lửa ở nhiệt độ cao, họ đốt nhựa đường cháy xuống.

Đại vương Thần Lăn lên một cơn hờn lẫy xé óc, khiến năm khoa học gia Thần Lăn chầu trời - hiển nhiên Xenor không phải một xứ dân chủ. Số còn sống hối hả tìm cách giải quyết các trục trặc kỹ thuật. Chỉ cần đủ thời gian và phương tiện cần thiết, họ tuyên bố, họ có thể làm chảy tường thành Sakiel-Norn. Họ cũng có thể chế một thứ khí khiến người Zycron bất tỉnh. Lúc đó họ có thể tha hồ làm trò tà ác gì thì làm.

Tới đó thì hết phần một. Nhưng câu chuyện tình đâu mất rồi? Tay sát thủ mù và cô bé bị cắt lưỡi đâu? Cô bé đã gần như bị quên lãng trong cơn hỗn loạn - lần cuối cùng còn thấy là khi cô nấu dưới cái giương kim tuyến đỏ - còn anh chàng mù thì không hề thấy mặt. Cô lật lại các trang: có thể cô bỏ sót gì chẳng. Nhưng không, hai bọn họ đã biến mất, vậy thôi.

Có thể tất cả sẽ ổn cả, trong chương ly kỳ hồi hộp sau. Có thể anh sẽ chuyển lời.

Cô biết cái đi đâu mong mỗi này có phần rồ dại - anh sẽ không nhắn gửi gì cho cô, mà nếu có, cũng không phải bằng cách này - nhưng không tài nào rũ bỏ được. Hy vọng đã để ra những huyền hoặc ấy, nhớ nhung nuôi lớn những ảo tượng ấy - hy vọng bất chấp tuyệt vọng, nhớ nhung trong chân không. Có lẽ đi đâu cô bắt đầu thoái hóa, có lẽ cô bắt đầu trật đường rầy, có thể cô bắt đầu rệu rã. *Rệu rã*, như cánh cửa gãy, như cổng thành bị húc, như kết sắt gỉ. Khi người ta rệu rã, những thứ lẽ ra cần giữ bên trong đổ ộc ra ngoài, thứ khác cần chắn bên ngoài tìm đường đột nhập. Khóa không còn giữ được. Lính canh ngủ gật. Mật khẩu bỏ đi.

Cô nghĩ, Có lẽ mình đã bị bỏ rơi. Một chữ sáo mòn biết mấy, bỏ rơi, nhưng nó diễn tả đúng cảnh ngộ cô. Bỏ rơi cô, hoàn toàn có thể tưởng tượng việc anh đang làm là thế. Khi cao hứng anh có thể chết vì cô, nhưng sống vì cô lại là chuyện hoàn toàn khác. Anh không giỏi chịu đựng cảnh đơn điệu.

Bất chấp lý trí cô vẫn chờ đợi và để mất, hết tháng này qua tháng khác. Cô đi mòn gót trong hiệu thuốc, trong nhà ga, trong mọi quây báo tình cờ qua. Nhưng chương ly kỳ hồi hộp tiếp chẳng bao giờ thấy.

MAYFAIR, THÁNG NĂM 1937

CHUYỆN VĂN BAN TRƯA TORONTO

York

Tháng Tư năm nay ulla vờn như chú cừ non trưỡng giỡn, và hòa cùng tinh thần hớn hở tung tăng của chú, mùa giao tế Xuân diễn ra náo hoát những tin dập dờn người đến kẻ đi. Ông bà Henry Ridelle vừa trở về sau kỳ nghỉ đông ngắn ngày ở Mexico, ông bà Johnson Reeves lái xe trở lại sau kỳ nhàn dật ở Florida trong Palm Beach, và ông bà T. Perry Grange cũng về lại sau chuyến bơi thuyền giữa những hòn đảo Caribbe rực nắng, bà R. Westerfield cùng con gái là Daphne lại lên đường đi thăm nước Pháp, cả nước Ý nữa “nếu Mussolini cho phép”, còn ông bà W. McClelland lại sắm sửa tới đất Hy Lạp huyênh thoai. Gia đình Dumont Fletcher đã sống cả một mùa rộn rã ở Luân Đôn và trở lại ra mắt sân khấu thành phố chúng ta, vừa đúng lúc bắt đầu Liên hoan kịch nói Canada, mà ông Fletcher có chân trong ban giám khảo.

Trong lúc đó một cuộc ra mắt khác lại được tưng bừng tổ chức trong sắc tím hoa cà và bạc ở Vườn Arcadia, khi bà Richard Griffen (nhũ danh Iris Montfort Chase) xuất hiện trong bữa tiệc trưa của em dâu là bà Winifred “Freddie” Griffen Prior. Bà Griffen trẻ tuổi vẫn duyên dáng như thường lệ, một trong những cô dâu nổi bật nhất mùa hôn lễ năm ngoái, mặc bộ lụa xanh da trời kèm mũ phớt màu lục nước sông Nile, đón nhận những lời chúc tụng của quan khách nhân sự ra đời của con gái bà, Aimee Adelia.

Nhóm Thất Tinh rộn ràng chào đón minh tinh đang dự diễn là cô Frances Homer, diễn viên độc thoai lừng danh, vừa trình diễn tại sân khấu Eaton chuỗi kịch Những Bóng Hờng Định Mệnh, trong đó cô thể hiện những phụ nữ nổi tiếng lịch sử và ảnh hưởng của họ đến cuộc đời các vĩ nhân thế giới như Napoleon, vua Tây Ban Nha Ferdinand, Horatio Nelson và Shakespeare. Cô Homer tỏa sáng trí tuệ và sinh lực trong vai Nell Gwyn, bi tráng trong vai hoàng hậu Isabella; Josephine là một chân dung sống động, còn vai Hầu tước phu nhân Emma Hamilton đã chứng minh tài nghệ tuyệt trần của cô. Chuỗi kịch ngoạn mục được tán thưởng hết sức.

Kết thúc buổi tối là tiệc đứng chiêu đãi nhóm Thất Tinh cùng cử tọa tại Phòng Tròn khách sạn, người chủ trì hào phóng là bà Winifred Griffen Prior.

THƯ GỬI TỪ BELL AVISTA

Văn phòng Giám đốc

Trú viện Bella Vista

Amprior, Ontario

12 tháng Năm, 1937

Ô. Richard E. Griffen,

Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng,

Công ty TNHH hoàng gia hợp nhất Griffen-Chase,

20 phố King Tây,

Toronto, Ontario

Richard thân mến,

Thật vui mừng được gặp anh hồi tháng Hai - dù trong hoàn cảnh rất đáng tiếc - và được bắt tay anh lần nữa sau chừng ấy năm. Cuộc sống thực sự đã đưa chúng ta đi những con đường rất khác nhau kể từ “thuở học đường xa xưa thương mến ấy”.

Trở lại câu chuyện nghiêm túc, tôi rất lấy làm tiếc phải thông báo rằng tình trạng em dâu của anh, cô Laura Chase, vẫn không tiến triển; thậm chí còn có vẻ nặng hơn. Những hoang tưởng cô mắc phải đã ăn rất sâu. Theo khám nghiệm của chúng tôi, cô vẫn còn nguy hiểm cho bản thân mình và phải được theo dõi thường xuyên, và tiêm thuốc an thần những lúc trở nặng. Không có cửa sổ nào bị đập nữa, mặc dù đã xảy ra một vụ việc có dùng đến kéo; tuy nhiên chúng tôi sẽ làm hết sức để ngăn ngừa những việc tương tự lại xảy ra.

Chúng tôi vẫn tiếp tục cố gắng hết sức. Có vài phương án chữa trị mới chúng tôi hy vọng có thể đưa đến kết quả tích cực, đặc biệt là “liệu pháp sốc điện”, mà chúng tôi sắp lắp đặt xong trang thiết bị. Nếu anh chấp thuận chúng tôi sẽ đưa vào bổ sung bên cạnh tiêm insulin. Chúng tôi có cơ sở vững chắc để hy vọng sẽ có chuyển biến tốt tới hậu, mặc dù theo chúng tôi dự đoán cô Chase sẽ không bao giờ hồi phục hẳn.

Dù biết đây là một đề nghị khó khăn, tôi vẫn phải yêu cầu anh cùng chị nhà ngừng đến thăm hoặc ngay cả viết thư cho cô Chase tại thời điểm này, bởi tiếp xúc với một trong hai người chắc chắn sẽ tác động không tốt lên quá trình chữa bệnh. Như hai người cũng biết, chính hai người là đối tượng những ám ảnh dai dẳng nhất của cô Chase.

Tôi sẽ đến Toronto thứ Tư tuần sau, và hy vọng có thể trao đổi riêng với anh về một số vấn đề - tại văn phòng là tốt nhất, bởi người vợ trẻ của anh, sau khi vừa sinh hạ, không nên để nhiều tâm không cần thiết vì những chuyện đau lòng như thế này. Khi gặp tôi sẽ yêu cầu anh ký những giấy tờ cần thiết để chấp thuận phương án điều trị chúng tôi đề xuất.

Tôi mạn phép gửi kèm hóa đơn tháng rồi để anh xem xét được nhanh chóng thuận tiện.

Thân mến,

BS. Gerald P. Witherspoon, Giám đốc

TAY SÁT THỦ MÙ: NGỌN THÁP

Cô thấy mình nặng và dính bần, như một túi đồ chưa giặt. Nhưng cùng lúc lại phẳng dẹt và phi vật chất. Như tờ giấy trắng, trên đó - chỉ vừa đủ thấy - là vết in chìm không màu một chữ ký, không phải của cô. Thám tử đi đâu tra sẽ thấy, nhưng cô thì không buồn quan tâm. Cô chẳng buồn tìm.

Cô chưa từ bỏ hy vọng, chỉ gấp lại cất đi: đây không phải thứ nên dùng hằng ngày. Trong khi chờ đợi cơ thể cũng cần chăm sóc. Nhịn ăn chẳng có ích gì. Tốt nhất nên giữ cho đầu óc minh mẫn, và dinh dưỡng có ích cho việc đó. Cả những thú vui nho nhỏ nữa: có hoa để dựa vào, uất kim hương đầu mùa chẳng hạn. Quần trí chẳng ích gì. Chẳng ích gì chạy chân không trên đường, hét *Cháy!* Cái thực tế không hề có cháy ắt sẽ bị nhận ra.

Cách giữ bí mật tốt nhất là giả vờ không có bí mật nào. *Cảm ơn nhiều lắm*, cô nói với ống nghe. *Nhưng tiếc quá. Tôi không đến được rồi. Tôi kín cả lịch.*

Có những ngày - đặc biệt khi trời quang và ấm - cô thấy như mình bị chôn sống. Bầu trời là vòm đá xanh, mặt trời là lỗ hồng tròn qua đó ánh sáng ban ngày thật rọi vào chế nhạo. Những người cùng bị chôn không biết chuyện đã xảy ra, chỉ mình cô biết. Nếu cô loan báo tin này, sẽ bị họ nhốt lại vĩnh viễn. Lối thoát duy nhất là cứ sống như mọi chuyện vẫn bình thường, mặt khác vẫn để mắt trông chừng bầu trời xanh phẳng lặng, chờ vết nứt lớn rồi cuộc ất sẽ phải hiện ra. Sau đó biết đâu anh sẽ bám thang dây thông xuống qua vết nứt. Cô sẽ leo lên mái nhà, nắm thang mà nhảy. Cái thang sẽ được kéo lên, cả hai người cùng níu lấy nó, níu lấy nhau, lên qua những tháp mái cùng lầu cao và đỉnh nhọn, thoát ra qua vết nứt trên bầu trời giả, mặc kệ số còn lại trên bãi cỏ bên dưới, há mồm ngẩn ngơ.

Những cốt truyện thật toàn năng và trẻ nít.

Dưới vòm đá xanh có khi mưa, khi nắng, khi gió, khi quang. Đến phải bái phục khi nhớ rằng tất cả những biểu hiện thời tiết tự nhiên ấy đều theo đi đâu khiến.

Có đứa bé nào đó ở đâu đây. Tiếng khóc vẳng đến chỗ cô chớp tắt, như gió đưa. Cửa mở rồi đóng, tiếng cơn cuồn cuộn bé xíu vô biên dội rồi lại lắng. Đến phải bái phục chúng gào rõ khỏe. Tiếng thở khò khè của nó có lúc thật gần, nghe rất rồi lại êm, như xé lụa.

Cô nằm trên giường, ga giường úp mặt hay dưới lưng tùy xem giờ nào trong ngày. Cô thích có gối trắng hơn, trắng như áo y tá và hồ vừa phải. Vài cái gối để tựa vào, với một chén trà để neo cô lại khỏi thiếp đi mất. Cô cần chén trong tay, nếu rơi xuống sàn sẽ làm cô thức dậy. Không phải lúc nào cô cũng nằm thế, vì cô đâu có lười.

Mộng tưởng chen ngang từng đợt.

Cô tưởng tượng anh đang tưởng tượng cô. Còn mỗi cách ấy là cứu rồi.

Trong tâm tưởng cô đi khắp thành phố, lần lại những nẻo đường khuất khúc, những mê lộ tối tăm: từng cuộc gặp, từng chốn hẹn, từng cánh cửa, cầu thang, giường. Anh nói sao, cô nói sao, họ làm gì, họ làm gì sau đó. Cả những lần họ lờ đi qua tiếng lại, cãi cọ, chia tay, đau khổ, làm lành. Họ vẫn ưa cửa mình bằng người kia, nếm vị máu chính mình. Chúng ta tàn hại lẫn nhau, cô nghĩ. Nhưng chúng ta còn biết sống ra sao, những ngày này, nếu không phải giữa cảnh hoang tàn ngày trước?

Có những khi cô muốn quăng anh vào lửa, muốn rũ bỏ anh; muốn chấm dứt cái nhớ nhung vô tận, vô nghĩa ấy. Kể cả cô không động tay thì mỗi ngày trôi qua và quá trình suy sụp của cơ thể cô cũng sẽ tự làm việc đó - cọ cho cô sồn, ăn mòn cô đi, gột rửa vùng ký ức về anh trong não. Nhưng cố trục xuất bao nhiêu cũng không được, mà cũng chẳng phải cô thật dụng công. Trục xuất anh không phải là điều cô muốn. Cô muốn nổi cực lạc kinh hoàng đã biết, như bất cần rơi khỏi máy bay. Cô muốn ánh mắt anh đối khát.

Lần cuối gặp anh, khi họ đã về lại phòng - thật không khác gì chết đuối: tất cả tối sầm lại đình tai nhức óc, nhưng cùng lúc cũng lại trong như bạc, chậm rãi, sáng rõ.

Đúng như người ta vẫn nói: phận tôi đòi.

Có thể anh luôn mang bên mình hình ảnh cô, như mang ảnh trong mắt dây chuyền; hoặc cũng không hẳn là hình ảnh, là sơ đồ thì đúng hơn. Là bản đồ, như bản đồ kho báu. Rồi sẽ cần để tìm lại đường về.

Đầu tiên là bờ đất, trải hàng ngàn dặm, ngoài cùng là vòng rào đá và núi, đỉnh tuyết, xẻ rãnh, gấp nếp; tiếp đến rừng rậm, gốc ngập trong quả rụng cành khô, ken thành lớp dày phủ đất, gỗ chết mục đi dưới rêu; đôi khi gặp khoảng quang đãng. Rồi những bãi thạch nam và đồng cỏ rạp mình dưới gió, rồi những đồi đất đỏ khô cằn nơi chiến tranh đang diễn ra. Sau các tảng đá, giữa các hẻm núi phơi cháy nắng, lực lượng kháng quân khom mình phục. Tuyệt kỹ của họ là bắn tỉa.

Kế đó làng mạc trải ra, những túp nhà dơ dáy cùng lũ trẻ ranh mắt híp và đàn bà gò lưng còng cúi, đường đất tối đen những vũng lợn đẫm. Rồi đường sắt dẫn về các thị trấn, có những nhà ga và ga xép, những nhà máy và kho hàng, những nhà thờ và ngân hàng tường cẩm thạch. Tiếp nữa là các thành phố, từng vệt dài ánh sáng xen bóng tối, tháp chông lên tháp. Các tòa tháp bọc đá nam châm. Không được: cần cái gì hiện đại hơn, hợp cảnh hơn. Thiếc không ăn, cái đó chỉ làm chậu giặt cho các bà nhà quê.

Các tòa tháp đều bọc thép. Bom làm ra trong đó, bom cũng nhằm vào đó. Nhưng anh đã vòng tránh được tất cả, vượt qua mà không hề hấn gì, tới tận thành phố này, thành phố có cô, có những nhà cửa và gác chuông vây quanh cô đang ngổ ỉ trong ngọn tháp trong cùng, ngọn tháp trung tâm giữa mọi tháp, ngọn tháp thậm chí trông còn không giống tháp. Nó được nguy trang: người vô ý sẽ lầm tưởng là một nếp nhà thường. Cô là trái tim run rẩy của vạn vật, đang nằm đây đếm kỹ trong giường trắng. Được giấu khỏi mọi hiểm nguy, nhưng cô là nguyên nhân mọi sự. Nguyên nhân mọi sự là để bảo vệ cô. Tất cả thời gian họ dành vào việc đó - bảo vệ cô khỏi mọi chuyện xung quanh. Cô nhìn ra ngoài cửa sổ, và chẳng có gì với được tới cô, và cô chẳng với tới được gì.

Cô là chữ O tròn, là số không trong xương^[29]. Là khoảng trống, định danh mình bằng cách hoàn toàn không tồn tại. Chính vì thế chúng không thể chạm tới cô, không thể làm gì cô. Chính vì thế chúng không thể đi đâu gì

cho cô. Cô có một nụ cười thật đẹp, nhưng cô không có mặt sau nụ cười ấy.

Anh muốn hình dung cô bất khả xâm phạm. Đứng trong cửa sổ sáng đèn, cánh cửa sau lưng đã khóa. Anh muốn ở ngay đó, dưới gốc cây, ngược nhìn lên. Thu hết can đảm, anh trèo qua tường, nhích từng bàn tay qua dây leo và mấu tường, hớn hở như một gã bất lương; anh khom người, đẩy cửa kính lên, bước vào trong. Máy thu thanh mở nhỏ nhỏ, nhạc khiêu vũ trào lên rồi dịu xuống. Tiếng nhạc át tiếng chân. Chẳng cần trao đổi một lời, và lại bắt đầu cuộc xâm lăng gượng nhẹ tỉ mỉ vào xác thịt. Bít tiếng, e dè, mờ tối, như dưới nước.

Em sống một cuộc đời trong tủ kính, có lần anh bảo cô.

Nói thế cũng không sai, cô đáp.

Nhưng cô có hy vọng nào thoát ra khỏi đó, khỏi cuộc đời này, nếu không phải nhờ anh?

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 26 THÁNG NĂM 1937

HUYẾT CỬU ĐỎ Ở BARCELONA

Paris. Bản tin độc quyền.

Dù thông tin từ Barcelona bị kiểm duyệt nghiêm ngặt, phóng viên bốn báo tại Paris cũng đã nhận được tin về đụng độ giữa các phe phái Cộng hòa kinh địch ở đó. Phe Cộng sản có sự hậu thuẫn của Xít-ta-lin và được Nga hỗ trợ vũ khí, theo lời đồn, đang tiến hành thanh trừng Đảng Công nhân Thống nhất Mác-xít (POUM) đối thủ, nhóm cực đoan Tờ-rốt-kít mới đây đã liên minh với phe Vô chính phủ. Buổi bình minh choáng ngợp men say chiến thắng của chính quyền Cộng hòa đã nhường chỗ cho bầu không khí ngột vức và sợ hãi, bởi Cộng sản buộc tội POUM cài người phản gián. Đã xảy ra bạo lực đường phố công khai, cảnh sát thành phố đứng về phía Cộng sản. Nhiều đảng viên POUM nghe nói đã ng ửi tù hay đào thoát. Dường như có vài người Canada đã liên lụy vào cuộc xung đột, nhưng những thông tin liên quan chưa được kiểm chứng.

Cũng ở Tây Ban Nha, Madrid vẫn nằm dưới quyền kiểm soát của Cộng hòa, nhưng những lực lượng Dân tộc do tướng Franco lãnh đạo đã giành được những bước tiến đáng kể.

TAY SÁT THỦ MÙ: GA THỐNG NHẤT

Cô cúi đầu, tì trán vào cạnh bàn. Tưởng tượng đường anh trở lại.

Trời nhá nhem, đèn nhà ga đã bật, soi mặt anh hốc hác. Bờ biển ở đâu gần đó, xanh vắn vắt: anh nghe tiếng hải âu kêu. Anh đu người nhảy lên tàu giữa những cụm hơi nước phì phò, quăng cái túi du lịch lên giá; rồi anh ngổ súp vào ghế, lấy cái xăng ụch vừa mua, mở lớp giấy gói nhàu nát, xé toạc giấy ra. Anh mệt đến mức hầu như không ăn nổi.

Bên cạnh anh là một bà già đang đan thứ gì đó đo đo, một cái áo len. Anh biết vì bà tự nói với anh; nếu cứ để yên bà sẽ nói cả tràng, kể chuyện con bà, chuyện cháu bà, chắc hẳn bà còn cất ảnh trong túi, nhưng đây không phải thứ chuyện anh muốn nghe. Anh không thể nghĩ đến trẻ con lúc này vì đã chứng kiến quá nhiều đứa chết. Chính trẻ con mới bám chặt lấy trí anh, hơn cả phụ nữ, hơn cả các ông già. Đứa nào cũng có vẻ chẳng đề phòng: đôi mắt ngái ngủ, bàn tay trắng sấp, ngón tay lỏng ra, con búp bê vải tả tơi sũng máu. Anh ngoảnh đi, nhìn mặt mình trong ô kính ban đêm, mắt trũng sâu, mái tóc ướt bết trên mặt, da đen ánh lục, mờ thêm vì nhòe và vì những bóng cây sẫm tối vùn vụt đằng sau.

Anh lách qua cặp đầu gối bà già vào lối đi ở giữa, ra đứng giữa hai toa, rít khói, búng bỏ đầu thuốc, tề vào khoảng không. Anh cảm giác mình cũng đang đi theo nó - rơi vào hư không. Anh có thể ngã xuống ngay đây và sẽ chẳng còn ai tìm thấy.

Vùng đồng lầy, đường chân trời thấp thoáng. Anh trở lại chỗ ngổ. Trong tàu tê cóng và ẩm hay là nóng bức nực nội; anh đổ mồ hôi hoặc lạnh run, có lẽ cả hai: anh vừa đóng băng vừa cháy bỏng, như kẻ đang yêu. Nệm ghế sau lưng cứng quèo lấm tẩm mốc, cọ má anh đau rát. Mãi rồi anh cũng ngủ, miệng há ra, đầu ngật sang bên, tì vào cửa kính bên. Trong tai vang mãi tiếng kim đan lách cách, trên nền tiếng xình xích bánh xe đập vào thanh ray, như một thứ trống đánh nhịp không ngơi nghỉ.

Bây giờ cô tưởng tượng anh mơ. Cô tưởng tượng anh mơ thấy cô, cùng lúc cô đang mơ thấy anh. Trên bầu trời màu đá phiến ướt họ bay về phía nhau bằng đôi cánh sẫm vô hình, tìm kiếm lại kiếm tìm, lộn lại theo lối cũ, hy vọng và nhớ nhung thúc đẩy, nỗi sợ khiến họ hoang mang. Trong giấc mơ đôi họ chạm vào, họ quăn lấy nhau, đâm sầm vào nhau thì đúng hơn, và tới đó cuộc bay kết thúc. Họ rơi xuống đất, hai tay nhầy vươngng dù, hai thiên thần sẩy cánh ngún tro, tình yêu tuôn thành vệt sau lưng loảng ngoảng như lụa rách. Hỏa lực địch dưới đất đón bắn lên.

Một ngày trôi qua, một đêm, lại một ngày. Tàu nghỉ ở một ga anh xuống, mua quả táo, chai Coca-Cola, nửa gói thuốc, một tờ báo. Lẽ ra anh nên mua thêm chai bỏ túi hoặc cả chai nguyên, mua lấy lãng quên. Anh nhìn qua cửa sổ mờ mưa ra những cánh đồng dài phẳng trải dãn xa như tấm thảm lớn chồm, nhìn những cụm cây; mắt anh lác xếch vì gà gât. Đến chiều tối hoàng hôn nhần nha mãi không chịu đi, anh cứ tiến tới còn nó cứ lùi dãn về Tây, úa từ hồng sang tím. Đêm xuống mang theo những chập chờn, những cú giật đi rồi dừng khựng, những tiếng huýt sất của con tàu. Sau đôi mắt nhắm là màu đỏ, đỏ như những đốm lửa nhỏ giấm kỹ, những vụ nổ giữa không trung.

Anh tỉnh dậy thì trời đã tang tảng; đã thấy được nước ở một bên, phẳng, không bờ thoải, óng ánh bạc, h ồnội địa đây r ồi. Cửa sổ bên kia nhìn ra những nhà nhỏ ủ rũ, qu ần áo giặt thống xuống trên dây giăng ngang sân. R ồi một ống khói gạch cấu đen, một nhà máy dờ dãn cột khói cao; r ồi lại một nhà máy nữa, vô vàn cửa sổ phản chiếu sắc xanh rất nhạt.

Cô tưởng tượng anh xuống tàu bước vào buổi sớm, rảo chân băng qua ga, qua ti ền sảnh dài vòm tr ần l ồng lộng giữa hai hàng cột, chân giẫm trên sàn cẩm thạch. Những vọng âm lơ lửng trên không, tiếng loa phóng thanh nhòe nhoẹt, nội dung thông báo mờ mịt. Không khí đầy mùi khói - khói thuốc lá, khói tàu, khói của bản thân thành phố, giống bụi hơn là khói. Cả cô cũng đang đi qua làn bụi hay khói này; tư thế cô là đôi tay dang rộng, chờ anh nhấc bổng lên không. Ni ền vui thít chặt họng cô, không khác gì nỗi kinh hoàng. Cô không nhìn thấy được anh. Ánh nắng ban mai chiếu qua các cửa sổ vòm cao, bầu không đầy khói bắt lửa, mặt sàn óng ánh. Bây giờ đã thấy

anh rõ nét, ở tí t đầu kia, mỗi chi tiết đầu nổi bật - mắt, miệng, tay - dù cũng xao động, như bóng nước trên mặt hồ rung rinh.

Nhưng trong trí cô không giữ được anh, cô không cố định được ký ức về hình hài anh. Cứ như có cơn gió vừa khua qua mặt nước làm anh tản ra, thành những mảng màu vỡ vụn, những gợn lăn tăn; rồi anh lại tụ lại chỗ khác, bên kia cây cột thứ hai, khoác lại cơ thể quen thuộc. Bao quanh anh, một vùng lung linh.

Vùng lung linh là sự vắng mặt của anh, nhưng cô lại thấy nó như ánh sáng. Thứ ánh sáng đời thường, mỗi ngày vẫn soi sáng mọi vật quanh cô. Mọi sáng và tối, mọi găng và giày, mọi ghế và đĩa.

NGĂN VỆ SINH

Từ đây trở đi mọi sự sẽ chuyển sang đen tối. Nhưng người đọc đến đây thì cũng đã biết rồi. Biết sẽ phải thế, vì đã biết chuyện gì xảy ra cho Laura.

Còn chính Laura thì không biết, tất nhiên. Nó chẳng hề tính chuyện lãnh vai nữ chính trong bi kịch lãng mạn. Chỉ sau này nó mới trở thành nhân vật ấy, qua lăng kính là kết cuộc của nó và vì thế trong tâm tưởng những kẻ hâm mộ. Còn trong cuộc sống thường ngày nó thường xuyên là một đứa khó chịu đựng, như mọi người thôi. Hay tẻ nhạt. Hay vui sướng, nó cũng có khi vui sướng: chỉ cần các điều kiện thích hợp, điều kiện gì thì bí mật có mình nó biết, nó sẽ rơi vào một trạng thái phấn khích tốt bậc. Chính những khoảnh khắc vui tươi của nó ở lại rõ nét nhất với tôi bây giờ.

Vì thế ký ức nhìn lại chỉ thấy nó tha thẩn làm những hoạt động thường ngày, từ ngoài nhìn vào không có gì lạ: một cô gái tóc sáng đi lên đồi, chìm đắm trong suy tưởng riêng. Có rất nhiều cô bé xinh xắn, trăn ngâm giống nó, nhiều như nấm trong rừng, họ sinh sôi thêm từng phút. Phần lớn trường hợp không có gì bất thường xảy ra trong đời họ, những cô bé này. Họ gặp chuyện này chuyện khác, thế rồi họ già đi. Nhưng Laura đã bị chấm đích danh, với người đọc, với tôi. Nếu đây là tranh sẽ vẽ nó đang hái hoa dại, dù trong đời thực ít khi nó làm động tác kiểu đó. Vị thần mang bộ mặt đất khom mình đằng sau trong bóng tối khu rừng. Chỉ có chúng ta nhìn thấy hắn. Chỉ có chúng ta biết hắn sẽ chồm lên.

Tôi vừa xem lại những gì đã viết, thấy sao mà thiếu hụt. Có thể là vì quá nhiều chuyện phù hoa, hoặc nhiều chuyện sẽ bị coi là phù hoa. Quá nhiều áo xống, kiểu dáng màu sắc đã lỗi một cái, những cánh bướm đã trút đi. Quá nhiều tiệc tối, chẳng phải bữa nào cũng khá. Bữa sáng, picnic, hải hành, vũ hội hóa trang, báo chí, dong thuyền trên sông. Những món thường không ăn nhập với bi kịch. Nhưng trong đời thực, bi kịch không phải một tiếng hét dài. Bi kịch bao gồm mọi điều dẫn đến kết cục ấy. Giờ lại giờ lật vật, ngày lại ngày, năm lại năm, và rồi cái khoảnh khắc đột ngột: nhát dao đâm, quả bom nổ, xe lao qua cầu.

Đã sang tháng Tư. Hoa giọt tuyết đã nở r ồi tàn, nghệ tây đang vào độ. Chẳng mấy nữa là tôi có thể đóng đô ở hiên sau, bên cái bàn gỗ cũ lùn sứt sọ, ít nhất khi nào trời nắng. Băng vĩa hè đã tan hết, tôi bắt đầu đi dạo trở lại. Những tháng mùa đông giam chân trong nhà đã làm tôi yếu đi; hai cẳng tôi cảm thấy rõ. Nhưng tôi vẫn quyết tâm tái chiếm các lãnh địa cũ của mình, thăm lại những chôn ăn chơi cũ.

Hôm nay, có cây gậy trợ giúp, thêm vài chặng nghỉ trên đường, tôi cũng đi được tới tận nghĩa trang. Lại thấy đôi thiên thần nhà Chase, mắt thường thì không thấy rõ có hư tổn gì thêm sau mùa đông d ầm tuyết; lại thấy những cái tên trên mộ, chỉ hơi khó đọc hơn chút ít, nhưng có thể là do mắt tôi. Tôi miết tay dò theo từng cái tên, theo từng chữ cái: dù cứng, dù sờ nắn được, hình như chúng vẫn nhũn ra dưới tay tôi, phai đi, run rẩy. Chúng đã làm m ồi cho hàm răng sắc vô hình của thời gian.

Ai đó đã dọn những lá uớt d ầm từ thu trước trên mộ Laura. Còn có bó thủy tiên trắng nhỏ, đã kịp héo, bọc giấy thiếc. Tôi nhặt lên ném vào thùng rác gần đó. Họ nghĩ ai sẽ thưởng lãm những lễ phẩm này chứ, hử đám tín đồ của Laura? Nói thẳng vào đề, họ nghĩ ai sẽ là thằng đi dọn? Hoa với chẳng hoét, xả rác khu đất, bày bừa đ ồ lễ khoe mối s ầu thương nhận vợ.

Thích khóc thì tôi sẽ cho có mà khóc, Reenie vẫn nói thế. Nếu chúng tôi là con chị, chắc chị đã cho mấy cái bạt tai. Vì không phải nên chị không bao giờ làm thế, nên chúng tôi chẳng bao giờ biết cái *có* hăm dọa ấy có thể là gì.

Trên đường về tôi ghé vào tiệm bánh vòng. Chắc mặt tôi hiện rõ cái thù nào thân tôi đang cảm thấy, bởi có cô phục vụ chạy ra tức thì. Thường ở đây không phục vụ tận bàn, khách phải đứng bên quầy đợi tự lấy đ ồ, nhưng cô bé kia - một cô bé mặt trái xoan, tóc sẫm, mặc thứ chắc là đ ồng phục màu đen - cũng hỏi tôi muốn lấy gì. Tôi gọi một cà phê và, để đổi gió, thêm một bánh muffin việt quất. R ồi tôi thấy cô ta nói với một cô gái khác, đứng sau quầy, và nhận ra cô ta chẳng phải người phục vụ, mà cũng là khách hàng như tôi: bộ đ ồng phục đen thậm chí chẳng phải đ ồng phục nữa, chỉ là áo khoác với quần dài. Ánh bạc lấp lánh đâu đó trên người cô, chắc

là phéc mơ tuya: tôi không nhìn rõ các chi tiết. Trước khi tôi kịp cảm ơn ra miệng thì cô đã đi.

Mất cả lòng, khi thấy con gái tuổi đó vẫn còn biết tận tình lịch sự. Chủ yếu (tôi ngẫm nghĩ, nhớ về Sabrina) chúng chỉ hành xử vô ơn và vô tâm. Nhưng vô ơn vô tâm là áo giáp của tuổi trẻ; không có thì chúng sống trong đời sao nổi? Người già mong đi đầu lành cho bọn trẻ, nhưng cũng mong đi đầu xấu: nếu được họ đã ăn tươi nuốt sống chúng, hấp thu sinh lực chúng, cho mình được trường sinh. Không có lớp vỏ cộc cằn nông cạn bảo bọc, tất cả trẻ con sẽ bị nghiền nát dưới sức nặng quá khứ - quá khứ của kẻ khác, chất lên vai chúng. Vị kỷ đối với chúng là ơn cứu rỗi.

Đến một mức nào đó, cố nhiên.

Cô phục vụ mặc tạp dề xanh mang cà phê tới. Cùng cái muffin, khiến tôi hồi hận gần như lập tức. Tôi chẳng làm nó suy suyển mấy tí. Trong các nhà hàng bây giờ cái gì cũng quá lớn, quá nặng nề - thế giới vật chất hiện trong hình hài những khối bột nhào đại tướng.

Sau khi uống vội cốc cà phê hết sức cho phép, tôi lên đường chiếm lại nhà vệ sinh. Ở ngăn giữa, những dòng chữ thu năm ngoái tôi còn nhớ đã bị sơn đè, nhưng may mắn là mùa năm nay đã bắt đầu. Ở góc trên cùng bên phải, một cụm tên tắt bên lên thổ lộ tình yêu với một cụm khác, như các chữ tắt vẫn làm. Bên dưới, chữ hoa xanh lam nắn nót:

Phán đoán đúng là nhờ kinh nghiệm. Kinh nghiệm là nhờ phán đoán sai.

Dưới đó, bút bi tím bay bướm: *Cần một cô gái kinh nghiệm hãy gọi Anita Miệng Vô Song, nàng sẽ đưa bạn đến Thiên Đường, kèm số điện thoại.*

Và dưới nữa, bút dấu đỏ chữ hoa đậm: *Ngày Phán Xét Cuối Cùng sắp tới. Hãy đón chờ Định Mệnh và đây là nói mào đấy Anita.*

Đôi khi tôi nghĩ - không, đôi khi tôi tung hứng trong đầu ý nghĩ - những dòng nguệch ngoạc trên tường kia thực tế là sản phẩm của Laura, như thể từ xa đi đầu khiến cánh tay và bàn tay các cô gái viết ra. Ý nghĩ ngớ ngẩn, nhưng vẫn êm dịu, cho đến lúc đây tới bước suy luận logic tiếp theo rằng

nếu vậy tất cả đều nhằm gửi cho tôi, bởi không thì có còn ai Laura quen ở thị trấn này? Nhưng nếu nhằm gửi cho tôi, thì Laura muốn ám chỉ gì qua những lời kia? Không phải những điều nó nói.

Những lúc khác tôi cực kỳ thèm muốn được nhập cuộc, được tham gia; được góp giọng lấy bấy vào dàn đồng ca vô danh những bản tình ca cất xén, những thư tình ngoằn ngoèo, những quảng cáo đậm đặc, những tụng ca và nguyện rửa.

Ngón Tay Động viết ra là biến mất;

Người có Tuệ Thông hay Đức Mến vô bờ

Cũng chẳng níu lại nửa Câu xóa bỏ,

Suối Lệ đổ ra một Chữ chẳng mờ.

Ha, tôi nghĩ. Thế này sẽ khiến cả đám xù lông nhím.

Rồi hôm nào đó khỏe hơn tôi sẽ quay lại đây viết thật cho xem. Đúng lý thì tất cả chúng sẽ mừng rơn mới phải, bởi chẳng phải chúng muốn thế sao? Chúng ta đều muốn thế: lưu lại trước khi đi một thông điệp tạo ra thay đổi, dù thảm khốc; một thông điệp không thể gạch bỏ.

Nhưng những thông điệp ấy có thể nguy hại. Hãy nghĩ lại lần nữa trước khi ước, và đặc biệt trước khi ước biến mình thành công cụ của định mệnh.

(Hãy nghĩ lại một lần nữa, Reenie nói. Laura, Tại sao chỉ một lần nữa?)

CON MÈO CON

Tháng Chín tới, sang tháng Mười. Laura đã đi học lại, trường khác. Trường này váy ca rô xám pha xanh chứ không phải nâu pha đen; mọi mặt còn lại giống hệt trường kia, ít nhất theo tôi thấy.

Tháng Mười một, khi vừa tròn mười bảy, Laura tuyên bố Richard chỉ phí tiền. Nó sẽ vẫn đến trường nếu ông ta đòi hỏi, nó vẫn đặt thân ng ồi vào bàn, nhưng ở đấy nó chẳng học được gì có ích. Nó nói đi ền nhiên chứ không hẳn học, và thật ngạc nhiên là Richard lại nhượng bộ. “Con bé cũng chẳng cần thiết phải đến trường làm gì,” ông ta nói. “Sẽ chẳng có chuyện nó phải đi làm kiếm sống.”

Nhưng Laura cũng phải có việc gì lấp thời gian, giống như tôi. Nó được tuyển vào một trong các sứ mệnh của Winifred, một tổ chức thiện nguyện gọi là đội Tùy nữ Abigail, chuyên môn là lui tới thăm viếng các bệnh viện. Đội Abigail là một nhóm cảnh vệ: con gái nhà trâm anh thế phiệt, đào luyện để thành các Winifred tương lai. Chúng độn váy tạp d ềkiểu cô vắt sữa đính mẫu hoa uất kim hương trên yếm và diễu hành qua khắp các phòng bệnh, mục tiêu là để chuyện trò với bệnh nhân, có lẽ đọc sách cho họ, và nâng đỡ tinh thần họ - cụ thể cách nào thì không nói rõ.

Laura bắt rất nhanh vào việc này. Nó không ưa các cô nàng Abigail khác, cái đó khỏi phải nói, nhưng nó mê váy tạp d ề. Để đoán được là nó thiên h ản về các phòng bệnh làm phước, nơi các nàng Abigail khác lảng xa vì sợ cảnh hôi thối kinh tởm. Trong các phòng đó toàn phế vật dưới đáy xã hội: các bà già lú lẫn, cựu chiến binh áo rách hết thời, người bệnh giang mai giai đoạn cuối đã rụng mũi và các cửa tương tự. Y tá khu này luôn khan hiếm, và chẳng mấy chốc Laura đã nhúng ngập tay trong những việc mà đúng ra không phải việc của nó. Bô và chất mưa chẳng khiến nó nao núng, xem ra thế, chửi bới và quát tháo và cảnh hỗn loạn nói chung cũng chẳng hề gì. Không phải như Winifred dự tính, nhưng chẳng mấy chốc chúng tôi chẳng còn can thiệp nữa.

Các y tá nghĩ Laura là một thiên thần (hoặc là vài người nghĩ thế; số khác chỉ nghĩ nó làm vướng chân). Theo Winifred, chị này vẫn cố để mắt theo dõi nhờ đi đầu động nội gián, Laura nghe đồn đặc biệt khéo léo với những ca không còn hy vọng. Có vẻ nó không ý thức được họ đang hấp hối, Winifred bảo. Nó cư xử như thể bệnh tình họ là bệnh thông thường, là trạng thái bình thường nữa là khác, và theo Winifred đoán, chắc họ nhờ đó mà dịu lại hay gì đó, dù người tỉnh táo thì đã chẳng thấy vậy. Theo Winifred, cái năng lực hay thiên tư này chỉ tiết lộ thêm bản chất trái khoáy vốn có của Laura.

“Chắc đây thần kinh nó bằng băng,” Winifred nói. “Tôi thì chắc chắn không làm nổi. Tôi không *chịu* nổi. Bắn tưới phát gồm!”

Trong lúc đó các kế hoạch đưa Laura ra mắt giới giao tế vẫn đang xây đắp. Những kế hoạch này chưa hé cho thân chủ hay: tôi đã gieo vào đầu Winifred rằng phản ứng của nó sẽ chẳng phải là vỗ tay hoan hỉ. Nếu thế, Winifred nói, cần phải xếp đặt xong hết một lượt, rồi đặt nó vào thế đã rồi; hoặc có thể bỏ đứt buổi ra mắt thì càng tốt nếu chẳng cần thực hiện cũng đạt được mục tiêu cốt yếu của sự kiện, tức là một cuộc hôn nhân chiến lược.

Câu chuyện đem ra bàn trong bữa trưa ở Vườn Arcadia; Winifred đã mời tôi đi ăn, chỉ hai người với nhau, để vạch ra một mưu chước vì Laura, theo lời chị ta nói.

“Mưu chước?” tôi hỏi.

“Cô hiểu nghĩa là sao mà,” Winifred nói. “Để không biến thành thảm họa giao tế.” Quả sung to nhất may ra rơi được vào Laura, sau khi xét mọi mặt - chị ta nói tiếp - là một anh nhà giàu tốt tính sẽ ngậm bồng hờn mà cầu hôn con bé, rồi rước thẳng nó đến nhà thờ. Tốt hơn nữa là một anh nhà giàu tốt tính ngu lêu, không nhận ra nổi có quả bồng hờn cần ngậm đến khi đã muộn.

“Chị nói quả bồng hờn nào?” tôi hỏi. Tôi nghĩ có phải chính Winifred đã nhờ chiến thuật này mà bỏ túi ông Prior giấu mặt. Có phải chị ta đã ém nhem bản chất bồng hờn đợi đến tuấn trắng mặt, rồi bất thành linh xô ra, như sét đánh trời quang? Có phải vì thế mà ông ta đã mất tăm tích, chỉ còn cái ảnh?

“Cô cũng phải thừa nhận,” Winifred nói, “rằng Laura không chỉ là hơi khác người.” Chị ta ngưng lại mỉm cười với ai đó sau lưng tôi, ve vẩy mấy ngón tay chào. Những lắc bực va vào nhau leng keng: chị ta đeo quá nhiều.

“Ý chị là sao?” tôi ngoan hiền hỏi. Thu thập những lời Winifred giải thích xem ý chị ta là sao đã trở thành thú chơi hư đốn của tôi.

Winifred bặm môi. Chị ta đánh son màu cam, da môi bắt đầu có nếp. Ngày nay ta sẽ nói đấy là vì phờn nắng quá nhiều, nhưng thời đó còn chưa phát hiện mối liên quan, còn Winifred thì thích ngả màu đồng; chị ta ưa nước láng kim loại. “Không phải đàn ông nào cũng thấy con bé hợp nhãn. Nó hay nghĩ ra nhiều thứ kỳ khôi. Nó thiếu - nó thiếu *đề phòng*.”

Winifred đang đi đôi giày da cá sấu xanh mọi khi, nhưng giờ tôi không còn nghĩ thế là thanh lịch nữa; giờ tôi thấy thế là rợ. Có nhiều đi đầu ở Winifred ngày xưa tôi thấy huyền bí và quyến rũ còn bây giờ lại thấy hiển nhiên, chỉ vì nay tôi biết quá nhiều, về hào nhoáng của chị ta chẳng qua là men mẽ, nước bóng là đánh véc ni. Tôi đã ghé mắt sau màn, tôi đã thấy dây dợ và ròng rọc, tôi đã nhìn khung sắt và áo bó. Tôi đã có gu thẩm mỹ riêng.

“Ví dụ thế nào?” tôi hỏi. “Những thứ gì mà kỳ khôi?”

“Hôm qua nó bảo tôi hôn nhân không quan trọng, chỉ có tình yêu quan trọng. Nó nói Giê su cũng đồng ý với mình,” Winifred nói.

“Thì cách nhìn của nó là thế,” tôi nói. “Nó đâu có giấu giếm gì chuyện đó. Nhưng nó không nghĩ đến tình dục, chị biết mà. Nó không nói đến *eros*.”

Khi có đi đầu gì Winifred không hiểu, chị ta thường cười nhạo hoặc lờ đi. Lần này chị ta tảng lờ. “Chúng nó đều nghĩ đến tình dục, dù có ý thức được hay không,” chị ta nói. “Tư tưởng này ở một đứa con gái như thế có thể dẫn đến khối đi đầu phiền toái.”

“Lớn thêm chút nữa nó sẽ hết thôi,” tôi nói, mặc dù không nghĩ thế.

“Cũng còn lâu. Những con bé đầu óc trên mây như thế là tệ nhất - đàn ông tha hồ lợi dụng. Chỉ cần một cu cậu Romeo thớt lợ là xong. Nó sẽ thân tàn

ma đại.”

“Vậy chị nghĩ nên thế nào?” tôi hỏi và trở mắt nhìn chị ta. Tôi dùng ánh mắt ngây ngốc mỗi lần muốn giấu nỗi bức mình hay kể cả tức giận, nhưng Winifred chỉ càng thêm hăng hái.

“Thì tôi đã nói đấy, gả bég cho một anh chàng tốt tính khù khờ nào đấy. Rồi nó có thể chơi trò yêu đương v ềsau, nếu nó thực sự muốn vậy. Miễn là nó biết ăn tép phải chùi mép, thì sẽ chẳng ai ở ê trên con đê.”

Tôi chọc chọc chỗ bánh nướng gà còn trên đĩa. Winifred gần đây đã tích lũy thêm vô khối cách diễn đạt lóng cho mình. Tôi đoán chị ta nghĩ như vậy là cập nhật: chị ta đã đến cái tuổi bắt đầu lo lắng phải cập nhật mình.

Hiển nhiên chị ta không hiểu Laura. Hình dung Laura ăn tép biết chùi mép là đi đâu tôi không tiêu hóa nổi. Mang ra ngã tư giờ cao điểm có vẻ đúng kiểu nó hơn. Nó sẽ muốn thách thức chúng tôi, muốn gì đâu chúng tôi vào đó. Trốn nhà theo trai, hoặc cái gì đó kịch tính tương tự. Cho cả đám còn lại soi thấy mình giả nhân giả nghĩa ra sao.

“Laura sẽ có ti ền, khi tròn hai một tuổi,” tôi nói.

“Không đủ đâu,” Winifred đáp.

“Có thể với Laura thế là đủ. Có thể nó chỉ muốn sống cuộc đời theo cách nó muốn,” tôi nói.

“Theo cách nó muốn!” Winifred kêu lên. “Cô cứ nghĩ xem nó sẽ muốn gì!”

Tìm cách lái Winifred đi chẳng ích gì. Chị ta cứ như con dao pha treo lơ lửng giữa trời. “Chị nhắm người nào chưa?” tôi hỏi.

“Chưa có gì chắc, nhưng tôi đang gắng sức,” Winifred đáp nhanh. “Có vài người sẽ không phi ền lòng nếu được dâu gia với nhà Richard.”

“Đừng quá mất công,” tôi rì r ầm.

“Nhưng nếu tôi không làm,” Winifred nói tươi rói, “chuyện gì sẽ đến?”

“Chị nghe nói dạo này em chọc tức Winifred không phải lỗi,” tôi bảo Laura. “Bơm nóng chị ta lên. Đem Tự do Luyến ái ra chọc ghẹo.”

“Em không hề nói Tự do Luyến ái,” Laura trả lời. “Em chỉ nói hôn nhân là một thể chế lỗi thời. Em nói nó chẳng liên quan gì đến tình yêu, có thể thôi. Yêu là trao đi, hôn nhân là mua bán. Không thể đưa tình yêu vào một bản kế ước. Rồi em nói làm gì có hôn nhân trên thiên đàng.”

“Đây không phải là thiên đàng,” tôi nói. “Nếu em còn chưa nhận ra. Dù sao thì em cũng làm chị ta kêu quang quác.”

“Em chỉ nói sự thực thôi.” Nó đang ấn cho gọn da chân móng tay bằng que sửa móng của tôi. “Chắc giờ chị ta sẽ bắt đầu giới thiệu em cho người này người nọ. Lúc nào chị ta cũng phải nhúng tay vào.”

“Chị ta chỉ sợ em sẽ làm hỏng đời mình thôi. Nếu em cứ nhất quyết muốn tình yêu, ý là thế.”

“Vậy cưới xin có cứu chị tránh hỏng đời không? Hay còn sớm quá chưa biết được?”

Tôi bỏ qua giọng điệu nó. “Nhưng em thấy thế nào?”

“Chị dùng nước hoa mới. Richard cho chị à?”

“Chị đang nói chuyện hôn nhân cơ.”

“Chả có gì.” Bây giờ nó đang chải mái tóc vàng rất dài, bằng lược của tôi, bên bàn phấn của tôi. Gần đây nó bắt đầu quan tâm hơn đến vẻ ngoài; nó bắt đầu ăn mặc khá hợp mốt, cả quần áo riêng của nó lẫn đồ lót của tôi.

“Ý em là hôn nhân chả có gì đáng nói?” tôi hỏi.

“Không phải. Em chả nghĩ gì về chuyện đó.”

“Có lẽ em nên nghĩ đi,” tôi nói. “Có lẽ em nên dành ít nhất một phút nghĩ về tương lai mình. Em không thể cả đời cứ lông bông, chẳng...” Tôi định nói *chẳng làm gì hết*, nhưng nói thế sẽ là sai lầm.

“Tương lai làm gì t ần tại,” Laura nói. Nó bắt đ ầu có thói quen nói chuyện như thể tôi mới là em gái còn nó là chị lớn; như thể nó phải chỉ bày rành rọt cho tôi. R ồi nó phát biểu một trong những “thứ kỳ khôi”. “Nếu chị đang bị bịt mắt đi dây bắc rất cao qua thác Niagara, chị sẽ chú ý cái gì hơn - đám đông bờ bên kia, hay chân của chị?”

“Chân của chị, chắc thế. Chị nghĩ em không nên dùng lược của chị. Như thế rất mất vệ sinh.”

“Nhưng nếu quá chú ý xuống chân, chị sẽ ngã. Mà quá chú ý đến đám đông, chị cũng ngã luôn.”

“Vậy đáp án đúng phải là gì?”

“Khi chị chết r ồi thì cái lược này còn là của chị không?” nó hỏi, đưa mắt liếc ngang nhìn bóng mình trông nghiêng. Động tác đó thế khiến cô gái trong gương có vẻ mặt ranh giảo, hoàn toàn không giống nó ngày thường. “Người chết có sở hữu được đ ồ đạc không? Nếu không thì vì sao bây giờ nó lại là ‘của chị’? Vì có khắc tên chị à? Hay vi trùng của chị?”

“Laura, thôi đừng đùa nữa!”

“Em có đùa đâu,” Laura nói và bỏ lược xuống. “Em đang nghĩ chứ. Chị chẳng bao giờ phân biệt được. Em chẳng hiểu sao chị còn nghe bất kỳ cái gì Winifred nói. Chẳng khác gì nghe lời một cái bầy chuột. Một cái bầy chuột chưa có chuột,” nó nói thêm.

Gần đây nó đã khác nhi ều: nó dễ quạu mà lại ơ hờ, bất chấp theo kiểu mới. Nó không còn cự cãi thẳng thừng như trước nữa. Tôi ngờ nó đã bắt đ ầu hút thuốc, lén tôi: một hai lần tôi ngửi thấy mùi thuốc lá trên người nó. Thuốc lá, và còn mùi gì khác nữa: mùi thạo đời, mùi hiểu biết. Tôi đáng ra phải nhảy bén hơn trước những thay đổi đang diễn ra ở nó, nhưng trong đ ầu tôi còn đang lẩn bấn trăm thứ chuyện.

Tôi đợi đến cuối tháng Mười mới cho Richard biết mình có b ầu. Tôi nói muốn đợi cho chắc. Ông ta tỏ ra vui mừng vừa đủ độ, và hôn lên trán tôi. “Bé ngoan,” ông ta nói. Tôi chỉ đang làm đúng nhiệm vụ giao cho mình.

Một đi đầu lợi là từ giờ ông ta nghiêm ngặt để tôi yên khi đêm đến. Ông ta không muốn nhỡ tay làm hỏng cái gì, ông ta bảo. Tôi nói ông ta thật chu đáo quá. “Và từ giờ mọi sẽ phải kiêng gín. Tôi không cho phép càn quấy gì đâu nhé,” ông ta dứ ngón tay trước mặt tôi, một vẻ tôi thấy là hắc ám. Tôi thấy trong những phút bông lơn ông ta còn đáng ngại hơn tất cả những khi còn lại; cứ như xem một con thần lùn đang nô giỡn. “Chúng ta sẽ mời bác sĩ hàng đầu,” ông ta thêm. “Tốn bao nhiêu cũng được.” Nhìn nhận sự việc dưới khía cạnh thương mại khiến cả hai chúng tôi đều bình tâm. Khi đã có tiền vào cuộc, tôi biết vị trí của mình: tôi là người mang một món hàng vô cùng đắt giá, đơn giản chỉ có thế.

Còn Winifred, sau tiếng thét nho nhỏ báo nỗi kinh hoàng chân thành là đến cơn xằng xái giả tạo. Thật tình là chị ta sợ hãi. Chị ta đoán (đúng) rằng làm mẹ một đứa con trai và một người nổi dối, hay chỉ là người nổi dối thôi cũng được, sẽ đưa tôi lên đẳng cấp cao hơn hẳn từ trước đến giờ trong mắt Richard, và cao hơn rất nhiều so với tôi đáng có. Thêm cho tôi, là bớt phần chị ta. Chị ta sẽ đề tâm tìm cách hạ tôi xuống bậc cũ: tôi chuẩn bị tinh thần chị ta có thể tử mĩ đưa ra các phương án bày biện phòng trẻ bất cứ lúc nào.

“Khi nào tin mừng thành hiện thực đây?” chị ta hỏi, và tôi thấy trước sắp phải đón đợi một tràng rĩ rách những ngôn từ cứng nừng từ miệng chị ta. Từ giờ sẽ nghe liên thanh những *thành viên mới* và *món quà của mười hai bà mẹ* và *thiên thần nhỏ*. Gặp những đễ tài khiến chị ta bút rứt, Winifred có thể trở nên rất cầi kỳ và quái tính.

“Tháng Tư, tôi nghĩ thế,” tôi nói. “Hoặc có lẽ tháng Ba. Tôi còn chưa đi khám.”

“Nhưng cô phải *biết* chứ,” chị ta nói và rướn cao mày.

“Đâu phải tôi nhiều kinh nghiệm lắm đâu,” tôi gắt trả. “Đâu phải là tôi *dự tính*. Chẳng qua là bất cần thôi.”

Tôi qua phòng Laura một buổi tối để báo cho nó cái tin đó. Tôi gõ cửa; không thấy nó trả lời, tôi khế đẩy cửa, nghĩ chắc nó còn ngủ. Nhưng nó không ngủ. Nó đang quỳ bên giường, mặc áo ngủ xanh, đầu cúi xuống, tóc xòa ra như dưới cơn gió bất động, tay vung ra hai bên như vừa bị đẩy ngẫi

xuống đó. Đầu tiên tôi nghĩ nó đang c ầi nguyện, nhưng không phải, hoặc là tôi không nghe thấy. Khi cuối cùng cũng nhận thấy tôi, nó đứng dậy, thản nhiên như chỉ đang lau bụi, rồi ng ồi xuống cái ghế trải khăn xếp nếp bên bàn phấn.

Như thường lệ, đập vào mắt tôi là mối tương phản giữa không gian quanh nó, không gian Winifred chọn cho nó - những hoa văn thanh tú, những nụ h ồng bằng nơ, vải phin và di ềm xếp nếp - với bản thân Laura. Chụp ảnh nhìn lên sẽ thấy rất hài hòa. Nhưng với tôi đôi bên bất xứng đến g ần như siêu thực. Laura là viên đá lửa nằm giữa nệm bông kẻ.

Tôi nói *đá lửa* chứ không phải *đá*: có trái tim bằng lửa.

“Laura, chị muốn báo với em,” tôi nói. “Chị sắp sinh em bé.”

Nó quay lại nhìn tôi, khuôn mặt mịn trắng như lòng đĩa sứ, cảm xúc đóng kín bên trong. Nhưng nó không tỏ vẻ ngạc nhiên. Cũng không nói chúc mừng. Nó nói: “Nhớ con mèo con không?”

“Con mèo con nào cơ?” tôi hỏi.

“Con mèo con mẹ sinh ra ấy. Con đã làm mẹ chết ấy.”

“Laura, đấy có phải mèo con đâu.”

“Em biết,” Laura nói.

PHONG CẢNH ĐẸP

Reenie đã trở lại. Chị không hài lòng về tôi chút nào. *Nào, quý tiểu thư. Cô muốn biện hộ thế nào hở? Cô lại làm gì với Laura rồi? Cô không rút được bài học nào hay sao?*

Những câu hỏi đó không có trả lời. Câu trả lời vướng vít trong câu hỏi, quá nhiều nút thắt và cành nhánh, đến nỗi đầy chẳng phải trả lời.

Tôi đang bị đưa ra xét xử ở đây. Cái đó tôi biết. Tôi biết người đang đọc sẽ nghĩ gì, chỉ lát đây thôi. Cũng chẳng khác mấy với đi đâu chính tôi đang nghĩ: Đáng lẽ tôi phải xử sự khác đi chẳng? Chắc hẳn người sẽ cho là thế, nhưng tôi có lựa chọn nào khác không? Những lựa chọn ấy bây giờ tôi có, nhưng bây giờ không phải là hồi ấy.

Đáng lẽ tôi phải đọc được ý nghĩ của Laura, hẳn thế? Đáng lẽ tôi phải biết chuyện gì đang diễn ra? Đáng lẽ tôi phải thấy trước chuyện gì sắp đến? Tôi là người giữ em tôi hay sao?^[30]

Đáng lẽ là một chữ vô dụng. Nó nói về điều đã không xảy ra. Nó thuộc về một vũ trụ song hành. Nó thuộc về chiều không gian khác.

Một ngày thứ Tư vào tháng Hai, tôi xuống nhà sau giấc chợp mắt ban chiều. Đạo này tôi ngủ ngày khá nhiều: tôi đã có mang tới tháng thứ bảy, ban đêm ngủ khó. Lại còn huyết áp có vấn đề mắt cá chân sưng lên, tôi được dặn phải nằm kê cao chân càng nhiều càng tốt. Tôi thấy mình là một quả nho to bự, trương phồng muốn nứt vì đường và nước tím; tôi thấy mình xấu xí, cồng kềnh.

Hôm đó tuyết rơi, tôi vẫn nhớ, những bông tuyết lớn mềm ướt: tôi đã nhìn ra cửa sổ sau khi nhồm đống dậy được, và thấy cây dẻ bên ngoài, trắng toát, như cột san hô khổng lồ.

Winifred đang có mặt, trong phòng khách màu mây. Điều này không lạ - chị ta vẫn đến và đi như thể là chủ nhà này - nhưng Richard cũng có ở đó.

Thường giờ này ông ta ở văn phòng. Cả hai đều cần ly rượu trong tay. Cả hai trông đều ủ ê.

“Cái gì thế?” tôi hỏi. “Có chuyện gì thế?”

“Ngồi xuống đi,” Richard nói. “Ngồi đây, cạnh tôi.” Ông ta vỗ lên mặt ghế.

“Đây sẽ là một cú sốc lớn,” Winifred nói. “Tôi rất tiếc nó lại xảy ra vào thời điểm tệ hại như thế này.”

Chị ta là người nói. Richard nắm tay tôi nhìn xuống sàn. Lúc lúc ông ta lại lắc đầu, cứ như ông ta thấy câu chuyện thật không thể tin nổi, hoặc trái lại thấy đúng quá.

Tóm tắt lời chị ta là thế này:

Laura cuối cùng đã đứt phụt. Đứt phụt, chị ta nói thế, cứ như Laura là một sợi dây. “Đáng phải chữa trị cho cô bé tội nghiệp sớm hơn, nhưng quả là chúng tôi cứ tưởng nó đang bình tâm lại,” chị ta nói. Tuy nhiên hôm nay ở bệnh viện nơi nó đến cùng hội từ thiện, nó đã bùng phát mất kiểm soát. Rất may lại có bác sĩ ở ngay đó, và một người khác - một nhà chuyên khoa - đã được vờ tới. Kết quả cuối cùng là người ta đã kết luận Laura nguy hiểm cho người khác và cho bản thân nó, và đáng buồn là Richard bắt buộc phải gửi nó vào một cơ sở đi đầu trị.

“Chị nói cái gì thế? Nó đã làm gì?”

Winifred khoác vào vẻ mặt thương cảm. “Nó dọa sẽ tự hại mình. Nó còn nói nhiều điều khác - nghĩa là thấy rõ nó đang mắc chứng hoang tưởng.”

“Nó nói gì?”

“Tôi không biết có nên nói với cô không.”

“Laura là em tôi,” tôi nói. “Tôi có quyền được biết.”

“Nó vu cho Richard muốn giết cô.”

“Nguyên văn như thế?”

“Nghe là hiểu nó muốn nói gì,” Winifred nói.

“Không, hãy nói chính xác cho tôi nghe.”

“Nó gọi anh ấy là một tên buôn nô lệ dối trá và phản trắc, một con quỷ thờ Tài thần đồn mạt.”

“Tôi biết nhiều khi nó có những quan điểm quá khích, và đúng là nó thường ăn nói khá bộc trực. Nhưng không thể nhốt người vào nhà thương điên chỉ vì mấy câu nói như thế.”

“Còn nữa,” Winifred nói giọng u ám.

Richard tìm cách xoa dịu tôi, nói đó không phải là một cơ sở thông thường - không phải hắc ám như thời Victoria đâu. Đây là một phòng mạch tư, một nơi rất tốt, một nơi tốt nhất trong vùng. Phòng khám Bella Vista. Ở đó người ta sẽ chăm sóc nó hết sức cẩn thận.

“Phong cảnh thế nào?” tôi hỏi.

“Sao cơ?”

“Bella Vista. Chữ đó nghĩa là *phong cảnh đẹp*. Thế phong cảnh thế nào? Laura sẽ nhìn thấy gì ngoài cửa sổ?”

“Tôi hy vọng không phải cô tìm cách nói đùa,” Winifred nói.

“Không. Điều này quan trọng. Ở đó nhìn ra một bãi cỏ, một vườn hoa, một đài nước, hay cái gì? Hay là một con hẻm nhếch nhác?”

Hai người họ đều không biết. Richard nói ông ta chắc đây là quang cảnh thiên nhiên gì đó. Bella Vista, ông ta nói, nằm ở ngoại ô. Ở đó sân vườn đều thiết kế đẹp.

“Cậu đã tới đó chưa?”

“Tôi biết là mợ phiền muộn, mợ yêu à,” ông ta nói. “Có lẽ mợ nên chợp mắt một chút.”

“Em vừa ngủ dậy xong. Cậu làm ơn nói em nghe.”

“Chưa, tôi chưa đến. Tất nhiên là chưa.”

“Thế làm sao cậu biết được?”

“Thôi nào, Iris,” Winifred nói. “Cái đó thì can hệ gì?”

“Tôi muốn gặp nó.” Tôi khó tin được Laura lại bất thành linh lên cơn điên dại, nhưng mặt khác tôi quá quen với những màn ầm ưong của Laura đến nỗi không còn nhận ra gì là lạ lùng. Rất có thể tôi đã để lọt những cử chỉ lệch chuẩn - những tín hiệu rành rành cho thấy tâm trí nó đang rạn vỡ, dù là tín hiệu gì.

Theo Winifred nói, các bác sĩ đã khuyên trước mắt chuyện chúng tôi đến thăm Laura là không thể được. Họ hết sức nhấn mạnh đi ầu này. Đầu óc nó nhiều loạn quá rồi, không chỉ thế, nó còn khá hung dữ. Chưa kể còn phải xét tình trạng của chính tôi nữa.

Tôi khóc. Richard đưa tôi khăn tay. Khăn tay hơi cứng, có mùi nước hoa.

“Còn một đi ầu nữa cô cần biết,” Winifred nói. “Đây mới là đi ầu nhức đầu nhất.”

“Có lẽ nên để cái đó lại sau,” Richard nói rất khẽ.

“Một đi ầu rất đau lòng,” Winifred nói, ra bộ ng ần ngừ. Thế nên tất nhiên tôi đòi được biết ngay tức thì.

“Con bé đáng thương nói nó cũng đang có bầu,” Winifred nói. “Cũng như cô.”

Tôi ngừng khóc. “Cái gì? Nó có thật không?”

“Tất nhiên là không,” Winifred nói. “Làm sao lại thế được?”

“Cha nó là ai?” Tôi không thể hình dung Laura lại bịa ra một điếu như thế, từ trên trời rơi xuống. Ý tôi là, nó tưởng tượng đó là ai chứ?

“Nó không chịu nói,” Richard nói.

“Tất nhiên nó đang điên loạn mà,” Winifred nói, “nên nội dung sẽ rối bòng bong thôi. Hình như nó nghĩ rằng đứa con cô sắp sinh thực ra là của nó, vì một lý do nào đó nó không giải thích nổi. Tất nhiên là nó chỉ nói nhảm.”

Richard lắc đầu. “Đáng buồn quá,” ông ta thì thầm, giọng khẽ khàng và trịnh trọng như một gã nhà đồn: tiếng bị hút bớt vào tấm thảm dày màu hạt dẻ.

“Ông chuyên gia - ông chuyên gia *thần kinh* - nói rằng có lẽ Laura bị cuồng vì ganh tị với cô,” Winifred nói. “Ganh tị với mọi thứ cô có - nó muốn sống cuộc đời như cô, nó muốn được là cô, và điếu đó thể hiện ra dưới dạng này. Ông ta nói cô cần được bảo vệ.” Chị ta nhấp một ngụm nhỏ. “Chẳng lẽ chính cô chưa bao giờ ngờ thấy gì à?”

Người thấy đấy, một mục đàn bà khôn ngoan biết mấy.

Aimee sinh đầu tháng Tư. Hồi ấy người ta còn dùng ê te, thế nên suốt quá trình sinh tôi không biết gì cả. Tôi hít vào rồi bất tỉnh, rồi tỉnh dậy thấy mình đã yếu hơn và xẹp đi. Đứa bé không có bên. Nó ở trong phòng trẻ, cùng tất cả lũ trẻ khác. Con gái.

“Nó không bị tật gì chứ, phải không?” tôi hỏi. Chuyện đó làm tôi lo lắng rất nhiều.

“Chân mười ngón, tay mười ngón,” cô y tá nhanh nhẩu đáp, “ngoài ra không có gì thừa so với yêu cầu.”

Đứa bé được mang vào với tôi lúc buổi chiều, quấn trong chăn hồng. Tôi đã kịp đặt tên xong cho nó, trong đầu. Aimee nghĩa là *kẻ được yêu*, và tôi thực tình hy vọng nó sẽ được yêu, ai đó sẽ yêu nó. Còn về khả năng yêu

của chính mình thì tôi khá ngờ vực, hay ít ra là yêu nhiều như nó sẽ cần. Tôi đã bị mài mòn quá nhiều rồi: tôi không nghĩ mình còn lại bao nhiêu để mà yêu.

Aimee trông giống như mọi đứa bé sơ sinh khác: nó có gương mặt bẹt dí, cứ như vừa lao hết tốc lực đập vào tường. Tóc trên đầu nó dài và đen. Nó nhú mắt nhìn tôi, đôi con mắt nhắm hờ, có vẻ ngờ vực. Chúng ta chịu bần dập bẩy trong cái hành động lọt lòng, tôi nghĩ; cái sự ngạc nhiên mới đáng chán làm sao, cú giập mặt không khí đầu đời mới thật là gay gắt. Tôi quả có thấy tội nghiệp cái sinh linh bé bỏng; tôi sẽ làm hết sức mình vì nó.

Trong lúc chúng tôi khảo sát lẫn nhau, Winifred và Richard đi vào. Cô y tá mới đầu tưởng nhầm đây là bố mẹ tôi. “Không, đây là ông bố hãnh diện,” Winifred sửa, cả ba bọn họ được trận cười. Hai người đó đang xách theo bó hoa, cùng một bộ đồ sơ sinh diêm dúa, toàn những mẫu móc cầu kỳ và nơ xa tanh trắng.

“Dễ thương lắm!” Winifred nói. “Nhưng trời ơi, chúng ta cứ tưởng sẽ là một cô tóc vàng cơ đấy. Nó đen kink lên được. Nhìn tóc kìa!”

“Em xin lỗi,” tôi nói với Richard. “Em biết cậu muốn có con trai.”

“Đợi lần sau, mợ yêu à,” Richard nói. Ông ta chẳng hề có vẻ bức dọc.

“Đây chỉ là tóc máu thôi,” cô y tá nói với Winifred. “Rất nhiều bé bị như thế, nhiều lúc mọc tràn xuống cả lưng. Rồi nó sẽ rụng đi và tóc thật mọc ra sau. Bà nên cảm tạ trời phật là em bé không có răng hay đuôi như một sói đũa.”

“Ông nội Benjamin tóc đen,” tôi nói, “trước khi tóc ông bạc hết, cả bà nội Adelia nữa, và cha nữa, tất nhiên, mặc dù hai chú thì em không rõ. Chúng em tóc vàng là theo đằng mẹ.” Tôi nói năng tự nhiên như vẫn trò chuyện lúc thường, và nhẹ mình khi thấy Richard không chú ý mấy.

Tôi có mừng lòng là Laura không có đó không? Là nó đã bị nhốt kín một nơi rất xa, nơi tôi không với tới? Cũng như nó không thể với tới tôi, không

thể đứng bên giường tôi như bà tiên thứ mười ba không mời mà đến, và bảo, *Chị kể chuyện cổ tích gì thế?*

Nó sẽ biết, tất nhiên. Nó sẽ biết ngay tức khắc.

SÁNG LUNG LINH VÀNG TRẮNG

Đêm qua tôi xem một cô gái trẻ châm lửa đốt mình: một cô gái mảnh mai, mặc váy mỏng nhẹ dễ bắt lửa. Cô làm việc đó phản đối một màn bất công gì đấy; nhưng sao cô ta lại nghĩ đem thân mình làm mồi tế thần lửa sẽ giải quyết được điều gì? *Ôi, đừng làm thế*, tôi muốn bảo cô. *Đừng đốt cháy cuộc đời mình. Cho dù là vì cái gì nữa thì cũng không đáng.* Nhưng cô thấy đáng, rõ là vậy.

Cái gì đã ám vào họ, những cô gái trẻ mê tự thiêu này? Có phải đấy là cách họ chứng tỏ con gái cũng có gan, con gái làm được nhiều điều chứ không chỉ khóc lóc rên rỉ, con gái cũng có thể đối mặt cái chết một cách hiên ngang? Và cái gì đã thôi thúc họ? Có phải bắt đầu bằng nổi loạn không, và nếu đúng thế thì nổi loạn chống gì? Cái đại cục đúc chì tức thờ, cỗ xe ngựa vĩ đại bánh đinh, những bạo chúa mù lòa, những thánh thần đui mắt? Có phải những cô gái ấy quá sức bất cần, hay quá sức ngạo mạn, mà nghĩ mình có thể ngang đường tiến lên của chúng nếu tự đi hiến thân trên một bàn thờ lý thuyết nào đó, hay đây là một lối tuyên ngôn? Cũng đáng khâm phục đấy, nếu ai khâm phục thói mê cuồng. Và cũng gan dạ nữa. Nhưng hoàn toàn vô dụng.

Tôi lo cho Sabrina cả mặt ấy nữa. Nó đang làm những việc gì, ở chốn xa xôi tận cùng thế giới kia? Có phải nó đã nhiễm nọc bầy đoàn Thiên Chúa, hay bầy đoàn Phật giáo, hay đã bị hớp hồn vì thứ bùa mê gì khác? *Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những kẻ hèn mọn nhất, là các người đã làm cho chính Ta vậy.* Đó có phải lời viết trên tấm thông hành đi vào cõi vô dụng lợi của nó không? Nó muốn chuộc lại tội lỗi của gia đình đại phú khốn nạn đốn mạt đã sinh ra mình? Tôi thực tình mong không phải thế.

Ngay cả Aimee cũng có chút máu ấy trong mình, nhưng ở nó chuyện này diễn ra từ từ hơn, méo mó hơn. Laura lao xuống cầu khi Aimee lên tám, Richard chết khi nó lên mười. Những chuyện này không thể không để lại ảnh hưởng. Rồi lại đến cuộc giằng co của Winifred và tôi, đủ khiến nó tan tành. Winifred như ngày nay sẽ chẳng thắng nổi trận này, nhưng ngày ấy thì

có. Mẹ ta hốt mất Aimee trên tay tôi, và chiến đấu như sư tử tôi cũng không bao giờ giành lại được.

Chẳng có gì lạ là khi đến tuổi thành niên, nắm được số tiền Richard để lại là Aimee thay ngựa giữa dòng; nó xoa dịu cõi lòng bằng đủ loại hóa chất khác nhau, nó hành cho mòn xác bằng hết người đàn ông này đến người đàn ông khác. (Ai là cha của Sabrina, chẳng hạn? Khó mà nói, và Aimee chẳng bao giờ nói. Cứ phóng phi tiêu, nó sẽ bảo, xem trúng vào ai.)

Tôi cố gắng duy trì liên lạc. Tôi vẫn hy vọng làm lành - dù gì nó cũng là con gái tôi, và tôi cảm thấy ăn năn, tôi muốn đền bù cho nó - đền bù cho cái tuổi thơ đã thành bãi lầy của nó. Nhưng tới lúc ấy nó đã quyết chí kháng cự tôi - kháng cự cả Winifred, đấy cũng là một chút an ủi. Nó không cho ai trong hai mẹ già chúng tôi đến gần mình, hay đến gần Sabrina - nhất là Sabrina. Nó không muốn chúng tôi làm Sabrina ô uế.

Nó chuyển nhà liên tục, nhấp nhੌm không yên. Hai ba lần nó bị tổng cổ ra đường, bởi không trả tiền nhà; nó từng bị bắt vì gây rối. Nó phải vào viện vài lần. Tôi nghĩ phải gọi là nó đã mắc chứng nghiện rượu mãn tính, dù tôi ghét cái thuật ngữ này. Nó có đủ tiền sống nên không bao giờ phải kiếm việc làm, cũng tốt vì nó cũng chẳng giữ được việc nếu có tìm được. Mà có thể không phải tốt. Có thể mọi sự đã khác đi nếu nó không được quyền trôi nổi; nếu nó phải vất óc lo bữa ăn tiếp theo, không có thì giờ ngấm ngợi về những tổn thương mà nó nghĩ chúng tôi đã giáng xuống đời nó. Thu nhập không mất sức chỉ tổ nuôi dưỡng mẫn thương thân trong những tâm hồn màu mỡ cho chuyện ấy.

Lần cuối cùng tôi đến gặp Aimee, nó đang sống trong một căn nhà liên kế nhếch nhác gần phố Parliament, ở Toronto. Một đứa bé tôi đoán chắc là Sabrina đang ng ẩ xੌm trên vương đất bên lối vào trước nhà - một nhai ranh đầu xù nhem nhuộm vận quần đùi nhưng ở tr ần. Nó cần cái ca nhôm cũ và đang xúc cát vào ca bằng cái thìa cong. Đúng là lỗi con tháo vát: nó hỏi xin tôi hăm lăm xu. Tôi có cho nó không? Chắc hẳn là có. “Ta là bà ngoại con,” tôi bảo nó, và nó trợn mắt nhìn lên như nhìn một mẹ khủng. Hiển nhiên nó chưa bao giờ được cho biết trên đời có cái nhân vật đó.

Tôi nghe đầy tai chuyện kể của một người láng giềng, cái lần ấy. Họ có vẻ là người tử tế, hoặc cũng tử tế đến mức cho Sabrina ăn khi nào Aimee quên không về nhà. Tên họ là Kelly, theo tôi nhớ. Chính họ đã gọi cảnh sát khi phát hiện Aimee nằm dưới chân cầu thang, gãy cổ. Trượt ngã hay bị đẩy hay tự nhảy, chẳng ai biết được.

Lẽ ra tôi phải chop lấy Sabrina, hôm đó, và đưa nó đi mất tích. Trốn sang Mexico. Tôi chắc đã làm thế nếu biết chuyện gì rồi sẽ đến - biết Winifred sẽ lại hốt nó đi và nhốt nó lại, tránh xa tôi, như đã làm với Aimee.

Liệu Sabrina có vui sướng hơn nếu sống với tôi chứ không phải với Winifred? Không biết nó cảm thấy ra sao khi lớn lên bên một mẹ già giàu có, oán hận, đang rửa nát? Thay vì một mẹ già nghèo khó oán hận đang rửa nát, tức là tôi đây. Nhưng tôi thì sẽ yêu thương nó. Tôi ngờ chẳng bao giờ Winifred yêu thương nó. Mẹ ta chỉ tóm chặt Sabrina để bịt mắt tôi, để trừng trị tôi; để cho tôi biết ai mới là người thắng.

Nhưng hôm đó tôi đã chẳng làm trò ba bị. Tôi gõ cửa, và khi không ai trả lời tôi mở cửa vào trong, rồi trèo lên cầu thang dốc, tối, hẹp đến căn hộ tầng hai của Aimee. Aimee ở trong bếp, ngồi bên cái bàn tròn nhỏ, nhìn đôi bàn tay, đang ôm ca nước vẽ hình mặt cười. Nó đưa ca lên sát mắt và xoay xoay trong tay. Mặt nó nhợt nhạt, tóc tai bơ phờ. Tôi không thể nói trông nó xinh đẹp gì cho lắm. Nó đang hút thuốc. Chắc hẳn nó còn đang say một thứ thuốc gì đấy, pha vào rượu; tôi ngửi thấy trong phòng, hòa trong mùi khói thuốc oải, mùi chậu rửa, mùi xô rác không cọ.

Tôi tìm cách nói cho nó hiểu. Tôi bắt đầu thật dịu dàng, nhưng nó đang không có hứng lắng nghe. Nó nói nó chán ngấy rồi, chán hết cả lũ chúng tôi rồi. Chán nhất là cái cảm giác có bao nhiêu chuyện giấu không cho nó biết. Gia đình đã lấp liếm đi; không ai chịu cho nó biết sự thực; chúng tôi mở miệng rồi ngậm miệng và lời lẽ bay ra, nhưng toàn những lời lẽ chẳng đưa đến cái gì cả.

Thế nhưng nó vẫn cứ đoán ra. Nó đã bị cướp, đã bị tước đoạt thân thể của mình, bởi tôi không phải mẹ ruột và Richard không phải cha ruột nó. Tất cả đã rõ rành rành trong cuốn sách của Laura, nó nói.

Tôi hỏi nó đang nói cái gì vậy. Nó nói còn nh ần vào đâu được: mẹ thật của nó là Laura, còn cha thật là người đó, cái người trong *Tay sát thủ mù*. Và Laura yêu anh ta, nhưng chúng tôi đã ngăn trở con bé - đã tìm cách trừ khử người tình không tên ấy. Dọa dẫm, mua chuộc, săn đuổi, bất kể cách gì; nó đã sống trong nhà Winifred đủ lâu, nó hiểu cách cư xử của những kẻ như chúng tôi. Rồi khi vỡ lở chuyện Laura có thai với người kia, chúng tôi đưa nó đi xa để che giấu vụ việc, và rồi con của chính tôi chết ngay khi sinh ra, chúng tôi đã ăn trộm đứa con Laura mang về nuôi, nhận xằng là con mình.

Nó ăn nói ngắc ngứ lộn xộn, nhưng về cơ bản là thế. Có thể thấy nó đã bị hớp hồn vì chuyện ấy, cái huyền tượng ấy, ai chẳng muốn có mẹ là một sinh linh huyền hoặc, chứ không phải thứ mẹ ngoài đời đã cũ bản? Nếu có đường lựa chọn.

Tôi nói nó nh ần rồi, nó lẩn lộn hết cả rồi, nhưng nó không chịu nghe. Thảo nào mà nó chưa bao giờ thấy sung sướng khi ở bên Richard và tôi, nó nói. Chúng tôi chẳng hề cư xử như cha mẹ ruột, bởi thực tế chúng tôi có phải cha mẹ ruột đâu. Và chẳng có gì lạ là dì Laura lại lao mình qua cầu - chúng tôi đã bóp nát tim dì còn gì nữa. Laura hẳn đã viết thư để lại cho Aimee giải thích mọi chuyện, cho nó đọc khi nào lớn lên, nhưng chắc Richard và tôi đã đem hủy mất.

Chẳng lạ gì tôi lại là một bà mẹ tồi đến thế, nó nói tiếp. Tôi chẳng bao giờ yêu nó thực sự cả. Nếu yêu nó, tôi đã đặt nó lên trên tất cả. Tôi đã phải suy tính đến tâm sự nó. Tôi sẽ không bỏ Richard mà đi.

“Có lẽ mẹ không phải một người mẹ hoàn hảo,” tôi nói. “Đi đâu đó mẹ sẵn lòng thừa nhận, nhưng mẹ đã cố hết sức trong những hoàn cảnh đó - những hoàn cảnh mà thực ra con biết rất ít.” Còn nó thì đang nuôi dạy Sabrina giỏi lắm à? tôi nói tiếp. Để nó chạy nhông ngoài đường không quần không áo, bẩn như hủi; nó bỏ mặc con cái, đứa bé có thể mất tích bất kỳ lúc nào, trẻ con mất tích là chuyện thường xuyên. Tôi là bà ngoại Sabrina, tôi sẵn lòng đón nó về nhà, và...

“Bà không phải là bà ngoại nó,” Aimee nói. Lúc này nó đang nức nở. “Dì Laura mới là bà nó. Và dì chết rồi, chính bà đã giết dì!”

“Đừng nói ngu,” tôi nói. Trả lời thế là sai lầm: những chuyện này càng chối đây đây bao nhiêu, càng khiến người ta tin chắc bấy nhiêu. Nhưng con người ta thường phản xạ sai lầm khi sợ hãi, và Aimee đã làm tôi sợ.

Khi tôi nói chữ *ngu*, nó bắt đầu gào thét vào mặt tôi. Tôi mới là đờnengu, nó nói. Tôi ngu đến mức nguy hiểm, tôi ngu đến mức không biết mình ngu đến mức nào. Nó dùng một cơ sở từ tôi không tiện nhắc lại, rồi cầm cái ca nước mặt cười ném vào tôi. Rồi nó lao về phía tôi, người lao đảo; nó đang hú lên, từng tiếng nấc lớn xé lòng. Tay nó giơ ra, có vẻ đe dọa, tôi nghĩ thế. Tôi rối trí, tôi choáng váng. Tôi bước giật lùi, bám tay vịn cầu thang, né vật này tránh vật khác - cái giày, cái đĩa. Khi xuống đến cửa trước tôi ù té chạy.

Có lẽ tốt hơn là tôi phải giơ tay đáp lại. Tôi phải ôm lấy nó. Tôi phải khóc. Rồi tôi phải ngẩng xuống bên nó và kể nó nghe câu chuyện đang kể với người đọc đây. Nhưng tôi đã không làm thế. Tôi bỏ lỡ cơ hội ấy, và tôi tiếc đến đắng cay.

Chỉ ba tuần sau đó Aimee ngã cầu thang. Tôi khóc thương nó, tất nhiên. Nó là con gái tôi. Nhưng phải thừa nhận rằng người tôi khóc thương là cô bé Aimee ở cái tuổi nhỏ hơn rất nhiều. Tôi khóc thương cái tương lai lẽ ra đã dành cho nó; tôi khóc thương những triển vọng không bao giờ có. Trên hết, tôi khóc thương những thất bại của mình.

Sau khi Aimee chết, móng vuốt Winifred quắp lấy Sabrina. Năm được là đã thắng đến chín phần mười theo luật, và mẹ ta đến hiện trường trước. Mẹ ta phỏng Sabrina biến về căn biệt thự nhỏ lờ lẹt khu Rosedale, và ngoảnh đi ngoảnh lại mẹ ta đã được phong làm người bảo hộ theo chỉ định. Tôi đã tính đến chuyện giành giật, nhưng sẽ chỉ lặp lại y hệt cuộc chiến giành Aimee - mà tôi nắm chắc phần thua.

Lúc Winifred lãnh Sabrina về tôi còn chưa đến sáu mươi; hồi đó tôi còn lái xe tốt. Thỉnh thoảng tôi lại đánh đường đến Toronto để bám đuôi Sabrina, như một tay thám tử tư trong cuốn truyện trinh thám cũ. Tôi thường lần

quất quanh trường nó học - một ngôi trường mới, một ngôi trường danh giá - chỉ để nhìn nó từ xa, để được yên tâm, bất chấp mọi chuyện xảy ra, nó vẫn ổn.

Chẳng hạn tôi vào cửa hàng bách hóa, cái buổi sáng Winifred đưa nó đến trung tâm Eaton mua giày đi tiệc, vài tháng sau khi cướp nó về tay mẹ. Hiên nhiên quần áo khác thì mẹ ta cứ thế mua chẳng cần đến ý kiến con bé - tính mẹ ta vẫn vậy - nhưng giày thì cần thử vừa chân, và không rõ vì sao Winifred lại không gửi gắm chuyện lẻ tẻ này cho kẻ ăn người ở.

Lúc ấy đang mùa Giáng sinh - hàng cột cửa hàng quăn đầy lá nhựa ruồi giả, vòng quả thông xịt keo vàng quăn bằng nhung đỏ treo trên các cửa như những vòng hào quang gai góc - và Winifred bị mắc vào giữa một tốp hát Giáng sinh, hết sức bực mình. Tôi ở cách họ một dãy hàng. Ăn mặc không còn giống ngày xưa - áo khoác vải tuyết cũ, đầu trùm khăn sụp xuống trán - và dù nhìn thẳng vào tôi nhưng mẹ ta không nhận ra tôi. Mẹ ta chỉ thấy một bà lao công, hoặc một mẹ mới nhập cư sẵn đồ giảm giá, chắc vậy.

Mẹ ta vẫn ăn diện ngất trời như thường lệ, nhưng dù thế trông cũng bả lảm lỏi. Thì mẹ ta cũng đã suýt soát bảy mươi, và đến một tuổi nào đó lối hóa trang ấy chỉ khiến người ta giống xác ướp. Mẹ ta không nên núm kéo son màu cam, lên mặt mẹ ta nhìn rất gắt.

Tôi nhìn thấy giữa đôi lông mày cơn điên tiết vạch những rãnh hằn bực phẫn, thấy cơ quai hàm nghiêng lại dưới lớp phẫn hồng. Mẹ ta đang lôi xềnh xệch Sabrina bằng một tay, tìm cách mở lối qua dòng người khoác áo mùa đông tay xách nách mang; mẹ ta ắt ghét lắm cái giọng hát nhiệt thành, quê kệch đó.

Sabrina thì ngược lại, nó muốn nghe hát. Nó đang trì lại, biến mình thành khối nặng khó kéo như trẻ con vẫn làm - kháng cự mà không tỏ ra là kháng cự. Tay giơ thẳng lên trời, như một cô học trò ngoan xung phong phát biểu, nhưng mặt nó nhăn như bị. Chắc phải đau lắm, cái cử chỉ ấy. Giữ vững lập trường, tuyên bố quan điểm. Kéo dài thời gian.

Bài đang hát là “Hiên vương Wenceslas”. Sabrina thuộc lời: tôi thấy môi nó đang mấp máy. “Sáng lung linh vầng trăng cao vời, dù giá tuyết lạnh

cầm cầm,” nó hát. “Một người nghèo đằng xa thấp thoáng, nhặt củi cho mùa đông-ông.”

Đấy là một bài hát về cái đói. Tôi thấy là Sabrina hiểu rõ - chắc nó vẫn còn nhớ, đói là như thế nào. Winifred giật tay nó, căng thẳng nhìn quanh. Mụ ta không thấy tôi, nhưng vẫn cảm thấy tôi, như bò trong đống cỏ rào kỹ cảm thấy có sói. Dù thế, bò không giống thú hoang; chúng đã quen được bảo vệ. Winifred bồn chồn, nhưng không hoảng sợ. Nếu có bao giờ thoáng nghĩ đến tôi, hẳn nhiên mụ ta nghĩ tôi ở đâu đó xa xôi, khuất mắt, yên thân trong bóng tối ngoài kia mụ ta đã nhốt tôi vào.

Tôi nóng bừng vì ao ước muốn bế bổng Sabrina lên rồi bỗng nó chạy đi. Tôi có thể mừng tượng tiếng hú rền rĩ của Winifred sau lưng trong lúc tôi nháo nhào lao qua tốp hát vô cảm, đang ấm áp gào võ hòng về tiết trời giá băng.

Tôi sẽ ôm chặt lấy con bé, tôi sẽ không vấp ngã, sẽ không buông rơi. Nhưng tôi cũng sẽ không chạy được xa lắm. Chúng sẽ đuổi theo tôi sát nút.

Thế nên tôi bước ra phố một mình, và bước hoài bước mãi, đầu cúi xuống, cổ bẻ lên, qua bao nhiêu hè phố khu trung tâm. Gió đang thổi từ phía hồ vào và tuyết đổ xuống từng nắm xoáy. Đang là ban ngày nhưng mây sà thấp và tuyết bay làm trời nhập nhoạng; xe cộ lờ mờ bò qua đường phố chưa được dọn, bóng đèn hậu đỏ dần lùi xa như mắt những con thú gù lưng chạy giật lùi.

Tôi đang túm chặt một gói đồ - tôi đã quên là mua gì - và không đi găng. Chắc tôi đã đánh rơi trong cửa hàng, giữa những bàn chân chen chúc. Tôi gần như không nhận thấy. Một thời tôi có thể đi qua bão tuyết để trần tay mà chẳng cảm thấy gì. Chỉ yêu thương hay căm ghét hay kinh hoàng, hay đơn giản là điên giận, có thể khiến người ta ra như vậy.

Tôi từng mơ tưởng về mình - mà nghĩ cho kỹ thì giờ vẫn vậy. Giấc mơ khá chối, mặc dù thường thì chính qua những hình ảnh đó mà chúng ta tạo dựng số phận mình. (Người đọc đến đây sẽ thấy tôi dễ dàng rơi vào thứ ngôn từ to tát kiểu như *tạo dựng số phận*, một khi sa đà vào những chuyện thế này. Nhưng kệ nó đi.)

Trong giấc mơ đó, Winifred cùng bè bạn, đầu đội vòng hoa kết bằng tiên, đang xúm quanh cái giường trắng trải khăn xếp nếp của Sabrina khi con bé ngủ, bàn bạc xem ban tặng nó món gì. Nó đã được tặng cái cốc bạc chạm tro hiệu Birks, giấy dán tường cho phòng trẻ in hình gấu hiên khô, vài viên ngọc trai để bắt đầu xâu vòng tuổi^[31], cùng rất nhiều quà tặng bằng vàng nữa, rất mực *comme il faut*^[32], tất cả sẽ biến thành than khi mặt trời lên. Bây giờ họ đã tính đến niềng răng và lớp quần vớ và lớp dương cấn và lớp khiêu vũ và trại hè thượng lưu. Nó còn hy vọng đường nào?

Đúng lúc đó, tôi hiện ra giữa chớp sáng lưu huỳnh, luồn khói và nhịp vỗ đôi cánh da lấm tro, bà tiên đỡ đầu không mời bị ruồng bỏ. *Tôi cũng muốn ban một món quà, tôi rộng lên. Đây là quyền của tôi!*

Winifred cùng đồng bọn chỉ trở tôi cười cợt. *Mi ấy ư? Mi đã bị dày đi từ lâu lắm rồi! Mi có còn biết nhìn mình trong gương không? Mi bỏ bê bản thân, mi trông như đã già trăm linh hai tuổi. Cút về cái hang ghẻ lở nhà mi đi! Mi thì có gì mà ban tặng chứ?*

Tôi tặng nó sự thật, tôi nói. Tôi là người cuối cùng còn giữ. Đây là thứ duy nhất trong phòng này vẫn còn lại khi sáng ra.

QUÁN ĐIỂM TÂM BETTY

Nhiều tuần trôi qua, Laura vẫn không thấy về. Tôi muốn viết thư cho nó, gọi điện cho nó, nhưng Richard nói làm thế chỉ có hại cho con bé. Con bé không được phân tâm vì một tiếng nói từ quá khứ, ông ta bảo. Nó cần tập trung vào nhiệm vụ trước mắt - vào việc đi đầu trị đang diễn ra. Ông ta đã được dặn thế. Còn về đi đầu trị ra sao, ông ta không phải bác sĩ, nên sẽ không giả vờ hiểu biết. Tất nhiên những việc đó tốt nhất là cứ để cho các nhà chuyên môn.

Tôi hành hạ mình bằng những hình ảnh về Laura - bị cấn tù, đang vùng vẫy, mắc kẹt trong huyền tưởng đau đớn tự mình đẻ ra, hoặc có khi là huyền tưởng khác, không kém phần đau đớn, chẳng phải của nó mà là những kẻ bao vây nó. Và khi nào thì cả hai nhập một? Đây là ngưỡng cửa giữa thế giới bên trong và thế giới bên ngoài? Mỗi chúng ta đều hằng ngày di chuyển qua lại cánh cổng này mà không tự biết, nhờ mặt khẩu được ngữ pháp cấp cho: *tôi nói, bạn nói, anh ta và chị ta nói, còn nó, ngược lại, thì không nói*, dùng đồng tiền chung mua lấy đặc quyền tỉnh trí, dùng những ngữ nghĩa mà ta chấp thuận.

Nhưng ngay từ khi nhỏ, Laura đã không bao giờ chấp thuận hoàn toàn. Có phải vấn đề là ở đó không? Là nó nhất định đòi *không* khi cần phải *có*? Và ngược lại, và ngược lại.

Laura tiến triển rất tốt, tôi nghe bảo thế: tình trạng nó đã khá hơn. Rồi lại không tốt lắm, nó đã tái phát lại. Tình trạng nào khá hơn, tái phát lại cái gì? Không nên tìm hiểu sâu, tôi sẽ hao tổn tâm trí, quan trọng nhất lúc này là tôi phải bảo toàn sức lực, rất cần thiết cho một bà mẹ trẻ. “Chúng tôi sẽ làm mọi cách khỏe lại thôi,” Richard nói, vỗ vỗ vào tay tôi.

“Nhưng em có phải ốm đâu,” tôi nói.

“Mọi hiểu ý tôi mà,” ông ta nói. “Bình thường trở lại.” Ông ta mỉm một nụ cười âu yếm, gần như dâm dăng là khác. Mắt ông ta ngày càng nhỏ đi, hoặc có thể do thịt quanh mắt u lên, khiến khuôn mặt có vẻ giả hoạt. Ông

ta đang nghĩ tới lúc được quay lại vị trí xứng đáng của mình, là cười lên trên. Tôi đang nghĩ chắc ông ta sẽ đè tôi ngạt thở. Ông ta đang lên cân; ông ta hện ăn ngoài suốt; ông ta đi diễn thuyết khắp nơi, ở các câu lạc bộ, các cuộc họp mặt nặng ký, hệ trọng. Các cuộc họp mặt trịnh trọng, nơi những nhân vật nặng ký và hệ trọng cùng suy tư trịnh trọng, bởi như mọi người đều đoán chừng, mây đen nặng trĩu đang chờ phía trước.

Suốt ngày hít thở diễn thuyết không khỏi khiến người ta trương phình lên. Tôi đã chứng kiến quá trình ấy, cho đến nay, khá nhiều lần. Đây là vì chữ, vì thứ chữ nghĩa dùng trong các diễn văn ấy. Thứ chữ nghĩa lên men trong óc người ta. Ai bất tỉ vì là thấy, cứ đợi các bản tin chính trị - từ ngữ ợ ra khỏi miệng như những bong bóng khí.

Tôi quyết định càng quặt quẹo càng tốt, càng lâu càng hay.

Tôi giầy vò ngấm ngời không dứt về Laura. Tôi xoay chuyển câu chuyện Winifred đưa ra, xem xét từ mọi góc độ. Tôi thấy khó tin quá, nhưng cũng không thể gạt bỏ hoàn toàn.

Laura trước giờ có một năng lực kinh khủng: năng lực phá hoại mà không chủ tâm. Và cũng chưa bao giờ nó biết khái niệm ranh giới lãnh thổ. Cái gì của tôi cũng là của nó: cái bút mực, chai nước hoa, váy mùa hè, mũ, lược. Chẳng lẽ danh sách đó bây giờ thêm vào cả đứa con chưa ra đời của tôi? Thế nhưng nếu nó mắc chứng hoang tưởng - nếu chỉ là do nó đặt chuyện - thì tại sao lại là chuyện đó mà không phải chuyện khác?

Nhưng ngược lại hãy giả sử Winifred nói dối. Giả sử Laura vẫn tỉnh táo như bao giờ. Như vậy thì Laura nói thật. Mà nếu Laura nói thật, thì Laura đang có thai. Nếu thực sự có đứa trẻ sắp ra đời, sẽ phải xử trí nó ra sao? Mà nếu vậy vì sao nó không nói với tôi, mà lại đi nói với một bác sĩ, một kẻ lạ mặt? Tại sao nó không yêu cầu tôi giúp đỡ? Tôi nghĩ mãi về chuyện đó. Có thể có rất nhiều lý do. Sức khỏe yếu nhược của tôi có thể chỉ là một phần trong đó.

Còn người cha, dù tưởng tượng hay có thật, trên đời chỉ có một khả năng. Đây phải là Alex Thomas.

Nhưng không thể như thế. Làm sao thế được?

Tôi không còn đoán được Laura có thể trả lời những câu hỏi đó thế nào. Nó đã trở thành ẩn số với tôi, cũng như mặt trong găng là ẩn số khi bàn tay đã đi vào. Nó lúc nào cũng ở bên tôi, nhưng tôi không nhìn được nó. Tôi chỉ cảm thấy được hình dáng sự tồn tại của nó: hình dáng rỗng, chứa bên trong toàn tưởng tượng của tôi.

Nhiều tháng trôi qua. Sang tháng Sáu, tháng Bảy, rồi tháng Tám. Winifred nói trông tôi trắng bệch kiệt quệ quá. Tôi nên ra ngoài nhiều hơn, chị ta bảo. Nếu tôi không chịu chơi quần vợt hay gôn, như chị ta vẫn không ngớt dụ - có thể sẽ có ích cho cái bụng đáng thương của tôi, phải chăm sóc đi trước khi thành ra mãn tính - ít ra tôi cũng có thể làm gì với khu vườn đá của mình. Đây là một thú vui rất thích hợp với người làm mẹ.

Tôi không ưa gì khu vườn đá của mình, mà cũng của tôi chỉ trên danh nghĩa, giống như rất nhiều thứ khác. (Giống như đứa con “của tôi”, chẳng hạn: chắc chắn nó đã bị đánh tráo, chắc chắn nó bị bọn di gan đổi lấy; chắc chắn đứa con thật của tôi, khóc ít hơn, cười nhiều hơn, không lèo nhèo như thế - đã bị cuỗm đi rồi.) Khu vườn đá cũng không kém cứng đầu trước sự chăm bẵm của tôi; chẳng có gì tôi làm mà nó vừa lòng. Những tảng đá bày ra trông khá vui mắt - có rất nhiều đá granite hồng, lại thêm đá vôi nữa - nhưng tôi trồng gì cũng không chịu mọc.

Tôi tự an ủi mình bằng sách vở - *Cây lưu niên trồng vườn đá*, *Thực vật tích nước sa mạc và khí hậu phương Bắc*, và đủ thứ khác. Tôi cần mẫn đọc từng quyển, chép ra hàng danh sách - những thứ định trồng, hoặc những thứ đã thực sự trồng rồi; những thứ lẽ ra đang mọc, nhưng không chịu mọc. Máu rồng, tuyết trên núi, gà mái và đàn con. Tôi thích những cái tên nhưng còn cây thì chẳng mấy để ý.

“Tôi đâu có mất tay,” tôi nói với Winifred. “Chẳng được như chị.” Vờ kém cỏi giờ đã thành bản năng thứ hai của tôi, gần như không cần nghĩ. Winifred ngược lại không còn thấy sự vô dụng của tôi là tiện lợi lắm nữa.

“Tất nhiên là cô phải bỏ ít công sức vào đấy chứ,” chị ta nói. Đáp lại tôi sẽ đưa ra danh sách tỉ mỉ những cây đã chết.

“Đá nhìn cũng đẹp mà,” tôi nói. “Hay ta cứ coi là vườn sắp đặt đi cũng được?”

Tôi đã toan tính tự mình đi gặp Laura. Tôi có thể gửi Aimee lại cho cô bảo mẫu mới, tôi gọi trong đầu là Murgatroyd gái - mọi gia nhân tôi đều coi tất là Murgatroyd, họ cũng cùng một ổ. Nhưng cô bảo mẫu sẽ báo động cho Winifred tức khắc. Tôi có thể chống chọi cả lũ bọn họ; tôi có thể lên đi một sáng, ôm theo Aimee; chúng tôi có thể lên tàu. Nhưng lên tàu đi đâu? Tôi không biết Laura ở đâu - không biết nó đã bị giấu đi nơi nào. Phòng khám Bella Vista nghe nói ở đâu đó trên mạn Bắc, nhưng *trên mạn Bắc* vẫn còn là một địa bàn rộng. Tôi lục lọi khắp bàn Richard, trong phòng làm việc của ông ta ở nhà, nhưng không thấy thư từ gì của phòng khám cả. Chắc ông ta đã để hết ở văn phòng.

Một hôm Richard về sớm. Ông ta có vẻ khá bồn loạn. Laura không còn ở Bella Vista nữa, ông ta nói.

Sao lại thế được? tôi hỏi.

Có một người đến, ông ta nói. Người này tự xưng là luật sư của Laura, hoặc là đại diện cho con bé gì đó. Hắn ta nói mình là người quản lý - người quản lý quỹ ủy thác đứng tên cô Chase. Hắn ta đã chất vấn theo quyên ai mà đưa con bé vào Bella Vista. Hắn ta đe dọa sẽ kiện cáo. Tôi có biết gì về những việc này không?

Không, tôi không biết. (Tôi vẫn đặt tay nắm lại trong lòng. Tôi tỏ ra ngạc nhiên, và đôi chút tò mò. Tôi không tỏ ra mừng rỡ.) Thế rồi sao? tôi hỏi.

Giám đốc Bella Vista không có mặt lúc đó, nên các nhân viên rất lúng túng. Họ đã cho nó ra, dưới sự bảo lãnh của người này. Họ đã kết luận rằng gia đình sẽ muốn tránh những ồn ã không đáng có. (Tay luật sư đã dọa cả chuyện này.)

Ồ, tôi nói, xem ra họ đã làm đúng đấy chứ.

Phải, Richard nói, dĩ nhiên; nhưng Laura có được thần trí tỉnh táo hay không? Vì lợi ích của nó, vì sự *an toàn* của nó, ít ra chúng ta cũng phải xác

định được cái đó. Mặc dù bên ngoài thì nó đã bình tĩnh hơn, nhưng các bác sĩ ở Bella Vista vẫn nghi ngờ. Ai biết nó có thể gây vạ gì cho người khác hoặc cho chính mình nếu được phép chạy rong như thế?

Tôi không tình cờ biết liệu nó có thể đang ở đâu chứ?

Tôi không biết.

Tôi vẫn chưa có tin tức gì từ nó?

Tôi vẫn chưa.

Tôi sẽ không ngần ngại báo cho ông ta, nếu chuyện đó xảy ra chứ?

Tôi sẽ không ngần ngại. Chính xác lời tôi là vậy. Đây là một câu không có bổ ngữ, và vì thế không thể gọi là nói dối.

Tôi đợi một khoảng thời gian vừa đủ khôn ngoan, rồi lên đường tới Cảng Ticonderoga, đi tàu, để tham khảo Reenie. Tôi bịa ra một cú điện: Reenie dạo này đau ốm, tôi giải thích cho Richard, và muốn gặp tôi trước khi có sự cố gì. Tôi làm ông ta cảm thấy chị đã ngấp nghé miệng lỗ. Chị sẽ vui lòng nếu được nhìn một bức ảnh Aimee, tôi nói; chị muốn hàn huyên về tháng ngày xưa cũ. Ít nhất tôi cũng phải làm được cho chị đi đâu ấy. Dù sao thì chị cũng gần như là người nuôi lớn chúng tôi. Nuôi lớn tôi, tôi sửa lại, để tránh tạo cớ cho Richard nghĩ về Laura.

Tôi hẹn gặp Reenie ở Quán điếm tâm Betty. (Lúc này chị đã có điện thoại riêng; chị đã ăn nên làm ra từ độ ấy.) Thế là tốt nhất, chị nói. Chị vẫn còn làm ở đó, bán thời gian, nhưng có thể gặp tôi khi đã hết ca. Quán Betty đã có chủ mới, chị nói; chủ cũ thì chắc sẽ không khoái thấy chị ngẫ chĩnh chện ngoài quán cứ như khách hàng có trả tiền, kể cả chị có trả tiền, nhưng chủ mới đã hiểu ra rằng được người khách có trả tiền nào quý người ấy.

Quán Betty đang tụt dốc không phanh. Cái bạt sọc không thấy nữa, các ngăn bàn ghế gỗ sậm màu nhìn xước xát và tàn tạ. Không còn mùi va ni tươi mát nữa mà là mùi mỡ chua lôm. Tôi ăn mặc quá điếm dứa ở đây, tôi

nhận ra. Lẽ ra không cần bộ da cáo trắng quấn cổ. Khoe mẽ thì được cái gì, trong hoàn cảnh thế này?

Tôi không thích thấy Reenie như thế: chị phờ ra, trông vàng vọt, lại thở có điệu phì phò nữa. Có khi chị đang ốm thật: tôi nghĩ có nên hỏi thăm không. “Rũ gánh nặng khỏi chân thật sướng,” chị nói khi ngẩng đầu thụp vào ghế đối diện.

Myra - hồi đó cô lên mấy hủ Myra? Chắc là ba hay bốn tuổi, tôi quên hết năm tháng rồi - Myra đi cùng chị. Má nó đỏ lên vì phấn khích, mắt nó tròn hơi lồi ra, cứ như có ai đó nắm cổ bóp nhẹ.

“Tôi có kể với nó mọi thứ về cô,” Reenie âu yếm nói. “Về cả hai cô.” Myra không thấy tôi có gì thú vị lắm, phải thừa nhận thế, nhưng nó mê mãi nhìn lũ cáo quanh cổ tôi. Trẻ con tuổi đó thường ưa các con vật lông xù, chết cũng được.

“Chị đã gặp Laura,” tôi nói, “hay nói chuyện với nó chưa?”

“Bớt gái sẽ mau lành,” Reenie nói và nhìn quanh, như sợ vách có tai. Tôi thấy không cần đề phòng đến mức đó.

“Em đoán là chị cử ông luật sư đến phải không?” tôi nói.

Reenie làm bộ thâm thúy. “Tôi chỉ làm đi đâu cần làm,” chị nói. “Dù sao thì ông luật sư ấy cũng là chồng của chị họ cháu cô cháu cậu với mẹ cô, cũng có thể coi là người trong nhà. Thế nên ông ta hiểu tại sao phải thế, nghĩa là, một khi tôi biết có chuyện gì đang diễn ra.”

“Chị biết bằng cách nào?” Tôi để dành *chị biết chuyện gì* lúc khác.

“Cô Laura viết thư cho tôi,” Reenie nói. “Nói cô ấy đã viết cho cô, nhưng không bao giờ có trả lời. Cô ấy đáng ra không được phép gửi thư, nhưng bà đầu bếp giúp. Laura có gửi lại bà ấy tiền khi về đây, dư thêm một chút cảm ơn.”

“Em không nhận được thư nào cả,” tôi nói.

“Cô ấy cũng đoán vậy. Cô ấy đoán chúng nó sẽ làm thế.”

Tôi biết ai là *chúng nó* này. “Em đoán là nó có v`ề đây.”

“Cô ấy còn đi đâu được nữa?” Reenie nói. “Cô bé tội nghiệp. Sau bao nhiêu chuyện đã trải qua.”

“Nó đã trải qua những gì?” Tôi hết lòng muốn biết; đồng thời tôi lại khiếp sợ phải biết. Laura có thể dừng chuyện, tôi tự nhủ. Laura có thể vẫn đang hoang tưởng. Cái đó không thể loại trừ.

Nhưng Reenie thì đã loại trừ: bất kể Laura có kể cho chị chuyện gì, chị cũng tin hết. Tôi không biết có phải cũng là câu chuyện tôi đã nghe không. Tôi đặc biệt không nghĩ là có một đứa bé trong câu chuyện đó, dưới hình hài dạng thức nào. “Ở đây có trẻ con, nên tôi sẽ không đi sâu vào chi tiết,” chị nói. Chị hát đầu v`ề phía Myra, cô nhỏ đang ngấu nghiến một miếng bánh màu hồng trông rất gớm và nhìn tôi chòng chọc như muốn liếm. “Nếu tôi kể hết cô sẽ mất ngủ. Điêu an ủi duy nhất là cô không dự phần vào đó. Đây là cô ấy bảo thế.”

“Nó bảo thế?” Tôi nhẹ mình khi nghe câu này. Richard và Winifred vậy là đã bị phân vai ác quỷ, còn tôi được tha - lấy có đạo đức nhu nhược, hản thế. Dù có thể thấy Reenie vẫn không hoàn toàn tha thứ cho tôi đã bất cần tới mức để xảy ra mọi sự này. (Tới khi Laura lao xuống c`ầu, chị còn ít tha thứ cho tôi hơn nữa. Trong mắt chị tôi ắt phải có liên quan đến chuyện đó. Từ sau đó chị lạnh lùng với tôi hản đi. Chị chết trong oán giận.)

“Đáng ra không được nhét cô ấy vào cái chõn đó chút nào hết, cô ấy còn quá trẻ,” Reenie nói. “Dù gì đi nữa. Đàn ông cời tru`ng đi loăng quăng, đủ thể loại dấm dớ. Không biết nhục!”

“Mấy coong này có căng không?” Myra hỏi và giơ tay chạm vào lũ cáo.

“Đừng có đụng vào,” Reenie nói. “Tay con dính nhớp kia kìa.”

“Không đâu,” tôi nói. “Đây không phải cáo thật đâu. Thấy không, mắt thủy tinh đây này. Chúng nó chỉ cần đuôi mình thôi.”

“Cô ấy nói, chỉ cần cô biết, cô sẽ không bao giờ bỏ mặc cô ấy trong đó,” Reenie nói. “Nếu như cô biết. Cô ấy nói bất kể những chuyện khác, cô cũng không phải đưa không tim.” Chị nhú mào, đánh mắt nhìn cốc nước trên bàn. Chị thì không chắc chắn về khoản ấy. “Khoai tây là món ăn chính trong đó, nói chung,” chị nói. “Khoai tây nghiền rồi đun lên, cô ấy bảo thế. Cấu véo đồ ăn, cướp bánh mì trước miệng tội chập cheng tâm thần khôn khổ. Đắp vào túi mình, tôi đoán thế.”

“Nó đi đâu rồi? Giờ nó ở đâu?”

“Tôi thà nói với đầu gối còn hơn nói với cô,” Reenie nói. “Cô ấy nói tốt hơn là cô không nên biết.”

“Trông nó sao - liệu nó có...” Có tỏ ra điên thấy rõ không, tôi muốn hỏi thế.

“Cô ấy vẫn như từ trước đến nay. Không hơn, không kém. Cô ấy không có vẻ tâm thần, nếu cô muốn hỏi cái đó,” Reenie đáp. “Cô ấy gầy đi - cần phải đắp thêm da thịt - và không nói cả ngày về Chúa nữa. Tôi chỉ mong giờ ngài ta đứng về phía cô bé, cho có thay đổi.”

“Cảm ơn chị, Reenie, vì mọi chuyện chị đã làm,” tôi nói.

“Không cần phải cảm ơn,” Reenie cứng nhắc nói. “Tôi chỉ làm đi đâu đúng.”

Nghĩa là tôi thì không. “Em viết thư cho nó được không?” Tôi đang lục tìm khăn tay. Tôi thấy muốn khóc. Tôi thấy mình như một kẻ thủ ác.

“Cô ấy bảo tốt hơn là không. Nhưng cô ấy muốn tôi nói cô ấy có gửi lại lời nhắn cho cô.”

“Lời nhắn à?”

“Cô ấy gửi lại trước khi bọn chúng đem cô ấy đến chỗ đó. Cô sẽ biết phải tìm ở đâu, cô ấy bảo thế.”

“Khăng của riêng cô à? Cô bị cảm à?” Myra hỏi, thích thú quan sát cơn sụt sịt của tôi.

“Hỏi nhiều quá là lưỡi con rụng ra đấy,” Reenie đe.

“Không rụng đâu,” Myra nói vô tư lự. Nó bắt đầu ngâm nga lạc nốt, đá hai chân múp múp vào đầu gối tôi, dưới găng bàn. Ở nó có một vẻ tự tin hơn hờ nào đó, khó bị người ta dọa - những phẩm chất vẫn thường làm tôi cáu, nhưng găng đây đã học cách biết ơn. (Chắc tôi vừa làm cô ngạc nhiên, Myra. Cứ coi đây là lời khen trong khi còn cơ hội. Cái này chỉ đếm trên đầu ngón tay.)

“Em nghĩ chắc chị cũng muốn xem ảnh Aimee,” tôi nói với Reenie. Ít ra tôi cũng có một thành tích này để khoe với chị, gỡ lại hình ảnh mình trong mắt chị.

Reenie cần lấy ảnh. “Ồ, con bé khá đen, phải không nhỉ?” chị nói. “Chẳng bao giờ biết lũ nhỏ sẽ giống ai.”

“Coong cũng muốn xem,” Myra nói và giơ bộ móng dính đường định chụp.

“Nhanh lên, r ấ còn đi. Mẹ con mình về với bố muợn r ấ.”

“Ừ,” Myra nói.

“Hèn mọn khiêm nhường ra sao nữa, chẳng ở đâu bằng nhà,” Reenie hát và lấy giấy ăn chùi kem màu hồng trên chóp mũi nhỏ của Myra.

“Coong muốn ở đây cơ,” Myra nói, nhưng áo đã choàng vào người nó, cái mũ len đan tay chụp xuống hai tai, và nó bị lôi sang ngang ra khỏi ngăn ghế.

“Cô nhớ giữ gìn,” Reenie nói. Chị không hôn chào tôi.

Tôi muốn choàng tay ôm lấy chị, và cứ thế rút lên. Tôi muốn được vỗ về. Tôi muốn được là đứa lúc này đi theo chị.

“ ‘Chẳng ở đâu bằng nhà’, ” một lần Laura nói, h ồi nó mười một hay mười hai gì đó. “Reenie hát thế. Em nghĩ câu đó rất ngu.”

“Ngu sao?” tôi hỏi.

“Nhìn nhé.” Nó viết ra thành đẳng thức. *Chẳng ở đâu = nhà. Tương đương, nhà = chẳng ở đâu. Tương đương, nhà không tồn tại.*

Trái tim ở đâu thì nhà ở đó, bây giờ tôi nghĩ, cố bình tĩnh lại giữa Quán điếm tâm Betty. Tôi không còn trái tim nữa, nó đã tan vỡ; hoặc không phải tan vỡ, nó không còn ở đó nữa, thế thôi. Nó đã bị mức gọn khỏi tôi, như lòng đỏ mức khỏi quả trứng luộc, bỏ tôi ở lại cắt không ra máu, đông đặc và rỗng hoác.

Tôi là đứa không tim, tôi nghĩ. Tương đương, tôi là đứa không nhà.

LỜI NHẮN

Ngày hôm qua tôi quá mệt mỏi, chẳng làm được gì ngoài nằm ườn trên xô pha. Đúng theo thói quen rõ ràng là bệ rác đang thành hình, tôi xem một chương trình talk show ban ngày, cái loại chương trình dành cho người ta lên vạch áo chia lưng. Đang là xu thế thời thượng, cái màn vạch áo đó: dân tình vạch áo mình và vạch luôn cả áo người khác, họ chia cái lưng họ có và chia cả những cái vốn không tồn tại. Họ làm thế vì ăn năn cắn rứt, và cũng để làm vui nữa, nhưng chủ yếu vì họ muốn được phô bày còn người khác thì muốn xem họ phô bày. Tôi không nhận mình miễn nhiễm: tôi nể nấp mỗi tội lỗi nho nhỏ đê tiện, mỗi rối rắm dơ dáy trong nhà, mỗi chấn thương được nâng niu. Tôi thường thức cảm giác háo hức khi cái nắp lon giun được vặn ra như mở một gói quà sinh nhật mê hồn, và rồi vẻ cut hứng hiện trên từng khuôn mặt đang dõi theo: những giọt lệ cố nặn ra, lòng thương xót dè sẻn và hể hả, những tràng vỗ tay làm bồn phật theo hiệu. *Chỉ có thể thôi à? chắc họ đang nghĩ. Sao phải tâm thương thế, không thể bền bỉ hơn, không thể hoành tráng hơn, không thể náo lòng hơn ư, cái vết thương còn toác miệng của anh? Kể nữa đi! Làm ơn tăng cái đau thương lên một cấp được không?*

Tôi không biết thế nào thì hơn - sống cả đời căng ứ những bí mật trong mình đến khi nổ tung dưới sức ép, hay là để chúng bị hút ra, từng đoạn một, từng câu một, từng chữ một, để rồi cuối cùng cạn kiệt chẳng còn những gì ngày xưa quý báu như vàng chôn giấu, gấm gùi như chính lớp da mình - mọi thứ từng quan trọng vào bậc nhất với mình, từng khiến mình co rúm mong giấu giếm, mọi thứ từng chỉ thuộc về mình - và sống những ngày tàn làm cái bị xẹp lép phật phờ trong gió, cái bị xẹp dán miếng nhãn phản quang sáng chói để ai cũng biết có gì bí mật ngày xưa cất ở trong?

Tôi không mưu quảng bá gì, dù nên tốt hay nên xấu.

Miệng Hở Đâu Tàu Chìm Đó, như trên áp phích thời chiến tranh. Tất nhiên rồi tàu cũng chìm hết sạch, chẳng sớm thì muộn.

Sau cả ngày chảy thây như thế, tôi tha thân vào nhà bếp, ăn hết nửa quả chuối đang ngả thối và hai chiếc bánh quy muối. Tôi không biết có phải cái gì đó - thức ăn gì đó - đã rơi xuống sau thùng rác không - có mùi thịt dẫu đây - nhưng ngó vào thì không thấy gì. Có thể mùi ở tôi mà ra. Tôi không xua tan được ý nghĩ cơ thể mình bốc mùi thức ăn mèo, dù sáng hôm đó đã xịt lên mình chai nước thơm để ừng nào - Tosca, phải không, hay là Ma Griffe, mà cũng có thể là Je Reviens? Tôi vẫn còn ít đầu thừa đuôi theo kiêu đó quanh quẩn trong nhà. Chiến lợi phẩm cho vào túi rác xanh Myra nhé, khi nào đến lúc.

Richard vẫn thường cho tôi nước hoa, mỗi khi nghĩ tôi cần phủ dụ. Nước hoa, khăn lụa, ghim nhỏ gắn đá hình các con vật nuôi, chim trong chuồng, cá vàng trong bể. Khiếu thẩm mỹ của Winifred, không phải dành cho mình mà cho tôi.

Trên tàu từ Cảng Ticonderoga về và trong suốt những tuần tiếp đó, tôi suy nghĩ về lời nhắn của Laura, lời nhắn Reenie nói Laura đã để lại cho tôi. Như vậy lúc đó nó phải biết bất cứ đi đâu gì nó dự định nói với tay bác sĩ lạ mặt ở bệnh viện có thể sẽ phản pháo lại. Nó phải biết có nguy cơ, và vì thế nó đã có biện pháp dè chừng. Bằng cách nào đó, ở đâu đó, nó đã để lại một lời, một chỉ dẫn cho tôi, như cái khăn tay đánh rơi hay đường sỏi trắng dẫn qua rừng.

Tôi hình dung nó viết lời nhắn đó, giống như mỗi lúc nó viết cái gì. Chắc chắn là bằng bút chì, bút chì một đầu bị gặm. Nó vẫn thường gặm bút chì; hồi bé miệng nó lúc nào cũng có mùi gỗ thông, và nếu là bút chì màu thì môi nó sẽ xanh hoặc tím. Nó viết rất chậm; chữ như trẻ con, các nguyên âm tròn và chữ o khép kín, những cái đuôi dài run rẩy cho chữ g và y. Dấu chấm trên chữ i và j bao giờ cũng là một khuyên tròn, lệch tí về bên phải, cứ như quả bóng bay đen nhỏ buộc vào cán nhờ sợi dây vô hình; gạch ngang chữ t chỉ có một bên. Tôi ngó bên nó trong tâm trí, xem nó sẽ làm gì tiếp.

Nó đã viết xong lời nhắn, rồi nhét vào phong bì dán lại, rồi giấu đi, cũng như đã giấu túi đồ vật linh tinh ở Avilion. Nhưng cái phong bì này nó

có thể giấu đâu? Không phải ở Avilion: nó không hề đi đâu gần đó, trong khoảng thời gian ngay trước khi bị đưa đi.

Không, chắc chắn phải ở trong ngôi nhà Toronto. Nơi nào đó không ai thèm nhìn đến - Richard, Winifred, hay một kẻ trong đám Murgatroyd. Tôi đã tìm trong nhiều chỗ - đáy các ngăn kéo, lưng các tủ chè, túi các áo khoác mùa đông của tôi, dây xắc tay vô tận, kể cả chõng găng tay mùa đông - nhưng chẳng thấy gì cả.

Rồi tôi nhớ một lần bắt gặp nó, trong thư viện của ông nội, hồi nó mười hay mười một tuổi. Nó đang để mở cuốn Kinh Thánh của nhà trước mặt, một cuốn lớn dữ dằn bọc da, và đang tỉa đi từng mẫu bằng cây kéo may cũ của mẹ.

“Laura, em làm cái gì thế?” tôi nói. “Đấy là Kinh Thánh mà!”

“Em cắt bỏ những đoạn em không thích.”

Tôi vuốt phẳng những trang nó đã vứt vào sọt giấy, từng dải sách *Ký Sự*, hàng trang sách *Lê Vi*, những mẫu nhỏ trong phúc âm theo Mát Thêu đoạn Giê su rửa cây vả không trái. Lúc đó tôi nhớ lại chuyện Laura đã phẫn nộ vì cây vả đó, cái hồi còn đi học trường Chủ nhật. Nó nổi giận đùng đùng vì Giê su lại đi gây chuyện với một cái cây. *Ai cũng có ngày khó ở*, lúc đó Reenie nhận xét, tay thoăn thoắt đánh lòng trắng trứng trong cái âu vàng.

“Em không được làm thế,” tôi nói.

“Chỉ là giấy thôi mà,” Laura nói, vẫn cắt tiếp. “Giấy thì không quan trọng. Chỉ chữ viết trên giấy mới quan trọng thôi.”

“Em sẽ bị phạt mà xem.”

“Chả có đâu,” nó nói. “Chẳng ai mở cuốn này ra bao giờ. Mọi người chỉ nhìn mấy trang đầu, xem phần sinh, phần hôn, phần tử.”

Nó nói cũng đúng. Chuyện đó chẳng bao giờ bị phát hiện.

Chính ký ức ấy mách tôi lôi ra cuốn an bom cưới của mình, lưu những bức ảnh chụp cái sự kiện đó. Rõ ràng cuốn này chẳng mấy thú vị với Winifred, mà cũng chưa bao giờ thấy Richard lật giở từng trang vẽ mặt trù mền. Laura phải biết đi đâu đó, nó phải biết đây là nơi an toàn. Nhưng cái gì - nó phải nghĩ đến chứ - cái gì có thể xui khiến tôi ngó vào đó bao giờ?

Nếu chủ tâm tìm Laura, tôi sẽ ngó vào. Nó biết đi đâu đó. Có rất nhiều ảnh có nó trong này, dính vào trang bìa nâu bằng những hình tam giác vuông ở bốn góc; ảnh nó nhăn nhó hay nhìn dán xuống chân, trên người là váy phù dâu.

Tôi tìm thấy lời nhắn, dù không phải bằng lời. Laura đã tấn công lễ cưới của tôi tới số bằng thuốc tô tay, bằng những ống màu vẽ nhỏ nó trộm từ tòa báo Elwood Murray hồi ở Cảng Ticonderoga. Chắc nó đã tích lại giấu kỹ suốt từ ấy đến giờ. Là một đứa vẫn tuyên bố khinh thường thế giới vật chất, nó lại yếu lòng trước đồ đạc cần vứt bỏ.

Nó chỉ sửa có hai tấm ảnh. Một là tấm chụp chung mọi người sau tiệc cưới. Trong đó, các phù dâu phù rể đều bị tô kín một lớp chàm dày - bị xóa sổ khỏi bức ảnh. Tôi vẫn còn lại, và Richard, và Laura nữa, cùng Winifred, đóng vai phù dâu trưởng. Winifred bị tô một màu lục quái dị, Richard cũng thế. Tôi thì chỉ tô phớt màu xanh nước biển. Còn bản thân Laura màu vàng kim rực rỡ, không chỉ chiếc váy, mà cả khuôn mặt và đôi bàn tay. Cái vẻ chói lọi này có nghĩa là gì? Bởi nhìn quả thật chói lọi, như thể Laura đang phát sáng từ bên trong, như cái đèn thủy tinh hoặc một cô gái bằng lưu huỳnh. Nó không nhìn thẳng, mà nhìn sang ngang, như thể tiêu điểm chú ý hoàn toàn không ở trong hình.

Tấm thứ hai là tấm chân dung đôi tân nhân, chụp trước nhà thờ. Mặt Richard tô màu xám, xám đen đến nỗi các đường nét gần như mất hẳn. Hai bàn tay màu đỏ, cũng như những lưỡi lửa phụt lên xung quanh và không hiểu vì sao từ bên trong đầu, như thể chính cái sọ đang bốc cháy. Váy cưới của tôi, đôi găng, tấm mạng, bó hoa - những phụ kiện đó Laura không thèm đụng đến. Nhưng nó xử lý khuôn mặt tôi - tẩy trắng để cho mắt mũi mồm như có màn sương phủ, như cửa sổ ngày mưa lạnh lẽo. Cái nền cho đến cả những bậc thang nhà thờ dưới chân cả hai đã bị bôi đen toàn bộ, để hai

hình người chúng tôi lơ lửng như giữa không trung, trong màn đêm tối đen hun hút.

XII

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 7 THÁNG MƯỜI 1938

GRIFFEN TÁN DƯƠNG HIỆP ƯỚC MUNICH

Bản tin độc quyền

Trong một bài diễn văn mạnh mẽ lôi đình mang tên “Việc Ta Ta Phải Lo”, phát biểu tại cuộc họp ngày thứ Tư của câu lạc bộ Đế quốc ở Toronto, ông Richard E. Griffen, chủ tịch kiêm giám đốc Cty TNHH công nghiệp hoàng gia hợp nhất Griffen-Chase đã nhiệt liệt khen ngợi những nỗ lực vượt bậc của thủ tướng Anh, ngài Neville Chamberlain, dẫn đến kết quả là Hiệp ước Munich ký kết tuần vừa rồi. Điều đáng kể là, ông Griffen nói, mọi đảng phái trong Hạ nghị viện Anh quốc đều hoan nghênh tin này, và ông hy vọng mọi đảng phái Canada cũng sẽ hoan nghênh, bởi hiệp ước này sẽ chấm dứt thời kỳ Đại suy thoái và sẽ dẫn tới một “kỷ nguyên vàng” mới của hòa bình và thịnh trị. Nó cũng cho thấy giá trị của tài trợ quốc và ngoại giao cũng như của tư duy tích cực và trực giác kinh doanh thực tiễn cơ bản. “Nếu mỗi người cho đi một chút,” ông nói, “thì mọi người sẽ nhận lại rất nhiều.”

Đáp lại những câu hỏi về tình trạng của Tiệp Khắc theo Hiệp ước Munich, ông khẳng định theo ý ông công dân của nước này đã được bảo đảm an ninh đầy đủ. Một nước Đức hùng mạnh và lành mạnh, theo ông nói, sẽ rất phù hợp với lợi ích toàn phương Tây, đặc biệt về mặt giao thương mậu dịch, và là điều kiện thuận lợi “đuổi chủ nghĩa Bôn sê vích cao chạy xa bay, cũng như tránh xa phố Bay^[33]”. Điều tiếp theo có thể trông đợi là một hiệp định thương mại song phương, và ông tin tưởng điều này đang được xúc tiến. Bây giờ đã có thể chuyển trọng tâm từ vùng gươm tuốt kiếm sang cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng, nghĩa là tạo công ăn việc làm và cuộc sống no ấm ngay tại nơi cần đến nhất - “trong sân sau nhà chúng ta”. Bảy năm đói kém vừa qua, ông khẳng định, giờ sẽ nhường chỗ cho bảy năm sung túc, và những viễn tượng vàng đã lấp lánh phía chân trời cho đến hết thập kỷ 40.

Ông Griffen, theo tin đồn đại, thường xuyên hội đàm với những nhân vật cấp cao của đảng Bảo thủ, và đang nhắm chức vụ người chèo lái. Bài diễn văn của ông đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

MAYFAIR, THÁNG SÁU 1939

PHONG CÁCH VƯƠNG GIẢ TẠI TIỆC VƯỜN HOÀNG GIA

Cynthia Fervis

Năm nghìn vị khách mời khảm kính của Toàn quyền Canada, Nam tước Tweedsmuir và Phu nhân, đứng dọc các lối đi trong vườn tại buổi tiệc sinh nhật Hoàng thượng tại Phủ Toàn quyền ở Ottawa, mê hoặc chiêm ngưỡng Hoàng thượng cùng Hoàng hậu ưu nhã đi chào hỏi tân khách.

Đúng bốn rưỡi chiều hai Đức ngài xuất hiện ở Phủ Toàn quyền bên Phòng trưng bày Trung Hoa. Đức vua vận đồ vét; Hoàng hậu chọn màu be, viền lông mềm mại, đi cùng chuỗi hạt trai cùng chiếc mũ lớn hơi hất lên, gương mặt ửng hồng tinh tế, đôi mắt xanh ấm áp tươi cười. Tất thấy quan khách đều ngưỡng mộ phong thái của hoàng hậu khi người bước vào.

Theo sau Đức vua và Hoàng hậu là Toàn quyền cùng Nam tước phu nhân. Nam tước đóng vai chủ nhà lịch lãm và thân thiện, Phu nhân đi ễn tĩnh và đẹp tuyệt trần. Trang phục tuy ễn trắng của Phu nhân, trang điểm thêm lông cáo Bắc cực Canada, càng thêm nổi bật vì mảng màu ngọc lam trên mũ. Trình diện với Đức vua và Hoàng hậu có Đại tá F. Phelan cùng phu nhân, từ Montreal tới; bà Phelan mặc đồ lụa, trên váy bùng nổ những đóa hoa chi chít rực rỡ, chiếc mũ xinh xắn vành rất rộng bằng bóng kính trong suốt. Chuẩn tướng W. H. L. Elkins cùng vợ và cô Joan Elkins, cũng như ông bà Gladstone Murray đều được vinh hạnh xưng danh.

Ông bà Richard Griffen nổi bật lên trong số quan khách; bà mặc áo khoác lửng bằng lông sói xám, lông viền trên nền chiffon đen tỏa thành tia nắng, bên trong mặc váy hoa lan. Bà Douglas Watts mặc váy chiffon da chanh khoác áo nhung nâu, bà F. Reid gọn gàng đáng yêu hết sức trong đầm dài bằng phin organdy và ren Valenciennes.

Không thấy ai nhắc đến tiệc trà cho tới khi Đức vua cùng Hoàng hậu đã chào tạm biệt, và máy ảnh đã lóe sáng khắp nơi, và tất cả đã trở giọng

đồng ca *Câu Chúa phù hộ nhà vua*. Tiếp đó những chiếc bánh sinh nhật đã thu hút mọi sự chú ý... những chiếc bánh trắng khổng lồ, kem bông như tuyết. Bánh dành cho Đức vua ở nhà trong không chỉ trang trí bằng hoa hồng, cỏ ba lá cùng bông kê¹³⁴, mà còn từng đàn bồ câu đường tí hon ngậm cờ hiệu trắng, biểu tượng hòa bình và hy vọng rất thích hợp cho dịp này.

TAY SÁT THỦ MÙ: PHÒNG GIẢ HÁT

Đã giữa độ chi ầu, mây kéo đầy trời, không khí ẩm, cảm giác cái gì cũng dính nhớp: đôi găng trắng của cô đã kịp bẩn chỉ vì nắm rào chắn. Đất trời trĩu nặng, sệt lại quanh cô; tim cô đập dồn chống trả như đang đập vào đá. B ầu không oi bức trơ ra cưỡng lại. Không gian im phắc.

Nhưng r ồi tàu cũng vào ga, và cô đến đợi bên công theo giao hẹn; và như lời hứa thành sự thực anh hiện ra trước công. Anh nhìn thấy cô, tiến lại bên cô, cả hai khẽ chạm vào nhau, r ồi bắt tay như họ hàng xa gặp lại. Cô hôn phớt lên má anh, bởi giữa chốn công cộng ai mà biết được, và cả hai đi lên đường dốc vào tòa nhà đá hoa. Cô thấy như mới gặp lần đầu, cô căng thẳng; cô g ần như chưa kịp nhìn anh. Chắc chắn là anh có g ầy đi. Còn gì nữa?

Sống chết mới về được đến nhà. Anh chẳng có ti ền mấy. Toàn ké tàu hàng.

Em có thể gửi ti ền cho anh cơ mà, cô nói.

Anh biết. Nhưng anh không có địa chỉ cố định.

Anh bỏ lại túi xách ở qu ầy gửi hành lý, chỉ mang theo cái va li nhỏ. Anh sẽ quay lại lấy sau, anh nói, nhưng ngay bây giờ thì không muốn bận thân. Người đến người đi khắp xung quanh, tiếng chân hòa tiếng nói; hai người đứng ng ần ng ờ, không biết đi đâu. Đáng ra cô phải tính trước, phải thu xếp nơi ăn chốn nghỉ chứ, vì tất nhiên anh chưa có phòng nào mà đến, lúc này. Nhưng ít ra cô cũng có một bình thủy đựng scotch, bỏ trong xác. Cái đó thì cô nhớ.

Vẫn cần đến đâu đó nên họ đến một khách sạn, một nơi rẻ ti ền anh còn nhớ. Đây là lần đầu tiên và làm thế là li ều lĩnh, nhưng ngay khi nhìn thấy cái khách sạn cô đã hiểu chẳng ai ở chỗ này quen đón khách là một cặp vợ chồng. Cô đang mặc áo khoác đi mưa nhẹ từ hai năm trước, đầu trùm khăn.

Khăn lụa thật nhưng đây là cái xấu nhất cô có. Có thể họ sẽ nghĩ anh bỏ ti ền bao cô. Cô hy vọng thế. Như thế sẽ không ai nhìn đến cô.

Trên vỉa hè bên ngoài có thủy tinh vỡ, bãi nôn mưa, và cái gì đó trông như máu chưa khô hẳn. Tránh đừng giẫm lên, anh nói.

Có một qu ầy bar ở t ầng trệt, tuy gọi là Phòng Giải Khát. Một bên dành riêng cho Khách Nam, bên kia Quý Bà Có Tháp Tùng. Bên ngoài có bảng đèn hiệu đỏ, các chữ cái xếp dọc, thêm mũi tên đi xuống r ồi uốn sang ngang chỉ vào cửa. Hai chữ cái tắt ngúm chỉ còn là Phòng Giải khát. Những bóng đèn nhỏ lập lòe như đèn Giáng sinh nhấp nháy, chạy dọc bảng đèn như một đàn kiến tuột xuống lỗ cống.

Mới giờ này đã có nhi ều người vạ vật xung quanh, chờ mở cửa. Anh nắm khuỷu tay cô rảo bước qua, đẩy vội đi một chút. Sau lưng có gã nhại tiếng mèo đực động cõn hú lên.

Khu vực khách sạn đi cửa riêng. Sảnh đón sàn lát gạch trắng đen bao lấy tranh khảm ngày xưa có lẽ hình con sư tử đỏ, nhưng nay đã mòn lỗ chỗ, như bị một thứ mối ăn đá gặm đi, chỉ còn là con hải quỳ sứt sẹo. Vải sơn lót sàn màu hoàng thổ đã lâu không cọ; những bết đất xám nở xòe như hoa ép.

Anh ký nhận phòng, trả ti ền; trong lúc ấy cô đứng đợi, hy vọng trông mình có vẻ lãnh đạm thích hợp, giữ yên nét mặt, mắt đưa trên đầu tay lễ tân cau có, nhìn đ ồng hồ. Cái đ ồng hồ mặt trơn, quả quyết, coi thường mọi thứ điểm trang, như đ ồng hồ ga xe lửa: tinh thần thực dụng. *Thời gian đây, nó nói, chỉ có một lớp thôi, không còn gì nữa.*

Anh đã lấy được chìa. T ầng hai. Có thang máy, nhỏ tí như cổ áo quan, nhưng nghĩ đến nó cô đã không chịu nổi, cô biết nó sẽ có mùi, mùi tất bần và răng sâu, cô không thể đứng trong đó bên anh, mặt sát mặt, trong khi hít thở cái mùi đó. Họ đi thang bộ lên l ầu. Thang trải thảm, từng có màu lam và đỏ. Lối đi rải đ ầy hoa, đã mòn đến tận gốc.

Anh xin lỗi, anh nói. Lẽ ra có thể khá hơn.

Tiền nào thì của nấy thôi, cô đáp, muốn làm ra vẻ tươi vui; nhưng nói thế không nên tí nào, biết đâu anh tưởng cô ám chỉ anh thiếu tiền. Như thế này càng dễ ngụy trang, cô tìm cách nói chữa. Anh không đáp. Cô đang huyền thuyên vớ vẩn, cô nghe thấy tiếng mình nói, và lời cô nói chẳng lừa được ai. Cô có khác với những gì anh nhớ, cô có thay đổi nhiều quá chăng?

Tường hành lang trên tầng dán giấy, không nhìn ra màu gì nữa. Dây cửa gỗ sậm màu, đầy vết đục đẽo, từng mảng gỗ bị lột. Anh tìm ra phòng, khóa xoay trong ổ. Chìa khóa kiểu cổ lưỡi dài, loại dành cho những hòm tiền từ xưa từ xưa. Căn phòng tệ hơn tất cả những phòng kèm đồ đạc họ từng ở qua: những phòng kia ít ra cũng cố gắng được bên ngoài sạch sẽ. Giường đôi trải một tấm ga trơn trượt, giả xa tanh chân, hờn xỉn ngả vàng như màu gan bàn chân. Chờ chổng cái ghế, đệm ngồi đã toạc nhìn như ruột nhồi toàn bụi. Gạt tàn thủy tinh nâu đã mẻ. Mùi khói thuốc, mùi bia đổ, phảng phất lẫn vào còn thứ mùi khó ở hơn nữa, như đồ lốt lâu ngày chưa giặt. Bên trên cửa vào có cửa sổ con, kính cửa lồi nhôn quét sơn trắng toát.

Cô lột găng tay, thả xuống ghế cạnh áo choàng và khăn, lôi bình thủy trong xách ra. Không thấy có cốc, sẽ phải tu thôi.

Cửa có mở được không? cô hỏi. Có chút khí trời thì tốt quá.

Anh lại gần, đẩy cánh cửa lên. Luồng gió oi ả lùa vào. Ngoài đường, tiếng xe điện sầm sập vụt qua. Anh quay người, vẫn đứng bên cửa, tựa lưng ra sau, hai tay đặt trên bậu cửa sau lưng. Nhìn ngược sáng, cô chỉ thấy anh rõ đường viền. Anh có thể là bất kỳ ai.

Thế đấy, anh nói. Ta lại về như cũ. Nghe giọng anh mệt hiu hắt. Cô chợt nghĩ ra có thể anh chỉ cần căn phòng này để làm việc ngủ.

Cô đến bên anh, vòng tay ôm eo anh. Em tìm thấy truyện ngắn đấy, cô nói.

Truyện nào?

Người Thần Lẩn Trên Hành Tinh Xenor. Em tìm khắp nơi, anh phải thấy em mò khắp các sạp báo mới biết, chắc người ta nghĩ em bị điên. Em tìm mãi, tìm mãi.

Ồ, cái đó hả, anh nói. Em cũng đọc cái của nợ đó à? Anh quên rồi.

Cô sẽ không lộ ra mình phật ý. Cô sẽ không lộ ra mình muốn trì nín quá nhiều. Cô sẽ không nói đấy là tín hiệu cho thấy anh còn sống, là bằng chứng, dù ngớ ngẩn đến đâu.

Tất nhiên là em đọc chứ. Em chờ mãi không thấy phần tiếp theo.

Chẳng bao giờ viết tiếp, anh nói. Còn bận né đạn, từ cả hai bên. Nhóm tụi anh bị kẹt vào giữa. Anh thì đang chạy trốn phe chính nghĩa. Đúng là cái lò sát sinh.

Dù muộn, tay anh cũng đến quấn quanh cô. Anh tỏa mùi ỉm men. Anh tựa đầu lên vai cô, da má ram ráp cọ vào bên cổ. Anh an toàn trong tay cô, ít nhất là lúc này.

Trời, thêm hớp rượu phát khiếp, anh nói.

Đừng ngủ, cô nói. Đừng ngủ vội. Tới giường đi.

Anh ngủ li lợ ba tiếng. Mặt trời lặn, ngày tối dần. Cô biết cần phải về, nhưng không nỡ bỏ đi, cũng không nỡ đánh thức anh. Cô sẽ đưa ra cố gắng đây, khi về đến? Cô nghĩ ra một bà già lộn cổ xuống cầu thang, một bà già cần cứu giúp; cô nghĩ tiếp một cuộc tắc xi, tiến thẳng tới bệnh viện. Làm sao cô để mặc bà tự lo lấy thân được, bà lão đáng thương? Nằm bẹp trên lề đường, chẳng ai nhìn nhỏ đến. Cô sẽ nói mình biết phải gọi về báo, nhưng gần đó không có điện thoại, mà bà già thì đau quá chừng. Cô gồng mình đón bài giáo huấn sẽ đổ xuống đầu, đừng nhúng mũi vào việc người khác; tiếp đến cái lắc đầu, vì còn biết làm gì với cô đây? Bao giờ cô mới tập để yên những thứ không phải việc mình?

Dưới nhà đồng hồ ngắt từng phút. Nhiều giọng nói ngoài hành lang, tiếng giày nhíp vội vã hối hả. Đây là chốn vào chóng ra nhanh. Cô nằm mở mắt bên anh, lắng nghe anh ngủ, tự hỏi anh đã phiêu dạt đến bờ bến nào. Lại thêm suy tính nên cho anh biết đến đâu - có nên cho anh biết mọi việc đã xảy ra. Nếu anh muốn cô ra đi cùng anh, cô sẽ phải kể. Còn nếu không thì tốt nhất có lẽ không. Hoặc là chưa.

Khi thức dậy anh đòi một ngụm nữa, rồi một điếu thuốc.

Em nghĩ chúng mình không nên, cô nói. Không nên hút trên giường. Chúng mình sẽ bắt lửa. Sẽ cháy mất.

Anh không nói gì.

Ở đó thế nào? cô hỏi. Em có đọc báo, nhưng cũng không phải như thật.

Không, anh nói. Không phải.

Em lo điên lên là anh sẽ bị giết.

Suýt nữa thì có, anh nói. Buồn cười ở chỗ, ở đó rất tởm nhưng dần dà cũng quen, còn bây giờ thì anh không thể quen được ở đây. Em có lên cân tí chút.

Ô, em béo quá à?

Không. Như thế tốt hơn. Có chỗ bầu vú.

Giờ đã tối mịt. Từ dưới cửa sổ, nơi phòng giải khát đồ người ra phố, từng chập vọng lên tiếng hát lạc điệu, tiếng thét, tiếng cười; rồi tiếng thủy tinh vỡ xoảng. Có người vừa đập chai rượu. Tiếng đàn bà rú lên.

Ăn mừng quá đã.

Họ ăn mừng cái gì thế?

Chiến tranh.

Nhưng đâu có chiến tranh nữa. Tất cả kết thúc rồi.

Chúng nó ăn mừng cuộc chiến sắp tới, anh nói. Đang trên đường đến. Ở đảo nguyên tiên giới trên kia thì ai cũng chối đây đây, nhưng dưới đất bùn này thì người là thấy. Đã luyện tập xong, đã bắn Tây Ban Nha nát như tương bần rồi, bọn kia sẽ bắt tay vào công chuyện chính sớm thôi. Cũng như sấm

r ền đ ằng xa ấy, chúng nó nghe thấy nên h ớn r ồng người. Đ ập chai lọ là vì vậy. Chúng nó muốn xuất phát sớm.

Không có đâu, cô nói. Không thể lại có chiến tranh nữa. Người ta đã ký bao nhiêu hiệp định còn gì.

Bình yên đến với thời chúng ta^[35], anh khinh bỉ nói. B ố lão b ố toét. Chúng nó chỉ c ần cho Xít Đ ỏ và Hít L ơ xé banh xác nhau ra, nướng chả luôn tại Do Thái thì càng tốt, trong lúc chúng nó ng ửi mát thu bát vàng.

Anh vẫn độc miệng như mọi khi.

Em vẫn ngu ngơ như thế.

Không hẳn thế, cô nói. Thôi đừng tranh cãi nữa. Việc ấy không đến tay chúng ta. Nhưng thế này đúng với anh hơn, giống anh ngày xưa hơn, và cô cảm thấy tương đối bình tâm.

Phải, anh nói. Em nói đúng. Không đến tay chúng ta. Ta chỉ là con cá bé.

Nhưng anh vẫn sẽ đi, cô nói. Nếu lại bắt đầu. Dù anh có là cá bé.

Anh nhìn cô. Anh còn làm được gì hơn?

Anh không hiểu tại sao cô lại khóc. Cô đã cố kìm. Em chỉ ước anh bị thương, cô nói. Nếu thế anh sẽ phải ở lại đây.

Và như thế sẽ lợi cho em lắm đấy, anh nói. Lại đây nào.

Khi trở ra, cô g ần như chẳng thấy đường. Cô đi bộ một mình một lúc, để bình tĩnh lại, nhưng trời quá tối và vỉa hè quá nhiều đèn ông, nên cô bắt tắc xi về Ng ửi băng ghế sau, cô quệt lại son, thoa lại phấn. Khi xe đỗ, cô lục trong ví, trả ti ền tắc xi, chạy lên thềm đá và đi qua cửa vào dưới mái vòm, r ồi khép cánh cửa gỗ s ồi dày. Trong đầu cô đang nhẩm lại: *Xin lỗi em về muộn, nhưng mọi người chẳng tin được chuyện gì đã xảy ra đâu! Em vừa có chuyến phiêu lưu nho nhỏ.*

TAY SÁT THỦ MÙ: RÈM CỬA MÀU VÀNG

Chiến tranh mò đến từ đâu? Nó tự hình lại cách nào? Đây là chất liệu làm nên nó? Những bí mật, lọc lừa, phản bội? Những yêu và ghét? Những món tiền, những kim khí nào?

Hy vọng dựng lên màn khói. Khói xông vào mắt nên chẳng ai biết mà đề phòng, và thành linh kìa nó ngay bên, như đồng lửa trại chọt bùng lên mắt kiểm soát - như án mạng, chỉ có đi đầu nhân lên ngàn vạn. Rừng rực lan xa.

Chiến tranh diễn ra trong hai màu đen trắng. Ấy là với những kẻ đứng ngoài. Với những kẻ trong cuộc thì có rất nhiều màu, những màu quá quắt, quá rực, quá đỏ và cam, quá ướt và chói lọi, nhưng với người ngoài nó có dáng dấp một cuốn phim thời sự - lạo xạo, nhòe nhoẹt, tiếng động dội lên ngắt quãng, vô số người da xám ào lên hay lê bước hay ngã xuống, nhưng đâu không ở đây.

Cô đi xem phim thời sự, trong rạp chiếu bóng. Cô đọc báo. Cô hiểu mình chỉ trông chờ vào sự nhân từ của số mệnh, mà đến giờ cô đã hiểu số mệnh không biết nhân từ.

Cô đã định tâm rồi. Cô sẽ kiên quyết, cô sẽ hy sinh mọi thứ, mọi người. Không có gì, không có ai cản đường cô được nữa.

Cô sẽ làm thế này. Cô đã tính hết mọi nhẽ. Cô sẽ đi khỏi nhà một hôm nào đó như mọi ngày khác. Cô sẽ có tiền, một khoản từ đâu đó. Đây là phần còn mơ hồ, nhưng chắc chắn phải có cách gì đấy. Thường người ta sẽ làm gì? Người ta đến tiệm cầm đồ, và cô cũng sẽ làm như họ. Cô sẽ đi cầm các thứ đồ để có tiền: đồng hồ vàng, thìa bạc, áo lông. Những thứ linh tinh lật vặt. Cô lấy đi ít một là chẳng ai nhận ra.

Sẽ không đủ tiền đâu nhưng sẽ phải coi là đủ. Cô sẽ thuê một căn phòng, rẻ thôi nhưng không lụp xụp quá - quét một lượt sơn là sẽ tươi tắn lại. Cô sẽ viết thư nói mình không quay về đâu. Họ sẽ cử đại biểu tới, đại sứ thiện chí, rồi thì luật sư, họ sẽ đe dọa, sẽ ra lệnh trừng phạt, cô sẽ sống trong

thấp thỏm, nhưng cô sẽ vững vàng. Cô sẽ chặt hết mọi cây còi cọc dẫn đến anh, dù cây còi ấy thật là ẻo lả. *Anh sẽ về*, anh nói, nhưng làm sao anh biết được? Đi đâu như thế chẳng ai dám chắc.

Cô sẽ sống bằng táo và bánh quy, bằng những tách trà và cốc sữa. Bằng đậu nướng và thịt bò muối hộp. Bằng trứng rán khi nào có, và những lát bánh mì nướng, cô sẽ ăn ở quán cà phê góc phố các cậu nhỏ đưa báo và đám lưu linh sáng sớm vẫn ăn. Các cựu chiến binh cũng sẽ ăn ở đây, càng lúc càng đông qua từng tháng: những người thiếu bàn tay, cánh tay, cẳng chân, tai, mắt. Cô sẽ thêm được nói chuyện với họ, nhưng sẽ không nói bởi sự chú ý của cô chắc chắn sẽ bị hiểu lầm. Thân thể cô, như thường lệ, sẽ là vật cản đường tự do ngôn luận. Vì thế cô sẽ chỉ im lặng hóng.

Câu chuyện trong quán sẽ xoay quanh kết cuộc của chiến tranh, mà ai cũng bảo sắp rồi. Chỉ còn là sớm hay muộn nữa thôi, họ bảo, rồi sẽ thu dọn chiến trường và bọn trẻ sẽ về nhà. Những người nói thế chẳng ai quen biết nhau, nhưng họ vẫn sẽ bảo nhau như vậy, bởi viễn cảnh thắng lợi khiến ai cũng đều nhạy miệng. Không khí sẽ khác, nửa lạc quan, nửa hãi sợ. Tàu có thể về cảng bất cứ ngày nào, nhưng chờ về những gì thì ai biết được?

Cô sẽ sống ở căn hộ tầng trên một cửa hàng thực phẩm, có ngăn bếp con và công trình phụ nhỏ. Cô sẽ trồng một chậu cây - thu hải đường, hay dương xỉ cũng được. Cô sẽ nhớ tưới cây thường xuyên, không để nó chết. Chủ cửa hàng dưới nhà sẽ là một bà tóc đen, mập mạp, hiền hậu, bà sẽ bảo sao cô gầy ốm thế và khuyên cô ăn uống mạnh vào, và chỉ bảo cô phải làm gì khi viêm phế quản. Có thể bà sẽ là người Hy Lạp; Hy Lạp hoặc tựa tựa thế, đôi tay vạm vỡ và tóc rẽ ngôi giữa, túm thành búi sau đầu. Chồng và con trai bà đều ở ngoại quốc; bà sẽ để ảnh họ, đóng khung gỗ sơn, tô màu bằng tay, ngay bên máy tính tiền.

Cả hai người - cô và bà ấy - sẽ chủ yếu dành thời gian nghe ngóng: ngóng tiếng bước chân, tiếng chuông điện thoại, tiếng gõ vào cửa. Khó mà ngủ yên trong hoàn cảnh ấy: họ sẽ chia sẻ các cách chữa mất ngủ. Đôi lúc bà sẽ dúm vào tay cô quả táo, hay miếng kẹo xanh lè trong cái âu thủy tinh trên quầy. Những món quà ấy sẽ khiến cô ấm lòng hơn nhiều so với giá tiền rẻ mạt chúng có thể mang lại.

Làm sao anh biết phải đến đâu giành lại cô? Vì mọi cây cầu đã chặt. Nhưng anh sẽ biết. Bằng cách nào đó anh sẽ tìm ra, bởi hành trình hết khi người yêu hội ngộ. Nên như thế. Phải như thế.

Cô sẽ may rèm cho cửa sổ, rèm cửa màu vàng, như lông chim hoàng yến hay lòng đỏ trứng. Cánh rèm hờn hởi, như ánh mặt trời. Cô không biết may nhưng thế cũng chẳng sao, vì bà ở dưới nhà sẽ giúp. Cô sẽ hồ cững cái rèm rồi treo lên. Cô sẽ quỳ trên sàn cặm phất trần phẩy sạch phân chuột và ruồi chết dưới bồn rửa bếp. Cô sẽ sơn lại một bộ hồ đồ không bắt được trong cửa hàng đồ cũ, rồi tô lên trên: Trà, Cà phê, Đường, Bột. Cô sẽ vừa làm vừa khe khẽ hát. Cô sẽ mua khăn tắm mới, nguyên một bộ khăn tắm mới luôn. Cả ga giường nữa, cái này quan trọng, và vỏ gối nữa. Cô sẽ chải đầu thật nhều.

Những chuyện vui vui cô sẽ làm như thế, trong những ngày đợi anh.

Cô sẽ mua máy thu thanh, một cái bé xíu rẻ tiền mua lại từ hiệu cặm đồ cô sẽ nghe bản tin, để bắt kịp tình hình thời sự. Cô cũng sẽ lắp điện thoại nữa: điện thoại về lâu về dài sẽ cặm, dù sẽ chẳng ai gọi cho cô cả, bây giờ thì chưa. Thỉnh thoảng cô sẽ nhấc máy chỉ để nghe tiếng rừ rừ. Cũng có thể sẽ có tiếng người, trò chuyện với nhau trên đường dây chung^[36]. Chủ yếu sẽ là đàn bà, chia nhau từng tiểu tiết về bữa ăn và thời tiết và hàng hạ giá và con cái, và về những đàn ông không ở đây.

Những chuyện đó không cái nào xảy ra, tất nhiên. Hoặc là chúng có xảy ra, nhưng không phải như người ta thấy được. Chúng xảy ra trong một chiều không gian khác.

TAY SÁT THỦ MÙ: BỨC ĐIỆN

Bức điện được giao như thường lệ, từ tay một người vận đờng phục đen nhìn khuôn mặt đã không thấy tin tức gì tốt lành. Khi lựa người cho việc ấy họ đã được dạy cái vẻ mặt này, xa xăm nhưng rầu rĩ, như tiếng chuông trầm rỗng rên. Vẻ mặt đóng nắp quan tài.

Bức điện nằm trong phong bì vàng tro ô bóng kính, nó nói cùng một điều như các bức điện khác họ hàng với nó - những lời lẽ xa cách, như vắng đến từ một kẻ lạ mặt, một kẻ đột nhập, đứng tít đầu kia căn phòng dài trống không. Chỉ có vài chữ, nhưng chữ nào cũng hẳn rõ: *thông báo, mất mát, thương tiếc*. Những chữ thận trọng, trung tính, đằng sau là câu hỏi ngầm: *Thế người còn muốn gì?*

Thế này là sao? Người này là ai? Cô nói. À. Nhớ ra rồi. Là anh ta. Cái người đó. Nhưng sao lại gửi cho em? Em đâu có phải là người thân gần nhất!

Người thân à? một trong hai hồi. Hẳn có ư? Đây chủ định là một câu dí dỏm.

Cô cười lớn. Chẳng liên quan gì đến em. Cô vò nát bức điện, mà cô đoán chắc họ đã đọc trộm trước khi chuyển cho cô. Họ đọc hết thư từ: cái đó là dĩ nhiên. Cô ng ầu xuống, hơi quá gấp gáp. Em xin lỗi, cô nói. Tự dưng em thấy hơi vụng vất.

Này đây. Cái này sẽ làm em h ầu lại. Uống hết đi, hiệu nghiệm lắm.

Cảm ơn. Chẳng liên quan gì đến em, nhưng vẫn đột ngột quá. Cứ như có kẻ vừa bước qua mộ mình ấy. Cô rùng mình.

Bình tĩnh đi. Em tái nhợt kìa. Đừng nghĩ là do mình.

Có khi là gửi nhầm. Có khi người ta lẫn địa chỉ.

Cũng có thể. Hoặc có thể là trò của hắn. Có thể hắn coi đây là trò cười. Hắn ta vốn đã gàn gàn dở dở, như tôi nhớ.

Gàn dở hơn chúng ta tưởng. Làm chuyện láo toét gớm guộc hết sức! Giá thử hắn ta còn sống em có thể kiện ra tòa tội chơi khăm.

Có thể hắn ta muốn em áy náy. Cái giống ấy thì hay thế lắm. Ganh ghét thôi, cả lũ bọn chúng. Chó què giữ xương. Đừng lấy thế làm phiền lòng.

Dù sao thì làm thế cũng không tử tế chút nào, dù có gì đi nữa.

Tử tế à? Sao lại phải tử tế? Hắn chưa bao giờ có thể coi là *tử tế*.

Em nghĩ có lẽ em nên viết thư cho sĩ quan chỉ huy. Yêu cầu giải thích.

Ông ta thì làm sao biết được? Chẳng phải là ông ta đâu, mà là tay thư ký nào đó phụ trách việc này thôi. Họ chỉ dựa vào thông tin trong hồ sơ. Ông ta sẽ nói đây là trục trặc kỹ thuật, mà cũng chẳng phải lần đầu, theo những gì tôi nghe được.

Dù sao đi nữa thì làm rộn lên cũng chẳng nên. Chỉ khiến người ta để ý, mà có làm gì cũng chẳng biết được tại sao hắn ta làm thế.

Trừ phi người chết sống dậy. Mắt họ sáng quắc, bốn mắt chĩa vào cô, sắc bén. Họ sợ cái gì? Họ sợ cô sẽ làm gì?

Em mong mọi người đừng nhắc đến chữ đó, cô nói bứt rứt.

Chữ gì? À. Ý cô ấy là chữ *chết*. Cái mai thì cứ gọi là cái mai thôi. Nói tránh đi được gì. Em đừng quá...

Em không thích mai. Em không thích cái chức năng của nó - chỉ đào lỗ trên mặt đất.

Đừng suy nghĩ bệnh hoạn.

Cho cô ấy cái khăn tay. Bây giờ không phải lúc dỗi cô ấy. Cô ấy cần lên lầu, nghỉ ngơi một chút. Rồi cô ấy sẽ tươi như ông mặt trời lại thôi.

Đừng lấy đó làm ưu phiền.

Đừng ngấm ngợi nhiều quá.

Quên nó đi.

TAY SÁT THỦ MÙ: NGÀY TÀN CỦA SAKIEL-NORN

Nửa đêm cô tỉnh dậy thình lình, tim đập như trống trận. Cô lén ra khỏi giường và lảng lạng đến bên cửa sổ, đẩy khung kính lên chầm người ngó ra. Kia là trăng, đã gần tròn, mặt chằng chéo những vết sẹo cũ, dưới là ánh sáng cam nhạt vây tứ phía từ các đèn đường hắt ngược lên trời. Bên dưới là vỉa hè, vằn vện những mảng bóng và lấp một phần dưới tán cây dẻ ở sân trước, cành lá xõa ra như cái lưới cứng dày, hoa trăng như mối sáng lấp ló.

Có người đứng đó, ngẩng nhìn lên. Cô nhìn thấy đôi lông mày rậm, hố mắt trũng sâu, nụ cười trắng xẹt ngang khuôn mặt dài. Đường chữ V dưới họng mở ra vết trắng trắng: cái áo sơ mi. Người đó cất tay lên, làm hiệu: người đó muốn cô theo - tụt ra ngoài cửa sổ, bám vào cây leo xuống. Nhưng cô sợ. Cô sợ mình sẽ ngã.

Giờ người đó đã lên bậu cửa phía ngoài, giờ đã ở trong phòng. Hoa dẻ cháy bùng bùng: ánh sáng trắng soi cho cô rõ khuôn mặt anh, màu da xám xám, lạo xạo; lại hai chi ều, như trong ảnh, nhưng nhoẹt nhòe. Thoảng mùi thịt nướng cháy khét. Anh không nhìn cô, không hẳn nhìn cô; cứ như cô chỉ là cái bóng của mình còn anh đang nhìn cái bóng. Nhìn nơi lẽ ra là mắt cô nếu cái bóng biết nhìn.

Cô mong mỗi chạm vào anh, nhưng ngần ngại: chắc chắn nếu cô định ôm anh vào lòng anh sẽ nhòa đi, sẽ tan ra, thành những vụn vãi, thành khối, thành phân tử, thành nguyên tử. Tay cô sẽ xuyên qua anh.

Anh nói anh sẽ về mà.

Anh đã gặp phải chuyện gì? Có chuyện gì thế?

Em không biết ư?

Rồi họ đã ra đến ngoài, hình như là trên mái, nhìn xuống thành phố bên dưới, nhưng không phải thành phố nào cô từng biết. Cứ như có quả bom

lớn đã rơi xuống đó, tất cả chìm trong lửa, khắp nơi đều bốc cháy bùng bùng - nhà cửa, phố xá, cung đình, đài nước, điện thờ - nổ bùng, tung tóe như pháo hoa. Không một tiếng động. Đám cháy diễn ra lặng lẽ, như một bức tranh - trắng, vàng, đỏ và cam. Không có tiếng thét. Không một bóng người; người chắc chết cả rồi. Bên cô, anh chấp chờn trong ánh chấp chờn của lửa.

Chẳng còn lại gì cả, anh nói. Một đồng đá nát, một nắm từ cổ. Đã mất hết rồi, đã xóa sạch rồi. Sẽ không ai còn nhớ.

Nhưng xưa nó đẹp biết bao! cô nói. Bây giờ cô thấy đó như một nơi quen thuộc; cô đã thuộc lâu lâu, cô đã nắm từng góc ngách. Trên trời đã mọc lên ba mặt trăng. Zycron, cô nghĩ. Hành tinh yêu dấu, miền đất nhớ thương. Nơi ngày xưa, từ lâu lắm, mình từng hạnh phúc. Tất cả đã mất, đã tuyệt diệt rồi. Cô không thể cầm lòng nhìn biển lửa.

Đẹp với một số người thôi, anh nói. Vấn đề lúc nào cũng là ở đó.

Cái gì xảy ra thế? Ai gây ra chuyện này?

Mụ già đó.

Cái gì?

L'histoire, cette vieille dame exaltée et menteuse.

Anh phát sáng như thiếc. Mắt anh là hai khe hẹp. Anh không phải như cô còn nhớ. Tất cả những gì riêng biệt làm nên anh đã cháy kiệt. Chẳng sao đâu, anh nói. Người ta sẽ xây lên lại thôi. Bao giờ chả vậy.

Bây giờ thì cô đâm ra sợ anh. Anh thay đổi quá, cô nói.

Tình hình hết sức nguy cấp. Chúng anh phải lấy lửa chọi lửa. Nhưng anh đã thắng. Em biết anh thắng mà!

Chẳng ai thắng cả.

Cô nhàn lẫn gì chẳng? Có tin chiến thắng mà. Có điều hành nữa, cô nói.
Em nghe tin mà. Có cả đội kèn nữa.

Nhìn anh đây, anh nói.

Nhưng cô không nhìn được. Cô không chú mục được vào anh, anh không chịu đứng yên. Anh bất định, anh rung rẩy, như ngọn lửa đầu nến mà không phát sáng. Cô không nhìn thấy mắt anh.

Anh chết rồi, tất nhiên. Tất nhiên là anh chết rồi, cô chẳng đã nhận bức điện đó sao? Nhưng đây chỉ là hư cấu thôi mà, mọi chuyện ở đây. Đây chỉ là một chiều không gian khác. Thế tại sao phải tang tóc thế này?

Bây giờ anh đang quay mình đi, và cô không thể gọi với theo, hòng cô không phát ra nổi tiếng nào. Giờ anh đã đi rồi.

Cô thấy như ai bóp nghẹt trái tim mình. *Không, không, không, không*, có giọng nói cất lên trong đầu cô. Nước mắt chảy dài trên má.

Và đến đấy thì cô tỉnh dậy thực sự.

GĂNG TAY

Hôm nay trời mưa, thứ mưa đầu tháng Tư dề dặt buồn xỉn. Chưa chi hoa hành biển xanh đã bắt đầu xòe cánh, hoa thủy tiên đã nhú búp lên khỏi đất, hoa lưu ly không trỗi mà mọc đã bò lên, sẵn sàng ngẫu nhiên ánh ngày. Lại bắt đầu - một năm cây cỏ chen vai thích cánh. Chúng hình như không biết chán - cây cối không có trí nhớ, đấy là lý do. Chúng không nhớ nỗi mình đã chơi trò này đến lần thứ bao nhiêu rồi.

Phải thừa nhận tôi có ngạc nhiên là mình vẫn còn đây, vẫn còn đang nói chuyện cùng người đọc. Tôi thích coi đây là nói chuyện, dù tất nhiên không phải thế: tôi chẳng nói gì, người chẳng nghe gì. Thứ duy nhất nối giữa chúng ta là đường chỉ đen này: một sợi chỉ ném lên trang giấy trắng, ném vào không khí trắng.

Băng mùa đông ở Hẻm Louveteau tan gần hết rồi, kể cả trong những kẽ nứt vắng mặt trời cắt vào vách đá. Nước sông đen rồi trắng rừng rừng đổ xuống giữa những miệng vực đá vôi, ào qua các tảng đá lớn, thản nhiên như mọi khi. Tiếng nước cuồn cuộn bạo, nhưng cũng vỗ về mời gọi nữa là khác. Có thể hiểu vì sao người ta bị cuốn về phía nó. Về phía thác xiết, vách cao, về sa mạc và hồ sâu - về những chốn không đường trở lại.

Năm nay đến giờ mới có một xác chìm sông, một cô gái trẻ say thuốc người Toronto. Thêm một cô nàng vội vã. Thêm thời gian bỏ phí, của chính cô ta. Cô có họ hàng trong thị trấn, một bà dì, một ông chú. Mới đó họ đã phải chịu đựng những cái liếc xéo, cứ như lỗi phần nào tại họ; mới đó họ đã khoác thái độ tự vệ, giận dữ của những kẻ biết mình vô tội. Tôi chắc là họ không tội tình gì, nhưng họ còn sống, và ai còn sống thì tội tình đổ lên đầu người ấy. Đây là quy luật trong những việc này. Bất công thật, nhưng mà thế đấy.

Sáng hôm qua Walter ghé đến, vì cuộc tổng đại tu mùa xuân. Đây là mỹ danh cậu ta dùng chỉ công cuộc sửa sang nhà cửa cậu ta lao vào hàng năm, thay mặt tôi. Cậu ta mang theo hộp dụng cụ, cái cửa tay chạy điện, cái tuốc nơ vít điện: cậu ta khoái nhất là được kêu rì rì như một bộ phận động cơ.

Cậu ta xếp tất cả dụng cụ trên hiên sau nhà, rồi huỳnh huych đi một vòng quanh sân. Khi trở lại trông cậu ta hết sức mãn nguyện. “Cổng vườn mất một thanh gỗ,” cậu ta nói. “Hôm nay thì cháu đóng cô ả vào được, khi nào trời tạnh sẽ sơn.”

“Thôi đừng mất công,” tôi nói, năm nào cũng thế. “Nhà đồ đến nơi rồi, nhưng vẫn sẽ trụ lâu hơn tôi.”

Walter mặc kệ tôi, như thường lệ. “Thiền trước nữa,” cậu ta tiếp. “Phải sơn lại. Một bậc sắp long ra rồi - phải đóng lại cô ả thôi. Bà cứ bỏ bê lâu quá, nước sẽ vào rồi mục ra đấy. Mà cũng có thể nhuộm sẫm, cái hiên ấy, gỗ sẽ chắc hơn. Ta có thể gắn thêm một dải màu khác dọc mép bậc, để người ta nhìn rõ hơn. Cứ thế này người ta có thể bước hụt và bị thương đấy.” Cậu ta nói *ta* cho lẽ độ, còn *người ta* là ý chỉ tôi. “Đến chiều là cháu đóng bậc mới được.”

“Cậu sẽ ướt hết thôi,” tôi nói. “Dự báo nói còn tiếp tục nữa.”

“Không sao, sẽ chóng quang thôi.” Cậu ta còn không thèm nhìn lên trời.

Walter bỏ đi kiếm mấy thứ cần dùng - dấm tắm ván, tôi đoán thế - còn tôi dành thời gian chờ đợi nằm dài trên xô pha phòng khách, như vai nữ chính sương khói trong tiểu thuyết, bị bỏ quên trong trang sách của chính mình, cho vàng đi, mốc lên, vụn ra như chính quyển sách.

Ví von gì mà bệnh hoạn, Myra chắc sẽ bảo thế.

Vậy cô muốn thay bằng gì? tôi sẽ đáp.

Thực chất là vì tim tôi lại đang bày trò rồi. *Bày trò*, một từ kỳ cục. Người ta nói thế để giảm nhẹ tình trạng nguy ngập của mình. Hàm ý là cái cơ quan quấy đảo (tim, dạ dày, gan, gì cũng được) là một đứa lỏi ranh ương bướng, chỉ cần bộp tai hay nặng lời là sẽ đưa vào khuôn phép. Hàm ý nữa là những triệu chứng này - những cơn run và đau quặn, những mạch đập dồn - chỉ là trò diễn, và rằng cái cơ quan kia sẽ sớm thôi múa may vùng giỡn sân khấu mà trở lại sự tĩnh tại bình lặng sau hậu trường.

Bác sĩ thì không hài lòng. Anh ta không ngớt lèm bèm đòi xét nghiệm, đòi chụp, đòi đến Toronto, nơi cấm dùi của các bác sĩ chuyên khoa, số ít ỏi còn lại chưa chuồn đến những miền mờ mịt hơn. Anh ta đã lại đổi thuốc cho tôi, bổ sung thêm kho vũ khí. Anh ta còn nói gần nói xa đến chuyện phẫu thuật. Sẽ phải làm gì, tôi hỏi, và sẽ đạt được gì? Cái đầu thì nhiều quá, câu trả lời là thế, còn cái sau lại ít quá. Nhận định của anh ta là chỉ có lắp đặt một cỗ máy hoàn toàn - đấy là cách nói của anh ta, cứ như đang bàn chuyện sắm máy rửa bát - mới có tác dụng. Chưa kể tôi sẽ phải xếp hàng, đợi cho được cỗ máy của một người khác, một người không cần đến nữa. Vứt cái uyển ngữ đi mà nói thì là quả tim một người khác, vớt ra từ lồng ngực trẻ: đâu có ai muốn lắp vào một thứ khô kiệt lấy bấy y như cái sắp quăng đi. Người ta cần một món tươi mới ngon nghẻ.

Nhưng ai biết những món ấy lấy từ đâu? Trẻ bụi đời Nam Mỹ là giả thiết của tôi; đấy là nếu nghe những lời đồn thuộc hàng rồ dại. Tim đánh cắp, tim chợ đen, vớt ngoéo ra giữa những xương sườn bẻ gãy, vẫn còn ấm rùng rùng máu, dâng lên những thần linh giả. Ai là những thần linh giả? Chính chúng ta. Chúng ta cùng tiền bạc của chúng ta. Laura ắt sẽ nói thế. *Đừng sờ vào tiền đó*, Reenie vẫn nói. *Ai biết được nó đã qua tay ai.*

Tôi có sống được với mình không, nếu biết mình mang trong ngực trái tim một đứa nhỏ đã chết?

Nhưng nếu không, phải làm sao?

Đừng nhàn tưởng cơn lải nhải ức chế này là phép khắc kỷ. Tôi vẫn uống thuốc, vẫn đi bộ những chặng ngập ngừng, nhưng chẳng gì có thể chữa cho tôi nỗi sợ.

Sau bữa trưa - lát pho mát cứng, cốc sữa đáng ngờ, củ cà rốt nhẽo, Myra tuần này đã lo là nhiệm vụ tự phong là tiếp tế cho tủ lạnh nhà tôi - Walter quay lại. Cậu ta đo, rưỡi cửa, rưỡi giáng búa, rưỡi gõ vào cửa sau nói xin lỗi đã làm ồn nhưng bây giờ mọi thứ đều như ý cả rồi.

“Tôi có pha cà phê cho cậu đấy,” tôi nói. Đây là tục lệ trong những cuộc viếng thăm tháng Tư. Lần này tôi có rang khét không? Cũng chẳng sao. Cậu ta quen uống của Myra rồi.

“Cháu không chê đâu.” Cậu ta cẩn thận tháo ủng cao su đặt ngoài hiên - Myra đã huấn luyện chu đáo, cậu ta không được phép để dính *đất của anh* lên *thảm của em* - rồi rón rén nhón đôi tất sù sụ đi ngang sàn bếp; may nhờ công cuộc chà rửa đánh bóng hăng hái của bà nào đó Myra đưa đến, sàn bây giờ trơn nhẵn tai ác như mặt băng hà. Ngày xưa trên sàn có một lớp dính khá hữu ích, muối mỡ tích lại trong nhiều năm thành một thứ keo mỏng, nhưng giờ hết rồi. Đúng là tôi nên kiếm cát mà rắc, kéo không sẽ trượt ngã đập xương.

Ngắm Walter bước đi rón rén đến là sướng mắt - một con voi khiêu vũ trên băng. Cậu ta đến chỗ bàn bếp, đặt đôi găng bảo hộ vàng bằng da xuống bàn, chúng nằm đó như đôi móng vuốt khổng lồ thừa ra.

“Găng mới,” tôi nói. Mới đến nổi nhìn như tỏa sáng. Cũng chưa một vết trầy.

“Myra kiếm đấy. Một thằng cách đây ba phố, bị cửa lượn xén mất các đầu ngón tay và nó sốt sình sịch lên, sợ cháu cũng sắp thế hoặc nặng hơn. Nhưng thằng đó vốn óc bả đậu, người Toronto về đây, nói bỏ quá chứ không nên cho phép hấn sờ tay vào cửa, lại chẳng cửa beng đầu đi ấy chứ, mà thế cũng chẳng thiệt gì cho đời. Cháu bảo nó, phải là đầu đất bùn sinh thì mới làm được quả như thế, mà đằng nào cháu cũng đâu có cửa lượn. Nhưng nó vẫn bắt cháu vác cái của này đi khắp nơi. Cứ thò chân ra khỏi cửa là Ầu, găng của anh này.”

“Cậu vẫn đánh mất được mà,” tôi nói.

“Nó sẽ mua mới thôi,” cậu ta ủ rũ nói.

“Cứ để lại đây. Nói là cậu để quên và sẽ quay lại lấy sau. Rồi thì đừng lấy.” Tôi thoáng thấy bóng mình, trong những đêm cô lẻ, ôm một trong hai bàn tay da bỏ không của Walter: cũng là một thứ bạn bầu. Quá thảm. Có lẽ tôi nên mua một con mèo, hay chó cún gì đó. Ấm áp, xù lông, không chỉ trích - một đồng loại sinh vật, thay tôi canh gác ban đêm. Chúng ta cần bầu đoàn thú có vú: cô độc quá lâu có hại cho thị lực. Nhưng nếu để một thứ như thế trong nhà nhiều khả năng tôi sẽ vấp phải nó ngã gãy cổ.

Miệng Walter giật giật, hàm răng trên lộ đầu ra: đấy là cậu ta cười. “Tur tưởng lớn gặp nhau h ề?” cậu ta nói. “R ồi bà có thể quẳng thứ quý tha đó vào đồng rác, tình cờ có chủ ý.”

“Cậu đúng là thằng đều, Walter ạ,” tôi nói. Walter càng toét miệng cười, xúc thêm năm thìa đường nữa vào cà phê, nốc một hơi, rồi đặt cả hai tay xuống bàn bầy người lên, như tháp bia được chằng dây dựng đứng. Qua cử chỉ đó tôi chợt ngộ ra hành động cuối cùng của cậu ta, đối với tôi: cậu ta sẽ nhắc một đầu quan tài.

Cậu ta cũng hiểu. Cậu ta đang chờ. Cậu ta khéo léo tay chân không phải là không có ích. Cậu ta sẽ không gây chộn rộn, cậu ta sẽ không đánh rơi tôi, cậu ta sẽ đảm bảo cho tôi di chuyển nằm ngang, thẳng thớm, an toàn trong chuyến đi ngắn ngủi cuối cùng. “Bà lên nào,” cậu ta sẽ nói. Và tôi sẽ lên.

Bi lụy quá. Tôi biết; lại còn ủy mị nữa. Nhưng xin hãy chịu đựng tôi. Người sắp chết đáng được nuông chiều, như trẻ con ngày sinh nhật.

LỬA NHÀ MÌNH

Đêm qua tôi xem thời sự trên truyền hình. Lẽ ra không nên, rất có hại cho tiêu hóa. Lại có chiến tranh ở đâu đó, họ gọi là chiến tranh quy mô nhỏ, dù tất nhiên những ai bỗng dưng mắc kẹt giữa trận chiến thì chẳng hề thấy nhỏ. Trông chúng đều hao hao giống nhau, mọi cuộc chiến loại đó - người ăn mặc nguy trang, bịt khăn che kín mũi miệng, khói bụi lừng lờ, nhà bị moi ruột, dân thường đồ sụp khóc lóc. Vô số bà mẹ bế vô số trẻ con thân mình mền rũ, mặt lấm chấm máu; vô số ông già ngác ngơ. Trai trẻ thì bị lôi đi giết nơi khác, ngăn ngừa hậu họa, như người Hy Lạp đã làm khi đánh thành Troy. Hitler cũng lấy cớ đó giết trẻ con Do Thái, theo tôi nhớ.

Chiến tranh theo nhau nổ ra rồi tàn đi, nhưng rồi lại bùng lên nơi khác. Nhà nứt toác như trứng vỡ, mọi thứ bên trong bị châm lửa hay cướp phá hay thù địch giẫm cho nát bét; dân tỵ nạn rúm mình hứng đạn máy bay. Trong một triệu nhà hắt hắt những gương mặt hoàng tộc đứng ngơ ngác trước đội hành quyết; châu báu khâu vào áo ngực cũng chẳng chuộc được mạng này. Đoàn quân Herod đi qua một ngàn khu phố; nhà bên kia Napoleon vừa lột hết thìa nĩa bạc. Buổi sáng sau cuộc tiến quân - cuộc nào cũng như cuộc nào - cồng rãnh tắc nghẽn đàn bà bị hiếp. Nói công bằng thì cả đàn ông. Trẻ con bị hiếp, chó mèo bị hiếp. Tình hình đôi khi cũng mất kiểm soát.

Nhưng ở đây thì không; cái xô hẻo lánh êm đềm và buồn chán này thì không; ở Cảng Ticonderoga chỉ có một hai đứa dật dẹo trong công viên, đôi vụ trộm vào nhà, dẫm cái xác trôi trong xoáy nước. Chúng ta ăn nấu ở đây, uống nước trước giờ đi ngủ, ăn quà vặt giờ đi ngủ, lơ mơ nhìn thế giới như quan sát qua cửa sổ bí mật, và đến khi ngáy thì ta tắt đi. *Thế kỷ hai mươi thế đấy*, chúng ta vừa nói vừa leo lên lầu. Nhưng có tiếng gầm lớn đằng xa, như sóng thủy triều đang lao về bờ biển. Thế kỷ hai một đến, lừng lững trên đầu, như cái phi thuyền không gian bụng chứa đầy những kẻ mất thần lẫn bất nhẫn ngoài hành tinh hay con khủng long bay bằng sắt. Chẳng mấy chốc nó sẽ đánh hơi ra chúng ta, sẽ giờ vượt sắt quào tốc mái những hang thỏ mong manh ta trú ẩn, phơi ta ra trụi trần run rẩy, ốm đau đói khát và tuyệt vọng như cả loài người.

Bỏ quá cho màn trữ tình lạc đề của tôi. Đến tuổi tôi người ta thích vui mình trong những viên ánh mặt trời kiêu đó. Người ta bảo, *Ngày tận thế đến nơi rồi*. Người ta tự dối mình - *Thật may mình không còn ở lại mà nhìn cảnh đó* - dù thực tế người ta chẳng mong gì hơn thế, miễn là có thể xem qua khung cửa sổ nhỏ bí mật, miễn là không liên lụy.

Nhưng bận tâm về ngày tận thế mà làm gì? Mỗi ngày đều là ngày tận thế, với một ai kia. Thời gian cứ không ngừng dâng lên, khi dâng tới mắt thì ta chìm ngấm.

Rồi tới chuyện gì tiếp theo? Tôi đánh mất mạch kể mất một lúc, nhớ lại thật khó, nhưng rồi cũng nhớ. Tới chiến tranh, tất nhiên. Chúng tôi không biết mà đề phòng, nhưng mặt khác chúng tôi lại biết mình đã từng trải qua chuyện ấy. Cũng cái lạnh buốt xương ấy, cái giá lạnh trườn vào như sương, cái giá lạnh đã đón tôi vào đời. Cũng như hồi ấy, mọi thứ đều khoác vẻ âu lo run rẩy - cả ghế, cả bàn, cả đường phố và đèn đường, cả bầu trời và không khí. Qua một đêm, từng mảng lớn của cái thực tại trước kia vẫn được đồng lòng công nhận đã biến mất tăm. Đây là biệt tài của chiến tranh.

Nhưng người đọc những dòng này còn trẻ quá không nhớ mà đoán nổi đây là cuộc chiến nào đâu. Mỗi cuộc chiến đều là *hồi chiến tranh* đối với ai sống qua nó. Cuộc chiến tôi đang nói đây bắt đầu vào đầu tháng Chín 1939, kéo dài cho đến... Ờ, sách lịch sử chép cả rồi. Cứ đi tra thì thấy.

Hãy nuôi lửa nhà mình, là một trong những khẩu hiệu cuộc chiến trước. Mỗi lần nghe câu đó tôi lại hình dung một bày đàn bà, tóc phất phơ, mắt sáng quắc, len lỏi lần đi, từng người hay từng cặp, dưới ánh trăng, châm lửa đốt chính nhà của họ.

Mấy tháng trước khi chiến tranh bùng nổ, cuộc hôn nhân của tôi với Richard trở nên khá bấp bênh, dù chắc cũng có thể nói đã bấp bênh ngay từ đầu. Tôi sẩy một lần rồi lại lần hai. Richard về phần mình thì đã bắt nhận tình một lần rồi lại lần hai, hoặc ít ra là tôi ngờ thế - chuyện bất khả kháng (Winifred sau này nói) xét theo thể trạng yếu đuối của tôi và nhu cầu của Richard. Đàn ông có nhiều nhu cầu, cái thời đó; nhiều vô thiên lủng, những

nhu cầu ấy; chúng sống ngằn trong những ngõ ngách tăm tối bên trong người đàn ông, và thì thoảng chúng lại mạnh mẽ vượt rào xông ra, như dịch chuột. Chúng xảo quyệt và mạnh vô cùng tận, đàn ông đích thực ai mà thắng được chúng chứ? Giáo điếu này được Winifred tụng niệm, và - thành thực mà nói - cả khối người khác nữa.

Những nàng nhân tình qua tay Richard đều (theo tôi đoán) là thư ký của ông ta - cô nào cũng trẻ măng, xinh như mộng, con nhà đứng đắn. Ông ta hốt họ về ngay cổng trường hay học viện nào đào tạo ra họ. Suốt một thời gian họ tỏ ra kẻ cả với tôi một cách căng thẳng, qua điện thoại, mỗi khi tôi gọi đến văn phòng. Ông ta muốn họ nắm vững trật tự ưu tiên: tôi là vợ chính thức, và ông ta chẳng đời nào có ý định ly dị tôi. Đàn ông bỏ vợ chẳng ai leo lên hàng ngũ lãnh đạo, cái thời kỳ ấy. Tình thế đó đem lại cho tôi một quyền lực nhất định, nhưng chỉ tồn tại chừng nào tôi không đem nó ra thực thi. Thực tế đấy chỉ là quyền lực nếu tôi vờ không biết gì. Nguy cơ đối với ông ta là nguy cơ tôi phát hiện ra: tôi có thể lật tẩy cái bí mật vốn đã bật mí sẵn, để mọi thứ tai ương tràn ra đường.

Tôi có quan tâm không? Phần nào đó có. Nhưng nửa ổ bánh mì vẫn hơn không, tôi tự nhủ, mà Richard chỉ là một thứ bánh mì. Là bánh mì trên bàn ăn, cho Aimee cũng như tôi nữa. Phải vượt lên trên những chuyện đó, như Reenie vẫn nói, và tôi đã cố. Tôi cố vượt lên, lên nữa tận trời, như bóng bay giựt dây trốn, và thỉnh thoảng thành công.

Tôi trảm đày thời gian rồi, tôi đã học cách làm thế. Bây giờ tôi chăm lo vườn tược thực sự, và đã có chút kết quả. Không phải cây nào cũng chết nữa. Tôi hạ quyết tâm làm vườn cây bóng mát lưu niên.

Richard giữ vững mặt ngoài. Tôi cũng thế. Chúng tôi dự tiệc cốc tai và dạ tiệc, chúng tôi qua cửa và ra cửa cùng nhau, tay ông ta đỡ khuỷu tay tôi. Chúng tôi duy trì nếp một hay hai ly trước bữa tối, có khi ba; tôi đang thành ra ưa chuộng gin hơi quá mức, pha với nước này hay nước khác, nhưng vẫn chưa sát giới hạn quá chừng nào còn cảm thấy ngón chân, còn kìm được lưỡi mình. Chúng tôi vẫn còn lướt trên bề mặt mọi sự - trên lớp băng mỏng là khuôn phép lịch thiệp, giấu dòng nước đen cuộn dưới chân: chỉ cần băng tan là sẽ chìm.

Nửa cuộc đời vẫn hơn không.

Tôi nhận ra mình không chuyển tải đúng Richard, nếu yêu cầu phải đa chiều. Ông ta vẫn là hình nhân phẳng. Cái đó tôi biết. Tôi không miêu tả được ông ta hẳn hoi, không nắm bắt được cho rõ nét: ông ta cứ nhòa đi, như khuôn mặt in trên trang báo ướt vớt đi. Ngay từ hồi đó tôi đã thấy ông ta nhỏ hơn đời thực, dù cùng lúc cũng thấy ông ta lớn hơn. Đây là bởi ông ta có quá nhiều tiền, hiện diện quá nhiều trong thế giới - xui khiến người ta đòi hỏi ở ông ta nhiều hơn trên thực tế, thế nên những gì trung bình ở ông ta lại có vẻ là thiếu hụt. Ông ta nhẫn tâm, nhưng không phải kiểu sư tử; kiểu một loài gặm nhấm lớn xác thì đúng hơn. Ông ta đào huyệt dưới đất; ông ta tiêu diệt đối phương bằng cách gặm đứt rễ.

Ông ta ở vị thế có điều kiện làm cử chỉ cao đẹp, hành động hào hiệp ý nghĩa, nhưng chẳng bao giờ làm. Ông ta thành ra bức tượng của chính mình: đứng giữa thiên hạ, đại tướng, bề vệ và rỗng tuếch.

Không phải ông ta con nhà lính tính nhà quan: ông ta không đủ quan dạng. Tóm tắt là vậy.

Khi chiến tranh nổ ra, Richard lâm vào thế kẹt. Trước giờ ông ta vẫn quá hữu hảo khi làm ăn với người Đức, phát biểu về họ quá trăn trờ. Cũng như nhiều kẻ đồng thời, ông ta ngoảnh mặt quá lâu trước những hành vi chà đạp lên nền dân chủ; chính nền dân chủ nhiều lãnh tụ phe ta vẫn kêu gào là bất khả thi, nhưng bây giờ lại sốt sắng bảo vệ.

Thêm nữa Richard lại sắp mất rất nhiều tiền, vì chẳng còn giao dịch được với những người trong nháy mắt đã biến thành kẻ thù. Ông ta phải luồn lỏi, phải khẩu đầu lay lục đầu đó; chuyện đó không hợp khẩu ông ta lắm, nhưng vẫn làm. Ông ta cũng cứu vãn được địa vị, rồi luồn lọt chiếm lại được lòng sủng ái - ồ thì ông ta cũng chẳng phải kẻ duy nhất nhúng chàm, nên những người khác khôn hèn thì đừng chĩa ngón tay xanh lè chỉ điểm - và chẳng mấy chốc các nhà máy của ông ta đã ầm ầm thổi bể, chạy hết tốc lực phục vụ công nghiệp chiến tranh, và chẳng có ai sánh được ông ta về độ ái quốc. Thế nên cũng không ai bài bác ông ta khi nước Nga bước vào hàng ngũ Đồng minh, và Joseph Stalin thành linh trở thành ông bác thân ái

của mọi nhà. Ư thì đúng là Richard đã nói lảm câu thóa mạ Cộng sản, nhưng ấy đã là kiếp trước rồi. Mọi chuyện đào sâu chôn chặt rồi, vì kẻ thù của kẻ thù là bạn, không phải sao?

Trong lúc ấy thì tôi ì ạch qua ngày, không phải như thường lệ - cái thường lệ đã khác rồi - mà như sức tôi cho phép. *Lì lợm* là chữ tôi dùng bây giờ để miêu tả tôi hồi ấy. Hay là *lú lẩn*, chữ này cũng hợp. Chẳng còn bữa tiệc vườn nào mà đấu đá, tất lựa cũng hết trừ hàng chợ đen. Thịt phân phối, bơ cũng thế, đường nữa: nếu muốn những hàng đó nhiều hơn, nhiều hơn người khác có, quan trọng nhất là phải thiết lập một vài mối quen đặc biệt. Không còn hải trình vượt đại dương trên tàu biển xa hoa nữa - *Hoàng hậu Mary* biến thành tàu vận quân. Máy thu thanh từ nhà hát bỏ túi biến thành nhà tiên tri loạn óc; tối nào tôi cũng bật lên nghe thời sự, ban đầu tin nào cũng xấu.

Chiến tranh cứ kéo dài dai dẳng, như động cơ không biết nghỉ. Nó làm người ta hao mòn, nó là nỗi căng thẳng thường trực và ảm đạm. Cứ như nghe có kẻ nghiêng rặng, trong giờ khắc nhập nhoạng trước bình minh, trong lúc ta nằm trắng đêm này qua đêm khác.

Thế nhưng cũng có vài đi đâu hay. Murgatroyd chùng đã rời nhà chúng tôi nhập ngũ. Chính lúc ấy là tôi tập lái xe. Tôi chiếm dụng một trong hai chiếc xe, là chiếc Bentley thì phải, và Richard cho đăng ký lại dưới tên tôi - nhờ thế được cấp thêm xăng. (Xăng cũng phân phối, tất nhiên, dù với những người như Richard thì bớt ngặt.) Cũng nhờ thế tôi được tự do hơn, dù tự do lúc này chẳng còn ích mấy cho tôi nữa.

Tôi bị cảm, rồi chuyển thành viêm phế quản - mùa đông ấy ai ai cũng cảm. Mất mấy tháng tôi mới bình phục được. Hầu như cả ngày tôi nằm trên giường, buồn ỉ ề. Tôi ho đến rách họng. Tôi không còn đi xem phim thời sự nữa - các diễn văn, các trận đánh, các vụ ném bom và cảnh tàn phá, các chiến thắng, thậm chí cả các đợt tiến quân vào đất địch. Những ngày rộn rã, hay là nghe bảo thế, nhưng tôi đã hết quan tâm.

Đoạn kết cuộc chiến tới gần. Mỗi ngày một lại gần hơn. Rồi đến hẳn. Tôi vẫn nhớ cảnh im lặng khi cuộc chiến lần trước chấm dứt, rồi đến tiếng

chuông ngân vang. H ồi ấy đang là tháng Mười một, băng đóng trên mặt
bùn, còn bây giờ là mùa xuân. Điều hành, duyệt binh. Tuyên ngôn, bố cáo.
Kèn trumpet thổi vang.

Nhưng chấm dứt không dễ dàng đến thế, với cuộc chiến này. Chiến tranh
là một trận cháy lớn; tro cuốn đi xa, rất lâu chưa lắng hết.

BÁNH KẸO DIANA

Hôm nay tôi đi đến tận cầu Khánh Tiết, rồi đi tiếp đến cửa hàng bánh vòng, tại đó tôi ăn được gần một phần ba cái bánh xoắn cam. Một khối bột bột và mỡ béo, trôi nổi trong động mạch như phù sa.

Rồi tôi ghé vào nhà vệ sinh. Ngăn giữa đang có người, nên tôi đợi, tránh nhìn vào gương. Tuổi tác làm da mỏng đi, nhìn vào thấy cả mạch máu, cả gân. Thêm nữa cũng làm người ta đặc lại. Khó mà trở lại như thời xưa, cái thời da coi như không có.

Cuối cùng cửa cũng mở cho một cô bé bước ra - da ngăm ngăm, ăn mặc tầm tối; vành mí bôi đen nhỏ nhắn. Nó bật rú khẽ, rồi cười. “Cháu xin lỗi,” nó nói, “cháu không nhìn thấy bà, bà làm cháu sợ quá.” Giọng nó lơ lơ, nhưng nó thuộc về nơi này: quốc tịch nó là quốc tịch người trẻ. Giờ đây tôi mới là kẻ lạc loài.

Dòng tin mới nhất bằng bút dạ vàng: *Chẳng ai lên được Thiên Đàng nếu không có Giê su*. Giới bình luận đã kịp vào cuộc: *có Giê su bị gạch đi, ở trên viết bút đen, Chết*.

Dưới nữa, bút xanh: *Thiên đàng ở trong hạt cát. Blake*.

Dưới nữa, bút cam: *Thiên đàng trên Hành tinh Xenor. Laura Chase*.

Lại trích nhần.

Chiến tranh chính thức kết thúc tuần đầu tiên tháng Năm - chiến tranh châu Âu, ấy thế. Tức là phần duy nhất liên quan đến Laura.

Một tuần sau nó gọi điện. Nó chọn thời gian buổi sáng, một giờ sau bữa sáng, nó phải biết Richard chắc chắn không có nhà. Tôi không nhận ra giọng nó, tôi đã thôi chờ nó gọi. Ban đầu tôi tưởng là cô nhân viên cửa hàng may.

“Em đây,” nó nói.

“Em ở đâu thế?” tôi thận trọng hỏi. Phải nhớ cho với tôi đến lúc này nó đã trở thành đại lượng không nắm được - biết đâu còn trí óc bấp bênh nữa.

“Em ở đây,” nó nói. “Trong thành phố.” Nó không chịu nói ở khách sạn nào, nhưng nói tên góc phố để tôi đến đón chỉ vài hôm ấy. Vậy thì mình đi uống trà, tôi nói. Cửa hàng Bánh kẹo Diana là nơi tôi định đưa nó tới. Ở đấy an toàn, vắng vẻ, chủ yếu là khách đàn bà; ở đó họ biết tôi. Tôi nói sẽ lái xe đến.

“Ồ, chị có xe rồi cơ à?”

“Gần như thế.” Tôi mô tả cái xe.

“Nghe có vẻ giống xe ngựa La Mã nhỉ,” nó tươi tỉnh nói.

Laura đứng trên góc phố King cắt phố Spadina, đúng nơi nó hẹn. Khu này thuộc hàng mờ ám, nhưng nó có vẻ không bận tâm. Tôi bấm còi, nó vẫy tay rồi chạy lại lên xe. Tôi cúi người tới hôn lên má nó. Lập tức tôi thấy mình đang phản bội.

“Chị không tin nổi là em thật đang ở đây,” tôi bảo nó.

“Nhưng đúng là em đây.”

Bất chợt tôi muốn òa khóc; nó có vẻ chẳng động lòng. Nhưng má nó thì rất mát. Mát và gầy.

“Nhưng em mong là chị không nói gì với Richard,” nó nói. “Nói em ở đây. Hay Winifred thì cũng vậy,” nó thêm, “bọn họ chẳng khác gì nhau.”

“Chẳng đời nào,” tôi nói. Nó không nói gì.

Tôi đang lái xe, nên không nhìn thẳng mặt nó được. Muốn thế phải đợi đến tận lúc tôi đã đỗ xe, tận khi đi bộ đến Bánh kẹo Diana, tận khi chúng tôi ngẫ vào bàn đối diện nhau. Cuối cùng thì tôi cũng thấy trọn vẹn nó, toàn bộ.

Nó vừa đúng vừa không đúng là Laura tôi còn nhớ. Già hơn, cố nhiên - cả hai chúng tôi đều vậy - nhưng còn nhiều cái khác. Nó ăn mặc tề chỉnh, thậm chí khắc khổ, áo váy chèn eo màu xanh trâm, thân áo xếp ly, hàng cúc nhỏ chạy dọc ngực; tóc búi tó nghiêm khắc sau đầu. Trông nó như teo lại, như sập vào trong mình, như rút cạn mọi màu sắc, nhưng mặt khác lại gần như trong suốt - như có những kim ánh sáng nhỏ xuyên qua da từ bên trong nó cảm ra, như những gai ánh sáng tỏa ra quanh nó thành màn sương tua tủa, như bông kèn gió trước nắng. Cảm giác rất khó miêu tả. (Nhưng cũng đừng lấy đó làm quan trọng quá: mắt tôi lúc này bắt đầu suy giảm, đã cần có kính, dù tôi còn chưa nhận ra. Ánh mờ ảo bao lấy Laura rất có thể chỉ là ảo giác thị lực.)

Chúng tôi gọi nước. Nó gọi cà phê chứ không uống trà. Cà phê đây dở lắm, tôi cảnh báo - những chỗ thế này chẳng có cà phê ngon đâu, chiến tranh mà. Nhưng nó nói, “Em uống cà phê dở quen rồi.”

Im lặng một lúc. Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu. Tôi vẫn chưa đủ tinh thần hỏi nó định làm gì mà quay lại Toronto. Nó ở đâu từ bấy đến nay? tôi hỏi. Nó làm những gì?

“Ban đầu em ở Avilion,” nó nói.

“Nhưng đóng cửa rồi mà!” Quả là thế, suốt cuộc chiến. Chúng tôi không về đó mấy năm rồi. “Làm sao em vào được?”

“Ôi, chị biết đấy,” nó nói. “Ai muốn vào là người đó vào được thôi.”

Tôi nhớ đến hầm than, đến cái khóa sắp long trên một cửa hầm. Nhưng cái đó đã sửa lại, từ lâu rồi. “Em đập kính cửa à?”

“Việc gì phải thế. Reenie có chìa,” nó nói. “Nhưng đừng bảo ai.”

“Lò sưởi chắc chắn không bật được. Làm sao có hơi ấm,” tôi nói.

“Đúng là không có,” nó đáp. “Nhưng chuột thì có rất nhiều.”

Cà phê ra. Nấm có vị vỏ bánh mì cháy và rễ rau diếp xoăn nướng, cũng chẳng lạ vì đúng là người ta trộn vào mấy thứ đó. “Em muốn ăn bánh hay gì không?” tôi hỏi. “Bánh ngọt ở đây không tệ đâu.” Nó gầy quá, tôi nghĩ ăn miếng bánh cũng tốt cho nó.

“Không cần đâu.”

“Sau đó em làm gì?”

“Sau đó em tròn hai một, thế là em có ít tiền, cha để lại. Thế rồi em đến Halifax.”

“Halifax à? Sao lại Halifax?”

“Tàu về cảng đó.”

Tôi không truy thêm. Chuyện này có nguyên do, Laura bao giờ cũng có; và đây là một nguyên do tôi chùn lại không muốn nghe. “Nhưng em *làm* cái gì chứ?”

“Việc này việc khác,” nó nói. “Em cố gắng làm người có ích.” Nó sẽ chỉ trả lời đến thế. Tôi đoán chắc lại là bếp phát chẩn gì đấy, hoặc đại loại thế. Kỳ cọ hồ xí bệnh viện, những chuyện như vậy. “Chị không nhận được thư của em à? Gửi từ Bella Vista ấy? Reenie nói chị không nhận được.”

“Không,” tôi nói. “Chẳng có thư nào cả.”

“Em đoán là họ lấy trộm rồi. Và họ không cho chị gọi, cũng không cho đến thăm em?”

“Họ nói làm thế sẽ có hại cho em.”

Nó cười khe khẽ. “Sẽ có hại cho *chị* ấy,” nó nói. “Thực tình chị không nên ở lại đó, ở cái nhà ấy. Chị không nên ở với *ông ta*. Ông ta đúng là ác quỷ.”

“Chị biết trước giờ em vẫn thấy thế, nhưng chị làm gì được đây?” tôi nói. “Ông ta chẳng bao giờ cho chị ly dị đâu. Và chị cũng chẳng có tiền.”

“Không lấy có đó được.”

“Có thể với em thì không. Em còn có quỹ ủy thác, cha để lại, chứ chị làm gì có. Còn Aimee thì sao?”

“Chị có thể mang nó theo.”

“Nói thì dễ. Có thể nó không muốn đi. Hiện giờ nó đang bám chặt lấy Richard rồi, nói cho em biết.”

“Sao lại thế?” Laura hỏi.

“Ông ta cưng nựng nó. Ông ta quà cáp đủ thứ.”

“Em có viết thư từ Halifax,” Laura nói, chuyển đề tài.

“Những thư đó chị cũng không nhận được nữa.”

“Em đoán là Richard đọc thư từ của chị,” Laura nói.

“Chị cũng đoán thế,” tôi nói. Câu chuyện đang chuyển hướng không như tôi tưởng. Tôi đã hình dung mình sẽ an ủi Laura, chia sẻ với nó, nghe thổ lộ câu chuyện buồn, nhưng ngược lại nó đang lên lớp cho tôi. Thật dễ dàng trở lại các vai trò cũ.

“Ông ta bảo chị là em làm sao?” bây giờ nó hỏi. “Giải thích chuyện nhốt em vào đó?”

Đã đến rồi đây, bài đã ngủ rồi. Đây là ngã ba đường: hoặc Laura điên, hoặc Richard dối. Tôi không thể tin cả hai đằng. “Ông ta kể một câu chuyện,” tôi trả lời quanh.

“Câu chuyện thế nào? Đừng lo, em không bức mình đâu. Em chỉ muốn biết thôi.”

“Ông ta bảo em - ờm, rối loạn thần kinh.”

“Hẳn nhiên. Ông ta phải nói thế. Ông ta còn nói gì nữa?”

“Ông ta nói em tưởng em có thai, nhưng đấy chỉ là hoang tưởng.”

“Em có thai *thật*,” Laura nói. “Tất cả vấn đề là ở đấy - đấy là lý do họ vội vàng tổng em đi khuất mắt. Ông ta và Winifred - cả hai sợ cứng người. Chuyện sỉ nhục, chuyện tai tiếng - chị tưởng tượng xem họ nghĩ cái đó sẽ ảnh hưởng đến tương lai vàng ngọc của ông ta thế nào.”

“Phải. Chị tưởng tượng được.” Và tôi tưởng tượng được thật - cú điện thoại thì thào của tay bác sĩ, nỗi sợ quỳnh, hai cái đầu chụm vào khăn cấp, kế hoạch nảy ra tại trận. Rồi chuỗi sự kiện thứ hai, hoàn toàn bịa đặt, chế ra chỉ để dọn cho tôi. Bình thường tôi vốn nhu mì, nhưng chắc họ biết cũng có giới hạn ở đâu đó. Họ chắc cũng sợ đi đâu tôi có thể làm, một khi giới hạn bị vượt qua.

“Dù sao thì em cũng không sinh con. Đấy là một trong những việc người ta làm, ở Bella Vista.”

“Một trong những?” Tôi đang thấy đầu óc mù tịt.

“Ngoài những trò xiếc mồm, ý em là thế, ngoài thuốc thang máy móc. Chúng nó hút nạo,” nó nói. “Chúng dùng ê te đánh cho chị xỉu, như đi nha sĩ ấy. Rồi chúng lấy thai ra. Rồi chúng bảo chị đã tự bịa ra mọi chuyện. Rồi khi chị buộc tội chúng làm thế, chúng bảo chị nguy hiểm cho bản thân và xã hội.”

Nó nói năng thật bình tĩnh, thật rành rọt đáng tin. “Laura,” tôi nói, “em có chắc không? Chuyện đứa bé ấy. Em có chắc là đã có đứa bé không?”

“Tất nhiên là em chắc,” nó nói. “Em bịa ra chuyện như thế làm gì?”

Vẫn còn có chỗ có thể nghi hoặc, nhưng lần này tôi tin Laura. “Làm sao lại có chuyện ấy?” tôi thì thào. “Cha nó là ai?” Việc như thế không thể không thì thào.

“Nếu bây giờ chị còn chưa biết, em không nghĩ là em có thể nói cho chị,” Laura nói.

Tôi đoán hẳn phải là Alex Thomas. Alex là người đàn ông duy nhất Laura từng tỏ ý quan tâm - nghĩa là ngoài cha, và Chúa. Tôi ghét phải thừa nhận khả năng này, nhưng thực tình không còn lối nào khác. Chắc hai người đã gặp gỡ những ngày nó thường trốn học, lần đầu đến trường ở Toronto, và rồi sau này, khi nó không đi học nữa; khi mọi người nghĩ nó đang động viên dân không nhà quặt quẹo trong bệnh viện, khoác cái tạp dề cao đạo sùng tín, và lẻo mép điều toa từ đầu đến cuối. Hẳn là cái tạp dề làm anh ta sượng run mình, đấy đúng là cái nét lập dị vẫn hấp dẫn anh ta. Có thể nó bỏ học là vì thế - để gặp gỡ Alex. Hứa ấy nó bao nhiêu tuổi - mười lăm, mười sáu? Sao anh ta có thể làm chuyện như thế được?

“Em có yêu không?” tôi hỏi.

“Yêu à?” Laura hỏi. “Yêu ai?”

“Yêu... đấy,” tôi không nói nổi.

“Ồi không,” Laura nói, “không đời nào. Đây là một việc kinh khủng, nhưng em phải làm. Em phải chấp nhận hy sinh. Em phải tự mình gánh lấy đau đớn khổ sở. Đây là lời hứa em đã dâng lên Chúa. Em biết nếu làm thế, em sẽ cứu được Alex.”

“Em nói cái quái gì vậy?” Lòng tin mới có lại vào sự tỉnh trí của Laura lại lung lay: chúng tôi đã trở lại cõi siêu hình rộng đại của nó. “Cứu Alex khỏi cái gì cơ?”

“Khỏi bị bắt. Nếu không chúng sẽ đem bắn anh ấy. Callie Fitzsimmons biết anh ấy ở đâu, chị ta đã nói. Chị ta nói với Richard.”

“Chị không tin nổi.”

“Callie là quân chỉ điểm,” Laura nói. “Chính Richard bảo thế - ông ta bảo Callie là *nguồn tin* cho ông ta. Có nhớ hồi chị ta vào tù, rồi Richard đưa chị ta ra không? Lý do chính là vì thế. Ông ta mang nợ chị ta.”

Tôi thấy diễn tiến sự việc kiểu này thật đến điếng người. Lại còn gớm guộc nữa, mặc dù vẫn có khả năng, có khả năng cực nhỏ, đấy có thể là sự

thực. Nhưng nếu vậy thì Callie hẳn đã nói dối. Làm sao chị ta biết Alex ở đâu được? Anh chuyển nhà thường xuyên.

Cũng có thể anh giữ liên lạc với Callie. Có thể là vậy. Chị ta thuộc số người có thể anh tin cậy.

“Em đã làm tròn phần mình,” Laura nói, “và đã thành công. Chúa không gian lận. Nhưng rồi Alex lên đường nhập ngũ. Sau khi từ Tây Ban Nha về, ý em là thế. Callie nói vậy - chị ta có bảo em.”

Tôi không hiểu được chuyện này. Đầu óc tôi quay quay. “Laura,” tôi nói, “em đến đây làm gì?”

“Vì chiến tranh chấm dứt rồi,” Laura kiên nhẫn đáp, “và Alex chẳng mấy nữa sẽ trở lại. Nếu em không ở đây, anh ấy sẽ không biết tìm em ở đâu. Anh ấy không thể biết chuyện Bella Vista, anh ấy không thể biết em đến Halifax. Địa chỉ duy nhất anh ấy có thể tới chỗ em là qua chị. Cách nào đó anh ấy sẽ gửi tin đến được em.” Nó có lòng tin sắt đá đến tức mình của tín đồ chân chính.

Tôi muốn lắc nó thật mạnh. Tôi nhắm mắt một lúc. Tôi thấy cái ao ở Avilion, thấy ả tiên nữ đá nhúng chân xuống nước; tôi thấy mặt trời nóng bỏng lóe trên lá xanh như cao su, cái ngày sau tang mẹ. Tôi thấy bụng dạ nôn nao, vì quá nhiều bánh ngọt và đường. Laura đang ngồi trên thành ao cạnh tôi, ư ử hát rất hài lòng, mang xác tín vững chắc rằng tất cả quả thực đều vào đấy và các thiên thần đều đứng vèphe nó, bởi nó đã ký với Chúa một giao kèo bí mật, dở hơi.

Những ngón tay tôi ngứa ran thù ghét. Tôi biết chuyện gì đã xảy ra tiếp theo. Tôi đã xô nó xuống.

Bây giờ đã tới phần đến giờ vẫn ám ảnh tôi. Bây giờ là lúc lẽ ra tôi phải cắn lưỡi, phải khóa miệng. Vì tình yêu, lẽ ra tôi đã phải nói dối, hay nói bất kỳ đi đâu gì khác: gì cũng được miễn không phải sự thực. *Đừng bao giờ đánh thức kẻ mộng du*, Reenie từng nói. *Người đó sẽ chết vì sốc.*

“Laura, chị ghét phải cho em biết đi đâu này,” tôi nói, “nhưng dù em có làm gì thì cũng không cứu được Alex đâu. Alex chết rồi. Anh ấy chết trong chiến tranh, từ sáu tháng trước rồi. Ở Hà Lan.”

Quầng sáng quanh nó tối đi. Nó biến thành trắng bệch. Cứ như nhìn sáp đang đông lại.

“Làm sao chị biết?”

“Chị có điện báo,” tôi nói. “Người ta gửi cho chị. Anh ấy ghi chị là người thân gần nhất.” Ngay đến đó tôi vẫn có thể chuyển hướng; tôi có thể nói, *Chắc là lầm lẫn gì đó thôi, chắc phải là dành cho em*. Nhưng tôi không nói thế. Mà tôi nói, “Anh ấy thật sợ suýt quá. Lẽ ra không nên làm thế, có Richard ở đây. Nhưng anh ấy chẳng có ai thân thích, mà chị với anh ấy là tình nhân, em hiểu không - bí mật, từ rất lâu rồi - mà anh ấy còn ai đâu chứ?”

Laura không nói gì. Nó chỉ nhìn tôi. Nó nhìn xuyên thấu tôi. Chúa biết nó đã thấy gì. Thấy con tàu đắm, thành phố chìm trong lửa, lưỡi dao cắm ngọt vào lưng. Nhưng ánh mắt thì tôi nhận ra: đấy là ánh mắt cái ngày nó suýt chết đuối dưới sông Louveteau, giữa lúc đang chìm xuống - khiếp đảm, lạnh lùng, mê đắm. Ánh lên như thép.

Một giây sau nó đứng dậy, vươn tay sang bên bàn, cầm ví tôi lên, rất nhanh và gần như dịu dàng, cứ như trong có cái gì mỏng manh dễ vỡ. Rồi nó quay người bước ra khỏi quán. Tôi không có cử chỉ nào ngăn nó lại. Tôi bị bất ngờ, và đến lúc chính tôi đứng dậy được khỏi ghế thì Laura đã đi rồi.

Đến lúc lấy hóa đơn có chút lộn xộn - tôi không mang thêm tiền, đã để hết trong ví, mà em gái tôi - tôi phân bua - đã cầm nhầm. Tôi hứa ngày mai sẽ quay lại trả. Sau khi dàn xếp vụ đó, tôi đi như chạy đến chỗ đậu xe. Xe đi mất rồi. Chìa khóa xe cũng nằm trong ví. Tôi chưa hề biết Laura đã học lái xe.

Tôi đi bộ vài khối nhà, thêm dặt chuyện này rồi chuyện khác. Tôi không thể nói với Richard và Winifred số phận thực sự của cái xe được: sẽ chỉ thêm một bằng chứng chống lại Laura. Thay vào đó tôi sẽ nói xe hỏng giữa

đường và đã kéo đến xưởng sửa xe, người ta đã gọi tắc xi cho tôi, tôi lên xe về đến tận nhà mới nhận ra để quên ví trong xe mình. Chẳng có gì phải lo đâu, tôi nói. Đến sáng mai sẽ thu xếp ổn ấy mà.

Đến đó tôi gọi tắc xi thật. Murgatroyd vợ chắc có nhà, sẽ mở cửa và trả tiền xe cho tôi.

Richard không về nhà ăn tối. Ông ta đến câu lạc bộ nào đấy, ăn bữa tối dở tệ, diễn thuyết này nọ. Hiện giờ ông ta đang chạy hết tốc lực, cái đích đã gần kề. Cái đích này - giờ tôi hiểu - không còn chỉ là tiền tài hay quyền lực nữa. Ông ta muốn là muốn được trọng vọng - trọng vọng, bất kể thân phận tiền mới. Ông ta mong mỏi, ông ta thèm khát; ông ta muốn nắm trọng vọng trong tay, không chỉ như cây búa mà như cây quyền trượng. Bản thân những khao khát đó thì không có gì đáng鄙.

Cái câu lạc bộ hôm nay chỉ dành riêng cho giới đàn ông; nếu không tôi đã phải có mặt, ngủ gật làm nể, mỉm cười, vỗ tay khi kết thúc. Những dịp này tôi cho vú em Aimee nghỉ đêm, tự mình lo liệu giờ đi ngủ. Tôi cho Aimee tắm, đọc truyện cho nó nghe, rồi đắp chăn cho nó. Vào cái đêm hôm ấy con bé trần trọc mãi rất bất thường: chắc nó biết tôi đang lo lắng chuyện gì. Tôi ngủ gật bên nó, nắm tay và vuốt ve trán nó, nhìn mãi ra cửa sổ đến lúc nó thiếp đi.

Laura đi đâu, nó đang ở đâu, nó đã làm gì với cái xe rồi? Làm sao tôi tìm được nó, tôi phải nói gì để mọi chuyện lại yên bình?

Có con cánh cam đang lập cập bên cửa sổ, bị ánh sáng hút lại gần. Nó va vào mặt kính như một ngón tay mù. Nó có vẻ tức tối vì bị ngáng trở, lại thêm bất lực.

“ESCARPMENT”

Hôm nay óc tôi chơi một cú tắt điện bất ngờ; nó xóa trắng, như vùi trong tuyết. Biến mất không phải là tên ai đó - nếu thế dù sao cũng bình thường - mà là một chữ, nó lật úp lại và dốc tuột nghĩa đi, như cái cốc giấy bị gió thổi lẩn.

Đấy là chữ *escarpment*. Sao nó hiện ra với tôi làm gì? *Escarpment*, *escarpment*, tôi nhắc lại, hẳn còn nói to lên, nhưng chẳng thấy hiện lên hình ảnh nào cả. Đấy là một đờ vật, một hoạt động, một tâm thái hay một khuyết tật thể xác?

Chỉ thấy khoảng không. Mặt mày xây xẩm. Tôi loạng choạng bên rìa, quờ quạng tóm không khí. Cuối cùng tôi đành nhờ từ điển. *Escarpment*, vách thành lũy dựng cao, hay là mặt vách đá dốc đứng.

Khởi thủy là lời, xưa chúng ta từng tin thế. Chúa có biết lời lẽ chữ nghĩa vốn lắt lay đến đâu không? Mong manh đến đâu, chỉ lỡ tay là xóa mất?

Có thể đấy chính là đi đầu đã xảy đến với Laura - đã đẩy nó lao xuống vực, theo nghĩa đen. Những chữ nó đã dựa vào, đã dùng làm móng mà xây nhà lá bài trên đó, tưởng đâu chắc đặc, đã lật ngửa chìa cho nó xem cái ruột rỗng không, rồi lả tả bay khỏi nó, chỉ toàn là giấy loại.

Chúa. Lòng tin. Hy sinh. Công lý.

Đức tin. Hy vọng. Tình yêu.

Chưa kể còn *chị gái*. Ừ, phải. Đừng quên cái đó.

Hôm sau bữa trà ở Bánh kẹo Diana với Laura, cả sáng tôi lẩn vẩn quanh điện thoại. Từng giờ theo nhau: chẳng có lời nào. Tôi ra ngoài ăn trưa, cùng Winifred và hai thành viên ủy ban khác, ở Vườn Arcadia. Với Winifred thì tốt nhất cứ làm đúng các kế hoạch vạch sẵn - nếu không chị ta sẽ tò mò - nên tôi vẫn đi.

Chúng tôi được nghe kế dự định mới nhất của Winifred, một buổi cabaret ủng hộ những quân nhân bị thương. Sẽ có hát hò khiêu vũ, vài cô còn xung phong nhảy một bài can-can, nên chúng tôi ai cũng phải xắn tay áo tham gia vào đấy, bán vé nữa. Liệu chính Winifred có mặc váy lót xùm xòe đi tất dài đen mà đá chân lên trời không? Tôi hy vọng là không. Bây giờ cái mảnh khảnh của chị ta đã trở hướng khảng kheo rồi.

“Trông cô hơi ủ ê đấy, Iris,” Winifred nói, đầu nghiêng sang bên.

“Thế sao?” tôi ngoan hiền đáp. Gần đây chị ta luôn miệng bảo tôi không ngang tấc với tình hình. Ý chị ta là tôi không làm hết sức để chống lưng Richard, đẩy ông ta tới trước trên con đường danh vọng.

“Thế đấy, hơi kém sắc. Richard làm cô mệt à? Anh chàng này thật dỗi dằn năng lượng!” Chị ta đang phấn chấn hết sức. Những kế hoạch của chị ta - dành cho Richard - hẳn đang tiến triển tốt, dù tôi lo là.

Nhưng tôi chẳng thể chú tâm đến chị ta quá; tôi còn đang sốt ruột nghĩ về Laura. Nếu mãi nó không xuất hiện thì tôi phải làm gì? Khó mà báo mất xe được: tôi không muốn nó bị bắt. Richard hẳn cũng không muốn thế. Việc ấy chả có ích cho ai cả.

Tôi về nhà, được Murgatroyd vợ cho biết Laura có ghé qua trong lúc tôi không ở nhà. Nó còn không bấm chuông cửa - bà ta chỉ tình cờ đụng phải nó trong tiệp sảnh. Thật đến giật mình khi thấy lại cô Laura bằng xương bằng thịt, sau chừng ấy năm, cứ như gặp ma ấy. Không, cô ấy chẳng báo lại địa chỉ nào hết. Nhưng cô ấy có nhắc lại một câu. *Bảo Iris tôi sẽ nói chuyện với chị ấy sau.* Cái gì đó đại loại thế. Cô ấy bỏ lại chìa khóa nhà trên khay thư; bảo cô ấy cần nhàn. Chọn đúng thứ mà cần nhàn, Murgatroyd vợ nói, cái mũi tẹt nhăn lại ngờ vực. Bà ta không còn tin chuyện xưởng sửa xe.

Tôi nhẹ người: có thể tất cả vẫn sẽ ổn. Laura vẫn còn trong thành phố. Nó sẽ nói chuyện với tôi sau.

Nó cũng đã nói thật, dù nó thường lặp đi lặp lại, như người chết vẫn hay làm. Họ toàn nói lại mọi chuyện đã nói khi còn sống, mà chẳng mấy khi

nói đi đâu gì mới.

Tôi đang thay đồ ăn tiệc sang đồ thường thì cảnh sát đến, báo tin tai nạn. Laura đã phi thẳng qua rào chắn giao thông, rồi qua cầu đại lộ St. Clair xuống vực sâu phía dưới. Tất cả nát vụn, viên cảnh sát nói, lắc đầu buồn bã. Nó đi xe tôi: họ tra ra biển số. Ban đầu họ nghĩ - cũng tự nhiên thôi - tôi hẳn là người đàn bà cháy đen giữa đồng sắt vụn.

Đây thì sẽ là tin lớn.

Sau khi người cảnh sát đi tôi cố sức ngừng run rẩy. Tôi phải bình tĩnh, tôi phải trấn tĩnh lại. *Nhạc bật thì phải nhảy thôi*, Reenie thường nói, nhưng chị nghĩ đến thứ nhạc nào? Hẳn không phải là nhạc nhảy. Một đội kèn đồng chói tai, một cuộc duyệt binh gì đó, hai bên bu đây người, chỉ tro gào thét. Một tay đao phủ đợi cuối đường, dãi dãi năng lượng.

Rồi tất nhiên sẽ có cuộc thẩm tra về đảng Richard. Câu chuyện cái xe đem sửa của tôi vẫn có thể dùng được, chỉ cần thêm đã gặp Laura hôm đó uống trà, nhưng không kể vì không muốn ông ta đau đầu hão ngay trước bài diễn thuyết trọng yếu. (Bài diễn thuyết nào bây giờ cũng là trọng yếu; ông ta đang tiến đến gần giải độc đắc.)

Laura đang đi cùng thì xe hỏng, tôi sẽ bảo thế; nó đã theo tôi đến xưởng. Lúc tôi để quên ví chắc nó nhặt lên, và rồi chắc đã nảy ý tinh nghịch sáng hôm sau tự đến lấy xe, mạo chữ ký một tờ trong sổ séc của tôi để trả. Tôi đã xé bỏ một tờ, cho thuyết phục; nếu bị ép nói tên xưởng sửa xe, tôi sẽ bảo quên rồi. Nếu dằn thêm nữa, tôi sẽ khóc toáng. Làm sao lại bắt tôi nhớ chi tiết tởn mủn như thế, tôi sẽ bảo, vào thời điểm như thế này?

Tôi lên lầu thay áo. Muốn tới nhà xác tôi cần găng tay, mũ trùm có mạng. Có thể đã có nhà báo, nhiếp ảnh gia, đợi sẵn từ giờ. Tôi sẽ đi xe đến, tôi nghĩ, rồi nhớ ra xe mình giờ đã bẹp dí. Tôi sẽ phải gọi tắc xi.

Tôi cũng cần báo trước cho Richard, lúc này đang ở văn phòng: ngay khi tin tức đồn ra thì lũ kèn kèn sẽ vây lấy ông ta. Ông ta giờ đã quá danh giá không thể trốn tránh được. Ông ta có thể muốn chuẩn bị lời ai điếu.

Tôi gọi điện. Cô thư ký trẻ mới nhất của Richard trả lời. Tôi bảo cô ta đây chuyện khẩn, và không, tôi không nhắn qua cô ta được. Tôi cần gặp trực tiếp Richard.

Ngưng một lúc trong khi người ta đi tìm Richard. “Chuyện gì thế?” ông ta hỏi. Ông ta ghét bị gọi đến văn phòng.

“Vừa có một tai nạn nghiêm trọng,” tôi nói. “Là Laura. Xe nó cần lái lao qua cần.”

Ông ta lặng im.

“Đấy là xe em.”

Ông ta lặng im.

“Em sợ là nó chết rồi,” tôi nói.

“Chúa ơi.” Ngưng một lát. “Bấy lâu nay nó ở đâu? Nó về bao giờ? Nó làm gì mà dùng xe mợ?”

“Em nghĩ là cậu cần biết ngay bây giờ, trước khi báo chí nắm được,” tôi nói.

“Phải,” ông ta nói. “Khôn ngoan đấy.”

“Bây giờ thì em phải xuống nhà xác.”

“Nhà xác à?” ông ta hỏi. “Nhà xác thành phố à? Xuống làm cái gì?”

“Người ta để nó ở đấy.”

“Vậy thì đưa nó ra khỏi đấy,” ông ta nói. “Đưa đến nơi nào đường hoàng hơn. Nơi nào...”

“Riêng tư hơn,” tôi nói. “Vâng, em sẽ đưa nó ra. Em cần báo cậu biết có người ám chỉ - đấy là từ phía cảnh sát, một người vừa ở đây - có ý kiến cho rằng...”

“Gì? Mợ bảo gì với chúng nó? Ý kiến gì?” Ông ta có vẻ khá hoảng hốt.

“Chỉ ý kiến là nó chủ tâm làm thế thôi.”

“Vớ vẩn,” ông ta nói. “Đấy chắc chắn là tai nạn. Tôi hy vọng mợ đã nói thế.”

“Em có. Nhưng có người chứng kiến. Họ thấy...”

“Có thư từ gì để lại không? Nếu có thì đốt đi.”

“Có hai người, một luật sư và ai đấy làm nhà băng. Nó đeo găng tay trắng. Người ta thấy nó bẻ bánh lái.”

“Năng quát mắt,” ông ta nói. “Hoặc là chúng nó say. Tôi sẽ gọi luật sư. Tôi sẽ xử lý vụ này.”

Tôi bỏ điện thoại. Tôi vào phòng thay đồ cần có đồ đen, và khăn tay nữa. Tôi sẽ phải kể cho cả Aimee, tôi nghĩ. Tôi sẽ nói đấy là tại cái cần. Tôi sẽ nói cái cần bị hỏng.

Tôi mở ngăn kéo cất tất dài, và trong đó là tập vở - năm quyển tất cả, vở ô li rẻ tiền từ thời chúng tôi còn học thầy Erskine, buộc bằng chun bện. Tên Laura viết hoa trên bìa quyển đầu, bằng bút chì - kiểu chữ nắn nót trẻ con. Bên dưới: *Toán*. Laura vốn ghét toán.

Vở học ngày xưa, tôi nghĩ. Không: vở bài tập ngày xưa. Nó để lại cho tôi làm gì?

Tôi đã có thể ngừng lại đó. Tôi có thể chọn không biết, nhưng tôi đã làm điều mà người đọc cũng sẽ làm - hẳn đã làm, nếu đã đọc đến tận đây. Tôi chọn biết.

Phần lớn chúng ta đều thế. Ta chọn biết, dù hậu quả thế nào, chấp nhận cụt què để biết, ta sẽ thọc hai tay vào lửa nóng nếu cần. Tò mò không phải là động cơ duy nhất: yêu thương, hay đau khổ, tuyệt vọng hay căm ghét mới là thứ thúc đẩy ta. Ta sẽ rình mò kẻ chết không thương xót: ta sẽ bóc thư, sẽ

mở nhật ký, sẽ lục tung rác rưởi, cầu mong một ám chỉ, một lời cuối, một câu giải thích, của những kẻ đã bỏ ta đi, đã để ta lại với cái túi trong tay, thường đựng ít hơn nhiều những gì ta đoán.

Nhưng còn những kẻ đã cài lại gợi ý, cho ta vấp phải? Mất công bởi đâu? Vị kỷ? Thương hại? Báo thù? Hay chỉ khẳng định từng tồn tại, như tên tắt vạch bừa trên tường phòng vệ sinh? Hiện diện mà lại ẩn danh - thú tội mà không ăn năn, thành thực mà không chịu hậu quả - làm thế cũng có nét hấp dẫn riêng. Gột máu khỏi tay, bằng cách này hay cách khác.

Những kẻ đã để lại bằng chứng thì chẳng có lý do mà kêu ca khi bọn người lạ mặt xuất hiện mãi về sau, thọc mũi vào từng chi tiết xưa kia không phải việc của mày. Mà không chỉ người lạ mặt: cả tình nhân, bạn hữu, người thân. Chúng ta là những kẻ ưa nhìn trộm, cả lũ chúng ta. Vì sao ta lại coi mọi thứ trong quá khứ là toàn quyền ta cướp đi, chỉ vì ta là người tìm thấy? Chúng ta đều là những kẻ cướp mồi, một khi ta mở những cửa ai kia khóa lại.

Nhưng chỉ khóa mà thôi. Phòng ốc đồ đạc bên trong vẫn còn nguyên vẹn. Nếu người bỏ lại muốn lãng quên thật sự, vẫn còn có lửa đốt thôi.

XIV

BÚP TÓC VÀNG

Tôi phải nhanh lên thôi. Tôi đã thấy kết thúc rồi, lập lòe sáng tím xa phía trước, cứ như một nhà trọ bên đường, trong đêm đen, giữa màn mưa. Một thứ nhà trọ “cơ hội cuối cùng” thời hậu chiến, không câu hỏi, không tên nào trong sổ lễ tân là thật, tiều tụy trải trước. Văn phòng chẳng đầy đèn Giáng sinh cũ nhấp nháy; đằng sau một dãy buồng âm u tím tím bên nhau, gối ngòn ngọt mùi mốc sương. Cột bơm xăng mặt tròn xoe trước cổng. Nhưng chẳng có xăng, đã cạn từ mấy thập niên nay rồi. Đây là nơi ta dừng lại.

Kết thúc, một nơi trú ẩn ấm áp làm sao. Một nơi dừng nghỉ. Nhưng tôi vẫn chưa đến đó, mà tôi đã già nua mệt mỏi, lại đi bộ, chân tập tễnh. Lạc trong rừng, chẳng có sỏi trắng rải đường, còn dài đặc hiểm nguy đằng trước.

Sói ơi, ta gọi người! Những ma nữ tóc thiên thanh mắt như hổ rằn, ta triệu các người về! Hãy đứng bên ta, trong lúc chúng ta cùng tiến về kết thúc! Hãy nắm những ngón tay viêm khớp run rẩy, hãy dẫn đường ngòi bút bị đen dập dính của ta; hãy đỡ quả tim bị hở động đập thêm chỉ vài ngày nữa, đến khi ta xếp đặt xong xuôi. Hãy làm người bạn đường, người trợ thủ, làm bằng hữu của ta; *lần nữa*, ta phải thêm, bởi chẳng phải chúng ta đã quen thân từ trước?

Vật nào khắc có chỗ này, như Reenie thường nói; hay khi tâm trạng cầu khẩn hơn, với bà Hillcoate, *Hoa nhài có bãi cắt trâu*. Thầy Erskine cũng dạy được tôi vài mảnh hữu ích. Lời khấn cầu các thần Báo oán tía tốt kỹ có thể rất tiện lợi, khi nào cần thiết. Khi vấn đề chính là phải trả thù.

Tôi có tin, lúc đầu, rằng tôi chỉ đòi công lý. Tôi nghĩ lòng mình trong sạch. Chúng ta quả thích đánh giá những động cơ của mình là cao đẹp khi nào chuẩn bị làm điều nguy hại, cho kẻ khác. Nhưng như thầy Erskine còn nhận xét, Eros đeo cung tên không phải vị thần duy nhất bị mù. Justitia là vị thứ hai. Những ông bà thần vừa mù vừa vụng, sử vũ khí sắc bén: Justitia vác cây gươm, cộng thêm dải băng bịt mắt nữa là đủ điều kiện tự chém phải mình.

Người đọc tất nhiên muốn biết trong vở Laura viết những gì. Những vở ấy vẫn còn nguyên như khi nó để lại, buộc dây chun nâu bền, để lại cho người trong rương đi biển của tôi cùng mọi thứ khác. Tôi chẳng sửa đổi gì đâu. Người có thể tự xem lấy. Các trang bị xé không phải do tôi.

Tôi đã đoán sẽ thấy gì, cái ngày tháng Năm sợ hãi năm 1945 ấy? Thú tội hay oán trách? Hay một cuốn nhật ký, chép tường tận các buổi hẹn hò giữa Laura và Alex Thomas? Hẳn rồi, hẳn rồi. Tôi đã gồng mình đợi cú đòn trí mạng. Và đòn đã giáng, dù không phải như tôi tưởng tượng.

Tôi cắt dây, xòe mấy quyển vở ra. Có năm quyển tất cả: *Toán*, *Địa lý*, *Tiếng Pháp*, *Lịch sử*, và *La tinh*. Những cuốn sách trao hiểu biết.

Cô viết như một thiên thần, đấy là nhận xét về Laura, trên bìa sau một trong những bản *Tay sát thủ mù*. Bản in ở Mỹ, theo như tôi nhớ, bìa hoa văn vàng cuộn xoáy: ở đó thiên thần là mặt hàng được ưa chuộng. Thực tình mà nói, thiên thần chẳng viết gì nhiều. Họ chép lại tội lỗi, ghi danh sách đầy hỏa ngục cùng danh sách lên thiên đàng, hoặc hiện ra làm bàn tay lìa khỏi thân, vạch câu cảnh báo lên tường. Hoặc có lúc truyền tin, chẳng mấy khi là tin tốt. *Chúa ở cùng người* chẳng phải là ban phước thuần rỗng.

Công nhận mọi điều trên thì, phải: Laura viết như một thiên thần. Nói cách khác, chẳng viết gì mấy. Nhưng vào thẳng vấn đề

La tinh là cuốn tôi mở trước nhất. Hầu hết các trang còn lại đều trắng; còn vài mép nham nhở chắc do Laura đã xé bài làm cũ đi. Nó để lại một đoạn văn, một bản nó dịch - có tôi trợ giúp, thêm cả sự trợ giúp của tủ sách thư viện ở Avilion - phần kết Quyển 4 *Aeneid* của Virgil. Dido vừa tự đâm mình trên giàn thiêu hay là đài tế nàng xây bằng mọi vật liên quan đến chàng tình lang đã mất tích là Aeneas, chàng đã căng buồm ra khơi để làm tròn định mệnh của mình trong chiến cuộc. Máu chảy đầm đìa như lợn bị chọc tiết, nhưng Dido vật vã mãi chưa chết được. Nàng ta quằn quại đến là nhiều. Thầy Erskine, như tôi còn nhớ, khoái đoạn đó lắm.

Tôi vẫn nhớ cái ngày nó viết. Ánh nắng cuối chiều chiếu qua cửa sổ vào phòng tôi. Laura nằm trên sàn, chân đi tất vung lên trời, cần mẫn chép công

trình cộng tác nguyệt ngoạc của cả hai vào vở.

Nó có mùi xà phòng Ivory, cùng mùi rở gỗ bút chì.

Thế rồi Juno hùng mạnh thấy thương hại những khổ sở lâu dài và chuyển đi khó khăn của nàng bèn phái Iris trên đỉnh Olympus xuống cắt đứt linh hồn khốn khổ ra khỏi cơ thể vẫn đang níu lấy nó. Cái này phải làm vì Dido không chết một cách tự nhiên hay chết dưới tay người khác mà chết vì tuyệt vọng do một thôi thúc điên rồ. Thế nhưng Proserpine vẫn chưa cắt đứt búp tóc vàng trên đầu nàng hay đưa nàng xuống Âm phủ.

Thế là lúc này giữa sương khói dang đôi cánh vàng như hoa nghệ tây kéo theo sau lưng ngàn màu sắc cầu vồng lấp lánh trong nắng Iris bay xuống và bay lượn bên trên Dido mà bảo:

Theo lệnh cho ta ta mang theo vật thiêng này của chính Thần Chết và ta giải thoát người khỏi cơ thể người.

Rồi tất cả sức ấm ngừng đột ngột và sự sống của nàng biến mất.

“Sao cô ta lại phải cắt một món tóc đi?” Laura hỏi. “Cái cô Iris đó?”

Tôi chẳng nghĩ ra nổi. “Chỉ là một nhiệm vụ của cô ấy thôi,” tôi nói. “Như kiểu lễ vật gì đấy.” Tôi đang rất hài lòng phát hiện ra mình cũng trùng tên với một nhân vật trong truyện, chứ không chỉ đặt theo tên một loài hoa như tôi vẫn nghĩ trước giờ. Mô típ đặt tên thực vật, cho lũ con gái, rất là thịnh ở đẳng nhà mẹ tôi.

“Làm thế giúp Dido thoát khỏi cơ thể mình,” Laura nói. “Cô ấy không muốn sống thêm nữa. Làm thế chấm dứt nỗi khổ của cô ấy, vậy đó là việc nên làm. Có phải không?”

“Chắc là phải,” tôi đáp. Tôi không mấy quan tâm đến những điểm luân lý tinh tế như vậy. Trong thơ ca có rất nhiều chuyện kỳ khôi. Cố gắng cho ra nghĩa chả ích gì. Nhưng tôi cũng tự hỏi Dido có tóc vàng không; tôi thấy có vẻ nàng ta thuộc típ tóc nâu hơn, luận từ các phần còn lại.

“Thần Chết là ai? Sao ông ta lại muốn món tóc?”

“Nói chuyện tóc thế đủ rồi,” tôi nói. “Chúng mình xong bài tiếng La tinh rồi. Giờ làm nốt bài tiếng Pháp nhé. Thầy Erskine giao quá nhiều bài, hôm nào cũng thế. Nghe đây: *Il ne faut pas toucher aux idoles: la dorure en reste aux mains.*”

“Thế này được không, đừng có dính vào thần thánh giả, sẽ bị dây sơn vàng đây hai bàn tay?”

“Có nói gì đến sơn đâu.”

“Nhưng nghĩa câu đấy thực sự là vậy mà.”

“Em biết thầy Erskine rồi đấy. Lão ấy đâu có thêm biết nghĩa là gì đâu.”

“Em ghét lão Erskine. Em ước cô Hung Dữ quay lại với mình.”

“Chị cũng thế. Chị ước mẹ quay lại với mình.”

“Em cũng thế.”

Thầy Erskine chẳng đánh giá cao mấy bài dịch tiếng La tinh của Laura. Khắp cả bài đều vạch bút chì đỏ.

Miêu tả cách nào đây vững chắc khổ lúc này tôi lút chìm vào? Tôi không làm được, nên sẽ không cố thử.

Tôi lật qua mấy cuốn kia. *Lịch sử* bỏ trống, chỉ trừ cái ảnh Laura dán vào đó - ảnh nó và Alex Thomas trong buổi picnic nhà máy cốc, ở đây cả hai đều tô vàng nhạt, có bàn tay xanh lam cắt rời của tôi bỏ lại gần từ bên kia thảm cỏ. *Địa lý* chả có gì ngoài đoạn miêu tả ngắn về Cảng Ticonderoga thầy Erskine giao làm. “Thị trấn cỡ trung này đặt ở hợp lưu sông Louveteau và sông Jogues và nổi tiếng vì ngu ngốc đá cùng các thứ khác,” là câu đầu tiên Laura viết. *Tiếng Pháp* đã bỏ hết những trang tiếng Pháp. Thay vào đó là danh mục những từ kỳ quái Alex Thomas bỏ lại trong góc mái nhà chúng tôi, mà - như giờ tôi phát hiện - Laura chẳng hề đem đốt.

Anchoryne, berel, carchineal, diamite, ebonort... Một ngôn ngữ lạ, phải, nhưng là một ngôn ngữ tôi đã học cách hiểu, hiểu hơn tôi từng bao giờ hiểu tiếng Pháp.

Toán có một cột số dài, vài số ngang hàng có chữ. Mất vài phút tôi mới nhận ra là những số gì. Đây là ngày tháng. Ngày đầu tiên trùng với ngày chúng tôi từ châu Âu về, ngày cuối khoảng chừng ba tháng trước khi Laura rời nhà đến Bella Vista. Còn chữ thế này:

Avilion, không. Không. Không. Sunnyside. Không. Thượng Đô, không. Không. Hoàng hậu Mary, không không. New York, không. Avilion. Không lúc đầu.

Thủy Nữ Tinh, X. “Phải bả”.

Về lại Toronto. X.

X. X. X. X.

O.

Tất cả câu chuyện là thế. Mọi thứ đã rõ. Tất cả đã sờ sờ đó từ lâu, ngay trước mắt tôi đây. Làm sao tôi lại mù đến thế?

Vậy là không phải Alex Thomas. Chẳng bao giờ là Alex. Alex, đối với Laura, ở trong một chiều không gian khác.

THẮNG LỢI ĐẾN RỒI ĐI

Xem xong sổ vở của Laura, tôi bỏ lại vào ngăn để tất. Đi đâu gì cần biết đã biết, nhưng đi đâu gì cần chứng tỏ chẳng có cách nào chứng tỏ. Chừng đó đã rõ.

Nhưng không chỉ có một đường tới thành La Mã, như Reenie vẫn nói. Nếu không đi thẳng được, hãy đi vòng.

Tôi đợi qua đám tang, rồi đợi thêm tuần nữa. Tôi không muốn hành động quá hấp tấp. cần tắc vô áy náy, Reenie vẫn thường nói thế nữa. Châm ngôn này cũng không mấy đáng tin: quá nhiều lúc cần lắm vẫn áy náy như thường.

Richard đi công chuyện ở Ottawa, đi công chuyện rất quan trọng ở Ottawa. Đảng trên có thể sẽ đặt vấn đề ông ta lấp lửng thế; mà nếu không phải bây giờ thì cũng chóng thôi. Tôi báo ông ta, cả Winifred nữa, là tôi sẽ nhân dịp này mang hộp bạc chứa tro của Laura về Càng Ticonderoga. Tôi cần đi rải tro, tôi báo, cần coi sóc việc khắc tên lên bệ tượng đài dòng họ Chase nữa. Rất đàng hoàng đúng mực.

“Đừng nghĩ là lỗi tại mình,” Winifred nói, hy vọng tôi sẽ nghĩ đúng như thế - nếu tôi nhận lỗi về mình, sẽ chẳng còn thời giờ đổ lỗi sang ai khác. “Có nhiều thứ không đáng ôm ấp mãi.” Nhưng chúng ta vẫn ôm ấp chúng. Ta chẳng làm thế nào khác được.

Tiền Richard lên đường xong, tôi cho người làm nghỉ buổi tối. Tôi sẽ trông coi cả nhà, tôi nói. Gần đây tôi càng lúc càng hay làm vậy - tôi thích ở một mình trong nhà, với mỗi Aimee, khi nó ngủ - nên ngay cả Murgatroyd vợ cũng không ngờ vực gì. Khi trời êm bể lặng rồi tôi hành động thật nhanh. Tôi đã lén lút gói ghém qua từ trước - hộp nữ trang, mấy tấm ảnh, cuốn *Cây lưu niên trồng vườn đá* - và bây giờ chỉ soạn nốt phần còn lại. Quần áo, dù tất nhiên không lấy hết; vài món cho Aimee, dù tất nhiên cũng không phải cả. Tôi nhét những gì nhét được vào rương đi biển, ngày xưa từng là rương hũ môn của tôi, cùng cái va li đồng bộ. Người của hãng

đường sắt tới mang đi, như tôi đã hẹn ước. Rồi tới hôm sau, tôi thản nhiên gọi tắc xi tới ga Thống Nhất với Aimee, chỉ mang theo hai túi đồ nhẹ, và chẳng ai hay biết.

Tôi có viết thư để lại cho Richard. Tôi nói xét những việc ông ta đã làm - những việc giờ tôi đã biết ông ta có làm - tôi không bao giờ muốn nhìn mặt ông ta nữa. Nương nhẹ các tham vọng chính trị của ông ta tôi sẽ không đòi ly dị, dù tôi có thừa bằng chứng những hành vi cầu thủ của ông ta trong tập vở của Laura, tất cả - tôi nói dối - đã gửi trong két bảo mật ngân hàng. Nếu ông ta còn nuôi ý đồ vươn bàn tay tanh tưởi tới Aimee, tôi nói thêm, thì tốt nhất là nên từ bỏ ý định, vì khi đó tôi sẽ gây một vụ xì căng đan kinh thiên động địa cho xem, và tôi cũng sẽ làm thế nếu các điều kiện tiền bạc đưa ra không được đáp ứng. Cũng không nhiều lắm: tôi chỉ cần đủ tiền mua một căn nhà nhỏ ở Cảng Ticonderoga, cũng như bảo đảm chăm sóc cho Aimee. Nhu cầu của chính tôi sẽ có cách giải quyết riêng.

Tôi kết thư *Trân trọng*, và vừa liếm mép phong bì, vừa tự hỏi không biết chữ *cầu thủ* viết thế hiểu được không.

Mấy ngày trước khi rời Toronto, tôi đã kiếm ra Callista Fitzsimmons. Chị ta đã thôi sự nghiệp điêu khắc, giờ chuyên đi vẽ bích họa. Tôi tìm thấy chị ta ở một công ty bảo hiểm - ở trụ sở chính - nơi chị ta vừa giành được một đơn hàng. Đóng góp của phụ nữ trong thời chiến, đề tài là thế - đề tài lỗi thời, vì chiến tranh đã qua rồi (và, dù cả hai chúng tôi còn chưa biết, sắp được tô lên một màu nâu xám nhằm tẻ an hòa.)

Chị ta được dành cho cả một bức tường. Ba nữ công nhân, mặc đồ bảo hộ, nhòe cười can đảm, thoăn thoắt làm bom; một cô lái xe cứu thương; hai cô gái nông trang xách cuốc với sọt cà chua; một người đàn bà mặc quân phục đang đập bàn phím máy chữ; ở một góc, bị đẩy dạt một bên, có bà mẹ mặc tạp dề đang lấy ổ bánh trong lò ra, bên cạnh hai đứa trẻ đứng nhìn tán thưởng.

Nhìn thấy tôi Callie rất ngạc nhiên. Tôi chẳng hề báo trước mình sắp đến: tôi chẳng muốn chị ta trốn mất. Chị ta đang trông nhóm thợ sơn, tóc bịt

khăn buộc cao trên đầu, quần ka ki, giày thể thao, sỏi chân đi lại, tay đút túi và điều thuốc dính vào môi dưới.

Chị ta có nghe tin Laura chết, chị ta đọc thấy trên báo - cô gái đáng yêu quá đỗi, ngày nhỏ lạ thường làm sao, thật đến là tiếc. Sau các màn chào đầu đó, tôi trình bày lại những gì Laura nói, và hỏi có đúng vậy không.

Callie phần nộ ra trò. Chị ta ném ra chữ *bố láo*, liên hồi kỳ trận. Đúng thế, Richard đã ra tay cứu trợ cái lúc chị bị bọn Đội tiểu Đỏ nắm cổ vì khiêu khích, nhưng chị ta vẫn nghĩ đấy chỉ là ông ta coi như việc trong nhà, vì tình xưa nghĩa cũ thôi. Chị ta chối chưa từng nói gì với Richard, về Alex hay gã cọng hay cảm tình viên nào đi nữa. Bố láo quá sức! Họ là bạn chị cơ mà! Còn Alex thì, ừ, ban đầu chị ta có đỡ đỡ anh ta chút đỉnh, khi anh ta đang bối rối quá chừng, nhưng rồi thì anh ta biết tẩm tích, ấy là còn nợ chị ta ít tí ền chứ, và dùng một cái đã nghe nói anh ta ở Tây Ban Nha rồi. Làm thế nào chị ta rò rỉ chỗ anh ta trú được, nếu chính chị ta cũng không biết là đâu?

Chẳng kết quả gì. Có thể Richard đã nói dối Laura, như đã nói dối tôi một trăm chuyện khác. Mặt khác cũng có thể chính là Callie nói dối. Nhưng đằng nào thì, tôi nghĩ chị ta sẽ nói gì khác đây?

Aimee không thích sống ở Càng Ticonderoga. Nó đòi bố. Nó đòi cuộc đời đã quen thuộc với nó, trẻ con vẫn vậy. Nó đòi lại phòng mình. Chúng ta ai chẳng thế.

Tôi giải thích cho nó bây giờ sẽ phải ở đây ít lâu. Lẽ ra không nên nói là *giải thích*, vì có giải thích gì đâu. Có lời nào tôi nói có thể soi tỏ chút ý nghĩa nào, cho đứa trẻ lên tám?

Càng Ticonderoga giờ đã khác nhiều; cuộc chiến đã mở đường về tận đây. Vài nhà máy đã mở cửa lại, trong thời gian xung đột - đã có đàn bà mặc đồ bảo hộ làm kíp nổ - nhưng bây giờ lại lục tục đóng cửa. Có thể rồi sẽ chuyển sang sản xuất hàng hóa thời bình, một khi xác định được chắc chắn những người lính hồi hương muốn mua gì, cho những mái nhà và gia đình mới hiển nhiên họ sắp dựng nên. Trong lúc đó thì người người thất nghiệp, và không khí chung là cứ chờ xem.

Cũng có nhiều khoảng trống. Elwood Murray không còn đi đâu hành tòa báo nữa: ông ta sắp làm một dòng tên mới sáng loáng trên Đài tưởng niệm chiến tranh, sau khi vào thủy quân rồi tìm đường nổ banh xác. Buồn cười là ở thị trấn có những người nói là “bị chết”, có người khác lại “tìm đường vào chỗ chết”, cứ như đây là một cử chỉ vụng về hay thậm chí là hành vi cố ý dù có phần vụng văt - gần như là chủ định lựa chọn nữa, như tìm chỗ cắt tóc. *Hóc bánh quy* là chữ đang thịnh gần đây trong thị trấn, tất nhiên chỉ ở miệng đàn ông. Không thể không tự hỏi họ nghĩ đến lò bánh của ai đấy.

Ron Hincks cùng Reenie không được xếp vào số những kẻ lố ngớ quàng đường chết. Anh thì người ta nghiêm trang nói đã tử trận ở Sicily, cùng một đội lính quê Càng Ticonderoga đã gia nhập Trung đoàn hoàng gia Canada. Reenie được nhận tiền tuất, nhưng ngoài ra chẳng có gì mấy, và chị cho thuê một phòng trong căn nhà nhỏ tí; thêm nữa chị vẫn làm trong Quán điểm tâm Betty, dù luôn mồm bảo đến chết vì cái lưng mất thôi.

Nhưng rốt cuộc chẳng phải vì cái lưng, như tôi sắp sửa được biết. Mà là cặp thận, và chúng hoàn tất công việc sáu tháng sau khi tôi trở lại. Nếu cô đang đọc đến đoạn này, Myra, tôi muốn cô biết đây là đòn rụng rời giáng xuống tôi. Tôi đã trông cậy có chị ở bên - chẳng phải trước giờ vẫn vậy sao? - và rồi, thoát cái, chị không còn nữa.

Và rồi chị lại ở bên, mỗi lúc một nhiều, nếu không thì chuỗi bình phẩm thường trực bên tai tôi là giọng ai cơ chứ?

Tôi có ghé lại Avilion, tất nhiên. Chuyển thăm ấy thật tang thương. Khuôn viên bỏ phế cả, vườn tược cỏ dại mọc tràn; nhà kính đổ nát, các phiến kính vỡ vụn, cây cối héo quắt nguyên trong chậu. Mà từ thời chúng tôi đã có mấy cây như vậy rồi. Đôi nhân sư gác cửa mình vạch đây chữ thuộc thể loại *John yêu Mary*; một con ngựa chổng chơ. Ao tiên nữ đá nghệt ứ cỏ chết và cỏ dại. Cô nàng tiên nữ thì vẫn đứng, tuy có mất vài ngón tay. Nhưng nụ cười thì vẫn y như cũ: xa xôi, bí ẩn, dừng dừng.

Tôi chẳng cần đập cửa mới vào được nhà: Reenie lúc ấy vẫn còn sống, chị vẫn còn giữ cái chìa giấu lén. Ngôi nhà trông thật tồi tàn: đâu cũng thấy

bụi bặm và phân chuột, ván sàn đã xỉn vì nhiều vết ố, không biết cái gì thối ra. Tristan và Iseult vẫn còn trên cao nhìn xuống phòng ăn trống trải, dù cây đàn trong tay Iseult đã trúng thương, và một hai con én làng đã xây tổ trên cửa sổ giữa. Nhưng bên trong không có dấu tích phá phách nào: hơi hám tiếng tăm nhà Chase, dù khó nhận thấy, vẫn thoảng quanh nhà, và chắc còn lẫn quất đâu đó ánh hào quang đã phôi pha của quy ền lực và tì ền của.

Tôi đi một vòng quanh nhà. Mùi mốc sương đâu đâu cũng thấy. Tôi ngó qua thư viện, đầu Medusa vẫn ngự trị trên bệ sưởi. Cả bà ngoại Adelia cũng ở yên chỗ, dù có vẻ đã ỉu đi: nét mặt bà giờ đây có vẻ tinh ranh hí hửng, tuy kì ền chế. Rốt cuộc, cháu cá là bà có mèo mỗ quanh đây, tôi nghĩ với bà. Cháu cá bà có một cuộc sống thứ hai. Cháu cá nó nâng đỡ bà sống tiếp.

Tôi tìm bới trong đồng sách, tôi kéo từng ngăn bàn. Trong một ngăn có hộp cúc mẫu từ thời ông nội Benjamin: những viên xương trắng đã biến thành vàng trong bàn tay ông, vẫn là vàng suốt bao nhiêu năm, nhưng giờ đã trở lại là xương trắng.

Trên gác mái tôi thấy cái tủ Laura chắc đã xây cho mình, sau khi đi khỏi Bella Vista: chặn lấy trong hòm để đồ, chặn đắp đệm từ giường dưới nhà lên - tất sẽ lộ tẩy tức thì nếu có kẻ đến đây tìm nó. Còn có vài vỏ cam đã khô, có một lõi táo. Như thường lệ nó chẳng hề nghĩ phải dọn dẹp khi đi. Giấu trong tủ ly ván gỗ là bị đồ linh tinh nó nhét vào đó, cái mùa hè *Thủy Nữ Tinh*: bộ đồ trà bạc, chén đĩa sứ, thìa khảm chữ đầu tên. Cái kẹp hạt dẻ hình cá sấu, hột khuy măng sét xà cừ lẻ chiếc, cái bật lửa hồng, giá lọ gia vị thiếu lọ giấm.

Tôi sẽ quay lại, tôi tự nhủ, lấy thêm sau.

Richard không đích thân xuất hiện, dấu hiệu tội lỗi (theo tôi đọc ra). Thay vào đó ông ta phái Winifred tới. “Cô mất trí rồi à?” là phát pháo mở đầu. (Diễn ra bên bàn ở Quán điểm tâm Betty: tôi không muốn để mụ ta vào ngôi nhà nhỏ tôi thuê, tôi không muốn mụ ta léo hánh gần Aimee chút nào hết.)

“Không,” tôi nói, “và Laura cũng không. Hoặc cũng không đến mức như hai người giả bộ. Tôi biết Richard đã làm gì.”

“Tôi không biết cô nói chuyện gì,” Winifred nói. Mụ ta quăn khăn lông chần ghép nhiều cái đuôi bóng bẩy, và đang gỡ mình khỏi đôi găng tay.

“Tôi đoán là khi lấy tôi ông ta tính đã được món hời - mua một được hai. Ông ta đánh hoa cả cụm, đổi lấy một bài ca.”

“Đừng có nói xuẩn,” Winifred nói, dù trông mụ ta run rẩy. “Richard hoàn toàn trong sạch, Laura có nói gì cũng mặc. Anh ấy sạch trong như tuyết. Cô đã xét đoán lằng lẩn nghiêm trọng. Anh ấy nhờ tôi chuyển lời, anh ấy sẵn sàng bỏ qua vụ... vụ lằng lẩn này của cô. Nếu cô chịu quay về, anh ấy toàn tâm toàn ý muốn tha thứ rồi quên đi.”

“Nhưng tôi thì không,” tôi nói. “Ông ta có thể sạch trong như tuyết, nhưng là thứ tuyết bẩn lấm bùn. Đây hoàn toàn là một thứ khác.”

“Nhỏ giọng thôi,” chị ta khế rít. “Người ta đang nhìn kia kìa.”

“Đằng nào họ chẳng nhìn,” tôi nói, “vì bà ăn mặc như con vẹt Ấn Độ. Chắc bà cũng biết cái sắc xanh đỏ chẳng hợp với bà tí nào, nhất là đến tuổi này. Mà trước giờ vẫn vậy, thật thế. Trông bà như cái túi mật.”

Trúng hòng tâm. Winifred bắt đầu thấy khó đỡ: mụ ta không quen cái mặt độc địa mới mẻ này của tôi. “Vậy thì *chính xác* là cô muốn gì?” mụ ta hỏi. “Không phải vì Richard làm bất cứ chuyện gì sai. Anh ấy chỉ không muốn làm ỉ.”

“Tôi đã bảo ông ta *chính xác* là tôi muốn gì,” tôi đáp. “Tôi đã nói toẹt ra. Và bây giờ thì tôi muốn cái séc.”

“Anh ấy muốn gặp Aimee.”

“Xuống địa ngục mà đòi,” tôi nói, “tôi sẽ không bao giờ cho phép. Ông ta thấy con gái trẻ là nhỏ nước dãi. Bà biết mà, bà vẫn biết từ đầu mà. Tôi mười tám tuổi đã là kịch đường tàu rồi. Ở chung một nhà với Laura thật

đúng là cảm dỗ trời hành, bây giờ tôi mới hiểu. Làm sao ông ta tránh mớ vào nó được. Nhưng ông ta sẽ không có cơ hội quặp vuốt vào Aimee.”

“Cô đừng nói chuyện kinh tởm,” Winifred nói. Giờ mặt ta đã cáu diện r ồi: dưới lớp phấn sáp mặt mặt ta nổi những mảng lở chỗ. “Aimee là con ruột anh ấy.”

Tôi đã suýt nói, “Không phải,” nhưng tôi biết đấy sẽ là nước đi sai lầm. Về mặt luật pháp nó vẫn là con gái ông ta; tôi chẳng có cách nào chứng minh khác đi, người ta vẫn chưa phát minh ra các trò gien giếc h ồi đó. Nếu biết sự thật, Richard sẽ càng sốt sắng muốn bắt Aimee khỏi tay tôi hơn nữa. Ông ta sẽ dùng nó làm con tin, còn tôi sẽ mất hết mọi lợi thế hiện giờ. Đúng là một ván cờ kinh tởm. “Ông ta chẳng từ bất cứ chuyện gì,” tôi nói, “kể cả với Aimee. R ồi ông ta sẽ cấp tốc đẩy nó đến một trại nạo thai ngoài lu ùng nào đó, như đã làm với Laura.”

“Tôi thấy có tiếp tục nói chuyện thêm nữa cũng chẳng đi đến đâu,” Winifred nói, nhặt lấy đôi găng cùng cái khăn và cái ví da bò sát.

Sau chiến tranh, tất cả thay đổi. Thay đổi cả mắt ta nhìn. Sau một h ồi những mảng xám nhiễu lạo xạo không còn nữa. Thay vào đó là ánh sáng rõ giữa trưa: những màu cơ bản, chói lòa, không bóng. H òng rực, lam gắt, đỏ trắng như bóng bãi biển, nhựa xanh lá như huỳnh quang, mặt trời dội xuống chang chang như lu ùng đèn.

Ven ngoại ô các thành phố lớn thị trấn nhỏ, xe ủi hoành hành, cây cối đổ rạp; những hố lớn khoét trúng lòng đất như vừa có bom rơi xuống đây. Phố xá đất bùn lầy lội. Xuất hiện từng thảm đất trơ lớn tướng, trên cắm những cây non lầy bầy: bạch dương rủ là thứ được ưa chuộng. Chẳng chạy đâu tránh khỏi bầu trời.

Lại thấy có thịt, những tảng khối và súc lớn huy hoàng trong cửa kính hàng thịt. Lại có cam và chanh tươi như nắng sớm, có những gò đường, những núi bơ vàng. Người người sáng ăn tối ăn. Họ tọng đầy bụng những thịt thà xanh đỏ tím vàng, những thức ăn xanh đỏ tím vàng trong t ần tay, như sợ không có ngày mai.

Nhưng vẫn có ngày mai, chẳng còn gì khác ngoài cái ngày mai. Chỉ có hôm qua là biến mất.

Bây giờ tôi đã đủ tiền, lấy của Richard và cũng nhờ thừa kế của Laura. Tôi đã mua căn nhà nhỏ. Aimee vẫn còn thù tôi đã lôi nó khỏi cuộc sống cũ sung túc hơn hẳn, nhưng có vẻ nó đã chấp nhận, dù thỉnh thoảng tôi vẫn bắt gặp ánh mắt lạnh lùng: nó đã kịp chấm điểm xấu cho trình độ làm mẹ của tôi. Richard mặt khác lại đang thủ lợi nhờ xa cách, bây giờ trong mắt nó ông ta lấp lánh hơn nhiều, vì không còn giáp mặt gần kề. Tuy nhiên dòng quà tặng tới tập ngày xưa nay chỉ còn rỏ giọt, nên nó cũng chẳng có mấy lựa chọn. Tôi e mình đòi hỏi mức độ khắc kỷ ở nó cao hơn thực có.

Trong lúc đó Richard đang sửa mình đón đợi tấm áo bào lãnh tụ, mà - theo báo chí - đã lơ lửng trong tay. Đúng là tôi có thành trở ngại, nhưng những đàm tiếu về khả năng ly thân đã bị dập im. Tin loan báo nói tôi “sống ở quê”, và có thể tạm tạm cho là ổn, miễn là tôi cứ ở yên đó.

Ngoài tâm tai tôi, bắt đầu trôi nổi những lời đồn khác: rằng tôi thần trí không vững; rằng Richard đang bảo bọc tôi về tài chính, bất chấp đầu óc thất thường của tôi; rằng Richard thật là ông thánh. Vợ điên cũng chẳng hại gì, nếu xử lý đúng cách: chỉ càng tranh thủ thêm thiện cảm của quý phu nhân các bậc đại nhân.

Còn ở Cảng Ticonderoga tôi sống lặng lẽ. Mỗi khi đi đâu, tôi lại vượt qua một biển thần thì nể trọng, miệng lưỡi ngừng khua khi tôi đến gần đủ nghe, đi qua lại rộ lên. Nhận định chung là có chuyện gì đã xảy ra với Richard nữa thì tôi hẳn cũng là bên bị hại. Tôi đã rút phải lá thăm xấu, nhưng vì đời không có công lý và vận may thì hiếm có khó tìm, nên chẳng mong giúp gì được tôi. Đây là trước khi có cuốn sách, cố nhiên.

Thời gian trôi. Tôi làm vườn, tôi đọc sách, ngày qua ngày. Lúc này tôi đã bắt đầu - một cách khiêm tốn, ban đầu bằng vài món trang sức hình muông thú Richard tặng - nghề buôn bán hàng mỹ nghệ cũ rồi đây sẽ giúp ích cho tôi trong những thập kỷ sau. Cuộc sống mang dáng dấp bình thường đã hình thành.

Nhưng nước mắt lặn vào trong người ta sẽ trở ôi. Cũng như ký ức. Cũng như cần lười giữ im. Những đêm trần trọc bất đầu. Tôi không ngủ được.

Về mặt công luận, Laura đã được chôn trên giấy tờ. Thêm vài năm, sẽ như nó chưa bao giờ tồn tại. Lẽ ra mình không nên thêm lặng, tôi tự nhủ. Tôi muốn gì? Chẳng gì nhiều. Chỉ là một đài tưởng niệm tinh thần. Nhưng đài tưởng niệm, nếu xét về bản chất, có là gì đâu ngoài bảng lưu danh những vết thương đã nhận? Đã nhận, trong thù hận. Không có ký ức, chẳng thể có báo thù.

Kẻo chúng ta quên. Hãy nhớ về ta. Tay ta xuôi truyền lại cho người. Tiếng thét của những hồn ma đói.

Chẳng gì khó bằng cố hiểu người chết, như tôi đã thấy; nhưng chẳng gì nguy hiểm bằng tìm cách lừa họ đi.

ĐỒNG ĐÁ NÁT

Tôi gửi bản thảo đi. Thời gian trôi, tôi có thư hồi đáp. Tôi trả lời. Mọi việc tuần tự tiếp nối.

Các bản sách biểu tác giả tới, trước khi phát hành. Trên mép gập bìa áo là mấy dòng tiêu sử cảm động:

Laura Chase viết *Tay sát thủ* mù khi chưa tròn hai mươi tuổi. Đây là tiểu thuyết đầu tay của cô, đáng tiếc thay cũng là cuốn cuối đời, bởi cô đã qua đời trong một tai nạn ô tô thương tâm năm 1945. Chúng tôi tự hào được là người đỡ đầu cho tác phẩm hay sống sót của nhà văn trẻ tài năng này lần đầu tiên ra mắt bạn đọc.

Bên trên là tấm ảnh Laura, in lại khá mờ: trông như bị dính vết ruồi. Tuy nhiên đây cũng là một cái gì.

Khi mới ra, cuốn sách chỉ được chào đón bằng im lặng. Suy cho cùng nó cũng khá mỏng, mà hẳn nhiên không thuộc hàng bán chạy; và dù được hoan nghênh trong giới phê bình ở New York và Luân Đôn, nó chẳng gây mấy tiếng vang ở đây, lúc đầu. Rồi đám hủ nho vội lấy nó, tiếp đến đám giáo sĩ hăng tiết và diễn đàn mẹ già thị trấn hòa theo, và đất bằng biết thế nào là sóng nổi. Một khi bày ruồi bầu xác thối đã dò la về ngu ồn - Laura là cô em dâu quá cố của Richard - chúng sa vào câu chuyện như mở đại tiệc. Richard, tới lúc này, đã tích lũy kha khá kẻ thù chính trị. Ai nấy bắt đầu ăn bóng nói gió.

Giả thiết Laura tự tử, lúc trước đã được dập tắt hữu hiệu, nay lại trỗi lên. Chuyện trò râm ran, không chỉ ở Cảng Ticonderoga mà cả trong những phòng khách quan trọng. Nếu đúng là thế, thì lý do? Rồi một cú điện nặc danh - thử nghĩ xem có thể là ai? - và cái tên phòng khám Bella Vista xuất hiện. Lời chứng của một nhân viên cũ (được một tòa báo, theo đồn, thù lao hậu hĩnh) dẫn đến cuộc điều tra toàn diện những hành vi ám muội diễn ra ở đó, kết thúc là mảnh sân sau được xới tung và cả tòa nhà đóng cửa. Tôi tò mò xem kỹ các bức ảnh: đây xưa là biệt thự của một đại gia ngành gỗ trước

khi thành bệnh viện, và nghe đồn phòng ăn có vài cửa sổ kính màu khá đẹp, dù không đẹp bằng Avilion.

Còn có ít thư từ qua lại giữa Richard và tay giám đốc là đặc biệt tác hại.

Thỉnh thoảng Richard cũng hiện ra trước mắt tôi, trong tâm tưởng hay trong mơ. Ông ta màu xám, nhưng óng ánh sắc cầu vồng, như vầng dều trên mặt vũng nước. Ông ta lờ mắt nhìn tôi. Thêm một con ma hồn oán.

Ngay trước khi báo đăng tin ông ta chính thức rút khỏi chính trường, tôi có điện thoại ông ta gọi đến, lần đầu từ khi bỏ đi. Ông ta nổi điên, lại cũng cuống cuồng lên. Ông ta đã được báo sau vụ bê bối mình không còn được coi là hạt giống cho hàng ngũ lãnh đạo nữa, và bây giờ những nhân vật quyền chức đều không nghe điện thoại của ông ta. Ông ta đã bị tẩy chay. Ông ta đã bị chơi quyết. Tôi làm việc này là cố tình, ông ta nói, tôi muốn hại đời ông ta.

“Việc gì?” tôi hỏi. “Đời ông đâu có sao. Ông vẫn còn rất giàu.”

“Cái quyển sách đó!” ông ta nói. “Cô cố tình phá hoại! Cô phải trả chúng nó bao nhiêu, mới in được cái của đó? Tôi không tin Laura lại đi viết thứ bẩn thỉu - thứ rác rưởi như thế!”

“Ông không muốn tin,” tôi nói, “bởi ông đã phải bả con bé. Ông không thể đối mặt với khả năng suốt cuộc đàn dứu nhỏ nhỏ, như nhục của ông với nó thì nó đã ra vào giường một người khác - một người nó yêu, chứ không phải như ông. Hay ít nhất tôi đoán là cuốn sách nói thế - phải không?”

“Đấy là cái thằng cọng ấy, phải không? Cái thằng con hoang chó đẻ - hôm picnic!” Richard hẳn phải rối loạn lắm: thông thường ông ta chẳng mấy khi vắng tục.

“Tôi biết sao được?” tôi nói. “Tôi đâu có rình mò nó. Nhưng tôi dềng ý, mọi chuyện chắc bắt đầu từ hôm picnic.” Tôi không cho ông ta biết đã có hai buổi picnic có mặt Alex: một có Laura, và một buổi khác, một năm sau, không có nó, sau hôm tôi gặp phải Alex trên phố Queen. Buổi picnic ăn trứng luộc.

“Nó làm thế vì ác ý,” Richard nói. “Nó chỉ muốn trả đũa tôi.”

“Thế thì có gì ngạc nhiên,” tôi nói. “Chắc nó phải ghét ông lắm. Sao lại không? Ông cũng gần như cưỡng hiếp nó còn gì.”

“Không phải thế! Tôi chẳng làm gì mà không được nó chấp thuận!”

“Chấp thuận à? Ông gọi như thế à? Tôi thì sẽ gọi là hăm dọa.”

Ông ta đập máy cắt lời tôi. Đây là truyền thống gia đình. Trước đó khi gọi tôi chửi bới, Winifred cũng làm đúng như thế.

Rồi Richard mất tích, và rồi được phát hiện trên chiếc *Thủy Nữ Tinh*, - ờ, mọi chuyện đó thì ai cũng biết rồi. Chắc ông ta đã lên vào thị trấn, lên vào khuôn viên Avilion, lên lên thuyền, để trong nhà thuyền - tiện thể nói thêm, chứ không neo ở cầu tàu như báo viết. Đây là che đậy: cái xác trên thuyền đang dong thì bình thường, nhưng trong nhà thuyền thì khá kỳ quái. Winifred chắc không muốn người ta nghĩ Richard đã tẩu hỏa nhập ma.

Vậy thực sự đã xảy ra chuyện gì? Tôi không rõ. Một khi ông ta được tìm thấy, Winifred lập tức nắm quyền kiểm soát, và kéo bức màn hợp lý phủ lên mọi sự. *Đột quỵ* là giải thích của mẹ ta. Tuy nhiên khi phát hiện, cuốn sách nằm cạnh khuỷu tay ông ta. Chừng đó thì tôi biết, chính mình Winifred nói khi gọi điện trong hoảng loạn. “Làm sao mà lại có thể đối xử với anh ấy như thế?” mẹ ta nói. “Mày tàn phá sự nghiệp chính trị của anh ấy, rồi mày tàn phá nốt những kỷ niệm của anh ấy về Laura. Anh ấy yêu nó! Anh ấy tôn thờ nó! Anh ấy không thể chịu đựng nổi khi nó chết!”

“Tôi mừng được biết ông ta có thấy hối hận,” tôi lạnh lùng đáp. “Còn như lúc đó thì tôi không nhận thấy có chút nào cả.”

Winifred đổ lỗi cho tôi, tất nhiên. Sau đó là chiến tranh tổng lực. Mẹ ta làm điếu ác nhất có thể nghĩ ra nổi. Mẹ ta bắt Aimee.

Chắc là con đã được dạy phúc âm theo Winifred. Theo lời mẹ kể, tôi hẳn là một đứa nát rượu, du đãng, lang chạ, một thứ mẹ vô trách nhiệm. Dần dà về sau hẳn mẹ còn tặng thêm danh hiệu mẹ già gắt gỏng, mẹ phù thủy bại

não, mẹ sẽ buồn đờng nát. Tuy nhiên tôi cá chẳng bao giờ mẹ bảo con rằng tôi đã sát hại Richard. Nếu muốn nói thế, mẹ sẽ phải giải thích mẹ nghĩ ra cái đó từ đâu.

Đờng nát là hơi quá lời. Quả tôi có mua rẻ bán đắt - đã lặn lưng vào đờc có ai không làm thế? - nhưng mắt tôi tinh tường và tôi chưa bao giờ cắt cổ ai. Quả có thời kỳ tôi uống thâu ngày đờm - tôi thừa nhận - nhưng đấy là sau khi Aimee bị bắt mất. Còn về phần đờn ông, cũng đã có đờm ba người. Chẳng bao giờ là vì tình yêu, là băng bó theo thời vụ thì đờng hơn. Tôi khi ấy bị cắt lìa khỏi mọi thứ xung quanh, chẳng vươn tới ai, chẳng với tới gì đờc; cùng lúc ấy tôi lại thấy mình đã bị cợ đờn trở thệt. Tôi cần tìm an ủi trong một cơ thể khác.

Tôi tránh bất kỳ ai trong giới mình trước kia, dù cũng có vài kẻ đờn, như ru ỉ giấm, ngay sau khi đờn hơi ra tình trạng cô quạnh và chắc là rữa nát của tôi. Đờm người đó rất có thể do Winifred xúi tới, và hẳn là đờng vậy. Tôi chỉ lựa chọn trong số người lạ, chộp ngang đờng xâm nhập vào các thị trấn và thành phố lân cận tìm kiếm những thứ giờ đờc gọi là *hàng đờc*. Tôi chẳng bao giờ nói tên thật. Nhưng sự dai đờng của Winifred, cuối cùng, cũng thắng tôi. Mẹ ta chỉ cần đờng một người, và mẹ ta đã có. Những tấm ảnh cửa phòng nhà nghỉ, đi vào, đi ra; chữ ký giả trong sổ lễ tân; lời chứng của tay chủ, không từ chối món ti ờn. *Bà vẫn có thể cãi ra tờa*, luật sư của tôi nói, *nhưng theo tôi thì không nên. Chúng ta sẽ cố giành quyền thăm nom, chỉ có thể hy vọng chừng đó. Bà đã trao vũ khí vào tay chúng và chúng tội gì không sử dụng*. Ngay cả ông ta cũng đờn giá thấp tôi, không vì đạo đức suy bại mà vì hành xử vụng về.

Richard đã chọn Winifred làm người giám hộ Aimee trong di chúc, thêm cả làm người ủy nhiệm duy nhất của quỹ ủy thác không hờnh ký dành cho Aimee. Vậy là mẹ ta có thêm cái đờ ủng hộ mình nữa.

Còn cuốn sách thì, Laura chẳng viết lấy một chữ. Nhưng đi ờu đó chắc cũng có thể đờn đờc từ trên r ỉ. Chính tôi đã viết, trong những tối dài đờn đờc, quãng thời gian chờ Alex trở về, và r ỉ cả về sau, khi đã biết anh sẽ chẳng về. Lúc đó tôi không nghĩ mình đờn viết - chỉ là viết lại. Những

gì tôi nhớ, cả những gì tôi tưởng tượng, vì đó cũng là sự thực. Tôi chỉ nghĩ mình đang ghi chép. Một bàn tay cắt lìa thân, bò ngang mặt tường.

Tôi muốn có đài tưởng niệm. Tất cả bắt đầu như thế. Dành cho Alex, nhưng cũng cho cả tôi.

Từ chuyện đó sang lấy Laura đứng tên tác giả chỉ có một bước. Có thể coi tôi làm thế là do hèn nhát, hoặc là nhụt chí - tôi chưa bao giờ ham hứng luồng đèn. Hoặc chỉ là cẩn trọng - đặt tên tôi là bảo đảm mất Aimee, mà đằng nào tôi cũng mất sau này. Nhưng nghĩ lại thì đấy chỉ là lẽ công bằng, bởi nói Laura chẳng viết lấy một chữ thì cũng không phải. Theo nghĩa đen thì đúng là thế, nhưng xét mặt khác - Laura ắt sẽ gọi là mặt tâm linh - có thể nói nó là người cộng sự với tôi. Tác giả thật sự chẳng phải tôi cũng không phải nó: năm đấm không chỉ là tổng số các ngón tay.

Tôi còn nhớ Laura, cái ngày lên mười hay mười một, ngồi ở bàn ông nội, trong thư viện Avilion. Tờ giấy để trước mặt, nó đang mải mê tính toán vị trí thiết triêu trên Thiên đình. “Giê su ngồi bên tay phải Thiên Chúa,” nó nói, “thế thì ai ngồi bên tay trái?”

“Có thể Chúa không có tay trái,” tôi nói cốt để trêu nó. “Tay trái là bàn tay xấu, nên người không có tay trái chẳng hạn. Hoặc có thể tay trái người bị cụt trong chiến tranh.”

“Chúng ta được tạo ra theo hình ảnh Chúa,” Laura nói, “mà ta có tay trái, nên Chúa cũng phải có chứ.” Nó nghiền ngẫm sơ đồ vừa vẽ, gặm đuôi bút chì. “Em biết rồi!” nó nói. “Chắc là bàn hình tròn! Thế nên ai cũng ngồi bên tay phải tất cả những người khác, sau khi đi một vòng.”

“Và ngược lại,” tôi nói.

Laura là bàn tay trái của tôi, và tôi là tay trái nó. Chúng tôi viết chung cuốn sách này. Đây là một cuốn sách thuận tay trái. Chính vì thế một trong hai chúng tôi luôn khuất mặt, dù có nhìn từ hướng nào.

Khi bắt đầu kể câu chuyện về cuộc đời Laura - cũng là cuộc đời mình - ta còn chưa nghĩ ra mình viết làm gì, hay là hình dung ai sẽ đọc, khi nào xong.

Nhưng bây giờ ta đã hiểu rồi. Chính là viết cho con, Sabrina yêu quý, bởi con là người - người duy nhất - cần đến lúc này.

Giờ Laura không còn là người như con tưởng lúc trước, cả con cũng không còn là người như con tưởng trước đây. Đây có thể là cú sốc, mà cũng có thể là giải thoát. Chẳng hạn như, con chẳng có họ hàng gì với Winifred, với Richard cũng không. Trong người con chẳng có một giọt Griffen nào hết: về mặt này con hoàn toàn trong sạch. Ông ngoại thực của con là Alex Thomas, còn cha của anh là ai, cái đó thì vô cùng. Giàu hay nghèo, ăn mày hay ông thánh, một nắm quốc gia bản quán, một chục bản đồ xé đi, một trăm ngôi làng cháy rụi - tùy con chọn. Di sản ông cho con là địa bàn vô tận mở ra cho phỏng đoán. Con có quyền tùy ý tái tạo mình.

TAY SÁT THỦ MÙ

BẠT: BÀN TAY KIA

Cô có một tấm ảnh duy nhất chụp anh, rửa đen trắng. Cô giữ gìn tấm ảnh cẩn thận, vì đấy gần như là tất cả những gì còn lại về anh.

Ảnh chụp hai người với nhau, cô với người ấy, hôm picnic. Chữ *Picnic* viết ở mặt sau - không có tên anh hay tên cô, chỉ là *picnic*. Tên hai người cô biết, không phải viết vào.

Họ đang ngồi dưới gốc cây; chắc là cây táo. Cô mặc váy xòe dẫm lại quanh gối. Hôm đó trời nóng. Đưa tay khua trên tấm ảnh, cô vẫn còn cảm thấy hơi nóng dâng lên.

Anh đội mũ màu sáng, che khuất một phần khuôn mặt. Cô xoay nửa người lại phía anh, mỉm một nụ cười cô không nhớ có dành thêm cho ai từ dạo ấy. Trong ảnh trông cô rất trẻ. Anh cũng đang cười, nhưng tay lại giơ ra giữa mình và ống kính, như muốn chặn nó lại. Như muốn chặn lại cô, trong tương lai, nhìn lại họ. Như che chắn cho cô. Giữa các ngón tay có một đầi mẫu thuốc lá.

Mỗi khi ngồi một mình cô lại lấy tấm ảnh ra, đặt trên mặt bàn, nhìn chăm chăm. Cô xem kỹ từng chi tiết: những ngón tay anh sạm khói, nếp áo quần hai người trắng xóa, những quả táo xanh đung đưa trên cây, cỏ đang tàn ở tiền cảnh. Nụ cười của cô.

Ảnh đã bị cắt; một phần ba tấm bị cắt bỏ. Ở góc dưới bên trái có một bàn tay, vết kéo cắt ngay cổ tay, đặt trên mặt cỏ. Đây là bàn tay của người kia, người vẫn luôn có mặt trong ảnh dù thấy hay không. Bàn tay sẽ chép lại mọi đi ều.

Tại làm sao mình lại ngu ngơ thế? cô tự hỏi. Đ ần độn thế, mù lòa thế, mặc kệ bất cẩn thế? Nhưng nếu không ngu ngơ, không bất cẩn, ta còn sống làm sao? Nếu người ta biết có gì sắp xảy ra, nếu người ta biết hết mọi đi ều sắp xảy ra - nếu người ta biết trước các hậu quả của từng hành động - đấy là

xong đời. Người ta thành ra bỏ đi, chẳng khác gì Chúa. Người ta sẽ thành tảng đá. Sẽ không còn ăn hay uống hay cười, hay dậy khỏi giường mỗi sáng. Sẽ không còn yêu ai, mãi mãi về sau. Sẽ không còn dám.

Chìm đắm cả rồi - cả cây nữa, trời, gió và mây. Tất cả những gì còn lại bên cô là tấm ảnh. Và câu chuyện đi theo tấm ảnh.

Tấm ảnh ghi lại niềm hạnh phúc, câu chuyện thì không. Hạnh phúc là một khu vườn vách kính: chẳng có đường vào hay ra được. Trên Thiên đàng không có những câu chuyện, vì chẳng có hành trình. Chỉ có mất mát tiếc thương sâu khổ và khao khát mới đẩy câu chuyện tiến lên, trên con đường khuất khúc.

SỬ DIỆP VÀ TINH KỲ CẢNG TICONDEROGA, 29 THÁNG NĂM 1999 IRIS CHASE GRIFFEN, MỘT QUÝ BÀ ĐÁNG TRỌNG Myra Sturgess

Bà Iris Chase Griffen đã đột ngột tạ thế thứ Tư tuần trước, thọ 83 tuổi, trong nhà mình ở Cảng Ticonderoga. “Bà ra đi rất bình an, khi đang ngồi trong vườn sau nhà,” bà Myra Sturgess, một người bạn lâu năm của gia đình cho biết. “Cũng không quá bất ngờ, bởi bà đang mang bệnh tim. Bà là một nhân vật quan trọng cũng như cột mốc lịch sử đáng kể, bà rất tuyệt vời so với độ tuổi của mình. Chúng tôi sẽ rất nhớ bà và hẳn nhiên bà sẽ để lại những kỷ niệm dài lâu.”

Bà Griffen là chị gái nữ tác giả danh tiếng người thị trấn là Laura Chase. Bên cạnh đó bà còn là con gái Đại úy Norval Chase, chắc chắn sẽ được thị trấn ghi nhớ lâu dài, và cháu nội ông Benjamin Chase, người sáng lập Công ty công nghiệp Chase, đã mở Nhà Máy Cúc cùng nhiều cơ sở khác. Thêm vào đó, bà là vợ ngài Richard E. Griffen quá cố, nhà công nghiệp và chính trị gia lừng danh, cũng như chị dâu bà Winifred Griffen Prior, nhà hảo tâm Toronto vừa qua đời năm ngoái, để lại quỹ từ thiện thưởng hào phóng cho trường trung học thị trấn ta. Gia đình còn lại cháu gái bà là Sabrina Griffen, cô vừa về nước và nghe đồn sắp tới thị trấn lo liệu công việc cho bà ngoại. Chắc chắn cô sẽ được chào đón nồng nhiệt và được chúng ta giúp đỡ hết sức mình.

Thế theo nguyện vọng của bà Griffen, đám tang sẽ được cử hành riêng tư, tro hài cốt táng ở đài tưởng niệm dòng họ Chase ở nghĩa trang Mount Hope. Tuy nhiên sẽ có một lễ tưởng niệm tổ chức ở nhà nguyện nhà tang lễ Jordan lúc 15h thứ Ba tới, ghi nhận công đức lâu năm của gia đình Chase, tiếp đến là tiệc nhẹ ở nhà Myra và Walter Sturgess, hoan nghênh mọi người tới dự.

NGƯỠNG CỬA

Hôm nay trời mưa, mưa xuân ẩm áp. Không trung sáng ửng như dạ quang. Tiếng nước qua ghềnh dội lên tràn qua vách đá - dội như gió nhưng chẳng làm gì lay động, như dấu sóng trên mặt cát.

Tôi đang ng ỡ bên bàn gỗ hiên sau, dưới bóng mái chĩa, phóng tầm mắt suốt dải vườn bời bời cây cối. Chiêu sắp tà. Hoa lộc đại đang nở, hoặc tôi đoán là hoa lộc; tôi nhìn không rõ. Chỉ thấy xanh xanh, lấp lánh títt đằng kia cuối vườn, ánh lân tinh như tuyết dưới bóng râm. Trong các luống hoa m ầm cây chen nhau tr ỗi lên, như đầu bút sắp màu, tía, thanh thiên, đỏ. Hương đất ẩm cùng lộc non phả qua tôi, ướt và trơn truội, thoảng vị chua gắt như vỏ cây. Mùi thanh xuân, mùi tim vỡ.

Tôi đã quần khăn kín mình: tối nay trời ẩm so với mùa, nhưng tôi không thấy đây là ẩm, chỉ thấy vắng đi cái lạnh. Tôi nhìn thấu toàn thế giới từ đây - đây là quang cảnh vụt hiện trước mắt khi cưỡi trên đầu sóng, một khắc trước khi ngọn kế nhẩn ta chìm: trời mới trong, biển mới xanh, cái chung cục mới thật là tuyệt đối.

Bên khuỷu tay là ch ồng giấy tôi đã tiếp cho dày, cật lực, tháng này qua tháng khác. Khi đã xong - khi tôi đã viết xong trang cuối - tôi sẽ lôi mình khỏi ghế này mà l ần vào bếp, mò mẫm bới tìm một sợi chun hay mẫu dây hay ruy băng cũ. Tôi sẽ buộc xấp giấy lại, nhấc nắp rương đi biển và đẩy cả bó rơi vào trên mọi thứ bên trong. Nó sẽ nằm đấy đợi con trở về sau những viễn du, nếu con có trở về Viên luật sư giữ chìa, đã hướng dẫn cặn kẽ.

Ta phải thừa nhận mình vẫn thường mơ tưởng về con.

Một đêm sẽ nghe tiếng gõ cửa và ngoài cửa là con. Con sẽ mặc đồ đen, sẽ cõng cái ba lô nhỏ lữ trẻ bây giờ mang thay xác tay thưở trước. Trời sẽ có mưa, cũng như tối nay, nhưng con không c ầm ô, con khinh thường ô; người trẻ vẫn thích phơi đầu mình cho thiên nhiên hành hạ, vì nghĩ thế mới tươi mát. Con đứng trên hiên, giữa qu ầng đèn ẩm ướt; mái tóc đen bóng

của con ướt nhẹp, bộ quần áo đen sũng nước, những giọt mưa long lanh trên mặt và trên quần áo con như kim sa.

Con sẽ gõ cửa. Ta sẽ nghe. Ta sẽ ì ạch đi ra sảnh, ta mở cửa. Trái tim ta sẽ nhảy lên xao xuyến; ta sẽ nhìn xối vào con, rồi nhận ra con: bảo bối của ta, đi đầu ước cuối cùng còn lại của ta. Ta sẽ nghĩ trong bụng mình chưa từng thấy ai đẹp đẽ đường này, nhưng sẽ không nói ra; ta không muốn con nghĩ ta đã hóa dại. Rồi ta sẽ đón con vào, sẽ dang hai tay, sẽ hôn con lên má, hôn phớt thôi, vì buông thả mình là không đứng đắn. Ta sẽ nhỏ ít nước mắt, nhưng chỉ vài giọt, vì tuổi già hạt lệ như sương.

Ta sẽ mời con vào nhà. Con sẽ vào. Ta khuyên các cô gái trẻ không nên làm thế, bước qua ngưỡng cửa một nhà như nhà ta, trong có một kẻ như ta - một bà già, một bà cao tuổi, sống một mình trong túp nhà hóa thạch, tóc như mạng nhện cháy, quần mảnh vườn ngập những cây cỏ dại gì có Chúa biết. Những sinh vật kiêu ấy bốc mùi lưu huỳnh: có thể con còn thấy hơi khiếp sợ. Nhưng con cũng sẽ hơi bất chấp, như mọi đàn bà trong họ nhà mình, thế nên con vẫn sẽ vào. *Bà ơi*, con sẽ nói; và một chữ ấy sẽ hóa giải phận vô thừa nhận của ta.

Ta sẽ đặt con ngồi bên bàn, giữa các thìa gỗ và vòng canh tết, cùng cây nến chẳng bao giờ tắt. Con sẽ run, ta sẽ lấy khăn con lau, ta sẽ mang chân quần con ấm, ta sẽ pha con ca cao.

Rồi ta sẽ kể con nghe câu chuyện. Ta sẽ kể con nghe câu chuyện này: chuyện con đến chốn này, ngồi trong bếp nhà ta, nghe câu chuyện ta kể từ lâu lắm. Nếu có phép màu nào khiến đi đầu đó xảy ra, sẽ chẳng cần núi giấy nhàu nhò này nữa.

Còn ta thì muốn gì ở con? Không phải tình yêu: như thế là đòi hỏi quá nhiều. Tha thứ cũng không, cái đó không thuộc quyền con quyết định. Chỉ muốn một người nghe thôi, có lẽ: chỉ muốn một người sẽ thấy ta thôi. Nhưng cũng đừng phỉnh cho ta đẹp, dù con có làm gì khác: ta chẳng mong làm cái sọ được trang hoàng.

Nhưng ta đặt mình trong tay con. Ta còn có lựa chọn nào? Nếu ta có ở đâu, khi con đọc trang cuối cùng này, thì chính là ở đó.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn tới: trợ lý đặc lực của tôi là Sarah Cooper; hai người nghiên cứu khác là A. S. Hall và Sarah Webster; giáo sư Tim Stanley; Sharon Maxwell, quản lý văn khố thuộc Cunard Line Ltd., thư viện St. James, London; Dorothy Duncan, giám đốc đi đầu hành Hội sử học Ontario; Văn khố Hudson's Bay/Simpsons, Winnipeg; Fiona Lucas, Spadina House, Hội di sản Toronto; Fred Kemer; Terrance Cox; Katherine Ashenburg; Jonathan F. Vance; Mary Sims; Joan Gale; Don Hutchison; Ron Bernstein; Loma Toolis và đồng nghiệp ở Bộ sưu tập khoa học viễn tưởng, giả tưởng và kỳ ảo Merrill, Thư viện công Toronto, và Janet Inksetter ở Annex Books. Những người đọc bản thảo đầu là Eleanor Cook, Ramsey Cook, Xandra Bingley, Jess A. Gibson và Rosalie Abella. Các đại diện của tôi là Phoebe Larmore, Vivienne Schuster, Diana Mackey; các tổng biên tập, Ellen Seligman, Heather Sangster, Nan A. Talese, Liz Calder. Bên cạnh đó là Arthur Gelgoot, Michael Bradley, Bob Clark, Gene Goldberg và Rose Tomato. Và Graeme Gibson cùng gia đình tôi, như mọi lần.

Xin trân trọng cảm ơn những người đã cho phép in lại các tác phẩm đã xuất bản sau:

Đề từ:

Ryszard Kapuściński, *Shah of Shahs*: bản quyền 1982, Ryszard Kapuściński, người dịch William R. Brand và Katarzyna Mroczowska-Brand, Harcourt Brace Jovanovich, 1985. In lại có sự cho phép của tác giả.

Dòng khắc trên bình tro tượng truyền của Zashtar, một nữ quý tộc nhỏ (khoảng 210-185 trCN), chuyển dẫn theo TS. Emil F. Swardward trong "Mộ văn di vật gồm thời Carthage", *Cryptic: The Journal of Ancient Inscriptions*, tập VII, số 9, 1963.

Sheila Watson: trích *Deep Hollow Creek*, bản quyền 1992, Sheila Watson. In lại có sự cho phép của McClelland & Stewart Inc.

Lời nhại các bài hát dựa vào:

“The smoke goes up the chimney just the same”. Dân ca.

“Smokey moon”. Lời G. Damorda, nhạc Crad Shelley. In lại có sự cho phép của người giữ bản quyền.

“Stormy weather”. Lời Ted Koehler, nhạc Harold Arlen. In lại có sự cho phép của người giữ bản quyền.

Bản tường thuật chuyến xuất hành của tàu *Hoàng hậu Mary* trích từ “Đi tìm tính ngữ” của J. Herbert Hodgins. *Mayfair*, tháng Bảy 1936. (Maclean Hunter, Montreal.) In lại có sự cho phép của Rogers Media và Southam Inc.

[1] Quan tổng trấn Judea. Khi yêu cầu đám đông lựa chọn giữa Jesus và Barabbas để tha bổng một người trong dịp Lễ Vượt qua, thấy đám đông đòi hành hình Jesus trái với ý nguyện của chính ông, Pilatus đã “lấy nước rửa tay trước mặt đám đông mà nói: ‘Ta vô can trong vụ đổ máu người này.’” (Tân ước, Mát Thêu 27:24)

[2] Lãng vảng (loiter), hiểu là “lang thang lâu ở một địa điểm công cộng” bị coi là tội hình sự trong một số điều kiện cụ thể ở Canada, Mỹ, Úc.

[3] Nhại Jesus lập phép thánh thể trong bữa tiệc ly: “Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy.” (Tân ước, Lu Ca 22:19)

[4] Tước hiệu của hoàng tử thứ hai trong Hoàng gia Anh, ở đây là vua George V sau này.

[5] Câu thơ trong bài “Hoa thủy tiên” của Wordsworth.

[6] Flapper, từ chỉ những phụ nữ “thời đại Jazz” ở Mỹ, cắt tóc tẹt, mặc váy ngắn, thường bị coi là khinh thường các chuẩn mực xã hội.

[7] Tiếng Pháp: Thân ai nấy lo, hồn ai nấy giữ.

[8] “Giá tuổi trẻ có trí, giá tuổi già có lực” - Estienne; “Điêu tôi sợ nhất là nỗi sợ” - Montaigne; “Trái tim có những lý lẽ mà Lý lẽ không hiểu được” - Pascal; “Lịch sử, cái mụ già quá khích và giả dối” - de Maupassant. “Đừng chạm vào thần tượng: lớp vàng sẽ ở lại tay anh” - Flaubert. “Chúa trở thành con người, đã vậy. Quỷ trở thành đàn bà” - Victor Hugo.

[9] “Xúc xắc đã gieo”, theo nhà sử học Suetonius là lời Julius Caesar khi dẫn quân vượt sông Rubicon, phá vỡ luật lệ lâu đời của La Mã cấm làm việc đó. Hàm ý việc đã bắt đầu, không thể ngăn lại hay đảo ngược được.

[10] Bài thơ Catullus viết cho người tình Lesbia: “Tôi yêu và tôi hận / Hỏi tại vì sao? / Không biết, nhưng nó đến / Và tôi đón đau.”

[11] Tiếng La tinh: Ngay giữa Arcadia cũng có ta, thường dùng theo nghĩa ngay giữa chốn thần tiên cũng có dấu vết của cái chết.

[12] Tiếng Pháp: Không có trâu bắt chó kéo cày.

[13] Thánh John Tẩy Giả, ngôn sứ báo hiệu và người rửa tội cho Jesus, bị bỏ ngục vì làm mất lòng vua Herod. Salome con gái vua do bị xúi giục đã xin vua cái đầu ông đặt trên mâm, khiến ông tử đạo.

[14] Ở xứ lạnh, người ta thường rải muối lên đường đi trong mùa đông giá để hạn chế đóng băng.

[15] Xuất phát từ lời dân Do Thái trách cứ Moses: “Con cái Israel nói với các ông: ‘Phải chi chúng tôi chết bởi tay Đức Chúa trên đất Ai Cập, khi còn ng ồi bên n ồi thịt và ăn bánh thỏa thuê. Nhưng không, các ông lại đưa chúng tôi ra khỏi đó mà vào sa mạc này, để bắt chúng tôi phải chết đói cả lũ ở đây!’” (Cựu ước, Xuất hành, 16:3); sau thành ản dụ chỉ cảm đồ xác thịt.

[16] “Red Squad”, tên gọi các đơn vị tình báo cảnh sát Mỹ chuyên nhằm chống lại các nhóm xã hội, chính trị đối lập (công đoàn, cộng sản, vô chính phủ...) từ đầu thế kỷ 20 đến cuối thập kỷ 1970. Những đơn vị tương tự cũng được thành lập ở Canada vào khoảng thập kỷ 30, tuy chỉ có đơn vị thuộc cảnh sát Toronto sử dụng tên gọi “Red Squad”.

[17] Ám chỉ câu chuyện Peter ba lần chối không nhận là đồ đệ Jesus trước khi gà gáy hai lần.

[18] “Excelsior”, khổ thơ đầu: “Đêm chớp mắt bốn bề phủ xuống / Giữa làng bên triền núi Alpes / Chàng trẻ tuổi lội qua tuyết giá / Giương một từ xa lạ trên cờ: / Excelsior!” Excelsior, tiếng La tinh, có thể hiểu là “Cao hơn nữa!”

[19] Hóa trang của diễn viên da trắng đóng giả người da đen, trên sân khấu phương Tây thời trước.

[20] “Bước xuống sẽ đi lên”: trích từ một lời cầu nguyện truyền thống trong Thanh giáo: “Hãy cho con học bằng nghịch lý, rằng bước xuống sẽ đi lên... rằng đáy thung lũng là nơi nhìn rõ nhất... Hãy cho con tìm được ánh sáng Người trong bóng tối của con, sự sống của Người trong cái chết của con.” “Con gì sáng đi bốn chân”: câu đố của Oedipus với nhân sư trong *Oedipus làm vua*. “Thức ăn xuất tự người dùng”: câu đố của Samson trong Cựu ước, Thăm phán 14:14.

[21] Ferdinando Nicola Sacco và Bartolomeo Vanzetti bị xử tử tại Mỹ năm 1927 vì tội giết người cướp của, nhưng nhiều người cho rằng bản án có động cơ chính trị nhằm vào phái vô chính phủ.

[22] Nhại câu trong “Người thủy thủ già” của Samuel Taylor Coleridge.

[23] Trong vở *Đêm thứ mười hai* của Shakespeare: “Ôi người đẹp, nàng đi về đâu thế? / Nghỉ chân nghe, tình lang sắp tới gần / Cất tiếng hát vút cao rồi rừ rừ / Diễm kiều ơi, xin hãy dừng chân. / Hành trình hết khi người yêu hội ngộ / Ấy người người đầu tạc dạ ghi tâm.”

[24] Cảnh Lucifer bị Chúa trời ném xuống địa ngục trong *Thiên đường đã mất* của John Milton.

[25] Tiếng La tinh: Lỗi tại tôi (câu trong kinh Thú Nhận, thường đọc trong lễ Mi xa Công giáo, nhưng đã thành phổ biến trong đời thường).

[26] “Kubla Khan”, 1797 của Samuel Taylor Coleridge viết trong lúc say thuốc phiện, được coi là một trong những tác phẩm tiêu biểu của văn học Lãng mạn Anh. Coleridge đọc về Thượng Đô, hành cung mùa hè của Hốt Tất Liệt, trong sách của Marco Polo dưới tên Xanadu.

[27] Nhà hoạt động và lý thuyết gia của chủ thuyết vô chính phủ Mỹ đầu thế kỷ 20.

[28] Xỏ dép mềm và hút tẩu sau giờ ăn tối là một trong những hình ảnh đặc trưng của đời sống trưởng giả nhân bản Anh.

[29] Thơ Emily Dickinson, “Một gã hẹp người trong cỏ”, khổ cuối: “Nhưng chẳng bao giờ gặp gã / Có hay không ai đi cùng / Mà không rùng mình nín thở / Nhận ra số không trong xương.”

[30] Nhại câu chuyện về Cain sau khi giết em trai Abel: “Đức Chúa phán với Cain: ‘Abel em người đâu rồi?’ Cain thưa: ‘Con không biết. Con là người giữ em con hay sao?’ ” (Cựu ước, Sáng thế ký, 4:9)

[31] Vòng cổ cho bé gái, mỗi năm xỏ thêm một viên, một phong trào của các nhà giàu phương Tây.

[32] Tiếng Pháp: Hợp chuẩn.

[33] Trung tâm tài chính Toronto, cũng như phố Wall ở New York.

[34] Biểu tượng của Anh, Ireland và Scotland.

[35] Phát biểu của thủ tướng Anh Chamberlain ngày 30/9/1938 ngay sau khi ký kết Hiệp ước Munich và Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau giữa Anh và Đức.

[36] Đường dây điện thoại chung cho nhiều hộ gia đình, tất cả những người nối vào cùng lúc đều có thể nghe được mọi người khác đang dùng điện thoại.

Table of Contents

Start

I

CÂY CẦU

NGÔI SAO TORONTO, 26 THÁNG NĂM 1945 NGHI VẤN
ĐẶT RA TỬ CÁI CHẾT TRONG THÀNH PHỐ Bản tin độc
quyền

TAY SÁT THỦ MÙ. TÁC GIẢ LAURA CHASE. NXB
Reingold, Jaynes & Moreau, New York, 1947

II

TAY SÁT THỦ MÙ: QUẢ TRÚNG LUỘC

ĐỊA CẦU VÀ TIN THỦ, 4 THÁNG SÁU, 1947 ĐÃ TÌM THẤY
GRIFFEN TRONG THUYỀN Bản tin độc quyền

TAY SÁT THỦ MÙ: GHẾ ĐÁ CÔNG VIÊN

NGÔI SAO TORONTO, 25 THÁNG TÁM, 1975 CHÁU GÁI
NỮ VĂN SĨ GẶP NẠN Bản tin độc quyền

TAY SÁT THỦ MÙ: THẨM DỆT

ĐỊA CẦU VÀ TIN THỦ, 19 THÁNG HAI 1998

TAY SÁT THỦ MÙ: TRÁI TIM VẼ SƠN

BẢNG TIN HỘI GIA ĐÌNH - TRƯỜNG HỌC - CỰU HỌC
SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC ĐẠI TÁ HENRY PARKMAN,
CẢNG TICONDEROGA, THÁNG NĂM 1998. SẮP TRAO
GIẢI TƯỢNG NIỆM LAURA CHASE Myra Sturgess, Phó chủ
tịch Hội cựu học sinh

III

BUỔI PHÁT THƯỞNG

CÁI HỘP BẠC

NHÀ MÁY CÚC

AVILION

CỬA HỒI MÔN

MÁY QUAY ĐĨA

NGÀY LÀM BÁNH

NHỮNG CHIẾC NƠ ĐEN

LY XÔ ĐA

IV

TAY SÁT THỦ MÙ: QUÁN CÀ PHÊ
SỨ ĐIỆP VÀ TINH KỲ CẢNG TICONDEROGA, 16 THÁNG
BA 1933 CHASE ỦNG HỘ CÔNG CUỘC CỨU TRỢ Elwood
R. Murray, tổng biên tập

TAY SÁT THỦ MÙ: GA GIƯỜNG CHENILLE
TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 5 THÁNG MƯỜI HAI 1934 HƯỞNG
ỦNG NGÀI BENNETT Bản tin độc quyền

TAY SÁT THỦ MÙ: SỨ GIẢ
TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 15 THÁNG MƯỜI HAI, 1934 QUÂN
ĐỘI DẠP YÊN BẠO ĐÔNG ĐÌNH CÔNG Cảng Ticonderoga,
Ontario

TAY SÁT THỦ MÙ: BẦY NGỰA BAN ĐÊM
MAYFAIR, THÁNG NĂM 1935 CHUYỆN VĂN BAN TRƯA
TORONTO York

TAY SÁT THỦ MÙ: CÁI CHUÔNG ĐỒNG

V

CHIẾC ÁO LÔNG
NGƯỜI LÍNH MỎI
CÔ HUNG DŨ
BIẾN HÓA CỦA OVID
BUỔI PICNIC NHÀ MÁY CÚC
NGƯỜI BAN TẶNG BÁNH MÌ
ẢNH TÔ MÀU
HẦM LẠNH
GÁC MÁI
PHÒNG HOÀNG ĐẾ
VƯỜN ARCADIA
ĐIỆU TANGO

VI

TAY SÁT THỦ MÙ: VẾT CA RÔ NANH SÓI
TAY SÁT THỦ MÙ: KIM TUYẾN ĐỎ
NGÔI SAO TORONTO, 28 THÁNG TÁM 1935 NỮ SINH
THƯỢNG LƯU ĐÃ ĐƯỢC TÌM THẤY AN TOÀN Bản tin độc
quyền

TAY SÁT THỦ MÙ: ĐI PHỐ
TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI GÁC CỔNG
MAYFAIR, THÁNG HAI 1936 CHUYỆN VĂN BAN TRƯA
TORONTO York
TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI HÀNH TINH TRÊN BĂNG

VII

RỪNG ĐI BIỂN
HỒ LỬA
BUỒN THIẾP GỬI TỪ CHÂU ÂU
CÁI MŨ VỎ TRÚNG
PHẢI BỎ
SUNNYSIDE
THƯỢNG ĐÔ

VIII

TAY SÁT THỦ MÙ: NHỮNG CÂU CHUYỆN ĂN THỊT
MAYFAIR, THÁNG BẢY 1936 ĐI TÌM TÍNH NGŨ J. Herbert
Hodgins
TAY SÁT THỦ MÙ: CÁC ĐÀO NỮ TRÊN HÀNH TINH AA-A
TIN THƯ VÀ ĐẾ CHẾ, 19 THÁNG CHÍN 1936 GRIFFEN
CẢNH BÁO THẢM HỌA ĐỎ Ở TÂY BAN NHA Bản tin độc
quyền
TAY SÁT THỦ MÙ: QUÁN NUỐNG MŨ QUẢ DƯA

IX

ĐỒ GIẶT
CÁI GẠT TÀN
NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐẦU BỐC LỬA
THỦY NỮ TINH
CÂY DỄ

X

TAY SÁT THỦ MÙ: NGƯỜI THẦN LẦN TRÊN HÀNH TINH
XENOR
MAYFAIR, THÁNG NĂM 1937 CHUYỆN VĂN BAN TRƯA
TORONTO York
THƯ GỬI TỪ BELL AVISTA
TAY SÁT THỦ MÙ: NGỌN THÁP

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 26 THÁNG NĂM 1937 HUYẾT CỬU
ĐỎ Ở BARCELONA Paris. Bản tin độc quyền.
TAY SÁT THỦ MÙ: GA THỐNG NHẤT

XI

NGĂN VỆ SINH
CON MÈO CON
PHONG CẢNH ĐẸP
SÁNG LUNG LINH VÀNG TRẮNG
QUÁN ĐIỂM TÂM BETTY
LỜI NHẮN

XII

ĐỊA CẦU VÀ TIN THƯ, 7 THÁNG MƯỜI 1938 GRIFFEN
TÁN DƯƠNG HIỆP ƯỚC MUNICH Bản tin độc quyền
MAYFAIR, THÁNG SÁU 1939 PHONG CÁCH VƯƠNG GIẢ
TẠI TIỆC VƯỜN HOÀNG GIA Cynthia Fervis
TAY SÁT THỦ MÙ: PHÒNG GIẢ HÁT
TAY SÁT THỦ MÙ: RÈM CỬA MÀU VÀNG
TAY SÁT THỦ MÙ: BỨC ĐIỆN
TAY SÁT THỦ MÙ: NGÀY TÀN CỦA SAKIEL-NORN

XIII

GẶNG TAY
LỬA NHÀ MÌNH
BÁNH KEO DIANA
“ESCARPMENT”

XIV

BÚP TÓC VÀNG
THẮNG LỢI ĐẾN RỒI ĐI
ĐỒNG ĐÁ NÁT

XV

TAY SÁT THỦ MÙ BẠT: BÀN TAY KIA
SỨ ĐIỆP VÀ TINH KỲ CẢNG TICONDEROGA, 29 THÁNG
NĂM 1999 IRIS CHASE GRIFFEN, MỘT QUÝ BÀ ĐÁNG
TRONG Myra Sturgess
NGUỒN CỬA

LỜI CẢM ƠN

Table of Contents